

NGHIÊM MINH

mìệng thế gian



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

miệng
thế
gian

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN DO THU VIỆN KHTH TP.HCM THỰC HIỆN
General Sciences Library Cataloging-in-Publication Data

Nghiêm Minh

Miệng thế gian / Nghiêm Minh ; Họa sĩ Nhớp minh họa. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015.

552 tr. ; 20 cm. - (Kiến thức thanh niên).

1. Thành ngữ. 2. Tiếng Việt -- Thành ngữ. 3. Tục ngữ -- Việt Nam. I. Ts.
1. Idioms. 2. Vietnamese language -- Idioms. 3. Proverbs, Vietnamese.

398.95922 -- ddc 23

N568-M66

NGHIÊM MINH

miệng
thế
gian

N HÀ XUẤT BẢN TRẺ

Lời tựa

Thời gian cứ thế trôi đi, rồi mọi cái, cả những cái giá trị, đều có thể bị vùi lấp, bị quên lãng, nhất là với những giá trị văn hóa phi vật thể. Chữ nghĩa – dấu ấn một thời của một dân tộc, nếu không biết lưu giữ, cũng sẽ chung số phận, chính là mối quan tâm vậy.

Sưu tầm, kê cứu, chọn lựa trong kho tàng chữ nghĩa dân gian để giới thiệu những ngôn từ mới với độc giả, chính là mục đích giản dị của người biên soạn *Miệng thế gian*.

Gần 855 mục từ ngữ, thành ngữ, ca dao, tục ngữ xuất hiện và đi vào cuộc sống trong trên dưới 100 năm qua (chưa có trong các sách kê cứu tiếng Việt như *Từ điển tiếng Việt* (NXBKHXH, 1989), *Từ điển thành ngữ Hán – Việt*, *từ điển Hán – Việt* (NXB TP.HCM, 1989), *Tiếng lóng Việt Nam* (NXBKHXH, 2001), *Tâm nguyên từ điển* (Nhà sách Khai Trí, 1968), *Tụt vị tiếng Việt miền Nam* (NXB Văn hóa, 1993), *Từ điển thành ngữ Việt Nam* (NXB Văn hóa, 1992)... được giới thiệu trong *Miệng thế gian*. Cả những lời rao hàng, những bài đồng dao, những lời hát dân gian cải biên, phổ biến rộng rãi và có ảnh hưởng

sâu rộng trong xã hội cũng được “gạn lọc khơi trong”, giới thiệu.

Đặc biệt, mỗi mục từ trong *Miệng thế gian* không chỉ nói về ngữ nghĩa, mà còn kê cứu (tầm nguyên) xuất xứ, bổ khuyết những sự kiện, điển tích, điển cố có liên quan cho rõ nghĩa, cùng nhiều tranh, hình ảnh sự kiện gắn với xuất xứ ngôn từ.

Để giúp tra cứu, hệ thống, cũng như theo dõi thuận lợi, dễ dàng, các mục từ của *Miệng thế gian* được sắp xếp theo thứ tự A, B, C.

Hy vọng *Miệng thế gian* có thể góp phần nhỏ làm phong phú thêm tiếng nước nhà.

Nghiêm Minh

A

1. A - Z (A đến Z)

Theo lẽ thường thì A – Z chỉ dẫn sự sắp xếp các mẫu tự trong bảng chữ cái của hệ La tinh, mà chữ A đứng đầu tiên và cuối cùng là chữ Z. Tiếng Việt có 24 mẫu tự, trong đó không có chữ J và chữ Z. A – Z cũng để chỉ sự sắp xếp các mục từ của một cuốn tự điển. Nhưng vào khoảng những năm 80 của thế kỷ trước, khi mà các loại “ôm” đua nhau mở ra, bia ôm đi đầu tiên, rồi cắt tóc (thanh nữ) ôm, karaoke ôm... thì cụm từ A – Z lại được chính các ông chủ bà chủ các quán này sử dụng để giới thiệu với “Thượng đế”, rằng quán tôi cái gì cũng có, muốn gì cũng chiều... Kể cả muốn có em làm... vợ tạm... cũng xong.

Riết rồi thành quen, các đấng mày râu hễ muốn rủ nhau đi tò te tí tết, cũng ngắn gọn là đi từ A đến Z.

2. Adam và Eva



Adam và Eva là đôi nam nữ đầu tiên do Thượng đế tạo ra. Và lúc đó họ chưa có manh quần, tấm

áo nào mà mặc. Họ cũng chưa biết gì. Chỉ khi ăn trái cẩm, họ mới biết xấu hổ và tìm cái che thân. Hiểu theo kiểu của 8x, 9x bây giờ, nam nữ không mặc gì, *truồng* ở với nhau, được gọi là Adam – Eva. Có điều khác so với 2 người đầu tiên xuất hiện trên trái đất kia, chính là họ biết rõ về việc mình đang làm, có ý thức tận hưởng trái cẩm.

3. Ai lấy tôi lấy ngay...

Thời kỳ mới tiếp quản Hà Nội, cán bộ, bộ đội đa phần từ chiến khu về, thấy gì cũng lạ, thậm chí những tiếng rao hàng nghe cũng rối não, lạ lung. Có anh cứ đứng ngắn ra nghe ông bán bánh bò lâu lâu lại rao: “*Bánh bò*”, rồi anh cười khục khục trong họng và nói: Ông này ông ấy điên, cứ hát mãi một câu! Nhiều người nghe rao nghe chẳng những chẳng hiểu gì mà có khi còn thấy sờ sợ. Ai đã từng sống ở Hà Nội những năm 1954 – 1960, thì không thể nào quên những lời rao mà người ta đã ráp lại:

Ai lấy tôi lấy ngay?

Nào tớ!

Giết anh đi!

Khí bà phủ...

Thực ra đó là các món ăn chơi Hà Thành: Bánh trôi bánh chay/tào phở(tàu hũ đường)/ tiết canh/ và chè mà phủ (chè mè đen).

4. Ai vô xứ Nghệ...

Đường vô xíu Nghệ

quanh quanh

*Non xanh nước biếc nhu
tranh hoạ đồ*

(Ca dao)

Trong suốt nhiều thập niên, khoảng từ 1960 đến 1980, dân Nghệ An ra sinh sống ở Hà Nội ngày một nhiều. Cũng dễ hiểu thôi, “đất lành chim đậu” mà. Và cũng khoảng thời gian đó câu ca dao trên được thêm cái đuôi:

*... Ai vô xứ Nghệ thì vô
Riêng choa choa cứ thủ đô
choa mần.*

5. Ami xinh tươi

Ami, tiếng Pháp nghĩa là “người bạn”, “*Ami xinh tươi*” là từ ngữ xuất hiện từ những năm 1960, ở

Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội, sau lan rộng trong giới sinh viên để chỉ những nữ sinh xinh đẹp, và những người bạn gái của các chàng.

6. An toàn trên xa lộ

Các xa lộ có giới hạn lối ra vào như ngày nay xuất hiện trong nửa đầu thế kỉ 20. Đường công viên Longsland khánh thành năm 1958 là đường có giới hạn lối ra vào đầu tiên trên thế giới.

Ở Việt Nam xa lộ Biên Hoà có chiều dài 30km chạy từ Sài Gòn lên đến Biên Hoà do Mỹ làm, được khởi công từ 1959-1961 thì hoàn thành. Năm 1984 xa lộ được đổi tên thành xa lộ Hà Nội nhân kỉ niệm 30 năm giải phóng Hà Nội.

Xa lộ Đại Hàn là cách gọi dân gian cho đoạn quốc lộ 1A từ ngã 3 Thủ Đức đến ngã 3 An Lạc, Bình Tân đi qua địa phận thành phố HCM và tỉnh Bình Dương dài 43,1 km được quân đội Hàn Quốc xây dựng năm 1969-1970

Câu "An toàn trên xa lộ" xuất xứ ở Sài Gòn từ khoảng những năm 1965-1966, thời gian mà

mẫu xe Suzuki được nhập vào Việt Nam. Lúc này Suzuki được dân gian nói "An toàn trên xa lộ, thanh lịch trong thành phố, tiện lợi khi vào ngõ hẻm và nhất là làm cho bà xã hài lòng vì nó bền chắc. Đó là chiếc xe Suzuki!" (Nguyên văn câu quảng cáo trên đài phát thanh Sài Gòn lúc đó).

Tuy nhiên với dân gian Việt Nam thì an toàn trên xa lộ lại là 1 câu đối thoại có nghĩa là "cứ yên tâm không phải lo, mọi việc đều trôi chảy"

7. Anh bộ đội cho em xin...

Ở một tỉnh miền núi phía Bắc, những năm trước 1975, có noi ra giếng (công cộng) tắm, nhưng quên xà phòng (xà bông), các nường vẫn "truồng ô", lại gặp lúc mấy anh bộ đội đang giặt quần áo, nường bèn đứng chéo chân che chỗ bí mật mà rằng: *Anh bộ đội cho em xin tí xà phòng*.

Cho tới bây giờ, chỉ cần đứng chéo chân và đọc câu trên là người ta cũng có thể hiểu người mình muốn ám chỉ là dân tinh nào.

8. Anh bộ đội vào xơi nước

Những năm 1960 – 1975, phụ nữ một tỉnh Bắc Trung bộ vẫn còn mặc quần không đáy – váy thâm, đang đi đường lở mắc tè thì cứ đứng tại chỗ, chỉ việc tay trước, tay sau nắm hai đầu vạt váy kéo ra như kiểu múa “trông kìa con voi” là xong. Có mệ gấp lúc đoàn bộ đội hành quân qua vẫn tư thế “trông kìa con voi” mà đon đả: “Mời các anh bộ đội vào xơi nước a!”

9. Anh chị = pd

Theo từ điển tiếng Việt, NXB Khoa học Xã hội 1994, thì “anh chị” là những tay dao búa, lưu manh sừng sỏ. Bây giờ thanh niên giải nghĩa: một người vừa anh vừa chị thì chỉ có là pd, là ái nam ái nữ mà thôi!

10. Anh đi công tác...

Có lẽ từ câu thơ Bút Tre đầu tiên: *Anh đi công tác Play/ Cu dài dằng dặc biết ngày nào ra, rồi sau đó người ta chế ra đủ kiểu: Anh đi công tác Buôn Mê/ Thuột xong một cái anh về cùng em...*

Anh đi công tác bản Mường/ Tè xong một cái lên đường về quê...

11. Anh hùng

Trong tiếng nói, chuyện đồng âm dị nghĩa cũng là thường, nhất lại là tiếng nước ngoài, thì chắc chắn nghe vậy mà không phải vậy.

Những năm 60 của thế kỷ 20, tiếng Nga được dạy ở các trường miền Bắc, từ cấp phổ thông cho tới đại học. Rồi cả các trường miền Nam, thời kỳ đầu sau giải phóng. Tiếng này viết đã khó mà phát âm cũng khó, nhiều chữ đọc cứ mài mại như tiếng Việt. Ví như giờ - đờ- rát-xto-vui- che (Здравствуйте), là lời chào, thì mấy trò nhà ta lại nghe ra là: ráp vô ăn chè. Còn ghê – rôi (repoi) là “anh hùng” thì lại nghe ra là ghê ruồi. Mà thời chống Mỹ, ở miền Bắc, sinh viên, học sinh đi sơ tán, lạ nước, lạ cái thường ghê lở tùm lum, và ghê ruồi, nhỏ li ti như muỗi đốt, là phổi biến nhất. Thế là mấy anh đó đều được “phong” anh hùng dù không có chiến công gì.

12. Anh hùng núp

“Núp” ở đây là trốn, là tránh không cho thấy mặt. Còn “anh hùng” là chỉ các anh công an giao thông.

Chẳng hiểu do đâu mà có những anh công an giao thông, thay vì phải có mặt ở những nơi cần thiết để kịp thời hướng dẫn, nhắc nhở người dân chấp hành luật đi đường, thì lại tìm chỗ “ẩn núp”, như trốn sau gốc cây, vào quán giả đò uống nước... Rồi bất chợt nhảy ra thổi còi réc, réc khi thấy người... có vẻ vi phạm luật.

Chuyện này diễn ra đã lâu và dai dẳng khiến dân tình bức xúc, báo chí lên tiếng. Báo *Tuổi Trẻ Cười*, 7/12/2007, trong bài *Hà Nội: Anh hùng “vặt”*: Từ lâu, người dân thủ đô đi đêm bằng xe có động cơ hay nom nớp trước các “anh hùng núp” do cảnh sát giao thông thủ vai. Có đến 99% người bị tuýt còi phải chịu phạt với đủ lý do. Tuy nhiên, hầu hết lại không có biên lai, nên rất dễ hiểu tiền sẽ chảy vào túi ai. Đôi lúc các “anh hùng” trắng trợn ra giá cho nạn nhân muôn được

giải quyết nhanh gọn.

Cũng từ “sự tích anh hùng núp” này mà trong *Gặp nhau cuối tuần* Xuân 2011, có một tiết mục ca hài do hai nghệ sĩ Xuân Bắc và Công Lý biểu diễn, cái biên lời bài ca “Tôi người lái xe” của nhạc sĩ An Chung. Xin được chép hầu những người yêu văn nghệ:

Loay hoay quanh năm/ Có anh giao thông tăng cường kiểm ăn/ Dù đường chật ngã tư đang đông/ Mà chẳng tìm thấy anh giao thông/ Anh nấp ở đâu gốc cây hay cội hoa/ Không nhìn thấy anh/ Mấy ông tăng ga tranh thủ phóng nhanh/ Chiều muộn rồi chắc con đang mong/ Bò từ từ chắc đi không xong/ Mói cứ vọt nhanh mong tách khỏi đám đông/ Thì bỗng từ một gốc cây anh lao ra đứng giữa đường/ Liều mình chặn mũi ôtô/ Tiếp đến anh nói nhẹ nhàng tiền đâu – đâu tiên/ Là người lái xe cứ yên tâm/ Biết ý thì mau mau rút ít ít tiền/ Xe cứ chạy luôn không có chút phiền/ Lại đạp ga lao nhanh nhanh/ Nụ cười tươi nhu trong tranh/ Em chào các anh.

Ngày 10/12/2011, Giám đốc CATP Hà Nội Nguyễn Đức Chung đã ra chỉ đạo yêu cầu chấn chỉnh tác phong, tư thế, văn hóa ứng xử trong cán bộ chiến sĩ của Phòng CSGT - CA TP Hà Nội, có yêu cầu cảnh sát giao thông khi làm nhiệm vụ phải đứng ở vị trí công khai, không được đứng chỗ khuất, ngồi hàng quán...

13. Anh hùng xa lộ - Quái xế



Trước 1975, ở Sài Gòn có những thanh niên ưa đua xe, chạy xe lạng lách, đặc biệt có những màn trình diễn như xiếc, không coi cái chết ra gì, lạng chui qua gầm xe

tải lớn, dân tình gọi mấy tay này là “*Anh hùng xa lộ*” – Thường ra xa lộ mới “có đất” biểu diễn.

Thời nay, mấy tay chơi choai choai cũng chạy xe, cũng lạng lách ngay trên những đường phố đông người; chưa thấy chui qua gầm xe, chỉ thấy nằm đè đường dưới gầm xe, làm rối loạn giao thông, nhiều khitoi mạng và chết cả người khác. Vì vậy dân tình coi là “*quái xế*”.

14. Anh Vaxili của em (vui)

Một anh chàng đi nhậu về, bước thấp bước cao, mè mê tỉnh tinh, chẳng may bị xe đụng lăn quay ra đường. Người ta bu lại coi, ngó nghiêng ngó dọc, nhưng vì tối trời nên chẳng ai biết anh ta là ai. Bỗng có một người phụ nữ lách đám đông vào, rờ rẫm một hồi, bỗng ôa lên khóc nức nở: Ôi! Anh Vaxili của em... Mọi người ngạc nhiên, có người tò mò hỏi, tối hù thế này chị làm sao nhận ra anh ấy. Chị vừa hu hu vừa trả lời: Em không cần nhìn gì cả, chỉ sờ là biết ngay. Nói rồi lại hù hụ nghe thấy thảm. Lại hỏi: Chị rờ

thấy cái gì mà khẳng định đây là chồng chị. Nghe vậy chị ngung khóc và nói nhỏ nhẹ: Em biết, chỉ có của anh ấy mới ngoại cỡ vậy thôi. Nói rồi chị lại khóc to: Ôi Vaxili của em, thế là từ nay âm dương cách biệt. Em sẽ không còn bao giờ...

15. Ao

Bắt nguồn từ *Out*, gốc tiếng Pháp, được đưa vào và Việt hóa, đầu tiên ở môn quyền Anh (đấm bốc) – *knock out*, có nghĩa là đòn, cú đánh loại, bị đo ván, bị *nock – ao*. Rồi lan sang các môn khá như ten – nít, bóng chuyền..., khi nói banh (bóng) ra ngoài, thường trong tài ngắn gọn: “ao”.

Nhưng với dân gian “ao” còn có nghĩa là hỏng rồi, thua rồi. Ví dụ: Thôi thế là việc đó “ao” rồi!

16. Áp dụng lời dạy của thầy (vui)

Ở một lớp học về tinh báo gián điệp, giảng viên yêu cầu các học viên chỉ ra trong lớp ai (đóng giả) là gián điệp. Cả lớp im lặng, bỗng có một học viên gio cao tay rất tự tin. Và chỉ vào một

người khẳng định: “Chính hắn”. Giảng viên hỏi: “Tại sao đồng chí biết?”. Học viên dõng dạc: “Thưa chính thầy dạy trong bài học về cảnh giác: Khi ta ngủ thì kẻ địch thức”!

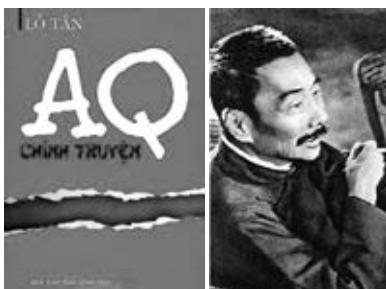
17. Áp phe

“Áp phe” bắt nguồn từ tiếng Pháp *affaire* có nghĩa là “kinh doanh”, là buôn bán, Khi vào Việt Nam, có thời nó lại mang một nghĩa xấu chỉ dân buôn lậu, còn gọi là “dân phe, con phe”, hay “bọn phe phẩy”.

Cách dùng và hiểu như trên có từ thời kỳ bao cấp, đầu tiên ở Hà Nội rồi lan rộng ra cả nước và tồn tại đến trước thời kỳ đổi mới. Thời đó việc bán buôn mọi thứ đều do Nhà nước quản lý và đàm trách, nên hễ ai buôn bán đều bị coi là làm lậu, làm chui, khiến cái từ “áp phe” mới bị hiểu sai lệch như vậy.

18. AQ

AQ là một nhân vật trong *AQ chính truyện*, tác phẩm của nhà văn Trung Quốc, Lô Tấn, người



Chiết Giang, sinh 25/9/1881, mất 19/10/1936.

AQ là một anh bần nông ít học, không nghề nghiệp ổn định, thường bắt nạt kẻ yếu kém, nhưng lại sợ hãi trước những kẻ mạnh. AQ nổi tiếng vì phương pháp thắng lợi tinh thần. Hễ bị kẻ nào úc hiếp mà không làm được gì, thì thường tự nhủ: Ôi, nó đánh mình cũng như nó đánh bố nó ấy mà. Hoặc la lên: Tôi chịu thua rồi! Tôi là con sâu được chua? Và điều đó khiến AQ có những lúc ôm đầu máu, nhưng vẫn vênh vang như vừa thắng trận.

Bây giờ thiếu gì những kẻ làm chẳng ra sao nhưng vẫn vô ngực xưng tên, vẫn cao giọng dạy đời. Thiên hạ, bức mình bảo: “Thôi đừng có giở trò AQ ra đây nữa”!

Ngược lại, có những người thân cô thế cô, chẳng quyết được gì, chẳng làm được gì, còn luôn bị chèn ép cũng lấy phép thắng lợi tinh thần của AQ để tự an ủi mình. *Ngu si hưởng thái bình mà. Hoặc: Ôi, ôm rom rãm người, báu gì.*

19. ATK



Là viết tắt của *an toàn khu*, căn cứ địa cách mạng thời chống Pháp của Việt Minh. Ngoài ATK Định Hoá, Thái Nguyên, hiện đã được công nhận là di tích quốc gia đặc biệt, còn có ATK của Trung ương và Xứ ủy Bắc kỳ trước 1945. Và ATK Việt Bắc, được coi là Thủ đô của cách mạng.

ATK Định Hóa là một khu di tích rộng lớn nằm ở tỉnh Thái Nguyên, là nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh và các nhà lãnh đạo Đảng, Nhà nước Việt Nam đã sống và

làm việc từ 1947 - 1954 để lãnh đạo cuộc kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp.

20. Ăn bánh bơ đội mũ phớt

Một lối chơi chữ kiểu đồng âm, dị nghĩa, nghĩa là “bo” đi – lờ đi như không biết; “phớt” tinh như không hay. Coi như không biết gì.

21. Ăn bánh trả tiền

Đương nhiên, ăn gì mà chả phải trả tiền, trừ ăn chùa. Chuyện chắc không có gì phải âm ī. Tuy nhiên, dân gian nói bánh ở đây lại không phải là bánh, mà là... người. Ăn người. Nói huých tẹc ra là vấn đề quan hệ nam nữ bất chính. Và đây là lời khuyên của dân gian:

Thà rằng ăn bánh trả tiền

Còn hơn vuông lụy

để phiền mai sau.

Nghĩa là cứ “cưa đứt, đục suốt”, “ăn bánh” xong trả tiền, thế là... hết câu chuyện.

22. Ăn Bắc mặc Nam

Đừng nhầm với “Ăn Bắc, nầm Nam”. Theo *Tâm nguyên từ*

điển, Nhà sách Khai Trí ấn hành 1968, trang 25: Xưa một người con gái có hai người tới hỏi. Người nhà ở phía Bắc thì xấu nhưng giàu sang. Người ở phía Nam thì nhà nghèo nhưng đẹp trai. Cha mẹ hỏi ý kiến, thì nàng đáp: “Đông gia thực phen, tây gia mân”. Ý nói muốn ăn với người bên Đông, mà ngủ với người bên Tây.

Còn *Ăn Bắc, mặc Nam* ý là ăn ở miền Bắc thì ngon, mặc theo trong Nam thì đẹp. Câu này có từ những năm thuộc Pháp.

23. Ăn búa

Búa là một dụng cụ, thông thường dùng để đập, gõ, bỗ vào một vật nào đó. Chẳng hạn, nhỏ thì như búa bỗ cùi, búa đóng đinh, búa để đập gò tôn, kẽm. Lớn có các loại búa máy có thể đóng những cọc sắt to như người ôm, dài 5 – 10 mét xuống lòng đất, lòng sông làm nhà, làm cầu. Cũng có loại búa trong búa rìu dư luận, để rèn những thói hư tật xấu, để “đập đầu” những kẻ lừa đảo, gian manh dối trá...

Nói tóm lại, ăn búa nào thì không u đầu, sút tai, thì cũng mệt mỏi, ê chè.

Búa công cụ thì đã có từ xưa từ xưa, nhưng búa ghép với ăn để thành tính từ chỉ phản ứng có tính răn đe của con người với những hành vi xấu xa, đê tiện của đồng loại, thì mới xuất hiện khoảng những năm 1980, khi cuộc sống còn quá nhiều khó khăn, bức xúc. Và cũng là giai đoạn đẻ ra nhiều kẻ từ trộm cắp vật túi đục khoét lén – Những kẻ đáng *ăn búa*.

24. Ăn cá bỏ đầu

Đầu cá thường đi kèm với ruột cá, là món khoái khẩu của không ít người, nhất là đầu cá chép, dân gian đã xưng tụng từ lâu. Vậy cá gì mà khi ăn lại bỏ đầu?

Thực ra, con cá ở đây là con cá... gái. Dân chơi, nhất là đã có tí tinh vô, thì gái đẹp hay xấu có khi cũng chẳng biết. Mà biết có khi cũng chẳng thèm quan tâm, và thường lè nhẹ: Ôi! *Ăn cá bỏ đầu* mà, nhầm nhò gì.

Câu này khiến những người có ít chữ nghĩa lại nhớ đến câu của cụ cổ, trong tác phẩm *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố, khi cụ mò chị Dậu: *Ôi! Tắt đèn nhà ngói cũng như nhà gianh!*

Đúng là khi chỉ nghĩ tới chuyện tình dục, thì xấu – đẹp, nhà ngói hay nhà gianh thì cũng vậy thôi.

Ngô Tất Tố (1894 – 20 tháng 4 năm 1954) là một nhà văn, nhà báo, nhà Nho học và nghiên cứu có ảnh hưởng ở Việt Nam giai đoạn trước 1954. *Tắt đèn* là một trong những tác phẩm văn học tiêu biểu nhất của ông, lần đầu được in trên báo *Việt nữ* năm 1937.

25. Ăn cái quần què...

“*Ăn*” là một hành động cụ thể của... cái mồm. Cho cái gì vào mồm, chỉ cần nói tên nó ra là người ta hiểu liền. Nhưng ở đây lại là *ăn cái quần*, nhá làm sao, nuốt làm sao? Đã vậy lại còn là “*cái quần què*” – quần cọt, quần xà lỏn à? Thật là lạ lùng, khó hiểu?

Hồi xưa chưa có băng vệ sinh... *cái quần què* là cái quần của đàn bà “trong những ngày ấy”, nó đỏ lòe đỏ loét thấy gớm. chữ “què” là chữ “hỏe” nghĩa là màu đỏ; Từ điển Đổi chiêu từ địa phương, trang 234: Hoe hoét = hoa hỏe sắc sỡ-màu mè hoe hoét:đỏ nhạt, đỏ hoe hoét.

Theo www.hennhausaigon 2015.com, *cái quần què* là cái quần người phụ nữ mặc khi có kinh. “Què” trong chữ kép “máu què”. Có nghĩa là máu đàn bà có kinh. Và dẫn nguồn rõ ràng Từ điển Nguyễn Tứ Quang, tựa đề “Để viết đúng chính tả” Nhà xuất bản Mũi Cà Mau, năm 1992, trang 124.

Ăn *cái quần què*, là một câu độc địa, nhưng người Việt mình hay có tính tiện thì dùng và dùng riết thành quen miệng, nên nhiều khi không hài lòng chuyện gì cũng nói đại như vậy. Thật đáng buồn cái tính cách này, vì bây giờ chúng ta dễ dàng bắt gặp những thanh niên ngồi trò chuyện vui vẻ với nhau, và liên mồm đ. cha, đ. mẹ một cách vui vẻ, hồn nhiên,

không biết rằng mình đang làm ô nhiễm môi trường.

26. Ăn cơm Tàu...



Cơm Tầu, cứ ví dụ như cơm Dương Châu, cá Tứ Xuyên, vịt Bắc Kinh... chẳng hạn, xem ra đều ngon có tiếng. Ở Sài Gòn xưa, nhưng quán tên tuổi luôn tấp nập thực khách như Soái Kinh Lâm, Ái Huê, Kim Đô, vịt quay Tôn Thọ Tường, Hải Ký mì gia... đều là của người Hoa cả. Còn nhà (đặc biệt là các biệt thự) do Pháp xây thì thật là lộng lẫy, rộng rãi và thoáng mát, không

cần phải mày điêu hòa. Vì trần rất cao và thường có hầm nhà để cách ẩm. Trong khi đó, người vợ Nhật được tiếng là khéo chiêu chồng. Chồng đi làm về, chẳng những cơm bung nước rót, mà còn giúp chồng thay đồ, cởi giầy; chuẩn bị sẵn khăn, nước rửa mặt. Vì thế, đã từ lâu, cũng chẳng rõ từ lúc nào đã có câu truyền tụng, “Ăn cơm Tầu/Ở nhà Tây/ Lấy vợ Nhật”.

Nhưng bây giờ xem ra mọi thứ đảo ngược hết cả.

Hễ cứ nghe nói tới đồ ăn xuất xứ từ Tầu là người ta lại thấp tha thấp thỏm lo, không biết có ăn nhầm trứng non làm từ cao su, gà chết thối đem bôi, tẩm ché biến. Hay táo (bom) đem nhúng thốc để hàng tháng vẫn... tươi nguyên không?

Còn mấy cô gái Nhật bây giờ, nhiều cô còn không muốn lấy chồng... đã thế còn có những trào lưu quái đản như phụ nữ mặc tã lót để không phải đi vệ sinh ngày càng phổ biến. Rồi trào lưu cạo trọc đầu quay clip ghi thành đĩa DVD để bán trên

mạng xã hội; dịch vụ Soine-ya Prime - thuê một người đàn ông trẻ tuổi đẹp trai để cùng nằm ngủ nhưng không có chuyện sex...

Vậy phải chăng chỉ còn “nhà Pháp” là giữ nguyên giá trị? Ở đâu không rõ, chứ ở Việt Nam thì có vẻ không hẳn đúng. Cứ nhìn thực tế mà xem nhà kiến trúc Pháp có còn bao nhiêu. Cũng dễ hiểu, đẹp thì có đẹp, mát thì có mát, nhưng giỏi lắm chừng mực, hai lầu là hết. Trong khi, bây giờ mấy anh “cạp đất ăn” (xem mục 149) cứ chồng tầng nọ tầng kia, càng cao càng có lợi. Thế là đập, là xây.

Có lẽ chung quy tất cả cũng chỉ vì tiền, vì lợi ích cá nhân mà thôi. Thật đáng buồn.

27. Ăn chảm chậm...

Châm ngôn mới của người Việt, từ những năm 2000:

Ăn chảm chậm

Đi từ từ

Sống vô tư

Chết đột tử.

Xưa nay người Việt Nam vốn ăn nhanh, đi chậm. Nhưng nấu nướng thì lại rất lâu, có

khi hàng giờ, mà nhìn lên mâm cỗ chỉ có 2, 3 món. Năm 1965, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã đề nghị ngành thương nghiệp nghiên cứu bữa ăn công nghiệp... Bây giờ không thiếu gì những món ăn nhanh, bữa ăn nhanh (fastfood), thì dân ta lại thay đổi cách nghĩ: *Ăn chậm chạp* (không phải để no lâu), *đi từ từ*... Ý là không có gì phải vội, nhất là với những người cao tuổi, người về hưu, tranh đoạt được gì nữa mà...

Còn *sống vô tư* đi, đừng có bon chen, đòi hỏi mới khỏe được. Mà nhiều cái thắc mắc, đòi hỏi cũng có được đâu. Ví như mấy vụ lương bổng, giá cả...

Đặc biệt suy nghĩ về cái chết, thật là... mới, chẳng mơ lên thiên đàng, về bên Phật hay Chúa, mà chỉ muốn chết cho nhanh cho khỏe, khỏe già đình, người thân... cứ *đột tử, đứt bóng* liền là hay nhất...

28. Ăn cơm trước kẻng

Hồi xưa ở làng (xóm, thôn) người ta thường dùng mõ tre, gỗ

để thông báo những việc quan trọng. Người cầm mõ đi rao, gọi là thằng mõ. Đến thời kháng chiến chống Pháp cái kẻng thay mõ và thường treo cố định ở đầu làng. Và nhiều việc sẽ được “truyền” qua hiệu lệnh kẻng. Ăn cơm (đi làm hợp tác) cũng vậy. Như thế chưa có kẻng mà đã đi ăn, dù là đói, cũng không được, là “phạm luật”.

Từ đó có cụm từ “*Ăn cơm trước kẻng*”, nói bóng gió chỉ mối quan hệ tình dục trước hôn nhân.

“*Ăn cơm trước kẻng*” thời phong kiến với nỗi oan và cái vạ của Thị Kính, chắc quá nhiều người biết. Còn thời bao cấp chưa kết hôn mà có bầu (có thai) là tối kỵ, bị chỉ trích nặng nề, nhất là ở các cơ quan Nhà nước,



phải kiểm điểm, có khi còn phải “truy tìm tác giả của cái bào thai đó”.

Có truyện tiểu lâm thật như đùa, rằng một cô chẳng hiểu ăn gì mà bụng tự nhiên cứ kẽnh ra. Và cô cứ bị lãnh đạo gọi lên gọi xuống yêu cầu khai thiệt “tác phẩm” đó của ai. Chịu riết không nổi, một hôm cô nổi quạu: Ông mà hỏi mãi, tôi sẽ bảo nó là của ông đấy. Thế là... tắt đài.

Có lẽ bây giờ chuyện “dùng thử hàng trước khi mua” – sống thử để hiểu nhau hơn, tránh “trục trặc” đáng tiếc sau khi cưới đã phổ biến hơn và không còn bị “ai đó kiểm soát” nữa, ngoài việc tỷ lệ bệnh phụ khoa và những trẻ sơ sinh bị bỏ rơi tăng nhiều.

29. Ăn chùa

Những ngày rằm, ngày lễ lạc của đạo Phật, các chùa thường tổ chức ăn chay tại chùa cho các Phật tử. Những ngày này nếu người là Phật tử của chùa thi đến làm công quả phụ giúp chùa. Còn thiện nam tín nữ,

khách thập phương muốn ăn cơm chay thì chỉ việc đến chùa đúng giờ thọ trai (ăn cơm trưa), thấp nhang cúng Phật là được.

Đi ăn cơm chùa không phải trả tiền, không phải mang theo thứ gì, lại có thể kêu bạn bè, hay vợ chồng con cái cùng đi. Nói cách khác “đi ăn chùa” là hoàn toàn không tốn kém gì và cũng không phải làm gì. Vì vậy “ăn cơm chùa”, “ăn chùa” vào dân gian còn có nghĩa là tham gia vào một việc gì đó không mất công sức mà lại có lợi. Còn những gì của cơ quan, của Nhà nước có khi cũng bị coi là “của chùa”. Và như vậy “ăn” khỏi trả tiền mà cũng khỏi xin xỏ. Thật két, tham nhũng cũng là một dạng “ăn chùa” vậy.

Ngày nay, không biết có phải vì các bệnh tim mạch do mỡ máu cao, thừa cholesterol; đậm cao sinh gout... hay vì sùng đạo, mà người ta rủ nhau đi ăn cơm chay ngày một nhiều. Còn bất luận cái gì... “của chùa”, mà ăn được thì người ta đều “hoan hỷ”.

30. Ăn chuối cả nải...



Người sang thế giới bên kia, ở ta, tới những ngày giỗ kỵ, thường được cúng chuối, cúng gà. Có ăn được không, có nhìn được không, không biết, nhưng vẫn được:

Ăn chuối cả nải

Xem gà khỏa thân

(vặt trụi hết lông và luộc chín).

Có người bảo đây vốn là thơ của ông Bảo Sinh (*xem mục 84*), gốc là:

Cuối cùng tất cả chúng ta

Đều lên nóc tủ (bàn thờ)

ngắm gà khỏa thân.

31. Ăn đút

Nói vậy là nghĩ ngay tới trẻ con, hoặc những con chim non kêu chim chíp và vươn cái cổ lên, khi mẹ chúng đem mồi về. Và hình dung tới những cái miệng đang

hở ra chờ... Tuy nhiên ở đây không phải con trẻ, cũng không phải những chú chim non. Và cũng chẳng phải những bâu sữa hay con tôm, con tép gì. Mà là những miệng cá ngao đang hở ra chờ tiên huyền của người ta morm cho, đút cho. Và khi ai đó có bốn phận, chưa kịp đút thì không phải là khóc ré lên mà chỉ cần e hèm hoặc lùi mắt thôi là... đủ để biết thân, biết phận lo ngay tắp lự.

Hành động *ăn đút*, rõ hom là *ăn của đút*, và nếu huých tect ra là *ăn đút lót* khi giải quyết công việc thuộc phận sự mình, hoặc mình có thể tác động khiến thành hay bại.

Trong Từ điển tiếng Việt của NXBKHXH – 1988, nói đến chữ *ăn thẩy* có tới 67 cụm từ ngữ. Còn trong Từ điển Thành ngữ Việt Nam, NXB Văn Hóa – 1993, có tới 230 thành ngữ nói về ăn. Từ “*ăn tráng mặc tròn*”, “*ăn xổi ở thi*”, tới “*ăn tục nói phét*”, “*ăn đầu sóng nói đầu gió*”, rồi “*ăn thủng nòi trôi rế*”, “*ăn cướp com chim*”... Tìm mãi mới thấy “*ăn*

đút ăn lót", xem ra cùng ý nghĩa. Như vậy là có lẽ sau cả hàng trăm năm, dân gian mới rút gọn được hai chữ. Và rõ ràng chữ "*ăn đút*" cũng đã đủ thấy sự vội vã và đê tiện của quan trên lấm rồi.

32. Ăn khoai cà vỏ...



Phải nói luôn, đây không phải một phương thuốc, hay thực phẩm chức năng gì đó, để tránh hiểu lầm cho những người đang sưu tầm những bài thuốc bí truyền và cả những người đang bán hàng đa cấp.

Hồi Hà Nội mới tiếp quản, Tây Ta chưa trộn lẫn vào nhau như bây giờ. Và thi thoảng bọn trẻ chúng tôi mới nhìn thấy mấy đứa con Tây – cũng có thể là nó lai Tây. Gân như là lẽ tự nhiên, Tây thì làm sao biết ăn mấy món ăn đặc biệt của Việt Nam. Và cái vụ mặc váy thì càng lạ với bọn

học trò chúng tôi và ít nhiều là cả người lớn. Vì từ thời “cấm quần không đáy”, thời Minh Mạng phụ nữ nước ta từ Quảng Bình trở vào Nam thì mặc quần, còn từ Hà Tĩnh trở ra Bắc thì mặc váy. Đầu năm 1822, Minh Mạng ra lệnh cấm phụ nữ miền Bắc không được mặc váy nữa. Nếu tính từ đó tới năm tiếp quản Hà Nội (1954), thì cũng là 132 năm, dân Hà Thành không còn ai biết mặt cái váy ra răng rồi.

Chính vì thế, chúng tôi có dịp là thường châm chọc những đứa con Tây lai. Và chẳng hiểu từ đâu đẻ ra mấy câu thơ, mà đám học trò thường nghêu ngao:

*Tây lai ăn khoai cà vỏ
Ăn chó cà lông, ăn hồng cà hạt
Mặc quần không mặc, mặc váy.*

33. Ăn miếng to...

Ăn đúng đầu trong tứ khoái cuộc đời, do ông bà ta xưa xếp hạng (*xem mục 771*), nhưng đó là thường thức. Còn mục đích của ăn, ông bà cũng nói rõ, ăn để sống chứ không phải sống để ăn. Và còn cảnh báo khi miếng ăn

không được đàng hoàng, chính đáng, như ăn vụng, ăn hót, ăn của đút... còn là miếng nhục. Thậm chí ăn nhồm nhoàm, chớp chép như heo cũng không được; làm không ra sao mà ăn thì cẩm đầu vào sê bị chỉ trích: Ăn như rồng cuốn, uống như rồng leo, làm như mèo mửa...

Và còn có một câu khuyến cáo với những ai xấu ăn, tham ăn, kể cả ăn vụng, ăn bẩn..., là “*ăn miếng to iả bãi lớn*”. Chỉ được vậy thôi.

Cũng có người vặn vẹo, vẫn là các cụ nói: *Ăn cỗ đi trước, lội nước theo sau*. Như thế chẳng phải trọng miếng ăn sao? Thiết nghĩ, ăn cỗ là có mồi, *ăn có mồi làm có khiến* mà. Và nữa, cái ăn ở đây không chỉ là bỏ vào miệng cái gì đó, mà còn là tình nghĩa họ hàng, chòm xóm. Còn là chúc mừng, đóng góp cho đôi uyên ương trăm năm hạnh phúc. Vậy không đi sớm sao được.

34. Ăn nhanh đi chậm...

Có ra nước ngoài mới rõ người Việt Nam mình đi chậm thật.

Chẳng hạn qua Nhật, người Nhật cũng nhỏ bé như mình, nhưng một bước của họ ít cũng gấp ruồi bước mình. Nhưng ta ăn thì rất nhanh, cứ như chạy giặc. Và luôn săn lòng cười với cả người không quen. Gần đây, khi mở cửa bang giao rộng, còn phát hiện thêm một đặc tính Việt Nam khác là nam phụ lão áu, hình như đều khoái mua đồ sida (*xem mục 391*):

*Ăn nhanh, đi chậm, hay cười
Hay mua đồ cũ
là người Việt Nam.*

35. Ăn như hạm

Nói đến hạm, nhất là ở đất nước trải qua bao cuộc chiến như Việt Nam, người ta dễ nghĩ ngay đến những tuần dương hạm, thiết xa hạm, khu trục hạm... và những hạm đội từng làm dậy sóng các vùng biển thế giới như Hạm đội 7 của Mỹ, Hạm đội Hắc Hải của Nga,... thì hạm đúng là ghê lấm rồi, khủng lấm rồi.

Nhưng theo An Chi, *Hạm* đây không có nghĩa là cái tàu thủy mà là con cọp. Và *Hạm* là biến

thể của *hở*. *Khang Hy tự điển*, ghi nghĩa của nó là “*hở*, *bạch hổ*”. Vậy *hở* là con cọp trắng. Còn *hở*, biến thể ngữ âm của nó, thì có nghĩa rộng là cọp nói chung. Như vậy *ăn nhu hở* là ăn nhu cọp. Trong dân gian cũng có câu: *Nam thực nhu hổ/ Nữ thực nhu miu* (mèo) vậy.

36. Ăn nhu sư, ở nhu phạm

Thời bao cấp, đầu những năm Mỹ leo thang bắn phá miền Bắc, khoảng 1964 – 1965, ngoài cái chuyện ăn uống vốn đã thanh lịch, sinh viên Hà Nội nay lại phải đi sơ tán, ở nhà dân tiện nghi thiếu mọi bề mà lại còn bị lê thuộc, đụng tới cái gì cũng phải mượn, cũng phải hỏi rất phiền hà. Từ đó xuất hiện câu tả khổ:

Ăn nhu sư, ở nhu phạm.

Các bữa ăn của sinh viên, thường rau dưa, mắm muối như các nhà sư. Còn ở khổ sở nhu phạm nhân. Câu này không hẳn đã phát xuất từ Đại học Sư phạm Hà Nội như có người nói, vì lúc đó sinh viên nào, ở đâu, dù Hà Bắc, Hà Tây, Thái Nguyên...

cũng vậy. Chẳng qua chỉ là cách chơi chữ mà thôi.

37. Ăn nhu tu/ ở nhu tù...

Thời bao cấp, ở miền Bắc, từ năm 1964, khi Mỹ bắt đầu cho máy bay bắn phá, cũng là lúc các trường đại học phải di sơ tán ra các tỉnh xa thành phố. Giai đoạn này sinh viên khổ vô cùng, vừa học vừa phải tự làm nhà, làm lán ở. Ăn thì cả tháng có khi không nhìn thấy miếng thịt vuông tròn. Ở thì lán trại tự làm, “được làm sao tào lao làm vậy”. Nên nhà dột, cột xiêu, vách hở, mua gió nhiều đêm không ngủ được, nhất là mùa đông gió bắc ù ù luồn qua khe. Nhưng “chính chị chính em”, thì... đến nơi đến chốn. Điều đó được chính sinh viên mô tả:

*“Ăn nhu tu ở nhu tù
Học thì ngu, nói chuyện
như lãnh tụ”.*

38. Ăn nhu vũ...

lắm tiền nhu quản lý

Ở các trường nghệ thuật, các trường khác chắc cũng vậy, do

đặc tính riêng của từng ngành mà từ ăn, nghỉ, sinh hoạt cho đến cách cư xử và cả đặc quyền, đặc lợi cũng có những chấm phá riêng như... mā ngành. Bài thơ sau được phổ biến từ ngành sân khấu, nghệ thuật cũng đã hơn nửa thế kỷ nay:

*Ăn nhu vũ
Ngủ nhu ca
La cà nhu nhạc
Bạc nhạc nhu hành chính
Lính quýnh nhu hậu dài
Nói dai nhu phụ trách
Hống hách nhu thường trực
Cơ cực nhu sinh viên
Lắm tiền nhu quản lý.*

39. Ăn nhu xáng cạp

Dân gian xưa có câu: *Ăn nhu xáng mucus (cạp)/làm nhu lục bình trôi.*

Xáng mucus (cạp) là cái tầu cuốc, mà theo Tiến sĩ Nguyễn Phúc Nghiệp tả trong www.tiengiang.gov.vn/xemtin.asp?idcha=6097&cap=2&id=6103:

Thời điểm năm 1867: “chiếc xáng mucus to như một chiếc hạm, hoạt động bằng máy hơi nước,

có công suất khoảng vài trăm mã lực, xúc đất bằng những chiếc gầu sắt đặt liền nhau theo hình đường tròn như kiểu guồng đập nước, có khả năng đào sâu 5-7 mét”. Với những cái miệng – gầu sắt như vậy, mỗi lần “ăn” không biết bao nhiêu thời cơ?! Chỉ cần nghĩ vậy thôi cũng đủ thấy nể cho ai đó mà “*ăn nhu xáng mucus (cạp)*”.

Trong dân gian còn có những câu tương tự để chỉ những người ăn nhiều khó tả như vậy: *Ăn nhu rồng cuốn/ uống nhu rồng leo/ Làm nhu mèo múa.*, hoặc *ăn nhu hạm* (xem mục 35)...

Cũng theo TS. Nguyễn Phúc Nghiệp. Chiếc xáng mucus đầu tiên xuất hiện ở Việt Nam, do Pháp đưa vào vét kênh Bảo Định ở Tiền Giang, năm 1867. Sau đó, xáng mucus được sử dụng thường xuyên trong việc nạo vét và mở rộng các con kênh khác ở Tiền Giang, như kênh Bà Bèo, kênh Chợ Gạo,...

Kinh Bảo Định là một con kinh được vua Gia Long năm thứ 8 cho dân đào để nối liền

Mỹ Tho với sông Tiền. Khi đào xong, con kinh được đặt tên là Bảo Định Hà.

Chỉ có mỗi điều không rõ, sao xưa nói là *xáng múc*, nay lại kêu *xáng cạp*?

40. Ăn no vác nặng...

Câu đầy đủ: *Ăn no vác nặng, mồ hôi dầu*.

Ăn no vác nặng, nói những người chỉ biết dùng sức, việc gì cũng hùng hục làm, ít chịu suy nghĩ (xưa là chỉ những người lao động chân tay).

Còn về mồ hôi, thì có hai loại. Mồ hôi thường, còn gọi là mồ hôi muối: Là loại mồ hôi tiết ra có màu trắng, vị mặn, không nhòn, có vị chua xen lẫn mùi hôi nhẹ. Khi khô thường ít làm ố hoặc bẩn quần áo. Loại mồ hôi này khi tiết ra làm giải nhiệt cơ thể, thông thoáng lỗ chân lông và không gây ánh hưởng nhiều tới da. Còn *Mồ hôi dầu* có màu hơi vàng, nhòn như dầu. Mùi hôi rất khó chịu, đôi khi xen lẫn mùi khét. Khi khô thường để lại những vết ố vàng trên quần áo,

nhất là vùng nách. Mồ hôi dầu, khi khô có thể làm bít lỗ chân lông, dễ gây dị ứng và mụn nhọt.

Theo Đông y, mồ hôi ra không bình thường là biểu hiện của bệnh lý, gọi là “hàn chứng”

Nguyên nhân dẫn đến “hàn chứng” chủ yếu do “âm hư” hoặc “dương hư”.

Ngoài ra còn có loại mồ hôi dị thường, ví dụ như mồ hôi đặc quánh như dầu còn gọi là mồ hôi dầu, mồ hôi màu vàng (hoàng hàn), màu đỏ (hồng hàn), mồ hôi có mùi khai hoặc xú uế khác thường...

Ăn no vác nặng, mồ hôi dầu là chỉ những người, nói chung, chỉ biết hùng hục làm, thiếu suy nghĩ. Sau nữa còn ám chỉ là... *bốc mùi*.

Câu này, xưa có ý khinh khi những người lao động chân tay. Nhưng nay như một câu chỉ trích nhẹ trong bạn bè. Cậu chỉ được cái *ăn no vác nặng mồ hôi dầu*. Phần nào cũng giống như, chỉ được cái nhanh nhẩu đoảng thôi.

Trong dân gian cũng có câu tương tự *Vai u thịt bắp mồ hôi dầu*.

41. Ăn quận 5...

Trước giải phóng, theo người Sài Gòn, thì: “Ăn quận 5, nằm quận 3, la cà quận nhất, cướp giật quận tư”.

Lúc đó Quận 5 là nơi tập trung nhiều nhà hàng nổi tiếng sang ngon của người Hoa như Đồng Khánh, Bát Đạt, Soái Kình Lâm, vịt quay Tôn Thọ Tường... Còn quận 3 với những con đường toàn vila, biệt thự như Tú Xương, Lê Quý Đôn, Phan Thanh Giản (nay là Điện Biên Phủ)... Quận nhất luôn là trung tâm mua sắm, thương mại, cũng là nơi phố xá sầm uất đông vui, sang trọng nhất Sài Thành. Chợ Bến Thành, Chợ cũ (đường Huỳnh Thúc Kháng), Chợ Dân Sinh (chuyên bán đồ điện máy), đường Lê Công Kiều chuyên doanh đồ cổ... Các hàng vải vóc, trang sức, lưu niệm trên đường Tự Do (nay là Đồng Khởi), Thái Lập Thành (Đông Du), Nguyễn Huệ, Lê Lợi. Các khách sạn lớn Continental, Majestic (nay là Cửu Long), Caravel... và cả các công trình tiêu biểu như Dinh

Độc Lập, Nhà Quốc Hội VNCH (Nhà hát lớn), Tòa Đô chính (UBNDTP)... cũng đều ở Quận Nhất. Còn Quận tư (4), ai không có chuyện chớ ghé qua vì trộm cướp như rươi, với những khu nổi tiếng như Khánh Hội, Xóm Chiếu, chợ Cầu Mống, Tôn Dản...

Sau giải phóng cả chục năm người ta vẫn còn tìm tới những nhà hàng ăn quận 5, thả bộ trên những con đường quận 1, và vẫn e dè khi có việc qua quận 4...

Nay (tính đến 2013), Sài Gòn - TP.Hồ Chí Minh đã thay đổi nhiều, các trung tâm cũng dịch chuyển. Và câu ca trên chỉ còn là ký ức.

42. Ăn theo dấu (vui)

Hai bợm nhậu một con gà, bày trò vui: Ăn theo dấu, nghĩa là chia các bộ phận con gà ra đầu, cổ, cánh... Cánh là dấu sắc, cổ là dấu hỏi... Bợm khách (BK) chọn dấu huyền, bợm chủ nhà (BC) được ưu tiên lấy dấu hỏi và dấu sắc. Cuộc chơi bắt đầu. BK lấy cái đùi, BC lấy cái cánh. Cụng

li cốp cốp. Tiếp tục, BK lấy cái đầu, BC lấy cái cổ. Lại cốp cốp. Rồi BK lấy cái mình, BC nhìn tối nhìn lui chả thấy còn cái gì dấu sặc, dấu hỏi. Vừa lúc vợ trong nhà ra hỏi sao mặt dù câm vạy. BC kể sự tình, bà vợ nổi tam bành: Choi gì mà gian vạy. Còn cái l đây (ý là cũng dấu huyền), có ăn thì ăn luôn đi!

BC tinh ngay rượu, la hoảng:
Áy chết! Cái đó không được!
Không được!

43. Ăn theo, nói leo

TDTV, NXBKHXH, 1994: Theo là đi sau một người đang đi; đi cùng một người với tư cách nào đó, cũng còn nghĩa là chịu sự chi phối.

Như vậy, người ăn theo, là người không được mời chính thức, nhưng cũng dự phần. Chẳng hạn một đứa trẻ theo cha mẹ đến đám cưới, hoặc đi ăn giỗ. Anh lái xe ké theo xếp. Đã ăn theo là không “chính ngạch” rồi, thường thì nên “trật tự”. Nhưng trong thực tế, ở Việt Nam, vâng, ở nước khác không có vạy, người ăn theo, nhất là mấy bác

tài, không chỉ dự chuyện, mà có khi còn “nổ” hơn “vai chính”. Chuyện trên trời dưới đất, cái gì cũng tham gia vào. Nhưng của đáng tội, các bác lại là “cán bộ đường lối” (xem mục 146), nên cũng được các xếp châm chế cho.

“Ăn theo, nói leo” là chỉ những người, thích chồ mũi vào chuyện người khác

44. Ăn trông nồi, ngồi trông... phong bì

Ngày xưa các cụ dạy con cháu: “Ăn trông nồi, ngồi trông hương”, ý bảo con cháu phải biết tôn ti trật tự, có ý có tú mỗi khi ăn uống, đứng ngồi. Xin lỗi ngay cả việc gấp rau, gấp thịt cũng không được gấp cả nùi, thậm chí cầm đũi đũa cũng phải thăng lên, không được để nghiêng khi gấp. Ăn thì không được phùng mang, trợn má, không được nhai tóp tép như heo...

Nhưng từ ngày có vấn đề “Văn hóa phong bì” (xem mục 786), thì từ việc đi hội họp, cưới xin, dự sinh nhật... ngoài chuyện ăn ra,

nhất nhát đều phải “quan tâm tới phong bì”. Nếu trả nợ miệng thì phải chi ra bao nhiêu, mà nếu người ta lại quả minh thì sẽ được bao nhiêu?! Không thể không suy nghĩ! Chuyện này thường có “quân sự mây lạnh” hướng dẫn, ra giá đàng hoàng đấy!

45. Ăn tươi

Không phải nghĩa như thành ngữ “ăn sống nuốt tươi”, hoặc “ăn tươi nuốt sống”. Thời chống Pháp, chống Mỹ, cán bộ, chiến sĩ ta thường ăn uống kham khổ, vì vậy nếu có ai kiểm được món ngon gì đó ở nhà gửi lên, hay săn bắn được thú rừng, thì ngày hôm đó coi như được “ăn tươi”. “Ăn tươi” là sao cũng tùy hoàn cảnh, tùy lúc, tùy noi. Ví như đơn vị hành quân nhiều ngày trời, toàn ăn lương khô, nay đến trạm dừng chân, có một anh nào đó nhanh tay, nhanh chân hái được một mó rau rừng, thì ngày hôm đó coi như được “ăn tươi” rồi.

Cái từ “ăn tươi” bây giờ chẳng còn ai dùng, có lẽ vì cuộc sống

khá lên nhiều, đừng có đòi ăn tới trời, chứ thịt cá, thậm chí cả những món xưa cho vua chúa, nay cũng có thể ăn như bào ngư, vi cá, yến sào...

46. Âm lịch



Âm lịch là loại lịch dựa trên các chu kỳ của tuần trăng. Người Babylon dùng lịch này đầu tiên từ mấy ngàn năm trước công nguyên. Ai Cập, Trung Hoa, Hébreux (Do Thái xưa) và hiện một số dân Phi châu cũng dùng âm lịch. Cũng có truyền thuyết cho rằng âm lịch do Hoàng Đế người cai trị Trung Quốc khoảng năm 2698-2599 trước Công nguyên, phát minh.

Năm âm lịch không tính theo số mà dùng tên ghép gồm hai

chữ. Chữ đầu là một trong 10 thiên can (Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm và Quý). Chữ thứ nhì là một trong 12 địa chi, tên 12 con vật (Tý, Sửu, Dần, Mão hay Mèo, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất và Hợi).. Âm lịch Việt Nam khác âm lịch Trung Quốc ở chỗ năm Sửu thì là năm con trâu, còn Trung Quốc là con bò; năm Mão hay Mèo ở Việt Nam là năm con mèo, thì Trung Quốc lại là năm con thỏ.

Đường lịch là lịch của người La Mã bắt nguồn từ lịch âm.

Khoảng năm 46 trước Công nguyên, Hoàng đế La Mã Julius César sửa lại lịch cho đủ 365 ngày, sát với chu kỳ xoay quanh mặt trời của trái đất, gọi là lịch Julius. tên các tháng là Januarius, Februarius, Martius, Aprilis, Maius, Iunius, Quintilis, Sextilis, September, October, November và December (theo ngôn ngữ La Mã cổ đại).

Khi hoàng đế Julius băng hà, để tưởng nhớ, người La Mã

lấy tên ông đặt cho tháng 7 (Quintilis), là tháng sinh nhật ông, thành Julius. Và tháng 8 sau đó cũng được đổi là August tên vị vua kế tục.

Như vậy, rõ ràng nếu so sánh về thời gian, Âm lịch đã có trước Dương lịch đến hàng trăm nghìn năm. Nói cách khác, Âm lịch là xưa thật là xưa, cũ thật là cũ. Ấy nén khi dân gian gọi ai đó là “Âm lịch”, ông (bà) già “Âm lịch”, thì cũng có nghĩa, là người đó, ông hay bà đó, xưa lăm rồi, cũ lăm rồi, cổ hủ lăm rồi. Cũng có thể hiểu là chậm chạp quá.

Tuy nhiên, đó không phải là một câu chửi rủa mà đùa cợt nhẹ, thì đúng hơn.

47. Ấm

Ấm là nóng vừa và gây một cảm giác dễ chịu. Ấm áp: âm ấm dễ chịu; ấm cúng: thân mật, ấm áp, hòa thuận thắm thiết. Như thế, tổng hợp tất cả các ngữ nghĩa trên, nói ngắn gọn, ấm là tốt rồi, ổn rồi, sướng rồi. Với dân kiêm ăn, thì “ấm” cũng có nghĩa là thang rồi.

Tuy nhiên, còn một vài từ *Ấm* đáng lưu tâm khác, như *Ấm ó:* không hiểu chuyện, nói năng chẳng đâu vào đâu; *Ấm đàu:* trạng thái sốt nhẹ, nhưng phải hiểu là nó hâm hấp, người đó không bình thường.

48. Ấp chiến lược

(Theo Wikipedia) Để “tách cá khỏi nước” – ngăn chặn sự ảnh hưởng cũng như nơi trú nấp và cung cấp nhân lực và lương thực cho Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam, từ năm 1961, chính quyền Sài Gòn đã tiến hành xây dựng các Ấp Chiến lược (năm 1964, đổi thành Ấp Đồi mới, rồi Ấp Tân sinh 1965).

Ấp chiến lược là bản sao mô hình ở Philippines của quân lực Mỹ và Malaysia của quân đội Anh, và do R. G. K. Thompson, phái đoàn cố vấn Anh đưa ra vào tháng 11 năm 1961 và chính thức áp dụng vào tháng Ba năm 1962 đầu tiên ở Bình Dương.

Giáo sư Sử học Randy Roberts thì nhận xét: “Cái gọi là *Chương trình Ấp Chiến lược* thực chất là

lùa nông dân Việt Nam ra khỏi làng quê tổ tiên của họ và nhốt họ trong những khu đất rào quanh chắc chắn giống nhu một nhà tù hơn là các cộng đồng thật sự”.

Tuy nhiên chỉ hai năm sau, năm 1963, hơn 1,5 triệu ha trên tổng số 3,5 triệu ha ruộng đất đã về tay nông dân; hơn 23.000 thanh niên miền Nam đã gia nhập quân Giải phóng. Hàng nghìn áp chiến lược đã biến thành làng chiến đấu, hệ thống Ấp chiến lược bị sụp đổ đến 4/5.

Riêng trong năm 1963, quân Giải phóng và người dân miền Nam đã phá hoàn toàn 2.895 Ấp chiến lược trong số 6.164 áp được lập, số còn lại đã bị phá đi phá lại 5.950 lần áp. Quân Giải phóng giành quyền làm chủ ở 12.000 thôn trong tổng số 17.000 thôn toàn miền Nam, gồm hơn 5 triệu dân trong tổng số 14 triệu dân toàn miền Nam.

B

49. B quay

Trong thời chống Mỹ, từ 1964, theo QĐNDVN, các vùng được chia ra: A là ký hiệu của miền Bắc, B là miền Nam, C là Lào, và từ 1969, thêm K là Kampuchia. Đi B là vào Nam chiến đấu, là noi cuộc chiến luôn nóng bỏng, luôn phải săn sàng chấp nhận hy sinh. Chính vì vậy có người không chịu đựng được khó khăn gian khổ đã đào ngũ, đã tìm đường quay trở về. Hành động đó được gọi là "*B quay*".

50. Ba cắt?!

Trong chăn nuôi heo, vào những năm 1960, ở miền Bắc có một phong trào "ba cắt": Cắt đuôi, cắt tai và cắt tuyến giáp tạng, nói là để heo tăng trọng nhanh. Những chỉ dẫn này từ phía

chuyên gia Trung Quốc. Chuyện đó cho đến nay vẫn còn là một vấn đề đáng suy ngẫm.

Thứ nhất, có thật 3 cắt giúp heo tăng trọng không? Thứ hai, chuyện đó áp dụng ở các nước có kỹ thuật chăn nuôi tiên tiến ra sao?

Trước hết về cắt đuôi, theo truyền thống của nhiều nước, kể cả Anh, Mỹ đều có áp dụng, vì cho rằng cái đuôi ngoe nguẩy luôn dễ bị các chú lợn con tấn công gây thương tổn. Tuy nhiên, theo những nghiên cứu khoa học cho thấy cắt đuôi làm đau đớn không chỉ trong thời gian đuôi bị cắt mà trong một số trường hợp đau đớn bị kéo dài. Điều đó có nghĩa là không phải cắt đuôi để cải thiện tăng trưởng. Và, Luật ở châu Âu cấm cắt đuôi

lợn theo Chỉ thị (91/630/EEC) Quyết định 1994 Welfare trong chăn nuôi được thi hành ở Anh.

Còn cắt tai, người viết không tìm ra được tài liệu nào minh chứng cho việc kích thích tăng trọng, đa phần chỉ thấy đục (bấm) tai đánh dấu mà thôi. Đặc biệt có chỉ dẫn đưa ra một... món khoái khẩu – tai heo ngâm dấm và quảng cáo về máy cắt tai heo!

Khó hiểu và đáng lưu tâm nhất trong ba cắt, là cắt tuyến giáp trạng. Theo

<http://www.dieutri.vn/noitiet/25-4-2011/S99/Suy-giap.htm#ixzz2jvPtf0iN>

Tuyến giáp có hình con bướm nhỏ nằm mặt trước của cổ, ngay dưới quả táo Adam. Hormone được sản xuất bởi tuyến giáp có một tác động rất lớn đến sức khỏe, ảnh hưởng đến tất cả các khía cạnh của sự trao đổi chất. Tuyệt nhiên, không thấy ai xui bụng cắt tuyến giáp trạng cả.

Liệu có thể xâu chuỗi các vấn đề xưa, đau khó lành như cải cách ruộng đất 1954 – 1955, hay như chuyện mua gốc tre, sừng

trâu và gần đây hơn là bán thịt thối lâu ngày, trứng non bằng nhựa... để tự mình cảnh tỉnh mình, rằng hãy cảnh giác để đừng chuốc họa vào thân.

Cũng may, theo thời gian, khoa học đã chứng minh, và “ba cắt” cũng đã bị cắt lâu rồi.

51. Ba con vẹt (vui):

Một người bán chim có ba con vẹt, quảng cáo rằng con thứ nhất biết nói “Có khách! Có khách!” khi có người đến nhà. Con thứ hai biết chào khách khi khách đến, lúc khách về. Thậm chí, nó còn có thể đối thoại một vài câu thăm hỏi với khách. Con thứ ba thì... không nói gì và luôn im lặng. Và ông ta hét giá ngất trời.

Khách muốn mua một con, ngẫm nghĩ, con thứ hai có lẽ đắt nhất vì nó biết nhiều trò nhất, rồi tới con thứ nhất... Vậy thôi dành mua con thứ ba. Nhưng ông ta muốn té ngửa vì giá con thứ ba, đồ bở, không biết gì cả... lại được héto nhất! – Thế là sao? Ông thắc mắc. Người bán

chim thong thả giải thích: Ba con này là một ê kíp. Cái con mà ông cho rằng không biết gì ấy, nó là nhóm trưởng đấy. Không có nó thì hai con kia chẳng làm được gì cả! Ông có hiểu không? Thực tình ông khách chẳng hiểu mô tê rằng rứa gì, nhưng cứ gật đầu lia lịa. Và không mua con nào nữa.

52. Ba cùng

Thời kháng chiến chống Pháp, phải dựa vào dân để sống, làm việc và chiến đấu, nên có chủ trương “ba cùng”: Cùng ăn, cùng ở và cùng làm với dân. Chủ trương này không những giúp quân, dân, cán bộ gắn bó với nhau, mà còn giúp cán bộ, chiến sĩ biết rõ những khó khăn, tâm tư, nguyện vọng của dân mà hành xử và làm việc cho đúng. Mặt khác dân từ đó cũng tham gia đóng góp kháng chiến tích cực hơn.

Thời Mỹ ném bom bắn phá miền Bắc (1964 – 1973), các cơ quan, trường học phải di sơ tán, một lần nữa “ba cùng” lại

phát huy tác dụng. Và lần này có thêm lực lượng học sinh, sinh viên tham gia. Niên học 1965 – 1966, chúng tôi đang học năm cuối Trường Phổ thông cấp 3 A (buổi sáng) Lý Thường Kiệt, Hà Nội; sơ tán về Văn Đức, Văn Giang, Hưng Yên. Hàng ngày ngoài việc học chúng tôi chia nhau gánh nước, nấu cơm, tắm cho em bé con bác chủ nhà... Có lần giữa đêm nghe铿 báo động của hợp tác xã, tất cả đều bị dựng dậy theo giờ đình ra đồng bắt sâu ngô, tối tinh mơ mờ sáng mới về. Còn nhớ hôm đó, mọi người chỉ cần cú nắm cây ngô mà rung là sâu rơi lộp bộp xuống cái nón húng ở dưới như mưa rào. Hôm đó riêng tôi cũng bắt được cả kg.

Có lẽ “ba cùng” vào thời bình không hợp, vì phân công xã hội, ai phải việc nấy. Nhưng gần dân, hiểu dân, lo cho dân, cho nước, vẫn phải là kim chỉ nam cho mọi suy nghĩ và hành động của mọi người, mọi ngành, mọi cấp mới phải.

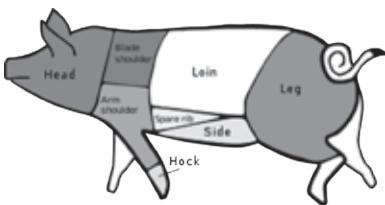
53. Ba đảm đang

Là một phong trào vận động phụ nữ thực hiện tốt ba nhiệm vụ: 1. Gánh vác thêm phần việc của chồng con, anh em, hoàn thành mọi nhiệm vụ sản xuất ở địa phương để chồng con, anh em yên tâm lên đường chiến đấu. 2. Khuyến khích chồng con, anh em gia nhập bộ đội hoặc tiếp tục ở lại chiến trường chiến đấu cho đến ngày không còn một tên lính Mỹ trên đất nước ta. 3. Tích cực tham gia mọi công tác chính quyền, đoàn thể, bảo vệ trị an, phục vụ chiến đấu ở địa phương, sẵn sàng gia nhập quân đội, chiến đấu giết giặc khi Tổ quốc cần.

Năm 1964, đế quốc Mỹ leo thang đánh phá miền Bắc nhằm ngăn chặn sự chi viện của hậu phương lớn cho tiền tuyến lớn miền Nam. Trong không khí sôi sục của cả nước, tháng 3/1965, Hội nghị Ban chấp hành Hội LHPN huyện Đan Phượng đã gửi thư lên Ban chấp hành Đảng bộ Hà Đông lúc đó hứa sẽ quyết tâm. Từ đó, phụ nữ Đan Phượng

trở thành noi khởi nguồn của phong trào “Ba đảm đang” và được nhân dân cả nước biết đến với tên gọi “Quê hương người gái đảm”.

54. Ba giọi



Trong ẩm thực, ở Việt Nam, thịt lợn được chia làm nhiều phần khác nhau, thịt thủ (phần đầu), thịt vai, sườn, sườn non, thịt mông, thịt đùi, thịt ba rọi, thịt thăn, chân giò.

Thịt ngon nhất là phần giữa cổ và vai tức là gáy. Vì nơi đó nạc và mỡ hòa vào nhau nên ăn không bị khô, không bị ngấy. Chân giò cũng vậy. Tuy nhiên đây cũng là theo đánh giá của ta. Còn ở nhiều nước, đầu, chân, bộ đồ lồng, với gai cầm còn thêm cánh, đều là những thứ... bỏ đi. Ngoài ra thì thịt ba chỉ cũng được ưa chuộng – gọi như vậy,

vì chỗ thịt đó, khi cắt ra, nhìn từ da xuống sẽ thấy một lớp mỡ mỏng, rồi tới lớp thịt, tiếp đó lại là lớp mỡ, trông như ba đường chỉ vậy. Thịt này cũng được gọi là thịt ba rọi.

Từ thịt ba rọi, người ta chế biến ra khá nhiều món ngon, mà nghe tới có khi đã chảy nước miếng. Ví như món thịt kho Tầu, chả nướng ăn với bún, gỏi bông súng trộn tôm, thịt... Còn cá kho tộ mà thiếu ba rọi thì khó mà ngon... Mạng ngoisao.net/tin... còn đưa ra tới 15 cách làm bữa tối ngon với thịt ba rọi, với video clip và hình ảnh đầy đủ.

Ấy, ăn là ngon vậy đấy, nhưng hẽ mà nổi quạu (đIÊN) lên với ai, thì lại văng ra: Đồ ba rọi! Sao vậy cà? Có thể, cái cấu hình của anh thịt ba rọi, mỡ chẳng ra mỡ, nạc chẳng ra nạc, béo không hẳn béo, bùi không hẳn bùi, cũng giống như những người nói năng không nhất quán, nhố nhăng vậy...

Thứ lợ cũng có nghĩa tương tự.

55. Ba khoan

Trong kháng chiến chống Pháp, cuộc sống cán bộ chiến sĩ nhiều khó khăn, gian khổ, cơ quan lại luôn luôn phải di dời tránh tai mắt địch. Có vợ con thì vướng víu, làm ảnh hưởng công tác, có khi làm lộ cả bí mật cơ quan.

Vì vậy, có chủ trương “Ba khoan”. Cụ thể, một là: “Khoan yêu”, tránh bị chi phối, vướng bận về tình cảm. Hai là: Nếu lỡ yêu rồi thì “khoan lấy”, lấy thì dễ tăng nhân số lấm. Ba là: Nếu lỡ lấy rồi thì “khoan đẻ”. Cực khó, vì nên nhớ rằng lúc đó làm gì có các phương tiện, dụng cụ tránh thai!

Đúng và cần thiết phải vậy, nhưng toàn những cái khó “khoan” cả! Từ đó mới có thêm câu tiếu lâm – lạc quan tếu – truyền miệng:

*Việt Nam dân chủ cộng hòa
Đàn ông thì ít đàn bà thì đông
Bao giờ kháng chiến
thành công
Chính phủ cho lấy
một ông chín bà.*

56. Ba không (vui)



Ba cái con khỉ bung tai, bịt mắt, ôm đầu thì đã có từ xa xưa. Nhưng thời Pháp rồi thời chúa Mĩ, thì “Không biết! Không nghe! Không thấy!” trở thành một phong trào yêu nước bảo mật, phòng gian, gọi tắt là “phong trào 3 không”.

Có chuyện, một anh cán bộ trên tỉnh xuống xã kiểm tra “Phong trào 3 không”, dọc đường gặp một ông già, cán bộ hỏi: Ông có biết nhà Chủ tịch xã ở đâu không? Ông già không buồn ngó lên, buông thõng: Đéo biết. Đi đoạn nữa cán bộ gặp một thanh niên, lại hỏi vậy. Anh thanh niên to giọng trả lời: Đéo biết! Tiếp đó, gặp một cô gái, khi nghe hỏi, cô ý tứ lấy nón che ngang mặt và nhở nhẹ: Đéo

biết! Tới gần nhà Chủ tịch xã, gặp một đám trẻ đang nô đùa đuổi bắt. Mặc cán bộ ngoắc tay gọi hỏi, không đứa nào buồn dừng lại, nhưng chúng đều đồng thanh đáp: Đéo biết!

Vào nhà gặp Chủ tịch xã, anh cán bộ vui vẻ: Phong trào 3 không ở xã ta tốt thật, nhưng có điều dân ở đây sao ưa nói tục quá! Anh Chủ tịch nổi quạu đậm bàn cái rầm: “ĐM...! Tôi đã nói mãi rồi mà chúng đéo nghe đấy!

Chuyện tưởng chừng chỉ tếu táo cho vui, nhỏ như con thỏ có gì mà àm ī... Nhưng là vấn đề văn hóa đấy!

57. Ba mươi giây

“Ba mươi giây”, là 30 lần tích tắc của quả lắc đồng hồ, có nghĩa là cực ngắn, cực nhanh – chuyện xảy ra rất nhanh. Xét về năng lực giải quyết một công việc nào đó của con người, là dễ dàng như trở bàn tay, hay nhanh như điện, như chớp... “Định mức” “ba mươi giây” xuất hiện đầu tiên trong chương trình Games show “Nốt nhạc vui”, và nhanh

chóng trở thành câu cửa miệng khi đề cập những việc dễ dàng, hoặc là ngoa ngữ của những chàng, nàng hay ba hoa, cái gì cũng “*Ba muoi giay*”.

Thứ xem trong thực tế “*ba muoi giay*” làm được gì, có thể xảy ra điều gì?

“*Ba muoi giay*” trong giao tiếp đủ để nói một lời “có cánh”, hay một cái bắt tay thân thiện, một cái móc ngéo, một lời cam kết. Và cũng đủ để làm cho đối phương tức chết. Nhà sinh lý bệnh học người Nga F.G.Uglop nhận xét: Lời nói thô bạo là kích thích mạnh nhất, chỉ trong mấy giây mà nó tác động đến hệ tim mạch hàng giờ, hàng ngày. Trong cuộc sống thực tế, có những lời nói trong “*ba muoi giay*”, thậm chí nhiều tháng, nhiều năm sau đó, hẽ nhớ lại, con tim người ta vẫn quặn thắt. Thành ngữ dân gian có câu: “*Lời nói đợi máu*” là vậy.

Xét về hành động, “*ba muoi giay*” đủ để một võ sĩ hạ knock out đối thủ, đủ để cho một lái xe bất cẩn cán chết người, và cũng đủ để

những cặp tình nhân ôm nhau, hôn... nhiều cái hôn thắm thiết.

58. Ba mươi lăm

Trong trò chơi đánh đề, mỗi con số đều có vẽ hình một con vật: số 35 kèm hình con dê(*xem mục 254*): do đó dân gian gọi “*ba muoi lăm*” có nghĩa là con dê. Người mà bị gọi là “*ba muoi lăm*” là người có máu dê, là hám gái; Và người mà bị gọi là “*dê cụ*”, “*dê chúa*” thì thuộc loại nhất xú rồi.

Hình tượng con dê, chỉ áp dụng cho đàn ông. Đàn bà có cái máu tương tự thì gọi là ngựa.

59. Ba năm dụ dỗ

Thời kỳ xe máy như là một phần tài sản và cũng là bộ cánh của các chàng, thì ảnh hưởng tới nhiều nàng có khi lại từ cái xe máy. Hiện có những mô tô có thể lên tới cả trăm ngàn đô như Harley Davidson chẳng hạn. Và nếu như những năm 1980, “*một nghìn lời nói không bằng lần khói Honda*”, thì tới những năm 1990, “*Ba năm dụ dỗ không bằng*

tiếng nổ Dream (hoặc Suzuki sport)". Nhưng tới những năm 2000, thì mức "trượt giá" của các nàng được "*quy ra thóc*", tệ cung là Dylan, SH...

*Yêu anh em chẳng cần chi
Chỉ xin anh chiếc A còng (@)
mà thôi....*

60. Ba năm phán đấu không bằng cơ cấu 1 giờ



Thân quen, có gùi gắm, "chấm trước", thì dù có thi kiểu gì, khó mấy cũng qua tuổi. Nhất thân mà. Nay giờ chuyện đó diễn ra ở mọi ngành, mọi lĩnh vực, từ văn hóa nghệ thuật, đến khoa học kỹ thuật và quan trường cũng vậy. Cái tệ nạn này sinh chuyên quyền, kéo bè kéo cánh, rồi những nhiễu, lo lót... đang làm yếu đất nước đi rất nhiều. Và khiến cho những người có

năng lực, chịu phán đấu cũng khó ngóc đầu lên được.

Cái câu "*Ba năm phán đấu không bằng cơ cấu một giờ*", có phiên bản là "*một ngày*", không phải mới, đã có từ những năm 1980, nghĩa là trên dưới 30 năm rồi! Và bây giờ cũng chưa mấy đổi thay.

61. Ba năm võ Tầu...

Võ Tầu là võ Trung Quốc, một trong những quốc gia có nền võ thuật nổi tiếng thế giới, với những môn phái như Thiếu Lâm, Sơn Đông, Vịnh Xuân quyền, rồi Hồng Quyền... Tuy nhiên, bất luận là võ Tầu, võ Tây hay võ ta thì những người học võ đều được răn là học võ để giúp đời, không phải để ý mạnh đánh yếu, và phải có tinh thần của người quân tử, không dở những trò tiểu nhân gian manh, đâm sau lưng địch thủ, hoặc dùng ám khí. Nhưng những người có đầu óc thực dụng, thì cho rằng bất luận một cuộc so tài nào, kết cục đều là thắng hay thua. Vì vậy mới luận ra: "*Ba năm võ Tầu,*

không bằng một châu cũ đậu". "Cũ đậu" là gạch đá, tốt nhất là đá (xanh) đường tàu vừa cúng, vừa có nhiều cạnh sắc. Học võ dù có giỏi cũng khó chống đỡ nổi với "một châu cũ đậu" tới tấp bay từ mọi hướng tới mình.

62. Ba nhất

(QĐND online) Đầu năm 1960, tại Hội nghị bắn toàn quân lần thứ 2, Trung đoàn Pháo binh 68, thuộc Đại đoàn 304, được Đại tướng Nguyễn Chí Thanh tuyên dương tại buổi lễ là đơn vị : "*Giỏi nhất, nhiều nhất, đều nhất*" vì có nhiều kết quả tốt, sáng tạo trong phong trào thi đua thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị. Trung đoàn 68 vinh dự là đơn vị "*Ba nhất*" được Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng phát động thành phong trào thi đua trong toàn quân, lấy huấn luyện chiến đấu, chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu làm trung tâm, lấy việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị của đơn vị mình làm mục tiêu thi đua cụ thể. Từ cái nôi của phong trào thi đua "*Ba nhất* tại Đại hội

của Anh hùng chiến sĩ thi đua toàn quân năm 1961, Chủ tịch Hồ Chí Minh biểu dương các phong trào thi đua và khẳng định vào niềm tin tất thắng của sự nghiệp cách mạng. Người nói: "Công nhân phất cao ngọn cờ "*Duyên hải*". Nông dân phất cao ngọn cờ "*Đại phong*". Quân đội anh hùng phất cao ngọn cờ "*Ba nhất*". Công-Nông-Binh đại thi đua, đại đoàn kết, chủ nghĩa xã hội nhất định đại thành công, Bắc – Nam nhất định sẽ thống nhất, non sông một nhà".

63. Ba săn sàng

Năm 1964, một phong trào mới phát triển rất nhanh, được lớp trẻ hướng ứng nhiệt tình. Đó là phong trào "*Ba săn sàng*". Săn sàng chiến đấu, chiến đấu dũng cảm/ Săn sàng gia nhập lực lượng vũ trang/ Săn sàng đi bất cứ nơi nào, làm bất cứ việc gì Tổ quốc cần đến.

Theo Báo *Hà Nội Mới*, người chấp bút ra chương trình này là Lê Tám, tên thật là Hoàng Quốc Liên, quê Phù Cù - Hưng Yên,

lúc đó là Phó Bí thư Thành đoàn Hà Nội.

Đêm 9-8-1964, nghĩa là chỉ 5 ngày sau khi máy bay Mỹ xâm phạm bầu trời miền Bắc, Quảng trường Nhà hát Lớn thành phố Hà Nội sáng rực ánh đèn, đỏ rực màu cờ, và dậy vang những tiếng hô như sấm động, những lời thề danh thép “Sẵn sàng! Sẵn sàng! Sẵn sàng!”. Những người dự mít tinh tay cầm đuốc, tay cầm súng, gậy tầm vông... tỏa ra, rầm rập tuôn hành trên các đường phố, quanh hồ Hoàn Kiếm. Phong trào đi rất nhanh vào quần chúng. Chỉ trong thời gian ngắn, hai mươi vạn thanh niên Hà Nội tình nguyện “Ba sẵn sàng”, tám vạn thanh niên Thủ đô náo nức ghi tên gia nhập lực lượng vũ trang. Cuối năm 1964, đã có hơn hai triệu năm mươi vạn thanh niên miền Bắc tình nguyện “Ba sẵn sàng”.

64. Ba số 5 vừa nầm vừa kỵ

Buôn lậu qua biên giới Tây Nam, sau thời thuốc lá Samit (*nói ít, hiểu nhiều*) đến các loại

Hero, Jet... rồi 555 (ba số năm). Lúc này việc hối lộ, quà cáp vẫn chỉ ở “mức tình cảm” (*xem mục 756*). Chỉ cần “thiện chí”, biết điều tí thôi. Một hai bao thuốc ba số cũng có thể qua được cửa, giải quyết được vấn đề cần thiết.

Câu “*ba số năm vừa nầm vừa kỵ*” có vào khoảng những năm 1980.

65. Ba vạn chín nghìn

Cứ mỗi khi bực mình chuyện gì, với ai, các cụ xưa lại điên tiết lên, tung ra một câu rủa: *Cái đồ “ba vạn chín nghìn”*; *ăn cái “ba vạn chín nghìn ấy”*!. Nhớ đây là lời các cụ xưa, có lẽ cách nay dễ trăm năm có lẻ. Chứ nay bói không ra đâu.

Đành rằng là xưa đi, và là các cụ “tinh vi”, không ăn nói tục tĩu đi, nhưng rủa vậy nghĩa là sao hỉ?

Có người giải nghĩa “cái ba vạn chín nghìn” từ “chữ trình đáng giá ngàn vàng” mà ra. Lại có người dẫn trong truyện “Nghìn lẻ một đêm” có câu “*ba vạn chín nghìn con cá voi!*” được sử dụng mỗi khi người ta giận ai

đó. Vậy không khéo nó xuất xứ từ Ai Cập xưa?!

Và Nghệ nhân hát xẩm Hà Thị Cầu, tên thật là Hà Thị Năm, sinh năm 1921 tại Ý Yên, Nam Định, mất lúc 12g30 ngày 3-3-2013 tại Yên Phong, Yên Mô, Ninh Bình, khi còn sống luôn nói như răn mình: “Kiếp nhân sinh ba vạn chín ngàn ngày, tham cúng để làm gì đâu” (*Datviet.vn*, 04/03/2013).

Cao Bá Quát nổi loạn chống lại triều đình, trước khi bị xử tử, có bài thơ:

*Ba vạn sáu nghìn ngày là mấy
Cánh phù du xem thấy
cũng nực cười
Thôi công đâu chuốc lấy sự đời
Tiêu khiển một vài
chung lếu láo”*

Và ba vạn chín nghìn ngày có phải ba vạn sáu nghìn ngày, nghĩa là một trăm năm, mà nói vống lên không? Từ xưa, cụm từ “một trăm năm” thường được dùng để chúc tụng như: sống lâu trăm tuổi, trăm năm hạnh phúc. Và khi nói tới sự ra đi của những người đáng kính, kỵ chữ

“chết”, người ta thường nói: khi các cụ trăm tuổi...

Đại thi hào Nguyễn Du, mở đầu truyện Kiều cũng viết: “Trăm năm trong cõi người ta”.

66. Ba xây ba chống



Bác Hồ với người dân Pác Bó, Cao Bằng,
Ảnh: TL

Ngày 20-7-1963, Bộ Chính trị ra Nghị quyết mở cuộc vận động “Nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, cải tiến kỹ thuật, chống tham ô, lãng phí, quan liêu” trong ngành công nghiệp, gọi tắt là *Ba xây, ba chống*. Sau đó, ngày 20-10-1963, Hội đồng Chính phủ chính thức phát động cuộc vận động *Ba xây, ba chống* (Cổng thông tin điện tử chính phủ).

(Biên bản Hội đồng Chính phủ lưu lại tại Trung tâm lưu

trữ quốc gia, trích trong *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*.

Ngày 31-1-1964, Bộ Chính trị họp bàn về công tác lãnh đạo cuộc vận động *Ba xây, ba chống*. Hồ Chủ tịch đã đến dự, Người đề cập vấn đề không bình thường là cán bộ lãnh đạo lại hưởng ứng *Ba xây, ba chống* không tích cực bằng đồng đảo cán bộ, nhân viên. Người nêu câu hỏi: Tại sao dưới động, trên không động? Nhỏ động, to không động?

... Lịch sử dân tộc ta đã chứng minh, sau mấy lần đại thắng quét sạch giặc ngoại xâm (đời Trần và đời Lê) chỉ còn ta với ta nhưng rồi lại mất nước vì mọi quyền hành lúc đó đã vào tay bọn gian thần tham nhũng cùng vua quan chỉ biết hưởng lạc, đe đầu cuồi cổ dân.

(Bác *Hồ chối tham nhũng, tha hóa đạo đức cách mạng*; Báo *Đại Đoàn Kết*, 04/02/2010)

Bây giờ, khi phong trào học và làm theo gương Bác Hồ đang vào hồi cao trào, thiết nghĩ cũng nên nhìn lại việc thực hành *Ba xây, ba chống* xem sao, hỉ.

67. Ba xị để.

Xá xị hay Sá xị, là một loại nước giải khát có hương vị từ nước chiết rễ cây xá xị (*Smilax regelii*, thuộc chi Khúc khác), được dùng rộng rãi ở một số quốc gia trên thế giới. Nước xá xị thường được bom ga Axit cacbonic, thêm có màu sắc giống với côla nhưng có hương vị đặc trưng riêng.

Trước năm 1975, xá xị rất phổ biến tại miền Nam Việt Nam, và phần lớn do hãng BGI sản xuất, chứa trong chai thủy tinh, nhãn hiệu có hình con cọp (hổ), nên còn gọi là “xá xị con cọp”. Hay là “xá xị con nai” của hãng Phương Toàn.

Chai “xá xị con cọp”, dung tích 250ml. Cũng có người bảo rằng chai xá xị chỉ bằng 220ml mà thôi, nhưng người Hoa (Chợ lớn) dùng đong 4 xị để bán thành 1 lít, với cách bán lẻ như thế này thì 1 lít họ lòi được 120ml. Như thế, chai xá xị đã được dùng để đo lường trong bán hàng của người Việt, miền Nam ta. Thay vì mua 250ml hay 220ml, người ta

chỉ cần nói gọn: Bán cho một xị (nước tương, nước mắm, rượu...)

Và khi tới mấy ông nhậu, thì từ “xị” còn được dùng hữu hiệu hơn. Ngoài cái chuyện sướng lên “Cho một (hai, ba...) xị” để xác định lượng rượu mua, “xị” còn được dùng phân quyền lực trong bàn nhậu. Ai đáng kính – tất nhiên là theo cách đánh giá của dân nhậu – sẽ được giao làm “chủ xị”, người giữ chai rượu – giữ phần hồn của cả bàn, phạt ai, thưởng ai đều do chủ xị quyết. “Xị” cũng là thước đo tinh lực của các đệ tử lưu linh. Hãy nghe một bài tự trào của dân nhậu sẽ rõ.

Một xị là mở mang trí tuệ / Hai xị là giải phá con sâu/ Ba xị có thâm tháp vào đâu/ Bốn xị mới chảy mép râu/ Năm xị nằm đâu ngủ đó/ Sáu xị cho chó ăn chè.

Lại thêm một biến tấu nữa của dân miền Nam, nói: *Ba xị đế*, nghĩa là rượu đế đấy.

Còn một “xị” nữa không dính gì vào đây, nhưng cho nó dài thêm ra, đã ngứa. Đó là “xị” của mấy tay làm ăn, cá cược... Một *Xị*

bằng 100 ngàn (miền Bắc gọi 100 ngàn là 1 cân), 1 chai là 1 triệu, 1 ly là 10 ngàn, 1 ngum là 1 ngàn.

68. Bà chằng (chằn)



Theo Anh Phó (Báo Pháp Luật), về ngữ nghĩa, và trong thực tế ở Việt Nam có nhiều “bà chằng (chằn)” khác nhau.

Có một loại sinh vật nhỏ giống như con đỉa, ở trên ruộng, bụng dẹp, mình có cạnh được gọi là “con bà chǎn”. Cùng loại này, nhưng khi bò để lại trên đất một vết nhòn lấp lánh thì được gọi là “Bà chǎn lửa”, có miệng màu đỏ, trông dễ sợ hơn bà chǎn thường!

Còn hạn hán xảy ra trong mùa mưa, nắng gay gắt nhiều, dân gian gọi là “*hạn bà chǎn*”. Cụm từ ngữ này đã được chính thức dùng trong ngành khoa học khí tượng thủy văn, và cũng đã được đưa vào từ điển (*Từ điển từ ngữ Nam Bộ*, Huỳnh Công Tín, NXB Khoa học Xã hội, 2007, trang 575). Dân gian còn gọi “*Hạn bà chǎn* là hạn lệ, hạn bông tranh, chỉ các đợt khô hạn ngắn xảy ra vào mùa mưa ở đồng bằng sông Cửu Long”.

Từ điển Bách khoa Việt Nam, NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2002 cũng giải thích: “Hạn bà chǎng là đợt hạn trong mùa mưa ở đồng bằng Cửu Long (tháng 5-11). Do ảnh hưởng của cao áp Thái Bình Dương,

thường xuất hiện vào tháng 8, gió đông nam lấn tới đẩy lùi gió tây mang hơi nước, gây các đợt hạn (liên tục có trên năm hay trên bảy ngày không mưa). Hạn bà chǎng không những không gây tác hại nhiều cho nông nghiệp, trừ trường hợp đặc biệt, mà còn có lợi cho lúa hè thu sớm, gặt và phơi thóc hay cho vụ màu thứ nhất ở miền Đông Nam Bộ, thu hoạch vụ màu đầu tiên và làm đất ngay để trồng vụ màu hai, cây phát triển khi mưa trở lại. Một cơ cấu cây trồng hợp lý, điều kiện thủy lợi được cải thiện, cho phép lợi dụng hạn bà chǎng tại một số địa phương ở Nam Bộ” (Tập 2, trang 209).

Người đàn bà hung dữ, xấu xí cũng bị kêu là “bà chǎn”, cao hơn mức thì kêu “bà chǎn lửa”.

Còn “*chǎn tinh gấu ngựa*” hay “*chǎn ăn trăn quấn*”, là ám chỉ các bà, các cô “đã xấu cõi đóng vai ác”, những loại người khó nuốt, khó nhai... Còn con chǎn tinh ở đây là con trăn thành tinh, như trong chuyện cổ tích Thạch Sanh vậy.

Ở Mỹ, có một phim hoạt hình 3D, sản xuất 2001, mang tên “Shrek”, dựa trên truyện tranh cổ tích tên *Shrek*, xuất bản năm 1990 của William Steig, là phim hoạt hình đầu tiên đoạt Giải Oscar, hạng mục giải thưởng mới được đưa ra năm 2001.

Shrek là một anh chàng yêu tinh da xanh có bề ngoài thật dữ tợn và xấu xí. Shrek sống một mình biệt lập với mọi người...

Bản DVD và VHS của phim được phát hành ngày 7 tháng 11 năm 2001. Và cũng đã chiếu trên nhiều kênh truyền hình Việt Nam, với tên gọi “Chàng chằn tinh dễ thương”.

69. Bà tám

Tại sao không nói “bà bảy, bà chin”, mà lại nói là “bà tám”, để ám chỉ những người ưa ngồi lê đồi mách? Có vẻ bí dí... bậy, khi bảo rằng xưa ở một gia đình có một bà thứ tám “buôn dưa lê” nổi tiếng, nên từ đó....

Nghe An Chi (petrotimes.vn/news/vn/hoc-gia-an-chi) giải thích có ngọn, có ngành, dễ tin

hơn. Theo đó, tiếng Quảng Đông “pat phò”, đọc theo âm Hán Việt là “bát bà”, là “bà tám”, dùng để chỉ người phụ nữ hay để ý hoặc bàn tán đến chuyện của người khác, hiểu rộng ra là người đàn bà nhiều chuyện. Ở những địa phương khác, dân Tàu gọi hạng đàn bà đó là “trường thiệt phụ”, là “con mẹ lưỡi dài”.

Khi phim Tàu, đặc biệt là phim Hongkong, nói tiếng Quảng Đông, được các đài truyền hình Việt Nam nhập về, lồng tiếng... thì “pat phò” trở thành “bà tám”!

Dần dần từ “bà tám” được dùng để chỉ những người nhiều chuyện. Còn “tám” thì dùng để chỉ hành động của hạng người đó – *tám chuyện*.

70. Bạch công tử

Nói về ăn chơi nổi đình đám, ở xứ Nam bộ, không thể không kể tới Bạch Công tử Lê Công Phuước, thường gọi là Phuước George. Phuước George là con trai thứ tư của Đốc Phủ sứ Lê Công Sủng, người làng Điều Hòa, quận



Châu Thành tỉnh Mỹ Tho, Định Tường, Tiền Giang, da trắng nên gọi là Bạch công tử để phân biệt với Công tử Bạc Liêu, da ngâm đen, là Hắc Công tử.

Phuoc G. rất mê cải lương, sang Pháp học về sân khấu. Về nước, cùng với Nguyễn Ngọc Cương lập ra gánh hát lấy tên 2 người là gánh Phuoc Cuong. Một năm sau, Phuoc tách ra lập gánh Huỳnh Kỳ để cho Phùng Há quản lý và cưới Phùng Há sau đó.

Có giai thoại kể rằng, một tối, Hắc công tử và Bạch công tử so tài lấy tiền để nấu chín nồi đậu... Và trong trận thư hùng đó, Bạch Công tử đã chiến thắng.

Do ăn chơi phung phí, cờ bạc, phụ nữ, hút xách cho nên cuối cùng tất cả sản nghiệp Bạch Công tử đều tan thành mây khói. Nấm mồ của ông nay cũng chỉ là một nấm đất không bia mộ. (*Theo Trúc Giang*)

71. Bạch vệ



Chỉ huy Bạch vệ Aleksandr Fyodorovich Kerenskii cựu thủ tướng Chính phủ lâm thời trước Cách mạng tháng 10 Nga
(*Wikipedia*)

Bạch vệ là lực lượng bao gồm một phần của các lực lượng vũ trang Nga (gồm cả chính trị và quân sự), lực lượng này chống lại

những người Bolshevik sau Cách mạng tháng Mười và chiến đấu chống lại Hồng quân trong Nội chiến Nga từ năm 1917 đến năm 1923. Bạch vệ cũng là tên gọi của Quân Giải phóng Nga. Đội quân này chống lại Liên Xô trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

Năm 1917, sau Cách mạng tháng 10, phe tư bản Nga phải lưu vong ở nước ngoài đã lập nên Bạch vệ do lãnh tụ đảng Mensevik Alexander Kerensky đứng đầu.

Khi chính quyền Xô Viết đang củng cố đất nước thì lực lượng Bạch vệ với sự trợ giúp của ngoại quốc đã tấn công Nga, nhưng đã bị Hồng quân đánh bại.

Liên Xô thành lập, tàn quân Mensevik bị truy nã gắt gao. Kerensky chết vì bệnh ở London, các thành viên khác cũng qua đời vì bệnh tật. Do không có chỉ huy nên Bạch vệ đã giải tán.

Từ Bạch vệ là đối với Hồng (đỏ) quân, sang Việt Nam “đỏ” cũng được hiểu là đảng. Và như thế, nói ai đó là “bạch vệ”, thì cũng đồng nghĩa với việc là người đó

chưa phải đảng viên. Có lúc thì câu đó như một chỉ trích, nhưng cũng có khi chỉ đơn thuần là nói người đó ngoài đảng.

Theo cách nghĩ của cá nhân, Bonsevik hay Mensevik, đảng viên hay Bạch vệ thì cũng phải lấy cái chuẩn là một công dân tốt. Mà đã là công dân tốt thì dù ngoài đảng vẫn tốt. Còn nếu là đảng viên mà không tròn nghĩa vụ công dân, thậm chí có khi còn là công dân xấu thì còn tệ hơn phó thường dân (*xem mục 618*).

72. Ban ngày cả nhà lò việc nước...



Thời kỳ bao cấp kéo dài cho tới những năm 1980, dân số tập trung về các đô thị gia tăng mạnh, nên vấn đề điện nước trực trặc triền miên. Ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh là

nghiêm trọng nhất, có khi hứng cả buổi mới được xô nước, mà công việc, cả việc nhà, việc nước đều không thể bỏ. Vì vậy:

Ban ngày cả nhà lo việc nước

Ban đêm cả nước lo việc nhà.

73. Bán cháo phổi

Từ thời bao cấp đến giờ, giáo chức ở cả các cấp học phổ thông cho tới đại học đều lấy cái nghè nói và hít bụi phấn để mà sống, nên dân gian gọi cái nghè dạy học là “*bán cháo phổi*”. Trong khi lương thì rất thấp, chính Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân khi còn làm Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo phải cam kết sẽ cải tiến để giáo viên có thể sống bằng tiền lương. Nhưng tới nay vẫn “vũ nhu cẩn” (xem mục 812). Lương không đủ sống thì phải chạy sô – đi “*bán cháo phổi*”, khiến cái nghè đã đói nay lại còn không được coi trọng. Thật đáng buồn!

74. Bán độ

“*Bán*” là “*đổi*”, chuyển nhượng một thứ gì đó về vật chất, hoặc

tinh thần, có khi là thế xác để lấy tiền. Còn “*độ*” ở đây là tiếng lóng của dân cờ bạc, chỉ việc dàn xếp tỷ số trong một trận thi đấu thể thao nói chung, nhưng phổ biến là trong bóng đá. Nạn *bán độ* trong bóng đá Việt Nam có từ trước 1975, và cứ tiếp tục âm ỉ, âm ỉ mãi cho đến 2005, thì thật sự làm bàng hoàng dư luận và rối loạn đội hình LĐBĐVN, Hội đồng trọng tài và các CLBBĐ, khi các cầu thủ Văn Quyến, Quốc Vượng... trong đội tuyển thi đấu SEA Games 23, diễn ra tại Philippines, ngày 24/11/2005, trận VN gặp Myanmar đã quên cả màu cờ sắc áo, cả thể diện quốc gia mà *bán độ*.

Và còn nóng hổi, mùa giải 2011, nghi án *bán độ* 500 triệu đồng lại làm dư luận sôi lên.

75. Bán lúa non

Trước 1975, ở miền Nam, có hình thức mua mảo, không cần cân đong, đo đếm, cứ nhìn ước lượng mà tính giá những cánh đồng lúa... chưa chín. Nhiều người dân do thắt ngặt, không

còn tiền lo tiếp cho lúa và có khi còn bị nợ réo đòi, đành cắn răng bán lúa còn đang thi con gái, xanh non mon mòn. Bán kiểu này được gọi đích danh là *bán lúa non*, luôn là lỗ, là thiệt, nhưng biết làm sao?!

Dần dần dân tình phát hiện, không phải chỉ có lúa mới bị bán non, mà... nhiều công chuyện làm ăn, có khi chưa tới “vụ gặt hái” nhưng do nhiều lý do khiến cũng phải nhượng lại cho người khác thu hoạch.

Vẫn còn nóng hổi hổi là những dự án về nhà đất, cứ đóng băng, cứ tụt giá liên tục, rồi cứ treo không biết đến bao giờ, khiến nhiều nhà đầu tư phải tìm cách bán tống bán tháo, bỏ cửa chạy lấy người. Theo *dddvn.com.vn*, 21 Tháng Mười Hai 2011: So với thời điểm thị trường bất động sản sôi động, giá đất tại các dự án bất động sản được bán đã giảm gần 50% giá trị.

Và tất cả những gì buộc phải bán non, bán ép đều được dân tình gọi là: *Bán lúa non*. Cách sử dụng ngôn từ như vậy phổ biến

từ những năm 2000, vào thời kỳ nhiều dự án treo và đổ bể.

76. Bạn... bè

Tiếng Việt thường có những lối chiết tự thật hay, thật thâm thúy. Ví dụ: Đói rách – đã đói thì khó mà lành; Lương bỗng – Lương cao, thấp là xét theo ngạch bậc, và như vậy cũng thường kèm theo bỗng lộc khác nhau. Thời bao cấp, lương gần như cào bằng, thực ra xếp cũng hơn lính chút ít, nhưng không đáng kể. Tuy nhiên “bỗng, lộc” trên ban của xếp, thì có khi gấp đến nhiều lần. Chẳng hạn, tiền chi ra cho xe hơi, nhà lầu, người giúp việc cho xếp... tính ra gấp vài chục lần nhân viên cũng có. Còn cụm từ này mới là hay, là chính xác tới muôn muôn năm: Quyền hạn. Có quyền, tất phải có han để khống chế quyền đó. Dù quyền đó có cao tới đâu, người giữ quyền đó có lớn đến đâu cũng phải có giới hạn nhất định, nếu không xã hội sẽ loạn. Cứ thử nghĩ xem, ví như Tôn Ngộ Không chọc trời, khuấy

nước mà không có mǔ kim cô
thì liệu có đại loạn không? Tam
Tạng có thỉnh được kinh nhà
Phật về được không?

Tuy nhiên, có một cụm từ cứ sờ
sờ ra đây, không thấy ai đá động
gì, mãi tới gần đây, khi người ta
thừa nhận có những nhóm lợi
ích, mới mổ xé ra và gật gù: “Tài
thật! Tài thật! Tiên sư anh Tào
Tháo!”. Đây là cụm từ “*bạn bè*”.

Năm 2004, trong một kỳ Quốc
hội họp, người viết có điện thoại
ra gặp GS.Tôn Thất Bách hẹn
gặp để... uống bia lè đường Cố
Tân. Ông đồng ý nhanh. Nhưng
sau đó khi được nhắc tới, liệu
bận quá nhiều công việc... thì
ông thừa nhận và bảo rằng
nên điện trước để ông thu xếp.
Trước khi chúng tôi kết thúc câu
chuyện, ông nói một câu chậm
rãi và đầy ý nhị: “Ông nên nhớ
rằng, ngày xưa mới có bạn. Còn
bây giờ chỉ có bè thôi!”

Chẳng hiểu chuyện này có
phải lỗi do người dân không
biết chiết tự chữ *bạn... bè* không,
nhưng rõ ràng tình... bạn bây
giờ thật đáng buồn!!!

77. Bang cò ĩa

Không phải là trường hợp riêng
có. Ở nhiều địa phương, dù có
nhiều con đường gốc phố có
thay đổi tên thế nào, nhưng
người dân vẫn “ưa” gọi nó theo
thói quen hay cách định vị của
mình. Thì đây thôi, tại TP.HCM,
ở Gò Vấp, khúc ngã 5 Nguyễn
Oanh, Quang Trung... nay
đường rộng thênh thang, nhà
cửa mở ra rộng rãi khang trang
so với trước 30 tháng 4 rất, rất
nhiều, nhưng người dân vẫn gọi
đó là Ngã 5 chuồng chó (nơi xưa
có trại quân khuyến của VNCH).
Và rồi Ngã 4 Bảy Hiền, Ngã 6
Cộng Hòa, Ngã 7 Sài Gòn... vẫn
cứ chết tên như vậy.

Ở Hà Nội, tính từ những
ngày đầu tiếp quản tới nay, chí
ít cũng gần 60 năm rồi mà con
phố Lò Đúc vẫn được dân tình
gọi là Bang cò ĩa. Chả là từ xưa,
trên những hàng cây sao cao
vút, cách xa phía dưới đô thị ầm
àò, luôn chuyển động, là thế giới
riêng biệt của loài chim. Và cò
luôn thống lĩnh về số dân. Cái
con đường Lò Đúc ấy, ngày xưa

luôn tráng túc cò; người đi bộ thỉnh thoảng lại được nhận, dù muốn hay không, một bâi túc cò nở bung như một giọt vôi trắng, có khi ngay trên đầu.

Có lẽ xa hơn là thời bom đạn Mỹ bắn phá Thủ đô, mà gần đây thì là quy hoạch, là xe ô tô, xe máy... là ô nhiễm môi trường đã khiến lũ cò phải bỏ đi tìm nơi khác như những người dân phải di để nhường đất cho thủy điện, cho công trình A, B, C gì đó.

Bây giờ, Lò Đúc không bán lò, mà cũng không có cò ả nữa, chẳng hiểu có người Hà Nội xưa – nay nào lại mơ vào một ngày đẹp trời nào đó đi qua Lò Đúc lại được... cò ả lên đầu không? Nhưng quả là Hà Nội xưa, Lò Đúc xưa thật thanh bình, thật dễ thương khiến người xa luôn nhớ về.

78. Banh talon

Tiếng Pháp *Talon du pied* là gót chân. Trong bóng đá, đánh gót, gọi là đánh *talon*. Gân gót chân là chỗ trọng yếu, cắt đứt là hết đi luôn. *Gót chân Achilles* là một câu ngạn ngữ rất nổi tiếng

nói về điểm yếu của mỗi con người. Theo thần thoại Hy Lạp, khi Achilles sinh ra đã được tiên tri là chàng sẽ chết trong chiến trận. Để giúp con có thể trường tồn, thần Thetis hai tay giữ gót chân, dốc ngược cậu bé, nhưng cả người cậu vào nước sông Styx, nhờ đó Achilles trở nên mình đồng da sắt, riêng gân gót chân không được nhúng nước là yếu. Cuối cùng, trong Chiến tranh thành Troia chàng đã tử trận vì bị hoàng tử Paris dùng tên bắn xuyên qua gót chân.

Talon khi vào Việt Nam được ghép thành “*banh ta lông*”, và được hiểu là tan tành, là tan nát ra. Chẳng hạn như: cái nhà đó banh ta lông hết rồi.

79. Bao cấp

Là thời kỳ kinh tế kế hoạch tồn tại ở miền Bắc từ trước năm 1985, song thường được dùng để chỉ sinh hoạt kinh tế cả nước giai đoạn từ đầu năm 1976 đến cuối năm 1986, trước thời kỳ Đổi mới. Và như thế có thể chia bao cấp làm 3 giai đoạn:

Giai đoạn 1: Từ 1954 – 1964, tức là sau hòa bình lập lại đến trước khi Mỹ ném bom bắn phá miền Bắc: Giai đoạn này cuộc sống tuy chưa thật khấm khá, nhưng bắt đầu “ăn no mặc ám”

Giai đoạn 2: Từ 1964 – 1975: Thời kỳ Mỹ ném bom bắn phá miền Bắc (1964 – 1973), với câu nói đe doạ huỷ diệt của Tổng thống Mỹ Johnson: Đưa Việt Nam trở về thời kỳ đồ đá. Đây là một thời kỳ cực kỳ khó khăn của miền Bắc.

Giai đoạn 3: Từ 1975 đến 1986, tức từ sau giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, đến trước thời kỳ đổi mới: Thời kỳ này cả nước gặp khó khăn vì phải hàng gánh những vết thương chiến tranh, sản xuất nhiều nơi đình đốn, mà viện trợ từ các nước XHCN thì không còn, Việt Nam bị Hoa Kỳ cấm vận. Đã có lúc TPHCM, nằm giữa vựa lúa ĐBSCL mà thiếu gạo. Khủng hoảng đã lên tới đỉnh điểm (xem mục 362)

Nếu kể cả về tư duy, thì có lẽ “bao cấp” còn kéo dài tới tận bây giờ.

80. Bao giờ cho đến tháng 10

Đạo diễn Đặng Nhật Minh có một bộ phim mang tên *Bao giờ cho đến tháng Mười*, ra mắt lần đầu năm 1984.

Chồng đã hy sinh, nhưng Duyên phải giấu kín gia đình vì cha già đang bệnh nặng. Để an ủi cha, Duyên nhờ Khang viết giả những bức thư hỏi thăm gia đình như khi chồng chị còn sống. Thế rồi, có nhiều tiếng đồn dì nghị rằng Duyên và thầy giáo Khang có tư tình. Đến khi cảm thấy mình yếu, không còn sống được bao lâu, người bố chồng bảo Duyên gọi điện cho con trai về để gặp lần cuối. Đến lúc này, tin chồng mất đã không giấu được nữa...

Trong phim có *Bài thơ viết trên cánh diều* của chính đạo diễn Đặng Nhật Minh:

*Bao giờ cho đến tháng Mười
Lúa chín trên
cánh đồng giông bão
Ta để lại sau lưng những
ngày dài mong đợi
Những mất mát hi sinh,
khổ đau, chịu đựng*

Khi trời thu vẫn xanh mãi trên đầu

Bộ phim đã được bình chọn là một trong những bộ phim kinh điển của nền điện ảnh Việt Nam. Và được CNN đánh giá là một trong 18 bộ phim châu Á xuất sắc mọi thời đại.

Bao giờ cho đến tháng Mười như một lời cầu mong, ước nguyện cho một chuyện gì đó thành hiện thực và cũng là... khó xảy ra. Chính vì thế, sau trình chiếu một thời gian, tên của bộ phim đã trở thành một câu ta thán của dân gian mỗi khi ước muốn một điều gì đó mà cảm thấy khó thành: “Ôi! *Bao giờ cho đến tháng Mười?*”. Cũng có khi nói:

Uớc gì cho tới tháng Mười.

81. Bảo Đại cởi truồng



Bảo Đại, tên húy là Nguyễn Phúc Vĩnh Thụy, còn có tên là Nguyễn Phúc Thiển, tục danh “mệ Vững” sinh 22/10/1913, (23/9 năm Quý Sứu) tại Huế, là con của vua Khải Định và Từ Cung Hoàng thái hậu Hoàng Thị Cúc (28/1/1890 – 9/11/1980), là vị Hoàng đế thứ mười ba của triều Nguyễn, cũng là cuối cùng của chế độ quân chủ Việt Nam. Vua Khải Định mất ngày 6 tháng 11 năm 1925, Vĩnh Thụy về nước thọ tang vua cha và ngày 8 tháng 1 năm 1926, lên ngôi vua lấy niên hiệu Bảo Đại. Tháng 3 cùng năm, Bảo Đại trở lại Pháp để tiếp tục học tập. Tháng 9 năm 1932, Bảo Đại hồi loan trở về nước, chính thức làm vua. Ông mất và chôn tại Pháp, 31/7/1997.

Vợ của Bảo Đại là Nam Phương Hoàng hậu, tên thật Nguyễn Hữu Thị Lan (1914 - 1963), là con ông Nguyễn Hữu Hào và bà Lê Thị Bính, cháu ngoại ông Lê Phát Đạt (Huyện Sỹ) ở Nam Kỳ, một trong bốn người giàu nhất Việt Nam những năm đầu của thế kỷ 20.

Nói tới cái thời Bảo Đại cởi truồng, hay Bảo Đại ỉa cút su... có nghĩa là chuyện xảy ra lâu, lâu lăm rồi.

Câu này có từ sau khi Bảo Đại lên làm vua một thời gian.

82. Bao la

Theo Từ điển NXBKHXH – 1989, “bao la” là rộng lớn đến vô cùng vô tận. Ví dụ: Biển rộng bao la. Vũ trụ bao la. Nhưng từ lâu trong dân gian, từ ngữ này còn hàm nghĩa (bóng): Yên tâm, khôi lo, không thiếu gì...

83. Bảo Sinh



Ông Bảo Sinh người làng Tương Mai nay là phố Trương Định, Hà Nội, người từng được dân Hà Nội gọi là “vua chó”. Ông có một cái khách sạn toàn chó mèo đủ loại. Trong đó có cả nghĩa địa chó mèo đàng hoàng. Thêm

một cái lạ: Bảo Nguyên, người vẽ truyền thần có tiếng và duy nhất còn sót lại của Hà nội là anh ruột ông. Lạ hơn nữa là theo bạn bè nhà văn Nguyễn Huy Thiệp, Bảo Sinh còn có cả “bung” thơ lạ. Chẳng hạn:

“Ra đường sơ nhất công nông
Về nhà sơ nhất vợ
không mặc gì”.

Hay:

“Vợ là cửa cái,
Bạn gái là cửa sổ.
Càng nhiều cửa sổ càng sang,
Cửa cái anh vẫn
đang hoàng vào ra.
Vợ là cửa cái nhà ta,
Lại là cửa sổ天堂 cha
láng giềng”.

...

Khen tho ông thì ông bảo:

“Ai cũng làm được nhà tho
Ai cũng có thể “sù cờ” của mình

Và:

“Muốn đuổi khách ra khỏi nhà
Đọc tho được giải họ ra tức thì

84. Bát giới (Tru)

Là một nhân vật trong trong tiểu thuyết Tây du ký, xuất bản năm

1590, tác giả Ngô Thùa Ân, nói về chuyến đi Ấn Độ thỉnh kinh của nhà sư Huyền Trang (Đường Tam Tạng).

Vốn là một Thiên Bồng Nguyên soái, nhưng do chòng ghẹo Hàng Nga mà bị đầy xuống trần gian làm kiếp con lợn. Khi Tam Tạng đi thỉnh kinh, thâu nhận làm đệ tử và đặt cho pháp danh là Trư Bát Giới. Bát Giới nghĩa là “Tám ranh giới bị kiềm chế” (không sát sinh, không trộm cắp, không dâm dục, không nói bậy, không uống rượu, không trang điểm, không nằm ngồi giường quá rộng, ăn chay) để nhắc nhở Bát Giới phải luôn biết tu sửa mình.

Nhưng thực tế thì Bát Giới luôn tham ăn – nhân sâm nuốt không biết mùi vị, và mê gái tới độ bị bảy yêu nhền nhện giăng tơ bắt sống...

Tây Du Ký thật hấp dẫn, các nhân vật trong đó đều độc đáo và cá tính. Truyện đã được chuyển thể thành phim và bốn thầy trò Đường Tăng cũng đã có dịp du ký sang Việt Nam. Và Trư

Bát Giới đã đi vào cuộc sống dân gian Việt Nam. Những dân tham lam, chứ không phải là quan tham, đều bị gán cho cái tên *Trư Bát Giới*, ngắn gọn là *Bát Giới*. Cũng giống như nói: Tham lam như đồ con lợn vậy.

85. Băng bó (Vui)

Sau trận đánh, đơn vị bắt được một số tù binh, trong đó có một người bị thương, theo chính sách nhân đạo đối với tù binh, anh cán bộ chỉ huy gọi lính lên và ra lệnh ngắn gọn: Đem đi băng bó. Khi công việc đã tạm ổn, chỉ huy gọi người lính đã nhận nhiệm vụ hồi hom, hỏi: Người tù đó sao rồi. Anh lính: Dạ! Đã mồ yên mả đẹp ạ! Chỉ huy bật ngửa, ngạc: Sao? Sao?...

Thì ra, chỉ huy là người Nam bộ, con lính là người Huế, nên anh ta nghe *băng bó* ra thành *bắn bó*, nên đã đem người bệnh đi... tử hình rồi!

86. Bắc - phà

Trong từ điển từ ngữ tiếng Việt chỉ có *bắc* là hướng bắc, bắc

thang, bắc cầu, bắc bán cầu... Từ điển đối chiếu từ địa phương, Bắc, là kêu theo tiếng Nam bộ. Còn miền Bắc gọi là phà.



Bắc tiếng Pháp là *bac* chỉ cái phà chở khách cùng phương tiện qua sông. Có hai loại phà. Một là phà không được lắp nguồn động lực đi cùng, phải dùng đầu kéo, ca nô hoặc máy đẩy khi vận hành. Loại thứ hai được gọi là *phà* tự hành, có lắp nguồn động lực.

Tính sơ cả nước có khoảng tên dưới 30 phà lớn bé. Bến phà Cần Thơ qua sông Hậu, thường gọi là *bắc Cần Thơ*, là bến phà lớn nhất Nam Bộ. Phà lớn nhất miền Bắc nằm trong top những bến sông rộng, sóng lớn, nước xiết và tiềm ẩn nhiều nguy cơ tai nạn đường thủy bậc nhất cả nước, là bến phà Rừng (nằm ở hạ lưu sông Bạch Đằng, giữa 2

huyện Yên Hưng - Quảng Ninh và Thủy Nguyên - Hải Phòng).

Sông Bạch Đằng, tên nôm: sông Rừng – sông Vân Cù, là một con sông chảy giữa thị xã Quảng Yên (Quảng Ninh) và huyện Thủy Nguyên (Hải Phòng), nơi ghi dấu 3 chiến công lừng lẫy của dân tộc: Năm 938: Ngô Quyền đánh thắng quân Nam Hán, năm 981: Lê Đại Hành phá tan quân Tống và năm 1288: Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn đại thắng quân xâm lược Nguyên (trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ ba).

Tính thời điểm đầu 2014, toàn quốc đã có 5 phà ngưng hoạt động, vì đã có cầu thay thế. Một là phà Bính qua sông Cấm, Hải Phòng (cầu Bính khởi công 1 tháng 9 năm 2002- khánh thành 13 tháng 5 năm 2005). Hai là phà Rạch Miễu qua sông Tiền, nối Bến Tre và Mỹ Tho (cầu Rạch Miễu đi vào hoạt động năm 2009). Ba là bắc Cần Thơ. Cầu Cần Thơ bắc qua sông Hậu được khởi công 25 tháng 9 năm 2004, khánh thành vào lúc 09g00 sáng

ngày 24 tháng 4 năm 2010. Đây là cây cầu dây văng có nhịp chính dài nhất khu vực Đông Nam Á. Bốn là bắc Mỹ Thuận qua sông Tiền, Cầu Mỹ Thuận khởi công: 06/7/1997; Hoàn thành: 21/5/2000.

Năm là Bến phà Thủ Thiêm vượt sông Sài Gòn, nối quận 1 và quận 2 của Sài Gòn. Từ 0 giờ ngày 1-1-2012, Hầm Thủ Thiêm chính thức được đưa vào sử dụng, kết thúc sứ mệnh lịch sử chuyên chở hành khách và hàng hóa qua sông Sài Gòn gần 100 năm, của bắc Thủ Thiêm.

87. Bắn... chim

Bắn ở đây là dùng một ngoại lực để đẩy một vật đi như mũi tên, hòn đạn trong bắn cung, bắn súng. Và bắn bồng là bắn chỉ thiên, bắn lên trời nhằm đe dọa, cảnh cáo. Cũng hàm nghĩa là bắn bỏ, chẳng chết thằng Tây nào. Dân tình vốn hay so sánh và tự áp dụng vào cuộc sống, mỗi khi thấy điều đó có lý. Và *bắn bồng* có phiên bản mới là *bắn... chim*. Không chỉ việc bắn

chim trên trời, mà là... trong đá banh (bóng), mỗi khi thấy cầu thủ nào đó đá cái bùm lên trời.

Tất nhiên đá bồng lên trời cũng có thể là phá bóng nhưng hân hữu, vì thực tế cứ đẩy ra biển là xong.

Cụm từ trên đã xuất hiện từ khá lâu trong giới thể thao, nhưng chỉ vào khoảng những năm 1980, khi mà “phong trào” bán độ trong bóng đá đang phát triển mạnh, nó mới trở nên thông dụng hơn.

88. Bắn pháo hoa

Nói vậy là vì nó giống vậy. Cũng có súng, dù không có cò, có lẫy, không có điểm phát hỏa. Nhưng cũng có bắn ra và nổ tưng lum như pháo hoa vậy, nên dân tình gọi vụ xuất tinh về đêm, ngoài ý muốn là “*bắn pháo hoa*”. Còn y học gọi là di động tinh, bệnh yếu sinh lý của nam giới.

Pháo hoa... thật, thì đã có từ rất lâu trên thế giới. Việt Nam có những làng pháo nổi tiếng như Bình Đà, Thanh Oai, Hà Tây (nay thuộc Hà Nội); Đồng

Kỵ, Từ Sơn, Bắc Ninh... Ở những làng này, xưa đều có hội rước pháo, thi pháo rất náo nhiệt, tung bừng. Đây là một trong những lễ hội dân gian độc đáo, đặc sắc của Việt Nam. Nếu bây giờ còn, không biết chừng được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới.

Đốt pháo nói chung, đã bị cấm 18 năm nay rồi (theo Quyết định 406/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về cấm sản xuất, vận chuyển và đốt các loại pháo nổ).

Duy có ông pháo Ninh Giang, Hải Dương là còn được tổ chức lễ hội, vì đó là... pháo đất. Người thi pháo sử dụng đất sét gan gà nặn thành hình quả pháo kiểu lá riềng, giống khoang thuyền có riềng, và thả roi để tạo tiếng nổ. Hội thi pháo đất Ninh Giang tổ chức hàng năm vào dịp xuân về.

Còn pháo hoa, nhớ rằng 2004, nhân kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ đã được tổ chức ở 7 tỉnh, thành phố lớn Điện Biên, Hà Nội, TP.HCM, Đà Nẵng...

Và từ 2008, Tp. Đà Nẵng được tổ chức Hội thi pháo hoa quốc tế hàng năm.

89. Bằng cấp không bằng lòng,

Chuyện này xét ở một góc độ nào đó là rất có lý. Tuyển người bây giờ mà cứ cẩn vào bằng cấp là có khi hỏng việc. Dễ hiểu, thạc sĩ, tiến sĩ bây giờ giả thật lẩn lộn. Thậm chí Giáo sư bây giờ không phải là sư mà cũng chưa chắc là giáo. Lại nữa, bằng cấp cao thì phải trả lương cao, rõ ràng có phải là đỗ nợ không?!

Còn họ hàng, con cháu mình, không trật đi đâu mà sợ. Xinh đẹp, dù là sửa sắc đẹp ở Thẩm mỹ viện Cát Tường chẳng nữa, vẫn ưa nhìn, dễ thương, dễ thuận. Tiền thì khỏi nói rồi, mua được cả tiên (xinh đẹp), cả lễ nghĩa họ hàng. Phú quý giàu sang sinh lẽ nghĩa mà...

Thế nên dân gian “có lời khuyên” cho các nhà tuyển dụng: *Bằng cấp không bằng lòng*. Cái lòng ta đang muốn gái,

muốn tiền, muốn giúp bà con nội ngoại gần xa, mà lại bảo ta đi tìm bằng cấp, thì thật là phi lý.

90. Bắp non mà nướng lửa lò...

Bắp non mà nướng lửa lò đúng là ngon tuyệt. Lại quết thêm ít mỡ hành lên trên nữa thì trên cả tuyệt vời. Nhưng bắp ở đây chỉ là cái có thôi. Người ta muốn nói tới một cái đã lùi xa xa lắm rồi, mà bây giờ chỉ còn là dĩ vãng.

Bắp non mà nướng lửa lò

Đố ai ve được con đòn

Thủ Thiêm

Câu thơ trên có từ Sài Gòn thời đằng cựu, trong Sài Gòn xưa của Vương Hồng Sển, kèm theo một lời than tiếc nuối: Con đòn vẫn còn đây, nhưng cô lái đò xinh đẹp năm xưa thì nay đã vắng bóng!

Theo PGS TS Tôn Nữ Quỳnh Trân – giám đốc Trung tâm Nghiên cứu đô thị Thành phố Hồ Chí Minh – năm 1911 bến phà Thủ Thiêm (còn gọi là bến Cây Bàng) chính thức đưa khách sang sông cùng song hành với những chuyến đò ngang..

Và rồi từ 0 giờ ngày 1-1-2012, phà Thủ Thiêm lại chính thức ngừng hoạt động, kết thúc sứ mệnh lịch sử gần 100 năm của mình. Thay vào đó, Hầm vượt sông Sài Gòn – Hầm Thủ Thiêm, đường vượt sông lớn nhất Đông Nam Á, đi vào hoạt động từ 20 – 11 – 2011.

91. Bắt cởi trần...

Trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du khi nói về thân phận nàng Kiều, có câu:

Bắt phong trần

phải phong trần

Cho thanh cao mới được

phần thanh cao

Thời bao cấp, những mặt hàng được coi là nhu yếu phẩm đều phải phân phối, áo may ô (áo lót trong của nam), cũng có trong danh mục. Vì vậy, dân gian nhại Kiều:

Bắt cởi trần phải cởi trần

(cũng có người đổi chữ

“cởi” thành “phanh”)

*Cho may ô mới được phần
may ô.*

92. Bấn xúc xích

Từ điển Tiếng Việt, NXBKHXH, 1988, trang 64, “bấn” có hai nghĩa: 1. Có khó khăn về công việc do thiếu người, hay thiếu thì giờ mà không biết giải quyết làm sao. 2. Cuống quýt, rối rít không biết xử trí ra sao trước công việc đồn dập. *Ai cũng tranh nhau hỏi làm anh cứ bấn lên.*

Xúc xích là một trong các loại thực phẩm lâu đời nhất. Từ 5000 năm trước Công nguyên, xúc xích đã được vẽ trên các tranh ảnh xuất xứ từ Ai Cập, Syria, Trung Quốc. Và vào thế kỷ thứ 8 trước Công nguyên nhà thơ Homer đã nhắc đến xúc xích trong *Odyssey* về các cuộc thi đấu “xúc xích” của người Hy Lạp.

Xúc xích có nhiều loại. Luộc là đa dạng nhất, có khoảng trên dưới 800 loại. Xúc xích sống có khoảng 500 loại...

Xúc xích Đức (Bratwurst) nổi tiếng bởi mùi khói thơm dịu. Anh nổi tiếng với loại xúc xích tươi khi được chiên hay nướng đều thoang thoảng vị chua, tương tự như vị của nem chua.

Còn vị ngọt thanh của rau mùi hòa quyện gia vị làm nên phong cách riêng cho xúc xích Ý. Vùng Toulouse của Pháp thì nổi danh với món xúc xích thịt heo xay miếng lớn lắn với da.

Khi làm xúc xích, người ta lấy thịt heo xay nhuyễn nhồi vào lòng heo, rồi thắt từng đoạn, từng đoạn dài chừng 40 – 50cm, thành một chuỗi dài, khi xong mới cắt ra từng cái xúc xích một.

Có lẽ, do liên tưởng tới chuỗi xúc xích, mà khi có việc gì khó giải quyết, khiến người ta rối lên, bấn loạn lên, người ta cũng dùng thành ngữ “bấn xúc xích” để diễn đạt.

Tuy xúc xích có từ xưa, nhưng phải khi Pháp sang đô hộ, dân ta mới biết thế nào là xúc xích và cách làm xúc xích. Vì vậy, thành ngữ này có vào khoảng thế kỷ 16 – 17. Và hẳn là ở đất Nam bộ trước tiên.

93. Bật đèn xanh

Đèn giao thông, hay đèn tín hiệu giao thông, đèn điều khiển giao thông, đèn xanh đèn đỏ, có

từ tháng 10 năm 1868, khi người ta đặt hệ thống đèn ngay bên tòa nhà quốc hội Anh ở Luân Đôn. Chúng được lắp ở đây để báo hiệu cho những đoàn tàu đi ngang qua. Lúc đó chỉ có hai chiếc, một màu đỏ là dừng lại và một màu xanh là chú ý, dùng cho ban đêm. Tháng 8 năm 1914, công ty tín hiệu giao thông ra đời ở Mỹ và chịu trách nhiệm lắp đèn tại các ngã tư bang Ohio. Đến năm 1920, đèn tín hiệu mới có đủ ba màu: xanh, đỏ, vàng; do sĩ quan cảnh sát Williams Posst, thành phố Detroit sáng chế ra. Năm 1950, đèn tín hiệu được sử dụng rộng rãi ở Canada và lan ra trên thế giới. Hiện nay người ta lắp đèn đếm lùi để lái xe biết phải chờ bao lâu.

Ở Việt Nam, không rõ đèn tín hiệu giao thông có từ bao giờ. Nhưng theo hệ thống văn bản, thì có thông tin của Bộ trưởng Bộ Công an, số 915-C57-P5, ngày 10 – 11 – 1962, nước ta, ở miền Bắc đã có đèn tín hiệu giao thông. Như vậy có thể hiểu là ít nhất, nó đã có từ 1962. Có nghĩa là đã

một nửa thế kỷ để người dân Việt hiểu và thi hành luật đi đường theo điều khiển của đèn tín hiệu giao thông. Nhưng dân ta, dù xanh, đỏ, vàng, mà liếc không thấy anh công an thì cũng kệ, cứ kéo ga vọt thẳng. Có trường hợp còn lớn tiếng chửi người dừng xe khi đèn đỏ là ngu, là cản đường. Thống kê năm 2004, trên 15.000 trường hợp đã bị xử lý vì lỗi lấn vạch son khi dừng chờ đèn đỏ tại các ngã ba, ngã tư.

Và từ khi có đèn giao thông, khi tham gia giao thông, người ta hiểu đèn xanh bật lên là cho đi. Còn trong cuộc sống thường nhật, “bật đèn xanh” lại được dùng biểu thị sự đồng ý, đồng tình, thông qua một vấn đề gì đó. Với dân xã hội đen thì có nghĩa là được quyền hành động, dù đó là hành động trộm cắp cướp giật hay giết người. Xếp *bật đèn xanh rồi đó*.

94. Bầy nhầy, bạc nhạc

Trong khi làm thịt gia súc như trâu, bò, heo, ta thường thấy xen giữa những phần thịt,

mảng cơ bắp thường có những màng cơ dai nhách, giữ những nhóm cơ, mà dân bán thịt và các bà nội trợ quen gọi là bầy nhầy. Rồi đâu những nhóm cơ là những mảng gân bám chắc vào các đầu xương, được gọi là bạc nhạc. *Bầy nhầy, bạc nhạc* là những chỗ khó nhai, lại tốn nhiều cùi lửa. Loại này thường rẻ tiền, ít người mua.

Đối với con người, nếu bị coi là loại *bầy nhầy, bạc nhạc* là khó chơi, chẳng nên dây vào làm gì. *Thôi, đổi với cái loại bầy nhầy, bạc nhạc đó nói làm gì!*

95. Bể bạc (sec-man)

Trong xe máy, ôtô thì Piston lớn bé, kín hở quyết định mǎ lực, sức mạnh của xe. Piston có các vòng secman, còn gọi là bạc secman, gọi tắt là bạc. Bạc mà bể có thể cháy máy, xe ngừng hoạt động. *Bể bạc*, ví như *hở bột hụ đường* (xem mục 420), hỏng việc. Lúc đầu câu này chỉ sử dụng với các phi vụ làm ăn chạy chọt, nhưng nay mọi giới đều dùng, vì ở đâu, ở lĩnh vực

nào cũng có “*bể bạc*”.

96. Bể nồi cơm

Thật đơn giản và dễ hiểu, Việt Nam ta từ bao đời nay vốn lấy cơm làm đầu, giờ cũng còn đa số nhà như vậy, bỏ cơm hai ba bữa đã thấy nhớ. Thế nên đậm bể nồi cơm nhà người ta rõ ràng là không ổn rồi. Và thành ngữ “*Làm (đập) bể nồi cơm*” được dùng khi mình làm hỏng công chuyện làm ăn của ai đó, hay ngược lại họ làm *hở bột hụ đường* (xem mục 420) của mình.

97. Bể ống khói

Bể ống khói hay *bể bô* là tiếng lóng của dân chơi, chỉ một dạng bệnh hoa liễu (bệnh lậu) do quan hệ tình dục với gái làng chơi không an toàn. Mắc bệnh này, bệnh nhân thường phải bị “thông nòng” – thông đường tiểu, nếu bị “tắc ống khói”, “nghẹt bô”. Vì bệnh lậu tạo mủ.

98. Bên A là chùm khế ngọt...

Bài hát *Quê hương* của Giáp Văn Thạch, lời thơ Đỗ Trung Quân, có câu: “*Quê hương là chùm*

khế ngọt, cho em trèo hái mỗi ngày...", theo thời gian đã bị thực tế khách quan cải biên.

Bên lề Quốc hội, ngày 29/10/2007, Đại biểu Cao Sĩ Kiêm, nguyên Phó ban Kinh tế Trung ương Đảng: Những người có trách nhiệm chưa lắng nghe. Đây là dự án mang nhiều tai tiếng và thất thoát hoàn toàn thuộc lỗi của chúng ta... Ngân sách chi tiêu cho đề án 112 đúng là "*chùm khế ngọt*", không có đề án nào mà sai phạm thất thoát vài trăm tỷ đồng như thế.

Phó chủ nhiệm Uỷ ban kinh tế Lê Quốc Dung: Đề án 112... giống PMU 18. Đại biểu Nguyễn Đình Xuân: Một số dự án chi tiêu như hái lộc. Số tiền sai phạm, thất thoát trong đề án 112 quá lớn, 200 tỷ đồng, bằng thu ngân sách của một tỉnh trong một năm. Ông Phạm Thế Duyệt, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, bí thư Thành ủy Hà Nội; Ủy viên thường vụ - Thường trực Bộ Chính trị; Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQ VN khóa V;

Đại biểu Quốc hội các khóa VIII, X, XI đã công khai phát biểu trên HTV 11/11/2003:

*Bên A là chùm khế ngọt
Cho (bên) B trèo hái mỗi ngày.*

Và đến vụ Hành lang Đông - Tây (2009, kéo sang 2010), rồi VINASIN (2010)... thì câu ca trên lại được "chỉnh sửa" một lần nữa:

*Nhà nước là chùm khế ngọt
Cho A - B trèo hái mỗi ngày.*

99. Bệnh tiểu đường

Bệnh tiểu đường hay Bệnh đư đường, còn gọi là Đái tháo đường, là một nhóm bệnh rối loạn chuyển hóa cacbohydrat khi hoóc môn insulin của tụy bị thiếu hay giảm tác động trong cơ thể. Bệnh tiểu đường là một bệnh nguy hiểm và có thể dẫn đến nhiều bệnh hiểm nghèo, như sờ vữa mạch vành, tai biến mạch máu não, mù mắt, suy thận, liệt dương, hoại thư...

Tuy nhiên chuyện đó thuộc về y học. Ở đây bàn về căn bệnh khác.

Tiểu đường hay đái đường, có thể hiểu là đi tiểu, đi đái ở

ngoài đường. Bệnh này lúc đầu có phần là do những nơi như Hà Nội, TP.HCM đông dân vậy, mà có khi đi cả ngày trời, mót mà cũng chẳng biết té nơi đâu. Bây giờ sau nhiều năm dân tình nín tè, ở hai thành phố đông dân xếp hạng top ten của thế giới đã có toilet. Thế mà đi đường vẫn dễ dàng bắt gặp mấy anh dựa gốc cây, bờ tường mà *xả bầu tâm sự* (xem mục 823) một cách vô tư. Có lẽ bệnh để lâu không chữa đã sang túp 2 rồi, phải đứng đường mỏi mệt.

Lâu rồi dân tình đùa bảo mấy anh hay đáy ngoài đường là những người mắc *bệnh tiểu đường*. Còn những người mắc bệnh tiểu đường thật thì lại được khuyên, muốn khỏi, trước khi đi đâu nên tiểu ở nhà và nhớ vào toilet...

100. Bếp Hoàng Cầm

Bếp Hoàng Cầm ra đời từ chiến dịch Hòa Bình (1951-1952), có công dụng làm tan loang khói khi nấu ăn, tránh bị máy bay địch phát hiện. Hoàng Cầm nguyên

là tiểu đội trưởng nuôi quân của Đội điều trị 8, Sư đoàn 308 Quân đội Nhân dân Việt Nam.

Sau này trong Chiến tranh Việt Nam, do sự hoạt động ráo riết của không quân Mỹ, bếp Hoàng Cầm được áp dụng đại trà và bắt buộc trong các đơn vị



(Nguồn: Wikipedia)



Quân đội Nhân dân Việt Nam và Quân Giải phóng Miền Nam Việt Nam khi hành quân tác chiến trên các chiến trường.

Bếp có nhiều đường rãnh thoát khói, nối liền với lò bếp, bên trên rãnh đặt những cành cây và phủ một lớp đất mỏng được tưới nước để giữ độ ẩm. Khói từ trong bếp bốc lên qua các đường rãnh chỉ còn là một dải hơi nước tan nhanh khi ra khỏi mặt đất. Do đó, có thể nấu bếp ban ngày, ngay cả khi máy bay trinh sát của đối phương bay trên đầu. Yêu cầu bí mật đã được đề ra như một khẩu hiệu một thời máu lửa: “đi không dấu, nấu không khói, nói không tiếng”, đã được thực hiện phần nào với sự hỗ trợ của bếp Hoàng Cầm.

Hoàng Cầm mất năm 1996.

Hình ảnh bếp Hoàng Cầm đã đi vào thơ ca kháng chiến, như trong bài thơ “Tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật:

*Bếp Hoàng Cầm
ta dựng giữa trời
Chung bát đưa nghĩa
là gia đình đây...*

Bài hát “Nối lửa lên em” do Huy Du sáng tác theo chân bộ đội đi khắp chiến trường, cũng là nói về bếp Hoàng Cầm.

Nhân đây cũng nói thêm đôi dòng để đừng nhầm lẫn, vì chúng ta có tới 3 ông Hoàng Cầm đều rất nổi tiếng. Ngoài ông bếp ra còn có Thượng tướng Hoàng Cầm, tên thật là Đỗ Văn Cầm sinh ngày 30 tháng 4 năm 1920, từng tham gia chiến dịch Biên giới, chiến dịch Điện Biên và Giải phóng miền Nam. Ông được tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh 2000.



Ông đã từ trần hồi 14 giờ 30 phút ngày 19/8/2013, tại Bệnh viện Quân y 175, thành phố Hồ Chí Minh, hưởng thọ 93 tuổi.

Còn nhà thơ Hoàng Cầm với những bài thơ nổi tiếng như “Lá diêu bông”, “Bên kia sông

Duống" được chọn đưa vào giáo trình trung học phổ thông, cùng các vở kịch thơ *Hận Nam Quan*, *Kiều Loan*... tên thật là Bùi Tàng Việt, (sinh 22 tháng 2 năm 1922, tại xã Phúc Tàng, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang – mất 6 tháng 5 năm 2010 tại Hà Nội). Năm 2007, ông được tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật.

101. Bia nào cũng là bia

Về chữ thì đúng là bia nào cũng là bia, nhưng nghĩa thì có những khác biệt nhất định, thậm chí có khi trái nghịch hoàn toàn. Nhưng đã có tý tĩnh là bất chấp. Dù là Heineken hay bia hơi thì cũng là bia. Giàu nghèo có thể uống các loại bia khác nhau, nhưng... cũng là bia. Và đã là chữ bia, thì bia... ôm cũng là bia. Và còn một cái "cũng" nữa là "bia đá cũng là bia". Theo lập luận đó, bài hát *Ru ta ngậm ngùi* của Trịnh Công Sơn, bị dân nhậu đổi lời:

*Bia nào cũng là bia/
Henneken cũng là bia
Bia nào cũng là bia/*

*Bia hơi cũng là bia
Bia nào cũng là bia/
Bia ôm cũng là bia
Bia nào cũng là bia/
Bia đá cũng là bia
Có một lời khác lý sự cũng không kém:
Lang nào cũng là lang (đúng ra là "lan" nhưng đọc theo giọng Nam bộ)
Khoai lang cũng là lang
Lang nào cũng là lang/
Lang thang cũng là lang...*

102. Bia ôm

"*Bia*" đây là chỉ loại nước giải khát có ga và độ cồn dưới 10 độ. "*Ôm*" ở đây là ôm ấp một người con gái. "*Bia ôm*" là hành động đi uống bia mà có gái – có thể ôm phục vụ. Chi phí sẽ được tính: Tiền bia + tiền ôm gái.

Loại hình này có từ trước giải phóng. Sau 30/4/1975, không biết qua bao lần truy quét, nhưng "*bia ôm*" vẫn tồn tại và còn có xu hướng bành trướng "*cái gì cũng ôm*" như "*cơm ôm*", "*cà phê ôm*", "*karaoke ôm*"... cho đến nay.

103. Bình tĩnh mà run

Chữ nghĩa cũng lạ, đã run thì làm sao còn bình tĩnh được mà bảo. Nhưng suy xét kỹ một tí sẽ thấy... có lý. Bình tĩnh lại! hãy bình tĩnh mà nghe cho kỹ đây này!

Đấy thường thì khi có một việc gì làm chúng ta rối trí, hoặc có một kẻ nào đó đang đe dọa chúng ta, khiến chúng ta hoang mang, thì người thân chúng hoặc chính lý trí của chúng ta mách bảo, hãy bình tĩnh, Hãy bình tĩnh đi, rồi mọi chuyện cũng sẽ giải quyết được thôi. Và trong khi đó thì ta... vẫn cứ run.

Bình tĩnh mà run được áp dụng như một khuyến cáo cho ai đó về một điều không hay có thể ập đến. Ví dụ: này cậu nghe đây, và hãy bình tĩnh mà run nhé!

104. Bó tay.com

“*Chấm com*” (.com) là đuôi tên miền của một dạng website, cũng như “*chấm edu*”, thường dùng cho website của các trường đại học, “*chấm vn*” thường dùng cho các cơ quan, tổ chức... Khi muốn truy cập vào một website

nào, dù có gõ đúng hết, mà sai cái đuôi “*chấm com*” thì cũng thua.

Và website có đuôi *chấm com* với các cá nhân là phổ biến nhất ở Việt Nam. Vì vậy, khi đã “*botay.com*” (*bó tay chấm... com*), có nghĩa là vô phuong, không còn cách gì khác, không thể giải quyết được việc đó.

105. Bò đội nón

Ai đó thắc mắc, thử đội nón cho mấy con trâu, con ngựa hay con dê xem sao, liệu nó có giống vậy không mà không nói, lại “đổ” sang bò.

Đúng là cũng chẳng ai làm phép thử đó để bênh vực cho bò. Nhưng bò thì cũng chẳng vì thế mà buồn. Nó từ xưa vốn đã bị loài người kêu là ngu như bò rồi.

Khi trẻ chăn bò ham chơi, lại sợ mất nón (đây là nón lá buông, lá cọ hình chóp, sâu và rộng chứ không phải nón tai bèo hay nón gì khác), bèn treo lên đầu bò, bị vướng tầm nhìn và thấy vật lạ trên đầu nên cứ nghênh nghênh, lắc lắc qua, lắc lắc lại nhầm hất cái vuông ở trên

đầu ra, lúc này nó đứng hất nón, không được nó bước thêm một hai bước rồi đứng lại lắc hắt tiếp trông rất buồn cười.

Bò đội nón, nói đầy đủ là *ngu ngơ nhu bò đội nón*, ám chỉ người trong trạng thái lả lãm với công việc, lóng ngóng, ngó nghiêng ngó dọc không biết phải làm như thế nào. Lúc đó trông họ cũng ngô ngô, buồn cười như cái anh *bò đội nón* vậy.

Còn một thắc mắc nhò ai đó trợ giúp: Tại sao không nói *trâu đội nón* nhỉ?

106. Bóc (gỡ) lịch

“Một ngày tù thiến thu tại ngoại”, nên dù là vì lý do nào mà vào nầm ấp thì cũng buồn như chấu cắn, đếm từng ngày, mong từng ngày tới hết hạn tù. Dân tình gọi nôm na mấy anh xấu số phải vào tù là đi “*bóc (gỡ) lịch*”.

107. Bóc vỏ trái đất

Bóc vỏ trái đất (Cedar Falls), là tên cuộc hành quân của Mỹ vào căn cứ cách mạng của ta ở Củ Chi, tháng 1-1967, với 30.000

quân, có sự yểm trợ của máy bay, xe tăng, thiết giáp, pháo binh, chúng quyết tâm xục dân đi nơi khác, san bằng Củ Chi, tiêu diệt toàn bộ Bộ chỉ huy quân khu Sài Gòn - Gia Định, phá hủy hệ thống căn cứ địa đạo.

Trên 10.000 người dân đã bị bắt, chết và thương vong gần 1.000; nhà cửa, hoa màu bị đốt phá tan hoang. Tuy nhiên, Củ Chi sức sống mãnh liệt.

Sau 20 ngày càn quét, địch buộc phải kết thúc sớm chiến dịch với số thương vong gấp đôi chiến dịch Cái bẫy: 3.500 tên chết và bị thương, 130 xe tăng, 28 máy bay bị phá hủy. Tướng Mỹ A.Nasan - chỉ huy trong cuộc hành quân Cedar Falls - thú nhận: “Không thể phá hủy được địa đạo... Đánh bằng công binh không hiệu quả... rất khó tìm được cửa hầm xuống địa đạo...”.

Những quả “mìn gạt” của anh hùng Tô Văn Đức chế tạo được cài khắp nơi trên chiến trường khiến quân địch tổn thất nặng nề. Thậm chí mìn còn được cài trên ngọn tre, nổ tung cả máy

bay trực thăng giặc. Tại ngã ba Bến Được, chỉ một đội du kích với chín chiến sĩ đã liên tục chiến đấu nhiều ngày đêm, tiêu diệt 107 tên địch, bắn cháy một xe tăng.(Tuổi Trẻ)

108. Bom tǎn

Lúc đầu, những người ba hoa chích choè bị gọi là “nổ”. Nhưng tiếng nổ phát ra từ lựu đạn, bom, mìn nên dân tình lại cảnh báo mấy ông “nổ” là thôi đừng “quăng lựu đạn” nữa. Và cũng cảnh tỉnh bà con, coi chừng nó “văng miếng”(mảnh vỡ) đấy! đạp mìn, đạp bom đấy! Và cho tới giờ, khả năng công phá ghê nhất được xác định là “bom tǎn”.

Nói chơi thì xử dụng mấy từ này được, chứ trong mấy chuyện nghiêm túc mà báo chí cũng xài, thì quả là văn hóa Việt lùn thật.

109. Bố già

Bố già (*The Godfather*) là tên một cuốn tiểu thuyết nổi tiếng của nhà văn người Mỹ gốc Ý Mario Puzo được xuất bản lần đầu vào năm 1969 bởi nhà xuất

bản G. P. Putnam's Sons. Cuốn sách đã bán được 11 triệu bản.



Marlon Brando trong vai
Don Vito Corleone

Năm 1972, tiểu thuyết *Bố già* được chuyển thể thành bộ phim cùng tên của đạo diễn Francis Ford Coppola với Marlon Brando thủ vai Don Vito Corleone và Al Pacino vào vai Michael Corleone. Bộ phim thành công vang dội với doanh thu 134 triệu USD, đoạt ba giải Oscar, bốn giải Quả cầu vàng (*Golden Globe*) và được coi là một trong những bộ phim xuất sắc nhất trong lịch sử điện ảnh. Bộ phim được tiếp tục bởi *Bố già phần II*, một thành công nữa của sự hợp tác giữa Puzo và Coppola với 6 giải Oscar. *Bố già phần III* của Coppola và

Puzo được sản xuất năm 1990 và hoàn tất bộ ba (*trilogy*) của Mario Puzo. Khác với hai bộ phim trước, *Bố già phần III* không đoạt được giải Oscar nào mà diễn viên Sofia Coppola trong phim còn được trao giải Golden Raspberry cho Nữ diễn viên phụ tồi nhất trong năm. (*Theo Wikipedia*).

Bố già Corleone, một trùm mafia khét tiếng... trong phim, truyện “bước vào” xã hội Sài Gòn trước 1975.

110. Bộ đội

“*Bộ*” nghĩa là đi bộ, “*đội*” nghĩa là mang một vật gì đó ở trên đầu, như đội mũ, đội nón chǎng hạn. Nhưng ở đây là đội hàng. Nghĩa (tiếng lóng) đầy đủ của cụm từ “*bộ đội*” là: “*Di bộ, đội hàng*”, ám chỉ mấy anh cán bộ, bộ đội nói là đi công tác, nhưng thực chất là đi buôn.

Về sau cụm từ này chỉ chung cho những kẻ buôn lậu chuyên nghiệp, cũng như những cán bộ lợi dụng danh nghĩa người nhà nước đi buôn.

111. Bộ đội về làng như...

Thành hoàng là người phù hộ độ trì cho dân làng. Thần được thờ ở đình, miếu (*miếu*) của làng, quanh năm được cúng lễ, hương khói. Theo dân gian, Thành hoàng là thần đòn ông, vì khí dương đem sức mạnh cho muôn loài, muôn vật.

Việc thờ Thần hoàng được đề cập lần đầu tiên ở bài *Chuyện thần Tô Lịch* trong sách *Việt điện u linh: Thời Đường Mục Tông, niên hiệu Trường Khánh thứ 2* (năm 822) tên Đô hộ Lý Nguyên Hỷ (hoặc Gia) thấy ngoài cửa bắc thành Long Biên có một dòng nước chảy ngược mà địa thế khả quan, mới tìm khắp, chọn một nơi cao ráo tốt, để có dời phủ lý đến đó... Nhân dịp ấy, y mới giết trâu đặt rượu, mời khắp các vị kỳ lão hương thôn đến dùng và thuật rõ là muốn tâu vua Tàu xin phụng Vương (ý nói đến thần sông Tô Lịch) làm Thành Hoàng. Trên dưới đều đồng lòng... Đến khi Cao Biền đáp thành Đại La, nghe đủ sự linh dị, thì lập tức sắm lễ điện tế, dâng cho hiệu

*là Đô Phủ Thành Hoàng Thần
Quân. Dời Lý Thái Tổ lúc dời đô,
thường mộng thấy một cụ đầu
bạc, phảng phát trước bệ rồng...
(Sau khi hỏi rõ lai lịch) nhà vua
liền khen quan Thái Chúc (chức
quan lo việc cầu đảo phúc lành)
đưa rượu chè đến tế, phong làm
Quốc Đô Thăng Long Thành
Hoàng Đại Vương. Dân cư (đến)
cầu đảo hay thề nguyễn điều chi,
thì lập tức họa phúc linh ứng
ngay... (Nguồn: Wikipedia).*

Có một thực tế luôn đúng, là bộ đội – lính chứ không phải quan, thời nào, giai đoạn nào thì cũng đa phần là trẻ khỏe, to cao, đẹp trai và cũng khá đa tài, nhất là văn nghệ, thể thao và... tán gái. Vì vậy bộ đội đi đến đâu là rộn ràng đến đó, nhất là về làng được các má thương, các em tíu tíu vây quanh. Vì vậy dân gian có câu “*Bộ đội về làng nhu thành
hoàng về miếu*”.

112. Bốc mả

Ở Việt Nam, theo tục lệ, người mất, chôn cất sau ba năm thì cải táng, đào mộ lên, mở nắp quan

tài, lấy xương cốt ra rửa sạch. Trong trường hợp vì lý do gì đó, như quan tài quá kín, quá chắc chắn, hoặc do vùng đất cao ráo, có khi đến thời gian mà phần thịt, gân cơ vẫn chưa tan hết, bám lồng nhằng vào xương, thì cũng phải gỡ ra cho sạch, lấy rượu rửa kỹ, xong cho vào một cái tiểu bằng sành, sứ, rồi lại chôn xuống. Từ đây ngôi mộ vĩnh viễn là nhà của người quá cố.

Cái việc ăn cả... đống xương hầm dưới con mắt của dân nhậu, có cái gì đó giông giống như...

Và thế là, từ lâu lâu lắm rồi, không còn nhớ năm tháng nữa, dân nhậu lan sang tới dân tình, khi ăn xí quách (*xem mục*), một nồi hầm toàn xương, thì lại gọi là *bốc mả*. Đây cũng là một món rất khoái khẩu của dân nhậu. Vì thế khi tự nhiên họ lại rủ nhau: “*Hôm nay đi bốc mả đi*”, thì phải tự ên mà hiểu.

113. Bôi trơn

Xe cộ, máy móc đều cần dầu nhớt bôi trơn để bảo vệ và giúp máy móc chạy tốt. Con người

cũng vậy, cũng cần được “*bôî tron*”, nhưng không bằng dầu nhớt mà bằng vật chất, thường được quy đổi ra... tiền, vàng. “*Bôî tron*” có thể coi là hối lộ, một hành vi luôn bị lên án... bằng mồm. Còn muốn được việc có khi phải chấp nhận “*bôî tron*”.

114. Bốn sợ:

Thực ra sợ thì cuộc đời không thiếu gì cái để sợ. Xưa thì, *thú nhát sợ kẻ anh hùng/ thú nhì sợ kẻ bần cùng khổ dây*. Rồi *Thuong em anh cũng muốn vô/ Sợ truông Nhà Hồ, sợ phá Tam Giang; sợ “tám giờ chuông đánh phải nằm co”...* Hiện tại thì sao? *Ra đường sợ nhất công nông* (xe máy kéo cải tiến, gây nhiều tai nạn chết người), sợ xe container, sợ kẹt xe, sợ thủy điện bể đập, sợ giá xăng, giá gas tăng...

Thế tại sao lại chỉ có bốn sợ?

Kể ra dân gian, trong chuyện này không gian chút nào. Những cái sợ như trên đã kể, thật bình thường sự đời. Không chấp làm gì. Còn bốn cái sợ đây quả

là độc... tú vô ngũ. Đây *bốn cái đáng sợ: Ra đường, bệnh viện, trường học, công quyền*.

Đấy, thử xem có ai không sợ không?

Ra đường là gặp tắc đường, đi sớm có khi hóa muộn. Tai nạn thì liên miên, ở đâu, ở chổ nào cũng có thể xảy ra chẳng biết đâu mà lần.

Bệnh viện thì đông như nêm, đắt như quỷ. Đã vậy dù là bệnh nặng, cấp cứu mà không có tiền cũng... cứ chờ đóng tiền xong hẵng hay.

Ai có con nhỏ, đi xin cho con học một lần xem có sợ không! Xếp hàng từ sáng sớm có khi cũng không lo được cho con.

Công quyền, ấy là quyền của người ở các công sở. Mỗi con người từ khi sinh ra tới khi mất đi, phải có cho mình hàng chục loại giấy tờ. Nào khai sinh, chứng minh, hộ khẩu, giấy tờ nhà đất, thẻ bảo hiểm... Xem xem cái gì không cần? Nhưng vấn đề là đến đâu ta cũng phải chờ đợi, cũng phải nghe những lời cộc lốc, chẳng thân thiện gì,

chỉ thể hiện quyền lực mà thôi,
thậm chí ngay từ người gác cổng!

Và, đáng sợ hơn nữa là *bốn cái sợ* đó luôn... thường trực trong ta, mà ta không cách nào dứt bỏ được. Thủ xem liệu có ai liều lĩnh đóng chặt cửa không ra đường nữa không? Hay kệ con cái, không học thì thôi. Kệ luôn cả việc làm các giấy tờ, thủ tục buộc có. Anh hùng hơn nữa – Bệnh hả, con bệnh, vợ bệnh... hả? Không việc gì phải đi bệnh viện!!!!... Nằm nhà chờ chết sao?

Thấy sợ chưa!?

115. Bốn Đ ba N

Những tiêu chuẩn “quy định”, cũng như quyền lợi của cán bộ kháng chiến được dân quy nạp lại thành 4Đ 3N. 4Đ là trình độ thì phải *đại học*, là *đảng viên*, người *địa phương* và có người *đỡ đầu*. 3 N là: Có chế độ ưu tiên *nằm bệnh viện*, hưởng chế độ *nghỉ hưu* và khi chết thì được *nằm Nghĩa trang liệt sĩ*.

Có vẻ *không có gì mà phải àm ī*, nhưng thử gõ gõ vào trán sẽ bật ra một câu hỏi.

116. Bugi không nẹt lửa



Trong các loại động cơ máy nổ như xe hơi, xe máy, bugi mà không nẹt (đánh) lửa thì máy không hoạt động, xe không chạy được. Người đàn ông mà “thằng bé” xùi hoặc có vấn đề thì cũng coi như “*bugi không nẹt lửa*”.

117. Bù giá vào lương

Giá – Lương – Tiền là cuộc cải cách kinh tế tại Việt Nam vào năm 1985, nhằm xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu - bao cấp, chuyển hẳn nền kinh tế sang hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, được thực hiện theo Nghị quyết Trung ương 8, khóa V của Đảng. Nhưng khi áp dụng đã xảy ra nhiều bất cập đưa nền kinh tế Việt Nam vào tình trạng khủng hoảng phi mã.

Sang năm 1986 thì mức lạm phát lên đến 774,7% làm kiệt quệ kinh tế. Riêng các nông sản, so sánh vật giá năm 1986 với năm 1976 thì tăng 2000%.

Những năm kế tiếp lạm phát tiếp tục ở mức ba con số: 1987: 323,1%, 1988: 393%. Đến năm 1989 mới xuống còn hai con số.

Và việc điều chỉnh lương luôn... chạy theo sau giá sinh hoạt tăng. Đúng là mừng tới... phát khóc, mỗi khi được điều chỉnh lương. Vì đúng là “*bù lương vào giá*” – Không phải “*bù giá vào lương*” – chứ chẳng bồ béo gì! Và giống như “*được vạ thì má đã sung*” – Được bù tiền thì... chuyện cũng đã rồi. Thật buồn như câu ta thán của dân gian: “*Bù da vào xương*” vậy.

118. “Bún mắng, cháo chửi”



Ở Hà Nội, có những quán ăn hở ra một chút là quát mắng khách sa sả, chẳng hạn như Quán Bún ở 57 ngõ Ngô Sỹ Liên, hay như Quán cháo gà Phố Nhà Thờ, cũng

nổi tiếng với thương hiệu cháo “chửi”. Bà chủ này có thể chửi khách, chửi nhân viên từ sáng tới khuya. (*Theo Tiền phong*).

Nghe đâu đây cũng là những quán ngon nổi tiếng Hà thành, nên dân sành ăn cũng chấp nhận bịt tai lại... mà ăn. Và “miếng ngon nhớ lâu”, lại nũng lui tới, khiến mặt nhà hàng càng “ô van” (*xem mục 512*).

Nhưng thiết nghĩ, “lời mời cao hơn mâm cỗ”, ăn cũng phải đon đả chào mời thì mới thấy ngon.

*Chẳng thом cũng thế
hoa nhài (lài)*

*Dẫu không thanh lịch cũng
người Tràng An*

Dù thom, dù thanh lịch hay không cũng mang tiếng của một dòng hoa có tiếng là thom, cũng vẫn là người Tràng An – Người Hà Nội, phải giữ lấy cái tiếng thom, nét sống cao đẹp của mình.

Nhà Hà Nội học Nguyễn Vĩnh Phúc bày tỏ quan điểm của mình: “Với một quán ăn, khách chính là ân nhân, đem lợi nhuận cho chủ quán. Chủ hàng họ không tri ân khách thì thôi,

lại còn chửi, thật vô văn hóa hết chỗ nói. Chúng ta nên tẩy chay họ, lần sau không đến nữa và rủ nhiều người cùng tẩy chay, không đến nữa. Chỉ có như vậy, họ mới hành xử có văn hóa hơn”.

119. Bụng đánh lô tô

Lô tô là một trò chơi đỏ đen, mà nhà cái thì vừa nhầm nhẫn đọc vè, vừa dò bốc những con số trong một cái túi để xướng lên. Còn người chơi thì chọn một tờ giấy có ghi sẵn những hàng ô số, và hồi hộp chờ đợi những con số phù hợp mình đã chọn, cầu may cho trúng. Trò chơi này thường diễn ra vào những dịp lễ Tết ở Nam bộ, thu hút rất nhiều người tham gia. Đặc biệt có những bài vè đi kèm với những con số được nhà cái xướng lên, khiến lòng người cứ chộn rộn, nhấp nha nhấp nhổm muốn đi coi.

Đánh lô tô hay chơi lô tô cũng vậy. Và bụng đánh lô tô là hồi hộp, bồn chồn chờ đợi ai đó, việc gì đó sắp diễn ra. Ví dụ:
Sao tôi cảm thấy lo quá, nãy giờ bụng cứ đánh lô hoài.

120. Buôn đưa lê

“Buôn” là buôn bán, “lê” là ngồi lê la chỗ này, chỗ khác. “Buôn đưa lê” cũng giống như “ngồi lê đôi mách”, lê la chỗ này, chỗ khác hóng chuyện – “buôn” để rồi lại đi kể – “bán” người khác nghe. Và chuyện “buôn bán” ở đây ám chỉ những chuyện không hay, không tốt, nói xấu người này, kể tật người kia; ít xít ra nhiều... “Ngưu tầm ngưu, mã tầm mã”, những người như vậy lại thường hay tụ bà, mà thiên hạ gọi họ là “Hội sám soi”.

Người suru tầm cũng xin “buôn” thêm một chút nhé. Theo một nghiên cứu tại Mỹ cho thấy, những buổi tán gẫu có thể sẽ giảm stress, giúp sức khỏe của chị em tốt lên. Lại cũng có khuyến cáo “buôn đưa lê” nhiều có thể làm hồng da mặt của các bạn đấy. Lưu ý nhé.

Muốn biết thêm, tra trên Google sẽ có... 12.000.000 kết quả đấy! Thế mới biết vụ “buôn” này cũng lớn lầm.

Tuy nhiên, có điều vẫn còn thắc mắc, tại sao lại có thêm chữ

“*dưa*”, thay vì cư nói “*buôn lê*” cũng *đủ*? Có phải do *dưa* càng để càng chua và rồi tới khú luôn, cũng như nói càng dài, càng dai càng dại? Hay?...

Khoảng năm 1968 – 1970, nhà nông học, GS. Lương Định Của (16/8/1920 – 28/12/1975) đã lai tạo ra một giống dưa mới ăn ngon, ngọt và mát, bán rất chạy, gọi là *dưa lê*. Có thể từ đó phát sinh cụm từ ngữ “*buôn dưa lê*”, GS. Lương Định Của được phong tặng Anh hùng lao động năm 1967 và truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh năm 1995.

Hiện Việt Nam có nhiều giống dưa lê khác, như giống dưa lê Ngân Huy 233 siêu ngọt từ Công ty Hạt giống Đài Loan. Từ năm 2009, giống này được trồng nhiều ở Kim Thành (Hải Dương), Đông Anh (Hà Nội), Hòa Đức (Hà Tây). Dưa Vân lưới thuộc nhóm dưa Lê thơm, là dưa ưu thế lai F1 do Công ty Vimorint Pháp lai tạo và sản xuất. Dạng thân bò hoặc leo (như dưa lê, dưa hồng), sinh trưởng khỏe, thân mập, phiến

lá to màu xanh sẫm. Dưa Quảng Bình vàng ướm ngọt lịm...

121. Buôn không vốn

Thành ngữ Việt Nam có câu *Buôn tài không bằng dài vốn*. Vậy không vốn làm sao buôn?

Cũng có đấy, *Tuổi Trẻ online*, 30/3/2010: Xã Lóng Luông, thuộc huyện Văn Hồ, tỉnh Sơn La, hiện có 990 hộ với trên 5.000 nhân khẩu thì đã có 107 người đang thi hành án về tội danh liên quan đến ma túy, 18 đối tượng bị truy nã đặc biệt và hàng chục bị can trong các vụ án đang được công an các tỉnh điều tra làm rõ hành vi phạm tội. Dân xã Lóng Luông rất giàu, hầu hết nhờ vào ma túy. Chỉ riêng tại bản Co Tang đã có khoảng 40 ôtô, trong đó có những xe lên đến hàng tỉ đồng. Ông trùm Tráng A Tàng có một xe Ford nhập ngoại và một xe Lexus trị giá hơn 2,5 tỉ đồng

Việc buôn bán ma túy ở Lóng Luông rất dễ bởi chỉ cần quen biết là có thể lấy hàng trước, trả tiền sau. Có trường hợp người

nhà ở Việt Nam sang bên Lào lấy vợ, lấy chồng rồi bảo lãnh cho nhau nợ tiền hàng. Chính vì thế người không có vốn vẫn có thể buôn bán ma túy.

“*Buôn không vốn*” lúc đầu chỉ cách làm ăn của giới buôn bán ma túy, có từ khoảng 15 – 20 năm trở lại đây. Nhưng rồi những vụ làm ăn lừa gạt, “muộn đầu heo nấu cháo” cũng bị coi là dạng buôn không vốn.

Cũng còn những hình thức có thể coi là buôn không vốn, như “buôn chuyện” ở công sở, mà dân gian gọi là “bà tám” (xem mục 69), rồi làm gái bằng “vốn tự có” (xem mục 866)... Và chỉ cần lên google, đánh “buôn không vốn” sẽ thấy có khoảng 20.800.000 kết quả. Tuy nhiên, muốn gì thì cũng nên xem kỹ lại nhé, ông google ống chỉ biết xâu chuỗi tất cả những gì có cụm từ “*buôn không vốn*” là quẳng lên mạng thôi. Theo đó có khi húp mắm.

122. Buôn vua

Lã Bất Vi (292-235 TCN) là một nhà buôn lớn ở Dương Địch,

Trung Quốc, sống vào đời Chiêu Vương nước Tần. Họ Lã chính là cha của Doanh Chính tức Tần Thủy Hoàng, vị hoàng đế đầu tiên của Trung Hoa. Lên tới chức tướng quốc, nhưng sau cùng bị buộc uống thuốc độc tự tử (*Sử ký Tư Mã Thiên*).



Ông được cho là người nổi tiếng trong lịch sử về buôn quan bán tước.

Theo *Đông Chu Liệt Quốc*, một lần Lã Bất Vi có hỏi cha, vốn cũng là một nhà buôn lớn, về lợi nhuận: “Cày ruộng lợi gấp mấy?” Người cha trả lời: “Lợi gấp mười”. Lại hỏi: “Buôn châu ngọc lợi gấp mấy?” Trả lời: “Lợi

gấp trăm”. Còn: “Nếu giúp cho một người được lên làm vua thống trị cả thiên hạ thì sao?” Lã Bát Vi đã tự trả lời câu hỏi này: “Cái lời không thể tính được (lớn tới vô cùng)”.

Lã Bát Vi là người chủ trương biên soạn bộ sách *Lã Thị Xuân Thu* được các sử gia đòi sau đánh giá cao ý tưởng, xem đó là điều Tứ công tử Chiến Quốc không sánh được với ông. Thực tế lịch sử thời Chiến Quốc cho thấy, kẻ sĩ rời nước nào thì nước đó suy, kẻ sĩ tới nước nào thì nước đó hưng thịnh. Nước Tần vốn nhiều đòi chỉ mạnh về quân sự, ít có thành tựu như các nước phía đông; việc thu hút kẻ sĩ từ 6 nước đến nước Tần của Lã Bát Vi nhằm bù đắp sự thiếu hụt về văn hóa. Những nhân tài do ông thu dụng sau này đều trở thành rường cột của nhà Tần.

Sách gồm 26 quyển, 160 thiên, chia làm 12 kỷ, 8 lâm, 6 luận, hơn 20 vạn chữ. Nội dung phong phú, cho là đủ hết những việc trời - đất, muôn vật, xưa - nay.

Ở Việt Nam, những năm đầu của thế kỷ 21, có Trần Văn Thuyết “mưu sĩ” chạy án cho trùm Năm Cam cũng được gọi là Thuyết “Buôn Vua”, Thuyết “Trăm Voi”. Thuyết từng được biết đến là một thương nhân cự phách thập niên 1990, được xem là dân chơi xe siêu sang cũng như bất động sản hàng đầu ở Việt Nam. Thuyết khoe, ở thời cực thịnh, trong cốp xe Mercedes siêu sang lúc nào cũng có hơn 40.000 USD để “quan hệ tình cảm” với các quan chức. Riêng tiền đổ xăng mỗi ngày cũng hết 3 chỉ vàng.



Vụ án Năm Cam có số lượng tội phạm ra hầu tòa là 156, ở mức kỷ lục. Phiên xử sơ thẩm kéo dài từ tháng 2 đến tháng 6 năm 2003 với bản án dài hàng trăm trang.

Năm Cam (1947-2004) tên khai sinh: Trương Văn Cam, một trùm xã hội đen ở Việt Nam, đặc biệt là tại thành phố Hồ Chí Minh, là bị cáo chính trong *Vụ án Năm Cam và đồng bọn* (chuyên án Z5.01); bị tòa tuyên án tháng 10 năm 2003 và bị tử hình vào tháng 6 năm 2004.

123. Bút Tre



Bút Tre tên thật là Đặng Văn Đăng, còn gọi là Đặng Văn

Quang, quê xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, sinh năm 1911, mất năm 1987; đỗ tú tài triết học trước 1945, viết báo dưới thời Pháp thuộc với bút danh Lục Y Lang.

Ông từng làm công tác ngoại giao với chức danh bí thư thứ hai sứ quán Việt Nam tại Rumani. Sau đó ông về làm Trưởng ty (bây giờ gọi là Giám đốc sở) Văn hóa Phú Thọ. Người ta nhớ Bút Tre, không phải vì những bài thơ trữ tình, cũng không vì thơ ông gắn với những bài ca dao, mà vì cách làm thơ, gieo vần của ông thật bất ngờ, thường mang đến cho những người nghe sự sáng khoái sau những giờ lao động mệt nhọc căng thẳng.

Bút Tre tên thật là Đặng Văn Đăng, khi ký tên thường không đánh dấu các chữ tiếng Việt nên viết là Dang Van Dang, mọi người đọc không dấu là Giăng-Van-Giăng, đồng âm với tên nhân vật chính trong “Những người khốn khổ” của Victor Hugo. Từ đó những người cùng cơ quan gọi ông là Giăng Văn Giăng.

Ông là người tạo ra một thể
thơ mới, mà từ cách sử dụng
ngôn từ, cách ngắt câu... rất lạ
lẫm, nhưng lại thật ấn tượng,
thật dễ nhớ.

Con đò dịch đít sang ngang
Bên kia có một cái làng thò ra

Buồm đồng động đến thì bay
Buồm nhà động đến
ăn quay ra giường
Chim đồng bóp cái chết ngay
Chim nhà mà bóp
àng ngày càng to

Bắc Ninh có câu
Nguyễn-Trùng-
Duong, vật khỏe quá
cả vùng thất kinh

Máy em mặc váy đánh cầu
lông bay pháp phói
trên đầu các anh
Anh đi công tác Cam Pu
chia chiến lợi phẩm ở tù ba năm
Nhó nhung vè thị xã Phan
Thiết tha mơ tưởng
cô hàng nước mắm

Chị em du kích tài thay
Bắn tàu bay Mỹ roi ngay
cửa (nhà) mình

Liên hoan có cốm
có chuối (chuối)
Ta đi ta nhớ cái buổi
(buổi) hôm nay

Anh đi công tác Pờ Lây
Ku dài dằng đặc
biết ngày nào ra
Còn em em vẫn ở nhà
Cửa (nhà) mình em mở
người ra kẻ vào
Không đi không biết
Tam Dao (Tam Đảo)
Đi thì không biết chỗ nào
mà ngu (ngù)
Một giường nó nhét hai cu (cu)
Thôi thì cố nhịn đến
chu (chử) nhật vè...

Phụ nữ thường rất
hay lười (lười)
Riêng em anh thấy là
người cần... cu (cù).
(Nguồn: Wikipedia)

124. Bụa...

Trong Từ điển tiếng Việt, NXKKHXH – năm 1989, trang 110: Là những vật nhỏ còn sót lại của thứ gì đó, trở thành một lớp chất bẩn bám vào nơi nào đó, thường là chất bẩn ở răng. Câu này cũng trúc trắc trực trắc sao đó, nhưng thôi tạm hiểu là khi ta ăn, những thức ăn thừa đã bị nghiền nát, được ủ cho lên men, thối rữa ra trong miệng ta, bám vào khe răng, chân răng làm cho miệng ta dơ bẩn, hôi thối. Đó chính là bụi. Sau lớp bao quy đầu của thằng nhỏ, nếu không vệ sinh cũng có bụi.

Nói như vậy nghe có thấy bẩn thỉu, lợm giọng không?

Có lẽ vì thế, chữ *bụa* còn được dân gian dùng trong nhiều trường hợp để phát huy tác dụng của nó. Ví như: *Thằng đó nó bụi lấm*, để chỉ con người chầy bửa, không tin được. Hay như: *Thôi, đừng có bụi*, để khuyên người đối thoại với mình đừng có làm chuyện vớ vẩn, tầm bậy, tầm bạ...

125. Bước chân vào

cổng Bách khoa...

Thời kỳ xây dựng CNXH ở miền Bắc, Đại học Bách khoa Hà Nội là ước mơ của nhiều sĩ tử. Vì nó là một trong những trường danh tiếng nhất miền Bắc. Nhưng đây là trường đào tạo các ngành kỹ thuật, đòi hỏi sự chuẩn xác cao, có vẻ phù hợp với nam hơn nữ. Và hình như nữ sinh của trường này cũng có vẻ cứng rắn hơn, mạnh mẽ hơn, nên trong sinh viên thời đó có câu:

Bước chân

vào cổng Bách khoa

Trông thấy đàn bà

cút tướng đàn ông.

126. Bứt cỏ...

Trong thực tế chẳng ai đi bứt cỏ cả, chỉ có làm cỏ - cào hoặc cuốc cho bật gốc cỏ lên, hoặc nhổ cỏ mà thôi. *Nhổ cỏ là phải nhổ tận gốc* mà. Thế nhưng đi vệ sinh thì, xin lỗi, không mấy ai lại nói: Đi đái một cái, hay đi ỉa một cái. Nghe đã thấy mất vệ sinh rồi. Vì vậy, người ta đã có khá nhiều từ để thay thế. Xưa ở quê, thì người

ta nói là *đi đồng*, thì cũng có lúc ra đồng thật – Câu này không vào thành thị, vì làm gì có đồng. Nhiều vùng nông thôn thì gọi là đi cầu. Ngồi trên cầu mà thả xuống sông. Ở vùng đồng chiêm trũng Hà Nam, cũng thả xuống nước, gọi là cầu tôm; khi đi... nghe cái tôm, tôm. Vùng đồng bằng sông Cửu Long, thì cầu được bắc trên các ao cá, và dưới là cá gì thì gọi tên cầu là vậy. Ví

dụ cầu cá tra, cầu cá giò. Từ *cầu* vào thị thành, thì gọi là *cầu tiêu*, *cầu xí*, *nhà xí*. Sau này khi dân ta văn minh hơn chút, gọi là nhà vệ sinh, mặc dù có nơi bịt mũi vẫn không chịu nổi. Rồi Pháp, Mỹ qua, nhà vệ sinh gọi là toilet, WC...

Còn dân gian thì từ lâu rồi gọi việc đó là đi “*bứt cỏ*”, nói lái là đi *bỎ CÚT* đấy.

C

127. Ca dao tân biên thời @

Thời @, có những câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ xưa bị sửa đổi câu chữ làm thay đổi cả giá trị vốn có. Thậm chí bị “nắn” lại tư tưởng. Lê đương nhiên, thanh niên, sinh viên giờ nũng nở hơn, sáng tạo hơn, nhưng cũng thực tế và thực dụng hơn. Còn gia đình, nhà trường và xã hội thì... đồng tiền nay đúng là thước đo bản vị. Và lớp trẻ giờ không ít người hễ cứ thấy cái gì có lợi là làm, khó thì né hoặc tìm cách dễ hơn cho đỡ nhọc thân. Tất nhiên, công bằng mà nói, cũng có chút sáng tạo, hè hè:

*Sông sâu thì mặc sông sâu
Nhưng mà sâu quá
thì ta đi đờ*

Hay:

Đèo cao thì mặc đèo cao

Nhưng mà cao quá

thì ta không trèo

Và bí quá thì dùng bão bối vạn năng – Đồng tiền:

Không có việc gì khó

Chỉ sợ là không tiền

Đào núi và lấp biển,

Không làm được thì thuê.

Bây giờ có quá nhiều ca dao cải biên..

Bầu oi thương lấy bí cùng!

Mai sau có lúc nấu

chung một nồi...

Trời mưa bong bóng

pháp phồng

Má đi lấy chồng

con ở với trai...

Mấy đời bánh đúc có xuong?

Mấy đời chơi net

không vương tơ tình?

Sáng trăng chiếu trải
hai hàng
Bên anh “xập xám”,
bên nàng “tiến lên”...

Xăng... có thể cạn,
lốp... có thể mòn,
nhưng số máy, số sườn
thì không bao giờ thay đổi.

Tiên học lẽ hậu học..... ăn

Thuận vợ thuận chồng...
con đồng mệt quá

Tiền kho, bạc núi không
bằng dấm dúi một chíc.

Sách mười bồ
thua một ô che đầu.

Qua cầu ngả nón trong cầu
Cầu bao nhiêu nhịp
tốn xăng dầu bấy nhiêu.

Gió đưa cây cải về trời...
Tiền đô... đưa tiền em rời
cố hương...

Đất lành chim đậu
Đất nhậu chim thành mồi

Muốn thắng trong điền kinh
thì tốt nhất là vừa chạy
vừa... rải đinh

128. Ca sáu câu

Vọng cổ, bắt nguồn từ bài “Dạ Cổ Hoài Lang” (nghe tiếng trống đêm, nhó chồng) của nghệ sĩ Cao Văn Lầu, túc Sáu Lầu, sinh năm 1890 ở Vũng Gù, nay thuộc Long An, sáng tác vào khoảng năm 1917 – 1920. Bản vọng cổ là một trong những điệu nhạc căn bản của sân khấu cải lương, là một điệu nhạc rất thịnh hành ở các tỉnh miền Tây Nam bộ, Về sau bài Dạ Cổ Hoài Lang đổi tên thành Vọng Cổ Hoài Lang rồi Vọng Cổ. Bài hát này có tất cả 20 câu. Theo thời gian, mỗi câu lúc ban đầu chỉ có 2 nhịp. Sau lên 4 nhịp rồi 8, 16, 32, 64 nhịp. Ngày nay thông dụng là câu vọng cổ 32 nhịp. Nhưng vì mỗi câu bây giờ có tới 32 nhịp, dài quá nên ca sĩ không hát nguyên bài 20 câu nữa mà chỉ hát tối đa 6 câu, nên gọi là 6 câu Vọng Cổ.

Trong cải lương, có không ít trường hợp, người đã trúng tên, trúng đạn, nhưng trước khi chết còn cố ngóc đầu lên ca sáu câu vọng cổ rồi mới nằm xuống xuôi lõ. Tuy nhiên đó là đặc tính riêng có, và khá là mùi mẫn của cải lương. Còn trong thực tế cuộc sống cũng không ít người, chuyện không có gì nhưng cứ dài dòng vẩn vự, tả tình tả oán lâm ly khiến người nghe phát mệt, thì bị dân tình chỉ trích: *Thôi, đừng “ca sáu câu nữa!”*

129. Cá không ăn muối cá ươn...

Tỷ lệ người bị bướu cổ ở Việt Nam rất cao, chính vì vậy thời ông Võ Văn Kiệt làm Thủ tướng đã yêu cầu sản xuất muối iốt bán rộng rãi trong dân, nhất là các tỉnh miền núi để chống căn bệnh bướu cổ. Câu ca xưa:

*Cá không ăn muối cá ươn
Con không nghe mẹ
trăm đường con hư.*

Nay câu sau có thêm phiên bản vui: *Con không ăn muối... thiếu iot rồi con oi!*

130. Cá... Mú

Hồi đầu trên phù hiệu của ngành cảnh sát, (công an), có chữ CA in nổi. Để ám hiệu cho nhau có công an xuất hiện, những tay móc túi ở Bờ Hồ thường kêu “*Cá Cá*”!. Từ này dùng một thời gian thì “bị lộ”, đám này bèn đổi gọi là “Mú”. Cá – mú thì cũng vậy mà. Tiếng lóng này dần dần trở thành phổ biến trong dân gian.

131. Cá vàng – Cá xanh – Cá ươn

Những năm 1960, ở miền Bắc, bắt đầu có Việt kiều từ các nước về, và cũng có những món quà theo nhiều đường khác nhau vào, trong đó có loại xe máy Peugeot màu vàng cam rất được người Hà thành ưa chuộng và gọi là “*cá vàng*”. Rồi khi mới giải phóng, dân Bắc vào Sài Gòn, chẳng biết Honda, Yamaha... là gì, chỉ tìm Mobylette (màu xanh) cũng dòng với “*cá vàng*” mà mua, nên lại gọi là “*cá xanh*”. “*Cá xanh*” hay “*cá vàng*” cũng vậy, khi lão hóa, người chạy cứ phải chống phao câu lên mà đẹp, điên tiết gọi là “*cá ươn*”.

132. Cà chón

Ta đi ta nhớ quê nhà
Nhớ canh rau muống
nhớ cà dầm tương
(Ca dao)

Cái quả cà nhai giòn rau ráu, với vị mằn mặn, ngòn ngọt, chua chua của tương ngâm, quả là dễ bắt cơm, dễ nhó, nhớ lạ lùng, dù đi xa tới đâu cũng nhớ về quê nhà Việt Nam... Nhưng cũng còn nhiều loại cà như cà chua, cà tím, cà bát... Lại có cả những loại cà không thể nào ăn được... Xe cà tang, người cà nhồng, cà nhắc cà thọt, nói cà lăm, ốm cà tong cà teo...

Còn một loại cà khác là *cà chón*, trong *TDTV* (NXB KHXH, 1994), không có chữ *chón*, chỉ có *quá trón* - vượt qua giới hạn thông thường theo hướng xấu. Và *mon trón* – vượt ve để khêu gợi hay an ủi.

Vậy cà chón là sao? Không biết có đúng không, nhưng thấy cách giải nghĩa này hay hay nên cop ra đây mọi người cùng xem, trước hết để vui, sau cũng là để tham khảo:

(DayhocIntel.net)

Theo phong tục cưới hỏi của Việt Nam cũng như nhiều nước trên thế giới. Hai đôi tân hôn sẽ trao nhẫn cho nhau (Nhẫn - là nhẫn nại, chịu đựng, còn bao gồm Tín và Lượng: Tin tưởng và tha thứ. Tức là trao cho nhau sự chịu đựng, tin tưởng và tha thứ). Chiếc nhẫn còn như một công bố chính thức với mọi người rằng ta đã lập gia đình.

Thế nhưng, các ông đã lập gia đình mà vẫn muốn tán tỉnh các cô gái khác bèn tháo nhẫn trong tay mình ra để gây ngộ nhận là còn gin. Tuy nhiên, do nhẫn đeo lâu ngày, khi tháo ra trên tay sẽ có một cái *chón* màu trắng rất dễ phát hiện, nên khi ngồi nói chuyện với bạn gái, các ông cứ lấy tay cà... cà lên cái *chón* ở tay đeo nhẫn để che giấu sự thật. Nghĩa “cà chón” là vậy.

Bây giờ, người viết cũng đã gần 70 mà thấy mấy ai đi cặp bồ cặp bịch tháo nhẫn! Hơn nữa có nhiều cô cũng chẳng quan tâm gì tới người mình cặp có vợ hay chưa, ua thì cứ thế nhào vô.

Có một giải nghĩa khác dễ thuyết phục hơn. *Cà chón* là tiếng Khmer, phát âm là k-chol, có nghĩa là biếng nhác, lười, qua tiếng Việt biến nghĩa thành ra “không tin cậy được, nói một đàng làm một nẻo”.

133. Cà phê đèn mờ

Sự đời là vậy, hễ có ăn, thì đóng cửa này người ta sẽ tìm cách mở cửa khác, như chuyện “một cửa một dấu” vậy (xem mục 534). Mai dâm đang là nghề hái ra tiền, bị truy quét quá, chủ chúa (gái) các động bèn tung các chiêu mới: “Bia ôm”, “cà phê ôm”, “karaoke ôm”...

“Cà phê đèn mờ” – giảm độ sáng của đèn, tạo ra cảnh mờ mịt ảo ảo để dễ bèle làm ăn. “Cà phê đèn mờ” chính là một dạng mại dâm trái hình, phát triển rầm rộ vào những năm 1980 – 1990. Cùng thời gian còn có cà phê vông, trên nhiều con đường ra ngoại thành hoặc các tỉnh lân cận TP.HCM. Và sau đó là karaoke ôm, cắt tóc thanh nữ, massage... đều là các dạng mại dâm trái hình.

134. Cà phê không đường

Cà phê là loại thực phẩm phổ biến toàn thế giới, đặc biệt là dưới dạng đồ uống. Trong cà phê có chất kích thích cafein giúp người ta tỉnh táo, sảng khoái. Và nếu cho thêm ít đường hoặc sữa đặc có đường, và lại uống vào buổi sáng thì thật là “trên cả tuyệt vời”. Nhưng nếu “cà phê không đường” thì cũng thật khó uống. Đáng không thua thuốc kí sinh phòng chữa sốt rét.

Còn “chè chũ” cà phê, thì: “Cà” là cà khịa, “phê” là phê bình, phê phán.

“Cà Phê Không Đường” phát sóng lần đầu tiên trong chương trình “Sài Gòn Buổi Sáng” của Đài Tiếng nói Nhân dân TP.HCM, trên sóng FM 99,9 MHz, vào tháng 6/ 1998, từ ý tưởng của Đông Quân (khi đó là phó Ban FM 99,9 MHz) mong muốn tạo ra một chuyên mục chuyển tải các tiểu phẩm phát thanh với mục đích “cà khịa”, “phê phán” những thói xấu trong xã hội. Tiết mục được phát sóng hàng tuần vào ngày

chủ nhật với thời lượng từ 15 - 20 phút/lần.

Các thành viên đầu tiên thực hiện là Đông Quân (người viết kịch bản), vợ chồng Thanh Bạch - Xuân Hương (tham gia ý tưởng kịch bản + diễn xuất) cùng phần thể hiện của các phát thanh viên Anh Tuấn, Văn Tiến, Mai Trinh, Xuân Khoa.

Nhạc hiệu chương trình được hòa âm bởi nhạc sĩ Bảo Chấn, lồng tiếng do Thanh Bạch và Mai.

Và “Cà phê không đường” đã trở thành đặc sản của VOV, và Cụm từ đó đã trở thành một thành ngữ đi vào cuộc sống như một thông điệp: “Thuốc đắng dã tật”.

135. Cà phê ôm

Xem “Cà phê đèn mờ”

136. Cà phê vông

Một loại hình biến tướng của cà phê ôm (xem mục 133) xuất hiện khoảng những năm 1980. Những chiếc vông treo tòng teng ở trong các lùm cây trở thành bài đáp của các đôi nam nữ (gái do chủ vông cung ứng).

Tuy nhiên chuyện gái gú kiểu nằm vông quả là bất tiện cho mấy anh không chỉ làm việc bằng tay. Nhưng chiếc vông đu đưa lại là một nhu cầu duỗi chân, duỗi cẳng, thậm chí một lúc chớp mắt, đặc biệt là của những người đi xe máy đường xa. Vì thế, sau đó một thời gian không bao lâu, cà phê vông mọc lên nhanh nhảu dọc các tuyến đường miền Tây, miền Đông Nam bộ và miền Trung.

Người uống nằm vông cứ việc lắc qua lắc lại, cà phê, nước giải khát để ở cái bàn nhỏ kế bên, như dâng tận miệng.

Có thể coi cà phê vông là một nét rất đặc thù của miền Nam. Và nó cũng thể hiện tính năng động, đáp ứng nhạy bén nhu cầu thị trường của người miền Nam.

137. Cai Lậy (vui)

Chuyện rằng, ở một vùng nông thôn Nam bộ, có một ông cai nổi tiếng là hay gái. Vừa có tài tán gái, tán đâu dính đấy, lại không cần một thứ rượu hay viagra trợ lực gì, mà không kể sáng hay

khuya, lúc nào ông cũng săn sàng... làm việc. Đã vậy, ông làm việc đâu vào đấy, khiến nổi tiếng khắp vùng, các cô đã gặp đều chịu không xiết.

Thế nhưng núi cao còn có núi cao hơn. Cao nhân tất hữu cao nhân trị.

Lần đó, ông Cai gặp một nàng xinh ơi là xinh, mới nhìn thấy mà ông đã như bị hớp hồn, tìm mọi cách áp sát đối tượng. Còn nàng thì sao? Tuy chân không dài tới nách, không có tên trong showbiz, nhưng các đức tính quý báu thì không thua gì. Và nàng thấy Cai to cao đẹp trai, nhà giàu, nên cũng tự nguyện yêu liền.

Họ dính nhau. Cuộc mây mưa kéo dài lâu 3 – 4 ngày. Trong những ngày ấy, nhà Cai đóng cửa không tiếp dân, giấy tờ cứ chất đống chờ quan.

Rồi bỗng một hôm, người ta thấy nhà Cai kéo cờ trắng. Và Cai tiễn người tình ra cửa, mà mặt cứ thẳng thốt như người vô hồn. Phải mấy hôm sau, Cai mới hoàn hồn, tiết lộ cho một lính

lệ hay tám chuyện, rằng đây là lần đầu tiên, nhưng không biết đã phải là lần cuối chưa, Cai đã phải quỳ lạy người con gái chân dài đó. Vì mấy ngày đêm liền, lúc nào nàng ta cũng mặn nồng ân ái, mà hễ quan bò xuống, nàng lại kéo lên như kéo con mèo mướp. Khiến Cai không những hết khả năng chi trả, mà còn sợ tới mức quỳ lạy, xin tha mạng để giữ giống về sau.

Ít ngày sau tin tức lan đi khắp xứ, ai cũng biết Cai lạy cô gái chân dài xưa. Và cái chuyện đó ấn tượng đến mức, hễ ai hỏi thăm đường tới cái vùng nông thôn còn lạ lẫm kia, thì đều được dân tình sốt sắng chỉ, kèm theo một câu kết: Đó là vùng Cai Lậy đấy!

Có một thị trấn tên Cai Lậy, chẳng dính gì vào chuyện trên, là huyện đông dân nhất tỉnh Tiền Giang. Nơi có hai cù lao nổi tiếng hấp dẫn du khách là Cù lao Ngũ Hiệp, Cù lao Tân Phong.

Cuối thế kỷ XVII, vùng đất Cai Lậy thuộc châu Định Viễn, dinh Long Hồ. Thời các chúa Nguyễn, đất này thuộc dinh Trần Định,

rồi trấn Định Tường và tỉnh Định Tường về sau. Năm 1808, vùng đất này được đặt tên là tổng Kiến Lợi. Năm 1836, đổi thành huyện Kiến Đăng, tỉnh Định Tường. Năm 1904, Pháp lập quận Cai Lậy, thuộc tỉnh Mỹ Tho,...

Sau năm 1956, quận thuộc tỉnh Định Tường,. Ngày 09 tháng 08 năm 1961, quận Cai Lậy đổi tên thành quận Khiêm Ích, chuyển tổng Lợi Thuận qua quận Sùng Đức. Ngày 10 tháng 11 năm 1964, quận lấy lại tên cũ Cai Lậy.

Sau ngày 30 tháng 04 năm 1975, Cai Lậy là huyện của tỉnh Tiền Giang.

138. Cái đẹp đánh bẹp cái nết

Tiêu chuẩn của một người con gái thời xưa được xác định bởi: Tam tòng: “*Tại gia tòng phu/ Xuất giá tòng phu/ Phu tử tòng tử*”. Và tứ đức: “*Công/ Dung/ Ngôn/Hạnh*”. Như vậy là “Dung” – dung nhan, sắc đẹp được xếp hàng thứ hai sau “*Công*” – nữ công gia chánh. Và các cụ xưa dạy rằng: “*Cái nết đánh chết cái*

đẹp”. Nhưng chắc các cụ quên là từ xưa tới nay vẫn vậy: “*Yếu điệu thục nữ/ Quân tử hảo cầu*”. và “*Gái ham tài/ Trai ham sắc*”.

Vì vậy thanh niên ngày nay tự ý điều chỉnh lại: “*Cái đẹp đánh bẹp cái nết*”.

Nghĩ đi cũng phải nghĩ lại, các cụ nói đó có sai cái gì. Cái đẹp bây giờ, cứ ra mỹ viện là xong tuốt. Nhưng đêm về cũng phải vắt chân lên trán mà nghĩ, mà đụng vào cái gì cũng lo lo, con mắt một mí đã cắt thành hai mí, mũi tẹt đã nâng thành dọc dừa, cái mồm “*tan hoang cửa nhà*” nay đã là mồm trái tim... chẳng có cái gì là thật, cũng sờ sơ chứ. Còn cái nết, cái tính con người thì mua, sửa bằng cách gì đây?!

Ấy thế nên “*Cái nết đánh chết cái đẹp*” là chí phải.

139. Cái định gi?

Nói đến từ định, thì ngoài đình để đóng ra còn có đình râu, một loại mụn mọc vùng miệng, theo các cụ chỉ, là lấy bàn tay minh, xoay ngang úp lên miệng, trong phần bàn tay trùm lên có mụn

thì đó là đinh râu. Loại mụn này rất không nên tùy tiện nặn ra, vì dễ nhiễm trùng, nguy hiểm. Còn loại đinh nữa là đinh tai nhức óc, chỉ những tiếng động lớn, vang, gây khó chịu.

Nói tới đinh để đóng, người ta cũng thường ví nhỏ, bé như cây đinh, cây kim. Với con người không biết thân phận mình ra sao, mà cũng bày đặt, tính toán chuyện này, chuyện kia, lón lõi, dân tình nói: Chẳng là cái đinh gì cũng bày đặt.

Cái đinh dù để đóng thuyền, làm nhà, đóng tường treo đồ... dù có dài 5 – 10 phân, cũng chỉ là cây đinh mà thôi. Và khi đinh rỉ sét, có thể gãy bất tử, thì tệ hơn nhiều. Đánh giá một người nào đó quá tệ, người ta nói: Nó chẳng là *cái đinh rỉ gì cả*.

140. Cái rắm là cái trời cho

Dánh rắm (đánh địt), vệ sinh hơn người ta còn gọi là trung tiện (giữa cái đại tiện và tiểu tiện) là một hoạt động dị hóa của con người. Có đồng hóa thì có dị hóa, đó là chuyện sinh lý

bình thường. Thậm chí đồng hóa mà không dị hóa thì sinh bệnh chướng khí, đầy hơi rất khó chịu. Thế nên xưa thật là xưa dân gian đã có câu để “*cái lý*” cho “*cái rắm*”:

*Cái rắm là cái trời cho
Ai mà không đánh
Ốm o gầy mòn
Có đánh thì đánh cho giòn,
Ai mà đánh xịt gầy mòn, ốm o.*

Tuy nhiên, “*cái rắm*” nhẹ cho mình mà có khi “*nặng*” cho người; bịt mũi không thở được. Cũng có khi sinh nghi ngờ lẫn nhau gây mất đoàn kết nội bộ... Và cũng chẳng đẹp mặt gì cho mình. Chính vì thế cũng không nên tự nhiên “*nhu ruồi*”, nhất là ở nơi đám đông.

141. Cài số de

Chẳng hiểu tiếng Tây, tiếng ư gì, tra không ra. Nhưng trong *Từ điển tiếng Việt*, NXBKHXH, 1994, có từ *de dé*, là hoi tránh sang một bên. *Đứng de dé cho người khác đi*. Và cũng từ lâu rồi, các bác tài đã dùng từ *de* để chỉ việc cài số cho xe lùi lại. Rồi có

lẽ cũng chính từ các báu tài, khi làm ăn chuyện gì thấy không ổn, nên rút lui, thì cũng nói: *Thôi, cài số de đi*. Hoặc không ưa ai, cảm thấy khó chịu, không muốn tiếp chuyện ai đó, có khi phản ứng: *Thôi, de đi*.

Nhu thế “de” còn hàm ý “biến đi”, mời ông đi chỗ khác giùm.

142. Cải cách thủ tục hành chính



Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001 - 2010 của Chính phủ được ban hành kèm theo Quyết định số 136/ 2001/ QĐ-TTg ngày 17/9/2001 của Thủ tướng Chính phủ đã nêu 4 nội dung cơ bản. Đó là cải cách thể chế, cải cách tổ chức bộ máy hành chính; đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức và cải cách tài chính công.

Theo VietNamNet: Hiện nay, VN là nước có tỷ lệ chi phí gia nhập thị trường của doanh nghiệp cao nhất trong khu vực. Để thành lập một doanh nghiệp và đi vào hoạt động cần khoảng 11 thủ tục (từ xin mã số thuế, lắp đặt hệ thống điện nước, điện thoại, phòng cháy, chữa cháy, giấy phép xây dựng nhà xưởng... đến giấy chứng nhận về môi trường). Chi phí cho thủ tục pháp lý lên tới khoảng 63 ngày với tổn phí tương đương tới 30% GDP bình quân đầu người của VN. (Trong khi đó, tại Úc, chỉ mất 2 thủ tục, 2 ngày và 2% GDP đầu người; tại Singapore là 7 thủ tục, 7 ngày và 1,2% GDP đầu người).

Chi phí “bôi trơn” cho bộ máy công quyền từ những quy định thủ tục hành chính rườm rà theo ước tính còn cao hơn số tiền thuế mà doanh nghiệp phải nộp.

Theo tính toán của Sáng kiến Nâng cao năng lực cạnh tranh Việt Nam VNCI, nếu giảm đi 40% thủ tục hành chính thì Việt Nam sẽ tiết kiệm được mức 2,8 - 6,5

tỷ USD/ năm. (*Diễn đàn doanh nghiệp / www.dddn.com.vn*):

Cải cách hành chính và thủ tục hành chính, tuy không còn “*hành là chính*”, nhưng vẫn chưa thoát khỏi cái vòng luẩn quẩn: bộ máy vẫn cồng kềnh, chồng chéo, thủ tục vẫn rườm rà, kết quả bộ máy vẫn còn nấm những cái cần buông, buông những cái cần nấm, vẫn duy trì những cách thức quản lý thuận lợi cho bộ máy và lợi ích cục bộ của bộ máy dưới những hình thức mới; tình trạng quan liêu, lãng phí, tham nhũng chưa bị đẩy lùi, vẫn diễn ra khá phổ biến và nghiêm trọng...

143. Cải thiện

Theo nghĩa thông thường là làm cho tốt hơn. Nhưng từ thời chống Pháp, có lẽ do cuộc sống trong rừng, thiếu thốn đói bần, ăn uống thì kham khổ, mà có thực mới vực được đạo, nên các cơ quan, đơn vị cách mạng cả trong Nam, ngoài Bắc đều tổ chức sản xuất tự cung tự cấp để cải thiện đời sống. Nhưng trống trọt, cấy

cày, thì phải có thời gian, ít cũng phải dăm ba tháng, trong lúc đó không lẽ treo niêu. Chính vì thế, cái từ cải thiện trở nên phổ biến rộng rãi trong từng cán bộ, chiến sĩ, nhưng ở diện hẹp hơn, giống như đi kiếm miếng ăn thêm từng bữa... Đi câu vài con cá cũng là cải thiện, bắt con gà, con chồn, thậm chí kiếm ít măng rừng cũng là cải thiện. *Hôm nay chủ nhật, mình kiếm cái gì cải thiện đi.* Chỉ cần nói như vậy là đủ hiểu muốn gì.

Nhưng sau tiếp quản một thời gian, từ này mất đi và thay vào đó là từ “ăn tươi”, (xem mục 45) nếu hôm đó bữa ăn có khá lên. Còn cái từ cải thiện lại được dùng khi các ông đã có vợ đi tí tát tí mè.

144. Cán bộ cao ăn cung cấp...

Nhiều người không hiểu cứ tưởng rằng, XHCN (quá độ) ở miền Bắc là mọi cái đều “cào bằng” như nhau. Nhưng thực tế thì ăn cũng chia theo cấp bậc, ngạch trật đâu vào đấy. Chỉ có điều không ai “cân đo” nên

không biết rằng giữa “thấp” và “cao” có khi chênh nhau tới mấy chục lần. Và ở cái thời kỳ bao cấp ấy, cán bộ có chức có quyền, lại được chia làm mấy loại để phân định tiêu chuẩn “ăn”. Cán bộ thường thì ngoài tem phiếu, thiếu gì... cứ ra đường tìm mua được gì hay nấy. Nhưng nếu quen biết mấy cô mậu dịch viên thì có khi cũng không thua gì “ăn cung cấp”. Mậu dịch viên thời đó chính là “thượng đế”.

Dân gian có câu:

Cán bộ cao ăn cung cấp

Cán bộ thấp ăn chợ đen

Cán bộ quen ăn cửa hậu.

145. Cán bộ đi trước...

Thời kháng chiến chống Pháp, có một khẩu hiệu như kim chỉ nam đối với cán bộ chiến sĩ: “Cán bộ đi trước, làng nước theo sau”. Nghĩa là việc gì khó, phải gian khổ, hy sinh, việc gì cần hướng dẫn,... thì cán bộ phải tiên phong đi trước làm gương. Bên cạnh đó cũng có câu: “Cán bộ, chiến sĩ không được to hào từ cái kim, sợi chỉ của dân”. Thật

là đúng đắn và sáng suốt, vì dân gian cũng có câu: “Ăn cỗ đi trước, lội nước theo sau”. Nếu không, đi trước mà lại “ăn trước” thì thật...

Câu nói trên chắc mấy cán bộ nhỏ, cán bộ to chúng ta còn nhớ, vì đó cũng là lời dạy của Bác Hồ, chính chúng ta vẫn hàng ngày, hàng giờ kêu gọi “Học và làm theo gương Bác Hồ” mà! Nhưng thực hành thì nay nhiều cán bộ to, cán bộ nhỏ quên mất rồi, hoặc không đủ tinh thần và nghị lực để làm nữa.

146. Cán bộ đường lối

Không phải cán bộ tổ chức, cũng chẳng phải là chính trị viên, nhưng vị trí của người lái xe đối với khách và với cả... xếp là cực kỳ cần thiết và quan trọng. Lái xe là người đưa đường. Muốn đi lối nào, chạy nhanh hay chậm, êm hay xóc... đều phụ thuộc vào lái xe. Với mấy anh lái xe con cho các xếp thì còn là cầu nối, là cửa sau cho xếp. Quà cáp, phong bì trên mức tình cảm muốn đưa cho xếp, cứ díu tài xế là xong. Muốn ăn, muốn êm, ví dụ đi

thăm bồ nhí, đều là nhò cái đầu, cái tay và cái miệng khéo léo, kín hở của tài xế cá.

Vì vậy dân tình gọi lái xe là *cán bộ đường lối*. Và nhiều bác tài do... “*gần đèn thì rạng*”, lâu ngày biết nhiều, nên cũng được tiến cử lên quan bé, quan lớn!

147. Càng nhiều càng ít

Đó là câu nói cửa miệng của CBCNV khi lãnh lương, xuất hiện từ khoảng năm 1995 – 2005. Vì thời gian đó lương luôn chạy theo sau giá cả sinh hoạt tăng. Và thường khi được tăng lương, thì giá cả lại tự động đồng loạt nhích thêm lên. Nên rõ ràng nhogn tiền là “*số lượng*” tiền lương “*càng nhiều*” thì giá trị của lương càng ít vậy!

Tình trạng đó vẫn tiếp diễn cho đến nay.

148. Cao-Xà-Lá



Khánh thành khu Cao-Xà-Lá

Trên đường Hà Nội đi thị xã Hà Đông, nay là quận Thanh Xuân, Hà Nội, có một khu công nghiệp, bao gồm ba nhà máy: cao su Sao Vàng, Xà phòng Hà Nội và thuốc lá Thăng Long, mà dân gian gọi là khu Cao – Xà – Lá, khánh thành ngày 18/5/1960. Đã một thời Cao – Xà – Lá là niềm tự hào của Hà Nội, của miền Bắc XHCN. Và cũng đã có một thời gian dài gần nửa thế kỷ nay, hơn 1.500 hộ dân khu tập thể với khoảng 6.000 nhân khẩu ở đây chưa hề biết “mùi” nước sạch.

“Xóm liều” (*xem mục 843*) hình thành vào những năm 1970, trên địa bàn này. Năm 1998, theo chỉ đạo chính quyền thành phố Hà nội, “xóm liều” Thanh Nhàn đã bị xoá sổ, thay vào đó là Công viên Tuổi Trẻ.

149. Cụp đất mà ăn

Nghĩa là ăn đất, tiếng lóng, cũng giống như đi Văn Điển, đi ngủ với giun, ngóm củ tỏi, toi... Nghĩa là chết rồi, đi đời nhà ma rồi. Ví dụ: Không biết thì cụp đất mà ăn (*thì chết đi*).

Lúc đầu là vậy, bây giờ...

Một hôm, gặp anh bạn, anh bảo: Thằng I cờ rét (Y) nó cạp đất ăn rồi. Tôi giật mình, mới hôm nào anh bạn tôi còn là ông chủ một nhà băng, *khôe re như bò kéo xe* (xem mục 433), mà bây giờ... Tôi bảo: Thế bao giờ viếng, bao giờ động quan... Ông bạn tôi, nói như quát lên: Ô, cái ông này, tôi nói với ông nó chết bao giờ mà ông ca bài ca con cá vậy? Nó ăn nên làm ra nhỉ cái vụ hoa hồng gửi tiền và cho vay cứ trôi lên, tụt xuống, nên ôm một mó đầu tư bất động sản rồi, nó chuyển sang *ăn đất* đấy, ông biết không!...

Ăn đất, nói rõ hơn là ăn theo, ăn vào đất, dân tình bây giờ cũng gọi là *cạp đất mà ăn*. Mà người ta *cạp đất* bây giờ thật kinh hồn mọi thời đại. Có người, có noi cạp túi hàng trăm, hàng nghìn ha. Thật lạ, đất không nở ra vậy mà cạp ào ào mãi vẫn còn. Lại nữa, đất là thuộc sở hữu toàn dân, do nhà nước đại diện chủ sở hữu... trên toàn lãnh thổ cơ mà, sao nói chuyện nghe dễ quá vậy!?

Thôi, đó là chuyện người có tiền, người ta muốn gì chẳng được. Đã có đèn giờ soi xét rồi, đừng nhúng mũi vô.

Áy thế nhung, lại khác rồi. Bất động sản đóng băng hơi bị lâu, Nhà nước đã mở gói cứu trợ 30 ngàn tỷ nhưng xem ra chẳng mấy xi nhê... Và thế là *toi* rồi. Đúng là *cạp đất mà ăn* rồi. Nhưng *cạp đất mà ăn* lúc này, không phải người ăn đất chết, mà sống như chết, cứ ngắc ngứ con tàu say.

150. Cày đường nhựa

Xét về tính chất khó khăn, mệt nhọc của cày bừa thì đúng là lên bờ xuống ruộng thật (xem mục 472). Tất nhiên phải hiểu đây là cày tay với con trâu, con bò đi trước kéo. Chỉ riêng cái khoản cho lưỡi cày ăn xuống đất bao nhiêu, tới việc điều khiển làm sao cho xá cày thẳng, luống cày đều. Rồi, “vắt, vắt, họ, họ” sao để điều khiển con trâu cho đúng ý. Có những người cày, khi trâu kéo tới bờ ruộng bên kia mà không biết “vắt” ra sao nên trâu cứ kéo cày băng bờ luôn.

Đã vậy bây giờ lại còn *cầy đường nhựa* nữa, thì thật còn cái cực nào bằng. Nhưng cần nói rõ, cày đây không phải là đào, là xới lên đâu. Không phải là cái ông đào đường làm công hộ, đặt ống nước, sửa đường dây đâu. Mà ám chỉ những người nhà quê lên tinh kiết ăn, mệt như cày đường nhựa vậy. Xưa ở tỉnh thành, đường mói trải nhựa.

Lâu rồi, câu này cũng được chính mấy dân thành thị, khi có ai hỏi làm gì, tự than: *Ôi giờ! Đì cầy đường nhựa ấy mà!*

151. Cáu chỉ

Không tra được xuất xứ từ nguồn nào, chỉ có thể suy diễn là do lối phát âm theo vùng miền, hoặc đọc chệch, mà từ chữ “cắt” trong “cắt chỉ” hóa thành chữ “cáu” trong “cáu chỉ”. Và như vậy có thể hiểu, rằng “cáu chỉ” hay “cắt chỉ”, ngược với “chưa cắt chỉ”, là muốn nói tới một mặt hàng, một vật nào đó, còn đóng bao, đóng gói, nay mới mở ra, mới cắt chỉ - còn mới “cáu chỉ”. “Cáu cạnh” cũng có nghĩa như vậy.

Từ trước 30/4/1975, chỉ nghe thấy dân buôn bán ở Sài Gòn dùng từ này khi giới thiệu hàng với khách, sau dùng rộng trong giới bình dân. Giờ từ này chẳng còn mấy ai dùng.

152. Cắt cơm, bơm xe...

Hồi ở ATK – Chiến khu Việt Bắc, các cơ quan Bộ và cả Văn phòng Chính phủ đều ở liền kề nhau hai bên bờ suối. Cán bộ lãnh đạo, có người cả gia đình đi theo. Cán bộ nhân viên thì cũng ở quanh, cách chừng năm mươi cây số. Vì vậy cứ chiều thứ bảy là mọi người lại lục tục chuẩn bị để về với gia đình. Công việc đầu tiên là cắt cơm ở cơ quan, tranh thủ bơm cái xe đẹp, nghe thời tiết nắng mưa để liệu. Rồi nhấp nha nhấp nhôm, lâu lâu lại liếc đồng hồ. Tiếp đó thì lo cột bao gạo (linh ở cơ quan) lên xe. Cạo râu sạch sẽ về gặp bu nó. Và cuối cùng là xâu lại quai dép (hầu như lúc đó ai cũng đi dép cao su – dép râu).

Không phải ai khác, chính những cán bộ ATK đã “lên lịch làm việc” của ngày thứ bảy:

“Cắt com/ bom xe/ nghe thời tiết/ liếc đồng hồ/ thồ bao gạo/ gạo hàm râu/ xâu quai dép”.

153. Cắt hộ khẩu

Thời bao cấp, hộ khẩu là tối quan trọng. Có hộ khẩu mới cư trú yên thân, mới có tem phiếu từ chất đốt đến gạo, thịt. Và lúc đó làm gì có mua bán nhà, chuyển hộ khẩu, chỉ có “tịch” thì phải cắt hộ khẩu. Nói cách khác, chết đồng nghĩa với cắt hộ khẩu, và bị xoá tên, bị cắt hộ khẩu thật. Ngược lại, vì bất cứ lý do gì mà bị “cắt hộ khẩu” cũng có thể là chết, hoặc sống mà như chết, vì gần như mất hết các quyền cơ bản của con người.

154. Câu lạc bộ 1.000 tỷ

Câu lạc bộ 1.000 tỷ, là chỉ các doanh nghiệp, đơn vị, tỉnh thành đạt thu ngân sách hàng năm từ 1.000 tỷ VNĐ trở lên.

1993 ở Việt Nam hình thành *Câu lạc bộ 500 tỷ*. Đến năm 1995, *Câu lạc bộ 500 tỷ* đã tỏ ra lỗi thời, bởi đã có 4 địa phương có số thu ngân sách trên 1.000 tỷ

đồng. Và đó là cơ sở để “Câu lạc bộ 1.000 tỷ” ra đời.

Trong danh sách “Câu lạc bộ 1.000 tỷ” năm 2005, 4 tỉnh có số thu trên 4.000 tỷ là: TP HCM, Hà Nội, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai; 4 tỉnh có số thu trên 2.000 tỷ là: Đà Nẵng, Bình Dương, Khánh Hòa, Hải Phòng.

Các tỉnh đạt ngưỡng thu trên 1.000 tỷ gồm có: Vĩnh Phúc, Quảng Ninh, Hải Dương, Cần Thơ, An Giang, Nghệ An, Thanh Hóa, Tiền Giang, Kiên Giang, Long An và 4 “tân binh” mới: Đồng Tháp, Hà Tây, Bình Thuận, Lâm Đồng.

Năm 2005, thu nội địa của Thủ đô đứng thứ nhì cả nước (chỉ sau TP.HCM) với số thu 23.800 tỷ đồng, trong đó riêng thu khối DNNN đạt 12.700 tỷ; đầu tư nước ngoài 3.000 tỷ; DN ngoài quốc doanh 1.600 tỷ.

Không chỉ đứng đầu “Câu lạc bộ 1.000 tỷ” với con số thu gấp 30 lần (năm 2005 là hơn 30.000 tỷ) mà tỷ trọng thu của TP Hồ Chí Minh ngày càng cho thấy thế mạnh về phát triển công nghiệp

tiêu dùng (rượu, bia, thuốc lá, giấy) và các dịch vụ thương mại, tài chính ngân hàng.

155. Cấm không được đái (vui)

Có một thực tế ở Việt Nam, là cái gì cấm thì cứ ý như rằng người ta lại làm. Cũng có cái có lý, chẳng hạn như cấm rẽ trái mà không biển báo, rõ ràng chẳng bỗ béo gì ngoài cái chuyện khiến giao thông ách tắc thêm vì không giảm tải (rẽ trái) được. Đáng nhớ nhất là chuyện ngăn sông cấm chợ, đêm trước thời kỳ đổi mới (*xem mục 291*)... Nó trái khoáy, nên người ta cứ len lén làm.

Tuy nhiên, có chuyện mười muoi sai, người ta, người Việt ấy, biết mà vẫn làm. Ấy là chuyện té ngoài đường. Lạ nưa là ngay những nơi có biển cấm té vẫn té. Có nơi bí quá nghĩ mèo, ghi hàng chữ to đùng: “Nơi này dành cho chó đái”. Hình như những người hay té bậy, biết chữ, nên một thời gian dài, nơi này sạch sẽ. Nhưng không lâu sau lại ướt mềm, khai um. Té ra, mấy anh té bậy, lập luận, chõ

dành cho chó đái được, lẽ dĩ nhiên là mình cũng được.

Có chuyện vui, bảo rằng những nơi có bảng “*Cấm không được đái*” thường người ta lại hay đến đái nhiều hơn là vì từ ngày mở cửa bang giao, dân nhiều nước đến xứ ta, mấy ông Tây ba lô, nhất là mấy ông Tầu, thường biết chút ít tiếng Việt, nhưng khi đọc thì lại đọc ngược từ phải sang trái, thành ra hiểu là: *Đái được không cấm*. Và yên tâm cứ thế mà té.

Hóa ra dân mình đâu có té bậy, toàn Tây, Tầu thôi.

156. Cấp - Vũng Tầu

Trước kia vùng đất này là bãi lầy, nơi thuyền buôn nước ngoài thường vào trú đậu nên gọi là Vũng Tầu. Các nhà hàng hải Bồ Đào Nha khi đi qua vùng đất này đã lấy tên Thánh Giắc đặt cho nó, nên sau đó người Pháp gọi nơi này là Cap Saint Jacques, tức mũi đất mang tên Thánh Giắc, âm Việt là Cap Xanh Giắc, người Việt gọi là Cấp, hoặc Ô Cấp (gốc tiếng Pháp: *au Cap*) – đi ra mũi đất.

Thời Gia Long (1761-1820), đã gửi ba đội quân đến dẹp loạn và cho phép ba tướng cầm đầu cùng quân lính ở lại mở đất. Theo sắc của vua Minh Mạng năm 1822, ba làng đầu tiên được lập ở Vũng Tàu là Thắng Nhất, Thắng Nhị, Thắng Tam.

Ngày 1 tháng 5 năm 1895 Thống đốc Nam Kỳ ra nghị định tách thị xã Cap Saint Jacques ra khỏi tiểu khu Bà Rịa để lập thành phố tự trị.

Đến 08/09/1964 thành lập thị xã Vũng Tàu trực thuộc chính quyền trung ương cho đến 30/04/1975.

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, Vũng Tàu thuộc Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo. Tháng 8 năm 1991, Vũng Tàu trở thành thành phố thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu mới thành lập. Ngày 16 tháng 9 năm 1999, Vũng Tàu được công nhận là đô thị loại 2.

Ngày 23 tháng 4 năm 2013, thành phố Vũng Tàu được nâng cấp đô thị loại 1 trực thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.(Theo Wikipedia).

Sau giải phóng người TP.HCM vẫn hay đi Vũng Tàu cuối tuần và thường gọi là đi *Cấp*.

Có điều rất đáng nói là Vũng Tàu chỉ cách TP.HCM, đô thị đông dân nhất và có tiềm lực “ăn chơi” nhất, chỉ trên dưới 120 km, nay có đường cao tốc lại giảm được 30 km, nếu cho xá ga chỉ đi mất chừng tiếng đồng hồ. Còn bây giờ bắn tốc độ, thì tối đa cũng chỉ 1 tiếng rưỡi, tối 2 tiếng thôi. Có nghĩa vẫn là nơi đến biển gần nhất của người thành phố và của cả các tỉnh miền Tây Nam bộ. Và từng là bãi biển số một của miền Nam. Thế nhưng đáng buồn là người TP.HCM đi Vũng Tàu càng ngày càng giảm so với đi Nha Trang xa gấp 5 lần đường. Tại sao vậy? Vũng Tàu – Ô Cấp của một thời nên tự hỏi mình đi!

157. Cầu dừa...

Nói đến chữ cầu, có 54 chữ cầu: Cầu ao, cầu giao, cầu hàng không, cầu may, cầu lồng, cầu hòa, cầu tàu, cầu thăng bằng... Và có những loại cầu để nối

liền hai bờ sông, bờ vực. Trong đó có cả cầu tre, cầu khỉ - Cầu bắc qua bằng một thân cây (Từ điển tiếng Việt, NXBKHXH, 1994, trang 137). Nhưng lại không thấy có nói một loại cầu khá phổ biến ở đồng bằng Nam bộ. Đó là cây cầu dùa, làm bằng thân cây dùa. Trong khi dùa là một cây được trồng vào loại nhiều nhất ở đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt là tỉnh Bến Tre; các sản phẩm từ dùa cũng rất phổ biến.

Cầu dùa rất bền chắc, ít lắc lõe hơn cầu tre, lại có độ nhám, dù có nước văng lên cũng không bị trơn trượt. Tuy nhiên, điều đáng nói là dùa cũng như tre đã bao đời gắn bó với người dân Việt Nam. Và cũng như tre, dùa đã đi vào thơ ca và nhạc họa như một phần không thể thiếu trong đời sống dân miền Nam Việt Nam.

Phải xếp cầu dùa, như cầu tre vào bảo tàng ký ức người Việt, và bổ sung vào từ điển từ ngữ tiếng Việt.

158. Cầu tõm = cầu cá tra



“Cầu tõm” là danh từ xuất phát từ thói quen người ta ngồi trên cầu tre bắc qua con mương hay trên một cái ao, hồ để đại tiện. Địa danh “cầu tõm” được nhắc đến nhiều nhất là vùng đất Hà Nam - một vùng chiêm trũng.

Tỉnh Hà Nam được thành lập từ tháng 10 năm 1890, đời vua Thành Thái năm thứ 2. Phủ Lý là tỉnh lỵ của tỉnh. Ngày 20/10/1908, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định đem toàn bộ phủ Liêm Bình và 17 xã của huyện Vụ Bản và Thượng Nguyên của tỉnh Nam Định, cùng với 2 tổng Mộc Hoàn, Chuyên Nghiệp của huyện Phú Xuyên (Hà Nội), nhập vào huyện Duy Tiên lập thành tỉnh Hà Nam. Tháng 4 năm 1965, Hà Nam được sáp nhập với tỉnh

Nam Định thành tỉnh Nam Hà. Tháng 12 năm 1975, Nam Hà sáp nhập với Ninh Bình thành tỉnh Hà Nam Ninh, năm 1992 tỉnh Nam Hà và tỉnh Ninh Bình lại chia tách như cũ. Tháng 11 năm 1996, tỉnh Hà Nam được tái lập. (*Theo Wikipedia*)

Ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long cũng có dạng “*cầu tõm*”, nhưng được gọi là “*cầu cá tra*” – ở dưới ao hồ đó có nuôi cá tra. Và “văn minh” hơn chút là cầu có vách che chung quanh, nhưng chỉ cao ngang gối, nên có khi anh một bên, chị một bên vẫn đi... “tõm”, mà vẫn chuyện trò với nhau rôm rả.

Hà Nam bây giờ không còn *cầu tõm*, nhưng Đồng bằng sông Cửu Long thì vẫn còn “*cầu cá tra*”, tuy nhà cửa có khang trang hơn nhiều và cá tra cũng đã chuyển sang nuôi công nghiệp, nuôi nhà bè.

159. Cây - vàng, thỏi

Trên thế giới, ngoài vàng và một số kim loại quý hiếm, như bạc, bạch kim (platin)... được tính

theo đơn vị Troy Ounce, 01 Troy Ounce bằng 31,1034768 g.

Tuy nhiên ở Việt Nam, vàng lại được tính theo lượng, một lượng bằng 10 chỉ. Và theo hệ đo lường quốc tế Một lượng bằng 37,50 g. Tại Hong Kong, 1 lượng là 37,79936375 g, tương đương với $1+1/3$ Ounce (1 Ounce avoirdupois quốc tế, còn gọi là *lượng tây* là 28 g).

Lượng, ở trong Nam còn gọi là cây, Bắc giờ cũng có dùng từ này. Chữ cây, có lẽ do vàng khi đúc thành thỏi, trông giống như một khúc cây nên dân tình gọi như vậy. Cũng còn một chữ cây, không phải là cây sắt, cây gỗ... mà cách đây chừng 50 năm, khoảng 1960 – 1970, dân Hà Nội hay dùng và hay kèm theo chữ thỏi – cây thỏi

160. Cây xăng – cục gạch



Thời bao cấp, giai đoạn 2 (1964 – 1975), ở miền Bắc mua gì cũng phải xếp hàng, mà nhà nào cũng chỉ có thể cắt cử một, hai người đi chợ là cùng. Vì vậy, nhiều lúc cục gạch có thể trở thành đại diện cho một người nào đó xếp hàng thịt, chǎng hạn, còn bắn thân người đó trong khi chờ đến lượt, thì đi mua rau.

Còn ở TP.HCM, từ những năm 1980, cái thành phố trên là trời dưới là xe gắn máy này bắt đầu thiếu xăng. Xăng chợ đen kịp thời phục vụ. Và những cục gạch lại được phát huy tác dụng, lần này là biểu tượng của cây xăng. Ai đang chạy mà hết xăng, cứ nhìn hai bên đường, chỗ nào có cục gạch dựng đứng là tấp vô, muốn bao nhiêu cũng có. Dân tình gọi đó là “Cây xăng cục gạch”.

161. CCCC

Hồi trước 30/4/1975, đa phần các vị chức sắc đều trọng tuổi, đều là các cụ cả, đáng kính cả. Và con các cụ, gần như đương nhiên cũng đáng được vì nể, đáng được ưu tiên học ở các

trường tốt, đi nước nọ nước kia, vào làm ở các cơ quan có... giá. Và như thế hẳn nhiên con các cụ có quyền, có điều kiện để vênh, dù cho họ chưa làm được điều gì đáng tự hào. Dân gian đã biết câu *tránh voi chǎng xấu mặt nào*, nên có việc gì đụng nhầm các cậu ám, cô chiêu thì thường *kính nhi viễn chi*. Có chǎng chỉ thêm một câu vừa là trách cứ, vừa như an ủi chính mình: Ôi, *con các cụ cả mà*. Và từ đó phát sinh cụm từ CCCC, cũng giống như CÔCC – *Con ông cháu cha* (xem mục 202).

162. CCCP

Đó là viết tắt của cụm từ tiếng Nga (Союз Советских Социалистических Республик), có nghĩa là Liên bang xã hội chủ nghĩa Xô viết – Liên Xô. Những năm đầu của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, và trong suốt thời kỳ chống Mỹ, Liên Xô viện trợ rất lớn cho Việt Nam. Nhưng vì nhiều lý do, trong đó có cả sự thiếu hiểu biết về công nghệ, kỹ thuật, mà nhiều vật

dụng sử dụng thiếu hiệu quả, hay hư hỏng. Cho nên dân gian nói vui, nhưng cũng đáng phải suy ngẫm: CCCP, có nghĩa:

Cha cho cút phá. Hay đảo ngược lại: *Cứt phá cha chịu.*

163. Chà đồ nhôm

Không phải là lau chùi đồ dùng bằng nhôm cho bóng, mà đơn giản đó là nói lái của cụm từ “chôm đồ nhà” – Ăn cắp đồ nhà đem đi cầm, đi bán gỡ gạc những lúc túng quẫn. Những tay ăn chơi, cờ bạc cháy túi, những con nghiện tới cữ, khi bí lối thường quay sang “chà đồ nhôm” – “chôm đồ nhà”. Không ít những trường hợp đau lòng, vô lương tâm, mất cả tính người khi chỉ vì “đói thuốc” mà cháu bóp cổ bà nội, chỉ để ăn cắp một cái nồi cơm điện bán lấy 60.000đ!

164. Chán như chó chán cút

Nói nghe thì lợm giọng, nhưng không nói không hẳn rõ. Khi nhỏ, nếu ai ở quê, dù Bắc hay Nam, thì cũng chí ít đôi lần thấy bé con hoặc chính mình ngồi i,

luôn có một chú chó ngồi bên chực. Cũng có khi mẹ, hay bà gọi chó tới để xoi. Nói như vậy để thấy chuyện chó xoi cút là chuyện thường ngày ở huyện (xem mục 200). Và cũng lại thấy, một thú cặn bã hôi thối như vậy mà cứ phải sxiết thì thật đáng sợ, đáng tởm. Thế nhưng đã là thân con chó, như chó, thì đâu còn có quyền chê khen, chọn lựa. Thành ra có chán cũng vẫn phải ăn.

Chán như chó chán cút là một thành ngữ nói lên cái tâm trạng của ai đó, mệt mỏi, chán nản với việc gì, với ai đó mà mình không thiết tha gì nữa nhưng vẫn không tránh khỏi. Ôi! Tao đã chán ngấy nó (công việc ấy) như chó chán cút rồi.

Thành ngữ này xưa thật là xưa rồi, nhưng trong *Từ điển thành ngữ Việt Nam* không có. Còn trong *Từ điển Thành ngữ Tục ngữ Việt – Hoa* chỉ có *chó chê cút nát* (trang 75).

Xin giờ tay đề nghị bổ sung thành ngữ *chán như chó chán cút* vào TDTNTV.

165. Cháo Thị Nở

Thị Nở là nhân vật trong chuyện ngắn *Chí Phèo* của Nam Cao, là người tình trong mộng của Chí Phèo, là người đã nấu bát cháo hành để giải cảm cho anh Chí.

Hành, tên khoa học là Allium fistulosum. Theo các nhà khoa học, trong hành lá chứa nhiều protein, chất béo, chất xơ, canxi, phospho, kali, sắt, tiền vitamin A, B1, B2, allyl sulfid, palmitic acid, stearic acid, arachidic acid, oleic acid, linoleic acid, giàu chất chống oxy hóa. Còn đóng y, nói hành lá, hay thông bạch, vị cay, tính ôn, có tác dụng giải biếu (mở lỗ chân lông), hòa trung (điều hòa hoạt động vùng bụng, giúp ăn uống dễ tiêu hơn), thông dương khí (tức năng lượng hoạt động của cơ thể, làm mất cảm giác mệt mỏi), là vị thuốc dân gian thường dùng trong trị cảm lạnh.

Chí Phèo và Thị Nở là hai nhân vật xấu vào hạng vô địch, nhưng mối tình rất tự nhiên, trong sáng của họ, nhất là tô cháo hành chăm sóc của Thị, khiến cả hai nhân vật cùng phương thuốc trị

cảm dân gian... tự nhiên được nhiều người biết. Và gần đây, tô cháo hành lại có thêm tên là *cháo Thị Nở*.

166. Chào thua

Bình thường, Việt Nam hay các nước khác trên thế giới cũng vậy-chào là khi gặp mặt, là lúc tạm biệt, là bye bye, là good bye. Thế nhưng điều đó cũng có nghĩa là người ta đã bỏ đi rồi, chẳng thể tác động gì, không còn cách giải quyết. Thua!

Chào thua, cũng như xin thua, xin đầu hàng. Ví dụ, Có thằng con ham chơi lười học, mình đã làm mọi cách nhưng chúng nào vẫn tật ấy. Vợ than van, thì nhún vai trả lời: *Chịu, hết cách rồi. Tôi xin chào thua!*

167. Chát xít...

Có những từ ngữ, thành ngữ được dùng khá phổ biến và cũng lâu rồi, mà trong các từ điển tiếng Việt không có, khiến nhiều khi phải tự suy luận. Xin kể một chuyện khi tôi là sinh viên đại học cho các bạn nghe.

Lần đó, tôi cùng mấy cậu bạn đi mua ổi ăn. Bà bán ổi ca rằng: Ổi ngon lắm, ngọt lắm. Thế nhưng cắn thử thấy chát xít. Tôi buột mồm: Ôi, chát xít như đít bà già ấy! Bà hàng ổi nổi điên: Ranh con, biết gì mà nói. Tôi tinh quái: Cháu thử nói bà nghe nhé, nhưng bà không được chửi đấy. Bà bán hàng lặng thinh. Tôi nói: Cháu nghe bà cháu ở nhà hay nói các câu: Chát xit như đít bà già. Rồi chát xít như đít mẹ ranh. Và chát xít như đít thổ công. Như vậy, chắc đít bà già cũng như đít mẹ ranh và đít thổ công chứ gì.

Bà hàng ổi giữ lời hứa, không la mắng gì. Bà nhổm ngay lên, vớ cái đòn gánh... Chúng tôi cũng đứng ngay dậy, vừa cười vừa rút lui có trật tự.

50 năm trôi qua, tôi vẫn nhớ chuyện xưa và lần tra sách vở. Trong *TĐTVI1998*, trang 144, có *chát, chát lè, chát xít, chát ngấm...* Mẹ ranh không có, có con ranh, trang 202: con đẻ ra chết ngay, con gái tinh quái. Còn bà già, thổ công thì hẳn mọi

người biết rồi khỏi bàn. Nhưng *Tù điển Thành ngữ tiếng Việt, Tù điển thành ngữ, tục ngữ Việt – Hoa, Tù điển đối chiếu từ địa phương, Kể chuyện thành ngữ, tục ngữ...* xem gần cả chục loại khác nhau, nhưng không đâu thấy nói tới đít bà già, đít mẹ ranh, đít thổ công ra sao.

Kết luận... không có căn cứ, rằng cả ba loại đít đều chát xít nên chúng giống nhau.

Nhà ngôn ngữ học nào, Việt Nam học nào bảo sai, xin cứ nêu dẫn chứng, nếu tìm được xin bổ khuyết cho cuốn tự điển nào đó phong phú thêm.

168. Cháy túi

Cháy ở đây nghĩa là khô, là cạn. *Túi* khô cạn cũng có nghĩa là không còn gì trong đó. Thường thì người ta nói tới tiền.

*Còn tiền còn bạc còn đệ tử
Hết tiền hết bạc hết ông tôi*
Thanh niên bây giờ còn đội tiền lên đầu: *Hết tiền tiêu, người yêu anh cũng bán.*

Áy là mới chỉ nói tới hết theo nghĩa tương đối thôi. Đằng này

tới nỗi cháy túi luôn, tới một đồng xu lẻ cũng không còn có thảm hại không!

Nhưng *cháy túi* ở đây là chỉ những con bạc, thua sạch sành sanh, mà nếu muốn “ngồi đồng” tiếp, thì chỉ có nước mượn nợ mà thôi.

Người nghèo, thiếu trước hụt sau, bây giờ người ta nói là bị *viêm màng túi*.

169. Chạy án, Chạy thuốc, chạy thầy, Chạy thợ

Đành rằng không phải chạy như trong thể thao, nhưng đã gọi là chạy thì cũng gian nan, mệt mỏi vô cùng. Đã bệnh thì phải vái tứ phương, phải chạy thầy, chạy thuốc là lẽ đương nhiên. Cũng có khi phải chạy thợ - chạy cò mồi, trung gian nữa. Vì gặp vua, gặp quan có khi còn khó hơn gặp quỷ. Nói rõ hơn thì chạy thầy, chạy thuốc, chạy thợ là đi tìm người cùng nhóm lợi ích để cứu gỡ một vấn đề gì đó đang gặp rắc rối. Và cũng là để lo... lót cho trong ấm ngoài êm.

Chạy thầy, chạy thuốc, chạy thợ có khi chỉ là những chuyện nhỏ như con thỏ, nhưng mình không gánh nổi. Ví như xin học cho con, đau bệnh thật, bị giữ xe... chẳng hạn. Nhưng *còn chạy án*, làm thay đổi kết quả một vụ án nào đó, làm cho đen hóa trắng, trắng hóa đen, án nặng thành nhẹ, nhẹ thành nặng, thì cả là một vấn đề, lớn lăm, khó lăm và nguy hiểm lăm, không đua được và chẳng phải ai cũng làm được. Phải có thớ và có tiền. Trùm xã hội đen Năm Cam có kinh nghiệm xương máu – thật, có câu đáng sợ và đáng cho những người lương thiện suy nghĩ: *Không được, thì dùng tiền. Tiền không được, thì nhiều tiền hơn nữa!*

Chạy án chẳng hiểu có nhiều không, nhưng chắc cũng có trót lọt, nếu không sao có người làm. Chẳng hạn như Trần Văn Thuyết, Thuyết buôn vua (xem mục 122), mưu sĩ của Năm Cam. Vì chạy án mà hiện nầm trong Chí Hòa đấy.

170. Chạy mánh

Chữ chạy ở đây, nghĩa bóng cũng giống như chạy án, chạy thầy... Và mánh, là mánh lói, mánh khóe,. Trong *TDTV*, NXBKHXH, 1988, *mánh* là cách khôn khéo đánh lừa người khác mưu lợi cho mình; không đàng hoàng, không chính đáng.

Chạy mánh là tìm cách xoay sở trong kiếm ăn. Tuy nhiên, ở đây, từ điển giải nghĩa một đàng, dân tình vẫn cứ suy ra một lê. Chạy mánh thường được hiểu như đi kiếm ăn một cách thông thường, giống chạy chợ, chạy hàng vây. *Thôi, mình phải đi chạy mánh một chút đây.* Cùng với chạy mánh, còn có *trúng mánh* là thành công, thắng lợi trong công việc nào đó. Và *bể mánh* là hỏng ăn.

Nhưng nếu nói thắng đó nó hay *mánh mung* lầm, thì lại phải hiểu là, nó lừa đảo, gian dối lầm.

171. Chạy mặt

Nhin cái mặt đó là không chơi được. Mới thấy đã ngắn rồi, gấp làm gì. Một người hễ gặp là có

chuyện, là gây phiền toái cho người ta, hoặc ba hoa xích tốc làm mất thì giờ... khiến người ta không muốn gặp mặt, không muốn ngó tới, thậm chí tìm cách né tránh. Thế là *chạy mặt* đây.

172. Chạy mất dép

Có những chuyện khiến người ta vội vã chạy “cong đuôi”, cũng có những chuyện khiến người ta hoảng hốt chạy “trối chết”, chạy “như ma đuổi”, chạy tới “vãi cút vãi đá”.

Vào thời buổi văn minh, lịch sự, con người ta đi đâu cũng phải quần áo, giày dép đàng hoàng, mà chẳng hiểu vì lý do gì chạy tới mất cả giày, cả dép, thì thực sự đó phải là nỗi kinh hoàng, hoảng sợ tới ghê gớm.

“*Chạy mất dép*” – tuột dép mà không dám quay lại lấy, chỉ những chuyện hoặc người, mà mới nghe tới người ta đã thấy ngại, thấy sợ. Hoặc những chuyện xảy ra làm người ta kinh hoàng, chạy không dám ngoái đầu trở lại.

173. Chạy ngoài công to

Công to ở đây là chỉ cái đồng hồ điện. Những năm thập kỷ 80 của thế kỷ trước, điện nước thiếu triền miên và thường xuyên bị cắt, nên nhiều người tìm cách cưa mộc, ăn cắp điện. Có người thì cưa mộc trực tiếp trên lưỡi điện. Có người tinh vi hơn, khoan lỗ nhỏ trên đồng hồ điện, cài một sợi dây kẽm để giữ cho đồng hồ không quay hoặc quay chậm lại. Như thế trên thực tế vẫn có điện dùng mà công to thì không chạy, hoặc chỉ số điện ít hơn thực tế. Những hành động đó được dân gian gọi chung là “chạy ngoài công to”. Ở đây có điều hoi lạ là chuyện thì xảy ra từ thế kỷ trước mà tới thế kỷ sau, dân gian mới “đá động” – khoảng năm 2005, thành ngữ “chạy ngoài công to” mới xuất hiện.

Và “chạy ngoài công to” bây giờ còn mở rộng nội hàm, bao gồm cả chuyện kiếm thêm tiền – chân ngoài dài hơn chân trong, rồi bô bịch, “phòng nhì” (xem mục 622)...

174. Chạy qua hàng thịt

Nghe thì khó hiểu, nhưng biết thì cười... buồn!

Cái thời bao cấp, gia đình được quản bằng hộ khẩu. Hộ khẩu (nhân số) quyết định lương thực, thực phẩm được quy ra tem, phiếu, sổ gạo. Tem phiếu có phiếu để mua đậu phụ (tào hũ), phiếu mua cá, phiếu mua thịt, phiếu mua chất đốt. Thịt thì phiếu D (cán bộ) được mua 500gram/ tháng, phiếu E được 350gram/ tháng, phiếu N (nhân dân) được 100gram/ tháng. Mà nhân dân thì nhiều, nên đa phần là phiếu N. 100gram thịt, bằng cái lưỡi mèo thì làm cái gì?! Chỉ có cách lấy mõ, hoặc sang một tí, thường khi nhà có việc thì gom hết tiêu chuẩn cả nhà mua một miếng ba rọi, lại có da có nạc để có thể xào nấu cái gì đó loáng thoảng thấy thịt nhìn cho nó tươi chút. Những lúc đó bà tôi cười mà như người có lỗi, nói với cả nhà: “Hôm nay chỉ *chạy qua hang thịt thôi*”!

Lời bàn ngoài: Xuất phát điểm như vậy, bụng dạ lâu đà

quen rồi, nay mấy bác lại cứ thịt mỡ xoi tì tì thì đừng than cholesterol, mỡ máu cao nhé.

175. Chậm tiêu

Đầy hơi, khó tiêu là những triệu chứng biểu hiện của sự rối loạn tiêu hóa. Hầu hết mọi người trong chúng ta, đặc biệt là cánh đàn ông ưa thích “chén chú, chén anh” đều đã từng, hoặc thường xuyên bị các triệu chứng này. Cũng có thể đó là báo động về một ổ loét ở dạ dày, tệ hơn có thể là ung thư dạ dày.

Tuy nhiên, trong cuộc sống, chung quy chậm tiêu là lâu tiêu, khó tiêu. Còn nguyên do, thì có thể ăn nhầm xi măng, sắt thép của công trình nào đó. Hay là, *giả chết bắt quả*, người ta nói, biết hết cả, nhưng cứ giả ngô, giả ngọng mà lơ đi như không biết... Nhưng ở đây, dân tình chỉ nhầm chỉ trích những người chậm hiểu, chậm biết. Có những vấn đề nói lui, nói tới hoài mà vẫn không hiểu, nhưng chưa tới mức thiếu năng trí tuệ.

176. Chân chống

Thời gian đầu sau tiếp quản, xe đạp ở Hà Nội thường không có chân chống, đi đâu là phải tìm chỗ dựng xe, ví dụ bờ tường, gốc cây.

Cái chống xe, khi chạy xe được gạt lên, nằm gọn sát vào khung, chỉ khi nào dựng xe để đi đâu đó, hay làm việc gì, người ta mới mở chống xe ra. Nhưng con người ta vốn hay tò mò, hay để ý và nhận thấy, máy ông xích lô, ba gác, rồi cả máy ông hay trà lá, đánh cờ tướng bên đường, nhiều ông không mặc quần lót, khiến của quý có lúc cứ như cái đồng hồ quả lắc hai chuông, lại có lúc như... cái chân chống xe đạp. Nên khi đi ngang nghé mắt, thì buột mồm: Này ông, gạt cái “chân chống” lên.

Cái từ “chân chống” ra đời khoảng những năm 1965 – 1975, khi Hà Nội nhập nhiều xe Phượng Hoàng của Trung Quốc, và Nhà máy xe đạp Thống Nhất nhái mẫu theo.

177. Chân chữ A miệng chữ O

Nghĩa đen chỉ cái hình thái của một người luyện thanh ở trường nhạc (bài dậy giống nhau hết, nên khi ra trường đi đâu biểu diễn cũng biết ngay là cùng lò), chân đứng dang rộng hợp với thân thành hình chữ A, miệng thì vo tròn như chữ O. Hình ảnh này cũng giống như khi các bà női tam bành, xắn tay áo, xắn váy quai cồng, nên nghĩa bóng của nó lại ám chỉ hành động dương vây, dựng mỏ của một người trong tư thế chuẩn bị cho một cuộc đấu khẩu sắp diễn ra.



mà còn có nhiều cô gái đẹp khác, thiếu một số tiêu chuẩn, đặc biệt là đạo đức, nhưng lại thừa khả năng dùng vốn tự có để tiếp thi.

Và thế là “*Chân dài*” trở thành từ ngữ chỉ những người đẹp về hình thức nói chung, nhưng lúc thì là người mẫu, hoa hậu, lúc thì lại là... ca ve!

178. Chân dài

Quy định của các cuộc thi hoa hậu, người mẫu, ngoài số đo 3 vòng (ngực, bụng và mông), còn đòi hỏi có chiều cao nhất định. Người cao, chân dài là lẽ tự nhiên, nhưng với tầm vóc chung của người Việt thì... đúng

là các cô ấy chân dài thật. Và các hoa hậu, người mẫu Việt Nam được gọi chung là “*Chân dài*”.

Tuy nhiên, chân dài không chỉ có hoa hậu và người mẫu,

179. Châu Quỳ - Chợ Quán

Bệnh viện Tâm thần Hà Nội nằm trên thị trấn Sài Đồng, Gia Lâm. Bên xe buýt Châu Quỳ cách bệnh viện 3 cây số, nhưng thời

bao cấp, đó là phương tiện duy nhất để các cán bộ nhân viên của bệnh viện đến sở. Vì vậy, tự nhiên nói đi *Châu Quỳ* là người ta nghĩ tới đi BV Tâm Thần.

Bệnh viện Tâm Thần TP.HCM có tiền thân là Bệnh viện Chợ Quán được xây dựng vào năm 1862, từ năm 1904 bệnh viện bắt đầu có khu điều trị tâm trí. Hiện nay là Bệnh viện chuyên khoa đầu ngành cao nhất về Tâm thần tại TP.HCM với gần 400 nhân viên.



Di tích Khu trại giam bệnh viện Chợ Quán.



Và cũng từ lâu rồi, ai hoi có vấn đề, hơi tung tung, nhẹ thì kêu là “chập điện”, nặng thì người ta nói: “*Châu Quỳ xổ trại*” (ở miền Bắc) hoặc “*Chợ Quán ra*” (ở miền Nam).

Từ 1954 đến trước 30 tháng 4 năm 1975, BV. Chợ Quán (một phần) trở thành trại giam trá hình (110 giường), giam giữ những tù nhân đặc biệt nguy hiểm. Tổng bí thư đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam, Trần Phú bị giam giữ và mất tại đây vào ngày 6 tháng 9 năm 1931. Anh hùng Nguyễn Văn Trỗi, người đặt mìn ở cầu Công Lý (nay là cầu Nguyễn Văn Trỗi), để ám sát phái đoàn quân sự chính trị cao cấp của Hoa Kỳ do Bộ trưởng Quốc phòng Robert McNamara dẫn đầu, cũng bị giam giữ tại đây và xử bắn tại sân sau nhà lao Chí Hòa lúc 9 giờ 45 phút ngày 15 tháng 10 năm 1964.

180. Chè (trà) thái đức

Chè (trà) để uống, ở ngoài Bắc những năm trước 75, không có nhiều và cũng chỉ có vài ba loại

như chè Hà Giang, chè Thái Nguyên.... Thường gọi chung là chè Tầu. Vì vậy hễ ai có được ký chè Tầu thì thật là quý. Nhưng sự đời hễ có cầu thì tất có cung. Nhiều loại chè... tào lao được dân gian... manh cho ra lò. Có loại bằng búp sim, búp ổi, nước cũng xanh, vị cũng chát, nhưng uống vào là... tịt ỉa luôn. Còn một số loại chẳng biết làm bằng lá gì, nhưng dân tình cứ gọi chung là *chè Thái Đức*. Nghe thì Tầu lắm, nhưng uống thì chỉ được cái lợi tiểu thôi. Té ra đó là cách chơi chữ: *Thái đức là thức đái*. Uống loại chè đó thì thức đái suốt đêm.

Bây giờ thị trường Việt Nam, suốt từ Bắc tới Nam, chẳng thiếu loại chè gì. Nhưng người dân cũng chẳng biết đồ nào mà rõ. Vì thứ gì cứ phoi khô hoặc sao lên đều có thể gọi là trà... Và *chè thái đức* có thể không còn nữa, mà có khi lại có *chè thụ đức* đấy.

181. Chế độ tem phiếu

(xem mục)

182. Chết chờ chôn

Tục lệ ma chay xưa của người Việt, trừ những trường hợp đặc biệt, thì người chết thường để ba ngày, sau đó mới đưa đi chôn. Trong thời gian chờ ấy, người nhà tổ chức tụng kinh, gõ mõ cầu cho người chết được siêu thoát.

Theo lẽ, nghĩa đen của *chết chờ chôn* là vậy. Nhưng trong cuộc sống, dân gian nhận thấy còn không ít những trường hợp sống mà như chết, mà vô tích sự, tối ngày đi ra đi vào chẳng làm được việc gì cho ra trò. Và có khi cũng chẳng có việc gì mà làm. Cũng giống như *chết chờ chôn* thôi. Ở đây ám chỉ những người về hưu.

183. Chí Phèo



Chí Phèo là một nhân vật trong truyện ngắn *Cái lò gạch cũ nổi*

tiếng của nhà văn Nam Cao viết vào tháng 2 năm 1941; khi in thành sách lần đầu năm 1941, Nhà Xuất bản Đời mới - Hà Nội đổi tên là *Đời lúa xíung đồi*. Đến khi in lại trong tập *Luồng cày* (do Hội Văn hóa cứu quốc xuất bản, Hà Nội, 1946), Nam Cao đặt lại tên là *Chí Phèo*.

Chí Phèo là kẻ bất cần đời, luôn say xỉn, và hễ say rồi thì... chửi cả làng; rạch mặt ăn vạ. Chắc thời buổi nào thì cũng có những nhân vật như vậy. Nhưng phải đến 60 năm sau khi Nam Cao nặn ra anh *Chí*, tức khoảng năm 2000, thì *Chí Phèo* mới được “xã hội hóa”, và những kẻ có cái máu bất cần đời, hay có hành động ra vẻ vậy đều có thể bị bà con gán cho cái tên *Chí Phèo*. Muốn ngăn cản một ai đó làm việc thiếu suy nghĩ, cũng có khi người ta nói: Thôi, đừng có làm cái kiểu *Chí Phèo* đó.

Tuy nhiên, ngoài đời còn những kẻ điên rồ, kinh khủng khiếp hon cả *Chí Phèo* đấy!

184. Chiếu tướng

Cờ tướng là một trò chơi trí tuệ, có nguồn gốc từ Ấn Độ, cũng có thuyết cho rằng từ Trung Quốc, thế kỷ thứ tư trước Công nguyên.

Khi chơi, các quân cờ đôi bên chuyển động hợp cách để tiến tới chiếu tướng, ăn tướng của đối phương. Bên nào bị chiếu tướng mà không đỡ được, coi như thua.

Trong cuộc sống, làm một việc gì đó sai quấy, không đáng hoàng mà bị người khác bắt gặp, thì không khác gì bị chiếu tướng, không đỡ được thì coi như thua. Ví như làm bài thi, quay còp, nhận “phao” (xem mục 612) mà bị giám thị nhìn thấy, nhưng chưa nói gì là đã bị “chiếu tướng” rồi.

Cũng có những trường hợp “chiếu tướng” nhưng rồi lại đỡ được, không thua, ấy là do biết ứng xử – nắn nิ, dứt tay, hoặc kêu gọi quyền trợ giúp 1 – 2 – 3... Hoặc giả tội nhẹ, mới phạm quy lần đầu còn châm chẽ được. Hoặc người chiếu tướng... giả ngơ, coi như không biết, vì một lý do nào đó.

185. Chim ri là dì sáo sậu...

Có một bài đồng dao xưa, không rõ vào khoảng thời gian nào, nhưng chí ít cũng từ trước 1900, vì đời ông, bà tôi đã nghe trẻ hát rao bài này.

Thì cũng là một bài về trẻ em hay nghêu ngao chơi thôi, nhưng bóc cái vỏ thường tình của nó ra thì đây lại là một bài đồng dao chia đựng một triết lý thật sâu sắc về vấn đề quản lý, trật tự xã hội và cũng là một ước nguyện của dân chúng, những người thấp cổ bé họng nhất trong xã hội:

*Chim ri là dì sáo sậu
Sáo sậu là cậu sáo đen
Sáo đen là em tu hú
Tu hú là chú bồ các
Bồ các là bác chim ri
Chim ri...*

Thứ mổ xé những câu ca trên. Mở đầu dễ thấy “*Chim ri*” là lớn nhất và “*sáo đen*” là nhỏ nhất trong các loài chim. Nhưng đến đoạn sau thì hình như rối rắm, vì tuy “*sáo đen*” là em “*tu hú*”, nhưng tu hú lại là “*chú bồ các*”, mà “*bồ các là bác chim ri*” vốn

là lớn hơn cả. Thế là làm sao? Và cái vòng luẩn quẩn đó cứ nối nhau không biết tới đâu là尽头?!

Ngẫm nghĩ sâu hơn ta sẽ thấy, rõ ràng có dư 100 năm nay, dân ta đã bày tỏ quan điểm dân chủ và cơ chế dân chủ là không có quyền hạn nào là vô hạn và không được kiểm soát. Chính chữ “quyền hạn” đã nói rõ điều đó. Và ở đây, trong bài đồng dao này đã chỉ rõ cơ chế thực thi quyền kiểm soát dân chủ: Người có vai vế (đẳng cấp) thấp nhất là “*sáo đen*” (nhân dân), lại có thể (có lúc đứng trên) là chú của “*bồ các*”, là bác của “*chim ri*” để có quyền phân xử những người có vai vế vốn trên mình.

“Chèo thuyền là dân, mà lật thuyền cũng là dân” vậy.

186. Chim, thu, nụ đέ



Hồi xưa việc đánh bắt hải sản của Việt Nam còn hạn chế, chủ yếu đánh bắt ven biển. Các giống cá bắt được không nhiều. Tuy

nhiên, ông cha ta đúng là sành ăn. *Chim, thu, nụ* (cũng có noi gọi là nhụ), *đé* xưa được xếp vào hàng tú quý của biển, ngon và có nhiều bổ dưỡng, thì nay vẫn là các loại được đánh bắt, nuôi nhiều trên thế giới. Ví như cá *đé* (*Ilisha elongata*), họ Cá trích (*Clupeidae*), thân thuôn dài, dẹt bên, vảy tròn mỏng, màu trắng bạc; lưng, mõm, vây lưng và vây đuôi màu vàng chanh nhạt; các vây khác màu trắng, là đối tượng khai thác quan trọng của nghề cá nổi ở vùng Hải Phòng, Nam Định, Thái Bình. Vụ khai thác chính vào tháng 2 - 4. Thịt ngon, béo, Thường dùng ăn tươi.

Cá nhụ (*Eleutheronema tetradactylum*) còn được gọi là cá chét là loài có giá trị kinh tế cao. Thái Lan là nước dẫn đầu về sản lượng nuôi của loài cá này. (chiếm 52% sản lượng), Indonesia (14%), Burundi (13%). Ở Việt Nam giá bán tại chợ khoảng 60.000 đ/kg.

Tất nhiên, nay đội tàu đánh bắt xa bờ của ta đã mạnh, nên sản lượng hải sản khai thác tăng

và danh mục cá... cũng tăng lên. Bây giờ một trong những loại cá cao giá, có tiếng, được tiêu thụ nhiều là cá ngừ đại dương.

187. Chín phẩy năm

Đối với các nước thì cho điểm theo thang 20; 100... VN, miền Bắc, những năm 60 thế kỷ trước, theo Nga chấm điểm 5, còn bây giờ thống nhất trên toàn quốc trong học tập và trong các cuộc thi thường cho điểm tối đa là 10.

Chuyện lúc đầu cũng không có gì àm ĩ, khi trong cuộc thi Rồng vàng của VTV, người dẫn chương trình, đồng thời là người công bố điểm các thí sinh, dõng lên: Chín phẩy năm. Nhưng chẳng hiểu do bị liệu, hay do muốn tăng độ gây cấn, cũng như khuyến khích thí sinh, mà vị giám khảo này cứ liên tục công bố: *Chín phẩy năm, chin phẩy năm. Và, chin – phẩy – năm!* Những từ ngữ đó cứ như một điệp khúc khiến người xem đài cũng tự xướng lên thành lời mỗi khi thấy vị giám khảo trên xuất hiện. Một người thích đùa, rồi

nhiều người đùa theo gọi vị giám khảo đó là *chin phẩy năm*. *Chín phẩy năm* cũng được dùng chỉ người mình không ưa. *Ôi, Nó là cái thằng chín phẩy năm ấy mà!*

Nói lái của *chin phẩy năm* là... *năm phải chim*... của ai không biết.

188. Chịu chơi – chơi chịu

Chịu, theo *TDTV*, NXBKHXH, 1988, có thể là tiếp nhận một tác động nào đó từ bên ngoài, như chịu anh hưởng tốt từ nhà trường. Hay thích ứng với điều không có lợi cho mình như chịu nóng, chịu lạnh. Cũng có thể là nhận mà chịu nợ lại... Rồi chịu chuyên, chịu đực, chịu tang, chịu phép... Tuy nhiên, trong 19 chữ chịu, chẳng có chữ nào *chịu choi*. Họa chăng *choi chịu*, thì còn tương ứng với *choi...* cái gì đó, mà còn nợ (*chịu*) lại.

Thực ra *chịu choi* là tiếng lóng, mà *choi* ở đây nghĩa là làm một cái gì đó, như chơi thuốc lắc, chơi gái... Những năm 1960 – 1970, từ chơi phổ biến trong học sinh, sinh viên với nghĩa là

chấp nhận làm cái gì đó. Chẳng hạn, đáp lại có đi chơi không, là chơi luôn. Hay mày có muốn chơi không (ăn đòn không)? Nếu không sợ, không ngán thì trả lời: Chơi luôn.

Còn chữ chịu ở đây cũng giống như chữ giám, giám choi, giám làm, giám chịu (gánh trách nhiệm). Nhưng theo cách nghĩ của cá nhân, thì *chịu* còn trên *giám* một nấc, là đã đồng ý, thậm chí là đã thực hiện.

189. Chín – sáu – ba – không

Trong thể dục thể thao có rất nhiều loại đội hình. Bóng đá có 4 – 2 – 4, 4 – 3 – 3, 3 – 2 – 5,... Trong đồng diễn thể dục thì có đội hình hàng ngang, hàng dọc... Và đội hình 9 – 6 – 3 – 0. Đội hình này được thực hiện sau khi điểm danh, ai số 9 thì bước lên 9 bước... ai số 0, thì đứng nguyên tại chỗ. Về chuyên môn không bàn, nhưng về khía cạnh têu túu, nhìn đội hình này thấy nó khắp kha khắp khênh. Và trong vận động viên cũng có những chàng, nàng có nhưng bộ

răng tương tự. Thế là xuất hiện cụm từ mới 9 – 6 – 3 – 0, để chỉ những người có bộ răng theo đội hình trình diễn đó.

190. Chịu đèn, nhá đèn, ăn đèn

Ai đã từng đi săn đêm thì biết người thợ săn thường có một ngọn đèn đeo ở ngay trước trán. Khi đèn chiếu gặp nai, hoẵng... thấy có hai đốm sáng, chính là mắt của chúng. Và thường, lúc đó chúng không chạy, mà ngo lom lom vào đèn của ta (thú rừng nào cũng ưa nhìn đèn). Có lẽ chúng tưởng là mắt một con thú khác – chúng đang chịu đèn. Lúc đó người thợ săn chỉ việc ngắm cho chính xác và bóp cò.

“*Chịu đèn*”, tiếng lóng nghĩa như chấp thuận, đồng ý. *Cô ta đã “chịu đèn” rồi, tiến tới đi.*

“*Ăn đèn*” cũng có nghĩa tương tự. Còn “*nhá (đá) đèn*”, giống như phát đi tín hiệu thăm dò, cũng như khi chạy xe hơi muốn rẽ trái, phải, thì phải nhá đèn xi nhan trước đó để báo hiệu cho các phương tiện cùng lưu thông trên đường biết, rồi mới rẽ vậy.

191. Cho chó ăn chè

Chè đây chỉ món hổ lốn trong một độ nhậu, gồm tất cả các thứ mà con người đã nhồi nhét vào dạ dày, cộng với một lượng bia rượu đủ để trộn lộn chúng lên, rồi đến một lúc... người gật lại, đầu gục xuống và “*hở... Huê*”.

Thật chẳng đẹp đẽ gì, nhưng dân nhậu lại cho rằng, đã nhậu thì phải nhậu tới chǐ, tới bến mới đã. “Đã” đâu không thấy chỉ thấy “*của thiên trả địa*”, nạp vào bao nhiêu lại “*cho chó ăn chè*” hết, tốn tiền mà hại người.

192. Chống lưng

Chống ở đây có nghĩa là chống đỡ. *Lưng* ở đây là lưng người, nơi có xương sống làm trụ cột, nâng đỡ cho cơ thể ngay ngắn, đồng thời trong cột sống còn có tủy sống một cơ quan quan trọng, trong chứa các dây thần kinh tạo liên hệ từ não đến toàn bộ cơ thể. Nó còn giữ chức năng phản xạ, giúp cơ thể phản ứng tức thời mà không cần não xử lí, bảo vệ ta khỏi những mối nguy hiểm hằng ngày. Ví dụ rụt ngay

tay lại khi bị nóng. Cột sống có vấn đề, nhẹ thì ảnh hưởng hoạt động cơ thể. Nặng thì có khi liệt luôn. Như vậy lưng được chống đỡ, được bảo vệ thì khỏe.

Nói một người nào đó được *chống lưng*, có nghĩa là người đó có một hậu thuẫn, một trợ lực từ bên ngoài để khỏi lo, để chiến thắng... Cụ thể hơn là có một quan nào đó, một sếp nào đó bọc lót phía sau rồi. Thằng ấy nó được chống lưng rồi, chẳng làm gì được đâu!

193. Chợ chạy - chợ chồm hổm

Chợ là nơi tụ họp đông người để buôn bán. Chợ bán đồ chuyên ngành thì thường được gọi bằng tên mặt hàng như (ở TPHCM) chợ vải Soái Kinh Lâm, chợ đồ xe máy Tân Thành, chợ vật liệu xây dựng Tô Hiến Thành, chợ rau củ quả Bình Điền... Chợ có nơi chốn, được xây cất đàng hoàng thì đã có tên riêng như Chợ Bến Thành, Chợ Tân Định, Chợ Lớn-Chợ Bình Tây...

Còn “*chợ chạy*” là do “nhạy cảm” trước nhu cầu người mua

mà người bán họp chợ, nhưng vì làm mất trật tự an ninh nên thường bị công an truy quét. Vì vậy hễ thấy bóng dáng công an là họ hè nhau bung hàng chạy. Người ta cũng gọi “*chợ chạy*” là “*chợ chồm hổm*”, vì không có quầy sạp, thậm chí cả ghế ngồi cũng không, người bán, người mua cứ ngồi chồm hổm mà giao dịch.



“Chợ chay, chợ chồm hốm” thường mở ra ở ầm nhất là vào các dịp Noel, lễ, Tết, vì lúc đó nhu cầu mua sắm tăng mạnh và hàng tồn – hàng sale, giảm giá cuối năm của các công ty, xí nghiệp đổ ra nhiều.

194. Chợ heo

Sài Gòn thời Mỹ - Thiệu, các snack bars, phòng tắm hơi, hộp đêm, nhà chứa... mọc lên nhanh nhản. Năm 1966, từ Sài Gòn về, Thượng nghị sĩ Mỹ William Fulbright nhận xét: “Mỹ đã biến Sài Gòn thành một ổ điếm”. Lúc đó ở Sài Gòn cũng xuất hiện dòng văn học khiêu dâm, sách báo đồi trụy. Bên cạnh những phim “con heo” (*xem mục 615*), báo chuyên in hình phụ nữ khỏa thân như *Playboy*, *Nude...* bày bán công khai trên các vỉa hè đường Lê Lợi, Công Lý (nay là Nam Kỳ Khởi Nghĩa)... (Theo *300 năm Sài Gòn – Thành phố Hồ Chí Minh*, trang 129).

Thị trường mãi dâm lúc đó được dân tình gọi nôm na là

“chợ heo” được công khai hóa và hợp thức hóa.

195. Choi tới bến, chầu

“Bến” ở đây có thể hiểu là bến bờ, nơi tới và đỗ (dừng), kết thúc một chặng đi của ghe xuồng, xe hơi, tàu hỏa... Ở bu-gi xe máy, nơi đánh lửa có một cái chầu, nếu nổ này bị dơ, gọi là đóng chầu, bu-gi sẽ không nẹt lửa, ngược lại nó sạch sẽ và khoảng cách đúng tầm thì xe sẽ chạy ngon lành. Như thế có thể hiểu “choi tới bến, tới chầu” là chơi tới cùng, không ngán ngại gì.

Câu này dân nhậu thường dùng để biểu thị lòng quyết tâm “không say, không về”. Trong các từ điển tiếng Việt không có chữ “chầu”, chỉ có chầu chấu, một loại côn trùng mà thôi. Dân gian (Nam bộ) còn một chữ chấu nữa là “dính chấu” (*xem mục 258*).

196. Choi đồ cổ

Đồ cổ là những món hàng, ở diện rộng là tất cả những gì tích tụ giá trị văn hóa, nghệ thuật...

tinh túy của nhân loại theo thời gian. Ngoài ra còn một loại đồ cổ khác do dân gian... phong tặng. Đó là những ông bà già.

Và chuyện “trâu già khoái gặm cỏ non” còn có thể hiểu, chứ “phi công trẻ lái máy bay bà già”(xem mục 505), thì thật chẳng hiểu vì lẽ gì; tiền, danh vọng hay chỉ đơn giản là vì “tiếng sét ái tình”? Tuy nhiên, dù kiểu gì thì dân gian cũng gọi chung các nàng hay các chàng cặp với người lớn tuổi, là những người khoái “choi đồ cổ”.

Chắc “đồ cổ” càng để càng lên nước, càng có giá hơn chẳng?!

197. Chủ xị

“Chủ” là làm chủ, “xị” là loại chai $\frac{1}{4}$ lít như chai Cocacola, Xá xị. “Chủ xị” là người làm chủ, người chịu trách nhiệm giữ xị rượu trong bàn nhậu. Ở miền Nam đong rượu tính bằng xị. Người “chủ xị” thường là người lớn tuổi, có “uy tín” để bảo đảm cầm cân nảy mực các quy định đề ra của dân nhậu. Tỷ như “vào ba” – người vào sau,

uống ba ly, “ra bảy” – người ra về trước, uống 7 ly. Hoặc như khi yêu cầu “Một trăm phần trăm”, thì mọi người đều phải uống cạn, không được chừa “long đên”...

Ra khỏi bàn nhậu, đi vào cuộc sống dân gian, từ ngữ “chủ xị” có khi dùng cho cả trong công việc, tất nhiên thường trong giới giang hồ; còn không, chỉ như một lời nói đùa.

198. Chuồng cọp

Ở Việt Nam có hai loại chuồng cọp nổi tiếng như nhau. *Chuồng cọp Côn Đảo* và *chuồng cọp bia hơi Hà Nội*.

Chuồng cọp ở Côn Đảo là khu trại giam do Pháp xây dựng từ năm 1940, rồi đến thời Việt Nam Cộng hòa củng cố, mở rộng (1971: còn có tên là Trại 7 hay Trại Phú Bình) để giam giữ những người cộng sản. Các lãnh tụ của Đảng như Lê Hồng Phong, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Tôn Đức Thắng... đều đã từng ở nơi địa ngục trần gian này. Đây là kiểu nhà giam

đặc biệt bằng bê tông, không có bệ nằm, người tù phải nằm dưới nền xi măng ẩm thấp.

Vào lúc 12 giờ đêm 30/4, rạng sáng ngày 1 tháng 5 năm 1975 (tại khu GH), các tù nhân Chuồng cọp là nơi nổi dậy đầu tiên, chiếm Côn Đảo, chấm dứt hoạt động của nhà tù này sau 113 năm.

Còn “chuồng cọp” ở Hà Nội là tiếng lóng chỉ các quầy bán bia hơi vào những năm 1970.

Thời đó, bia hơi đối với người Hà Nội là một đặc sản riêng có, là một thứ nước giải khát mới lạ hữu hiệu vừa bổ dưỡng vừa làm

dịu con khát. Và nó cũng nhanh chóng “cuốn hút” mọi người, mọi giới. Buổi chiều tan tầm, đặc biệt những ngày thứ bảy, chủ nhật, nhiều quán bia cứ như nêm cối. Nhiều quán như Cổ Tân, Tăng Bạt Hổ... làm các hàng rào “bảo vệ” nơi xung yếu – quầy bán hàng và những hành lang bằng sắt để mọi người lần lượt theo thứ tự mua bia. Dân Hà Nội gọi những nơi đó là “chuồng cọp”. Và những khi hẹn hò, rủ rê nhau đi uống bia thường nói tắt: “Đến chuồng cọp Cổ Tân nhé”!.





Bây giờ không tìm đâu thấy dấu tích “chuồng cọp” ở Hà Thành. Và cũng không còn thấy quán bia hơi nào trên đường phố, nó đã vào hết trong các nhà hàng máy lạnh rồi. Nhưng thú thật, tôi nhớ... trời nóng như điên, uống một vại bia dưới bóng cây bên vỉa hè, có một cái gì đó nó cứ lâng lâng, khoan khoái hơn.

199. Chuột đầu đen

Chuột có nhiều giống. Ghê gớm, bẩn thỉu và có khả năng gieo bệnh dịch hạch là loại chuột nhà, chuột cống. Chuột nhắt (lắt) bé nhỏ, nhưng cắn phá thì vô địch, mà các cụ bảo nó biết nghe tiếng người đấy, định bẫy nó mà nói to, nó biết thì đừng hòng. Chuột đồng thì nướng, khìa nước dùa ngon hết biết.

Vào những vụ gặt, chuột cha, chuột mẹ, chuột con lũ lĩ kéo về, thì cũng là lúc bà con nông dân đồng bằng sông Cửu Long “thu hoạch” chuột. Những con chuột béo mượt, từng xe tải được chở cung cấp cho các nơi. Chỉ nêu một vài con số minh họa.(theo kienthucsong.com) Ở huyện Thanh Hương (Long An) thuộc vùng Đồng Tháp Mười, chưa đầy một năm đã bắt tới trên 5 triệu con chuột. Các chợ quê dọc tuyến biên giới bắt đầu hình thành các khu bán sỉ chuột đồng đại hạ giá. Có lúc chuột giá từ 15 ngàn đồng một kg, gấp chiến dịch săn bắt chuột giá tụt xuống 6 ngàn/kg mỗi ngày. Chợ chuột Cà Mau tiêu thụ một ngày khoảng 10 ngàn con chuột...

Nhưng có một loại chuột đi bằng hai chân, không sợ mèo, sợ chó và khó bẫy. Dân tình gọi là *chuột đầu đen*. Chuột này không dơ bẩn như chuột cồng, không cắn phá lung tung như chuột lắt và cũng không nướng hay khìa nước dùa được. Chuột này toàn ăn những thứ khó nhá,

ngay như sắt thép, xi măng. Và còn biết kéo bè, kéo cành...

Chuột đầu đen được gọi đích danh là những kẻ tham ô, tham nhũng, đục khoét tài sản ngân quỹ quốc gia, làm bãng hoại đạo đức, tích lũy nợ công cho con cháu mai sau.

200. Chuyện thường ngày ở huyện



Là tên gọi một tập truyện ký về đề tài nông trang tập thể của nhà văn Liên Xô Valentin Ovechkin - Nhà xuất bản Cầu vồng, Moskva (1984), Phạm Mạnh Hùng dịch sang tiếng Việt và phát hành ở Việt Nam cùng

năm. Điều bất ngờ mà ngay cả những người “sinh ra nó” cũng không lường tới, ngoài chuyện cuốn sách được đón nhận nồng nhiệt vì hình như người Việt tìm thấy những đồng cảm trong đó, thì tên của cuốn sách còn nhanh chóng trở thành câu cửa miệng của người dân Việt, như một lời an ủi, cũng có khi là trách cứ, là chỉ trích trước những vướng mắc, ách tắc (đặc biệt giai đoạn đó là những thủ tục hành... là chính) diễn ra quá thường xuyên trong công việc hàng ngày, mà không có cách giải quyết, ngoài việc buông một câu than thở: Ôi! *Chuyện thường ngày ở huyện* ấy mà.

201. Chửi mất gà



Theo các cụ ở nhà, thì cái bài chửi mất gà có lợp có lang này có từ thời mồ ma giặc Pháp. Còn bản thân người biên khảo cuốn sách này được nghe hồi ở Chợ Chu, Thái Nguyên, năm 1954, lúc đó mới 5 tuổi nên chẳng nhớ hết nổi. Chỉ biết rằng bà mẹ anh

Sáng ở nhà kế bên, chửi từ sáng sớm tới chiều tối, thì nhận lại được nửa con gà, ném vào sân. Như vậy đủ rõ kẻ trộm gà nuốt không trôi vì công lực của bài chửi mất gà. Xin lưu tâm lại bài chửi, mà nghệ sĩ hài Hồng Vân đã trình diễn:

“Ói... làng trên xóm dưới, bên ngược bên xuôi, tôi có con gà mái vàng. Sáng nay tôi còn cho nó ăn, thế mà bây giờ nó bị mất! Ai bắt được thì cho tôi xin, nếu không trả thì tôi chửi cho mà nghe đấy... ấy... ấy!

Bố cái thằng chết đâm, cha cái con chết xia! Mày day tay mặt, mày đặt tay trái, nỡ ăn cắp của bà đây con gà. Này bà bảo cho chúng mày biết: Thằng đứng chiếu ngang, thằng sang chiếu dọc, thằng đọc văn tế,

thằng bế cái hài, thằng nhai thủ lợn... Con gà nó ở nhà bà nó là con công, con phượng. Nó bị bắt trộm về nhà mày thì thành con cú, con cáo, con thành đanh mỏ đỏ, nó sê mổ mất, xé xác ông, bà, cha, mẹ, vợ, chồng, con cái nhà mày đấy... ây... ấy!

Mày mà ăn con gà nhà bà thì ăn một miếng chết một đứa, ăn hai miếng chết hai đứa, ăn ba miếng chết ba đứa, và ăn cả con gà đó sê chết cả nhà cả ổ nhà mày.

Cha tiên nhân ông nội, ông ngoại, ông đại, ông khôn, đồng môn chi rẽ nhà mày nhá! Mày gian tham đã ăn trộm ăn cắp con gà mái nhà bà. Rồi ra, nhà chúng mày chết một đời cha, chết ba đời con, đẻ non, đẻ ngược, chán ra trước đầu bước ra sau, đẻ sót nhau. Chết mau, chết sớm! Chết trẻ, đẻ ngang nhá.

Bốn thằng cầm cờ xanh đứng đầu ngõ, ba thằng cầm cờ đỏ đứng đầu làng, đứa đám tang cả nhà mày ra đồng làng chôn đấy. Mày có khôn hồn, mang trả ngay con gà đó cho bà, kéo không bà đào mồ, quật mả cao tầng tổ kháo, cao

tầng tổ tể, thúc, bá, đệ, huynh, cô, dì, tỷ, muội nhà mày đấy.

*Hôm nay bà chửi một bài,
ngày mai bà sẽ chửi hai lần liền.
Bà chửi cho mày hóa điên, bà
rửa suốt tháng liên miên không
ngừng. Bây giờ bà mệt quá chừng,
bà về com nước, nhó dùng quên
a... Muốn sống thì thả gà ra, lay
bà hai lạy, bà tha cho mày”.*

202. COCC

COCC là chữ viết tắt của “Con ông cháu cha”, con cháu của những người có vai vế trong xã hội. Báo Tuổi Trẻ 15/10/2004, chỉ đích danh là “một lớp người, năng lực làm việc không có nhưng lại nhờ thần thế bố mẹ, họ hàng... quen biết, gửi gắm nên chiếm giữ các vị trí “béo bở” trong bộ máy công quyền. Họ kiếm được những khoản tiền khổng lồ một cách rất dễ dàng nên càng hợp hĩnh, hanh tiến hơn. Họ làm ô nhiễm môi trường xã hội, nhất là tác động xấu đối với lớp trẻ. Bởi... những “tấm gương rất hấp dẫn” cho nhiều người trong lớp trẻ: không cần năng lực, không

cần cố gắng vẫn có thể hưởng thụ tột bậc một cách dễ dàng!

COCC “còn khiến các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước khó mà tuyển dụng được người có năng lực, vì các vị trí làm việc đã có chủ hết rồi... Nó cũng sinh ra bè cánh, đấu đá lẫn nhau, làm vẩn đục, trì trệ môi trường công sở.

COCC cũng “là nguyên nhân sinh ra vấn nạn khác là tham nhũng, khiến cho chống tham nhũng vô cùng khó... Bởi thói đời người ta hay chùn tay khi phải trảm “người nhà”, “người mình”, hoặc sợ “rút dây động rừng” vì cùng dây với nhau”.

203. Có sừng có mỏ (có nanh)

Loài vật mọc ra cái sừng, cái mỏ là để bảo vệ mình, để chiến đấu, kiếm ăn. Đặc biệt cái sừng tê giác, sừng trâu rùng, mỏ đại bàng, kên kên... rất đáng sợ.

Áy là con vật. Còn con người thì sao?

Tuy “nó” không có sừng có mỏ, nhưng lại chính là một cái con đáng sợ nhất trên thế gian nay. Vì lẽ nó vừa là con lại

cũng là người. Là con có nghĩa là nó có thể húc, cắn, cà... tan xương, nát thịt. Là người, nó có thể “*bè ngoài thon thót nói cười/bên trong nham hiểm giết người không dao*”. Là người, miệng nó nam mô, nhưng “*bụng chứa một bồ dao găm*”.

Thế mà bây giờ, cái con người đó lại còn “*có sừng, có mỏ*”, thì có thiên hạ vô địch không?!

Thành ngữ “*có sừng, có mỏ*” chỉ những kẻ ghê gớm, miệng bằng tay, tay bằng miệng, người thường khó mà địch lại được. Thành ngữ này bây giờ còn được hiểu rộng hơn, chỉ những kẻ có quyền lực, có thần có thể, có thể “húc” được, “cắn” được. Rộng hơn nữa, là những kẻ có tỷ tiền, dù tiền đó có mồ hôi nước mắt hay tanh hôi thì cũng vậy.

204. Cóc mùa xuân

Thuộc bộ nhái ếch không đuôi, tên khoa học là Salientia; có lớp da sần sùi. Tuy thế, trong dân gian Việt, cóc lại được đề cao là thông minh, biết “lanh đạo” (trong truyện Cóc kiệu trời). Và

còn nói “Con cóc là cậu ông trời, hễ ai đánh nó thì trời đánh cho”. Những ai gan lì dũng cảm cũng được coi là có *Gan cóc tía (không biết cóc gan tới đâu chút ấm gan cóc có thể tắc tử đây)*. Trong tiểu thuyết kiếm hiệp của Kim Dung có nói đến con cóc tên là Chu Cáp, một con cóc cực độc, Đoàn Dự ăn vào, nhờ đó gia tăng công lực. Ngoài ra còn có một môn võ công lợi hại mô phỏng thế của loài cóc là *Hàm mõ công* hay *cáp mõ công* của Âu Dương Phong.

Trong ngôn từ, còn có Bắt cóc, là bí mật bắt người nhằm mục đích đòi tiền chuộc, đem bán, có khi còn mổ bán lục phủ ngũ tạng... Nhưng bắt cóc bỏ dĩa, thì lại chỉ cách làm việc có tính chất qua loa, đại khái, không quan tâm kết quả, giống như bắt cóc bỏ dĩa nó lại nhảy đi mất. Còn có một loại mụn, gọi là mụn cóc, tuy chẳng đau đớn, gây khó chịu gì, nhưng nếu không biết cách trị, nó cứ lan ra tùm lum, rất khó coi, nhất là nếu ở mặt.

Cóc có nhiều ở các nước châu Á khác. Nước ta, cóc sống phổ

biển khắp nơi từ Bắc đến Nam. Mùa sinh sản của Cóc thay đổi tùy từng vùng, thường là từ tháng 11 đến tháng 3. Nhưng mùa xuân tiết trời mát dịu, thỉnh thoảng lại có mưa lát phát là thuận lợi nhất cho cóc kết đôi.

Và vào thời điểm đó mà đi soi cóc thì dễ dàng bắt gặp các anh chị cóc cứ từng cặp, từng cặp ôm cứng nhau. Lúc đó chỉ việc mở nắp giỏ, nhẹ nhàng bắt cả đôi bồ vào là xong.

Những cặp nam nữ yêu nhau, khi tình tự mê mẩn cũng chẳng khác gì, cứ hôn hồn, hít hít, đeo dính nhau, không biết gì chung quanh, thì dân tình gọi đó là “cóc mùa xuân”. Có một hồi ngay trước dinh Thống Nhất, chỉ cần trèo xàm xẩm là người đi đường đã thấy “cóc mùa xuân” chiếm hết các ghế đá, và bò cả vào các gốc cây, trông nhức cả mắt.

205. Con cò...

Có một chuyện vui: Năm 1954, theo... nhiều người miền Nam tập kết ra Bắc, xa nhà lâu, muốn viết thư thăm bu nó bèn ra bưu

điện gần đó nói với cô nhân viên bưu điện: Cô cho tôi mấy con cò. Cô nhân viên... vẫn cầm cúi làm việc, không ngẩng lên: Ở đây không bán cò, chú ra chợ mà mua. Anh cán bộ miền Nam, chỉ vào quầy: Đó, cò đó....



Tem hai xu màu xanh

Tem dùng để gửi thư, tiếng Pháp là Timbre, tiếng Anh, Mỹ là Postage stamp.

Con tem đầu tiên trên thế giới chính thức phát hành, ngày 6 tháng 5 năm 1840. Và Rowland Hill được xem là người phát minh.

Đó là trên bì thư có dán một cái “Label” – nhãn, in hình đen trắng Nữ hoàng Anh Victoria lúc 18 tuổi (năm 1837). Sau Anh,

các nước bắt đầu sử dụng tem: Brazil vào năm 1843, Mỹ và Mauritius vào năm 1847; Pháp, Bỉ và Bavaria vào năm 1849; Áo, Tây Ban Nha và Thụy Sĩ vào năm 1850; Đức và Đan Mạch vào năm 1852....



Sir Rowland Hill

Trước đó, năm 1653 người điều hành Büro điện Paris (Pháp), Jean-Jacques Renouard de Villayer, đã cho ra đời *billet de port payé*, một mảnh giấy dùng làm cước phí tương tự như tem thư.

Tem được sử dụng ở Việt Nam vào năm 1863, phát hành ở đất thuộc địa Nam Kỳ. Con tem này in hình con chim đại bàng, biểu

hiệu của hoàng đế Napoléon III, có giá trị từ 0,01 đến 0,4 Fr. (đồng Quan Pháp), nhưng không hiểu vì sao dân ta đều gọi là con cò, “*con cò gửi thư*”.

Con tem được gọi là *con cò* từ đó.

206. Cò đất

Chữ “cò” được sử dụng khá nhiều trong dân gian với những ý nghĩa khác nhau.

“*Con cò*”. Có hai con cò, một là “*con cò bay lả bay la*”, hai là “*con cò*” cái tem để dán bao thư (thư) khi gửi thư tín. “*Thầy cò*”, chỉ một vai vế trong lính thời Pháp. Nhưng cũng lại dùng để chỉ người chấm morát (sửa lỗi chính tả) trong nghề in sách báo. Còn “*cò đất*”, là chỉ những người môi giới mua bán đất.

Từ những năm 1990, đặc biệt sau khi luật đất đai ra đời, quy định quyền công dân sở hữu nhà và đất, nhu cầu mua nhà đất tăng vọt và các dự án liên quan đất đai cũng nối nhau ra đời, thì “*cò đất*” sinh sôi nảy nở nhanh chóng, và trở thành một

nghề ăn tiền mà không cần học.

207. Con... kẹt... (vui)

Bố vợ tương lai người Bắc,
chàng rể tương lai người Trung.
Trước ngày cưới, ông già tối kêu
cậu rể đi sắm đồ cô dâu. Tới
nhà thấy thằng rể đang vội vã ra
đầu ngõ, ông gọi lớn, nó nghe
nhưng không dừng mà day lại
nói: Con kẹt rồi. Ông già nghe
lùng bùng lỗ tai: Mày nói cái gì?
Nói cái gì? Chẳng là thằng rể
nói theo giọng quê nó, nên chữ
“t” trong chữ “kẹt”, lại ra chữ
“c”. Thằng rể nghĩ bố vợ không
nghe ra, lại la lớn: Con kẹt! Con
kẹt! Ông già nổi điên: Dẹp! Dẹp!
Không cưới xin gì nữa!

208. Con nai vàng ngơ ngác

Phải thừa nhận là nhìn con nai,
bước đi như rón rén, hai tai luôn
vểnh lên nghe ngóng, và đôi mắt
tròn xoe, trong như mắt trẻ thơ,
thì đúng là nó... ngơ ngác thật.
Nhưng sự “phát hiện và tạo nên
hiệu ứng xã hội”, chính là từ
mấy câu thơ trong bài thơ “*Tiếng thu*” của Lưu Trọng Lư:



Em không nghe mùa thu

Dưới trăng mờ thốn thức?

Em không nghe rao rực

Hình ảnh kẻ chinh phu

Trong lòng người cô phụ?

Em không nghe rừng thu,

Lá thu kêu xào xạc,

Con nai vàng ngơ ngác

Đẹp lên lá vàng khô?

Tiếng thu có trong chương
trình học tập của học sinh
phổ thông trung học. Vì thế
hầu như lớp trẻ và trung niên
cả nước bây giờ, thậm chí cả
lớp U60 – U70 ở miền Bắc đều

biết “*con nai vàng ngơ ngác*”. Nhung phải đến những năm 1980 – 1990, khi mà “phong trào ôm”, như bia ôm, karaoke ôm, rồi phở ôm, com ôm... nở rộ, thì cụm từ “*con nai vàng*” hoặc “*con nai vàng ngơ ngác*” mới được dùng ám chỉ các gái ăn sương. Bây giờ, có khi người ta cũng gọi những cô gái hay tỏ ra ngây thơ, mơ mộng là “*con nai vàng*”. Lưu Trọng Lư (19- 6-1911 – 10-8-1991), người làng Cao Lao Hạ, xã Hạ Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, là một nhà thơ, nhà văn, nhà soạn kịch Việt Nam; một trong những người khởi xướng và tích cực cổ vũ cho Phong trào Thơ mới. Năm 1932, ông chủ trương mở *Ngân Son tùng thu* ở Huế.

Ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật năm 2000.

Tiếng thu cũng được các nhạc sĩ Lê Thương, Phạm Duy, Hữu Xuân phổ nhạc thành bài hát cùng tên.

209. Con người càng lúc càng đông

Theo truyện cổ tích dân gian, Lý Thông và Thạch Sanh là hai anh em kết nghĩa. Thạch Sanh thì nghèo nhưng luôn sẵn lòng giúp người. Lý Thông thì giỏi trá, gian tham đã gạt em nuôi mình đi thay làm vật tế chăn tinh. Rồi lại lừa để cướp công cứu công chúa và mưu hại Thạch Sanh. Kết cục Thạch Sanh được lấy công chúa còn hai mẹ con Lý Thông dù được Thạch Sanh xin vua tha tội, nhưng vẫn bị sét đánh chết.

Cái hậu của truyện xưa là vậy, nhưng ngày nay dân gian cho rằng quân tử, trung thực như Thạch Sanh chỉ chịu thua thiệt nên người như vậy gần như... đã “tiệt chủng” rồi. Và thực tế thì:

*Con người càng lúc càng đông
Thạch Sanh thì ít Lý Thông thì nhiều.*

210. Con nhà lành

Để phân biệt với những con nhà mất dạy, trộm cướp, hoặc làm ăn không đàng hoàng, tử tế, thì dân gian có câu “*con nhà lành*”.

Cũng dễ hiểu, “con nhà tông không giống lông cũng giống cánh”. Con cái thường giống cha mẹ, nên nếu cha mẹ đã không lành thì con cái cũng khó mà tốt.

Con nhà lành là chỉ những người được ăn học, giáo dục đàng hoàng. Kể cả con những người buôn thúng bán bưng, những người lao động chân tay làm ăn chân chính cũng được gọi là “nhà lành”.

Con bé đó là con nhà lành đấy, yên tâm đi.

211. Con nhà lính...

Lính thì nhiều và cuộc sống thì không mấy khi dư dả, nhiều lúc phải “giật gấu vá vai”, “vắt mũi bỏ miệng”. Quan thì ít hơn mà khá giả, tất nhiên cũng có quan thanh liêm chỉ sống bằng lương, cũng nghèo, nhưng số này ít. Vì thế con quan cũng sang, cũng nhiều tiền, còn con lính thì...

Nhưng “Bố mẹ sinh con, giờ sinh tính”. Có nhiều cậu con lính nhưng ưa xài sang, sống bạt tử, có đồng nào xào đồng nấy, không biết cái túi của cha mẹ thủng.

Gặp những cậu cả, cậu hai như vậy, các bậc cha mẹ chỉ còn biết than: “*Con nhà lính, tính nhà quan*”.

212. Con nhà nghèo

Không hiểu do phim ảnh, hay do đòi hỏi của các cuộc thi người mẫu, hoa hậu... mà các chị em càng ngày càng tìm cách để khoe các vòng của mình.

*“Ngày xưa kín đáo thì khen
Bây giờ hở để bon chen với đời.
Áo thi thiếp trước, hụt sau.*

*Quần thì hở rốn
đu đưa mông ra ngoài”.*

Để “lý giải” cho hiện tượng đó, dân tình, rồi báo chí nói rằng những chị em đó là “*con nhà nghèo*”, là “*thiếu vải*” – do không đủ tiền mua. Hoặc là do muốn mặc như vậy cho “*mát mẻ*”. Nói chung đều có lý do lý trấu cả.

213. Con thầy...

Theo kinh nghiệm dân gian, chuyện yêu đương trai gái có ba cái kị. Đó là “*Con thầy, vợ bạn, gái cơ quan*”. Lý do: Thầy như cha, như mẹ (ấy là nói chuyện xưa),

thì con thày lê dī nhiên là như tỷ
như muội của mình rồi. Mà như
vậy thì chỉ có thể quý mến hay
kính trọng, không thể nói chuyện
yêu đương được. Còn bạn bè,
như anh em, như thủ túc, vợ bạn
cũng chỉ có thể là tỷ, muội mà
thôi. Nhưng gái cơ quan thì sao?
Chẳng phải các cụ dạy “lửa gần
rom lâu ngày cũng bén” đó sao?
Chẳng phải yêu gái cơ quan là
chuyện rất tự nhiên và hữu lý sao?
Xin thưa, cũng từ kinh nghiệm
thực tế mà ra. Yêu người cùng cơ
quan còn khó hơn yêu con thày,
vợ bạn nữa. Một, cái gì cũng lộ
bem hết. Hai, chuyện bé không
chừng bị xé ra to, rồi binh lênh,
nhức đầu lắm. Ba, ngày nào cũng
đụng mặt, lúc có chuyện gì muốn
tránh cũng không xong. Bốn, đây
là chuyện cần lưu ý nhất. Ví dụ,
thì cứ ví dụ đi, nếu com không
lành, canh không ngọt thì muốn
thôi cũng khó, không chừng khi
yêu đã bị theo dõi, mà khi bỏ
cũng sẽ bị hỏi thăm, với một lô
câu tại sao, tại sao...

Câu khuyến nghị những
người sắp yêu cần né: “con thày,

vợ bạn, gái cơ quan”, có khoảng
những năm 1960 – 1970.

214. Con vẫn nhìn thày, nhưng... (vui)

Thày giáo gọi trò lên trả bài, trò
không thuộc cứ lúng ba, lúng
búng mãi. Thày bức mình mắng
cho một tảng, mỗi miệng, dừng
lại ngó trò. A! Thắng này mất dạy,
đã không thuộc bài, mà mình
nói nó còn không buồn nghe, cứ
ngó lơ đi nơi khác: Trò, tại sao
thày nói mà em nhìn đi đâu vậy?
Em có hiểu như vậy là vô phép
không? Trò vẫn lúng búng trong
miệng, không biết cả lớp có nghe
không, nhưng thày thì rõ: Dạ!
Nãy giờ con vẫn ngó thày đấy ạ,
nhưng thày có ngó tới con đâu?!

Thì ra, cả hai thày trò mắt đều
lé xẹ, nên nhìn một đằng ra một
nẻo.

215. Cọp và thành phố (vui)

Có một con cọp ở sở thú xổng
chuồng ra thành phố, thấy xe cộ,
người ngơm loạn xị ngẫu, cọp sợ
quá chuitot vào một cơ quan.
Một ngày chưa dám ra, đói quá,

nó mò vào một phòng chỉ có một người (ông Giám đốc), vô lấy mà nhai. Hôm sau cả cơ quan vẫn làm việc bình thường. Còn cọp quen mùi lại mò sang phòng kế bên vô ông Phó Giám đốc nhai tuốt. Hôm tiếp theo là kế toán trưởng ra đi, rồi lần lượt là các vị chức sắc khác... biến đi như vẫn đi công tác trước đây. Và cả cơ quan vẫn làm việc bình thường.

Nhưng đến một hôm các phòng ban nào loạn: Tại sao phòng tôi chưa được dọn dẹp? Tại sao phòng tôi không có nước nóng để pha trà? Tại sao... chỗ nào cũng dơ dáy vậy?! Họ chưa biết cái ngày hôm đó cô lao công đã bị cọp vồ.

Thế rồi có người la lên: Máu! Máu!... Rồi người ta phát hiện phòng Giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng... tất cả bị xáo tung, và chỉ thấy máu...

Người ta báo công an – nhân viên sở thú chẳng hiểu sao cũng xuất hiện. Và người ta nhanh chóng tìm ra hung thủ...

Cọp bị bắt đưa về sở thú, nhốt lại... chuồng xưa. Rồi hết ngày

này, tháng nọ người ta chỉ nhắc tới chuyện cọp vô như một câu chuyện cảnh giác để mọi người lưu ý đừng để... cọp vô. Còn cọp vẫn vô tư, chẳng thấy tòa nào đem ra xử cá.

216. Cô hàng xôi ơi!

Những năm 1960 – 1970, *Hoa chǎm pa* (hoa sứ), dân ca Lào, là một bài hát hay, được yêu thích và phổ biến ở Hà Nội. Xôi cũng là quà sáng ưa thích của người Hà Nội với đủ loại, nhưng có lẽ xôi vò và xôi xéo là ngon nhất, đặc sản của đất Hà Thành.

Những người có tâm hồn ăn uống và cũng mê văn nghệ đã thay tên và lời bài hát *Hoa Chǎm pa* thành:

“Cô hàng xôi ơi!”

*“Cô hàng xôi ơi! / Bán tôi hai
hào/ Xôi cô nhạt lấm/ Thêm ít
đường phên/ Cho nó ngọt thêm/
Hơi cô hàng xôi.”*

*Xôi cô ngon ghê/ Nhưng mà
tôi chê/ Mỗi cô một điều/ Móng
tay cô dài/ Cô gãy lên đâu/ Cháy
roi vào xôi...”*

217. Cô ta



Cô ta, không phải là cô ấy, mà tiếng Anh là *quota*, tức hạn ngạch – quy định của một nước về số lượng cao nhất của một mặt hàng hay một nhóm hàng được phép xuất hoặc nhập từ một thị trường trong một thời gian nhất định thông qua hình thức cấp giấy phép. Và việc cấp hạn ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam do Bộ Thương mại chịu trách nhiệm. Muốn xuất nhập gì, lúc nào, bao nhiêu, đều phải theo cơ chế xin – cho. Chính vì thế đã có lúc... *cô ta* làm rối loạn thương trường Việt Nam.

(*Theo cổng thông tin điện tử Chính phủ 12/09/2005*): Sau hơn 1 năm điều tra, vụ án chạy *cô ta* xuất khẩu ở Bộ Thương mại có 18 bị can, trong đó 6 người của Bộ Thương mại gồm: nguyên Thủ trưởng Mai Văn Dâu, nguyên Vụ phó Vụ Xuất nhập khẩu Lê Văn Thắng, Phó ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp TP.HCM...

Từ khi Hiệp định buôn bán hàng dệt may Việt Nam - Mỹ được ký kết, nguyên Thủ trưởng thường trực Mai Văn Dâu được phân công phụ trách quản lý, xét duyệt lĩnh vực này. Trong thời gian phụ trách, ông Mai Văn Dâu đã ký 3 thông báo cho phép các thương nhân vay, nhường hạn ngạch. Theo cơ quan điều tra, việc làm này dẫn tới sự rối loạn trong công tác phân phối hạn ngạch, mở đường cho việc mua bán chuyển nhượng hạn ngạch tràn lan, không kiểm soát nổi.

Hiện nay các quốc gia ít sử dụng công cụ hạn ngạch mà dùng thuế quan thay thế dần cho hạn ngạch. Đây là quy định có

tính bắt buộc đối với các thành viên WTO. Sau một thập kỷ đàm phán và chuẩn bị, Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới vào ngày 7/11/2006.

218. Cổ ống ở, ngực hững hờ, tay lửng lơ, lây ống hóm bò.

Sự đổi thay mốt, không có gì lạ. Hết quần ống tuýp – ống điếu, lại tới ống loe – ống só, rồi một pli, 2 pli, tới xăng ly. Áo thì cổ bẻ, rồi cổ đứng, cổ cồn, cổ trái tim, cổ lá sen... Sau một thời gian, có khi bí quá lại quay trở về xưa.

Nhưng Hà Nội thời đạn bom, quần áo chẳng mấy khi có kiểu mới, và màu sắc cũng chỉ vài ba màu chủ đạo. Và hễ ai ăn mặc gì là lạ cũng bị nhòm ngó, phê phán, giống ở các tỉnh miền Nam khi mới giải phóng vậy, nhất là với cánh chị em. Chẳng hạn, áo hơi khoét sâu chút thì bị nói là cổ ống ở. Và ngực hở ra một chút thì nói là ngực hững hờ hoặc ngực... đợi chờ. Ngay cả cái ống tay áo ngắn, dài cũng bị đánh giá là tay lửng lơ...

Cái thời ấy đi may đồ, chỉ có mấy ông thợ may là sướng, không cần nghĩ ngại, đo cắt phức tạp gì, rẹc rẹc mấy đường, rồi lây ống, hóm bò là xong là xong.

Lây ống hóm bò là ông lấy bỏ hòn, bỏ vào tủ của ông những khúc vải thừa là xong.

219. Cốc...

Có loài chim cốc cổ dài lông đen, có cây cốc (Nam gọi là cóc), trái xanh ăn chua, chín có vị chua ngọt; có loại mõ đánh nghe cốc cốc... Còn cốc láo là ngông nghênh, hỗn láo; cốc mò cò xoi, cốc (đánh) vào đầu... Tiếng cổ, cổ là biết...

Nhưng *cốc* mà dân gian dùng ở đây, cũng đồng nghĩa với *gõ*, *đeo*, là tìm cách để vòi tiền, thường là của cha mẹ. *Cái thằng, nó vừa “cốc”* (*gõ hoặc đeo*) *của tôi mấy trăm nghìn đấy!* Nhưng cũng có những anh chàng “cốc” luôn cả của bồ. Rõ là đẹp mặt trai.

Dân Bắc thì dùng từ “cốc”, “gõ”. Dân Nam nói là “đeo”

220. Công ngũ

Con công ngũ không biết có gì khác biệt với các loài chim khác không, nhưng khi nó thức và múa thì đuôi xòe ra tuyệt đẹp, như một cái quạt với muôn sắc màu.

Nhưng mấy anh thích đùa nhà ta, thì lại nói tới một con công khác, con công thức... Và để ám chỉ mấy bạn, khi có tí tỉnh vào là đã vội sung.

Công ngũ nói lái là... Công thức...

rốn rǎng, nhưng chẳng ai đối lại được:

*Cô gái H'mông,
hơ mông bên bếp lửa.*

15 năm sau, có một anh bạn ở Báo SGGP, đổi lại khá hay:

*Chàng trai Mường Tè,
tè bên gốc cây.*

“Cô gái” đổi với “Chàng trai”, “H’mông” đổi với “Mường Tè”, “hơ mông bên bếp lửa” đổi với “tè bên gốc cây”. Như thế xem ra cũng đổi chan chát và chỉnh rồi.

221. Cô gái H'mông hơ mông...

Năm 1992, một lần tiếp xúc với Đại tá Phạm Phú Bằng, Báo Quân Đội Nhân Dân, ông kể chuyện về một chuyến đi công tác lên miền núi phía Bắc. Khi qua một con suối, cô gái dẫn đường người H'mông để ướt hết váy. Lúc tới nơi, ngồi bên bếp lửa, cô gái khéo léo hơ từng vật áo cho khô. Tức cảnh sinh... sự, một người ứng khẩu ra một câu đối thật “đúng người, đúng tội”, thật hay, nhưng cũng không dễ nhá, khiến mọi người đều cười

222. Công tử Bạc Liêu



Trần Trinh Huy là con trai ông Trần Trinh Trạch, tức Hội đồng

Trạch xuất thân là thư ký làng, nhờ cưới được cô Tư, con gái của ông bá hộ Phan Văn Bì, người có đất ruộng nhiều nhất trong tỉnh Bạc Liêu – “Vua lúa gạo Nam Kỳ”, Hội đồng Trạch càng ngày càng giàu có, càng nhiều ruộng đất. Trần Trinh Trạch sở hữu 74 sô điền, với 110.000 ha đất trồng lúa, gần 100.000 ha ruộng muối. Toàn tỉnh Bạc Liêu lúc bấy giờ (gồm 4 quận Vĩnh Lợi, Cà Mau, Vĩnh Châu, Giá Rai) có 13 lô ruộng muối thì 11 lô là của ông Hội đồng Trạch, một lô còn lại của cha sở và một lô của dân thường.

Tên thật là Trần Trinh Quy, sinh ngày 22 tháng 6 năm 1900, nhưng cho rằng cái tên “Quy” không sang trọng nên tự đổi lại thành Huy. Huy nổi tiếng ăn chơi ở Sài Gòn và miền Nam những năm 1930 – 1940, nên dân tình gọi là “*Công tử Bạc Liêu*”, cũng gọi là Hắc công tử (do nước da ngăm đen và để phân biệt với Bạch công tử).

Ngày nay, “*Công tử Bạc Liêu*” trở thành một thành ngữ để chỉ những tay ăn chơi nổi đình đám.

Còn ngôi nhà xưa của công tử, nay thành điểm tham quan du lịch. Và con trai công tử thì đã trở thành kẻ tú cẩn vô thân. Cuộc đời dâu bể thật đáng buồn!

223. Công văn túi áo, báo cáo túi quần

Cái thời còn ở rừng, nhiều khó khăn, gian khổ và thiếu thốn, lại luôn luôn phải chạy giặc, thì người ta thường giản tiện trong sinh hoạt và công việc. Lâu lâu có cuộc họp phải làm báo cáo; có công văn chuyển đến, thì tiện túi áo bỏ túi áo, tiện túi quần bỏ túi quần.

Lần hồi thành quen, và có thể dẫn đến di truyền. Nay giờ vẫn có vị *công văn túi áo, báo cáo túi quần*.

Có một chuyện vui, nghe nói là có thật. Một ông cũng lớn lón, sáng mùng 8 tháng 3, phải đi dự hai cuộc họp. Ông bảo thư ký chuẩn bị hai diễn văn. Và ông bỏ một cái túi áo, một cái túi quần. Khi đến địa điểm đầu, sau lời giới thiệu của MC, ông uốn ngực bước lên bục, e hèm sửa

giọng và đọc diễn văn lấy từ túi áo. Đang hùng hồn, ông nghe thư ký rít rít sau lưng: Thưa anh! Thưa anh! Không phải, bài đó là để đọc bên hội phụ nữ cơ. Ông rất bình tĩnh: Thế hả! Xong cắt bài diễn văn giữa chừng, gật đầu chào và đi xuống, về nhà luôn không dự buổi họp tiếp đó.

224. Cơ chế tập trung quan liêu bao cấp

Kinh tế kế hoạch hóa tập trung là nền kinh tế mà trong đó chính phủ đưa ra mọi quyết định về sản xuất và phân phối. Cơ quan kế hoạch của chính phủ quyết định sẽ sản xuất ra cái gì, sản xuất như thế nào, và phân phối cho ai. Sau đó, các hướng dẫn cụ thể sẽ được phổ biến tới các hộ gia đình và các doanh nghiệp. Đó chính là *cơ chế tập trung quan liêu bao cấp*. Chính cơ chế này hàng chục năm trời đã kìm hãm sự phát triển của đất nước. Chỉ đến thời kỳ mở cửa (1986), dân tình mới dần được cởi trói, sức sản xuất được giải phóng và đất nước có cơ hội đi lên.

225. Cờ đèn kèn trống

Từ xưa thật là xưa, dân gian có câu “sống dầu đèn, chết kèn trống”. Theo tục lệ, người Việt, nhiều nước ở châu Á cũng vậy, khi trong nhà có người qua đời, thì dù giàu, nghèo, gia đình cũng phải làm cái lễ tiễn biệt, với các nghi thức theo các bước: nhập quan, động quan, hạ huyệt. Trước đó phải treo cờ tang trước cửa nhà, trước con đường dẫn vào nhà như thông báo, chỉ dẫn cho bà con chòm xóm và họ hàng thân thích biết chia buồn. Trong đám thường có kèn trống tiễn biệt, náo nuột lâm li; đèn trên nắp quan luôn thấp sáng...

Tất cả những diễn cảnh đó, được dân gian thâu tóm lại một câu “cờ đèn kèn trống”. Và khi nói như vậy cũng hàm ý chỉ cái sự chết. *Thôi, thế là nó “cờ đèn kèn trống” rồi – nó chết rồi.*

Chẳng hiểu người chết về thế giới bên kia có vui không và người sống tâm trạng thế nào, nhưng nay có nhiều đám thuê người hát, nhảy nhót thâu đêm, suốt sáng, như nhà có hội vậy!?

226. Cờ lá chuối

Cờ phướn... còn được gọi là Cờ (lá) chuối. Có lẽ gọi như vậy là vì những cờ này nhỏ dài và khi dương thẳng lên trông cũng giống như những tassel lá chuối vậy. Loại cờ này có nhiều màu, 6 màu chính, là xanh dương, hồng, vàng, xanh lá cây, cam, đỏ; thường được sử dụng trang trí trong các sự kiện, ngày lễ, làm đẹp cho các khu phố, đoàn thể, công ty, trường học... trong những ngày lễ, Tết.

Còn một loại cờ lá chuối nữa, lúc đầu làm đúng là lá chuối thật, sau (bây giờ) đổi bằng các chùm dây nilon cho nó bền chắc hơn.

Khoảng năm 1960 – 1965, khi phong trào nuôi heo có phần chưng lại, thì phong trào nuôi vịt nổi lên. Chẳng hiểu câu thơ này có phải của Bút Tre không, nhưng khá ấn tượng, vừa phản ánh cái sự trên, vừa gợi nhớ lại một thời đạn bom:

Năm xưa ủn ỉn đầy chuồng

Năm naycac cac

đầy đường hành quân.

Cờ lá chuối là cờ - cái cây lùa vịt, trên đầu có cột nhúm lá chổi te tua xơ mướp, cửa mấy chàng chăn vịt.

227. Cơm Bắc giặc Nam

Câu này có từ thời chống Mỹ, khi những đoàn quân chi viện từ Bắc vào Nam. Và lúc đầu chỉ nói tới những đơn vị trực tiếp chiến đấu tại tọa độ lửa Quảng Trị, nơi bộ đội “ăn cơm Bắc, đánh giặc Nam”. Nhưng lâu rồi, tất cả những ai từ Bắc vào Nam chiến đấu, công tác trong giai đoạn máu lửa 1967 – 1975, đều được xếp vào diện “cơm Bắc, giặc Nam” cả.

Câu này không chỉ đơn thuần nói về sự việc, mà còn hàm ý nói về sự đồng cam cộng khổ, chia ngọt xé bùi của dân một nước, khi nhà có giặc.

228. Cơm bình dân

Là loại cơm giá rẻ với các món ăn đơn giản, tào hũ, rau dưa là chính, dành cho những người lao động nghèo, ít tiền, ăn cốt no bụng. Có những nơi còn mang ý

nghĩa từ thiện, như những quán cơm hai ngàn ở TP.HCM và cả các tỉnh khác.

Từ ngữ *com bình dân*, có từ trước 30 tháng 4, phát xuất từ Sài Gòn.

Tuy nhiên, bây giờ đừng thấy chỗ nào đè cơm bình dân là vào đại né, có khi ăn thì chẳng ra gì nhưng bị cưa cỗ đấy.

229. Cơm bụi

Lúc đầu gọi là cơm bình dân, nhưng vì tính chất rẻ tiền của nó thu hút cả những tay bỏ nhà đi hoang, đi bụi, và cả những tay bụi đời thực thụ, nhiều khi lép túi cũng vào các quán này ăn. Cơm bình dân bây giờ cũng gọi là cơm bụi, trừ những quán dùng chữ bình dân để dụ khị mà thôi.

230. Cơm tù

Có lẽ đây cũng là “đặc sản” riêng có của Việt Nam. Những năm 2000, dọc đường miền Trung, từ Ninh Thuận ra tới Nghệ An, bắt đầu xuất hiện những quán cơm, mà khách, tài xế và ngay cả công an đều buộc phải ăn cơm dù giá

cắt cổ, dù thiu, ôi... nếu không có thể bị hành hung, bị nhốt không cho đi (quán cơm Cam Liên, Lê Thúy, Quảng Bình). Năm 2004, báo chí đồng loạt lên tiếng và gọi vấn nạn này là “*com tù*”.

Năm 2008, người ta phát hiện ra cả một hệ thống đường dây cơm tù xuyên Việt của Bến xe Hồng Lam, Bình Dương...

Bây giờ thì mọi chuyện tạm yên, nhưng đã để lại trong lòng xã hội một vết cắt sâu đau, nặng nề: “*Com tù*”.

“*Tròi đánh*” còn “*tránh bữa ăn*” mà đến bữa ăn lại bị... nhốt vô tù! Thì thật là còn cái khổ nào hơn.

231. Cơm ngó phở ngủi

Những năm 1955 – 1960, có nhiều người quê ra Hà Nội kiếm ăn, cũng có người từ tỉnh lẻ được điều về công tác. Những người này lúc đầu hay ngó nghênh, ngó ngửa trước những chuyện còn lạ lẫm với mình. Trước những quán ăn, họ cứ thập thảy thập thò mà ngại vào vì chưa biết nếp té ra sao.

Rồi từ những năm 1964 – 1975, những năm Mỹ ném bom bắn phá miền Bắc, ngoài việc chi viện cho miền Nam, kinh tế cũng kiệt quệ. Thời đó cũng nhiều người đứng trước các quán ăn, nhìn những tô phở, nóng hổi, bốc khói thơm ngát, mà không dám bước vào, vì tiền...

Thế nên, những người nhà quê ra tỉnh, những người tự biết mình ít tiền, chỉ có thể “*ăn com ngó, phở ngủi*” mà thôi.

Trong một chừng mực nào đó, chuyện cũng xảy ra tương tự giai đoạn mới giải phóng Sài Gòn. Nhưng có phần vì những quán ăn bề thế quá, sang trọng quá, người thường không giám bước chân vô.

232. Cơm niêu...

Niêu: nồi nhỏ nấu đủ cho một người ăn. *Cơm niêu nước lợ*, là cảnh sống, ăn ở lè loi đơn độc một mình (NXB Văn hóa, 1993). Nhưng bây giờ nói tới đi ăn *cơm niêu* là phải rò túi kiểm tiền đā.

Cũng giống như rau muống, ốc, khoai lang... ngày xưa là

những món dân dã, những người khá giả không mấy khi ăn. Nhưng có lẽ những Việt kiều khi về nước thường muốn tỏ ra, hoặc thật sự... tình cảm với quê hương (*ta đi ta nhớ quê nhà/ Nhớ canh rau muống nhớ cà dầm tuong*), nên cứ những món đó mà gọi. Mà người bán hàng mình thường trông mặt đặt tên, cứ thấy ngoại, kể người Việt... đi ngoài về mà đụng tới gì cũng thét lên tí giời. Riết rồi mấy món đó lên hương, lên giá. Không tin thử vào quán gọi *đĩa rau muống xào* hay *rau muống luộc coi*, tắc họng liền. Còn ốc hǎ, thử ra Tô Hiến Thành xem, cả một khúc đường toàn ốc là ốc. Cứ thứ bẩy, chủ nhật xe để kín 2 lề đường. Còn khoai lang nướng bây giờ có nơi bán đắt như thịt.

Cơm niêu, cơm nồi đất, có lẽ được dân Hà Thành ra chiêu đầu tiên, từ khoảng những năm từ 1985 đến 1990, và nâng ngay lên hàng đặc sản, độc đáo, có phần mang tính nghệ thuật, khi cho nó một cái tên mới, lạ lẫm

dễ gây tò mò: cơm đậm, cùng màn tung hứng như xiếc – Cơm nấu bằng nồi đất, khi khách ăn, đem ra đậm cái b López, rồi tung lên không, các mảnh vỡ rơi loảng xoảng, và cục cơm tròn hình cái nồi, bên ngoài cháy vàng ươm, rơi đúng vào cái đĩa của anh phục vụ, trong con mắt thần phục của mọi người.

Nhưng cũng phải thừa nhận cơm nấu bằng nồi đất có lẽ là ngon nhất.

233. Cơm đường cháo chợ vợ nông trường

“*Cơm đường cháo chợ*” vốn chẳng ngon lành, thích thú gì, cực chẳng đã thì phải dùng tạm. Nhưng còn “*vợ nông trường*” thì sao?

Những năm đầu xây dựng CNXH ở miền Bắc, nhiều nông trường Quốc doanh mọc lên (1960). Và nông trường lúc đó như là nhà của người lao động, lên đó rồi thì ở lại đó lập nghiệp, lập gia đình. Cuộc sống cũng phóng khoáng... nhưng ít lựa chọn. Lấy vợ cũng vậy. Và gái nông trường còn mang tiếng là

núi “*rương (valy) không khóa*”, thì thật là chẳng biết quản lý làm sao?!

234. Cơm và Phở

Phở là một món ăn truyền thống của Việt Nam, cũng có thể xem là một trong những món ăn đặc trưng nhất cho ẩm thực Việt Nam. Phở lại cũng có thể ăn sáng, ăn trưa, ăn chiều, ăn tối; cũng có thể ăn thay cơm hoặc ăn choi... Và có một sự liên hệ mật thiết với... cơm. Hết ăn cơm thì thôi ăn phở, mà ăn phở rồi khỏi ăn cơm. Vợ và bồ bịch (nhân tình, nhân ngai) với cơm và phở là hai cặp phạm trù song song tồn tại và có thể hoán đổi ngôn từ, ngữ nghĩa cho nhau mà ai cũng hiểu:

“*Sáng chở cơm đi ăn phở, trưa (nhất là từ khi có chế độ làm thông tâm) chở phở đi ăn cơm, tối... cơm cơm phở phở* – tiện đâu xâu đáy”. Đây là chuyện của nhiều đấng phu quân thời nay.

235. Cù là chính hiệu

*Cù là chính hiệu sư tử
Mẹ chồng hung dữ*

*đánh chết nàng dâu
Mua một tiền dâu
nàng dâu sống lại
Ke re cắc rắc, một cắc hai ve
Cắc rắc ke re hai ve một cắc*

Đây là một lời rao cách đây chí ít cũng 80 năm, nhưng những ai làm nghề quảng cáo hay marketing nghe qua chắc cũng phải thừa nhận là xuất sắc. Vừa ngắn gọn, súc tích, rõ ràng, là “chính hiệu”. Vừa tò rõ công dụng và hấp dẫn: Có thể cứu sống nàng dâu. Lại có “khuyến mãi”: *một cắc hai ve*, nhưng nếu mua *2 ve... chỉ có một cắc*.

Thật dẻo mồm, đáng để những người bán hàng ngày nay học hỏi.

236. Củ Chi... là củ gì?

Cách đây hơn 20 năm, có một tờ báo đã đặt vấn đề nay sau đó có không ít bài báo giải thích nhưng cũng chưa thỏa đáng. Có tờ không rõ cẩn cứ vào đâu mà bảo tên *củ chi* vốn từ chữ *cổ chi* nói trại ra.

Theo dân gian, *củ chi* là mā tiền, rất độc, ngâm rượu làm

thuốc xoa bóp cho ngựa (đua) rất tốt, nhưng nếu uống vào có thể đứt ruột mà chết. Từ điển những cây thuốc Việt Nam của được sĩ Đỗ Tất Lợi, NXBKHKT 1986, chương III, mục mā tiền có ghi: Mā tiền còn gọi là củ chi, Campuchia gọi là sleng thom, sleng touch; Lào gọi là kok toungh ka, Thái Lan gọi là co ben kho. Mā tiền có hai loại thân leo và thân gỗ, đều có tác dụng chữa tê thấp, trị nhức xương khớp.

Nhưng cây củ chi có liên quan gì tới địa danh Củ Chi?

Theo tài liệu chép tay của cố Bùi Văn Cẩn (1927 – 2007), con cụ cố Bùi Hữu Định (sinh 1880). Năm 1900, cụ Định lên đất Củ Chi (nay) lập nghiệp và làm quản lý các đồn điền cao su cho Pháp ở Phú Mỹ. Tài liệu này ghi: Củ Chi là một trạm dừng chân quan trọng theo quốc lộ 1, Sài Gòn – Pnom Penh, các Sài Gòn 35km. Tên Củ Chi do công chánh thấy ở chùa Bà (đúng ra là miếu Bà), có một cây cổ thụ họ bā đậu, hột giống ổ trứng nhện, làm thuốc mā tiền, nên

lấy Củ Chi làm địa danh, không phải đơn vị hành chính; nhưng có nhà giây thép, trường học tương đối tốt; giao lộ đi Thủ Dầu Một và Bến Cỏ, Phú Hòa Đông. Đơn vị hành chính là Tân Thông thôn, đổi Tân Thông Tây, sau sáp nhập với Vũng An Tây và Cây Sộp làm Tân An Tây từ 1927...

Như thế nhân chúng, vật chúng đầy đủ, rõ ràng địa danh Củ Chi bắt nguồn từ tên một loài cây xưa có rất nhiều ở Củ Chi. Điều đó hợp lý, vì cách lấy tên cây đặt cho các vùng đất là phổ biến ở Sài Gòn xưa. Ví như Gò Vấp, nơi xưa có nhiều cấy vấp (vấp); Hàng Xanh, có nhiều cây sanh (cùng họ với cây si), và tương tự là Chợ Cây Quέo, Bùng binh Cây Gõ...

237. Củ chuối – bã đậu

Xưa, đói quá trong nhà gạo thóc hết cả, thì dân phải đào củ chuối, củ mài mà ăn đỡ. Còn bã đậu là cái xác còn lại khi người ta ép hạt đậu lấy nước tinh làm đậu hũ. Nói cách khác, củ chuối

hay bã đậu là những thứ quá tệ, hết xài, là cặn bã chỉ cho heo ăn.

Và khi nói một người là “đầu củ chuối”, “đầu bã đậu”, là ám chỉ người đó không xài được, thiếu não bộ, là đầu óc có vấn đề. Có thể nói tắt là “Củ chuối”, “bã đậu” người ta cũng hiểu.

Ví dụ: Ôi! Thằng đó “củ chuối” lắm, không xài (dùng) được đâu.

238. Cuội

Là cái thằng Cuội ngồi gốc cây đa trong truyện cổ tích dân gian Việt Nam, rất ma lanh và hay giỏi giá.

Những năm 1980, nạn mua bán độ trong bóng đá Việt Nam càng ngày càng trở nên trầm trọng. Các cầu thủ, các đội, vì bị mua độ mà đá không còn trung thực, có khi săn sàng đá phản lưới nhà để làm kèo hoặc lật kèo. Lối đá đó bị người hâm mộ phản ứng và gọi là *đá cuội, chơi cuội*.

Rồi bệnh này lây lan cả sang lĩnh vực ca nhạc. Các ca sĩ, và ngay cả đài truyền hình cũng lấy lý do là vì để bảo đảm chất lượng âm thanh, nên phải thu

đĩa trước, và khi hát chỉ cần diễn cho giống, cùng với việc mấp máy mồm miệng sao cho khớp là được. *Hát nhép* hay *hát cuội* nhiều màn đã bị lộ vì cháy áo, rót micro, hoặc tự nhiên đĩa hát trực trặc, người nghe không nghe tiếng gì mà vẫn thấy ca sĩ giơ chân, mút tay và miệng vẫn mở ra khép lại... như thật.

Đá cuội, làm cuội, hát cuội-hát nhép, không những là lừa giỡ, vi phạm đạo đức, mà còn làm tổn hại danh dự, hình ảnh đất nước, nhất là chuyện *đá cuội* – bán độ.

239. Cuốn cờ

Cờ là biểu tượng của một quốc gia. Khi ngọn cờ quốc gia nào được kéo lên ở đâu, đồng nghĩa với việc quốc gia đó đã chiến thắng. Ví như, cờ đỏ sao vàng tung bay trên nóc hầm Tướng Christian de Castries, trong chiến dịch Điện Biên Phủ, hay được kéo lên ở Dinh Độc Lập đã khẳng định Việt Nam chiến thắng thực dân Pháp, cũng như giải phóng miền Nam. Trong thể thao, vận động viên nước

nào đoạt chức vô địch, thì cờ nước đó sẽ được kéo lên cao nhất. Ngược lại, khi *hạ cờ, cuốn cờ* đồng nghĩa với việc rút lui, thừa nhận thất bại.

Ngày 27/1/1973, Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam đã được ký chính thức giữa Bộ trưởng Ngoại giao 4 bên. Hiệp định nêu rõ: Hoa Kỳ và các nước khác cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam; Hoa Kỳ phải hoàn toàn chấm dứt chiến tranh xâm lược, chấm dứt sự dính líu về quân sự và can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam; Rút hết quân đội của Mỹ và của các nước khác, cố vấn và nhân viên quân sự, vũ khí và dụng cụ chiến tranh, hủy bỏ tất cả các căn cứ quân sự; Tôn trọng quyền tự quyết và bảo đảm các quyền tự do dân chủ của nhân dân miền Nam Việt Nam. Nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của mình thông qua tổng tuyển cử thật sự tự do và dân chủ.

Và ngày 29-3-1973, Mỹ đã làm lễ hạ cờ tại sân bay Tân Sơn Nhất. Tướng 4 sao Weyand (Uâyen) Tổng chỉ huy Bộ Tổng Tham mưu quân viễn chinh Mỹ ở miền Nam Việt Nam cùng với 2.510 lính Mỹ cuối cùng lặng lẽ rời khỏi Việt Nam dưới sự kiểm soát của sĩ quan Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong Ủy ban Liên hợp quân sự bốn bên.



17 năm trước, hơn một tháng, ngày 28-04-1956, tại bến Bạch Đằng người dân Sài Gòn cũng được chứng kiến quân đội viễn chinh Pháp làm lễ *cuốn cờ*, xuống tàu về nước. Trước đó 2 ngày, những đơn vị cuối cùng của đạo quân viễn chinh Pháp diễu hành lần cuối cùng trên các đường phố chính của SG.

240. Cùn

“*Cùn*” ở đây ngược với “*sắc*”, như dao, kiếm, các dụng cụ cắt gọt... dùng lâu không mài giũa, sẽ cùn, sẽ lụt đi,

Trong cuộc sống có không ít người, không phải không biết đúng sai, nhưng cứ cái chày cái cối để giành phần thắng về mình dù là sai lè ra đấy. Lại có người cậy có chức quyền, tội lỗi rành rành, nhưng cứ đổ quanh, bí lối đổ cho cả nhân viên đánh máy...

Nói chung, sai muồi muoi nhung cứ “cả vú lấp miệng em”, cái lấy được, giành cái lợi cho mình,... thì dân tình quy chung là “*lý sự cùn*”, là “*cùn*”. Thằng ấy nó *cùn* lắm.

241. Cười với mẹ ông Đại Thánh

Đại Thánh, hay Tề Thiên Đại Thánh, Tôn Ngộ Không, nhân vật chính của “Tây du ký” vốn là một con khỉ, không cha, không mẹ do hòn đá tiên trên Hoa Quả Sơn, Đông Thắng Thần Châu nứt ra mà thành, đã từng chọc trời khuấy đất làm náo loạn thiên cung, địa phủ...



Điều đáng nói ở đây là Đại Thánh không cha không mẹ, thì “*cuời với mẹ ông Đại Thánh*” là cười với ai?

Đây không phải là một câu đố, mà là nhầm cười cợt, chỉ trích những nụ cười vô duyên, không đúng lúc, đúng chỗ. Thành ngữ này thấy sử dụng nhiều từ những năm 1960, có lẽ sau khi “Tây du ký” được dịch sang tiếng Việt và phát hành rộng rãi ở Bắc Việt Nam.

“Tây du ký”, là bộ tiểu thuyết thần thoại nổi tiếng của Trung Quốc, do Ngô Thừa Ân, tên tự là Nhữ Trung, hiệu Xa Dương, người Giang Tô (1500 – 1582?) trước tác.

242. Cua kéo...

Trong *Từ điển tiếng Việt* chỉ có mỗi từ *cua xé*, và giải nghĩa là *cua* nói chung. Chẳng hiểu gì cả? Liệu có thể nói rõ hơn, là một loại dụng cụ có các răng nhọn, sắc dùng để cắt vật gì đó.

Tuy nhiên, trong dân gian còn có thêm một số từ ngữ liên quan tới chữ *cua*. Đấy là: *Cù cua* – dây dưa, kéo dài; *cua cẩm* – nói tới, nói lui; *kéo cua* – cắt vật gì đó bằng lưỡi *cua*. Xưa có bài đồng giao, ai đã qua thời trẻ thơ, thật khó quên: “*Kéo cua lùa xé/ Ông thợ nào khoe/ Thị vê ăn com vua/ Ông thợ nào thua/ Thị vê bú tí mẹ*”.

Và *cua gái*, cũng giống như tán tỉnh, tán gái.

Dùng từ *cua* trong *cua gái* cũng thật là hay, thật hợp cảnh, hợp tình. *Cua* là kéo đi, kéo lại đều đều không ngưng nghỉ, vừa bền bỉ, vừa chắc chắn không để bị một tác động bên ngoài làm lõi nhịp. Và càng *cua*, mạch càng sâu, càng rõ đường *cua*. Trai gái tìm hiểu nhau cũng vậy. Phải có chủ đích rõ ràng như

này mục lấy đường cưa. Phải kiên trì đều đặn như khi cưa – Yêu mà lúc gấp, lúc không, thì dễ cách mặt xa lòng lầm. Và dù cưa lâu hay mau cũng phải cưa đứt đục suốt – tránh để lâu ngày lầm kẻ dèm pha.

243. Cười như nghé.

Nghé là con trâu con. Nghé rất hiếu động, luôn tung tăng, chạy nhảy bên mẹ. Và có khi nó còn... cười nữa, nhưng cười mà không ra tiếng, rất khó tả, chỉ những trẻ ở quê, chăn trâu, cắt cỏ mới rõ.

Xin trích một đoạn trong bài thơ *Cầu Cầm* của Trần Đăng Khoa, năm 1966, khi Khoa mới 8 tuổi, để thấy nghé cười:

*Cầu Cầm là thế này / Đến giờ
em mới rõ / Hàng cây bom chém
dở / Lên chồi xanh thiết tha/... /
Lúa vàng trong đáy mắt / Trời
xanh trong lưỡi liềm... / Sông
oi nhớ thương ai / Mà bốn mùa
nước đỏ / Con chim nghiêng mắt
ngó / Phù sa hồng đôi chân /*

Nhu thế mà cầu Cầm /

*Một máy bay Mỹ rụng / Bay
giờ những mũi súng / Vẫn vươn
trong lòng người*

*Uống nước hổ bom sâu / Nghé
con nghênh mặt cười*

Cười nhu nghé là chỉ những cái cười rất vô tư, hồn nhiên, trong sáng, không ẩn chứa một toan tình gì. Nói vậy, vì theo dân gian, người ta có tới 36 kiểu cười, đa phần các kiểu đều cầu lợi và châm chích cả. Chẳng hạn: Cười xu nịnh, cười cầu tài, cười mỉ mai, cười khẩy, cười dê, cười ngả ngón...

Cười nhu nghé cũng giống như những đứa trẻ sơ sinh, chưa mấy có tác động của môi trường và con người, nhưng do “bà mụ” dạy, tự nhiên cười.

244. Cười sặc gạch

Chắc hẳn gạch ở đây không phải là gạch đá, vì nếu vậy chẳng có nghĩa lý gì. Có lẽ gạch này là gạch – trứng và tinh trùng của hai loài giáp xác là tôm và cua.

Về mặt khoa học thì gạch cua chính là các tế bào sinh dục của loài này. Đối với cua đực thì đó

là hệ thống các tế bào sinh tinh. Còn ở cua cái thì đó là buồng trứng của nó. Với tôm thì gạch đóng thành một dọc vàng ươm ở sống lưng hoặc là một mảng lớn ở đầu.

Trong ẩm thực dân gian, khi nấu riêu cua, mạng kết tua nội cũng được gọi là gạch.

Như vậy, đoán rằng cười tới sặc gạch, cười tới vãi cả trứng cá tinh trùng ra, thì quả là một trận cười ghê gớm, thế gian xưa nay hiếm. Hay là cười (như khuấy động lên) làm tan gạch trong nồi riêu cua. Ở đây cũng phải lưu ý một chút là nếu con gái nấu riêu mà là bể gạch cua thì sẽ bị chê cười đấy.

Theo cá nhân, câu này có vẻ ép vận. *Đánh cho sặc gạch* thì có lý hơn. Nhưng dân gian thì vẫn có lúc tếu táo như vậy.

245. Cứt thằng nào vừa mũi thằng ấy

Nói chung tất cả các thứ cặn bã, bị động vật đào thải ra ngoài bằng đường hậu môn thì đều doráy, bẩn thiỷ, hôi thối, khó ngửi

cả. Các cụ xưa khuyên, *đừng có chọc cứt ra mà ngửi*, thì đủ biết cứt đáng sợ như thế nào. Nhưng tục ngữ Việt Nam cũng có câu:

*Chuột chù chê khỉ rangle hô
Khỉ mới bảo rangle
cả họ mày thơm*

Có nghĩa là mình hôi, mình thối thì không biết, mà lại chỉ trích người ta. Đúng là *cứt thằng nào vừa mũi thằng ấy!*

Nhưng nói đi cũng phải nói lại. Có những con người, những thân phận quanh năm suốt tháng tiếp xúc với những thú hôi thối như cống rãnh, phân người... những thú bịt mũi vẫn còn thấy thối, lâu riết rồi không *vừa mũi* vẫn quen hoặc không còn phản ứng gì, thì thật đáng tội nghiệp, đáng thương!

246. Cửu Vạn

Tên một con bài trong bộ tổ tôm, có hình người đang vác một vật nặng. Có lẽ vì thế mà người làm nghề bốc vác hoặc làm một công việc nặng nhọc thấp bé trong xã hội, cũng được dân gian gọi là đi làm “*cửu vạn*”.

Sau giải phóng miền Nam, lúc đầu từ này để chỉ những người vác hàng lậu qua biên giới Tây Nam. Nay thì cứ bốc vác, nam nữ gì cũng gọi cửu vạn.



Và trong thời kinh tế thị trường, hình như nghề “cửu vạn” phát triển mạnh. Ở chợ Đồng Xuân, chợ Long Biên, chợ Dịch Vọng, Hà Nội; bên sông Ka Long, Móng Cái, hàng chục bến bāi chứa hàng đi Trung Quốc... nơi nào cũng có mặt các “cửu vạn”. Đáng buồn là cái nghề nặng nhọc, vất vả này, nay có nhiều nữ giới tham gia. Và người Việt sang cả Trung Quốc mà bốc vác thuê!

D

247. Darginan

Không có thuốc Darginang, chỉ có Ganidan là một loại thuốc kháng viêm, có thể trị đau bụng, tiêu chảy, viêm họng... “*Đa*” ở đây là nhiều, “*zi*” ở đây chẵng có nghĩa gì, nó như một tiếng đệm cho có vẻ là một loại thuốc. Còn “*năng*” là khả năng. “Darginan” hay “*Đa gi năng*” là nói tới một con người đa năng – có nhiều khả năng, có thể làm được nhiều việc khác nhau.

Ví dụ: Ngọc Hà là cô gái dazinang, lúc xuất hiện với vai trò người mẫu; rồi gặp tại Nhà hát Tuổi trẻ trên cương vị diễn viên kịch hình thể. Và gần đây nhất là cô MC duyên dáng trong chương trình “Lựa chọn thông minh” cùng Thùy Dương và Pha Lê (*Việt Báo* 12/11/2007).

Thời kháng chiến chống Pháp, giai đoạn 1947 – 1954. Lúc đó, các cơ quan, rồi bộ đội đều rút lên chiến khu Việt Bắc để bảo toàn lực lượng, chuẩn bị cho kháng chiến lâu dài. Ở trong rừng – lam sơn chuồng khí, rắn rết, muỗi mòng... rất cần những loại thuốc trị bá bệnh và những con người làm được mọi việc. “Thuốc” *dazinang* và cả những con người *dazinang* xuất hiện vào giai đoạn đó.

248. Dạy toán, học văn, ăn thể dục

Kinh nghiệm của các thầy cô giáo, thì dạy toán là sướng nhất trong giáo dục, vì giáo án gần như khởi soạn, viết lách thì cũng chẳng mệt vì câu cú, có một nói một, có hai nói hai là xong. Còn

với trò là học văn, thầy cô cứ việc thao thao, trò muốn nghe, muốn ghi chép hay không cũng chẳng “chết thằng Tây nào”. Ăn thì thể dục luôn được ưu đãi, cả thầy và trò (các trường TDTT) đều được hưởng chế độ đặc biệt hơn lĩnh vực khác. Ngay thời bao cấp, khi người thường chỉ được 100 gram thịt, 200 gram đường/ tháng, thì sinh viên Đại học Thể dục Thể thao Từ Sơn được hưởng gấp 4 – 5 lần: 500gram thịt và 1.000gram đường/ tháng, gạo cũng tăng cao hơn mấy ký lô.

Vì thế, thời bao cấp có câu thành ngữ: “*Đay toán, học văn, ăn thể dục*”.

249. Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra

Người đầu tiên đưa ra khẩu hiệu (yêu cầu) này là ông Đoàn Duy Thành - nguyên Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam; nguyên Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng CHXHCNVN, Bộ trưởng Bộ Kinh tế Đối ngoại; Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp

Việt Nam - lúc đang làm Bí thư Thành ủy TP. Hải Phòng.

Năm 1982 – 1983, trong một lần làm việc với phường Trần Nguyên Hãn, TP.Hải Phòng về vấn đề vệ sinh môi trường, cụ thể hơn là hố xí (nhà vệ sinh) hai ngăn, làm hố xí tự hoại và bê tông hóa các con đường trong hẻm... Nghe thì có vẻ đơn giản, nhưng thử hình dung lúc đó, nhà nhà hố xí hai ngăn. Tất cả các con đường mọi ngõ hẻm đều là đường đất... Nói cách khác là cần tiền tỷ và hàng ngàn tấn xi măng đóng góp từ dân. Vậy mà đồng loạt dân nghe, hiểu, thông và cùng xắn tay làm với Nhà nước.

Theo ông Đoàn Duy Thành, được vậy là nhờ *dân biết rõ* về những ích lợi cho chính mình của công trình. Và chính *dân bàn* cách thức thực hiện, rồi cũng vẫn là *dân làm, dân kiểm tra* trực tiếp. Vì vậy, chẳng những dân đồng thuận, mà tiến độ công việc rất nhanh, chất lượng tốt và không để xảy ra sơ suất gì.

“Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” chính là cụ thể hóa chủ trương thực hiện công khai, minh bạch và dân chủ, là chủ trương xã hội hóa – Nhà nước và nhân dân cùng làm – huy động sức người, sức của trong dân của Đảng ta.

Cần ghi nhận đóng góp có ý nghĩa to lớn của thực tiễn này. Vì nếu không cụ thể hóa thì mọi chủ trương dù đúng đắn, sáng suốt tới đâu cũng vẫn chỉ... nằm trên miệng, hoặc trên giấy mà thôi.

250. Dân chơi cầu Ba Cảng

Ở vùng Quận 6, Chợ Lớn, cách đây mấy mươi năm, có một cây cầu sắt dành cho người đi bộ.

Cầu có 3 chân, hai chân bắc qua 2 bờ rạch Hàng Bàng (tức rạch Bai Sậy), chân thứ ba bắc qua đường Vạn Tượng. Không có tên chính thức, vì vậy người dân cứ kêu là cầu Ba Cảng. Đây là nơi tụ họp cờ bạc, ăn nhậu và gái gú của các tay anh chị bụi đời. Vì thế địa danh cầu Ba Cảng dần trở nên nổi tiếng. Và những

người nào bị coi là chơi không đẹp, chơi bẩn... đều bị gán cho cái tên: “Dân chơi cầu Ba Cảng”.

Cầu Ba Cảng bị sập vào năm 1990. Còn con rạch Hàng Bàng nay cũng đã thành đường Phan Văn Khỏe.



Nguồn: google.com.vn

251. Dân quyết

“Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” là một phạm trù khác. Còn *“Dân quyết”* thì lại khác. “Dân” đã “quyết” là khởi bàn, cứ thế làm tới, không ngán gì.

“Dân quyết” là tiếng mà dân gian gọi dân chơi có tiền, những tay anh chị các băng nhóm giang hồ, làm gì mà bị kẹt, thì tự quyết bằng tiền, bằng dao búa, súng đạn để được việc. Đụng vào loại này rất nguy hiểm, vì chúng có thể bất chấp luật pháp, đúng sai, và tự *“làm luật”* (xem mục 463).

252. Dấu cù khoai

Dấu ở đây là muốn nói tới con dấu làm bằng gỗ hay đồng, ngà, trên có khắc hình hay chữ để in (đóng) ra làm tin. Có nhiều loại dấu khác nhau, ví như dấu tròn, dấu vuông, dấu hình tam giác... Và tùy loại mà các con dấu cũng có giá trị khác nhau. Thậm chí đóng dấu cũng có nhiều cách, như đóng 1/3 trên chữ ký của người có thẩm quyền ở cuối văn bản. Hay đóng dấu treo, dấu giáp lai... Nói chung là không đơn giản, nói sơ để biết vậy thôi, đấy không phải chuyện kể lể ở đây.

Con dấu, trong Nam gọi là mộc, ngày xưa gọi là triện. Con dấu cũng như thượng phuơng bảo kiếm, có thể thay mặt người đại diện pháp lý để giải quyết các vấn đề trong thẩm quyền liên quan. Vì vậy việc làm và dùng dấu giả có thể tao ra lợi nhuận... trên cả tuyệt vời. Và việc đó xảy ra ở mọi thời.

Xin trích đôi dòng từ truyện *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố để phân nào rõ cái gốc ghêch của cái “triện cù khoai”:

Chị Dậu chờ cho tan con ồn ào, mới dám rón rén bước lại nói với lý trưởng

...

- Đưa văn tự đây ta xem!

Lý trưởng đánh vần hết bức văn tự, liền thở hoi rượu vào mặt chị Dậu :

- Chỉ cần chồng mà ký vào văn tự thôi à?

- Cụ Nghị bắt phải xin triện của ông nhận thực cho nữa. Nhưng con sợ ông, nên chưa dám nói.

Lý trưởng cười nói khinh bỉ:

- Triện của ông có phải cù khoai? Để ông đóng không cho mà đấy chắc!

...

Cuộc đời cũng nhiều chuyện oái oăm, thật như đùa, mà đùa có khi thành thật. Không hiểu những kẻ làm dấu giả có đọc *Tắt đèn* không, nhưng dấu cù khoai (đúng nghĩa đen là làm từ cù khoai) đã xuất hiện ở Hà Nội những năm 1960. Còn bây giờ tinh vi hơn nhiều, dấu giả như thật, bằng gỗ, bằng đồng có tuốt. Và gần như đương nhiên, những

loại giấy giả... ra tiền, như các bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ... cũng liên tục phát triển.

Miễn là có tiền.

253. Dép râu

Thời kháng chiến chống Pháp có một loại dép mới xuất hiện và không chỉ theo chân những anh bộ đội mà cả những cán bộ, lão dân Việt cho tới qua cả thời chống Mỹ. Loại dép này cũng thuộc loại độc nhất vô nhị, vì khắp thế giới, chỉ có nó là có râu. Và chính những cái râu này cũng tạo nên sự độc đáo, bền bỉ của đôi dép. Các quai dép không mẩy khi bị đứt mà chỉ sút ra khi bị co kéo quá mức. Và chỉ cần lấy cái xỏ dép, thậm chí bất cứ vật gì có thể rút “cái râu” qua các lỗ dép là xong. Nếu dép rộng quá, nấm râu kéo xuống, hẹp quá lại rút bớt lên là ổn.

Dép râu, chính là đôi dép cao su, dép lốp mà để cắt ra từ những vỏ, còn quai là từ ruột xe ô tô.

Thời chống Mỹ, Trung Quốc có viện trợ cho ta những đôi dép cao su đúc, đẹp hơn, nhưng

không bền, không tiện lợi, nên chỉ mấy chàng sinh viên, anh cán bộ dùng.

Có một vụ liên quan tới dép râu, khá ly kì nhưng... không hấp dẫn.

Nghe đâu, vào những năm 1965 – 1970, Việt Nam có thương vụ mua lốp ô tô cũ của Nhật. Và nói rằng mua về làm dép cao su để đi. Các cái đầu kinh tế của Nhật, ngồi cộng trừ nhân chia liền. Kết quả, nếu tính cả những trẻ sơ sinh tới các ông bà lão của Việt Nam (lúc đó miền Bắc khoảng 30 triệu dân), đều đi dép cao su thì số vỏ xe Việt Nam mua về cũng sử dụng cả trăm năm không hết. Và thế là... khi Việt Nam mua các lốp xe của Nhật vèchỉ có thể làm dép, làm vỏ xe cải tiến... còn thì cứ chất đống dọc đường 5 (Hà Nội – Hải Phòng), sang cả tới Hà Bắc.

Nhật đã cho cắt hết tanh (vòng thép cạp chung quanh mép vỏ để giữ vỏ xe bám chắc vào niềng bánh xe) các vỏ xe cũ, trước khi bán cho Việt Nam.

254. Dê, dê cụ

Từ “dê”, “dê cụ”, hay “máu dê” thường được dùng để chỉ những người đàn ông hám gái, Nhung tại sao người ta lại dùng từ “dê” để ám chỉ vậy? Lại có người thắc mắc: Con người chỉ có 4 nhóm máu: O,A,B và AB. Tại sao ở đàn ông còn xuất hiện thêm máu D (dê)?! Theo tích cũ, bên Trung Quốc, Thời Võ Đế, ông có rất nhiều cung tần mỹ nữ. Do nhiều quá nên ông không biết chọn ai. Đêm đêm, ông thường lên một chiếc xe do dê kéo, khi dê dừng trước phòng cung nữ nào thì tối đó ông ngủ với người đấy. Do vậy, các cung nữ thường tìm mọi cách để dê dừng trước phòng của mình. Họ hay rắc lá dâu hoặc bông so đũa là những thứ mà dê rất thích. Có lẽ vì vậy, mỗi khi người đàn ông muốn làm chuyện ấy với ai thì người ta lại liên tưởng đến hình ảnh con dê. Đây là một hình ảnh xấu, ám chỉ việc không đứng đắn và chung thủy, ham muộn về tình dục hơn là tình yêu.

255. Dê trắng dê đen (vui)

Nhạo mấy MC văn hóa lùn... nhưng lại thích màu mè, truyện kể “Hai con dê” trong sách Tập làm văn, cấp 1, được cải biên: *Hai con dê trắng và dê đen cùng qua một cây cầu, chúng không chịu nhường đường, rồi húc nhau và đều lăn xuống khenh. Nhung không con nào làm sao cả. Vì “Con khenh ta đào chưa có nước chảy qua...”. Mời quý vị nghe bài hát “Con khenh ta đào” của nhạc sĩ Phạm Tuyên...* Một lời dẫn khác: *Chim nào mà chẳng có lông, sau đây điệu múa Chàm-rông bắt đầu.*

256. Di tản



“Di tản”, là lánh đi, dời đi ở hẳn một nơi khác, thường rất xa. Với cuộc di tản của những người Việt sau 30/4/1975, là

những chuyến ra đi khỏi tổ quốc của mình.

Di tản tháng 4 năm 1975 được hiểu là hành động rời khỏi Việt Nam theo cách chính thống và có tổ chức. Khi ấy, nhiều đợt rời khỏi Việt Nam của các nhân viên, gia đình các đại sứ quán và công ty nước ngoài được các cơ quan Hoa Kỳ và các nước đồng minh tổ chức. Bắt đầu từ ngày 29 tháng 4 năm 1975, Tổng thống Hoa Kỳ Gerald Ford đã chính thức ra lệnh khởi động chương trình “Frequent Wind” để *di tản* quân nhân, nhân viên dân sự Hoa Kỳ và một số người Việt đã từng cộng tác hay có liên hệ với chính phủ Hoa Kỳ và Chính phủ Việt Nam Cộng hòa để rời khỏi Việt Nam. Cùng thời điểm này, rất nhiều người Việt ở miền Nam cũng đã quyết định *di tản* theo chương trình trên nhưng có thể bằng phương tiện riêng. Chương trình *di tản* “Frequent Wind” trên nguyên tắc chỉ kéo dài từ 11 giờ 08 chiều ngày 29 tháng 4 đến

đúng 4 giờ 30 ngày 30 tháng 4 năm 1975 - khi người lính Mỹ cuối cùng được trực thăng bốc khỏi Sài Gòn và trụ sở của Sở Tùy viên Quốc phòng (Defence Attachés Office, DAO) của Hoa Kỳ.

Cuộc di tản ở Sài Gòn diễn ra hối hả trong hoảng loạn suốt đêm 28, ngày 29/4 và đến tận sáng 30/4/1975. Các máy bay vận tải quân sự C-130 và các máy bay trực thăng liên tiếp chở người Mỹ và các quan chức, binh lính Chính quyền Sài Gòn cùng gia đình họ ra tàu sân bay Mỹ ngoài khơi. Chiếc trực thăng chở Đại sứ Mỹ Martin rời Sài Gòn lúc 5 giờ sáng ngày 30/4. Chiếc trực thăng cuối cùng chở người di tản từ nóc nhà Đại sứ quán Mỹ cất cánh lúc 7 giờ 53 phút.

Khoảng 5 giờ 30, lữ đoàn xe tăng 203 QĐNDVN vượt cầu Tân Cảng tiến vào thành phố.

Đến trưa cùng ngày, Chính quyền Sài Gòn sụp đổ, Tổng thống Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng vô điều kiện. (*Theo Báo Tiền Phong*)

257. Dinh tê

Để bảo toàn lực lượng và chuẩn bị cho kháng chiến lâu dài, từ sau đêm 19 tháng 12 năm 1946, Chính phủ VNDCCH đã tiến hành đợt “tổng di chuyển” triệt để, rộng lớn ra khỏi Hà Nội.

Quân chính quy Việt Minh cũng được lệnh rút, chỉ để lại các đơn vị Tự vệ chiến đấu, Công an xung phong và Vệ quốc đoàn phối hợp với nhân dân Hà Nội tổ chức đánh trả và kìm chân quân Pháp.

Các cơ quan Trung ương Đảng, Chính phủ, Quốc hội, Mặt trận, Bộ Tổng chỉ huy di chuyển lên An toàn khu (ATK) Việt Bắc. Đêm 17 tháng 2 năm 1947, trung đoàn Thủ đô rút quân khỏi Hà Nội. Tuy nhiên, có một số người không chịu nổi những khó khăn gian khổ ở chiến khu, tìm đường trở về Thành. Hành động đó được gọi là “dinh tê”.

“Dinh tê” xuất xứ từ tiếng Pháp *entré*, nghĩa là đi vào, bước vào. Bỏ kháng chiến trở về thành Hà Nội lúc đó là về với Pháp. Vì vậy những người “dinh

tê” lúc đó cũng bị coi là những người đào ngũ, phản bội.

Sau tiếp quản Hà Nội (1954) một thời gian, chữ “dinh tê” chỉ còn dùng để chỉ khi hòn bi vào lỗ hoặc vòng tròn, trong trò chơi đánh bi của trẻ con.

258. Dính chấu

Bu – gi xe máy, có một cái chấu, nếu bị muội bám đen, hay dơ là sẽ không nẹt lửa được và xe sẽ không nổ máy, không chạy được. Hiểu theo nghĩa bóng là thua. Và trong những trường hợp như mua nhầm thịt thối, gà bệnh... nói chung là đồ giả, kém chất lượng, nhưng phải chịu giá cao... đều có thể coi là bị “dính chấu”. Ôm đất, nhưng không nuốt trôi được, cũng coi như “dính chấu”. Bị gái làng chơi đồ bệnh cũng là “dính chấu” đấy.

259. Dòng Tôn thất

Theo dân tình, ở nước ta có dòng “Tôn thất”, nhưng lại không phải là dòng họ hàng vua chúa gì, mà “thất” ở đây nghĩa là “không”, nhầm chỉ trích những trái ngược

diễn ra trong một số ngành, ở một số nơi, khó chấp nhận.

Chẳng hạn “Tôn thất học” – không có học, là Giáo dục. “Tôn thất đức”, là y tế. Câu “luong y như từ mẫu” nay còn phải xem... có tiền không đã. Không có tiền, không nhập viện, không có tiền không mổ... “Tôn thất nghiệp” – không có việc, thuộc LĐTBXH...

260. Dốt chuyên tu, ngu tại chức

Theo *Từ điển NXB KHXH* 1994, trang 191: Chuyên tu là lớp học bồi dưỡng chuyên về một môn; trang 712: Học tại chức là đang ở chức vụ mà đi học. Để nâng cao trình độ nghiệp vụ, chuyên môn cho cán bộ, việc tổ chức học nâng cao là đúng đắn. Về phía CBCNV, đã đi làm, mà lại lăm le thăng quan tiến chức, thì cũng rất cần một mảnh bằng lận lưng. Mục đích và nhu cầu là vậy, nhưng thực tế thì lại diễn ra ngoài ý muốn. Các lớp chuyên tu, tại chức luôn làm cho có lệ. Người dạy thì cho xong, người học thì cho có, nên... bằng thì lấy được mà chữ không chắc đã hơn gì.

Câu “dốt chuyên tu, ngu tại chức” là hoàn toàn chính xác. Và đó chính là hồi chuông cảnh tỉnh cho ngành giáo dục đào tạo.

261. Du lịch bụi

Du lịch bụi” hay còn gọi là *du lịch ba lô*, tiếng Anh: Backpacking Tourism, là loại hình du lịch thường được các cá nhân hay một nhóm nhỏ áp dụng. Hình thức này phù hợp cho việc khám phá thiên nhiên và trải nghiệm cuộc sống thường ngày của dân địa phương. Hoàn toàn khác với hình thức đi tour, du khách sẽ bị bó buộc trong một khung gian và phải bị giới hạn thời gian lịch trình của chuyến tour.

262. Dũng cảm (vui)

Có một cuộc thi cấp độ thế giới, tìm người dũng cảm. Kết thúc thi ý tưởng, lọt vào vòng chung kết chỉ còn một anh Nhật, một anh Mỹ và một anh Việt Nam. Anh người Mỹ trổ tài đầu tiên, rút súng kê sọ, bắn cái đùng, tầu hũ và máu văng tung tóe,

khiến giám khảo và bà con khán thính giả rú lên vì kinh hãi. Sau khi ban tổ chức thu dọn chiến trường, anh Nhật bước ra hùng dũng với thanh trường kiếm trong tay, gặp người cúi chào cù tọa. Song với tinh thần võ sĩ đạo, anh hét to một tiếng rung rinh cả khán phòng, tuốt kiếm sáng lòe, nhanh như chớp rạch bụng và từ từ moi nấm ruột giơ ra trước mặt cho mọi người thấy, rồi ngã lăn ra tắt thở.

Từ hàng ghế khán thính giả, tới ban giám khảo đều thán phục hô: Bis! Bis!....

Nhưng chỉ có những người phục vụ lặng lẽ bước lên khen ngợi anh tử sĩ vào trong.

Tiếng ban tổ chức xướng to:
Mời thí sinh Việt Nam lên trình diễn. Im lặng, không nghe hứ hé gì. Ban tổ chức kêu tới lần thứ ba mới thấy hai người khệ nệ bê một cục sắt tròn to đùng đùng giữa sân khấu. Lúc này mới thấy một anh loắt choắt từ từ bước ra, trên tay cầm thanh kiếm nhỏ, rồi từ từ ngồi xuống bên cạnh cục sắt, đặt luôi kiếm lên. Mọi người nín

thở, đoán già đoán non: A! Hắn ta dùng thanh kiếm báu chém sắt như chém bùn để biểu diễn đây. Nhưng anh ta không chém mà khoan thai kéo cái kiếm đó qua lại trên cục sắt.

Ai cũng lạ lùng, làm cái gì mà như là kéo cưa vậy. Mà đúng, hắn đang cưa thật. Còn cái cục sắt kia là, là... Ô, đó là quả bom! Đúng rồi, mà tại sao hắn lại cưa bom nhỉ? Bỗng khán phòng ôn ào hết cả lên: Chết rồi, nó cưa bom mà nổ thì toi hết thõi. Người ta nghe tiếng ghế bật lên rào rào. Các thành viên ban giám khảo mồ hôi con, mồ hôi mẹ túa ra như tắm. Trên sân khấu nhịp cưa ngày một nhanh, tiếng cưa ngày một rít lên rợn gáy...

Thật may, trưởng ban giám khảo tuy đã té ra cả quần, nhưng vẫn đủ sức la lên: Thôi, dùng ngay! Dừng lại ngay! Anh nhất rồi, nhất rồi!...

Thế là vận động viên Việt Nam, một anh ve chai, chuyên cưa bom lấy sắt vụn đã giành giải nhất thế giới về dũng cảm và được ban tổ chức tặng một vé

số may rủi, nếu hên sẽ trúng cả tỷ đồng.

263. **Dựa cột**

Tiếng lóng, chỉ những người phạm pháp bị xử tử hình: bị “*dựa cột*” khi thụ án.

264. **Dzách lâu, số dzách,**

Dách, tiếng Hoa (Tiều) nghĩa là một, là nhất. *Số dách* là số một, đứng đầu. *Dách lâu* là hạng nhất. *Dách lâu mậu phô* là hạng trên hết không có gì bằng, là thượng hảo hạng. Những tiếng trên rất thông dụng ở miền Nam, trong sinh hoạt cũng như trong giao dịch buôn bán của cả người Hoa và Việt, đặc biệt ở vùng Chợ Lớn, từ trước 1975 đến giờ.

265. **Đá bóng**

Từ này chỉ có trong đá bóng và nó đồng nghĩa với *bắn chim* (*xem mục 87*). Vì đá bóng thì giải quyết vấn đề gì? Chỉ có thể là kỹ chiến thuật còn non, hoặc trong lúc lấn bấn phá đại, muốn đi đâu thì đi.

266. **Đá cuội**

Đây là một từ ghép. “*Đá*” là đá banh, đá bóng. “*Cuội*” là thằng Cuội trong chuyện dân gian, chuyên dối trá. “*Đá cuội*” chỉ những cầu thủ, có khi là chỉ cả một đội bóng, đá gian dối, đá không trung thực. Nói cách khác có thể là bán độ, hay bất mãn vì một lý do nào đó như ăn uống, sinh hoạt không tốt; không thuận với huấn luyện viên. Nhưng thường thì do bán độ.

267. **Đá lên**

Từ “*đá*”, ngoài chỉ các loại hóa thạch, đá gà, đá với nghĩa là dùng chân tác động một lực vào vật nào đó, một cách có chủ đích, còn có đá cá lăn dưa, đá thủng đụng nia, tõ thái độ bức dọc, tức giận, có những cử chỉ thô bạo; đá đít, bỏ không chơi, thải không còn quan tâm... Tuyệt nhiên, không hề tìm thấy từ ngữ nào trong từ điển tiếng Việt liên quan tới *đá lên*.

Đá lên thật ra không phải là đá, mà là nâng, là đỡ. Đời là vậy, nhiều lúc nói vậy mà không phải

vậy. Ở ta thiếu gì trường hợp làm không được việc, hỏng việc, thậm chí nghe công bố kỷ luật, hoặc thuyên chuyển đi nơi khác, nhưng rồi sau đó lại thấy được thăng quan, tiến chức. Như vậy chẳng phải cho ăn đá, mà là *đá lên sao*.

Dân gian quả là... chỉ được cái nói đúng.

268. Đá nguội

Nghĩa là đánh người (phạm lỗi) khi không có bóng.

Từ này vốn chỉ có trong bóng đá, nhưng cuộc đời cũng giống như một sân chơi – thi đấu. Vì thế trong cuộc sống cũng không thiếu gì trường hợp đá nguội. Chẳng hạn sếp đi đâu đó về, nhân viên không phạm lỗi gì, nhưng bực tức vô lý phang đại, giống như giận cá chém thớt vậy, cũng có thể coi là “*đá nguội*”

269. Đại học...

Nói lái của *đại học* là *học đại*, học thí, học cho xong, tới đâu tính tới đó.

Câu đùa vui đó xem ra, nay lại rất có lý đối với cả người dạy, người học và ở một chừng mực nào đó là cả trên bình diện xã hội... Người dạy bây giờ ít chăm chút tới công việc giảng dạy, vì còn để chữ về nhà mở cua, hay kiếm thêm chút cháo (*xem mục 428*) nơi khác. Trường thì mối lo thường trực là số lượng đầu vào, mở thêm mā ngành... Còn trò thì miễn làm sao “qua được cầu” là xong, bèn gì đã có “phao cứu hộ” (*xem mục 612*). Phụ huynh học sinh, nhiều người sẵn sàng bỏ tiền mua bằng chứ không phải mua chữ cho con, rồi tới các cơ quan khi tuyển dụng cũng chỉ nhìn mảnh bằng, chứ không căn cứ vào năng lực – Nhưng quy định trên là vậy!

Nếu giáo dục là quốc sách, thì *học đại* là hạ sách, có thể ảnh hưởng tới kinh tế quốc dân và cả văn hóa nước nhà mỗi ngày một nặng nề hơn.

270. Đạm bạc

Ngày xưa, nói ăn uống “*đạm bạc*” là hiểu trên mâm cơm chỉ có rau

dưa, mắm muối, nói chung chẳng có gì đáng tiền. Ngày nay, cái sự ăn uống cũng hay phô trương, nhưng có lẽ nhiều đại gia, quan bé, quan lớn vẫn “nhớ cái thưở hàn vi”, hoặc khiêm tốn... giả, nên khi mở lời mời khách vẫn quen miệng: “Mời bác, mời anh dùng với nhà tôi bữa cơm đậm bạc”.

Tất nhiên, nhìn lên mâm cơm, người ta hiểu ngay rằng, “đậm” ở đây là protit, còn “bạc” ở đây là vàng là bạc đấy.

Dân gian dùng câu “Ăn uống đậm bạc” để chỉ trích những kẻ trong lúc dân có nơi còn thiếu ăn, thiếu mặc, mà họ vẫn có những bữa cơm, bữa tiệc linh đình, mà nếu chi phí đó cho một hộ nghèo có thể sống hàng tháng, có khi là cả năm.

271. Đánh quả

Đánh quả là làm một phi vụ kiếm tiền nào đó. Trúng quả là chỉ sự thành công của vụ làm ăn. Đây là tiếng lóng của dân phe, dân trộm cắp, móc túi; xuất hiện ở Hà Nội từ khoảng những năm 1960.

Không rõ nguồn gốc. Chẳng hiểu có phải xuất phát từ mâm quả, quả đựng sinh lê trong Lễ ăn hỏi, còn được gọi là lễ đính hôn theo phong tục hôn nhân truyền thống của người Việt không? Nhưng theo đó, sau khi nhận lễ vật, nhà gái sẽ để lại cho nhà trai, thường thì một nửa số lễ vật, tục này gọi là lại quả. Còn ở đây không chờ lại quả mà “đánh” – *thuổng – cuỗm* quả luôn.

272. Đánh võng

Chỉ kiểu chạy xe, thường là xe máy, lặng qua, lách lại giống như người ta đua võng. Từ này được báo chí đưa ra vào khoảng năm 2000, và trở thành ngôn từ chính thức trong các biên bản của công an về các trường hợp chạy xe lặng lách vi phạm luật lệ giao thông, gây nguy hiểm cho người đi đường.

273. Đạo văn

Từ điển Tiếng Việt, NXBKHXH, 1988, có 27 chữ đạo, trong đó có: Đạo, là đường lối, nguyên tắc mà con người có bốn phật

gìn giữ và tuân theo trong cuộc sống xã hội; Đạo đức, là những tiêu chuẩn, nguyên tắc được xã hội công nhận, quy định hành vi, quan hệ của con người đối với nhau, với xã hội, là phẩm chất tốt đẹp của con người. Cũng có đạo tắc, chỉ bọn trộm cướp. Dân gian còn có thêm đạo chích, chỉ bọn chích choá, ăn cắp. Như vậy là sách và đài chỉ ra có hai loại đạo. Một loại cho những người sống có nguyên tắc, có đạo đức. Một loại là quân ăn cắp, trộm cướp.

Đạo văn là một chuyện có từ xa xưa trong sinh hoạt đài sống con người. Đặc biệt, đối với Việt Nam, gần đây, xem ra càng ngày càng nặng thêm. Từ nạn ăn cắp văn, ăn cắp nhạc, rồi tới ăn cắp cả công trình khoa học.

Theo Báo *Tuổi Trẻ*, chỉ trong hai ngày 23 và 24-5-2012, các tạp chí chuyên ngành vật lý quốc tế đã gõ bỏ ba bài viết của thạc sĩ Lê Đức Thông, nâng tổng số bài bị rút vì đạo văn của ông này lên đến con số 7 trong vòng hai năm. Cái tên Lê Đức Thông thời gian

qua đã quá nổi tiếng với chuyện đạo văn. Còn VietNamNet.vn, ngày 7/10/2013:

Bộ GD-ĐT đã có quyết định giao cho Vụ Giáo dục Đại học tham mưu cho Bộ trưởng Bộ GD-ĐT tiến hành thu hồi bằng tiến sĩ của ông Hoàng Xuân Quế với lý do sao chép luận án của người khác.

Chẳng hiểu vụ đạo văn đầu tiên ở Việt Nam xuất hiện từ năm nào, nhưng từ đạo văn đã có từ rất lâu, mà tra Từ điển Việt Nam không thấy có!?

274. Đào vừa ra hoa...

Bài ca Kachiusa – tên dàn hoả tiễn đã gieo bao kinh hoàng cho quân Đức Quốc xã thời chiến tranh vệ quốc của Liên Xô – nói về nỗi lòng một cô gái (Katerin) có người yêu ra trận, hẹn anh ngày trở về. Những người thích đùa Việt Nam, không rõ cụ thể là ai, đã đổi lời với những ý vui vui, ngô ngô:

*Đào vừa ra hoa người ta
mới kêu là hoa đào
Đào vừa ra bông người ta
mới kêu bông đào*

*Đào đốt lên cháy ra tro
kêu là tro đào
Bón lên thành cây người ta
mói kêu cây đào
Đường mà đi lên người ta
mói kêu là lên đường
Đường mà đi qua người ta
mói kêu qua đường
Đường khó đi chung ta
mói kêu là đi đường
Đến khi làm thơ người ta
mói kêu thơ Đường
Nhà mà đang xây người ta
mói kêu là xây nhà
Nhà mà đang sơn người ta
moi kêu sơn nhà
Nhà bán đi sống lang thang
kêu là không nhà
Có má ở bên thì ba
mói kêu là nhá
Cầu mà đang xây người ta
mói kêu là xây cầu
Cầu mà xây xong người ta
mói kêu là cây cầu
Cầu uốn cong bắc qua sông
kêu là Sông Cầu
Chúng ta mà đi người ta
cũng kêu đi cầu
Đời mà lên hương người ta
mói kêu là lên đời*

*Đời mà qua đi người ta
mói kêu là đi đời
Đời thầm tui hát ca vang
kêu là yêu đời
Có thai rồi sinh người ta
mói kêu ra đời*

275. Đặc sản tươi sống

Đặc là đặc biệt, sản là sản vật, *đặc sản* là chỉ những món ăn có nguồn gốc đặc biệt, được chế biến công phu và đặc sắc, ngon lành. Cũng có thể hiểu là sản phẩm đặc biệt của một địa phương, như hoa quả đặc sản, cửa hàng đặc sản (TĐTV, NXBKHXH, 1988). Cũng thi đặc sản, mà để cũ đi, hết đất, thiu thối như đồ ăn thức uống, thì cũng vứt đi. Vì vậy, các nhà hàng ăn uống sau này lại thêm chữ *tươi sống* cho chắc ăn.

Luận theo ý nghĩa của từ ngữ, các tay ăn chơi thấy cũng còn loại không thể bỏ qua, phải bổ sung. Đây là các em chân dài (xem mục 178).

Và thế là đi ăn đặc sản tươi sống lại có thêm nghĩa là đi kiếm, đi chơi gái loại sang.

Cụm từ này xuất hiện từ khoảng những năm 1990, ở Sài Gòn, thời gian mà cuộc sống đã dễ thở hơn, các nhà hàng đặc sản đua nhau mở ra. Và gái gú, bắt đầu lộ ra các em chân dài.

276. Đắp chiếu (trùm mền)

Cụm từ này xuất hiện từ thời có xe máy, những chiếc Honda nhập vào Nam Việt Nam (1965). Trước nay người ta chỉ thấy những xe Mobylette, Solex cũ, nay nhìn những chiếc Honda mới coong, bóng lộn, đèn đỏ đèn xanh... thấy mà ham. Có người mê quá mua liền nhưng không biết đi, hoặc lớn tuổi muốn mua để dành cho con cái, nên sau khi đem xe từ h้าง về, ngắm nghía đã, xong là... lấy mền trùm lại để bảo quản. Những đồ dùng quý giá, như một phần gia tài, chẳng hạn như xe hơi, tivi, cassette... chưa dùng tới, hoặc xài (dùng) kỹ, người ta cũng có giải pháp “trùm mền” – “đắp chiếu”.

Như thế, nói tới đồ còn “trùm mền”, nghĩa là nói đồ đó

còn mới nguyên, chưa hề đem ra sử dụng.

Ở miền Bắc, thời bao cấp, giai đoạn 1954 – 1975, xe đạp không chỉ là phương tiện cá nhân phổ biến, tiện dụng nhất, mà còn có thể coi là tài sản đáng giá nhất của mỗi cá nhân. Vì vậy, nó được bảo quản kỹ càng: Có đăng ký số khung (sườn) ở công an; được chủ nhân thường xuyên lau chùi, cân chỉnh. Và có khi còn mắc màn (mùng) để “chống muỗi” cho nó.

277. Đâm sau lưng chiến sĩ

Nói: *đâm sau lưng*, nghĩa đen thì quá rõ. Từ điển thành ngữ tiếng Việt, trang 256, cũng ghi: *Đâm dao sau lưng*, và giải nghĩa là: Ngấm ngầm gây hại. Nhưng ở đây cần lưu ý, ngoài thành ngữ sách vở *đâm sau lưng*, còn có thêm từ “chiến sĩ”.

Khi ta gọi ai đó là chiến sĩ, cũng có nghĩa là người đó là anh em, đồng chí với mình. Còn đối phuơng thì gọi là giặc, thằng giặc, quân giặc. Như thế, đâm sau lưng chiến sĩ có thể hiểu là

đâm sau lưng, là lén lút hại đồng đội mình, anh em mình, để tranh công, hoặc trốn trách nhiệm, là hành động đê hèn, bỉ ổi.

Nhung bây giờ nhiều kẻ tiểu nhân lại tự biện hộ:

*Quân tử phòng thân
Không bằng tiểu nhân đâm lén*

278. Đấu tranh



Các Mác (Karl Heinrich Marx) sinh 5 tháng 5 năm 1818 tại Trier, nước Đức mất 14 tháng 3 năm 1883 tại Luân Đôn, Anh, là nhà tư tưởng, nhà kinh tế chính trị, nhà lãnh đạo cách mạng của Hiệp hội Người lao động Quốc tế.

Marx cùng Friedrich Engels sáng lập Chủ nghĩa Xã hội Khoa học.

Ông là người có một tình cảm rất tốt đẹp với bạn bè và gia đình, vợ con.

Có một lần con gái Mác hỏi cha: Quan niệm của cha về hạnh phúc? Ông trả lời: Hạnh phúc là đấu tranh.

Luận điểm của Mác, sự vật và hiện tượng luôn tồn tại những mâu thuẫn. Và chính sự đấu tranh giữa các mặt đối lập làm cho sự vật, hiện tượng phát triển (*Tù điển Triết học giản yếu*, NXBĐ-THCN, Hà Nội – 1987). Nhưng qua kinh nghiệm thực tế, dân gian lại thấy một khía cạnh khác. Từ xưa thời phong kiến, đế quốc, thực dân đến nay, *đấu tranh* luôn đi cùng với những phiền toái, thiệt hại cho cá nhân. Nhẹ thì bị khiển trách, nặng có khi đi tù.

Chính vì vậy từ *đấu tranh* được dân tình nói lái thành *tránh đâu*. Đã *đấu tranh* thì đừng than trách tại sao lại bị thế này, thế nọ. Lê tự nhiên là vậy mà.

279. Đầu đất... sét

(Đầu) bã đậu, củ chuối, là những loại bỏ đi, nhưng còn có thể dùng nấu cám heo, còn là có cái xài. Chứ đầu đất sét, một loại đất không có tí mùn nào và cũng không thoát nước. Bất cứ một sinh vật nào cũng không thể nẩy mầm trên đất này. Một cái đầu nhét toàn những thứ như vậy, đặc kít lại thì chữ nghĩa nhét vào đâu được.

Dân tình chỉ trích những kẻ ngu dốt, muốn bổ đầu ra cho chữ nghĩa vào cũng không được, là đầu đất sét.

Cụm từ này có sau cụm từ đầu bã đậu, củ chuối. Có lẽ, vì thấy có kẻ còn tệ hơn nhiều.

280. Đầu chép...

Phải nói các cụ ta xưa ăn uống thật là tinh tế. Không chỉ phân biệt các loại cá ngon như chim, thu, nhụ, đé, mà trong từng loại cá còn xác định những phần ngon vượt trội hơn hẳn các giống khác. Và các cụ phán rằng, Đầu chép, mép trôi, môm mè, ghe (lườn) chấm.

Ai đã ăn riêu đầu cá chép mới thấy hết cái ngon khó cưỡng của nó. Cái béo mà không ngậy, nạc mà không sảm, mềm mà không nhão, khiến đầu cá chép chiếm lĩnh vị trí hàng đầu trong các loại đầu cá.

Còn mép trôi, môm mè dày, lắm mỡ béo, mềm, thơm. Và ghe (có sách ghi là lườn) cá trắm, nơi vừa có thịt, có mỡ lại săn chắc hơn các loại cá khác nên ăn rất vừa miệng, nhất là với các vị trung niên trở lên.

281. Đầu đội nồi áp suất...

Trước và sau thống nhất đất nước một thời gian, ngày Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu chưa tan rã, sinh viên Việt Nam đi du học chủ yếu ở Nga. Lúc đó đất nước còn nhiều khó khăn, nên đi đâu người ta cũng ki cóp tha hàng về tổ. Hàng ở Nga đem về lúc đó được giá nhất là đồ điện gia dụng, như bàn là (bàn ủi), giây may so (dùng cho bếp điện), vòng bi máy móc, nồi áp suất... Vì vậy, khi du học sinh về nước thường

mang lǐnh kǐnh đủ thứ: *Đầu đội
nồi áp suất*

*Chân đi bàn là
Trông xa cứ tưởng là ma
Đến gần mới biết
ở Nga vừa vè.*

282. Đầu đường Thiếu tá...

Đất nước thống nhất, chiến tranh chấm dứt, bộ đội xuất ngũ trở về rất nhiều. Người ở quê lại về đi cày. Người ở thành thị... cày đường nhựa để kiếm thêm ít tiền phụ giúp vợ con. Vì vậy mới có cảnh:

*Đầu đường Thiếu tá bom xe
Cuối đường Đại tá
bán chè đậu đen.*

Sau khi ra đời, hai câu thơ trên có thay đổi và thêm thắt, nhưng tựa chung vẫn là nói về chuyện “*nước sông công lính*”, với những hình ảnh nghịch cảnh, nghịch tình về những người đã một thời hy sinh xương máu bảo vệ tổ quốc:

*Đầu đường Đại tá bom xe
Cuối đường Thượng tá
bán chè đậu đen
Giữa đường Trung tá
bán kem*

*Trong làng Thiếu tá
thổi kèn đám ma.*

Người biên soạn cuốn sách này, cũng có một ông chú Đại tá đi bán chè đậu đen. Năm 1995, tôi có nói với ông: Chú làm vậy không thấy xấu hổ à?! Ông trả lời: Có gì mà xấu hổ, mình lao động chính đáng mà. Ông còn nói thêm: lúc đầu cũng khó chịu vì cứ nghe người ta nói ra nói vào, nhưng chính Trung tướng Giáp Văn Cường, Tư lệnh Hải quân và Trung tướng Bàng Giang khi thấy chú vậy thì tỏ ra rất áy náy, động viên: *Thôi kê người ta, chịu khó kiếm thêm cho các cháu ít gói mỳ tôm, có thêm tiền cho các cháu đi học, mình có ăn cắp, ăn trộm đâu mà ngại!*

283. Đầu nậu

(Theo nguồn honque.net)

Năm 1611, phủ Phú Yên gồm hai huyện Đồng Xuân và Tuy Hòa được thành lập. Năm 1629, nâng cấp thành dinh Trần Biên. Dưới dinh có các cấp huyện, dưới huyện có cấp thuộc, dưới thuộc

là các đơn vị hành chính nhỏ hơn như Phường, *Nậu*, Man.

Nậu là tổ chức quản lý một nhóm nhỏ cùng làm một nghề, người đứng đầu gọi là *nậu*. Ví dụ: “*nậu nguồn*” chỉ nhóm người khai thác rừng, “*nậu nại*” chỉ nhóm người làm muối, “*nậu rổi*” chỉ nhóm người bán cá, “*nậu ró*” chỉ nhóm người đánh cá bằng ró vùng nước lợ, “*nậu cấy*” chỉ nhóm người đi cấy muôn, “*nậu vựa*” chỉ nhóm người làm mắm...

Do sự phát triển của xã hội Đàng Trong, năm 1726, các đơn vị hành chính như “Thuộc”, “Nậu” bị xóa bỏ.

Khái niệm cấp hành chính “Nậu” được biến nghĩa dùng để gọi người đứng đầu trong đám người nào đó.

Thế nhưng sau 30 tháng 4, từ *đầu nậu* lại bị hiểu là một người đứng đầu thu gom, bán buôn không hợp pháp một mặt hàng nào đó.

Thời gian 1975 – 1980, thương lái thì bị gọi là gian thương, tư nhân đầu mối bán sách báo bị gọi là *đầu nậu*. Và cũng bị đối

xử như những kẻ làm trái pháp luật, góp phần không nhỏ cùng với việc *ngăn sông cấm chợ*, làm ách tắc lưu thông hàng hóa.

284. Đầu óc ngu si...

Cái đặc trưng của những người làm công tác thể dục thể thao là sử dụng cơ bắp, thi khéo léo, nhanh, mạnh... nói chung là thường dùng sức, (có vẻ) ít động não. Vì vậy bị coi là: “*Đầu óc ngu si, tút chi phát đạt*”. Nhưng có lẽ điều đó chỉ đúng với Việt Nam, khi cái gì trong thể thao cũng rối tinh, nhất là bóng đá.

285. Đầu tó nhân dân



Đầu tó của dân hay *Công bộc của dân* là những cụm từ chỉ trách nhiệm và nghĩa vụ của người lãnh đạo, của viên chức nhà nước. Khái

niệm viên chức nhà nước là *công bộc của dân*, trong tiếng Anh là “*servant of the people*” có nguồn gốc từ tiếng Latinh “*servus*” có nghĩa là nô lệ, có lẽ được bắt nguồn đầu tiên từ nền dân chủ Athena, Hy Lạp thời cổ đại.

Nhà hiền triết Ấn Độ Kautilya viết trong cuốn sách *Arthashastra* (“Luận về bốn phận” mà một số tác giả nước ngoài thường dịch là “Khoa học chính trị”) của ông vào thế kỷ thứ 4 trước công nguyên: “*Vua chúa (người lãnh đạo) nên tìm hiểu cho tốt, không phải về những gì ông ta muốn, mà người dưới quyền ông ta muốn gì*”. “*Vua chúa (người lãnh đạo) là một đầy tớ được trả lương và chia sẻ tài nguyên quốc gia chung với mọi người*”.

Tại Việt Nam, thời phong kiến, “quan là cha mẹ của dân”.

Ca dao Việt Nam có câu:

Con oi nhớ lấy câu này

Cuóp đêm là giặc,

cướp ngày là quan.

hoặc:

Một người làm quan,

cả họ được nhờ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thư gửi “Ủy ban Nhân dân các tỉnh, huyện và làng” được đăng trên báo *Cứu Quốc* số ra ngày 17 tháng 10 năm 1945, viết: “*Chúng ta phải hiểu rằng, các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh vác việc chung cho dân chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật. Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân ta phải hết sức tránh. Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta*”.

Tuy nhiên, hiện nay, “*Một người làm quan, cả họ được nhờ*” vẫn là quan niệm rất phổ biến trong người dân Việt Nam. (Nguồn: Wikipedia).

Trong thảo luận về cải cách thủ tục hành chính của Quốc hội sáng 9/11/2010, (Theo *Dân trí*): Sự chậm trễ, cửa quyền, sách nhiễu, tiêu cực, tham nhũng trong giải quyết thủ tục hành chính vẫn là những tồn tại.

Nói theo đại biểu Phạm Thị Hải (Đồng Nai), sự phục vụ tận tụy từ “đầy tú” của nhân dân còn là vấn đề... rất xa. Đại biểu Lý Kiều Vân (Quảng Trị) cho rằng, một cửa nhung nhiều khoá, nhiều ngách, giảm thủ tục này, lại để thêm thủ tục kia, rồi sách nhiễu, tham nhũng...

286. Đẻ không đau (vui)

Về thành tựu khoa học vũ trụ, Mỹ công bố đã phóng thành công tên lửa lên Sao Hoả, chính xác tới từng cm. Báo giới hỏi cụ thể là cách điểm dự kiến là bao nhiêu, Mỹ trả lời: 20cm. Còn Nga công bố đã đưa vệ tinh lên mặt trăng thành công và cũng chính xác tới từng cm. Cụ thể hơn là cách 20cm.

Việt Nam công bố đã thành công công trình nghiên cứu khoa học đẻ không đau. Báo giới hỏi đẻ ở đâu. Trả lời ở rốn. Mọi người ngạc nhiên, hỏi: Là sao? Trả lời: Xin lỗi, có nhầm lẫn chút xíu, xin đính chính là... cách rốn, xuống dưới 20cm.

287. Đẹp trai...

Thời chúng tôi học đại học (1966), sinh viên chia đẹp trai làm ba loại: Một là, đẹp trai con nhà giàu – khôi giả thích. Hai là, đẹp trai kiểu buồn cười – cũng mũi cao, mắt sáng, người tầm thường, nhưng trông nó cứ ngố ngố thế nào ấy. Và ba là, đẹp *trai kiểu thời chiến*, đa số như vậy, trông rất bụi.

Lẽ dĩ nhiên đẹp trai con nhà giàu là nhất xú. Nhưng bây giờ thì “vô duyên trong túi có tiền vẫn hơn”.

288. Đẹp trai không bằng chai mặt

Áy là nói chuyện tán gái, và cũng phải nói luôn là “chai mặt” ở đây không mang nghĩa xấu. Không phải là lỳ lợm, chai lỳ. Có lẽ nó cũng na ná như “trông cây si”.

Cái tính kiên trì, đeo bám đối tượng, lúc vui cũng như lúc buồn; lúc sung sướng cũng như lúc khó khăn hoạn nạn... rõ ràng là cái anh “chai mặt” hơn anh đẹp trai lâu lâu mới xuất hiện và mọi thông tin về nàng thì chẳng

biết gì. Mà nếu nhầm lúc nàng gặp khó mà chàng lại... ra tay nghĩa hiệp, thì “đẹp trai không bằng *chai mặt*”, có lẽ càng đúng.

289. Đẹp trai 12 hàng thót

Câu trên xuất xứ ở Hà Nội từ thời Pháp thuộc. Nhưng tra cứu trong *Hà Nội 36 phố phuờng xưa* không thấy có phố nào là “*Phố Hàng thót*”. Chỉ thấy các cụ nhiếc mấy cậu thanh niên vô duyên, kệch cỡm, người ta không ưa nhưng cứ lăng vào là: “*Cái đồ mặt dày*”, “*cái đồ mặt thót*”. Chắc vì thế mà Hà Thành có thêm phố hàng thót! Còn con số 12 ghép vào chỉ cho nó có vần, ví như 22, 32... cũng được vậy.

290. Đẹp trai và... mặt rõ

Từ xưa dân gian đã có câu:

*Đẹp trai trong túi không tiền
Vô duyên trong túi
có tiền vẫn hon.*

Vào cái thời xe máy không chỉ là một phương tiện đi lại tối cần thiết, mà còn là một trang sức có khả năng làm đẹp mặt gia chủ thì mấy chàng choai choai

lập luận có cơ sở: Đẹp trai đi bộ không bằng mặt rõ *đi Dream*.

Thực sự bây giờ không ít nàng chỉ có “*Giác mo*” được ngồi sau những chiếc xe hộp giá trị, cong lưng, nhón gót, ngược mặt nhìn thiên hạ vút qua.

291. Đêm trước đổi mới



Ảnh nguồn Wikipedia.org

Được xác định là từ đầu thời kỳ bao cấp (*xem mục 79*), chính xác hơn là từ giai đoạn 2 của thời kỳ này (1964 – 1975, ở miền Bắc; 1975 – 1986, trên cả nước), đến trước thời kỳ đổi mới 1986. Cụm từ ngữ “*Đêm trước đổi mới*” xuất hiện đầu tiên trên Báo *Tuổi Trẻ* từ 30/11/2005, với loạt phóng sự 10 bài có chung một tít chính như vậy, kéo dài đến 10/12/2005. Và bên cạnh đó còn nhiều tin tức liên quan như: *Gần 100 cuộc phá*

rào trong kinh tế, Nhớ những ngọn đuốc của đêm trước đổi mới, Sưu tầm, trưng bày về Hà Nội “đêm trước đổi mới”, Nỗi “lo” ngay sau “đêm trước”, Bài học “đêm trước” còn nguyên giá trị...

Và sau đó còn có cả một cuộc triển lãm quy mô về “Thời kỳ bao cấp”, tổ chức ở Bảo tàng Dân tộc học Hà Nội, vào tháng 6/ 2006.

“Đêm trước đổi mới” chỉ những bất cập, những trói buộc của cơ chế quản lý quan liêu bao cấp, duy ý chí, kìm hãm phát triển xã hội, khiến cuộc sống nhân dân vô cùng khó khăn, đồng thời cũng chỉ ra những nhân tố mới, những quyết định đúng đắn của Đảng, Chính phủ đưa đất nước ra khỏi cuộc khủng hoảng phi mã, vượt lên thành một trong những nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới.

292. Đến hẹn lại lên

Vốn là tên một bộ phim sản xuất năm 1974 ; đạo diễn Trần Vũ, Một tác phẩm nổi tiếng của điện ảnh Việt Nam những năm 1970, một câu chuyện đầy cảm động

quanh số phận người con gái miền quê quan họ, thời trước Cách mạng tháng Tám.

Yêu nhau qua những canh hát quan họ, nhưng không lấy được nhau mà còn bị dồn ép, tới mức phải trốn khỏi làng...

Câu quan họ “*Người oi người ở đừng về*”, khiến ai cứ day dứt, cứ mong ước “*Đến hẹn lại lên*”.

Chuyện phim là vậy, nhưng chuyện đời cũng mong muôn, cũng hy vọng, chuyện gì đã hứa hẹn thì nhớ giữ lời. Và đã thỏa thuận với nhau việc gì đó, thì họ thường giao ước: *Nhớ nhé, đến hẹn lại lên nhé!*

Trong khi đó lại có những vấn đề, sự việc, không thể hẹn trước được, lộ bí mật có thể bị chấn lại, thậm chí có khi bị bắt nhốt. Nhưng quái đản là cứ đến hẹn, đến dịp là lại lên, lại xuất hiện. Ví như giá vé tầu lửa, xe khách, máy bay, cù lê Tết là tăng giá. Buôn lậu, hàng si da cứ cuối năm là ì xeo.

293. Đi bán muối

Theo *Từ điển Hán Việt*, NXB TP.HCM – 1989, từ “Diêm” có

nghĩa là “muối”, “diêm dân” là người sống bằng nghề làm muối. Thời Pháp thuộc ở Việt Nam, thực dân nắm độc quyền sản xuất và bán muối, nếu phát hiện người dân nào tự sản xuất và bán muối, thì người ấy sẽ bị xử tử hình.



Muối lúc đó thuộc hàng quốc cấm và rất hiếm, nhất là trên các vùng cao. Bọn thổ phỉ thường tìm cán bộ Việt Minh cắt đầu cho Pháp đổi lấy muối.

Có lẽ cụm từ “*Đi bán muối*” xuất hiện từ đó.

Cũng có người cho rằng cụm từ này xuất hiện khoảng những năm 1970, khi phim Hồng Kông lồng tiếng Việt tràn lan vào miền Nam.

“*Diêm Vương*” là vua coi địa ngục, không có gì liên quan tới “*đi bán muối*”.

294. *Đi bão*



Không phải đi né bão, tránh bão, mà là... tạo ra bão.

Từ và hiện tượng *đi bão* xuất hiện đầu tiên trong mùa SEA Games lần thứ 25, năm 2008, sau trận VN thắng Sing 4 – 1, dân thành phố Hồ Chí Minh đổ ra đường, với cờ, còi, trống, thậm chí cả nồi niêu, xoong chảo, gõ ầm ĩ trên khắp đường phố. Đám thanh niên hăng máu hon, phóng xe, rồng rắn, rượt đuổi hò hé tinh như điên... Và chính họ gọi đó là *đi bão*.

Năm 1989, từ 20 đến 31/8, nước Việt Nam thống nhất lần đầu tiên dự SEA Games, và trận chiến thắng 8-0 trước U.23 Brunei lúc 16 giờ ngày 12.11.2011, U.23 VN tạm thời vươn lên xếp vị trí nhất bảng B... cũng là những dịp bão nổi lên ở Sài Gòn do dân tình *đi bão*.

295. Đi chạy sô (show)

Đừng nhầm “sô” với nghĩa là “xô đẩy, xô ra” như trong tiếng lóng “sô hàng”, nghĩa là đưa ngực, đưa mông ra khoe với thiên hạ.

“Sô” ở đây là “Show”, theo tiếng Anh, có thể hiểu là “chương trình” như trong “music show, fashion show”... là những buổi “trình diễn ca nhạc, thời trang”.

“Đi sô” là tham gia biểu diễn một chương trình ca nhạc, thời trang nào đó. Với những người mẫu, ca sĩ nổi tiếng, có khi trong cùng một ngày nhận vài ba “sô”, chỉ cách nhau ít giờ nên nhiều khi phải “chạy sô”, là vậy. Với Việt Nam “sô”, còn có nghĩa là nhận làm một công việc nào đó. Chẳng hạn “đi dạy sô”. Đi đám cưới, đám ma cũng được gọi là “đi sô”, nhưng “sô”, này không ăn tiền mà ra tiền.

296. Đi Chí Hòa

Ở TP.HCM nay có một số địa danh cùng tên trên đường Cách Mạng Tháng Tám, có chữ Hòa, cần phân biệt.

Người ít nhiều quan tâm về sử học, biết có Đại đồn Chí Hòa, do tướng Nguyễn Tri Phương sai dựng để chống Pháp, từ 8/1860 đến 2/1861, nằm trong địa phận làng Chí Hòa và Phú Thọ, dọc theo rạch Nhiêu Lộc, lấy con đường đi Tây Ninh (đường Cách Mạng Tháng Tám ngày nay) làm trung tâm để xây dựng chiến lũy.

Thời thuộc Pháp khám Chí Hòa là một nhà tù tại số 1 đường Hòa Hưng Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Khu vực này thời đó còn là ngoại ô thành phố. Nơi đây đã giam giữ những tù phạm chính trị chống lại chế độ thực dân Pháp. Trong thời Mỹ, đây là nơi chính phủ Việt Nam Cộng hòa giam giữ Việt Cộng. Ngày nay, đây là nơi tạm giam dành cho các bị can trong các vụ án trên địa bàn TP.HCM.

Hiện nay, dọc đường Cách Mạng Tháng Tám, từ dưới chợ Bến Thành đi lên, qua khóm ngã ba Tô Hiến Thành, chừng 100 m là chợ Hòa Hưng. Nhiều lúc nói đi qua chợ Hòa Hưng mà bác tài

taxi cứ tò tò chở đi tới đường Hòa Hưng, là vào Trại giam Chí Hòa.

Vì một tội lỗi gì đó mà vào năm ở trại giam Chí Hòa, thì người ta thường ngắn gọn: *Nó đi (vào) Chí Hòa rồi.*

297. **Đi chui**

Sau 30/4/1975, Việt Nam chấp thuận cho những người, trước phục vụ cho Mỹ và Việt Nam Cộng hòa, nếu có bảo lãnh hợp thức, được rời khỏi Việt Nam sang định cư ở một nước khác.

Nhưng rồi có những người nghe theo xúi giục, cũng có những tổ chức phá hoại hoặc trực lợi đã tổ chức những chuyến đi vượt biên trái phép, khiến tình hình trở nên phức tạp. Những người đi như vậy được gọi là “*đi chui*”.

Đơn cử một vụ tổ chức *đi chui* có quy mô lớn, diễn ra trong thời gian dài gây hậu quả nghiêm trọng.

(*Pháp lý online, Tháng Hai, 2013*) – Nguyễn Hữu Giộc, nguyên Giám đốc Công an Đồng Nai bị truy tố với nhiều tội danh.

Trong đó có tội tổ chức đưa người trốn đi nước ngoài trái phép; Tội tham ô tài sản XHCN (thu và chiếm đoạt 1.979 lượng vàng); Tội nhận hối lộ; Tội cố ý làm trái nguyên tắc, chính sách, chế độ, thể lệ kinh tế gây thiệt hại nghiêm trọng tài sản XHCN.

Ngày 1/11/1984, Hội đồng xét xử tuyên bản án sơ thẩm, đồng thời chung thẩm số 01-HS/SCT, tử hình Nguyễn Hữu Giộc và Vũ Cao Thanh. Còn một số bị cáo khác bị tuyên phạt tù có thời hạn.

298. **Đi không dấu, nấu không khói...**

Pháp xây dựng đường 9 vào năm 1930. Đường 9 có một vị trí địa lý rất quan trọng về mặt chiến lược. Con đường này đi qua 2 nước: Việt, Lào từ Đông sang Tây. Năm 1959, khi ở miền Nam diễn ra chiến dịch “tố cộng, diệt cộng”, những người lính Việt Minh không thể chịu nổi sự đòn áp, bắt bớ, giam cầm của chế độ Ngô Đình Diệm, nên họ đã nỗi dậy, tự vũ trang để đánh lại. Để nấm bắt tình hình chiến sự ở

miền Nam, đường mòn Hồ Chí Minh đã thiết lập. Trong giai đoạn đầu (1959 - 1964), tuyến đường này phải tuyệt đối giữ bí mật vì nó nằm trong vùng kiểm soát của Việt Nam Cộng hòa. Và để giữ bí mật trong lúc vượt qua đường 9, những người giao liên đi trên con đường này có một câu khẩu hiệu rất nổi tiếng, và cũng rất hiệu quả trong chiến đấu: *Đi không dấu, nấu không khói, nói không tiếng*.

Đường 9 hiện nay là một phần tuyến hành lang kinh tế Đông – Tây dài 1.450 km liên kết 4 nước Việt Nam - Lào - Thái Lan và Myanmar.

299. Đi lên từ tiêu điều - cà phê tiêu điều

Sau năm 1975 cây điều, cây tiêu được phát triển mạnh, sau đó trong Nam xuất hiện một cụm từ khá ấn tượng, dễ nhớ, và luôn đúng: “*Đi lên từ tiêu điều*”. Dân tình lý sự, sau chiến tranh đúng là (nhiều nơi) chúng ta đi lên từ đổ nát tiêu điều. Bây giờ cây tiêu, cây điều được xác định là

cây chiến lược. Vẫn đúng vậy. Một thời gian sau cây cà phê cũng được xác định là cây tròng chủ lực, thế nên cụm từ trên được hiệu chỉnh: *Cà phê tiêu điều*. Cũng chính xác luôn.

Tính theo niên vụ cà phê (từ 1/10/2011 đến 30/9/2012), Bộ NNPTNT ước tính khối lượng xuất khẩu đạt 1,6 triệu tấn, với kim ngạch đạt trên 3 tỷ USD. Như vậy, xuất khẩu cà phê năm 2012 của Việt Nam cả về khối lượng, cả về kim ngạch đã đạt đỉnh cao nhất từ trước tới nay và lần đầu tiên đã vượt Brazil đứng đầu thế giới.

Khối lượng điều xuất khẩu tính đến đầu quý 4/2012 đạt 212 ngàn tấn, đưa Việt Nam đứng thứ 2 thế giới về xuất khẩu nhân điều.

Và theo báo cáo của Hiệp hội Hỗ tiêu Việt Nam (VPA), giai đoạn 2011-2013, xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam liên tục tăng trưởng cao, từ sản lượng 118.416 tấn năm 2011 tăng lên mức 134.000 tấn năm 2013, chiếm 50% sản lượng tiêu xuất khẩu của toàn thế giới, kim ngạch

ước đạt 899 triệu USD. Tiêu Việt Nam hiện có mặt tại hơn 80 quốc gia, vùng lãnh thổ.

Tuy nhiên, nhiều cái tăng mà lại... giảm. Theo các nhà chuyên môn, điều xuất khẩu quý 4/2012 bị thiệt hại hơn 90 triệu USD. Quy ra tiền Việt, tổng mức thiệt hại xuất khẩu mặt hàng điều so cùng kì năm ngoái lên đến hơn 180 tỉ đồng.

Từ đầu 2013, giá xuất khẩu tiêu của Việt Nam thấp hơn 5 lần so với mức giá bình quân của thế giới. Nên càng xuất càng thua thiệt lớn.

Giacaphe.com – Dữ liệu báo cáo, tháng 11/2013 của Tổng cục Hải quan cho biết xuất khẩu cà phê trong tháng này chỉ đạt 80.372 tấn, giảm 25,6 % so với cùng kỳ năm trước và giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt 143,35 triệu USD, giảm 26,2 % so với cùng kỳ năm trước.

Có một điều chắc chắn là chúng ta có thể đi lên, hay nói chính xác hơn là chúng ta có thể (và cần) mạnh hơn từ cà phê – tiêu – điều.

300. Đi mò tôm

“Cho *đi mò tôm*”, *tiếng lóng* là thủ tiêu, người nào đó, chứ chẳng liên quan gì đến con tôm cả; “*mò tôm*”, bỏ vào bao liệng xuống nước. *Đi mò tôm* là thủ tiêu người ta bằng cách bỏ bao bố liệng (ném) cho chìm xuống nước... Ngày xưa ở bên Tàu cũng có lệ, con gái không chồng mà chưa, hoặc lăng loàn, thì bỏ rọ heo ném xuống sông cho chết trôi.

Cho “*đi mò tôm*”, là một trong những biện pháp thủ tiêu những người kháng chiến, gây hoang mang cho dân chúng của thực dân Pháp.

301. Đi mua đường

Phải nói luôn khỏi nhầm lẫn, mất thì giờ. Không phải là mua đường về nấu chè, pha nước chanh, nước cam...

Có nhưng người không thuộc đường xá, cứ đi lòng vòng lèo vèo mới tới nơi định đến. Bây giờ lại có nhung ông xe ôm, ông taxi biết khách không thuộc đường, hoặc cố tình bắt bí khách, cứ tìm đường mà chạy cho xa ra để tính km.

Những chuyện như vậy đều gọi là đi mua đường – mua thêm đường cho con đường dài thêm ra.

Tuy nhiên đây là hai trường hợp hoàn toàn trái ngược nhau. Trường hợp không biêt, không thuộc đường thì đáng thương. Trường hợp cố tình để ăn thêm tiền của người ta thì thật là thiếu văn hóa, đáng trách, đáng lên án, làm cho hình ảnh Việt Nam xấu đi trong mắt du khách.

302. Đi ngủ với giun

Con giun được coi là cái máy xói đất, trước và ngay cả khi nhà nông có cái cày. Nó làm cho đấttoi, xốp và tăng độ phì nhiêu. Nhưng đáng buồn là nó không có mắt và suốt đời sống tối tăm trong lòng đất.

Đi ngủ với giun là xuống đất mà ngủ giấc ngàn thu. Là chết, là *đứt bóng*, *đi Văn Điện* (xem mục 307), đi đời nhà ma, *đi bán muối* (xem mục 294)....

303. Đi ở (hàng)

Nói về tình trạng của một đồ dùng trước kia của mình, nay vì

lý do nào đó phải bán đi – Cho nó “*đi ỏ*” rồi. Có ba lý do cho hàng “*đi ỏ*”. Một là, chán không dùng nữa. Hai là, bán để mua cái khác tốt hơn. Ba là, khó khăn, túng quẫn đành phải vạy. Cụm từ này dùng nhiều cho dạng thứ ba. Và “khó khăn, túng quẫn” ở đây thường roi vào các con nghiện đói thuốc mà nhăn túi. Hoặc những tay cờ bạc đang “khát nước”. Lúc đó họ sẵn sàng cho mọi thứ “*đi ỏ*” không cần xét thiệt hơn, miễn là có ngay tiền để giải quyết vấn đề.

304. Đi tàu bay giấy

Tàu bay đến giờ vẫn thuộc loại phương tiện chuyên chở khách hiện đại nhất, sang trọng nhất và cũng đắt tiền nhất. Thế nên được đi tàu bay là sướng rồi.

Chẳng thế mà bầu Đức, ông chủ Hoàng Anh Gia Lai Đoàn Nguyên Đức, năm 2008, đã bỏ 5,1 triệu USD để mua trực thăng. Tiếp đó năm 2009, ông chủ Hòa Phát, Trần Đình Long, cũng chi ra 17,4 tỷ đồng để mang về một chiếc máy bay, nói phục vụ công việc của doanh nghiệp.

Thế nhưng ai cũng biết còn một loại máy bay nữa mà thời bé chúng ta vẫn tự làm, rồi thi nhau ném lên trời xem máy bay ai bay xa, bay lâu. Và trong nghệ thuật gấp giấy Origami của Nhật có đủ mẫu, từ máy bay trực thăng, máy bay chiến đấu...

Nhưng rõ ràng dù được gọi là máy bay, và những chiếc máy bay này có đẹp thế nào, bay xa tới đâu cũng chỉ là máy bay giấy, không chở người được, cũng chẳng làm được gì khác.

Thế nên nói cho *đi tàu bay giấy*, là tâng bốc, thổi phồng một ai đó lên mây xanh.

305. **Đi tàu ngầm**

Không phải nói tới cái tàu chạy ngầm dưới nước mà Việt Nam đặt mua 6 tàu của Nga, năm 2009, với hợp đồng trị giá 2 tỷ đô la, nhằm tăng cường lực lượng phòng vệ Biển Đông. Đây là một hình thức tra tấn dã man của thực dân Pháp với những người cộng sản, từ những năm 1930. Dùm người bị tra tấn xuống nước cho không thở được, tới khi ngất xỉu.

Ở Sài Gòn, xưa có một loại bánh mỳ que, ba – ghết (baguette), mà người Mỹ cũng gọi *tiếng lóng* là *tàu ngầm*. Dân Sài Gòn chính hiệu nói loại bánh mỳ này là độc chiêu riêng có của Sài Gòn.

306. **Đi tàu suốt**

Thời chống Pháp, bị địch bắt mà cho *đi mò tôm* hay *đi tàu suốt* là kể như mất mạng, cũng giống như bị thủ tiêu. Thời chống Mỹ, ở miền Bắc, từ những năm 1965 – 1970, đi tàu suốt lại có nghĩa là tiễn, là chia tay luôn, không gặp lại. Ví dụ, khi đề cập tới chuyện tìm hiểu mà cương quyết cự tuyệt, người con gái nói: *Ôi, cái lão già ấy, em cho đi tàu suốt rồi.*

Sau miền Nam giải phóng, có những chuyến tàu đi xuyên Bắc – Nam cũng được gọi là tàu suốt.

307. **Đi Văn Điển**

Hà Nội vốn có hai nghĩa trang lớn là Mai Dịch, dành cho những vị có công lớn với cách mạng, và nghĩa trang Văn Điển. Vì vậy, lâu rồi, ai đó quyên thì gọi đơn giản là “*Đi Văn Điển rồi*”.

Sau, câu này được dùng phổ biến cả nước.

Văn Điển lúc đâu dành cho dân, sau thế giới âm cứ nở ra, dân phải lên Bất Bạt, Sơn Tây.



(Nguồn: Thanhnienn online)

Những năm 1980, cả nước thiếu điện trầm trọng, cắt cúp là chuyện thường xuyên không báo trước và khi có thì cũng chập chờn, khiến tất cả như phát điên lên. Và báo chí miền Nam đã ché chử rất hay, phản ánh đúng cả về chữ nghĩa và về tính chất của ngành điện trong giai đoạn đó: “Điên... nặng”.

Nhung sang năm 2011, thi người “điên nặng” chính là dân. Còn ngành điện... quá khôn, nhung...không ngoan. Theo Báo *Thanh Niên*: Ngày 19/11/2011,

người dân bàng hoàng khi Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) công bố “Không tăng giá điện, EVN sẽ vỡ nợ”. Tiếp theo sau đó là làn sóng phẫn nộ của dư luận dien ra khắp mọi nơi. Trả lời về vấn đề này, Thứ trưởng Bộ Công Thương Hoàng Quốc Vượng cho biết: *năm nào cũng lỗ nặng, năm sau lỗ nhiều hơn năm trước*. Nhưng có một điều nghịch lí là mặc dù lỗ nặng nhung lương của ngành điện vẫn cao ngất ngưởng. Theo kết luận thanh tra tài chính năm 2010 tại EVN của Kiểm toán Nhà nước, thu nhập bình quân toàn công ty mẹ - tập đoàn - là 13,7 triệu đồng/ tháng.

Theo một nguồn tin của Báo *Thanh Niên*, “khối văn phòng có nhiều người thu nhập hàng tháng tới 70 - 90 triệu đồng, riêng cấp lãnh đạo cao hàng tháng thu nhập trên 100 triệu đồng... Có anh chơi máy tính cả ngày mà lương 30 - 40 triệu đồng/ tháng thì vô lý quá”. Khôn (gian) quá, không điên chút nào!

309. Điện Biên Phủ trên không

Điện Biên Phủ vốn được gọi là Muồng Thanh, từ chữ Muồng Then theo tiếng dân tộc Thái nghĩa là “Xứ Trời”. Đây là “đất tổ” của nhiều ngành Thái ở Đông Nam Á.

Các muồng thuộc Muồng Thanh xưa gồm: Muồng Phăng, Muồng Nha, Muồng Luân, Muồng Lèo, Muồng Lói nay thuộc Điện Biên.

Tên gọi Điện Biên do vua Thiệu Trị đặt năm 1841 từ châu Ninh Biên; *Điện* nghĩa là “kiến lập”, *Biên* là biên giới, biên ải. Phủ Điện Biên thời Thiệu Trị gồm 3 châu: Ninh Biên, Tuần Giáo và Lai Châu.

Năm 1954, quân đội Việt Nam do tướng Võ Nguyên Giáp chỉ huy, sau 57 ngày đêm chiến đấu đánh tan cứ điểm Điện Biên Phủ của thực dân Pháp, góp phần quan trọng kết thúc vai trò của người Pháp ở bán đảo Đông Dương, giành độc lập cho nửa nước Việt Nam. Chiến thắng Điện Biên Phủ làm chấn động địa cầu và được xem là

chiến thắng lừng lẫy nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta.

Năm 1972, Mỹ cho máy bay, trong đó có cả máy bay ném bom hạng nặng, pháo đài bay B52, bắn phá miền Bắc, Hà Nội. 12 ngày đêm chiến đấu anh dũng, ngoan cường (từ 18-12 đến 29-12-1972), quân dân Hà Nội đã lập một chiến thắng thần kỳ: bắn rơi 23 máy bay B-52, bắt sống nhiều phi công Mỹ... Sau sự kiện này, Tổng thống Mỹ phải tuyên bố ngừng ném bom trên toàn miền Bắc Việt Nam từ 30-12-1972, đi đến việc ký kết Hội nghị bốn bên về “chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam” tại Paris ngày 27-1-1973.

Dư luận thế giới coi đây là một “*Điện Biên Phủ trên không*” (*QDND, 19/12/2010*).

310. Địt (vui)

Ở gia đình nọ, chẳng hiểu vì lý do gì, cứ sinh con ra chưa đầy năm là đứa trẻ lại chết. Lần nay lại sinh con trai, cả nhà, cả họ vừa mừng vừa lo, mới hỏi thấy.

Bấm độn xong, thầy phán: Mấy lần trước đặt tên đẹp nên bị ma quỷ bắt đi, nay hãy tìm tên xấu mà đặt cho nó. Nhà tin theo mới đặt thằng bé tên là Địt. Địt, tiếng Bắc là đánh rám, con tiếng Nam là... ấy, ấy...

Thằng Địt hay ăn, chóng lớn và qua một tuổi, rồi hai tuổi vẫn khỏe mạnh, cứ lúi lo ríu rít, vui nhà vui cửa suốt ngày. Đi đâu, cha mẹ cũng cho thằng Địt đi. Ấy thế mà... tự nhiên một ngày bình thường như mọi ngày, thằng Địt lại tự nhiên lăn ra chết. Cả nhà thương khóc quá trời.

Đám ma thằng bé khá to, và người ta than khóc tung bừng. Ba thằng bé không cầm được nước mắt, than lớn: Ôi, con oi là con! Còn nhớ khi Địt sống, Địt lên bà ngoại, Địt xuống bà nội, Địt vô lối xóm. Böyle giờ Địt chết rồi còn đâu mà Địt nữa Địt oi! Mọi người xúc động cùng họa theo: Còn đâu mà Địt nữa Địt oi!.

311. Đói (Vui +biếm họa)

Trong một cuộc thi vẽ biếm họa, đề tài thể hiện nghèo đói. Có ba

họa sĩ vào chung kết. Một anh vẽ một con cò, đứng gục mõ trên đồng ruộng khô nứt nẻ. Anh khác vẽ một người nghèo đói gio xương, và một anh vẽ chữ m, được trùm lên bởi một cái lười như màng nhện, với chú thích: *Thời gian*. Ban giám khảo lúc đầu ngó tới ngó lui hoài, nhưng càng ngắm càng thấy giống một cái mông chổng lên trời. Và cái màng nhện chăng lên vùng khu đất. Chính xác như vậy. Thế là không biết đã bao nhiêu ngày trong bụng không có gì, cơ thể không đào thải gì, đến mức màng nhện đã chăng kín hậu môn. Bức tranh này dù không đẹp nhưng đã đoạt giải nhất, vì vô tiền khoáng hậu.

312. Đóng thuế ngu

Có nhiều việc, ta không lường hết trước được, vì vậy nhiều lúc tưởng được hóa thua, tưởng thắng hóa bại. Binh pháp Tôn Tử xưa có nói: Biết địch, biết ta trăm trận trăm thắng. Không biết rõ mạnh yếu của ta, của địch thì thua là lẽ thường tình. Chuyện này không cứ gì trong

chiến trận mà trong làm ăn, giao tiếp... cũng vậy.

Tuy nhiên, sự đòn không giản đơn như thế. Có cái ta biết mươi mươi là đúng, tưởng cứ thế mà làm, ai dè... Chẳng hạn, giấy tờ nhà đất – sổ đỏ, nộp hồ sơ xin học cho con..., đúng hết đấy, nhưng cứ yên tâm chờ, thì... đến mùa quýt mới xong. Rồi, mấy bác xe tải không chung chi dù là đúng; cảnh sát giao thông thổi phạt cứ cái dù ta không sai... là lãnh đủ cả.

Nếu thua thiệt về tiền của, công sức như vậy gọi là *đóng thuế ngu*, thì đúng không? Ta đâu có ngu và ta cũng không sai! Đúng vậy, nhưng như trên đã dẫn. Và như vậy, nhiều chuyện trên đòn này chỉ có được – không được và cho – không cho, chứ không có đúng sai, phải trái. Không hiểu lẽ đó là... ngu. Và, *đóng thuế ngu* là đúng.

Thành ngữ *đóng thuế ngu*, không phải chỉ cái sự ngu, ra đòn vào khoảng những năm 1990, và cho đến giờ càng ngày càng có vẻ đúng hơn.

313. **Đòn mắt mang hình viên đạn**

Vừa tốt nghiệp khoa thanh nhạc và sáng tác của Nhạc viện Hà Nội, Trần Tiến cho ra đòn ca khúc *Những đòn mắt mang hình viên đạn*, mùa xuân 1979, đúng thời điểm chiến tranh biên giới Tây Nam nổ ra. Lời bài hát thật sâu sắc và ý nghĩa, cùng nét nhạc bi hùng, như xoáy vào tim người nghe, làm cho nó thốn thúc theo bước chân người lính, gương mặt của những bà già, trẻ em chạy giặc. Nhất là những *đòn mắt đen xoe tròn, những đòn mắt mang tiền biệt, những đòn mắt mang hình viên đạn, sáng lên, cháy lên muôn triệu viên đạn...* Thôi thúc *Người chiến sĩ hãy giữ lấy/Bắn tan quân xâm lược dã man.*

Khi chiến tranh biên giới qua đi, với bản tính hài hước, thích đùa của dân Việt, “*đòn mắt mang hình viên đạn*” lại mang một ý nghĩa khác, chọc quê những người đụng chút thì cát bắn, mắt cứ lườm lườm, nguýt nguýt, trông không thân thiện chút nào.

Hoặc trách cứ vui một người
đang giận hờn gì đó: Thôi, đừng
mang *đôi mắt hình viễn đạn* nữa.

314. **Đổi mới**

“*Đổi Mới*” – bắt nguồn từ “*Perestroika*” có nghĩa là “*cải tổ*”, là một chính sách thay đổi chính trị và kinh tế, do TT Gorbachev Liên Xô khởi xướng, tiến hành từ năm 1986 đến năm 1991. Đến đầu những năm 1990, cải tổ đã dẫn tới khủng hoảng trong mọi mặt cuộc sống xã hội và Liên Xô, cùng một số nước XHCN Đông Âu tan rã.

Ở Việt Nam, công cuộc “*Đổi mới*” chính thức thực hiện từ Đại hội Đại biểu Đảng lần VI, năm 1986. Và đã tạo được những đột phá, đưa Việt Nam dần thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế. 1986: Bắt đầu thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

1/3/1987: Giải thể các trạm kiểm soát hàng hóa trên các tuyến đường nhằm thúc đẩy lưu thông hàng hoá.

12/6/1988: Nghị quyết bỏ hẳn chính sách hợp tác hóa nông

nghiệp để tăng giá sản xuất (thực hiện khoán 10).

1989: Việt Nam đã xuất khẩu gạo đứng thứ 3 thế giới(sau Thái Lan và Hoa Kì)

2006: Đại hội đại biểu toàn quốc lần X của Đảng Cộng sản Việt Nam chấp nhận cho đảng viên làm kinh tế tư nhân.

7/11/2006: Việt Nam là thành viên chính thức thứ 150 của Tổ chức Thương mại Thế giới.

Từ ngữ này hay bị lạm dụng thái quá, gần như thành câu cửa miệng của các sếp lớn, sếp bé. Ngay cả việc “nhỏ nhu con thỏ” cũng gọi là “*đổi mới*”!

315. **Đổi tên địa phương (vui)**

Có lẽ do vấn đề địa dư, hoặc do phong thuỷ, hoặc do ý muốn chủ quan của con người, mà nước Việt ta trong nhiều thập kỷ qua, các tỉnh thành cứ lúc chia, lúc nhập. Nội một tỉnh Hưng Yên thôi, mà thời Pháp là Hưng Yên, thời bao cấp sáp nhập Hải Dương thành Hải Hưng, rồi tới thời kỳ đổi mới lại tách ra như cũ thành Hưng Yên và Hải Dương.

Tách nhập, nhập tách riết khiến có noi, có lúc ngay cả hội đồng hương cũng không biết triệu tập họp ra sao.

Tất nhiên, đó là việc của *triều đình*, dân tình không dự được, chỉ lo xa, có những cái tên đứng yên lành thì không sao, mà khi ghép vô với nhau lại... sinh chuyện.

Chẳng hạn: *Cần Thơ* sáp nhập với *Tiền Giang* thành *Cần Tiễn*. *Củ Chi* (hồi nào cứ thắc mắc là củ gì?) nay sáp nhập với Hóc Môn, thì rõ ràng là *Củ Môn*, *Quảng Bình* với Hà Tĩnh thành... *Bình Tịnh*. Còn cái này mới thật là... điên luôn: *Đắc Lắc* ghép với *Kon Tum* và *Plây Cu* thành: *Lắc...*

316. Đồi xứng

Để lịch sự, kín đáo chút, người ta nói lái đi: “*Đồi xứng*”, là “*đứng xối*”. “*Đứng xối*” là *đứng tè*. Ở Malaysia, mấy anh hướng dẫn viên du lịch cho các đoàn Việt Nam có cách nói bóng gió rất hay, chêch nghĩa hoàn toàn nhưng vẫn hiểu: Trong đoàn có ai đi *karaoke* không? Nghĩa là có

đi vệ sinh không? Mọi người đều cười vui và ai cũng hiểu, vì đó là trạm dừng chân giữa đường.

317. Đồi 2 triệu USD



Đồi Túc Dụp, tên chữ là Phụng Hoàng Sơn, cao 216 mét, diện tích trên 2km² có chu vi hình cánh cung dài khoảng 3km, là một ngọn của núi Cô Tô thuộc xã An Túc, huyện Tri Tôn, nằm trong dãy Thất Sơn. Trong thời kỳ chống Mỹ, quân dân An Giang đã chiến đấu giữ vững ngọn đồi trong trận chiến 128 ngày đêm liên tục vào năm 1968 - 1969, tiêu diệt gần 2.700 tên, phá hủy 11 xe thiết giáp, 9 khẩu pháo loại 105 li, bắn rơi 2 máy bay ném bom, 3 trực thăng và tịch thu nhiều loại súng đạn. Tổng thiệt hại của đòn trên 2 triệu đô la

Mỹ. Từ đó cái tên “Đồi 2 triệu đô la” đã được ghi vào lịch sử.

Ngày 1/4/1985, Túc Dụp được Bộ Văn hoá công nhận là di tích lịch sử cách mạng.

318. Đồi không tên

Có ai biết trên dải đất hình chữ S, còn biết bao nhiêu nơi không có tên? Và biết bao nơi do cha anh đổ xương máu, giữ từng tấc đất mà trở thành những địa danh nổi tiếng?

Tôi biết ít nhất có ba quả đồi không tên.

Đồi Không Tên (khu vực ngã 3 Cha-phi, án ngữ con đường 16 đi xuống Bản Đông nước Lào, cách điểm cao 543 mà địch đã chiếm giữ gần 3km), nơi diễn ra trận đánh lịch sử của Trung đoàn 64, sư 320 đầu năm 1971.

Tại một mỏm sát vị trí chỉ huy tiểu đoàn, nơi có một trung đội của Đại đội 9, Tiểu đoàn 9 chiếm giữ, ta và địch giằng co nhau ác liệt. Thượng sĩ Phùng Quang Thanh, Trung đội trưởng, chỉ huy bộ đội chiến đấu rất dũng cảm. Mặc dù bị thương, máu

chảy ướt đẫm cánh tay nhưng anh vẫn động viên đồng đội chiến đấu kiên cường bảo vệ an toàn cho vị trí chỉ huy và bảo vệ sườn cho các mũi tấn công của đội hình Tiểu đoàn 9 (sau chiến dịch, Trung đội trưởng Phùng Quang Thanh được phong danh hiệu Anh hùng LLVT nhân dân, hiện nay đồng chí là Đại tướng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (QĐND - 18/03/2011).

Đến ngày 16-2, ta đã làm chủ hoàn toàn *Đồi Không Tên*, tạo bàn đạp để tiếp tục tiến đánh điểm cao 543, nơi Sở chỉ huy Lữ đoàn dù 3 đang chiếm giữ, có một trận địa pháo 105mm, cùng với sự chi viện tối đa của hỏa lực, không quân, pháo binh. 16 giờ 30 phút, ngày 25/2, ta đã làm chủ hoàn toàn trận địa. Đại tá Nguyễn Văn Thọ, Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn dù 3 đã bị bắt tại trận.

Còn khu *Đồi Không Tên* thuộc làng Chanh, xã Tân Kim, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị, nơi gắn liền với tên người dũng sĩ diệt Mỹ, Bùi Ngọc Đủ cùng tiểu đội,

những người có nhiệm vụ giữ một kho đạn.

Trận đánh ở đồi Không Tên, bên con suối La La, Cam Lộ, Quảng Trị diễn ra ngày 28/2/1967. Tiểu đội do Bùi Ngọc Đủ chỉ huy chỉ có 10 anh em, nhưng đã chiến thắng hơn 200 lính thủy đánh bộ của Mỹ. Trận đánh kết thúc lúc 18 giờ cùng ngày, tiểu đội do Bùi Ngọc Đủ tiêu diệt hơn 100 lính Mỹ. Trận thắng lịch sử này được phát động học tập trong toàn quân để nêu gương và vinh dự được báo cáo thành tích với Bác Hồ.

(cand.com – 5/8/2010)

Còn một quả đồi nữa có tên chính thức *Đồi Không tên*, chính là Nghĩa trang Liệt sĩ, Thủ Đức, TP.HCM. Tôi không rõ tên ngọn đồi vốn là vậy, cũng giống như tên rau *thì là* ấy, hay vì một lý do gì khác. Nhưng đi một buổi trong nghĩa trang này, cúi tìm tên người trên những dòng bia mộ, đều thấy họ mang một tên chung: *Không Tên!*

Mặc dù có những chỗ ghi rõ ngày hy sinh, cùng tên cánh

quân và hướng tiến vào thành phố. Thật lạ lùng!? Phải chăng chính là vì những liệt sĩ nằm đây đều không tên mà ra vậy? Thật buồn!

Vì dù lý do gì thì cũng phải hiểu, từ cái cây ngọn cỏ đều có tên. Con người ta, xấu đẹp, nghèo hèn chẳng mấy ai không tên hoặc tên là *Không Tên*. Và nếu chưa tìm ra danh tính thì cũng nên đổi lại cách ghi là “*khuyết danh*” hoặc *chưa rõ tên*, nghe nó đỡ tủi, đỡ buồn hơn cho những người đã hy sinh vì tổ quốc mà mất tên.

319. Đồi Thịt Băm



Cảnh trong phim *Hamburger Hill* 1987.

Cao điểm 973 tức Đồi A Bia ở Thung Lũng A Sầu (nay thuộc Thừa Thiên-Huế, gần biên giới Lào). Từ ngày 10/5 đến ngày 20/5/1969, Mỹ tập trung lực lượng gần 2.000 quân dưới sự yểm trợ mạnh của hỏa lực phi pháo để đánh chiếm Cao điểm 937. Quân Mỹ đã chiếm được cao điểm sau 10 ngày chiến đấu với số thương vong lên tới 70 người chết và 372 bị thương, nhưng đã phải bỏ vị trí này một tháng sau đó.

A Bia là tên một quả đồi không lớn trên dãy Trường Sơn thuộc địa phận xã Hồng Bắc, huyện A Lưới cách trung tâm thị trấn khoảng 5km theo hướng Tây Bắc, cách thành phố Huế khoảng 75km về hướng Tây.

Tại địa danh này, tháng 5 năm 1969, Mỹ chọn A Bia làm địa điểm tập kết quân gồm lực lượng 13 tiểu đoàn (trong đó có 8 tiểu đoàn Mỹ, 5 tiểu đoàn ngụy) kết hợp với lực lượng không quân, pháo binh, xe tăng yểm trợ, mìn đồ đầy cơ quan Bộ Chỉ huy, bộ đội ta ra

sát biên giới Việt - Lào, phá vỡ hành lang vận chuyển chiến lược của ta. Trung đoàn 3 thuộc Sư đoàn 324 đã phối hợp cùng lực lượng bộ đội địa phương, dân quân du kích miền Tây chủ động tấn công đập tan cuộc hành quân của địch, tiêu diệt 1.500 tên, phá huỷ nhiều phương tiện chiến tranh, tướng hai sao Môđison bị thương nặng. Sau chiến dịch, chính lính Mỹ và báo chí phương Tây đã gọi A Bia là tử địa và cái tên là (*Hamburger Hill*) “đồi thịt băm”. “Đồi thịt băm” nay là một điểm tham quan thu hút du khách. Hàng năm thường có nhiều cựu binh người Mỹ tìm thăm lại chốn xưa.

320. Đối xứng

Là một hình thức giữ vệ sinh mồm miệng khi nói tới những ngôn từ không được hoa mỹ lấm. Đối xứng cũng giống như “cho ngổ lái một chút”.

Nói lái của *đối xứng* là đứng xối. *Xối* ở đây là xối nước, nghĩa là đi té đấy.

321. Đội là trời



(Nguồn: youtube.com)

Cải cách ruộng đất tại miền Bắc nước ta là chương trình nhằm xóa bỏ, xét xử các thành phần bị xem là “bóc lột”, tịch thu ruộng đất địa chủ chia lại cho dân nghèo. Tinh thần của cải cách là vậy, nhưng quá trình thực hiện có nhiều sai lầm nặng nề khiến tổn thất không nhỏ, mà Đảng và chính phủ đã phải nghiêm khắc kiểm điểm. Nhiều cán bộ cao cấp bị kỷ luật. Và, trên website Bộ Ngoại giao, năm 2005, nguyên Thủ tướng Việt Nam Võ Văn Kiệt đã nhìn nhận: *Trong các chiến dịch cải cách ruộng đất và cải tạo công thương nghiệp, nhiều nhân sĩ yêu nước, nhiều nhà kinh doanh có công với cách mạng đã không được coi như bạn nữa, gây những tổn thất lớn về chính trị và kinh tế...*

Cải cách ruộng đất tịch thu tài sản, thực hiện vào những năm 1953–1956. Lúc đó, ở mỗi địa phương đều có đội cải cách. Quyền hạn đội cải cách rất lớn, kể cả bắt người đem ra xử. Lúc đó dân tình gọi *Đội là trời*. Đã là trời thì là cao nhất rồi, muốn gì được nấy. Và “*trời kêu ai*” thì “*nấy dạ*”. Và chính vì thế, có những cuộc đấu tố chỉ có *Đội* mới hiểu nổi.

Người viết lúc đó mới 5 tuổi, sống cùng bà ở Chợ Chu, Định Hóa, Thái Nguyên, được tận mắt chứng kiến phiên xử địa chủ Phúc Lâm, mà mãi cho tới giờ, 61 năm trôi qua vẫn không thể nào quên được. Và cũng phải đến những năm sau giải phóng miền Nam, khi được xem những tài liệu công khai thừa nhận sai lầm trong cải cách ruộng đất, mới có thể hiểu, tại sao lại có cuộc đấu tố như vậy.

Noi đấu tố được dựng lên như một sân khấu ngoài trời, trên một khoảng trống gần khu rừng ổi. Một số người được mời lên đấu, trong số đó có một đứa bé,

chắc cũng chỉ cỡ 10 tuổi, là con nuôi của ông Phúc Lâm. Cậu bé đó nói: Ông ấy ác lắm! Tôi muốn đi chơi, ông ấy cứ bắt học. Tôi muốn đi đất cứ bắt đi guốc. Tôi bắt rửa chân mới cho lên giường... Có những lúc ông Phúc Lâm muốn nói gì, thì lại nghe tiếng của đội: Địa chủ Phúc Lâm, bà con nông dân không cho mày nói. Cúi mặt xuống, không được ngẩng lên. Câu đố cuối cùng của cậu bé đó là: Tôi thích ăn khoai ông ấy không cho. Cứ bắt phải ăn cơm...

322. Đông Gioăng



Từ câu chuyện có thật: một thanh niên quyến rũ một cô gái trong tu viện sau đó ruồng bỏ cô ta, một nhà soạn kịch Tây Ban Nha viết vở *El burlador de Sevilla y el cambido de pierra*.

Sau đó Molière nhà thơ, nhà viết kịch, nghệ sĩ người Pháp, người sáng tạo ra thể loại kịch cổ điển, một bậc thầy của kịch nghệ châu Âu (1622 – 1673) đã xây dựng vở hài kịch *Don Juan* vào năm 1665. Rồi Mozart viết vở opera *Don Giovanni*, Alexandre Dumas cùng rất nhiều tác giả, nhà soạn nhạc và nhà làm phim cũng lấy cảm hứng từ nhân vật gian dối này làm nên những tác phẩm của mình.

Theo thống kê của Internet Movie Database có khoảng gần 100 bộ phim về đề tài này.

Don Juan – Đông Gioăng sang Việt Nam được dân tình coi như một kẻ lừa tình, giống như Sở Khanh trong truyện Kiều của Nguyễn Du. Nhưng nhiều lúc cũng có nghĩa như một người đàn ông hấp dẫn phụ nữ. Và đối với những kẻ dụ dỗ, lừa gạt *con gái nhà lành* (xem mục 210), người ta sẽ điểm mặt: *Cái đồ Sở Khanh*. Hoặc cảnh báo: *Gã đó là Đông Gioăng đấy, cẩn thận*.

Kẻ cũng lấy làm lạ, trên sân khấu Paris By Night 109, 2013,

lại xuất hiện vở nhạc kịch “Tên Sở Khanh” theo khuôn mẫu Đông Gioăng, do Lương Bằng Quang giàn dựng, và Bằng Kiều, cùng Minh Tuyết và Kỳ Phương Uyên thủ vai.

323. Đông-ki-sốt



Sancho

Đông – Ki – sốt, tiếng Tây Ban Nha: Don Quixote de la Mancha (*Đông – Ki – sốt, nhà hiệp sĩ quý tộc tài ba xứ Mancha*) là tiểu

thuyết của nhà văn Tây Ban Nha Miguel de Cervantes Saavedra (1547-1616), một tác phẩm có nhiều người đọc nhất trong văn học phương Tây, được xếp hay nhất trong mọi thời đại, theo cuộc điều tra năm 2002 do Viện Nobel Na Uy tiến hành. Hiệp sĩ lang thang Đôn Ki-sốt cùng giám mã Xan-chô, chu du khắp thiên hạ để thiết lập trật tự và công lý. Chàng giao chiến với những cối xay gió mà trong mắt chàng đó là bọn người khổng lồ hung dữ.

Gặp đám kỵ binh hộ tống một chiếc xe chở một phu nhân chàng cho rằng đó là một nàng công chúa bị bắt cóc đang cần chàng giải cứu. Gặp một đàn cừu, chàng lại nghĩ là đoàn hùng binh của vị hoàng đế oai quyền nhất thiên hạ, lập tức chàng xông vào và tấn công... Kết quả chàng luôn bị đánh nhừ tử, nhưng chàng không hề ngã lòng mà coi đó là những thử thách đương nhiên trên bước đường hành hiệp...

Cuối cùng, sau rất nhiều cuộc phiêu lưu, kiệt sức vì đau buồn,



Đôn Kisot, tranh của Honoré Daumier

thất vọng, Đôn – ki – sốt trở về nhà trong tình trạng ốm thập tử nhứt sinh. Trước khi chết, Đôn – ki – sốt tỉnh táo và nhận thức được tai hại của những cuốn truyện hiệp sĩ mà mình đã từng đọc khi viết những dòng di chúc để lại cho đời (*theo Wikipedia*).

(*Theo Vietbao.vn*) Năm 2005, nhân kỷ niệm 400 năm ngày ra đời tiểu thuyết Đông-ki-sốt, quan chức La Mancha đã đầu tư 40 triệu euro cho dự án “Hành trình du lịch sinh thái” lần theo những cuộc phiêu lưu điên rồ, đầy rủi ro của chàng hiệp sĩ hão huyền Đông-ki-sốt.

“Hành trình di sản” này dài khoảng 2.500 km, đi qua nhiều ngọn đồi, khu rừng và những con suối từ Toledo đến Cuenca. Những con đường được thiết kế dành cho những người leo núi, những người đi xe đạp hoặc những ai thích cưỡi ngựa như Đông-ki-sốt...

Phim *Đòn Kí Sốt* chiếu ở miền Bắc trong khoảng 1960 – 1965, và nhân vật anh hung đánh nhau với cối xay gió, với đàn cừu, nhanh chóng đi vào cuốc sống dân Việt. Người ta gọi những người “anh hùng” không rõ việc mình làm mà cứ lao vào là những chàng *Đôn Ki Sốt*, là *người đánh nhau với cối xay gió*.

324. Đông như quân Nguyên

Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông, của quân và dân Đại Việt đầu nhà Trần, dưới thời các vua Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông và Trần Nhân Tông, diễn ra từ năm 1258 đến năm 1288.

Lần thứ nhất Mông Cổ tấn công Đại Việt vào tháng 1 năm

1258. Nguyên sứ chỉ nêu vài ngàn quân; sau này các nhà nghiên cứu Việt Nam cho rằng số quân Nguyên năm 1257 khoảng 3 vạn

Lần 2, kéo dài khoảng 4 tháng từ cuối tháng Chạp năm Giáp Thân đến cuối tháng Tư năm Ất Dậu (cuối tháng 1 đến cuối tháng 5 năm 1285 dương lịch). *Đại Việt Sử ký Toàn thư* chép quân Nguyên có 50 vạn và khi rút về chỉ còn 5 vạn. Nguyên sứ chép rằng chỉ có 30 vạn.

Lần 3, cuộc chiến kéo dài khoảng gần 4 tháng, từ cuối tháng 12 năm 1287 đến cuối tháng 4 năm 1288. *Đại Việt Sử ký Toàn thư* ghi số quân Nguyên là 50 vạn,

Không hiểu vì lý do gì, khi chưa tới mười năm trở lại đây, cái số lượng quân Nguyên xâm lược Việt Nam lại được đem quy ra thóc (xem mục 142).

Chẳng hạn: Thằng ấy tiền nó “đóng như quân Nguyên” ấy. Có lẽ vì hiện nay, tiền của những người nhiều tiền ở ta, không thể đo đếm cụ thể được, quá, quá

nhiều, chỉ có thể tính bằng tỷ, tỷ thôi.

Tuy nhiên, cũng nêu thêm vài số liệu để so sánh với thời chống Mỹ.

Mỹ đã huy động vào thời điểm cao nhất 68% lục quân, 40% hải quân, 32% không quân chiến thuật, 50% không quân chiến lược, 45 % pháo binh. Có 3.525.000 lượt quân đã sang tham chiến tại Việt Nam. Trong thời gian chiến tranh, Mỹ đã động viên 8 sư đoàn, 2 lữ đoàn hậu bị, đồng thời huy động 5.000.000 lao động sản xuất cho quốc phòng phục vụ cuộc chiến tranh này.

Vậy, xét xem có nên đổi là “đóng như quân Mỹ” không

325. Đồng bạc con cò



Tổng thống Pháp Mac Mahon ký sắc lệnh ngày 21-1-1875 thành lập Ngân hàng Đông Dương. Năm 1885, Ngân hàng

Đông Dương đúc đồng bạc nặng 27,215 gam bạc ròng 900, là đơn vị tiền tệ người Pháp cho phát hành và lưu thông tại Đông Dương trong thời gian từ năm 1885 đến năm 1954. Một đồng bạc Đông Dương có giá trị 600 đồng tiền Việt lúc đó, tức bằng một quan tiền.

Tuy nhiên dân ta lúc đó lại thường gọi đồng Đông Dương là *đồng bạc hoa xòe*, hoặc *đồng bạc con cò*. Vì một mặt đồng tiền này có hình Marianne là một biểu tượng của tự do và cộng hòa từng xuất hiện lần đầu tiên ở thời Cách mạng Pháp, với những ánh hào quang lóe lóe ra chung quanh như một bông hoa xòe ra vậy. Còn mặt kia có hình con ó, nhưng dân ta lúc đó cứ gọi là con cò.

Tượng Nữ Thần Tự Do ở Mỹ là Pháp tặng được đặt trên một hòn đảo trong cảng New York, hoàn thành vào năm 1886, cũng lấy hình mẫu từ Marianne.

326. Đồng chó ngáp

Thực ra không phải là địa danh, thường dùng chung để chỉ

nhiều cánh đồng bỏ hoang rộng đến nỗi chó chạy phải lè lưỡi, ngáp ngáp luôn. Ở Nam bộ có khá nhiều “*đồng chó ngáp*”. Ở Bạc Liêu, hai huyện Hồng Dân và Phước Long ngày xưa có chung một cánh đồng hoang hóa, rộng đến 50.000 ha mà dân gian gọi là “*đồng Chó Ngáp*”.

Trước và sau chiến tranh, nơi đây buồn hiu hắt, nghèo nàn, lạc hậu. Những năm gần đây, từ cánh đồng này bỗng xuất hiện và nổi tiếng rất nhanh loại giống lúa một bụi đỏ, so với gạo trong nước thì nó ngang bằng với gạo nàng thơm, gạo nàng hương Chợ Đào; là nông sản thứ 14 và là loại gạo thứ hai được cấp chỉ dẫn địa lý sau gạo tám xoan Hải Hậu, Nam Định. (SGTT). Cánh đồng hoang rộng lớn, nối liền ba tỉnh Đồng Tháp, Long An và Tây Ninh, tên trên bản đồ thường gọi là vùng Mỏ Vẹt (Ba Thu), phần lớn nằm trong hai huyện Đức Hoà và Đức Huệ của Long An cũng mang tên này.

Ở Cà Mau, trước 2011, “*đồng chó ngáp*” là địa phương khó

khăn nhất của huyện Thới Bình, một vùng trũng, năn mọc đầy đồng. Từ thị trấn Gò Dầu (Tây Ninh), rẽ về hướng trái, theo quốc lộ 22 là hướng về Mộc Bài. Một cây cầu đang được xây dựng mới, song hành với chiếc cầu cũ ngay cửa ngõ về hướng cửa khẩu. Đường tráng nhựa thẳng tắp, thênh thang. Cánh đồng tí tắp hai bên quốc lộ, ngày xưa đây gọi là “đồng chó ngáp”. Không trồng cây gì được, chỉ có năn, lác mọc um tùm. Bây giờ hai bên “đồng chó ngáp”, dọc quốc lộ, nhà cửa san sát. Nhiều đoạn chưa có nhà nhưng người dân đã cắm cọc, phân lô. (*Theo cafef.vn*).

327. Đồng hồ quả lắc hai chuông

Trong các loại đồng hồ treo tường, thì loại đồng hồ chuông là được chuộng hơn cả. Cứ 15 phút là tính tang tính tình nghe thật réo rất vui tai. Và một tiếng lại điểm giờ, thật tiện lợi, khỏi ngó. Đồng hồ chuông cũng là niềm hứng khởi cho các nhà sáng tạo. Có lẽ ít ra cũng có hàng trăm loại đồng hồ chuông.

Ví như loại chim cúc cu, gà gáy... cứ tới giờ là thò đầu ra kêu cúc cu, ô ô. Có đồng hồ còn cầu kỳ, phức tạp hơn khi xuất hiện đôi nam nữ nhảy múa. Thông dụng nhất là loại đồng hồ quả lắc, cứ tích tắc, lắc qua, lắc lại...

Có nhiều anh chàng không mặc quần xì, cứ đi là thằng bé lúc lắc qua lại, khiến người ta mường tượng tới chiếc đồng hồ quả lắc... có hai chuông hai bên.

Đồng hồ quả lắc hai chuông, có lẽ từ trong học sinh mà ra, từ những năm 1960, ở Hà Nội. Và, khi có những học sinh rời ghế nhà trường lên đường nhập ngũ, thì một câu thơ rất tếu, rất ngộ nói về tình yêu mang màu lính:

*Mẹ ơi con chẳng yêu ai
Yêu anh bộ đội có hai quả mìn
Ở giữa có cái đèn pin.*

Bộ đội luôn trẻ đẹp, tươi cười dễ thương. Nhưng chỉ có... *trên răng dưới cắc tút* (vỏ đạn) thôi.

328. Động vật quý hiếm, tiệt chủng

Những con vật được kê trong sách đỏ là những động vật quý

hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng, cần được bảo vệ. Chẳng hạn ở Việt Nam có sếu đầu đú Tam Nông, Đồng Tháp; Vọc đuôi dài Quảng Ninh, gà Đông Tảo Hưng Yên... Còn nhiều giống đã tiệt chủng trên thế giới như khủng long, voi Mamut...

Khoảng trước những năm 2000, những người trung thực, thẳng thắn thường bị coi là ngờ nghênh, khờ khạo. Những người làm theo việc, sống theo lương, giữ mình trong sạch bị coi là cổ hủ, ngó ngắt, không phải “người thời đại”... Và họ cho rằng, những người như vậy là “những động vật quý hiếm thật, nhưng đã tiệt chủng rồi”!

329. Đời chỉ có thể mà thôi (vui)

Hồi mới chừng 4 tuổi, ở trong rừng với cơ quan của bố, thường thứ bảy, chủ nhật lại được xem các cô chú hát hò, diễn kịch rất vui. Có lần xem một vở kịch chẳng hiểu mô tí, át giáp gì, cũng chẳng vui buồn, nhưng hơn 60 năm qua đi nay vẫn nhớ.

Vở kịch như thế này.

Mới sáng sớm có chú gà trống đuổi theo cô gà mái, và... đạp mái. Con lợn con nhìn thấy kêu: Ịt, ịt! Chó con chạy ra hỏi: Đâu, đâu? Gà con bịt mắt ti hí, kêu: Hiếp, hiếp!

Gà trống đạp xong, gà mái rũ long kêu: Cục ta, cục tác, vừa đau vừa rát, vừa đau vừa rát! Anh gà trống lúc này sủa dáng lại và vươn cổ gáy to: Đời chỉ có thể mà thôi! Đời chỉ có thể mà thôi!

Và ngộ ra. Cuộc đời không chỉ quanh quẩn với những thú vui tràn tục như vậy. Còn lẽ sống, còn lý tưởng để con người có thể rũ bỏ phần con, vươn lên hoàn thiện phần người trong mỗi cá nhân.

330. Đùa (giỡn mặt) nhà cầm đồ.

Cầm đồ là một dịch vụ giống như thế chấp vay tiền ngân hàng vậy. Người có chuyện làm ăn, cần vốn, ít thì có thể cầm cái xe máy, cái TV, nhiều thì cầm đất, cầm nhà. Xem ra cũng giúp được người trong lúc thắt ngặt, cần tiền. Nhưng mọi chuyện cũng không giản dị như vậy, thử đi thì sẽ biết.

Những người làm dịch vụ này tinh lăm. Họ chỉ liếc qua là thấy ngay món đồ đó ra sao, có nên cho cầm không. Lại nữa, như luật bất thành văn, họ luôn đánh tụt giá hàng khách đi cầm, ít nhất là 50%. Và như vậy, hễ vì lý do gì khách không đáo hạn đúng hẹn, họ đem đồ khách thanh lý là lời cái chắc.

Xem ra, lúc nào nhà cầm đồ cũng nắm đằng chuôi. Vì vậy, đừng có *đùa* (*đừng có giốn mặt*) với nhà cầm đồ. Họ xiết một cái là chết chắc.

Câu này có từ trước 1975, ở Sài Gòn, nơi dịch vụ cầm đồ nhiều nhất cả nước. Bây giờ thì cũng vậy.

331. Đụng la - phông

La-phông, tiếng Pháp là plafond, là trần, như quạt trần, đèn trần, trần nhà, là chỗ cao nhất trong căn nhà. Như thế, nói *đụng la - phông*, là *đụng* tới trần nhà, là *lên* tới đỉnh điểm rồi, không còn có thể *hơn* nữa. Chẳng hạn ngạch lương phóng viên báo chí có 10 nấc, lên tới bậc 10/10, là hết, là

đụng *la-phông*, phải chuyển lên ngạch chuyên viên.

Đã lâu, trong kinh tế cũng dùng chữ trần, đi cùng với chữ sàn (như sàn nhà, điểm thấp nhất trong ngôi nhà) để biểu đạt về giá cả cao thấp, về khung tài chính quy định mức xê dịch từ thấp nhất, đến cao nhất trong mua bán, giao dịch một mặt hàng nào đó.

Dân gian cũng dùng *la-phông* để nói về một nhu cầu nào đó không còn khả năng giải quyết. Ví dụ: *Cái chuyện thăng quan, tiến chức của ông ấy hả, đụng la-phông rồi, không lo được đâu.*

Hà Nội có từ *kịch trần*, nghĩa tương tự như vậy.

332. Đuổi gà

Chỉ những người vô tích sự, chẳng làm được việc gì, chỉ có thể về nhà mà *đuổi gà* cho vợ mà thôi, câu này cũng đồng nghĩa với về vườn, nói tới thân phận của những người về hưu. Nhưng ngẫm nay thật buồn, vì những cán bộ công chức quèn, thì gà

cũng không có mà đuổi, nói chí
tới vườn. Bây giờ câu này lại hợp
với mấy ông quan tham, mà lại
vô học, thực sự về cũng chẳng
biết làm gì, nhưng săn tiền, săn
của làm vườn, làm trang trại,
nuôi chim, nuôi chó cho vui cửa
vui nhà; không nuôi gà vì rách
việc, mà để ăn thì đâu thiểu.

333. Đuổi ruồi – ngáp ruồi

Cũng là vô tích sự, nhưng còn là
lười nhác, chẳng muốn làm việc
già, chỉ ngồi mà ngáp lên ngáp
xuống; thỉnh thoảng một con
ruồi bu vào thì lấy tay xua xua.
Dạng này như các cụ nói là lười
chầy thay ra. Nhưng cũng còn
có một dạng, chán ngán, không
có ai thuê mướn gì, chỉ biết ngồi
ngáp ruồi mà thôi.

334. Đức cống

Nói lái là *đống cúc* (cứt), chỉ
nhưng kẻ hay nói vớ vẩn, gây
khó chịu cho người khác; nhưng
kẻ không đáng giá đồng xu, thối
tha, bỉ ổi. Cũng có khi là câu
nói đùa, chọc què bạn, nhất là
những bạn có tên là Đức.

335. Đứng đường

Trước đây chỉ để chỉ những cô gái
buôn phấn, bán hoa tùng những
con đường vắng vẻ đón khách
làng chơi, nay thì thêm những
anh công an giao thông, hay cǎn
me ở trên đường để phạt vi cảnh.
Các anh này cũng được gọi là
“*Anh hùng núp*” (xem mục 12).

336. Đứng chọc cứt ra mà ngửi

Có những người cứ hay thích
thò mũi vào chuyện người
khác, mà lại là những chuyện
vớ vẩn, phiền toái, gây khó chịu
cho người nghe; với những con
người tầm bậy, tầm bậ, ăn nói
tục tĩu, bẩn thỉu. Dân gian cho
rằng những chuyện như thế,
chẳng khác gì cứt vây, thối, càng
chọc vào càng tỏa mùi khó chịu.
Và đưa ra lời khuyên: *Không nên
dây vào nó* (*ai đó*) hoặc *đứng
dính vào chuyện đó làm gì. Đứng
có chọc cứt ra mà ngửi*.

337. Đứng hôn, đứng hôn em

La Paloma là tên của một bài
hát nổi tiếng do Sebastián
Iradier(1809- 1865), một nhà

soạn nhạc người Tây Ban Nha sáng tác khoảng năm 1863, sau khi du lịch Cuba trở về. Trong tiếng Tây Ban Nha, *La Paloma* nghĩa là *chim bồ câu*. Giai điệu đầm thấm mang phong vị từ điệu nhảy dân gian của những người dân vùng Habana trên hòn đảo Cuba, Lời ca thể hiện xúc cảm trước biển rộng bao la, sóng xô lopolitan, những con tàu ra khơi với các chàng thủy thủ mang theo hình ảnh những người thân yêu mắt ngắn lệ trên bờ dõi theo và những chú chim câu để chuyển những bức thư tâm tình về quê nhà.

Không lâu sau khi ra đời, *Paloma* trở nên rất thịnh hành ở Mĩ Tây Cơ và sau đó lan sang nhiều nước khác trên thế giới. Bài hát đã được ghi âm hơn 140 năm trở lại đây, nhưng cũng chưa bao giờ bị quên lãng.

Paloma vào Việt Nam, những năm 1960, và nhanh chóng lan rộng trong giới trẻ, hầu như ai cũng biết giai điệu của bài hát. Đặc biệt đoạn nhạc cuối bài đã có một lời Việt do dân tình đặt ra,

rất ấn tượng: *Đừng hôn, đừng hôn em! Chồng em, chồng em ghen.*

Thậm chí cánh lái xe, nhiều anh như muốn nhắc nhở người yêu ở nhà thủy chung, và cũng như cảnh tỉnh các anh xe khác, bảo đảm khoảng cách an toàn, đừng hôn vào... đít xe mình.

Lời Việt người Hà Nội hay hát, cách đây hơn 50 năm, không rõ ai dịch nghĩa:

*Khi tôi rời quê hương Habana,
làng quê xa mò/ trên cao ánh
vàng soi bao áng mây êm trôi
lững lờ/*

*Ôi chim câu trắng nhỏ xinh/
qua quê ta chim dừng đôi cánh/
hay cùng ta vượt muôn ngàn
sóng biếc xanh/ tìm về tận chốn
trời xa...*

*Em oi lòng anh bao thương
nhớ hẹn ước mong chờ/ yêu em
muốn gần em để mối tình ta
thắm tươi...*

338. Đừng nghe cave tâm sự...

“Cave” Từ gốc tiếng Pháp *Cavalière*, nghĩa là “bạn nhảy”, Việt hóa thành Cave, chỉ gái bán dâm trong các tụ điểm ăn chơi.

Gái nhảy ở các vũ trường, gái đứng đường (bướm đêm, gái bán hoa), gái bán dâm nay đều gọi chung là *cave*. Hết hỏi chuyện riêng tư thì *cave* nào cũng hoàn cảnh như nhau. Đều: “Em khổ lám, nhà ở dưới quê, nghèo lám (hoặc ba mẹ bỏ nhau, hoặc bị dụ lên thành phố...). Họ tìm cách xin tí tình, rồi ít ít tiền. Tin là rách túi. Nếu nghe con nghiện (ma tuý) trình bày thì cũng vậy. “*Hoàn cảnh*” lám, dễ mủi lòng lám.

Còn báo chí, chuyện gì cũng có thể thành tin, nhất là những chuyện có *hoi tiên* mà gặp mấy anh báo chí có “võ bóp cổ” thì coi như *xong phim*. Các anh ấy sẽ đeo bám, sẽ khai thác đến... lời tiên mới yên.

Gặp chuyện với công an, nhất là công an giao thông thì phải tự nhắc, rằng chắc chắn... mình có lỗi. Không có lỗi ai thổi?! Mà đã thổi thì cũng chắc chắn là phải đúng. Thế nên dân... gian mới tổng kết, cũng có ý để nhắc nhở nhau, rằng:

Dùng nghe cave tâm sự

*dùng nghe con nghiện
trình bày
dùng dây vào báo chí
dùng cài lí với công an*

339. Được voi đòi... Hai Bà Trưng

“Được voi đòi Hai Bà Trưng”, cải biên từ “Được voi đòi tiên”. Ý nói đòi hỏi, tham lam quá đáng. Theo *Kể chuyện thành ngũ, tục ngũ*, NXB KHXH – 1999, thì “voi” và “tiên” trong “Được voi đòi tiên” là những con giống, con tò he làm bằng bột cho trẻ con chơi (ở miền Bắc). “Voi” cũng không lớn và không đắt hơn các con giống khác, nhưng “tiên” thì phúc tạp hơn, đắt hơn. Như vậy, “được voi đòi tiên” đã là làm khó nhau lám rồi, nay lại còn đòi “Hai Bà Trưng” thì thật là không biết làm sao mới vừa lòng.

340. Đường chờ lún

Đây là một cách làm đường giao thông không hiện đại, nhưng mới nhất trên thế giới, và giảm được chi phí rất nhiều, đỡ tốn nhân công... mang made in Việt Nam.



(Nguồn: Tuổi Trẻ)

Dễ có hàng chục năm nay, rất nhiều con đường ở ta, có khi rải đá dăm xong bỏ đó nhiều tháng. Dân tự hiểu, người đi đậm lên, xe cộ cán lên sẽ được lèn chặt hơn. Dăm năm trở lại đây lại có khái niệm “đường chờ lún”, mà mở màn là Đường cao tốc TP Hồ Chí Minh - Trung Lương, được thông xe khai thác tạm thời từ ngày 3/2/2010, thì tháng 4/2010 đã phát hiện 4 điểm bị lún, được xác định là nằm trong giới hạn cho phép theo quy định. Và được cấm biển chờ lún, báo hiệu dân biết mà đề phòng. Sau đó sẽ có bù lún...

Theo Báo *Tuổi Trẻ*, 19/07/2006 - Vài năm trở lại đây, bên cạnh cầu Ván Thánh 2 có nhiều sự cố đang thực hiện bù lún, nhiều

công trình giao thông mới xây dựng ở TP.HCM cũng “ăn theo” giải pháp đường bù lún.

Có một chuyện cười tới nhẫn cả mặt. Một đứa trẻ khi thấy tấm biển bên *đường* đã hỏi bố: “Bố ơi, ông Chờ Lún có công trạng gì mà được đặt tên *đường* vậy?” đã khiến ông bố khó trả lời cho rõ.

Đại biểu Trịnh Ngọc Thạch, ĐBQH đoàn Hà Nội khi góp ý cho Luật Đầu tư công chiều 18/11 đã nêu: “Làm đường cao tốc Việt Nam chi phí đến 12 triệu USD/km, trong khi Trung Quốc làm chỉ có 5 triệu USD/km, còn Mỹ thì chỉ mất 4,5 triệu USD/km”.

Thế mới thật khó hiểu, mình đã bót được nhiều rồi mà sao lại vậy nhỉ?! Hay tại cái “*bù lún*”?

341. Đường ta ta cứ đิ

Vào khoảng những năm cuối của thế kỷ 20, khi bùng phát các dự án, đặc biệt là các dự án treo, nhiều dự án đèn bù giải tỏa không đúng theo hướng dẫn, chỉ đạo, khiến dân tình bức xúc,

phản ứng đòi xem lại tính khả thi của dự án, phải tính toán, đền bù cho hợp lý. Và cũng có phản ứng miệng:

Đường ta, ta cứ đi,

nhà ta ta cứ xây

Ruộng ta, ta cứ cày đợi ngày

Hai câu trên là trích trong bản *Nhạc Tuổi xanh*, của Phạm Duy, sáng tác ở Phú Thọ, năm 1947. Và hai câu cuối tiếp đó là:

Ngày mai bao ấm no,

diệt xong quân Pháp kia

Cười vang ta hát câu Tự Do.

342. Đường tương chao, đậu hũ dưa leo...

Bài hát “Thói đời”, do Trúc Linh sáng tác và Chế Linh là người đầu tiên trình bày, nghe than thân trách phận, rất thảm, rất buồn, nhưng cũng lại có vẻ chí lý: *Đường thương đau đầy ái nhân gian/Ai chưa qua chưa phải là người/Trong thói đời, cười ra nước mắt/Xua trắng tay gọi tên bằng hưu/Giờ giàu sang quên kẻ thâm giao/Còn gian dối cho nhau...*

Những năm 1975-1986, “đêm trước thời kỳ đổi mới”(xem mục

291), cuộc sống dân tình có quá nhiều khó khăn. Những nhà nghèo, trong các bữa ăn thường trực có các món chỉ vài xu, vài hào, nhưng cũng đủ mặn, ngọt, chua, cay để lùa cho qua bữa cơm. Đói nghèo vốn không phải là một tội, và cũng không vì thế mà làm mất đi tính hài hước của dân Việt. Cũng khoảng thời gian này bài “Thói đời” được dân tình cải biên cho hợp cảnh, hợp tình. Và ít nhiều cũng ghi lại dấu một thời: *Đường tương chao đậu hũ dưa leo/Ai chưa ăn chưa phải là nghèo!...*

343. Đứt bóng

Bóng đây là bóng đèn và đứt nghĩa đen là đứt dây tóc của bóng đèn. Đèn mà đứt tóc, đứt cái dây biến điện năng thành nhiệt năng, rồi biến nhiệt năng thành quang năng, kể như hết sáng, cũng đồng nghĩa bỏ đi.

Đứt bóng có nghĩa là chết, là ngủm củ tỏi.

Nhưng nghĩa bóng ở đây là chỉ những trường hợp khó khăn, phiền toái khó vượt qua... tưởng

như chết được. Chẳng hạn sếp (loại khó chịu, dữ dằn) giao việc, đến giờ hẹn mà không xong; bị gạt hợp đồng, ăn vụng (gì đó) mà chìu mép không được... Thì tự than: *Thôi, thế là đứt bóng rồi*. Hoặc người khác chỉ trích, cũng có thể là chia sẻ: Thằng ấy thế là *đứt bóng rồi* – đi đòi rồi.

344. Đứt dây thần kinh xấu hổ

Xấu hổ là phản ứng ngượng ngùng, thẹn thùng, đỏ mặt của một người trước việc làm tự cho là, hoặc bị người khác, bị dư luận cho là không hay, không tốt của mình. Ấy là còn biết tự trọng. Cũng có trường hợp xấu hổ, nhưng không xấu gì mà lại dễ thương, là trường hợp cô gái trẻ đỏ mặt e thẹn khi lần đầu gặp người yêu.

Còn những người không tài cán nhưng nhờ thần thế, hoặc luôn lót mà lên, lại hay khoe khoang, homet hĩnh. Lại có người “ăn bẩn” mà không thấy ngượng mồm. Hoặc làm những chuyện xấu xa đê tiện mà cứ “tỉnh bo” như không. Những người đó, dân gian gọi chung là những kẻ đã “đứt dây thần kinh xấu hổ”.

Ví dụ: “Thật chẳng hiểu tại sao lại có những người vô duyên đến thế. Ngồi trên xe ô tô khách có mấy chục con người mà cứ bô bô mang chuyện riêng của mình ra để nói chuyện qua điện thoại. Nghe thật chướng tai! À, hai người đó chắc “đứt dây thần kinh xấu hổ” rồi nên tự họ “vạch áo cho người xem lưng” mình đầy mà!- Một thanh niên, tiếp lời”. (QDND 23/9/2011)

E

345. Eng không eng...

Việt Nam có tới 64 dân tộc, với nhiều tiếng nói khác nhau. Và có lẽ do khí hậu, thổ nhưỡng, các vùng cũng khác nhau, mà đi từ Bắc vào Nam, nhiều nơi nói cùng thứ tiếng, nhưng phát âm nặng nhẹ, bỏ dấu khác biệt, nên có khi nghe mà cũng chẳng mấy hiểu.

Từ những năm sau tiếp quản Hà Nội, đã nghe một câu nhại khá phổ biến, có tính vui đùa, nhưng cũng hàm ý hỏi, có hiểu không:

Eng khôn eng, téc cớ đèn đèng đi ngủ (tiếng khu Năm), có nghĩa là: ăn không ăn, tắt cái đèn đi ngủ. Anh bạn người khu Tư của tôi còn đọc cho một đoạn thơ độc đáo của xứ anh, với “lời dịch” cụ thể:

Rào rú, ngái ngôi, mô nở chộ.

Mô rào mô rú, chộ mô nò.

Nghĩa là:

*Sông núi xa xôi
đâu chẳng thấy
Đâu sông, đâu núi,
thấy đâu nào!*

Ngôn ngữ vùng miền cũng là một trong những đặc sản của đất Việt, nhưng ngành văn hóa, đặc biệt là du lịch chưa thật biết khai thác tốt.

346. Ép-phê

Tiếng Pháp Effet, tiếng Việt đọc là ép-phê, có nghĩa là hiệu ứng, tác dụng. Làm một việc gì đó hiệu quả ra sao, dân ta thường hỏi: *Ép-phê không?* Việc làm có hiệu ứng tốt, thì bảo *ép-phê rồi*. Cũng có khi chỉ ngắn gọn, *phê rồi*. *Phê* còn dùng thay thế cho

say trong say thuốc, say ma túy,
nhưng cao hơn một mức. Nó
đang phê, là nó đang say, đang
đã, đang thích, đang lên tiên đấy.

347. Em ru...

Chắc không cần giải thích,
chỉ cần nêu đầy đủ câu trên là tự
khắc hiểu: *Em ru như cu bà bóng*.

F

348. Fair Play

Fair play, dịch nghĩa tiếng Việt là *choi đẹp*. Cụm từ tiếng Anh này xuất hiện trên báo chí khá nhiều, bắt đầu từ những năm 1990, và trở thành giải thưởng chính thức cho các đội, trọng tài và cầu thủ bóng đá, tại Tiger Cup 1996 tổ chức ở Singapore. Và Đội tuyển Brunei đã đoạt danh hiệu cao đẹp này

Năm 2013, Phạm Huỳnh Tam Lang được nhận giải “Vinh danh Fair Play” do báo

Pháp Luật Thành phố Hồ Chí Minh trao tặng, cùng Phan Văn Tài Em. Võ Nhật Tân (ĐT Long An) nhận giải fair-play của bóng đá Việt Nam năm 2012, do các phóng viên chuyên viết về mảng thể thao trên cả nước, cũng như các

chuyên gia bóng đá có uy tín tham gia bầu chọn.

Trên thế giới, ngoài 6 danh hiệu, là Quả bóng vàng, chiếc già vàng, Giải thưởng Yashin dành cho thủ môn xuất sắc nhất, Giải Cầu thủ trẻ xuất sắc nhất, Đội tuyển cuốn hút nhất, cho mỗi kỳ World Cup, *FIFA còn trao Giải Fair Play Trophy* cho đội có chỉ số fair play tốt nhất, theo thang điểm do Ủy ban Fair Play FIFA quyết định (được trao lần đầu vào năm 1978).

Trong từ điển tiếng Việt chỉ có các từ: *choi ngông, choi trội, choi rùng...* Thậm chí có cả *choi ác, choi ngang...* Mà lại không có từ *choi đẹp*, cũng đồng nghĩa với không có từ *choi xấu, choi bẩn*. Hoi bị lạ phải không?

G

349. Ga-lăng... nhăng

Ga – lăng, từ tiếng Pháp là gallant, là lịch sự, nhã nhặn, khéo chiều chuộng phụ nữ, cũng hiểu là nịnh đầm. Lại có một từ galantine: người nịnh đầm lố bịch. Nhân đó người Việt tự chế ra từ tương ứng là “*Ga-lăng... nhăng*”, để chỉ những người đàn ông yêu đương lung tung, tán tỉnh bừa bãi, không có gì đáng tin tưởng cả.

350. Gà chết (đá)

“*Gà chết*” ở đây là chỉ những anh chàng nhậu đã xin ngoắc cần câu rồi mà vẫn bị bạn nhậu lôi ra “đá” tiếp. Đã gọi là gà chết thì chỉ có mà thịt chứ còn đá đấm nõi gì. Và đá với gà chết thì chuyện thắng thua chẳng còn nghĩa lý gì.

Hơn thua với những người không đáng, thì cũng bị dân tình coi như tìm gà chết mà đá vậy. *Này ông chấp với thằng ấy có khác gì đá gà chết đâu?*

351. Gà đi bộ

Càng ngày, không riêng gì Việt Nam, dân tình càng ngại ngùng trước những thực phẩm to quá, đẹp quá, tươi quá... mà rẻ quá. Xét về mặt khoa học, cái gì quá cũng đều không bình thường. Kể cả con người, béo quá không tốt, coi chừng mỡ máu, coi chừng cholesterol, dễ xơ vữa động mạch, đứt gân máu. Còn già quá coi chừng gan, tiểu đường, thậm chí ung thư không biết chừng. Mặt khác, hiện nay người ta sử dụng quá nhiều hóa chất trong nuôi trồng, bảo quản

thực phẩm, có những độc tố gay hại cho cơ thể,

Và thế là người ăn muối, người bán đập úng, tìm những nguồn thực phẩm “nguyên thủy”. Heo mọi, heo rừng, gà ta, cá sông... lên hương. Để cho thực khách thêm tin và cũng thêm phần cuốn hút, nhà hàng quán xá còn sáng tác ra những giống loài có vẻ chắc chắn an toàn: Thay vì gà ta, nay có gà đi bộ, gà thả vườn, gà tập thể dục...

Xin lưu ý bà con là nên tìm những thương hiệu có uy tín mà mua, nghe theo mấy lời quảng cáo ba láp ba xàm, chỉ tiền mất tật mang thôi. Bạn còn nhớ vụ heo công nghiệp được cấy thêm để mỗi lỗ có 3 lông, thanh heo rừng chứ?!

352. Gà móng đỏ

Đừng nhầm với gà sắc ở Duy Tiên, hay gà Đông Tảo, Hưng Yên là những giống gà quý hiếm được nêu trong Sách đỏ của Việt Nam. “Gà móng đỏ” chỉ những cô gái làng chơi túa ra đường nhiều nhất vào những năm 1980

– 1995; móng tay, móng chân của các cô lúc đó thường tó màu đỏ chói, dễ thấy, dễ nhận để dẽ tiếp cận. Bây giờ thì móng miếng đa dạng hơn nhiều. Thậm chí còn được vẽ đủ loại hình rất tý mỹ, công phu. Vì vậy nay cụm từ này không mấy ai dùng nữa.

353. Gà nuốt dây thun

Dây thun không những không tiêu được, mà khi gà nuốt vào, gặp dịch tiêu hóa, nó sẽ nở ra, trương phình lên gây tắc ruột, tắc mề, có thể làm gà bị chết.

Như gà nuốt dây thun là chỉ những trường hợp... mắc nghẹn, nuốt không trôi cái gì đó, và để lâu có thể tắc thở mà chết.

Nhiều năm nay và tới bây giờ, địa ốc đã kéo bao nhiêu đại gia chỉ còn da mà thôi. Cứ ôm, ôm mãi, cứ hàng ngày trả lãi ngân hàng, rồi bán tống bán tháo, giảm giá 50% vẫn đóng băng. Rồi Nhà nước nhảy vào với gói cứu trợ 30.000.000.000 đ, nhưng hình như không mấy tác dụng. Theo Bộ Xây dựng, tính đến giữa tháng 12/2013, tổng số tiền các

ngân hàng đã giải ngân theo gói tín dụng ưu đãi 30.000 tỷ đồng với lãi suất 6%/năm dành cho phát triển nhà ở chỉ đạt 555 tỷ đồng trên 1.654 tỷ đồng đã cam kết và chỉ chưa bằng 2% tổng nguồn vốn dự kiến.

Có lẽ những “*con gà*” đã nuốt quá nhiều “*dây thun*”, và thời gian ngâm cũng quá lâu rồi. Dây thung đã nở ra khiến nhiều con gà lên bàn mổ mà vẫn không cứu được.

Ý kiến của thạc sĩ Lê Tấn Lam Anh, trên *VietnamExpress* 30/5/2013: Không nên đầu tư vào bất động sản nữa vì đã lệch định hướng kinh tế, quá thừa cung, đã chôn vùi quá nhiều vốn của nền kinh tế (thay vì dùng cho phát triển sản xuất). Nhà nước cũng bị mất tài sản nhiều và đóng băng tài sản trong cuộc chạy đua bất động sản.

354. Gà thiến

Có lẽ kể cả gà ta lẫn gà công nghiệp, thịt gà thiến là ngon nhất. Thịt nó mềm, mà không nhão, thơm, có mỡ vàng ươm

mà không ngấy, khi luộc lên, nhìn nồi nước dùng, váng mỡ loang vàng sóng sánh, cũng đã thèm. Muốn có một con gà thiến, người ta phải tìm một con gà trống, tốt nhất là mới tập gáy ti toe chừng một, hai tuần. Rồi dùng dao mổ cách dưới đít nó chừng 2,5cm. Rạch qua khỏi lớp thịt mỏng, ở đây rất ít máu và cơ, vì vậy không gây nguy hiểm gì. Sau đó luồn khéo hai ngón tay vào mò dọc sống lưng của gà tìm 2 quả tinh hoàn, ngắt ra hoặc bóp nát, cẩn thận để tranh moi nhầm ruột gà. Xong đâu đó khâu kín vết mổ lại. Thả ra thấy gà ị một bã là yên tâm, ca mổ đã thành công.

Gà sẽ hồi phục, ăn rất khỏe và tăng trọng nhanh. Chung 5 – 6 tháng là có thể lên mâm. Nuôi lâu quá gà già, thịt sẽ cứng, giảm ngon.

Gà thiến là gà không còn khả năng đẻ mái, và cũng hết gáy luôn, trừ khi thiến sót. Tính cũng không còn hung hăng hiếu chiến nữa. Ở một góc độ nào đó nó mai mai. Chính vì thế, đàn

ông mà tính tình éo lả, hoặc không mạnh mẽ, cũng dễ bị người ta gọi là “*gà thiến*”. Giống như hoạn quan vậy.

355. Gác-dan

Bắt nguồn từ tiếng Pháp, *gardien*, có nghĩa là người gác, người canh-giữ.

Từ này chỉ dùng ở Nam bộ, có từ trước 1975, chỉ những người canh giữ ở những chung cư, cao ốc, khách sạn... Sau giải phóng một thời gian, người ta không dùng từ này nữa, mà gọi là bảo vệ.

356. Gạc-đờ-co

Tiếng Pháp *garde corps*, Việt đọc là *gac – đờ – co*, có nghĩa là vệ sĩ, cận vệ. Từ thời chống Pháp, từ này thông dụng, qua thời chống Mỹ, nay ít dùng hơn.

Gác – dan, gạc (gác) – đờ – co, thuộc dạng tiếng nước ngoài Việt hóa, dạng này khá phổ biến trong ngôn ngữ nước ta, và có lẽ nước khác cũng có tình trạng vay mượn tương tự. Để trong sáng tiếng Việt, việc hạn chế và tìm từ ngữ thay thế các từ vay mượn

là cần thiết. Nhưng từ điển là công cụ để tra cứu mà thiếu, thì việc học, việc dịch thuật, kê cứu sẽ trở nên khó khăn. Cũng lạ là trong *Từ điển tiếng Việt*, NXBKHXH 1988, có các từ gác – đờ – bu, gác – đờ - sên, rồi gác – điêng, nhưng lại không có gác – dan, gạc (gác) – đờ – co. Còn *Từ điển NXBKHXH*, in sau đó 10 năm thì tất cả những chữ trên đều bị bỏ đi hết, làm cho người tra cứu chẳng biết đâu mà lần.

357. Gái bán bar

Bar có nghĩa là quán, là quầy bán hàng, ví như bar rượu- quầy bán rượu. Nhưng trước giải phóng ở Sài Gòn, đứng bán bar thường là các cô gái, và những cô này ngoài chuyện bán hàng, nếu khách có nhu cầu còn có thể phục vụ từ A tới Z (*xem mục 1*). Vì thế, gái bán bar lúc đó cũng thuộc loại dân làng chơi, như gái mại dâm vậy.

358. Gái dải khoai...

Chẳng hiểu cẩn cứ vào đâu, nhưng theo kinh nghiệm dân

gian thì “gầy là thày đ...”, điều đó ứng với cả nam, nữ. Vì thế mới có câu: “*Gái dài khoai* (người mình dây), *trai chuột đực*”(bụng thót, người dong dáng).

359. Gái nông trường...

Những năm đầu xây dựng CNXH ở miền Bắc, thanh niên nam, nữ nghe theo tiếng gọi đi xây dựng quê hương lên các nông trường quốc doanh, vào liên đoàn địa chất tìm tài nguyên cho đất nước. Có nông trường toàn nữ, hàng tháng chẳng thấy bóng đực cu nào. Các cô gái đang xuân thì, xa nhà... Trong khi đó thì những chàng trai địa chất tối ngày trèo đèo, lội suối hết ngày này sang ngày khác. Vậy mới có câu song thất:

*Gái nông trường
như ruộng không khóa
Trai địa chất như khỉ leo dây.*

360. Gàn bát sách

“*Gàn*” là chỉ người dở dẩn, cư xử, hành động ương dở và lố lăng (*Từ điển Tiếng Việt*, NXBKHXH, 1994). Còn theo

Wikipedia, “*bát sách*” là tên một con bài trong bộ bài Tô Tôm, một trò chơi dân gian phổ biến từ xưa ở nước ta. Tên gọi của trò chơi được đọc chệch ra từ chữ “Tụ Tam” nghĩa là hội tụ lại của ba hàng Văn, Vạn và Sách. Do Tô Tôm khá khó nên người xưa có câu ca dao thể hiện trình độ và cái oai phong của bậc quân tử:

*Làm trai biết đánh Tô Tôm
Uống chè mạn hảo
xem nôm Thuý Kiều*



Bài Tô Tôm có 120 quân, viết bằng chữ Nho, gồm có 3 hàng Vạn (萬), Văn (文), Sách (素). Để dễ phân biệt, xưa có câu: “Vạn vuông, Văn chéo, Sách loằng ngoằng”. Bên phải các

quân bài có chữ số từ Nhất đến Cửu. Loại quân đặc biệt có tên gọi là Thang Thang, Lão và Chi Chi. Các quân bài đều có hình minh họa, có thể ghi nhớ bằng hình nêu như không thuộc được hết chữ Nho; mặt sau giống hệt nhau để tránh lộ bài.

Giải thích trên www.viethoc.org/phorum/read.php?20,29888: Hình vẽ trên tố tôm có tiên (nhất văn), múa võ (nhất vạn), ăn mày (nhị sách), bung tô (tứ văn) v.v. ngoài ra còn có các hình như đàn ông, phụ nữ, trẻ em, cá chép, trái đào. Riêng lá bài mang tên Bát sách thì có hình cô gái đang ngâm điếu thuốc vắt veo trên môi, trông rất ư là nghênh ngang, gàn dở.

Chính vì lẽ đó mà các cụ ngày xưa đã tạo ra thành ngữ “*gàn bát sách*” chỉ những người có lời nói, hành động... không bình thường.

Trong bài thơ “Tự trào” của cụ Tam Nguyên Yên Đổ Nguyễn Khuyến cũng có câu: “*Mở miệng nói ra gàn bát sách*”.

361. GANEFO



Khoảng năm 1964 – 1965, ở miền Bắc, phát xuất từ Hà Nội, có một cụm từ mới *GANEFO*, chỉ những thanh niên hăng hái, nhiệt tình; sau này chỉ luôn cả những tay hung hăng bạo xít, những lực lượng trẻ đang vươn lên ở các cơ quan, ban ngành, rồi rộng ra xã hội.

GANEFO là viết tắt của (The Games of the New Emerging Forces) – Đại hội thể thao các nước mới trỗi dậy – được tổ chức lần đầu tiên vào năm 1963, tại SVĐ Bung Karno, Jakarta (Indonesia), với gần 3.000 VĐV của 51 quốc gia châu Phi, châu Á, châu Âu và châu Mỹ Latinh tham dự. Theo Cựu tuyển thủ Trần Duy Long: Bóng đá GANEFO 1963, quy tụ rất nhiều

đội mạnh từ các châu lục. Tại giải đó đội tuyển Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã thắng các đội Argentina đến 6-1, thắng Chile 4-2, thắng Lào 11-1. Vào bán kết, tuyển VN gặp CHDCND Triều Tiên, một đội cực mạnh thời bấy giờ, và chỉ chịu thua với tỉ số 0-1. Trong trận tranh hạng 3 Việt Nam gặp Uruguay, trận đấu kết thúc với tỉ số hòa 2-2, sau đó chúng ta dành chấp nhận hạng tư vì thua trong... bốc thăm (lúc đó chưa có luật đá luân lưu).

362. Gạo bà Ba Thi



Từ năm 1978, sau chiến dịch cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, lập tức TP.HCM thiếu gạo. Đến những năm đầu 1980, khi cơ chế tập trung quan

liêu kìm hãm đến mức “không thể chịu nổi”, hoạt động sản xuất kinh doanh đình đốn, vật tư nguyên liệu không có, mua thì không có ngoại tệ, tiền cung ứng cho các doanh nghiệp mua trong nước cũng gặp biết bao nhiêu tầng nấc ràng buộc rắc rối. Thành phố phải “xé rào”, phải “bung ra”.

Bà Ba Thi: “Không được phép mua gạo mà đi mua gạo là một cái sai. Cấp tiền từ ngân sách cho cá nhân đi mua gạo cho Nhà nước là cái sai thứ hai. Tiền Nhà nước phải mua gạo theo giá Nhà nước mà mua theo giá thị trường là cái sai thứ ba... Ông Sáu Dân và Thành ủy, UBND thành phố phải đứng ra chịu trách nhiệm về việc làm sai nhưng có lợi cho dân này. Bà Ba Thi nói nếu làm được như vậy thì vài ngày sau bà mang gạo về, nhưng “làm như vậy nếu trung ương biết thì đi tù”. Ông Sáu Dân nói: “Bà đi tù tôi sẽ đem cơm”.

“Ông Sáu Dân đã tán thành phương án đó và đứng ra chịu trách nhiệm. Ngay sau đó, một

tổ chức được thành lập để đảm bảo an toàn giúp bà Ba Thi. Đó là “Tổ thu mua lúa gạo”. Sở Tài chính cử người sang làm kế toán, ngân hàng cử người làm thủ quỹ. Mọi người gọi vui đó là “Tổ buôn lậu lúa gạo”. Hôm sau, Bà Ba Thi mang tiền xuống Long An, Đồng Tháp... mua gạo, rồi thuyết phục, nhờ cậy các vị lãnh đạo các tỉnh miền Tây cấp giấy, dùng xe vận tải, ghe thuyền chở về thành phố. Có lúc cái tổ này đã phải nhờ đến xe của quân đội vận chuyển lương thực vượt qua các trạm gác ngăn sông cấm chợ.”.
(Nguồn: Việt Báo)

Và từ tháng 4-1985, Thành phố Hồ Chí Minh có gạo bán theo giá thị trường cho dân. Gạo này không hề bị mốc, mục và thơm ngon, mà giá cả hợp lý nên dân đón nhận rất hào hứng. Sau biết gạo do bà Ba Thi buôn về nên dân gian đã gọi đó là “Gạo Bà Ba Thi”.

Bà Ba Thi, tên thật là Nguyễn Thị Ráo, nguyên cán bộ Trung ương Hội Phụ nữ Việt Nam. Sau

ngày 30/4/1975, tiếp tục làm ở Hội Phụ nữ, rồi làm Phó Giám đốc, Giám đốc Sở Lương thực thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 1983, Hội đồng Nhà nước đã tặng thưởng bà Huân chương Lao động hạng nhì. Năm 1984 bà lại được tặng huân chương Lao động hạng nhất. Và năm sau, 1985, bà là một trong số không nhiều phụ nữ Việt Nam được tuyên dương Anh hùng Lao động.

Tuần báo ASIA WEEK đã bình chọn Giám đốc Nguyễn Thị Ráo là nhà kinh doanh thành đạt nhất Châu Á trong năm 1991 và gọi bà là “nhà nữ tỷ phú” với doanh số hàng trăm triệu USD mỗi năm.

363. Gạo tổ

Trước 1975, ngoài Bắc, người dân ăn gạo phân phối theo hộ khẩu, mua tại các cửa hàng gạo Nhà nước. Sau 1975, tới trong Nam, nhưng dân tình gọi đó là gạo tổ, bán theo các tổ dân phố. Cũng giống miền Bắc trước và một thời gian dài sau đó, gạo tổ

vì trũ lâu trong kho nên thường mốc, sâu mọt nhiều. Chỉ tới khi có gạo Bà Ba Thi (*xem mục 362*) dân mới được ăn gạo mới, gạo ngon. Và nếu muốn thì gạo thơm cũng có. Câu ca dao xưa, xem ra thật chí lý :

*Ai oi bưng bát com đầy
Dẻo thơm một hạt,
đắng cay muôn phần*

364. Gáy

Là từ chỉ tiếng kêu của số loài, với Việt Nam ngoài chim cu, gà trống còn có... gà mái gáy gở. Có nhiều con gà mái, tự nhiên thi thoảng gáy như gà trống, các cụ xưa bảo đó là gà mái gáy gở, phải đập chết, đem ra ngã ba đường mà vứt, không nên ăn, nhả sẽ sinh chuyện. Theo khoa học thì gà mái già, để hết trứng hoặc khi buồng trứng của gà bị bệnh, không thể sản ra kích tố giới tính cái để ức chế túi tinh phát dục. Kết quả là túi tinh vốn bị thoái hoá lại có điều kiện phát triển và tiết ra kích tố đặc, khiến cho gà mái có thể gáy như gà trống.

Tiếng gáy của chim cu và gà trống là tiếng gọi bạn tình, tiếng báo hiệu chủ quyền vùng lãnh thổ và sở hữu các con mái.

Còn chữ “gáy” nói tới con người lại có nghĩa như khoe khoang, homet hỉnh quá đáng. Và khi ai đó, gân cổ lên về một vấn đề gì, thường bị dân tình gọi là “gáy”. *Thôi, ông đừng có gáy nữa, nghe điếc lỗ nín lấm!*

365. Gấu Mẹ vĩ đại



Gấu mẹ vĩ đại là cụm từ mà các ông chồng ám chỉ những bà vợ “đáng nể” của mình. Cũng có khi là nói vui, nhưng cũng có khi là

e ngại. Cụm từ này có từ khoảng những năm 1980, nghĩa là sau khi bộ phim *Những đứa con của Gấu Mẹ vĩ đại* của đạo diễn Josef Mach (CHDC Đức), công chiếu tại Sài Gòn. Phim này đã chiếu ở miền Bắc từ những năm 1970. Nói về cuộc chiến tranh giữa người da đỏ với người da trắng. Trong phim có thủ lĩnh bộ tộc Dakota, biệt danh là *Gấu mẹ vĩ đại*, người cao to, săn chắc; cưỡi ngựa, phóng dao hơn cao bồi, dân tình rất mê.

Và bây giờ có khi mấy thanh niên cũng gọi người yêu của mình là “*Gấu mẹ vĩ đại*”. Thật chẳng hiểu họ nghĩ gì, nhưng dù sao cũng có phần “nể mặt” mấy nàng.

366. Ghế ít đít nhiều

Ghế đây là chỉ cái vị trí lãnh đạo. Vị trí lãnh đạo ít là điều đương nhiên, vì “Một người lo bằng kho người làm” mà. Nhưng cứ mỗi khi có đợt bầu bán như tách tinh, nhập tinh. Rồi nhiệm kỳ mới của Quốc hội, chính phủ... Chuyện “ghế” và “đít” lại bùng lên mãnh liệt. Nên dân gian

truyền nhau câu thơ, nghe đâu của ông Bảo Sinh:

*Xem ra ghế ít đít nhiều
Cho nên đấu đá
là điều tất nhiên.*

367. Giave

Những người khốn khổ (*Les Misérables*), tiểu thuyết của văn hào Pháp Victor Hugo, xuất bản năm 1862, được đánh giá là một trong những tiểu thuyết nổi tiếng nhất của nền văn học thế giới thế kỷ 19. Tác phẩm đã được nhiều lần, nhiều đạo diễn của nhiều quốc gia chuyển thể thành phim, kịch và nhạc kịch cùng tên.

Les Misérables bản dịch đầu tiên tại Việt Nam của Nguyễn Văn Vĩnh xuất bản năm 1926, với tên “Những kẻ khốn nạn”, do nhà Trung Bắc Tân Văn ở Hà Nội in.

Trong truyện có một viên thanh tra, tên là *Javert*, diễn hình cho mẫu người chỉ biết tuân thủ mệnh lệnh một cách cứng nhắc. Cuối cùng phải tự tử, vì bị giằng xé giữa lương tâm và trách nhiệm.

Nhân vật *Javert* (Giave) nhanh chóng được Việt hóa, khi phim *Những người khổ* chiếu trên màn ảnh Hà Nội, khoảng năm 1960. Những người hay rình mò, ton hót; những kẻ chỉ biết tuân phục, không biết gì tới nghĩa tình, đều bị gọi chung là *Javert*. Và những người làm cán bộ tổ chức, tối ngày chỉ soi lý lịch người khác là bị chỉ trích nhiều nhất.

368. Già như kēng hợp tác

Kēng, mõ, thanh la vốn có từ xa xưa... Nhưng “*kēng hợp tác*” thì chỉ có từ thời hợp tác hoá nông nghiệp trên miền Bắc, năm 1958. Lúc đó cả ở nông thôn và thành thị, làm việc và nghỉ ngơi theo tiếng còi tầm và tiếng kēng. Tiếng kēng, tiếng còi tầm trở thành hiệu lệnh và như một phần cuộc sống của những lớp người thời đó. Kēng được làm có khi bằng vỏ quả bom xịt, cũng có khi là cái niềng (vành) xe ôtô cũ, đơn giản hơn có thể là một khúc sắt, miến gõ kêu to keng keng là được.

Theo thời gian, tính đến nay tuổi của “*kēng hợp tác*” cũng đã được hơn nửa thế kỷ.

369. Giả điên kiếm tiền

Chỉ những người giả ngây, giả dại, giả vờ ngơ ngác không biết gì để trực lợi.

370. Giải toả đền bù

Trong *Từ điển tiếng Việt*, (NXBKHXH, 1994), giải tỏa là từ bỏ phương tiện chiến tranh, hoặc đẩy lùi lực lượng quân sự phong tỏa để mở đường liên lạc với ngoài. Đền bù là đền lại sự thiệt thòi, sự vất vả. Nhưng chỉ 4 năm sau khi cuốn tự điển trên ra đời, năm 1998, thực tế cuộc sống đã thêm một ý nghĩa hoàn toàn mới mẻ cho cụm từ *giải tỏa đền bù*.

Đấy là năm, từ thành thị đến nông thôn ở đâu cũng có những dự án mở rộng, phát triển trên đất đai đang sử dụng của dân tình và các cơ quan, tổ chức, khiến phải tổ chức di dời, giải tỏa và tiến hành đền bù cho bên đang sử dụng.

Về từ ngữ, giải nghĩa như vậy có lẽ là tạm đủ, nhưng về vụ việc

thì thật là đăng đăng đê đê. Và mỗi nơi, mỗi nhà mỗi cảnh.

Cái ông dự án treo là một dạng đau đầu, vì đất đang canh tác, mà thu về để ngầm chơi, cho cỏ lác mọc đầy. Còn vụ đèn bù thì luôn nóng và tồn đọng nhiều năm trời, nay vẫn tiếp tục phát sinh. Một thí dụ nhỏ: (TT13/09/2013) *cho biết* nhiều hộ dân tại dự án khu công viên Lịch sử - văn hóa dân tộc (trên địa bàn P.Long Bình, Q.9, TP.HCM và một phần thị xã Dĩ An, Bình Dương) *cho biết* nhà, đất của họ đã được cơ quan chức năng kiểm kê từ năm 2006, nhưng đến nay vẫn chưa nhận được tiền bồi thường. Ông Trần Vũ Nguyên, trưởng Ban giải tỏa đèn bù số 2, thuộc dự án khu liên hợp thể dục thể thao Hòa Xuân (Q.Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng) *cho biết*, hiện dự án khu liên hợp thể dục thể thao Hòa Xuân vẫn còn nợ 408 hộ tiền đèn bù...

371. Giang sơn dẽ đổi...

Theo *Liệt tủ thang vấn*, thời xưa bên Tàu có nhà ông Ngu Công,

bị hai trái núi là Thái Hàng và Vương Ốc cản trở đi lại. Ông bàn với cả nhà dời hai trái núi này đi. Mọi người đều đồng ý, rồi bàn đem đất đá đào lên sang đổ ở bờ biển phía đông và hướng bắc cách đó khá xa. Có người giàn, ông bảo dời tôi làm không xong, thì các con tôi, cháu tôi sẽ làm tiếp.

Câu chuyện có ý chỉ người không ngại khó, ngại khổ, có tinh thần và nghị lực vững vàng. Và cũng từ đó có thành ngữ:

Giang sơn dẽ cải / Bản tính nan di. Nghĩa: *Núi sông dẽ đổi/ Tính tình (người) khó dời, để chỉ những con người bảo thủ, những kẻ ngựa quen đường cũ. Và cũng để nói lên cái khó khăn khi muốn thay đổi cái suy nghĩ đã như đóng đinh vào đầu con người ta.*

Nếu nói rộng ra, thoảng hon, cũng có thể những suy nghĩ của người ta là đúng, là chính xác, nhưng vì *bản tính* của ta cũng *nan cải* mà tự ta không nhận biết, chỉ muốn người ta phục tùng mình.

Nhân đây cũng có một thắc mắc nhỏ với NXBKHXH cũng nên xem lại và sửa đổi, nếu đúng. Hiện trong *Tù điển thành ngũ, tục ngũ Việt – Hoa*, 1999, của nhà xuất bản; trang 30 có câu: *Bản tính nan di/ giang son nan cài*, nhưng trang 52 lại có câu: *Giang son di cài/ bản tính nan di*. Vậy là sao?

372. Giặc lái



Ảnh: Phan Thoan

Từ năm 1964, khi Mỹ cho máy bay bắn phá miền Bắc, và có những phi công Mỹ bị bắt sống, giam ở Hỏa lò Hà Nội. Có ý kiến

nên gọi như thế nào với những lính Mỹ này. Và câu trả lời là: Đến bắn phá nước người ta thì gọi là giặc, “giặc lái”. Lúc đó có một bức ảnh rất ấn tượng của nhà nhiếp ảnh Phan Thoan chụp chị Nguyễn Thị Kim Lai, dân quân Hà Tĩnh, cao 1m47, nặng 37 kg, giải phi công Mỹ Robinson, cao 2m2, nặng 125kg. Bức ảnh có tên: “*Uy thế không lực Hoa Kỳ*”. Sau đổi là “*O du kích nhỏ*”. Theo đó có 4 câu thơ nổi tiếng của nhà thơ Tố Hữu:

*O du kích nhỏ
giuong cao súng.
Thằng Mỹ lèn khênh
bước cúi đầu.
Ra thế! To gan hơn béo bụng.
Anh hùng đâu cứ phải
mày râu!”*

Bức ảnh này đã được triển lãm toàn quốc 1966; 1967 được đưa lên Tem thư của Bưu điện Việt Nam, Huy chương vàng Bulgaria 1968.

Và năm 2003 được xếp vào 100 tác phẩm của “*100 năm kiệt tác nhiếp ảnh Việt Nam*”.

Nghệ sĩ nhiếp ảnh Phan Thoan được Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật năm 2007.

Theo thời gian, từ “giặc lái” còn được dùng để chỉ cánh lái xe, nhất là xe tải đường dài hay chạy cướp đường, bạt mạng. Còn bây giờ xe Ben, xe container và trong một chừng mực nào là cả xe buýt thì được dân tình gọi là “hung thần đường phố”

(xem mục 418).

373. Giặc nhà trời (thần sấm, con ma, F105, F111...)

Từ năm 1964, khi Mỹ đem bom đạn bắn phá miền Bắc, trong đó có rất nhiều máy bay tiêm kích, cường kích hiện đại, với những cái tên nghe đã kinh hồn: Nào *thần sấm*, nào *con ma*, rồi *thanh bảo kiếm*, *giặc nhà trời*... Nhưng không những không đưa được miền Bắc về thời đồ đá cũ như lời tuyên bố huênh hoang của Tổng thống Mỹ Nixon, mà ngay cả Pháo đài bay B52, bất khả xâm phạm cũng bị phơi thây vì quân dân ta. Và lịch sử lại tạo nên một Điện Biên trên không buộc Mỹ

phái ngồi vào bàn đàm phán và ký hiệp ước công nhận toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, và chấm dứt can thiệp, cũng như rút hết quân về nước.

Tính chung từ 1964 đến 1972, có 472 phi công Mỹ bị ta bắt trong cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân ở hầu hết các tỉnh miền Bắc.

374. Gò Vấp...

Gia Định Thành thông chí của Trịnh Hoài Đức, ghi vào triều Gia Long, năm 1818, vùng đất mang tên Gò Vấp rộng lớn nằm trong địa phận các tổng Bình Trị và Dương Hòa thuộc huyện Bình Dương.

1894, Pháp cho mở rộng Sài Gòn, huyện Bình Dương của tỉnh Gia Định ở phía Bắc và tỉnh Chợ Lớn ở phía Nam trở thành các khu ngoại ô của thành phố Sài Gòn.

Theo các nhà nghiên cứu, tên Gò Vấp, xưa gọi là Gò Vấp, do trước đây là vùng đất “gò”, cao hơn 11m so với mặt biển, có trồng nhiều cây Vấp, tiếng

Chăm là Krai, tiếng Việt là vấp hoặc vấp.

Tự vị Tiếng Việt miền Nam của Vương Hồng Sên, mục Gò Vấp, trang 170 và mục Gò Vấp, trang 171: Gò Vấp (Vấp), vùng sán xuất thuốc hút ngon gọi là thuốc Gò.

Với người Việt, từ xưa, điếu thuốc, miếng trầu là đầu câu chuyện. Trầu Bà Điểm, Hóc Môn nổi tiếng, ai cũng biết. Còn thuốc Gò thì sao? Đã đi vào dĩ vãng, nay chắc chẳng còn ai nghe tới, Cũng vì lẽ đó muôn ghi lại đôi dòng.

Thuốc rẽ Gò Vấp từng là “đặc sản” nổi tiếng lục tỉnh, đã đi vào

Phú cổ Gia Định:

*Trầu Sài Gòn ăn cay một miếng/
Thuốc Gò Vấp hút đã một hơi.*

Cũng có chỗ ghi:

*Trầu Sài Gòn xé ra nửa lá /
Thuốc lá Gò Vấp hút đã một hơi.*

Câu sau có vẻ nghe không chỉnh lắm. Rõ ràng câu trên đối từng vế, từng chữ đâu ra đó.

375. Gợ rắng đê

Eugénie Grandet là cuốn tiểu thuyết được coi là tác phẩm ưu tú nhất trong bộ *Tấn trò đời*

của Honoré de Balzac, trong đó có nhân vật lão Grandet, một tư sản nổi tiếng giàu có, khôn ngoan và đặc biệt vô cùng keo kiệt, là một “nô lệ của tiền bạc”. Lão yêu tiền hơn yêu vợ, con và cả chính mình. Vợ ốm, lão sợ tốn tiền thuốc, vợ chết thì lão sợ phải chia gia tài cho con gái. Ngay khi cận kề với cái chết, chỉ cần nghe tiếng những đồng tiền vàng va vào nhau keng keng là lão cũng như tỉnh lại, “cặp mắt đã chết đờ từ lâu, bỗng sáng lên”, “... và cái chóp mũi của lão động đậy lần cuối”.

Honoré de Balzac, sinh: 20/5/1799, Tours, Pháp. Mất: 18/8/1850, Paris, Pháp là nhà văn hiện thực Pháp lớn nhất nửa đầu thế kỷ 19, bậc thầy của tiểu thuyết văn học hiện thực.

Khoảng những năm 60 của thế kỷ trước, những kẻ bần tiện, coi đồng tiền là trên hết bị dân Hà thành gọi là Grandet (*Gợ – rắng – đê*). *Thằng đó nó Gợ rắng đê lắm – nó keo kiệt, bẩn xỉn lắm.*

Bây giờ ngôn từ này tuyệt không thấy dùng nữa.

H

376. Hà Bá bắt

Hà Bá là một vị thần cai quản sông, còn *Thổ công* (*Thổ Địa*) là một vị thần cai quản đất đai. *Hà Bá* chỉ được người ta thờ ở ven những con sông để cầu cho mọi người không gặp nạn trên sông và cầu cho mọi người bắt được nhiều cá trong mùa mưa. Theo *Tâm nguyên từ điển* của *Bửu Kế*, *Nhà sách Khai trí ấn hành 1962*: Phùng Di chuyên việc trị thủy, ngày tháng tám sang sông bị chết chìm, trời phong làm *Hà bá*. *Hà Bá* thường được miêu tả là một ông lão râu tóc bạc trắng tay cầm một cây gậy phát tràn với một bầu nước uống, ngồi trên lưng một con rùa và cười vui vẻ.

Dân gian có câu: *Đất có thổ công, sông có Hà Bá*. Ý nói, ở

đâu, làm gì cũng có luật lệ, không thể tự ý, tự quyền muốn làm gì thì làm.

Lại có câu: *Hà Bá bắt*.

Truyền thuyết: Dân đất Nghiệp, một huyện đời Hán, nay là huyện Lâm Chương, tỉnh Hà Nam, có tục hàng năm cúng (ném xuống sông) một người con gái đẹp làm vợ cho *Hà Bá*. Tây Môn Báo, đến làm quan đất Nghiệp, ông đã lần lượt ném những ông đồng, bà cốt xuống sông, nhờ bọn họ xuống nói với *Hà Bá* xin hoãn lại hôm khác, để tìm người đẹp hơn...

Từ đây dân đất Nghiệp không ai dám nhắc đến truyện *Hà Bá* lấy vợ nữa.

Áy là chuyện xưa bên Tâu.

Còn ở Việt Nam ta, thì *Hà Bá* vẫn ám ảnh, mỗi khi mùa lũ

về. Và hàng năm, nhất là miền Trung vẫn có nhiều người nghèo (không phải những con gái đẹp), bị cống tiến cho *Hà Bá*, bị lũ cuốn trôi. Kẻ tin, người không tin, nhưng người chết vì nước, dân tình vẫn nói là bị *Hà Bá bắt*.

Thành ngữ này có từ xưa rất xưa rồi, chí ít cũng vài trăm năm có lẻ.

377. Hà nhì

Hà Nội là thủ đô của Việt Nam từ năm 1946, hiện nay (từ 2008) sau khi nhập toàn bộ tỉnh Hà Tây, huyện Mê Linh (Vĩnh Phúc) và 4 xã của huyện Lương Sơn (Hòa Bình), trở thành thành phố đứng đầu Việt Nam về diện tích với 3.328,9 km² (rộng gấp 3,6 diện tích trước đó) và là địa phương đứng thứ nhì về dân số với 6.699.600 người.

Hà Nội nằm trong số 17 thành phố, thủ đô có diện tích lớn nhất thế giới.

Tuy nhiên, đây là nói về địa giới, số dân đơn thuần. Còn về lối sống, phong cách cũng còn những khoảng cách nhất định,

và rõ nhất là giọng nói mất dấu huyền, thêm dấu sắc như của Hà Tây. Ví dụ, con *bò vàng*, thì nói là *con bo vang*. Anh bộ đội đèo em một cái, thì nói, *anh bộ đội đèo... em một cái...*

Chạy xe trên đường cũng thật đáng lưu tâm, vì cứ muốn rẽ là rẽ, muốn dừng là dừng, không cần gio tay, gio chân gì cả. Tên đường, tên phố cũng là một vấn đề. Có lần tôi ngồi với một anh bạn, nói là người Hà Nội. Hỏi thế cậu ở phố nào? Anh cứ cười cười mãi mới trả lời: Em ở phố... Chùa Hương.

Dân Hà Nội cũ bảo, đó là dân Hà Nội 2, tức *Hà nhì*, mới nhập vào từ 2008.

378. Hà Nội mùa này...



3/11/2008, sau 3 ngày mưa lớn, nước đã rút nhưng nhiều tuyến phố ở Thủ đô vẫn chìm dưới

nước sâu. Sau 2 ngày ngập lụt, Hà Nội đã thiệt hại vào khoảng 3.000 tỉ...

Và đúng vào cái dịp đó, bài hát *Hà Nội mùa vắng những con mưa* của Bùi Thanh Tuấn và Trương Quý Hải được cải biên và lan tỏa từ Bắc vào Nam:

*Hà Nội mùa này phố cũng
như sông/ Cái rét đầu đông môi
em thâm thâm giá lạnh/ Hoa sữa
thôi roi/ em tôi boi cả ngày trên
phố/ Đường Cổ Ngu ngập tràn
nước sông Hồng... / Hà Nội mùa
này lòng bao thương xót/ Quán
cóc nước lên ngập ngang mông/
Hồ Tây tràn qua Mỹ Đình/ Hà
Nội lòng bao đau đớn/ Ta nhó
đêm nao lạnh đòi tay/ Cho đến
hôm nay lạnh đòi chân/ Giờ đây
lạnh luôn toàn thân.*

379. Hà Nội to và nhỏ

Khoảng 10 năm trở lại đây, có một bài “văn xuôi xuống hàng”, về thơ phú, văn vẻ thì cũng chẳng mấy hay, nhưng ý tứ thì thật đáng suy ngẫm. Bài thơ dạng tả thật, ai đọc cũng hiểu ngay nên khỏi phải bình:

*Việt Nam là một nước nhỏ
nhưng có Hà Nội to
Hà Nội to có những
con đường nhỏ
Những con đường nhỏ
có biệt thự rất to
Trong những biệt thự rất to
có những cô vợ nhỏ
Những cô vợ nhỏ
có chồng làm rất to
Những ông chồng làm to
có chiếc cặp nhỏ
Trong cặp nhỏ có những
dự án rất to
Dự án rất to nhưng
trách nhiệm nho nhỏ
Trách nhiệm nho nhỏ
nhưng thoát rất to.*

Nguồn: <http://tuotrequynhon.com>

380. “Hạ cánh an toàn”

Là câu dân gian (từ những năm 1980) chỉ những người khi đương chức có vấn đề tiêu cực, chọn con đường về hưu để tránh bị xử lý trách nhiệm về sai phạm của mình. Nhưng theo Phó Tổng Thanh tra Nhà nước Vũ Phạm Quyết Thắng (2006), với tinh

thần đổi mới, từ nay, sẽ không có việc “*hở cánh an toàn*”.

Và Tổng bí thư Nông Đức Mạnh, trong phát biểu bế mạc Hội nghị lần 3 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X, nói: “*Các cấp ủy Đảng phải tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan chức năng thực thi pháp luật trong trường hợp cán bộ, công chức trong tổ chức của mình có hành vi tham nhũng, lãng phí cầm xử lý, không được dung túng, bao che. Người có hành vi tham nhũng phải bị xử lý kiên quyết, kịp thời, nghiêm minh về trách nhiệm hành chính hoặc hình sự, bất kể người đó là ai, ở cương vị nào, dù đương chức hay nghỉ hưu*”...

Thế nhưng, bây giờ là năm 2013 rồi đấy!?

381. Hẹ cờ tây

Hẹ là giết, là làm thịt, cờ tây là cây tơ, là làm thịt con chó non.

382. Hai xoa một đậm

Nghề nông thường vất vả, sáng sớm đã ra đồng, trưa nghỉ ít

phút ăn cơm ngay bờ ruộng, tối sẩm mới về nhà, thì đã đuổi lâm. Vì vậy, ở nhiều vùng nông thôn miền Bắc, cơm nước xong, uống vài ngụm trà tươi hay nước vối là mọi người đi ngủ. Thức ra thức thì lúc đó cũng có TV để xem, games show để chơi hay chát chít gì đâu. Đặc biệt là trước khi lên giường, từ lớn tới bé đều làm động tác, xoa xoa, rồi đậm đậm hai bàn chân vào nhau cho đất, cát bung ra, thế là chui vào màn (mùng) ngủ. Dân thành thị có dịp đi thực tế, đã rút ra công thức việc rửa chân ở nông thôn là “*hai xoa một đậm*”. Và những năm 1960 – 1975, hễ cứ nói “*hai xoa một đậm*”, là hiểu đi rửa chân đi ngủ.

383. Hải Phòng trông thế mà...

Cũng giống như bài *quốc ca Thanh Hóa*, bài *Hải Phòng trông thế mà...* do chính người Hải Phòng tự trào về mình. Cũng thật là vui, khi bài thơ xâu chuỗi các địa danh nghe có vẻ lạ lẫm, nhưng lại chứa đựng trong đó bao nhiêu tình cảm, trăn trở

của người Hải Phòng về những dấu tích lịch sử hàng trăm, hàng nghìn năm không phai mờ của thành phố cảng:

*Hải Phòng trông thế mà khờ
Cầu thì rào lại, đồ thì đem son
Sông thì Cấm, chợ thì Con
Lại thêm Chợ đổ
còn buôn bán gì*

*Sông thì lấp lại không đi
Lại đi Cầu Đất còn gì hơn*
Cầu Rào bắc qua sông Lạch Tray, trên đường Hải Phòng đi Đồ Sơn. Cầu thuộc địa phận làng Rào, tên nôm của làng An Khê, nên có tên gọi như vậy. Cầu làm bằng sắt, dài 174m... Sau chiến tranh chống Mỹ, tháng 8-1976, cầu Rào được làm lại ở vị trí hiện nay. Ngày 20/12/2012 một cây cầu nữa bắc qua khúc sông này được khánh thành với tên gọi là Cầu Rào 2.



Sông Cấm là một nhánh sông ở hạ lưu thuộc hệ thống sông Thái Bình, chảy qua địa phận Hải Phòng, có chiều dài tổng cộng khoảng 7.000 m, đi qua và làm ranh giới giữa các địa phương như huyện An Dương, huyện Thủy Nguyên, các quận Hồng Bàng, Ngô Quyền, Hải An.

Có hai khúc sông tên *Sông Lấp*, là sông Vị Hoàng, tỉnh Nam Định, sau bị phù sa lấp đọng, bồi lấp. Còn *Sông Lấp* Hải Phòng, vốn là nhánh nhỏ của dòng sông Cấm ăn thông tới sông đào Tam Bạc, con sông đào có từ năm 1886. Năm 1925, một phần sông được lấp từ cổng Cảng Hải Phòng đến đoạn Nhà triển lãm thành phố. Năm 1985 đoạn sông còn lại được cải tạo thành hồ Tam Bạc.

Chợ Đổ, nay là Chợ Tam Bạc, chính thức hoạt động vào ngày 8/5/1985. Do năm 1972 giặc Mĩ bắn phá đã ném bom làm chợ bị hư hỏng nặng.

Phố *Cầu Đất* là một trong những phố bánh, kẹo cổ truyền của Hải Phòng, nổi tiếng trước

đây giữa hai làng An Biên và Gia Viên có con lạch nhỏ của sông Tam Bạc đổ vào sông Cấm. Con lạch này là tiền thân của kênh đào Bonnan được đào vào năm 1885. Bắc qua lạch, có một chiếc cầu nhỏ bằng tre, trên mặt đắp đất nên gọi là *Cầu Đất*. Tên phố có nguồn gốc từ đó.

Thời Pháp thuộc Hải Phòng có phố Route de Marche de Cho Con. Vì người Pháp đặt khu *Chợ Sắt* ở khu nhượng địa, là *Chợ Lớn* nên ở khu bản xứ gọi là *Chợ Con*. Phố thuộc địa phận phường Hàng Kênh, tuy nhỏ nhưng có vị trí thuận lợi cho việc đi lại và buôn bán nên dân các xã Hàng Kênh, Dư Hàng, rồi từ Kiến Thụy, Đồ Sơn, Hải An trước đây thường đem hàng hóa tới bán. Lúc đó phố Chợ Con còn gồm *Chợ Con* hiện nay và một đoạn của đường Hồ Sen, thông ra phố Tô Hiệu ở ngã tư Trại Cau.

384. Hàng

Hàng ở đây là trong chữ hàng hóa mà ra. Và đã là hàng hóa thì

có mua bán, có trao đổi... có giới thiệu, quảng bá hàng.

Tuy nhiên, có những loại hàng đặc biệt, mua bán lộ ra có khi tù luôn. Vì vậy phải kín tiếng. Ví dụ, các loại hàng cấm, ma túy, khi trao đổi thông tin chỉ nói: *Có hàng không?* Hay, *hàng* về rồi đấy. Gái mồi dâm cũng gọi là *hàng*. Và trong trường hợp các em muốn tự giới thiệu, thì gọi là *xô hàng*. Còn trong trường hợp bị phát hiện hoặc vô tình để người ta biết, thì gọi là *lộ hàng*.

385. Hàng cung cấp

Thời bao cấp, giai đoạn từ 1960 – 1975, mọi thứ từ ăn mặc, đến cùi lừa... mọi thứ đều phân phối theo đối tượng riêng biệt. Cán bộ công nhân viên chức thì có các loại tem phiếu mua thịt, cá, rau dưa theo từng tháng và theo nhân khẩu trong gia đình. Vải vóc, áo quần, vỏ ruột xe đạp... thì phân phối theo năm.

Còn cán bộ trung cao, chia làm hai loại. Từ thứ trưởng trở lên mua hàng ở Cửa hàng dành riêng Tôn Đản. Cán bộ cục vụ,

giám đốc (Nhà nước thôi, tư nhân không dự vô), thì mua ở Cửa hàng Nhà thờ, Sen Hồ...

Lẽ dĩ nhiên là chức vụ càng cao, hàng hóa càng phong phú, đa dạng và càng chất lượng hơn. Và cũng có phần rẻ hơn thị trường.

Từ ngữ dùng cũng có khác, lớp dưới thì ăn theo *phân phối*, có nghĩa là chia sao hưởng vậy. Trên thì được *cung cấp*, là đem lại cho, làm cho có thú cần dùng(TDTV, NXBKHXH, trang 242).

386. Hàng độc

"Hàng" là hàng hóa. *"Độc"* không có nghĩa là độc hại, là có chất độc, mà là độc đáo, đặc biệt. *"Hàng độc"* theo cách nói dân gian là hàng độc đáo, đặc biệt, hàng hiếm.

387. Hàng hiệu



Harley davidson v-rod muscle 2009

Là hàng đã có thương hiệu, có tên tuổi trên thương trường. Chẳng hạn như giày có Adidas, điện thoại di động có Vertu, áo quần có Levis, hàng chục năm nay, quần Jeans Levis đã và luôn ăn khách ở Việt Nam. Nước hoa thì có Channel, son phấn có Estr Lauder. Máy tính thì hiệu Apple, Dell luôn là *"hàng hiệu"*. Lên tới xe máy thì chí ít cũng phải SH, Dylan... ; xe hơi thì Mercedes, BMW... Gần đây thì bầu Đức (Đào Nguyên Đức) của Hoàng Anh Gia Lai đã "chơi" luôn cả máy bay rồi.

Từ khi cuộc sống khá lên, người Việt Nam bắt đầu quan tâm tới hàng hiệu. Ngay cả ăn uống... cũng tìm hàng hiệu cho *"hoành tráng"*.

"Hàng hiệu" nhiều khi dân chơi cũng gọi là *"hàng khủng"*.

388. Hàng nghĩa địa



"Hàng nghĩa địa" là hàng phế thải, thậm chí là lấy từ những bãi rác. Vì khan hiếm từ nguyên vật liệu (sắt, thép...) cho tới thiết bị, phụ tùng, máy móc (xe máy, vi tính, TV...) đặc biệt lách được thì rất hời, các doanh nghiệp Việt Nam đã bắt chấp độc hại, nguy hiểm cho cộng đồng, và xé rào cả pháp luật, từ những năm 2000 cho đến 2011, hàng trăm ngàn tấn rác đủ loại đã được nhập vào Việt Nam.

Nguồn tin từ *laodong.com.vn*: Ngày 23.10.2007, phát hiện liên tiếp 3 vụ nhập hàng trăm container rác thải. Theo đó ngày 22.10, lô hàng của DNTN Nghệ Phong có trụ sở tại ấp Voi Lá, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An bị phát hiện có 17 container chứa đầy rác bốc mùi hôi thối kinh khủng. Uớc tính trọng lượng ban đầu của 17 container rác này lên đến hàng trăm tấn.

Chưa hết, còn vụ 13 container hàng của Cty TNHH SX-TM Quang Hưng Thịnh trụ sở đăng ký kinh doanh là số A6/ 11E,

ấp 1, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh - TP.HCM nhập về cung toàn đồ phế liệu hôi thối không thể nào chịu nổi.

(*Anninhthudo.vn*, 25-11-2011): Mỗi năm có hàng trăm nghìn tấn rác thải, phế thải được nhập khẩu vào nước ta như: nhựa, sắt phế liệu, máy tính, ác quy chì cũ. Có dấu hiệu xuất hiện, hình thành các ổ nhóm, đường dây vận chuyển, kinh doanh rác, phổ biến ở các cảng biển lớn như: Hải Phòng, Quảng Ninh, TP. Hồ Chí Minh...

389. Hàng nhái

Nhái là nhái lại, nhại lại như khi người ta nói gì, mình không ưa hoặc bất chược lời nói, điệu bộ cho giống, có ý diều cợt, trêu đùa. Hàng nhái là hàng làm giống mẫu mã một loại có trước, trong trường hợp hàng đó có đăng ký bản quyền, hoặc giả không những họ không hợp tác sản xuất, thì nhái là ăn cắp mẫu mã, là làm hàng giả.

Đây có lẽ là một trong những “thế mạnh” của người Việt mình,

làm giảm rất nhiều uy tín và khả năng cạnh tranh của hàng Việt Nam. Từ lâu và đến tận bây giờ, câu: Hồng Kông bên hông Chợ Lớn (*xem mục 414*) vẫn nguyên giá trị.

Chúng ta hay tự khen mình, nhưng thử nghĩ xem nhận xét này có đúng không, người Việt Nam thông minh thật, nhưng thường ưa bắt chước hơn là sáng tạo.

390. Hàng rào điện tử MacNamara

Hàng rào điện tử MacNamara là tên gọi cho hệ thống các phương tiện điện tử phát hiện thăm nhập được quân đội Mỹ sử dụng dọc theo khu phi quân sự ở vĩ tuyến 17 và đường mòn Hồ Chí Minh như một biện pháp trinh sát mặt đất tự động nhằm phát hiện các hoạt động vận chuyển của Quân đội nhân dân Việt Nam qua khu vực này trong thời kỳ chiến tranh Việt Nam.

Được quyết định xây dựng từ tháng 6 năm 1966, dưới sự chỉ đạo trực tiếp và mang tên của bộ trưởng quốc phòng Mĩ

Robert McNamara, hệ thống này bao gồm 17 căn cứ quân sự, kết hợp với hệ thống hàng rào dây thép gai, bã mìn, các thiết bị trinh sát điện tử mặt đất và trên không (radar, máy cảm ứng âm thanh, cảm ứng địa chấn...) được bố trí liên hoàn trong khu vực có chiều rộng 10–20 km, dài khoảng 100 km từ cảng Cửa Việt lên đường 9, tới biên giới Việt Nam – Lào (sang Muồng Phìn). Công trình tiêu tốn 2 tỉ Mỹ kim.

Hàng rào MacNamara được Mỹ coi là bất khả xâm phạm, nhưng công trình này đã xem như bị phá sản từ sau năm 1968, sau khi Quân đội nhân dân Việt Nam mở cuộc Tổng tiến công Mậu Thân và cuộc tấn công căn cứ Khe Sanh.

391. Hàng Sida



Là tên gọi của một số mặt hàng cũ được bày bán ở khắp nước.

Vào cuối thập niên 1980 đến đầu thập niên 1990, tổ chức SIDA của Thụy Điển (*Swedish International Development Cooperation Agency* - Tổ chức hợp tác phát triển quốc tế Thụy Điển) có những chương trình viện trợ cho Việt Nam. Một trong những hành động đó là việc quyên góp các quần áo cũ của người dân, giặt giũ, làm sạch rồi đóng thùng gửi tới Việt Nam. Nhưng khi tới Việt Nam, do một vài lý do nào đó, các thùng quần áo này không được phát trực tiếp cho những người nghèo mà lại trở thành một mặt hàng bày bán ngoài thị trường. Chúng thường được những người kinh doanh bán tại vỉa hè hay trong những cửa hàng nhỏ. Một số nơi tập trung thành những chợ bán đồ Sida, như ở Kim Liên, Hà Nội. Những mặt hàng này với chất lượng còn tốt và giá cả thấp đã rất phổ biến, đặc biệt trong giới trẻ.

Những năm sau đó, khái niệm “đồ (hang) Sida” được dân

gian dùng để gọi chung những mặt hàng cũ đã qua sử dụng như túi xách, giày dép, quần áo của nước ngoài vào thị trường Việt Nam. Từ “đồ (hang) second hand” cũng được dùng với nghĩa tương tự như vậy.

392. Hành chính

TDTV, NXBKHXH, trang 373, hành chính: 1. Sự trông nom và thi hành các công việc nội tri, ngoại giao, quốc phòng, giáo dục, giao thông... của Nhà nước. 2. Việc thi hành có kế hoạch các công việc của cơ quan, đoàn thể.

Xin bổ sung thêm TDTN Hán – Việt, NXBTP.HCM 1988: Áp dụng máy móc những thủ tục giấy tờ từ cấp trên xuống cấp dưới: *Chính trị lãnh đạo văn nghệ, không phải bằng mệnh lệnh hành chính (Trường Chinh).*

Có thể nói, từ lâu rồi, các nhà lãnh đạo ta, chí ít là ông Trường Chinh đã nhận ra bệnh quan liêu giấy tờ của các cơ quan hành chính. Nhưng rồi sửa mãi, sửa mãi mà bệnh vẫn

hoàn bệnh. Chính vì thế dân tình cứ lật ngược, lật xuôi mãi chữ hành chính, và chợt phát hiện quá đúng, quá đúng. Chữ hành chính chẳng phải là hành chính thì còn là cái gì?! Để diễn nôm cho dễ hiểu nhé: Hành, như hành hạ; chính đối với phụ và cũng có nghĩa là thích đáng. Túm lại, hành chính, tức hành, là... chính, việc khác là phụ. Hoặc, hành hạ cho thích đáng.

Chắc không đúng 10 phần cũng được tám, chin phần phải không các vị.

393. Hạt mít lùi tro...

Ngày nhỏ, giống như trò chơi *nu na nu nống*, thỉnh thoảng bọn trẻ tụ tập đong, thường chơi trò, giống như truy tìm thủ phạm xem kẻ nào đã xì hơi, với bài đòng dao đi vào ký ức:

Hạt (trong Nam nói: *ốc*) *mít lùi tro/ Ăn no té địt / Thằng cha nào địt / Phải noi cho mau / Thằng cha nay địt.*

Từng từ, từng từ một, sẽ được điểm theo từng người. Và từ “địt” xỉ nhảm đúng ai, thì người

đó chính là “thủ phạm”, bị loại ra khỏi cuộc chơi.

Thế mới thấy, cái rắm “bé” vậy, nhưng cũng rất đáng quan tâm, với trẻ con là trò chơi, nhưng với người lớn không nên vô tư quá, Vừa mất lịch sự, vừa có khi làm mất đoàn kết nội bộ, nghi kị lẫn nhau (*xem mục 140*).

394. Hăng rết

Một câu nói lái vui, chỉ những cụ già móm mém. Cụ *hăng rết*, là cụ *hết răng*. Cũng giống như, khi có người giục đi đâu đó, thì nói chờ bà nhà tôi *són phân* chút. Không phải bà ấy đi toilet đâu, đi trang điểm – phấn son cho tươi chút mà.

395. Hắc xì dầu (ám, xì xắng)

“*Xì dầu*” (nước tương) là một loại nước chấm được sản xuất bằng cách lên men hạt đậu tương, ngũ cốc rang chín, nước và muối ăn. Nước chấm này, có nguồn gốc từ Trung Quốc, được sử dụng khá phổ biến trong ẩm thực châu Á, gần đây cũng xuất hiện trong một số món ăn của

phuong Tây. Các loại xì dầu đều được bổ sung thêm một chút rượu khi đóng chai, có tác dụng như là chất bảo quản chống hư hỏng. Xì dầu nói chung nên được bảo quản nơi râm mát, tránh bị nắng chiếu trực tiếp. Chai xì dầu đã mở nắp mà không được lưu giữ nơi có nhiệt độ thấp sẽ hơi bị đắng.

Mặc dù có nhiều loại xì dầu, nhưng tất cả đều là chất lỏng màu nâu đen, có vị mặn, được sử dụng để tạo gia vị khi nấu ăn hay làm nước chấm.

“Hắc” là đen, “xì dầu” cũng đen. “Hắc xì dầu” là đen “hai lần đen”, nghĩa bóng chỉ kẻ khó chịu, kẻ dữ dàn. Chẳng hạn: Thằng cha ấy (ông ấy) rất là hắc xì dầu. “Hắc xì xăng” cũng có nghĩa tương tự.

396. Hậu sinh...

Xưa nay người ta hay nói: “*Hậu sinh khả uý*”, để khen lớp người sau hơn lớp người trước và cho rằng như thế là “*Con hon cha, nhà có phúc*”. Nhưng thời thế bây giờ đổi thay, lớp hậu sinh

bây giờ có người chưa nói tài giỏi đến đâu, nhưng lẽ nghĩa thì quên hết cả. Gặp người lớn, thậm chí thầy cô mình cũng giương mắt nhìn. Đừng nói “Nhất tự...” mà đến thập, bách... tự cũng chẳng “vi sư” gì cả. Và cũng từ lâu, bên cạnh “*Hậu sinh khả uý*”, còn một vế: “*Hậu sinh khả ố*” – kẻ sinh sau không ưa, để chỉ những thanh thiếu niên không biết trước, biết sau, không kính trên nhường dưới, “*chưa đỡ ông Nghè đã đe hàng tổng*”, lúc nào cũng dương dương tự đắc...

397. Hết xí quách

“Xí quách” xuất xứ từ chữ *Tru cốt* (xương heo), theo tiếng Quảng Đông. Nhưng sau cứ là xương, bất luận là của trâu, bò, heo... trong nồi nước dùng vớt ra thì đều được gọi là “Xí quách” hay “Xiu quách” (do cách đọc, cách viết dựa vào âm tiết vùng miền mà ra).

“Xí quách” là một món ăn bình dân và thông dụng ở Việt Nam với những những đoạn xương heo, bò hoặc dê, gà..., còn bám lại những lớp mỡ, lớp gân, lớp

tuỷ xương... đã chín nhù. Món ăn này dân nhậu bình dân rất ưa thích, đặc biệt là tại TP.HCM.

Như vậy cũng có thể hiểu “Xí quách” là cái phần vót vát, còn lại sau khi người ta đã lấy đi những gì tinh tuý nhất. Và khi nói tới một con người mà bảo rằng “nó hết xí quách rồi” – hết cả cái phần chót, vét lại, thì cũng có nghĩa như là hết pin, hết sức,... thua! Thường thì từ ngữ này được dùng với nghĩa bóng để ám chỉ sự mệt mỏi quá độ, nhưng nó cũng nói về năng lực “trả bài” của các quý ông mà “trên bao dưới không nghe” nữa. Trong bàn nhậu, không dzô, dzô được nữa, rồi cho “chó ăn chè”... cũng được coi là “hết xí quách”.

Theo y học “hết xí quách” là “hội chứng mệt mỏi kinh niên” (chronic fatigue syndrome, viết tắt là CFS). Hội chứng CFS thường xảy ra ở phụ nữ nhiều hơn, gần như gấp đôi so với nam giới, lứa tuổi thường là 25-45. Trong đó triệu chứng mệt mỏi rõ ràng là chính (100%). Một số công trình nghiên cứu những

năm 1990 ghi nhận CFS có liên quan đến nhiễm siêu vi như retrovirus, enterovirus... Việc chữa trị hội chứng này có khó khăn vì khó xác định nguyên nhân, nên chỉ có thể gọi đó là “mệt mỏi vô cớ”.

398. Hiện đại

Nói lái là “hại điện”.

Nuốt ta, đang bước vào giai đoạn, công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Có một thực tế là việc rao giảng thì diễn ra hàng ngày, trong các diễn văn, báo cáo, mà tiến trình thực hiện phải tính hàng thập niên. Còn trước mắt chỉ thấy càng “hiện đại” bao nhiêu thì chỉ số điện hàng tháng càng tăng bấy nhiêu. Câu này nhằm chỉ trích những cái gọi là hiện đại, nhưng thực tế không thấy được mấy tiện ích, mà chỉ thấy hao điện, thấy tốn kém mà thôi.

399. Hiệu bụt

Hiệu bụt hay *tên hèm* trong văn hóa Á Đông, Tàu gọi Thụy hiệu, là tên được đặt cho những người quá cố, thường là vua chúa sau

khi băng hà. Thụy hiệu, cùng với miếu hiệu và niên hiệu là một trong những cách để gọi tên vua trong các nước Trung Quốc, Triều Tiên, Nhật Bản, và Việt Nam.

Lê Văn Hưu lý giải điều này, được các sử gia đời Hậu Lê ghi lại trong *Đại Việt sử ký toàn thư*: *Thiên tử và hoàng hậu khi mới băng, chưa chôn vào son lăng, thì gọi là Đại Hành hoàng đế. Đại Hành Hoàng hậu. Đến khi lăng tẩm đã yên thì hợp bảy tội bàn xem đúc hạnh hay hay dở để đặt thụy là mỗ hoàng đế, mỗ hoàng hậu, không gọi là Đại Hành nũa.*

Như thế xem ra, vua – người – tốt, xấu, khi mất đi vẫn bị “phán xét”. Và ở ta cũng đã có tiền lệ. Ví dụ vua Lê Long Đĩnh nhà Tiền Lê, ăn choi sa đọa, đến nỗi ngồi không nổi, phải nằm mà thiết triều, có thụy hiệu xấu là Ngọa Triều.

Một số trường hợp được đặt tên thụy bằng Mạt Đế, nghĩa là hoàng đế cuối cùng, như Hậu Lương Mạt Đế Chu Hữu Trinh, Đông Ngô Mạt Đế Tôn Hạo. (*Theo Wikipedia*)

Phong tục này hay thật, công bằng thật, rất đáng lập lại để “bia đá” khắc ghi công tội cho rõ ràng cho hậu thế biết.

400. Hilton Hanoi

Hỏa Lò được thực dân Pháp xây năm 1896, làm ngục thất trung ương của cả hai xứ Trung và Bắc Kỳ, lúc đó nằm ở ngoại vi thành phố Hà Nội. Nơi đây giam giữ nhiều hạng người, trong đó có những tù phạm chính trị, những người yêu nước chống lại chính quyền thực dân Pháp. Tên tiếng Pháp của nhà tù này lúc bấy giờ là Maison Centrale và tiếng Việt là Ngục thất Hà Nội.

Trong thời kỳ Mỹ ném bom bắn phá miền Bắc, đây là nơi giam giữ phi công lái máy bay Mỹ bị bắn rơi cho đến sau Hiệp định Paris 1973. Các tù binh phi công Mỹ gọi ngục Hỏa Lò là “*Hilton Hanoi*”. Trong các tù binh Mỹ, có đương kim nghị sĩ Mỹ John Mc Cain (ảnh 2), người sau này tích cực ủng hộ cho cuộc đấu tranh giành độc lập thống nhất của nhân dân Việt Nam. Và ngày

nay tiếp tục ủng hộ Việt Nam trong quan hệ song phương với Mỹ và trên trường quốc tế.

Hình ảnh sinh hoạt của phi công Mỹ ở Hỏa lò đã được các nhà làm phim CHDC Đức lúc đó đưa lên màn ảnh dưới tựa đề “*Phi công trong bộ quần áo ngủ*”, với một bài hát rất cuốn hút mà thanh niên Hà Nội lúc đó chắc ai cũng thuộc:

“Mình tôi lái F4H ra Bắc kỵ/ bị phi công Việt Nam bắn tôi rơi ngay/ Chiếc xe trâu đưa tôi về noi Hilton/ ... tìm đâu thấy bóng quê nhà.

Hoàng hôn xuống / gió bát
ngát / Mây trắng mênh mông/
Hàng dương liễu/ đưa trong gió/
phất phơ bên sông/ Chốn quê xưa/
ven Sông Hồng/ là nơi cố hương/
Và nụ cười nghìn năm xưa vẫn
yêu thương.”

Ngày nay, Hỏa Lò chỉ còn lại một góc nhỏ làm nơi tham quan cho du khách (ảnh 1); khu vực còn lại là cao ốc thương mại với tên Tháp Hà Nội (ảnh 3). Khu trại giam hiện chuyển xuống Xuân Phương, Cầu Diễn, Từ Liêm, Hà Nội.



1



2



3

401. Hồ Huế

Trước hết phải xin lỗi dân Huế, vì đây chỉ là đùa nghịch, chọc quê mấy anh say xỉn tí thôi. Vì

khi say, trước giai đoạn cho chó ăn chè (*xem mục 191*), các anh thường ợ hơi lên, rồi ợe, ợe... giống như người ta lấy hơi rồi *huệ, huệ* ấy mà.

402. Hòa thượng thích đú thú

Từ xưa rồi, có những người đã quy y cửa Phật, nhưng vẫn không rũ bỏ được lòng trần, vẫn tham - sân - si, vẫn sát sinh, vẫn mê gái... Những vị đó bị người đời chê cười và gọi chung một tên là “sư hổ mang”.

(*VNExpress* 21/9/2013) Gần đây có vụ tuốt bên Thái, nhưng làm cho dân Việt và cả thế giới bàng hoàng, khi có một nhà “sư hổ mang” bị Cơ quan Chống Rửa tiền của Thái Lan (AMLO) tịch thu số tài sản có tổng trị giá 770.000 USD. Số tài sản gồm bất động sản trị giá hơn 400.000 USD, ba chiếc ôtô, trong đó có xe Porsche và Mercedes-Benz, một chiếc xe phân khối lớn Harley Davidson, một chiếc Vespa và hơn 6.400 USD trong 14 tài khoản ngân hàng. Wiraphon có tên khi làm sư thầy là Luang Pu

Nen Kham đã bị đuổi khỏi tảng đoàn Wiraphon Sukphon, vì người này bị tình nghi lừa người dân quyên góp, và cũng đang bị truy nã vì cáo buộc quan hệ tình dục với trẻ vị thành niên cách đây một thập kỷ và khiến cô này có con.

Theo nhà Phật, Hòa thượng là người dạy các đệ tử biết cách trì giới và thực hành các nghi lễ. Ở Đông Nam Á, Hòa thượng là chức vị cao nhất mà người tu hành có thể đạt được (*TD Phật giáo*, NXB Tôn giáo, 2006). Ấy thế mà vẫn thích đú thú, nên dân gian gọi các vị đó là *Hòa thượng thích đú thú*. Chức vị này cũng phong luôn cho cả các vị tu hành thích đú thú, mà chưa đạt danh vị Hòa thượng. Vì xét theo thế tục thì đẳng cấp họ ngang nhau.

403. “Hoan hô đồng chí Hà Đăng...”

Những năm 60 – 70 của thế kỷ trước, tàu hỏa Việt Nam chạy với tốc độ trung bình chỉ khoảng 9 km/ giờ. Lúc đó ông Hà Đăng



Từ phải sang: Đạo diễn Phạm Văn Khoa,
Đạo diễn Roman Cacmen
và ông Hà Đăng Án.(Anh TL)

Án làm Tổng cục trưởng Tổng cục Đường sắt. Nhà thơ Bút Tre có hai câu thơ thật ấn tượng, khó quên để “gom” cả ông cục trưởng với cái tốc độ tàu chạy như... đi bộ ấy:

*Hoan hô đồng chí Hà Đăng
Án cho tàu chạy
băng băng nhu rùa*

Cũng phải nói thêm, rằng cái thời ông Án gần như roi trọn vào thời kỳ khó khăn nhất của miền Bắc, thời kỳ Mỹ ném bom bắn phá. Đường sắt cũng bị phá hoại trầm trọng. Nhiều đoạn tàu không chạy qua được, hoặc phải bò đi như đi bộ...

Ông Hà Đăng Án sinh năm 1914. Năm 1960, ông được bổ nhiệm làm Tổng cục trưởng Tổng

cục Đường sắt. Từ tháng 9 năm 1962 đến năm 1982, Ông còn là vị Chủ tịch một tổ chức xã hội nghề nghiệp lâu nhất Việt Nam - Đó là Hội Bóng đá Việt Nam tiền thân của Liên đoàn Bóng đá Việt Nam. Năm 1977, Ông tự nguyện xin từ chức Tổng cục trưởng Tổng cục Đường sắt vì bê bối của ngành Đường sắt. Có lẽ ông là quan chức cấp cao trong chính quyền tiên phong tự nguyện từ chức.

404. Hoàn cảnh

Theo *Từ điển tiếng Việt* NXBKHXH – 1988, “*Hoàn cảnh*”, là tất cả những nhân tố khách quan có tác động đến sự sinh sống, hoạt động của con người; đến sự xảy ra hoặc diễn biến của sự việc nào đó. Theo dân gian, với một con người, mà khi “nó *hoàn cảnh lăm*” cũng có nghĩa là cuộc sống của “nó” chịu nhiều tác động lăm, nó khó khăn lăm, “*hoàn cảnh*” lăm.

405. Hoành tráng

Từ điển tiếng Việt NXBKHXH – 1988: “*Hoành tráng*” là chỉ một

công trình có quy mô đồ sộ, chẳng hạn “*bức tranh hoành tráng*”, “*chương trình nghệ thuật hoành tráng*”.

Nhung từ ngữ này nay người ta lại dùng trong mọi trường hợp. Cứ to lớn, cứ nhiều, cứ khác người... là “*hoành tráng*” tuốt. Chẳng hạn như: Đám cưới ấy “*hoành tráng*” lắm. Cuộc đi chơi đó rất “*hoành tráng*”.

406. Học giả



“*Học giả*” vốn là từ ngữ chỉ những người có học thức rộng, uyên thâm, chuyên làm công việc nghiên cứu. Nhưng rồi “*học giả*” lại thành từ ngữ mà dân gian ám chỉ những người “*giả vờ học*”.

Chuyện đã có từ cái thời bình dân học vụ, bổ túc bổ toác. Làm cán bộ có chức, có quyền mà

thiếu chữ thì... tự thấy nó cũng kỳ kỳ.

Đã thế, bây giờ để “*hợp cách*” thì cũng phải thạc sĩ này, tiến sĩ kia.

Nhiều người đâu thi “*bã đậu*”, văn hóa thi “*lùn*”, còn các quan chức nữa, thì giờ đâu mà học, nhưng đều rất cần “*đại tu*”. Thế cho nên mới có chuyện học thay, học thế – không học – “*học giả*”, nhưng lại có bằng thật. Siêu hơn nữa là cơ quan cấp tiền đi Mỹ, đi Singapore “*học thật*”, nhưng bỏ tiền “*tha*” bằng giả về.

Thế nên mới có câu “*Học giả bằng thật, học thật bằng giả*” là vậy.

407. Honda = xe máy

Honda 50 là loại xe gắn máy được hãng Honda Motor sản xuất lần đầu tiên vào năm 1958 ở Nhật, và được nhập vào thị trường Nam Việt Nam từ năm 1965. Chuyến nhập xe gắn máy Honda đầu tiên là do Tổng cục Tiếp tế, Bộ Kinh tế của nội các Nguyễn Cao Kỳ về bán trả góp cho công chúa và quân nhân.

Sau đó cũng có nhiều xe của các hãng Suzuki, Kawasaki, Yamaha xuất hiện. Tuy nhiên, có lẽ do đi trước và cũng có ưu việt hơn là máy 4 thì, xăng không pha nhớt khởi động dễ và ít bị trục trặc, nên dân ta quen và nhớ tên Honda hơn mà thường cứ gọi chung các loại xe máy là Honda.

Từ khoảng cuối những năm 1990, thị trường xe máy nói chung và riêng ở Việt Nam, cạnh tranh ngày càng mạnh và những hãng xe máy liên tục tung ra những mẫu mã mới mong chiếm được thị phần, xác định được thương hiệu. Và bây giờ từ Honda chỉ để chỉ những xe máy của hãng Honda Motor mà thôi.

408. Honda ôm



Tất nhiên, ít nhất là từ khi có xe gắn máy Honda mới có từ

ghép này. "Honda" là một loại xe máy của Nhật. "Ôm" chỉ hành động vòng hai tay qua đế giữ sát vào lòng, vào người vật nào đó, ai đó (TĐTV, NXBKHXH - 1998). "Honda ôm", hay xe ôm, không có nghĩa là ôm cái Honda, mà là "ôm", chính xác hơn là ngồi sau... ôm ông lái xe.

Nghề "Honda (xe) ôm" có từ trước 30/4/1975, nhưng phát triển vào những năm 1980 đến trước năm 2000. Khi các hãng taxi ồ ạt ra đời, rồi hình thành các tuyến xe buýt, thì nghề này cũng giảm đi đáng kể.

409. Hốc bà tó, Tết Công gô

Theo *Tự vị tiếng Việt miền Nam* (TVTVMN) của Vương Hồng Sển, trang 420, hóc (hốc), chữ Nôm là chõ kẹt, chõ xó, chõ cùng ít ai đi tới. Hóc Bà Tó để chỉ một chõ không ai biết tới. Cũng như Congo và Maroc. Tỷ dụ: Bùa nay tao đánh bài thua Maroc (như bị róc túi), sau này gọi là cháy túi. Vậy mày Congo rồi – mày thất bại rồi. Còn Tết Congo thì lại có nghĩa là không có việc đó.

410. Hóc Môn

Cũng như cái tên Củ Chi, mấy ai biết là củ gì, thì Hốc (hóc) Môn, nhiều người cũng thắc mắc thế nghĩa là sao? Theo *Tự vị Tiếng Việt miền Nam* của Vương Hồng Sển, trang 420, thì hóc là chữ nôm, nghĩa là chỗ góc, kẹt, chỗ cùng, ít tai đi tới. Hóc Môn: tên xứ, trước thuộc huyện Bình Long, nay thuộc tỉnh Gia Định (quận 12, TPHCM). Tiếng Cơ (Kho) me: srok kompong trau. Srok là Xứ, kompong là vũng, trau là cù ăn được, ở đây là cù khoai môn. Vậy Hóc (Hốc) Môn là xứ khoai môn.

Đúng hay không xin tìm hỏi cụ Vương Hồng Sển.

411. Hội đồng

“*Hội đồng*” theo nghĩa thông thường là một tập thể, một nhóm được bầu ra để làm một việc nào đó. Và theo cách nói dân gian, một người nào đó bị một nhóm, một tập thể “xử lý”, thì cũng có thể coi như là bị “*hội đồng*”. Và ở đây thường có một trong hai trường hợp xảy ra:

Một, bị đánh “*hội đồng*” và hai, là bị “*bè hội đồng*” – bị cưỡng hiếp tập thể. Thời gian gần đây, chuyện “*Hội đồng*” đã bắt đầu là vấn đề đáng quan tâm ở các trường học. Đặc biệt như vụ nữ sinh đánh “*hội đồng*” bạn gái, xé áo, xé quần xong còn quay phim tung lên mạng...

412. Hồi hộp... hồi kèn

Theo sinh học người ta chia cuộc đời con người ra các giai đoạn: Sơ sinh – Thiếu niên – Thanh niên – Trung niên – Lão niên. Dưới góc độ xã hội, người ta lại chia theo dạng: Tuổi “Ăn chưa no, lo chưa tới” – Tam thập nhi lập – Tứ thập nhi bất hoặc – Ngũ thập tri thiên mệnh – Lục thập nhi nhĩ thuận – Thất thập cổ lai hy. Rõ ràng mỗi cách chia đều có cái lý của nó và cũng tóm lược được cho chúng ta về chặng đường của một kiếp người.

Nhưng những ông có máu văn nghệ một chút, thì cho rằng cả hai cách trên đều không nói lên được cái thần của cuộc sống, và hình như vẫn thiếu cái

gì đó. Và triết lý: “Sống là để mon men dần đến chõi chết” – mỗi một ngày qua đi là một ngày tiến gần đến miệng hố. Vì vậy, họ chia lại như sau:

“*Hồi bé – hồi trẻ – hồi xuân –
hồi hộp – hồi kèn*”.

Rõ ràng cách chia này vừa thấy hơi thở, nhịp đập của từng giai đoạn, vừa bổ sung được cái hồi kết – trọng đại của cuộc đời, lại vừa rất văn nghệ: 5 chữ H cho một cuộc đời.

413. Hôm nay 8/3...

Bài thơ sau, có người nói là của Bút Tre, nhưng tra sách thì không thấy, mà chỉ lần đầu tiên nghe nhả thơ châm biếm Cung Văn của Báo *Sài Gòn Giải Phóng* đọc mừng chị em Ban Văn Hóa Văn Nghệ của báo vào 8/3/1988:

*Hôm nay mừng tám tháng ba
Chị em phụ nữ đi ra đi vào*

Anh em hòn hở đón chào

Chị em phụ nữ lại vào lại ra

Và ngày hôm sau, anh đọc tiếp:

Hôm nay mừng chín tháng ba

Chị em phụ nữ vẫn ra vẫn vào

Anh em hết đón hết chào

414. Hồng Kông bên hông Chợ Lớn



Chị em phụ nữ hết vào hết ra.

Chợ Lớn, còn gọi là chợ Bình Tây, hay chợ Quách Đàm, do Quách Đàm một thương nhân người Hoa, giàu thứ nhì Sài Gòn – Chợ Lớn lúc đó, bỏ tiền xây dựng năm 1930... Đây là một chợ đầu mối, bán buôn đủ loại mặt hàng, thượng vàng hạ cám đều có thể tìm mua ở đây. Còn khu Chợ Lớn từ xưa tới nay vẫn là nơi tập trung người Hoa và là nơi sản xuất tiểu thủ công nghiệp lớn nhất thành phố. Đặc biệt hẽ có một mặt hàng nào mới ra mà ăn khách, thì chỉ dăm bữa nửa tháng, Chợ Lớn đã có (làm) hàng nhái y chang.

Hàng hóa ở Chợ Lớn rất đa dạng, ngoài các loại hàng trong

nước, hàng các quốc gia khác cũng không hiếm, nhưng trước và sau 30/4/1975 một thời gian, hàng Hồng Kông khá phổ biến.

Hàng “nhái” và hàng thật cũng khó phân biệt, dễ lầm. Có nhiều người mua hàng “Hồng Kông” xong về mới biết là made in Vietnam. Thuật miệng dân gian “phán” đó là hàng “*Hồng Kông bên hông Chợ Lớn*”. Lâu dần câu nói đó là để chỉ chung cho mọi loại hàng “nhái”, bất luận nó xuất xứ từ đâu.

415. Hộp quẹt cuộc đời

Ai mà chẳng có đôi lần xài hộp quẹt (máy lửa, bật lửa). Người sành điệu hơn chút có thể biết bật lửa xe tăng thời Pháp (trên vỏ hộp có hình chiếc xe tăng), bật rất nhạy, nhưng “ăn đá” như điên, nên còn được mệnh danh là cối xay đá (lửa).

Thời chiến tranh chống Mỹ thì có Zippo, vừa nổi tiếng vì nhạy mà còn bật được cả trong điều kiện gió ù ù thổi. Và khi mở ra, đóng lại còn có tiếng kêu tách tách rất khoái tai, nên mấy

anh hút thuốc thích tiếng kêu đó mà sinh ghiền thêm. Đặc biệt, lính Mỹ hay dùng Zippo và thường thích khắc tên, số quân và cả những câu, những hình mình thích lên vỏ. Vì vậy nó còn là kỷ vật của một thời đạn bom, mà cả chủ nhân, thân nhân và những người sưu tầm săn lùng.

Hộp quẹt ga xuất hiện, chiếm lĩnh thị trường, khiến người ta dần quên dĩ vãng. Và cuộc sống ngày càng dễ thở hơn, thì người ta lại muốn tìm cái mới. Chuyện “Tú khoái” cũng được “quan tâm” hơn. Và người ta lại nói về một loại hộp quẹt mới:

*Thò tay vô túi lấy quẹt ga,
ai ngờ hột quẹt có thịt da, quẹt
không ra lửa mà ra nước, quẹt
hết cuộc đời không hết ga*

416. Hốt ổ

Các cụ xưa có lời khuyên: *Trai to lấy phái nạ dòng/ Như nước mắm thối chấm lòng lợn thiu.* Từ khoảng những năm 1980, có một từ ngữ ngắn gọn, nhưng cũng khá sát nghĩa thay cho câu ca dao trên: *Hốt ổ (dọn ổ)*.

“Hốt ồ” lúc đầu mang nghĩa dọn dẹp sạch sẽ, như bắt trộn, bắt hết một đám cờ bạc, trộm cắp, buôn lậu... Lấy một người đã có con, cũng đồng nghĩa với việc lấy “cả ồ” nhà đó, là “hốt trọn ồ” vậy.

Và, chẳng hiểu do tiếng sét ái tình, hay vì tình thương cảm, hoặc giả tài sản của “nàng” còn đáng quan tâm hơn nàng, mà người đời lại gỡ rối giùm mấy người “hốt ồ”, là: Tậu trâu, được cả nghé, lời quá còn gì. Cũng có thể đó là câu an ủi, cảm thông chăng?

417. Hở van giun

Những năm 1960, Khi một số hàng Trung Quốc nhập vào Việt Nam, Hà Nội, có loại xe đạp Phượng Hoàng, mẫu mã khá đẹp nhưng nặng như cái cùm, được dân tình rất ưa chuộng. Loại xe này có cái van khác hẳn các loại xe khác. Đó là không cần mở van vẫn bơm được xe. Tuy nhiên, cũng có cái bất tiện là khi nó hở rồi thì cứ tự động xì hơi, mà rất khó phát hiện, cũng không biết sửa làm sao vì không có đồ thay thế.

Cái van đó người ta gọi là van giun, chẳng hiểu do có phái nó giống con giun không, nhưng đại khái là đầu trên của thân van có hai lỗ đối xứng, được một vòi cao su nhỏ (giun) lồng vào. Khi bơm, áp lực hơi sẽ luồn qua lớp cao su mỏng, vào ruột xe. Giun dùng lâu ngày giảm đàn hồi, hơi thoát ra ngoài.

Khi hơi trong ruột ta thoát ra ngoài, mà ta không kìm hãm được, thì cũng xảy ra trường hợp giống hở van giun vậy.

Dù muốn hay không mà để xì hơi ra, cũng đều không được tán đồng. Nhẹ thì bạn bè châm chọc: Thằng ấy nó *hở van giun* đấy.

418. Hung thần đường phố



Xe container bị lật trên cầu vượt xa lộ

Hà Nội - Ảnh: Ngọc Thọ

Là thần hung giữ chuyên hại người (TĐTV, NXB KHXH – 1988). Nhưng theo dân gian thì “hung thần” ngày nay chính là những chiếc xe cơ giới chạy bạt mạng, gây tai nạn, cán chết người như com bùa, khiến mọi người đều phải né tránh như gặp phải hung thần.

Theo số liệu của Phòng CSGT Công an TP.HCM, năm 2010, ô tô gây TNGT nhiều nhất là xe tải, xe ben (181 vụ: 161 người chết, 52 người bị thương).

Không chỉ người lưu thông bằng phương tiện xe 2 bánh, mà các tài xế xe khác khi thấy xe ben, xe tải, xe container đều khiếp sợ, lo “tránh” đường cho “hung thần” qua mặt. Theo Báo *Thanh niên* các vụ TNGT đã xảy ra trên địa bàn Q.Thủ Đức; trong đó xe container, xe tải là “đối tượng” gây TNGT nhiều nhất.

Theo *Dài Tiếng nói nhân dân* TP.HCM, ngày 26/10/2011, hàng năm có 15.000 ngàn người chết vì tai nạn giao thông, tức là cứ mỗi ngày có 41 người thiệt mạng.

419. Huyền thoại... rượu



Uống rượu chùng mực cũng là một thú vui, kích thích thần kinh làm cho con người thêm hung phấn, sảng khoái. Danh y “Hải Thượng Lãn Ông” Lê Hữu Trác từng đã dạy rằng: “*Bán dạ tam bôi tửu/ Bình minh nhất trǎn trà/ Nhật nhật u như thuỷ/ Luong y bất đáo gia*” (Tạm dịch: Buổi tối uống ba chén rượu/ Sáng ra uống ấm trà/ Ngày nào cũng như vậy/ Thầy thuốc khỏi đến nhà),

Tuy nhiên, có những người uống rượu như hũ chìm, uống không còn biết trời trăng mây nước gì. Lại có người rất lỳ và luôn “có lý”. Kiểu gì cũng phải đi cho bằng được, vì “vợ là vợ mà ta

là ta”, vì “rượu quý hơn cơm”, vì “rượu là rượu mà ta là ta”,... thì thật chẳng còn biết phải làm sao (?!). Bài “*Huyền thoại mẹ*” của cố nhạc sĩ họ Trịnh, bị các đệ tử Lưu Linh cải biên thành “*Huyền thoại rượu*”:

*Đêm đông về nầm nhớ rượu
Lần túi vợ bỗn đì
Vợ có nói nồng chi
Ta cũng đi cho bằng được
Vợ nói chi cứ mặc
Vợ là vợ mà ta là ta
Ai trên đời chẳng uống rượu
Vì rượu quý hơn cơm
Vì rượu quý hơn cơm
3 lon vun mới 1 xì
Ai nói chi cũng mặc
Vì rượu là rượu mà ta là ta*

420. *Hư bột, hư đường*

Bột và đường là hai nguyên liệu chính để làm bánh (ngọt). Nói “*Hư bột, hư đường*” có nghĩa là cái việc đó hu hết, hỏng hết cả rồi.

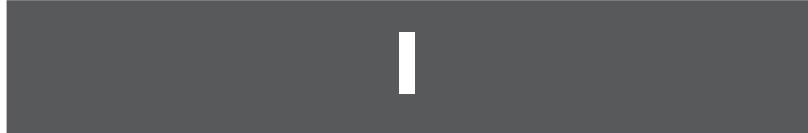
421. *Hy sinh đời bố...*

Sau cuộc kháng chiến kéo dài chống thực dân Pháp, nhân

dân Việt Nam lại phải đương đầu với giặc đói và giặc dốt. Có nhiều ông bố bà mẹ suốt cuộc đời chiến đấu hy sinh gian khổ, nhưng hiểu ra nên lại tiếp tục chân lấm, tay bùn hoặc cùng cục kiềm tiền tích cóp cho con cái có ít chữ mong đổi đời. Ấy là “*hy sinh đời bố cung cố đời con*”.

Nhưng rồi theo thời gian, nhất là đến thời kỳ mở cửa giao thương với nước ngoài, khi mà sức mạnh của đồng tiền càng ngày càng ưu thế, có thể phá luật lệ, có thể đổi trắng thay đen, thì nhiều ông bố, bà mẹ lại săn sàng hy sinh đời mình... tham ô, thụt két, hối lộ; chấp nhận cả vào tù để có tiền cung cố đời con... đời mình.

Có những lời bình luận: Từ muơi mươi lăm năm mà được hàng chục, hàng trăm tỷ đồng, cả dòng cả họ sống suốt đời sung sướng, là quá hời! Thủ hỏi có một người chân chính ngay thẳng nào, kể từ Tổng bí thư, Chủ tịch nước đến thủ tướng, làm hết đời mình mà có thể được như vậy?!



422. ĩa cho đúng lõ

Nói ra thì nghe không được vệ sinh mấy, nhưng lại giữ được vệ sinh tốt hơn.

Ở Trương cấp 3 Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội, những năm 1970, có hai phòng vệ sinh nam. Không hiểu một ai đó dùng phấn viết lên tường dòng chữ xem ra cũng không sạch mấy, nhưng rất tiểu lâm:

*Ĩa cho đúng lõ mới tài/ ĩa trật
ra ngoài kÿ thuật còn non.*

Chữ đậm, tuồng xi măng không cán (làm) láng nên rất khó chùi. Hay không ai muốn chùi, vì khi đi vệ sinh bên phòng có câu thơ nhắc nhớ thì luôn sạch hon bên kia.

Có phải vì sợ bị chê “kỹ thuật còn non”, hay muốn thể hiện cái tài đúng lõ của mình? Chỉ

biết rằng ý thức rất quan trọng, có khi quyết định thành bại, tốt xấu của công việc. Nhưng để có ý thức cũng cần... đưa ra được những chuẩn mực.

Chẳng hiểu câu trên có từ trước hay sau khi... tôi phát hiện, nhưng bây giờ nó phổ biến khắp cùng trên mạng.

423. Ivan

Trước 1975, ở miền Bắc, tiếng Trung và tiếng Nga là hai sinh ngữ chính được giảng dạy trong các trường phổ thông và đại học. Vì vậy ít nhiều, ngôn ngữ, văn hóa cũng có ảnh hưởng. Có một số từ ngữ vay mượn, cũng có những tên tuổi, dòng họ của Nga, từ trong sách Nga, được Việt hóa. Chẳng hạn Ivan mồ côi, Ivan gấu con, Ivan bò

tót, trong các truyện Nga, thì trở thành tên để chỉ những anh chàng thật thà nhưng hơi khờ... Còn *Nicôlai* (Nikolai), một dòng họ tên tuổi của Nga lại trở thành tên của những kẻ xiêm nịnh, bợ đỡ – *Nicolai xun xoe*.



Chân dung của Nikolai II Tiễn xu kỷ niệm

Ở Nga, ít nhất có hai tên tuổi mà người Việt Nam và cả thế giới biết đến. Đó là *Nikolai Aleksandrovich Romanov* (19/5/1868 – 17/7/1918), tức Nikolai Đệ nhị; được Giáo hội Chính Thống giáo Nga xem là

Thánh Nikolai Người chịu nổi thống khổ, là Hoàng đế - Sa hoàng cuối cùng trong lịch sử Nga, cũng là Đại Công tước Phần Lan và vua Ba Lan trên danh nghĩa.

Hoàng đế Nikolai II trị quốc từ năm 1894 đến khi thoái vị vào ngày 15 tháng 3 năm 1917. Dưới triều ông, Nga - một trong những đế quốc hùng mạnh nhất thế giới. Ông được chọn là một trong ba nhân vật tiêu biểu cho nước Nga, qua cuộc thăm dò của kênh truyền hình Rossia cùng với Viện Lịch sử Nga thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Nga và Quỹ ý kiến xã hội, năm 2008.

Và Nikolai Vasilyevich Gogol (1 – 4 – 1809 / 4 – 3 – 1852), một nhà văn, nhà viết kịch nổi tiếng Nga và Ukraina. Tác phẩm tiêu biểu nhất của ông *Những linh hồn chết*, được xem là cuốn tiểu thuyết hiện đại đầu tiên của văn học Nga và Ukraina.

K

424. KAMA:

Người Việt mìn chúa hay sĩ diện, trong túi không tiền nhưng vẫn vênh vang ra cái vẻ ta đây.

Nhưng cũng có khi lại... hèn. Lúc cung ly thì hăng lăm, mà đến lúc tính tiền, có anh thì giả vờ gọi điện thoại, có anh tinh bơ bớ đi toilet... Trốn để ai trả thì trả. Ở các nước tân tiến, đi ăn, ai mòi người đó trả tiền. Còn không, ai ăn gì cứ kêu và tự trả, không ai thắc mắc gì.

Nhưng ở ta ít nhất cũng có một người dám nói thẳng nói thật. Đó là cố nhà văn Nguyễn Tuân (Sinh năm 1910 tại Thanh Hóa, mất 28/7/1987 tại thôn Thượng Đỉnh, nay thuộc phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội); Tác phẩm: *Vang bóng một thời, Chiếc lư đồng mất cua,*

Một chuyến đi, Tàn ngọn đèn dầu lạc, Ngược dòng sông Đà...
Ông chính là người đưa ra cụm từ KAMA.

Sau giải phóng, một lần vào Nam, mòi bạn bè đi ăn phở, ông nói là đi ăn theo kiểu KAMA (viết tắt), nghĩa là *không ai mòi ai*. Có lý quá. Mọi người đều muốn ăn, đều muốn có dịp ngồi với nhau, nhưng một người không đủ trả, vậy KAMA vừa hợp lý, vừa đáp ứng nhu cầu mọi người. Và thế là KAMA ra đời và được chấp nhận đến giờ.

Tuy nhiên lớp trẻ bây giờ, cũng lan sang một số anh già ưa tiểu lâm, đi ăn cùng mà KAMA, thì gọi là *Campuchia* – chia ra, mà đóng. Cũng hay, vì người nhiều tiền, hào hiệp có thể gánh bớt cho bạn.

425. Kẹo kéo

Chỉ có thanh kẹo kéo mà léo nhéo ầm đùòng, khiến lũ trẻ con cứ bu lại. Nhưng lảng nghe chút cũng thấy có cái gì đó để nhớ, để thương anh bán kẹo kéo Hà Nội những năm 1960 – 1970:

Kẹo kéo! Kẹo kéo đi!

*Kẹo kéo, càng kéo càng dài
càng dài càng dẻo đi!
Kẹo kéo vani ăn cho chóng
lớn rồi đi lấy chồng
Cô kia má đỏ hồng hồng,
ăn đồng kẹo kéo
thì chồng nó mê...*

*Cô kia chồng bỏ chồng chê,
ăn đồng kẹo kéo
chồng mê đến già.*

Thực ra thì anh kẹo kéo cũng có một số biệt tài như nhà ảo thuật. Đưa 5 xu, anh sẽ kéo thanh kẹo có đúng 5 hạt đậu phộng, mà đưa một hào sẽ kéo ra 10 hột. Đáng nể hơn là anh không dùng dao, kéo, cũng không bẻ, chỉ với một ngón tay nhu “nhất dương chi”, gõ nhẹ, thế là đã có một thanh kẹo cứ tấp lự như tất cả thanh khác. Vừa thơ ca hò vè, vừa biểu diễn như xiếc vui nhộn,

hấp dẫn, làm cho cả những đứa trẻ không tiền cung bu lại xem mà nuốt nước miếng.

426. Kẹt bà tò

Kẹt là cái xó xỉnh nào đấy, còn bà tò là ai thì tìm không ra. Theo cụ Vương Hồng Sển, trong *Tự vị tiếng Việt miền Nam*, không có bà nào tên Tò cả. Và khi nói: *Ai mà biết cái kẹt bà tò (hốc bà tó) ở đâu*, thì cũng giống như nói: Ai mà biết cái ổ con chuồn chuồn. Chuồn chuồn để thăng xuống nước, không có ổ.

Câu này chỉ dùng ở Nam bộ.

427. Kênh (kên) xi-po

Sport, tiếng Pháp, tiếng Anh đều viết và đọc giống nhau, tiếng Việt phiên âm là *xì-po*, nghĩa là thể thao. Những người tập luyện thể thao thường có cơ thể cân đối, nở nang, đẹp mắt, nên *xì – po* cũng lại có nghĩa là lực sĩ đẹp, người có thể hình đẹp. Ví dụ: Trông cậu *xì – po* lắm. Còn *kênh*, là nói về một vật có vị trí nghiêng lệch, không cân, không ăn khớp. Và kênh

kiệu, chỉ những người làm ra vẻ hơn người.

Nhưng khi nói *Kênh xì – po*, thì lại không dùng để chỉ những người chơi thể thao, những lục sĩ đẹp... mà nhầm chỉ trích những người, thường thô thiển, nhưng cứ vênh vênh, váo váo, tỏ vẻ ta đây.

428. Khoán 10



"Khoán hộ" là cách làm khoán trực tiếp đến mỗi người lao động. Có 3 quyết định đã làm nên thành công của *"khoán hộ"*. Đó là: Giao quyền sử dụng đất cho nông dân, tự do hóa thương

mại, tạo điều kiện cho người dân kinh doanh tự do cả đầu vào, đầu ra trên thị trường, và chuyển hợp tác xã, cơ quan chịu trách nhiệm toàn bộ về tổ chức quản lý sản xuất, sang làm dịch vụ cho nông dân. Sáng kiến *"khoán hộ"* hay *"Cải tiến công tác quản lý lao động hợp tác xã"* năm 1966, đã dẫn đến *"khoán 10"* (theo *"Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1988"*), tháo bỏ sự ràng buộc, kìm hãm của cơ chế quản lý lạc hậu, đưa Việt Nam bao năm thiếu ăn trở thành nước xuất khẩu gạo thứ hai trên thế giới.

Chỉ sau 10 tháng triển khai *"khoán 10"*, cả nước đã xuất khẩu hơn 1 triệu tấn gạo. Sang năm 1989, chế độ sổ gạo được bãi bỏ. Và 4 tháng cuối năm xuất khẩu hơn 1,7 triệu tấn gạo.

Kim Ngoc tên thật là Kim Văn Nguộc (1917 – 1979) nguyên Bí thư Tỉnh uỷ tỉnh Vĩnh Phú. Ông chính là cha đẻ của khoán hộ, mà người ta quen gọi là *"khoán 10"*, của đổi mới trong nông nghiệp Việt Nam. 1966, ông khởi

xuống việc “khoán hộ” trong nông nghiệp, nhưng do không được đánh giá đúng nên phải làm kiểm điểm. Tuy nhiên, ông vẫn được tiếp tục bầu làm Bí thư Tỉnh uỷ và giữ chức này cho đến khi về hưu vào năm 1978.

Năm 1995, ghi nhận những đóng góp to lớn trong sự nghiệp đổi mới của cách mạng Việt Nam, Nhà nước truy tặng Huân chương Độc lập hạng nhất cho ông. Năm 2009, ông được Chính phủ truy tặng Huân chương Hồ Chí Minh.



Ông Kim Ngọc tháp tùng Bác Hồ đi thăm bà con nông dân

429. Khóc đám ma



Nghĩa tử là nghĩa tận, người mất đi luôn được những người sống, con cháu, gia đình tổ chức ma chay đưa tiễn. Không riêng gì ở Việt Nam, trên thế giới, trong đám ma cũng thuê người khóc mướn, cho nó thêm thống thiết, bi ai.

Theo *Vietnam.net* 28/02/2013, cô Liu Jun Lin hiện là người khóc mướn nổi tiếng nhất Đài Loan, cho biết, đây là nghề truyền thống của gia đình cô. Bà và mẹ cô đều làm nghề khóc mướn. Hiện Liu Jun Lin đang điều hành một công ty, trong thời buổi khủng hoảng kinh tế này, Liu không nản lòng cô tuyển dụng thêm 20 nữ trợ lý. Họ là những cô gái trẻ, ưa nhìn, trong trang phục đen trắng, những người giúp giám đốc nhà tang lễ thực hiện các nghi lễ và họ khiến Liu được chú ý hơn.

Liu nói rằng cô sẽ không bao giờ từ bỏ truyền thống của gia đình. “Đây là những gì mà bà nội tôi đã vất vả để xây dựng nên và tôi phải truyền đạt cho người khác những điều bà đã dạy tôi

và tiếp tục sự nghiệp của bà.” Và Liu nhận ra mục đích thực sự của nghề nghiệp mà cô đang theo đuổi. “Công việc này có thể giúp mọi người thể hiện sự giận dữ của mình hay giúp họ nói ra điều họ sợ phải nói,” Liu cho biết. “Nó cũng giúp ích rất nhiều cho những người sợ khóc vì mọi người sẽ khóc cùng nhau.”

430. Khóc to mắt (vui)

Hai vợ chồng ngồi hủ hỷ với nhau, vợ chợt nhìn đôi mắt ốc lồi của chồng, âu yếm:

- Anh oi. Tại sao mắt anh to như vậy. Chồng trả lời bâng quơ: Mẹ bảo rằng, tại ngày bé anh hay khóc nhè. Vợ nhìn chồng xa xăm, mơ mộng: Ôi! Nếu hồi đó anh... đi đái nhiều một chút thì... hay biết mấy!

431. Khỏe re như bò kéo xe

Đúng là cứ nhìn con bò kéo cát vun lên như núi chẳng hạn, cứ phàm phàm đi, nghe bánh xe lục cục, lục cục đều đều không thuyên giảm đủ biết con bò khỏe thật. Nhưng có ai hỏi thử

con bò xem công việc đó đối với nó có khỏe không, có nhẹ nhàng không để biết ra sao! Mà thực ra nếu có hỏi nó cũng chẳng biết天堂 mù nào mà trả lời. Ngu như bò biết gì. Bắt làm thì phải làm thôi.

Bởi thế kéo xe khỏe như bò, hay khỏe (re) như bò kéo xe cũng vậy. Và đó là úng với con bò. Còn với con người thì sao? Nếu ai đó khỏe tới như bò kéo xe, quả là cực khỏe. Nhưng theo tôi hiểu đây lại là một câu trả lời của một người, cho một người khác đang quan tâm hoặc soi mói mình. Ví dụ: Này, ông làm việc đấy thế nào? Trả lời: Ô! Khỏe re như bò kéo xe ấy mà. Có hai nghĩa, nếu người đó tốt, quan tâm tới mình, thì có nghĩa là: Không có gì, cứ yên tâm, tôi ổn mà. Còn nếu moi móc, thì câu trả lời hàm ý; Ông đừng lăn tăn, việc đó đối với tôi là quá dễ.

432. Khotabit – Cụ Khốt

Những năm 1960, ở miền Bắc, Ông già Khottabít là một bộ phim của Liên Xô – chuyển thể từ truyện

cố tích hiện đại của nhà văn Lazar Lagin – rất được mọi người yêu thích, nhất là thiếu nhi. Ông già Khottabít là một vị thần bị nhốt trong một cái bình hàng nghìn năm dưới đáy sông Moskva, được cậu bé Volka, mò lên và giải thoát. Ông già Khottabít có bộ râu rất đặc biệt. Mỗi khi ông muốn ước một điều gì chỉ cần giật râu tung tung là được.

Nhưng cái tên *Khottabit* sau đó lại được COCC (xem mục 202) gán cho mấy ông già mà họ cho là lẩn thẩn. Còn những ông bố của họ lại được gọi là “Ông Khốt”, “cụ Khốt”.



433. Không biết dựa cột mà nghe.

Ở trên đời này có nhiều chuyện cứ lộn tu lén. Đúng hóa sai, sai hóa đúng cũng là chuyện thường. Và cái người không biết thì lại cứ thao thao bất tuyệt, nói vang mạng. Trong khi người hiểu biết thì thường khiêm tốn, kiệm lời. Để chỉ trích, cũng như khuyên những kẻ thiếu hiểu biết, hay khoe khoang, các cụ xưa dạy:

Biết thì thưa thót

Không biết dựa cột mà nghe

“*Dựa cột*” ở đây, nghĩa đen là dựa vào cái cột nào đó. Những ngôi nhà có cột gỗ, cột tre là xưa rồi, điều đó chính là chỉ thị thời gian ngôn từ này ra đời. Nhưng còn về nghĩa bóng, khi nói ai đó:

Hãy tìm chỗ dựa cho vững, hãy *dựa cột* mà nghe đi! Thì không khác gì bảo: không biết gì thì thôi đừng nói nữa, ngồi im nghe người ta nói đi. Bực mình hơn, nặng lời hơn, thì giống như bảo: Thôi, có im đi không!

Bây giờ người ta lại khuyên nhau, im lặng là vàng, hoặc ngậm miệng (là) ăn tiền.

434. Không chết cũng bị thương

Đương nhiên trong chiến đấu bị thương tật, hy sinh là lẽ thường tình. Nhưng thời bình, mà *không chết cũng bị thương*, thì quả là một thảm họa, một bi kịch cho người lãnh nạn. Nhưng đây là tai nạn gì và ai gặp tai nạn vậy?

Cần phải nói luôn, rằng đây không phải là tai nạn đường phố, dù hiện nay giao thông rối mù và thường xuyên có người bị thương, bị chết vì xe cộ. Đây cũng không phải do mổ thẩm mỹ ở chỗ bác sĩ Tường. Cũng không phải trẻ em bị bảo mẫu hành hạ... Đây là sự cố gì đấy trong công vụ. Ví dụ gặp một

ông sếp hay đánh chó chui mèo, giao việc, tới hẹn vẫn chưa hoàn thành, thì hãy cẩn thận, *không chết cũng bị thương* đấy.

435. Không có cửa,

Xem ra thế mà thâm! Muốn vào nhưng Không có cửa, hay không cửa, không mở cửa, chủ nhân không đồng ý thì làm sao đây? Rõ ràng, chủ nhân không đồng ý, không mở cửa thì may ra còn năn nỉ xuống nước. Chứ nhà đã không có cửa thì làm sao mở. Đúng là vô phương.

Không có cửa là một câu chối từ dứt khoát, không đồng ý một chuyện gì đó, hoặc đề nghị của một ai đó.

436. Không có gì mà ầm ĩ

Cuộc đời vẫn vậy, có khi chuyện chẳng có gì, nhưng cũng có người cứ muốn làm ầm ĩ lên, muốn la lên cho cả làng biết. Để làm gì vậy? Có khi đấy là nhà giàu phải gai (*xem mục*), có khi là “gái đĩ già mom”, đã xấu xa con muốn lu loa lên để lấp liếm che đậy, cũng có khi

chưa biết đâu vào đâu mà đã hoảng loạn lên...

Tuy nhiên, muốn vì lý do gì, thì chuyện nhỏ như con thỏ, cũng... không nên vội làm ầm ī lên. Người xưa có câu: Chuyện lớn thì hãy làm cho nhỏ lại. Còn chuyện nhỏ thì làm cho nó thành như không có. Các cụ xưa cũng nói: Một câu nhịn, chín câu lành. Nhịn có thể làm yên nhà ấm cửa. Nhịn có thể khiến bạn bè thêm gần gũi... Còn nǔa, chuyện nhỏ mà đã rồi, hỏi chuyện lớn làm sao lo?

Nhưng nói đi phải nói lại, bây giờ cũng “rối đội hình lăm”. Thậm chí mình đâu có làm gì, mà đùng một cái có chuyện lớn ngay. Chẳng hạn, một cô gái đang dừng xe bên đường, bỗng có một đám thanh niên bu lại đánh tối mắt tối mũi, người đi đường tưởng đánh ghen, còn cô gái khi hoàn hồn mới la hoảng là mình đã bị cướp xe SH rồi. Theo TTO - Chiều 25/12/2013, TAND TP.HCM đã tuyên án tử hình Hồ Duy Trúc (20 tuổi), người trực tiếp chém gần lìa tay nạn nhân

để cướp xe SH trên cầu Phú Mỹ. Bị cáo khai thản nhiên trước tòa: “nhìn thấy nạn nhân thì vung dao lên chém vào tay phải để các bị hại không điều khiển được xe gắn máy nữa. Bị cáo cùng các bị cáo khác cần tiền tiêu xài là rủ nhau đi cướp...” Chủ tọa phiên tòa phải thốt lên: Đó là những lời khai man rợ!

Trong khi đó lại có những chuyên quốc gia đại sự, lớn tầy đình, mà người ta lại cứ làm cho nó nhỏ, nhỏ dần, rồi biến luôn lúc nào không hay. Không lẽ đó là làm theo cách người xưa khuyên? Không đúng và không ổn chút nào. Chẳng han như cái chuyện nợ công ấy. Vì tính toán không đúng, hoặc nói không đúng, thì cũng đâu phải vì thế mà trốn được nợ. Có vay có trả, mình không trả, con cháu sẽ phải trả, chẳng trốn cách nào được.

437. Không có kí lô gì

Kílô (kg) là đơn vị đo trọng lượng. “Không có kílô gì”, hay “Không có gram nào” tức là không có trọng lượng,

Với một người, lời nói không có trọng lượng, có nghĩa là không có giá trị gì.

“Không có ký lô gì” chỉ lời nói của một người không có đủ trọng trách, uy tín để tham dự vào việc mọi người đang quan tâm.

Ví dụ: Lời nói của ông ấy “không có ký lô gì”.

Cũng có trường hợp có trọng trách đấy, nhưng thiếu tài thiếu đức nên “trên bảo dưới không nghe”.

438. Không đi không biết...



Đương nhiên không đi không biết cũng chẳng có gì lạ, cái lạ ở đây là càng đi càng biết... quá nhiều cái lạ. Và cái lạ đầu tiên mở đường khám phá ra bao cái lạ khác, chính là đằng sau cái lấp lánh của “Hòn ngọc Viễn Đông”.

Sau giải phóng, những chuyến công cán Bắc – Nam dần mở tầm mắt cho cán bộ ba miền thấy được ngày một nhiều cái hay, cái đẹp của đất nước Việt. Và anh cán bộ Bắc thốt lên:

*Không đi không biết Sài Gòn
Đi rồi trong túi
không còn một xu
Nói ra sợ bảo rằng ngu
Cái miệng ăn ít
thằng cu ăn nhiều*

Anh cán bộ miền Nam đổi lại:

*Không đi không biết Đồ Sơn
Đi rồi mới biết không
hơn đồ nhà
Đồ nhà tuy cũ tuy già
Nhưng là đồ thật không
là đồ son.*

Đồ Sơn là một quận của thành phố Hải Phòng, cách trung tâm thành phố khoảng 20 km về hướng đông nam. Đồ Sơn là một trong số những bãi biển có thể coi là khá đẹp, một bên là núi non, với hàng ngàn cây phi lao, thông, cọ,... còn một bên là biển cả mênh mông tạo nên phong cảnh non nước hữu tình. Khu du lịch đảo Dấu với bể bơi nhân tạo

thuộc hàng lớn nhất nước. Tại đây có Casino duy nhất ở miền Bắc Việt Nam.

Và khi tham quan Khu du lịch Bà Nà, người ta lại thốt lên: “*Không đi không biết Bà Nà, đi rồi mới biết ở nhà là ngu*”.

Quảng cáo cho lầm nhưng phục vụ không được tốt nên cũng có lúc về sau cửa hai câu ca trên được đổi là: “*Đi rồi mới biết ở nhà là khôn*”.

Bà Nà là một trong những núi đẹp nhất Đà Nẵng, nằm ở xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, cách Đà Nẵng 46 km về phía Tây. Trung tâm du lịch của Bà Nà nằm trên đỉnh Núi Chúa có độ cao 1487 m so với mực nước biển. Sau Đại chiến Thế giới thứ nhất (1914-1918), người Pháp xây dựng khu nghỉ mát Bà Nà. Năm 1938, Bà Nà đã được Phòng Du lịch Đông Dương đưa vào tour du lịch 8 ngày bằng xe hơi tuyến Sài Gòn - Đà Lạt - Nha Trang - Quy Nhơn - Đà Nẵng - Huế - Vinh - Hà Nội - Hải Phòng và ngược lại. Thời đó, Bà Nà có lượng du khách ngang với Vũng Tàu, Tam Đảo, Sapa...

Bà Nà có tuyến cáp treo được tổ chức Guinness công nhận 2 kỷ lục thế giới: cáp treo 1 dây dài nhất (5.042m) và có độ chênh ga cao nhất thế giới (1.291m).

439. Không đi không biết

Quảng Ninh

Hàng hóa muốn xuất, nhập đều phải qua cửa khẩu. Ở đó có các anh Hải quan kiểm hóa, kiểm phẩm và cấp phép. Gặp những hàng cấm, hàng lậu, hoặc một loại nào đó mà các anh... buồn buồn không muốn cho qua, thì coi như thua. Ngược lại, những hàng muốn nhập vào cũng phải được các anh đóng mộc. Chẳng hạn, các loại hàng bẩn từ Trung Quốc qua, đi khắp các thị trường Việt Nam, như nịt ngực của chị em, dép, đồ chơi trẻ em... có độc

Cửa khẩu, nói cách khác, thuộc chủ quyền thì kêu là cửa của mình – cửa mình, cũng có thể hiểu là cái cửa của... chị em.

Một trong những cửa khẩu quan trọng, lượng và loại hàng hóa qua lại rất nhiều là Quảng Ninh.

Theo Cục Hải quan Quảng Ninh, trong tháng 4, trên địa bàn còn 1.443 container hàng tạm nhập tái xuất tồn đọng, tăng 198 container so với tháng 3. Các mặt hàng tồn chủ yếu là thực phẩm đông lạnh (447 container), cây tùng la hán (199 container), cao su (144 container)... (*vinanet, 11/5/2012*).

Không biết có phải từ lời than của các doanh nghiệp, của người tiêu dùng không, nhưng dân gian, cụ thể ở đây là ông But Tre (*xem mục 123*) đã chấp bút đề thơ, rằng:

*Chưa đi chưa biết Quảng Ninh
Đi rồi mới thấy*

của mình mở ra

Hàng gần cho tới hàng xa

Muốn mà xuất được

phải qua cửa mình

Hàng thô cho tới hàng tinh

Cứ qua cửa mình

là xuất cho nhanh...

440. Không dụng hàng

“*Hàng*” ở đây hiểu theo nghĩa rộng, không giới hạn trong hàng hóa bán buôn. Còn “*không*

đụng” ở đây là “*hàng*” đó không trùng, không giống các hàng khác. Nghĩa là có thể, cùng là nước, nhưng “nước sông không phạm nước giếng”.

“*Không dụng hàng*”, là chỉ bao gồm trong giao dịch mua bán hàng hóa; trong sinh hoạt, công việc làm ăn, có thể là các dự án, các mẫu mã thiết kế, phim ảnh, kịch, nhạc... Ví dụ: *Cái đám cưới đó thật đặc biệt, không dụng hàng với bất cứ đám nào mình dự trước đó*. Nói tóm lại, cái gì người ta cũng có thể dùng thành ngữ “không dụng hàng” để chỉ cái độc đáo có tính vượt trội của thứ người ta đang mô tả hoặc giới thiệu.

441. Không nghĩa địa gì

Nghĩa địa, nghĩa trang, nhị tỳ... là nơi chôn cất người chết. Vì vậy, khi nói tới nghĩa địa là người ta dễ nghĩ ngay tới tử biệt sinh ly, thấy lo nghĩ, buồn phiền. Nhưng ở đây lại : *Không nghĩa địa gì*, cũng có nghĩa là không có gì phải lo nghĩ, buồn phiền, bình thường thôi,

chuyện đó không có gì phải bận tâm.

Không nghĩa địa gì cũng giống như *không xi-nhê*, *không chết thằng tây nào* (xem mục 447). Tuy nhiên, nó sinh sau đẻ muộn, không nhớ chính xác vào năm nào, nhưng nay trong các từ điển từ ngữ, thành ngữ, tiếng lóng Việt Nam đều không thấy có.

442. Không răng mô (Vui)

Khoảng 1960, trên báo *Quân Đội Nhân Dân* có vẽ một bức biếm họa của Trần Quyết Thắng, để mô tả một câu chuyện. Nay tôi xin diễn Nôm cho rõ thêm.

Số là đơn vị hành quân qua miền Trung, một anh bộ đội ghé vào nhà dân xin nước uống. Nhưng chưa kịp dân vận, thì một con chó hung dữ vừa xửa nhặng xị, vừa lao ra. Anh bộ đội hoảng quá nhảy lùi và kêu cứu. Một mạ (mẹ) già bước ra, đơn đả mời chào và nói: *Không răng mô*. Anh bộ đội dướn cổ ra trước như để ngó kỹ hơn con chó, và anh khẳng định. *Trời ơi, răng nó đầy như thế kia mà mạ bảo không*

răng là sao? Tất nhiên sau đấy anh bộ đội vào nhà được an toàn. Và trong khi anh uống nước mới kịp hiểu, tiếng miền Trung *không răng mô*, là *không sao đâu*. Chắc trước đó anh cũng chưa hiểu, *chó sửa là chó không cần* mà.

443. Không say không về

Một... hai... ba: Dzô! Dzô! Dzô! 100%! Đó là những tiếng hô bắt nhịp cho mọi cuộc nhậu “*Không tiền khoáng hậu*” made in Vietnam. Và cái khác của người Việt với nhiều nơi trên thế giới là: “*Rượu bất khả ép*”, nhưng “*ép bất khả từ*”. Và, hết đợt “dzô” này đến đợt “dzô” khác. Cho đến một lúc có người xướng lên: “*Không say không dzè*”, thì cũng là lúc hầu hết các đệ tử Lưu Linh đều đã ngoắc cần câu. Chuyện hình như đâu có gì lạ. Rượu uống mà không say thì bằng đổ vào hang chuột à!

Có lời bình: “*Không say không về*”. Vậy say rồi về thì còn làm được gì nữa. Người Việt mình “trọng” rượu như vậy thì còn lâu mới tiến kịp người ta.

444. Không xi – nhê gì

Signe (*xi – nhê*), tiếng Pháp, có nghĩa là ám hiệu, tín hiệu, dấu hiệu. Không xi – nhê, có nghĩa như chẳng có tác dụng, ảnh hưởng hay hề hấn gì. Nói như vậy chẳng xi – nhê gì nó đâu, như nước đổ đâu vịt mà thôi.

Từ ngữ này được dùng chủ yếu ở miền Nam, sau lan ra Bắc.

445. Khởi đầu

đứng tít trên cao...

Thời xây dựng XHCN ở miền Bắc, cũng có khá nhiều phim hay, hấp dẫn chiếu rạp. Để vui, cũng là để nhớ về một thời hòa bình, một thời đạn bom, thanh niên thời đó đã ghép một số tên phim thành một bài thơ:

*Khởi đầu đứng tít Trên cao
Gặp con Gió lốc
bay vào Trái tim
Cho Người chính uỷ đi tìm
Người thú bốn mốt
trong Đêm giao thừa.*

446. Khởi – Tấm

Mấy anh nhà quê ra Hà Nội lúc đầu bị gọi là “cua bò đường nhựa”.

Nhưng trông bộ dạng các anh, thấy cái gì cũng lạ, cũng hấp dẫn nên cứ tấp ta tấp tinh, khấp kha khấp khởi. Vì vậy đám choai choai móc túi Bờ Hồ gọi là “anh Khởi”. Sau rồi, có lẽ để cách tân lại gọi là “anh tấm”. Chữ này thì không tra được nguồn từ đâu.

447. Khu đô thị mới



Ở đây không bàn về *Khu đô thi mới* nào, mà chỉ muốn nói về sự xuất hiện của cụm từ này.

Trước hết vì không thấy nó có trong các từ điển Việt Nam, trong khi với thế giới thì là chuyện không có gì mà ầm ī. Còn ở ta, ít nhất là nó cũng có trên văn bản, giấy tờ từ 12/1997, khi mà khu đô thị mới Phú Mỹ Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, được cấp phép đầu tư. Bây giờ thì quá phổ biến với

sự xuất hiện của các khu đô thị mới của TP.HCM, Hà Nội..., trong đó có cả những nơi chỉ vài cụm nhà, cũng được mấy ông quảng cáo tung lên là khu đô thị mới... loạn cào cào (*xem mục 481*), khiến dân tình chẳng biết đâu mà lần.

Nghị định số 42/2009/NĐ-CP của Chính phủ về việc phân loại đô thị, ngày 7/5/2009, đô thị được phân làm 9 loại, mỗi loại có quy chuẩn nhất định.

Đô thị loại đặc biệt là Thủ đô hoặc đô thị có chức năng là trung tâm kinh tế, tài chính, hành chính, khoa học – kỹ thuật, giáo dục – đào tạo, du lịch, y tế, đầu mối giao thông, giao lưu trong nước và quốc tế, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; có dân số từ 5 triệu trở lên... Nói chung các loại gọi là đô thị đều phải có đầy đủ các chức năng là trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học – kỹ thuật, hành chính, giáo dục – đào tạo, du lịch, dịch vụ, đầu mối giao thông, giao lưu trong nước và quốc tế (Thủ đô), hoặc

vùng tỉnh, vùng liên tỉnh. Và có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của cả nước (Thủ đô), của một tỉnh, một vùng lãnh thổ, liên tỉnh..., và hạng bét (đô thị loại 9) là của huyện hoặc một cụm xã.

Còn một điều muốn làm mất thêm ít phút của các vị, là *đô thi mới* vốn chuyện không mới. Khi mà các đô thị cũ đã như là cái áo quá chật, thì kinh nghiệm các nước đi trước là hình thành đô thị vệ tinh – *đô thi mới*. Đô thị vệ tinh không những mở rộng không gian, bổ trợ nhiều cái thiếu trước đó của đô thị cũ, mà còn giúp nó không phải đập phá, giải tỏa, đền bù... co co, kéo kéo tốn không biết bao nhiêu là công sức, tiền của. Ta cũng biết thế mà... vẫn cứ làm. Thật khó hiểu?!

448. Khu trù mật

(vietstamp.net) Là khu dồn dân, có cơ sở hạ tầng tương đối đầy đủ và điều kiện sinh hoạt hơn hẳn nơi cư trú cũ của nông dân. Do Hoa Kì và chính quyền Sài Gòn lập ra năm 1959, ở một số

nơi thuộc vùng đồng bằng Miền Nam Việt Nam, nhằm mục đích tranh thủ và tách dân khỏi ảnh hưởng của cách mạng, kéo về phía chính quyền Sài Gòn.

Chương trình *Khu trù mật* được thực hiện thí điểm từ 5.1959, ở Vị Thanh (Cần Thơ), Mỏ Cày (Bến Tre) và từ 7.1959, thực hiện rộng rãi ở Miền Nam Việt Nam. Do cưỡng bức nông dân rời bỏ quê hương, ruộng đất, từ bỏ tập quán sản xuất, lại đặt dưới sự kiểm soát ngặt nghèo, chương trình KTM bị nông dân phản đối quyết liệt nên không thực hiện được và dần bị lãng quên. Đến 1962, KTM được thay thế bằng áp chiến lược (*xem mục 48*).

449. Khu phố văn hóa



Phong trào xây dựng địa phương văn hóa, có lẽ khởi đầu

là ở làng Trang Liệt, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Năm 1987, Ty Văn hóa – Thông tin tỉnh Bắc Ninh đã chỉ đạo Trang Liệt xây dựng mô hình điển hình về làng văn hóa. 1989, phong trào đã lan rộng toàn tỉnh Bắc Ninh, rồi sau đó là cả nước. Và tính đến nay Bắc Ninh đã thực hiện mô hình này được 23 năm, TP.HCM 12 năm (1999 – 2012), Tiền Giang là 14 năm (1998 – 2012)...

Năm 2009, tổng kết 11 năm xây dựng khu phố văn hóa, Tiền Giang có 713 ấp - khu phố văn hóa, đạt tỷ lệ 70,66%. Một số đơn vị đạt tỷ lệ ấp – khu phố văn hóa cao như: thành phố Mỹ Tho 110/ 120 (tỷ lệ 91,66%), thị xã Gò Công 55/ 62 (tỷ lệ 88,71%)... Ở TP.HCM thì đến đâu cũng thấy những tấm biển “Khu phố Văn hóa”.

Nhưng thực chất thì thế nào? Có những khu phố văn hóa, nói theo tiếng miền Nam “vãng hóa”, tức là vãng mất hóa rồi, nói cách khác là thiếu (mất) văn hóa!

SGGP online ngày 18/10/2006:... *Thật đáng buồn vì có nhiều nơi được công nhận là “điểm sáng văn hóa” mà lại tồn tại nhiều chuyện thiếu văn hóa (VH). VH kiểu gì mà ở ngay phía dưới biển hiệu “khu phố VH” là cảnh buôn bán nhếch nhác, là lấn chiếm hẻm, mất vệ sinh, nhạc nhéo ầm ĩ...*

(Vietbao 27/9/2006): *Đi giữa thành phố, hai bên đường là các bảng tổ dân phố, khu phố văn hóa xuất hiện khắp nơi. Thậm chí không có ấp nào, khu phố nào là không văn hóa.*

Có một ý kiến, nếu tính trung bình mỗi tỉnh có 500 – 700 làng xã, tổ dân phố, và mỗi đơn vị đó chỉ chi 2.000.000đ (hàng năm trời) để vận động, tổ chức phán đấu, làm bảng hiệu, rồi liên hoan mừng công cho phái đạo, thì 63 tỉnh thành cả nước cũng chi ước cả trên trăm tỷ đồng. Mà, chỉ đổi lấy “một phong trào kẻ bảng hiệu” thì thật lãng phí. Và nếu số tiền đó dành cho việc xoá bỏ những tụ điểm thiếu văn hóa thì tốt hơn nhiều lần.

450. Khủng

Trong các từ điển tiếng Việt cũ và mới, người ta chỉ tra được các từ ngữ liên quan tới từ “khủng” là “khủng bố” – làm cho khiếp sợ, “khủng hoảng” – tình trạng rối loạn, thiếu hụt, mất thăng bằng nghiêm trọng, hay “khủng khinh” – tỏ dáng vẻ không ưa, không thích... Nhưng trong dân gian còn một chữ “khủng” với nghĩa là “lớn” – như khủng long, là không thể tưởng tượng nổi. Và từ đó có từ ghép: “Hàng khủng” là hàng đặc biệt đấy.

451. Kiếm chút cháo

Là câu nói phổ biến ở TP.HCM vào những năm sau 1975 đến trước thời kỳ đổi mới (1986). Đây là khoảng thời gian đói sống vật chất của người dân thành phố cực kỳ khó khăn, lương thì không đủ sống, sản xuất thì đình đốn. Chính vì thế ngoài những công việc chính ở công sở, CBCNV thường tìm việc làm thêm, kiếm chác ít tiền phụ vào tiền chợ. Dân gian gọi hành động đó là “kiếm chút cháo”.

“Kiếm chút cháo” cũng để chỉ việc làm ăn của dân tự do. “Đi kiếm chút cháo đā”. “Kiếm chút cháo” bây giờ chỉ mọi hành động nhằm sinh lợi về vật chất, bất luận việc đó là đúng đắn, đàng hoàng hay lừa gian lận. Do vậy “kiếm chút cháo” có khi chỉ là chút hoa hồng trong mua bán, nhưng cũng có khi là tiền tỷ trong các dự án hoặc phi vụ làm ăn lớn.

Thì cũng phải chịu thôi! Mèo nhỏ thì chỉ có thể bắt chuột nhỏ. Cọp mói vồ được heo chử. Và cháo cũng có năm bảy đường, tỷ như cháo trắng, cháo tim gan... và cháo bào ngư vi cá mà!

452. Kiến thức lùn, văn hóa lùn

“Lùn” cũng có nghĩa là ngắn, là không cao. Nói cách khác là thấp.

Theo đó “Kiến thức lùn”, “văn hóa lùn”, là trình độ kiến thức thấp, văn hóa thấp.

Chẳng hiểu vì lý do gì mà thanh niên Hà Nội lại dùng từ “lùn” thay cho “thấp”. Phải chăng chuyện thấp bé đối với

người Việt cũng là lẽ thường tình, và vẫn có một tỷ lệ “cân đối” nhất định. Còn đã nói tới “lùn” là không bình thường, là dị hợm. Và như thế nói “kiến thức lùn”, “văn hóa lùn” không chỉ đơn giản là “trình độ thấp”, mà còn là thấp quá, “thấp không thể tưởng nổi”.

453. Kinh tế mới



Nhà vách đất chiếm đa số trong thời kỳ đầu khai hoang ở Tây Nguyên

Xây dựng các vùng kinh tế mới là một chính sách của Nhà nước nhằm tổ chức, phân bố lại lao động và dân cư trong cả nước, chuyển một khối lượng lớn dân cư từ các vùng đồng bằng và thành phố tới các vùng trung du, miền núi, biên giới, hải đảo. Chính sách này được triển khai tại miền Bắc Việt Nam từ năm

1961 và trên toàn quốc từ sau khi đất nước thống nhất cho đến năm 1998. Trong 27 năm, cả nước đã di chuyển có tổ chức được 1.368.691 hộ, trong đó di cư trong tỉnh là 702.761 hộ với 3.342.253 người, từ tỉnh này sang tỉnh khác là 665.930 hộ với 2.809.373 người.

Việc tổ chức di dân được giao cho chính quyền các địa phương và Tổng cục Khai hoang xây dựng kinh tế mới và sau này là Ban chỉ đạo Phân bố lao động và dân cư trung ương thực hiện.

Miền đất hứa là các vùng sâu vùng xa, Tây Nguyên, đồng bằng sông Cửu Long. Người dân miền Bắc theo các chuyến tàu Bắc Nam, người miền Nam theo xe đò được cấp tiền vé, trang bị cho mỗi lao động hai công cụ sản xuất thích hợp. Các gia đình có nhiều khó khăn được trợ cấp, được bảo vệ sức khỏe, cung cấp hàng hóa trước khi lên vùng kinh tế mới, mua mặt hàng theo tem phiếu đã cấp. Khuyến khích làm kinh tế gia đình.

Tuy nhiên, vào giai đoạn những năm 1980, do nhiều nơi tổ chức cuộc sống và lao động sản xuất chưa tốt, như rau củ quả làm ra nhưng không có nơi tiêu thụ, nhà xây cho dân chất lượng kém, vài cơn gió giật là mái tốc, cột xiêu... Rồi chuyện ốm đau, bệnh tật, chuyện học hành của con cái... khó khăn, nan giải. Vì vậy nhiều người, đặc biệt là TP.HCM, đi rồi lại tìm cách quay về. Thậm chí, lúc ấy nhiều người khi hù nhau, hù con cái, nói:

*“Có muốn cho đi
kinh tế mới không?”*

hay
*“Lại tống đi kinh tế mới
bây giờ”!*

454. Kinh thưa các đồng chí...

Có thể nói đây là một câu nói rất hài, nhưng lại có phần đúng và đáng để lưu tâm.

Câu đây đú: *Kinh thưa các đồng chí đã bị lộ và các đồng chí chưa bị lộ!* Có phải là mở đầu của một bài đít-cua nào đó chăng? Không, đây là lời mà

dân gian hiệu đính cho câu kính thura, kính báo, trong phát biểu của ai đó trong một cuộc họp có tính chất kiểm điểm.

Ý túc thì quá là dễ hiểu, toàn hội nghị, hay cuộc họp đây là *các đồng chí đã bị lộ và các đồng chí chưa bị lộ*. Nói cách khác, là tất cả các đồng chí có mặt đều có lỗi, có tội cả, chỉ có điều người không khéo thì đã bị lộ, còn người ăn vụng biết chùi mép thì chưa bị phát hiện.

Câu này có thể có trước, nhưng sau *Báo cáo Chính trị Đại hội VI* của Đảng (4-1986) nêu rõ một thực trạng đáng lo ngại trong Đảng: “*Vấn đề đạo đức xã hội đang được đặt ra một cách cấp bách*”, thì mới lan tỏa dần trong dân. Và càng ngày càng chứng tỏ sự đúng đắn và sức sống của nó.

“Đến Đại hội VII, các báo rầm rộ hô hào rất mạnh mẽ: “Tuyên chiến với tham nhũng, buôn lậu”. Đại hội VIII lại có Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) rồi thành lập Ban công tác 62 chuyên trách chống tham

nhũng. Rồi Đại hội IX, Đại hội X, ra rả dày đặc, hô hào đầy khí thế trên các trang nghị quyết chống tham nhũng... Thế nhưng, dù “rất quyết liệt”, nhưng Nghị quyết Hội nghị TU 4 (khóa XI) lại phải xoáy sâu chuyên đề chống tham nhũng, nguy cơ cấp bách (*lại vẫn cấp bách như ĐH VI, cách đây 27 năm!*), ánh hưởng nặng đến sự tồn vong của chế độ, mất uy tín Đảng rất nghiêm trọng... Nhưng, tưởng lần này Đảng quyết tâm “xuất chiêu”, “áp chưởng”, ra tay mạnh mẽ, vậy mà suốt năm ngoái sang năm nay đã gần 2 năm rồi, tham nhũng hầu như chưa đựng đến được bao nhiêu, tràn lan, thách thức, ngang nhiên, nhất là các vụ tham nhũng lớn”.(bongbvt.blogspot.com).

455. Kôp

Có một thời chúng ta chịu ánh hưởng của Liên Xô, Nga bây giờ, rất nhiều. Thì cũng giống như với Tàu, Pháp, rồi Mỹ thôi. Cái ánh hưởng đó, ngoài lối sống, thì ngôn ngữ là chuyện dễ thấy.

Không phải chỉ là học tiếng, áp dụng trong công việc, học tập, mà cả giao tiếp hàng ngày. Tuy nhiên, sự thâm nhập đồi sóng Nga vào Việt Nam, mạnh nhất là những năm 1960 – 1970, thì cũng chỉ trong số ít người, chủ yếu là những cán bộ, sinh viên được đào tạo, học tập tại Liên Xô. Và vì thế chữ nghĩa dạng vay mượn không có, chỉ một số biến thể thành tiếng lóng mà thôi.

Cốp là âm tiếng Việt của *kop* trong tiếng Nga, có nghĩa là lãnh đạo, cũng như sếp (vip) trong tiếng Anh. Nhưng học sinh, sinh viên Hà Nội lại gọi cả bố mình là kop, và ám chỉ cả những người bạn hay vênh mặt dậy đồi. Ông cốp đấy!

Bây giờ như thế gọi là “ông kên”.

456. KT3 (hộ khẩu)

Giống như một bí số của một chiến dịch bí mật và quan trọng nào đó. Và trong một khoảng thời gian dài mười mấy năm nay, nó không chỉ là nỗi ám ảnh thường trực của không ít người

nhập cư vào TP.HCM, mà còn gây ảnh hưởng không nhỏ tới cuộc sống sinh hoạt của họ. KT3 là gì?

Theo Nghị định 51/ CP, ngày 10/5/1997 của Chính phủ về quản lý hộ khẩu, trong đó hạn chế người dân ở các nơi về thành thị để làm ăn sinh sống. Không có hộ khẩu thì bị liệt vào diện KT3. Kèm theo mất một số quyền nhân thân, công dân KT3 còn bị mất luôn quyền có tài sản. Vì không có hộ khẩu thì khi mua nhà, mua đất không được đứng tên, phải nhờ người khác đứng tên. Khi tranh chấp nhau, kiện ra tòa án, tòa bảo giấy trắng mực đen, tên của ông Nguyễn Văn A là tài sản của ông A, không thể là của ông Nguyễn Văn B được, cho nên không thể đòi lại nhà đất.

(Theo *Tuổi trẻ* 29/5/2010): Mặc dù Hiến pháp có quy định về quyền tự do cư trú và quy định về đăng ký tạm trú theo diện KT3 đã có từ lâu, nhưng không phải ai cũng có được loại giấy tờ quan trọng này)

Như ở TP.HCM diện KT3 muốn đăng ký hộ khẩu phải ở thành phố từ năm năm, rồi phải có công ăn việc làm ổn định. Có những người làm tự do nhưng bây giờ không có giấy chứng nhận là làm ở đâu thì cũng không được chấp nhận cho đăng ký hộ khẩu. Như vậy lại phải tự ra đăng ký để làm ở một công ty tư nhân gì đó - nhưng thật ra là không làm - để có giấy đi đăng ký hộ khẩu.

457. Ký giả ăn mày



Năm 1972 chính quyền Nguyễn Văn Thiệu đã cho áp dụng, theo đó, tờ báo nào bị tịch thu lần thứ hai do có bài vi phạm an ninh quốc gia và trật tự công cộng thì sẽ bị đóng cửa vĩnh viễn. Nhiều tờ báo bị đóng cửa, một số chủ báo còn bị tù, khoảng 70% người

làm báo bị thất nghiệp. Trước tình hình đó, các nghiệp đoàn ký giả ở Sài Gòn đã tập hợp lại để tìm ra một biện pháp nhằm cứu nguy cho báo chí.

Ngày 8 tháng 9 năm 1974, một cuộc họp liên tịch đã được hội chủ báo tổ chức, với ba đoàn thể ký giả tham dự là: Nghiệp đoàn ký giả Nam Việt, Hội ái hữu ký giả Việt Nam và Nghiệp đoàn ký giả Việt Nam, bầu ra Ủy ban đấu tranh đòi tự do báo chí do ông Nguyễn Văn Bình, dân biểu đối lập, đại diện báo *Dai dân tộc* làm chủ tịch.

Ban tổ chức quyết định chọn ngày 10 tháng 10 năm 1974 làm ngày xuống đường biểu tình. Nón lá, bì, gậy (các vật dụng của ăn mày) được chuẩn bị sẵn.

10-10-1974, đúng 8 giờ sáng, Nguyễn Kiên Giang thay mặt Ban tổ chức đọc bản tuyên bố “Báo chí phải đi ăn mày vì Luật 007 của Tổng thống Thiệu”.

Đi đầu đoàn biểu tình là Ban tổ chức với biểu ngữ : “10-10-1974, ngày báo chí đi ăn mày”, cùng các khẩu hiệu khác : “Yêu

cầu Tổng thống Thiệu từ chức”.

“Tự do ngôn luận, tự do báo chí”, “Đả đảo Luật 007”, “Luật 007 làm báo chí phải đi ăn mày”, v.v... Hai bên đoàn biểu tình là Biệt đoàn ký giả nhân dân tự vệ, có nhiệm vụ chống đỡ cho đoàn ký giả nếu xảy ra đàn áp.

Ngày 10-10-1974, được gọi là
“ngày ký giả đi ăn mày”

L

458. Lá rách đùm...

Ta vẫn bảo người Việt ta có tinh thần tương thân tương ái. Còn nói: *Ăn mày là ai? Ăn mày là ta/ Dói com rách áo hóa ra ăn mày.* Và mỗi khi miền Trung, miền Tây, miền Bắc bão lũ, hay những gia đình gặp cảnh nghèo nàn thắt ngực, chúng ta đều kêu gọi hãy mở lòng từ thiện. Tốt thôi, nhưng làm sao để tiền, hàng đến đủ, đến đúng đối tượng. Và còn có một điều rất đáng lưu tâm mà dân ta xưa đã khuyến cáo, cần tránh: “Bòn noi khổ rách/ Đãi noi quần hồng”?! Ở nước ngoài cũng có câu tương tự, nhưng thẳng thắn hơn nhiều: Làm từ thiện là lấy của người nghèo ở chỗ giàu, đem cho người giàu ở chỗ nghèo.

Và cũng phải nhớ cho chuẩn xác lời dạy của cha ông xưa là:

Lá lành đùm lá rách, chứ không phải lá rách đùm lá nát. Nhất là những đại gia, những quan trên, vào những lúc thiên tai, hỏa hoạn; gặp những cảnh tang thương hãy cố gắng có mặt và bỏ ra ít đồng... tượng trưng thì có lẽ tốt hơn nhiều những lời hô hào, động viên cho người khác làm, mình kiểm tra...

Chắc những điều đó không sai và cũng không thừa.

459. Lạc xoong và lạc son

Lac-xon, lac-xoong hay lac-son, son là âm tiếng Việt của từ *l’auction* hay *article d’occasion* của Pháp, hay tất cả chúng chỉ là một, quả là không biết nữa. Nhưng trong *Tự vị Tiếng Việt miền Nam*, của Vương Hồng Sển, trang 443, mục *lạc son, đồ lạc*

son, có ghi, xin chép nguyên văn để cùng tham khảo: “Hàng hóa đã cũ, nửa sạc, bán rẻ lấy vốn. Có lẽ do “article d’occasion” của Pháp, khi Việt hóa nói ríu.

“Nay dùng đồ phé thái”, “phé vật”. “đồ xa thái”; “đồ bán ở chợ trời”

- *Gái lạc son* là gái mất tân rồi.
- *Chợ lạc son* là chợ bán đồ cũ; dùng lầm với chợ bán toàn những đồ không dùng được nữa.
- *Gái lạc son hon con nhà giàu*: câu mới, nói hờ, nhiều khi đàn bà đã mất tiết rồi lại trinh thực hơn hạng có tiền nhưng đã hư từ trong trứng.
- *Văn lạc son*: Văn dở, mượn của người khác, và víu làm của mình.
- Xin đừng chê *hàng lạc son*, nhiều khi với con mắt tinh đời sẽ gặp đồ cổ quý, Minh, Khang Hy, ẩn tàng trong đám lạc son chợ trời. Không bước đến lầu xanh lầu hồng, làm sao gặp được nàng Kiều buối lạc bước noi lầu Ngung Bích? (VHS)

460. **Làm cơm té ruồi**

Rồi thì tất cả chúng ta

Đều lên nóc tủ

ngắm gà khوا thân

(Bảo Sinh)

Chắc chắn là đúng vậy rồi, nhưng có ngắm, có ăn được hay không không biết, chỉ biết khi sống thì thế nào! Có người khi cha mẹ còn thì chẳng ngó ngàng gì, thậm chí có người còn ngược đai đắng sinh thành của mình, nhốt cha, nhốt mẹ bỏ dội. Có người còn xích cha mình vào một cái cọc, như xích một con vật... Ấy thế mà khi cha mẹ mất họ gào khóc thảm thiết: Ôi, cha (mẹ) oi! Sao lại nỡ ra đi, bỏ chúng con lại cô cút thế này?! Ôi, giờ oi là giờ!... Rồi làm đám ma cho thật to, cỗ bàn cho thật lớn, cái mộ cho thật bề thế, thật hoành tráng để mà khoe khoang với thiên hạ.

Thiên hạ có biết không, dân tình có biết không? Biết cả đấy, chẳng thế mà có câu: *Làm cơm té ruồi* để nói cái ý nghĩa của mâm cơm cúng, người chết

không hướng được gì chỉ có lũ ruồi, nhặng là no say thôi.

461. Làm (ăn) gỏi

Gỏi, miền Bắc gọi là nộm. Là một món ăn khá phổ biến và thường được xem như món khai vị. Có nhiều loại gỏi, từ đơn giản như salad song trộn dầu giấm, tới các loại cầu kỳ, phức tạp như gỏi thịt, gỏi tôm, cua... Nhưng tựu chung muốn ăn kiểu gì, loại gì thì cứ trộn lộn với nhau, với đường và giấm (chua, ngọt) cho vừa là có thể dùng ngay, khỏi nấu nướng gì hết. Có nghĩa là nhanh, gọn, dễ ăn.

Có lẽ vì những đặc tính khá đặc trưng của gỏi, mà hễ việc gì dễ dàng, đối thủ nào dễ hạ, thì dân tình đều dùng từ “gỏi” để biểu cảm.

Ví dụ: (*Dân trí*) - Được thi đấu trên sân nhà, lại ra sân với đội hình khá mạnh nên Arsenal vẫn dễ dàng “làm gỏi” Coventry. Với chiến thắng 4-0 giòn giã, Arsenal đã ung dung vượt qua vòng 4 FA Cup. Hoặc: Tưởng gì, chuyện đó dễ như ăn gỏi.

462. Làm kinh tế thì nhiều thành phần...

Một thời gian sau khi nghị quyết Đại hội Trung ương 6 của Đảng (15-18/12/1986), ra đời với việc lựa chọn nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển kinh tế nhiều thành phần trong đó kinh tế Quốc doanh làm chủ đạo. Lúc đó ông Võ Văn Kiệt đang làm Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và ông Trần Hoàn là Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin (nay là Bộ Văn Hóa – Thể thao – Du lịch).

Tuy nhiên, về văn hóa, thì phải bảo đảm “*hòa nhập mà không hòa tan*”. Chính vì thế ca khúc *Lời người ra đi* của Trần Hoàn:

Một chiều anh bước đi / Em tiên chân anh tận cuối đồi / Nghe dặn lời / Rằng chiến đấu đúng sòn lòng / Rằng sóng gió đúng sòn lòng / Đừng nề gian khổ!

đã được dân tình cải biên:

*Một chiều, anh Sáu Dân
Tê lê phôn cho anh Trần Hoàn
Anh bảo rằng, dù kinh tế có
nhiều thành phần*

*Thì văn hóa chỉ một thành phần, không thể nào chia ra... (cũng có lời: *Thì văn hóa chỉ một thành phần anh oi*).*

Chẳng hiểu ông Sáu Dân có tê lê phon và nói với ông Trần Hoàn vậy không, nhưng có người bình luận: Đùa vui rất hợp cảnh, hợp tình và còn “định hướng xã hội chủ nghĩa nữa”, không phê được.

463. Làm luật

Không cần phải điều mấy, tiết mấy, quy định tại điều luật nào, những ông chủ lớn, những đại ca trong giới giang hồ thường tự quyết mọi vấn đề, dù đó là bạc tỷ hay là tính mạng con người. Vì thế có không ít trường hợp đúng thành sai, sai thành đúng cứ như luật đã được sửa lại. Dân gian gọi như vậy là “*Làm luật*”.

464. Làm ngày không đủ..

“*Làm ngày không đủ, tranh thủ làm đêm*”, khẩu hiệu trong sản xuất ở miền Bắc thời kỳ chống Mỹ.

Có thể nói ngay sau khi hòa bình lập lại trên miền Bắc,

phong trào thi đua lao động sản xuất để chi viện cho miền Nam đã được phát động rầm rộ. Và mặc dù giờ làm việc lúc đó theo quy định là 8 tiếng, nhưng nhiều cơ quan, xí nghiệp vận động làm thêm giờ, làm vào buổi tối để đẩy nhanh tiến độ, tăng năng suất lao động, với mục tiêu “*Tất cả vì miền Nam ruột thịt*”.

Chỉ tính từ 1965 đến 1974, riêng tỉnh Thái Bình đã huy động cho Nhà nước hơn một triệu tấn lương thực, hàng chục vạn tấn thịt lợn, cá, muối..., góp phần cùng với cả miền Bắc chi viện, tiếp sức cho tiền tuyến lớn miền Nam. “Còn tính chung toàn miền Bắc, từ 1959 đến 1975, đã tiếp tế cho chiến trường miền Nam gần 700.000 tấn vật chất, trong đó có hơn 180.000 tấn vũ khí, trang bị kỹ thuật; cung cấp và tổ chức cơ động hàng triệu lượt người vào chiến đấu và công tác trên các chiến trường. Vào giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống Mỹ, tại các chiến trường miền Nam, hơn 80% quân số của lực lượng

vũ trang, 81% vũ khí và đạn, 60% xăng dầu, 65% thuốc men, 85% xe vận tải... là do hậu phương miền Bắc chi viện. (Nguồn: *Việt Lịch sử quân sự Việt Nam – QĐND 17/4/2010*).

465. **Làm sao bây giờ**

Trong bán hàng, khi mà chưa có các chiêu thức quảng cáo và các hình thức tiếp thị hiện đại, thì lời rao, cũng chính là cách quảng cáo và tiếp thị vậy. Và ngay cả bây giờ thì các gánh hàng rong vẫn phải bán hàng bằng... cái miệng.

Tất nhiên cái miệng có thể được công nghệ hóa, chẳng hạn như có một dạo, những cái cân Trung Quốc được đẩy đi khắp cùng với lời rao từ một cái ô-pać-lo: Rất hân hạnh được phục vụ quý khách! Rất hân hạnh được phục vụ quý khách? Phổ biến đến mức ai nhở vả gì, nếu ta đồng ý thì cũng nói: Rất hân hạnh được phục vụ quý khách.

Khắp các con hẻm Sài Gòn, đâu cũng có thể bắt chợt nghe thấy nhưng lời rao bán hàng rong. Thử lắng nghe mà xem từ

lời rao, giọng rao cũng mang tính nghệ thuật và độc đáo vô cùng.

Lúc mới giải phóng, một anh bạn cứ thắc mắc, sáng sớm ở con hẻm anh cứ có bà quẩy gánh bán gì không rõ, mà cứ rao: *Làm sao bây giờ? Làm sao bây giờ?* Té ra bà ấy bán chè đậu xanh bột báng nước dừa. Còn bà bán hột vịt lộn thì rao: *Lộn o! Lộn o!* Một anh mua ve chai cứ nhấm nháp từng câu, từng chữ một: *Mua, mua là mua hạt chai, hạt bẹt, hạt đá, hạt xoàn là mua. Chuột sống, chuột chết là mua. Mua, cái gì cũng mua...*

Ở Hà Nội, những năm 1960 – 1970, nhiều tiếng rao bán hàng không những làm người lớn nhớ da diết, mà còn đi vào ký ức tuổi thơ. Nhất là ông bán thịt bò khô với cái kéo to dùng cù nhấp nhấp, cheng cheng, cheng cheng: *Thịt bò khô! Thịt bò khô bán tại thủ đô, năm xu một đĩa đây!* Cái đĩa nêm đu đủ bào, trộn với thịt bò khô, nước tương cay, chua, ngọt, khiến những đứa trẻ chỉ cần nghe một vài câu hoặc tiếng kéo cheng

cheng của ông bán hàng cũng đủ chảy nước miếng rồi. Còn cái ông lợt tốt, bán loại giấy khi cho vào nước, làm cho nước có màu xanh lơ, nhúng đồ trắng vào sẽ thêm trắng xanh nhẹ nhè rất thích, hình như chẳng liên quan gì tới bọn trẻ, nhưng hễ ông ta đi ngang qua trường, qua nhà với giọng rỗn ràng là bao giờ cũng ngách tai lên chờ đợi: *Lợt tốt, lợt tốt đây! Lợt ông, lợ bà, lợ anh, lợ chị, cả nhà cùng lợ đây!*

Tháng ba, chỉ có tháng ba thôi, cái tháng của mùa rươi miền Bắc, thì Hà Nội mới có thể nghe thấy tiếng của bà bán rươi: *Ai múa* (bà ấy rao vây) *rươi ra mua!* Một năm mới nghe thấy cái giọng nhão nhẹt ấy một lần, nhưng các bà nội trợ là thính ngay. Cả những đứa trẻ không quên vị chả rươi đánh với trứng vịt, thịt băm, tý vỏ quýt, rán (chiên) lên, thơm ngon khó tả, cũng ào ra cổng đón bà hàng rươi...

Thời gian cứ trôi đi, nhưng những lời rao có khi còn mãi trong kí ức...

466. Lãnh đạo phân công

Từ thời phong kiến đến nay cũng vậy, việc của vua quan, của lãnh đạo là “đêm nằm nghĩ việc ra cho mà làm”, rồi phân công, phân nhiệm, cắt đặt mọi sự. Khỏi phải bàn và cũng đừng cãi. Nhưng có những sự, im lặng cũng chết, không phải đâu thì cũng phải tai, chẳng tránh được. Bài thơ sau truyền khẩu từ miền xuôi tới miền ngược, từ thành thị đến nông thôn nước Việt, mà tôi ghi chép được ở Thái Nguyên vào năm 1998, như vậy chắc nó ra đời chí ít cũng vào những năm 80 của thế kỷ 20.

Thơ nôm na dễ hiểu, khỏi bình:

Mày là cấp dưới của tao

Sai đúng thế nào

mày cũng phải nghe

Việc tao chỉ có khen chê

Việc mày chỉ có

lắng nghe mà làm

Việc đi nghỉ mát tham quan

Mở rộng tầm mắt

việc làm của tao

Lên rừng xuống biển gian lao

Đã cân nhắc kỹ

tao giao cho mày

*Việc tao ngồi ký cả ngày,
rồi đi hội họp đó đây
Chiểu theo quyết định
việc này của tao
Kính thưa kính bẩm tào lao
Chữ nghĩa viết lách
tao giao cho mày
Lại đây tao bảo câu này
Tao cấm việc mày nghĩ
chuyện chống tao
Chống tao tao chẳng làm sao
Nhưng đến khi đó
buộc tao xủ mày
Trời cao, rùng thẳm, đất dày
Tao đố mày thoát
tay này của tao.*

467. Lao động (vui)

Theo *TDTV* NXBKHXH 1989, lao động là hoạt động có mục đích của con người nhằm tạo ra các loại sản phẩm vật chất và tinh thần cho xã hội. Nhưng thời kỳ đầu giải phóng miền Nam có loại thuốc lá phổ thông của hãng thốc lá Sài Gòn là “*Basto lux*” được đổi tên thành “*Lao động*”, nên thay vì nói “*lao động là vinh quang*”, thì dân ghiền thuốc đùa: “*Lao động là Basto lux*”.

468. Láp Xe đập (vui)

Anh miền Trung vào Sài Gòn, ghé một cửa hiệu xe đập, nói: Bán cho cái *láp xe đập*. Chủ hàng nhìn quanh: Không có! Anh miền Trung chỉ thẳng tay: Đó, cái *láp xe đập* đó. Chủ hàng nhướn chân mày, nhỏ nhở: Mua có cái lốp xe đập mà cưng bày đặt nói lái. Anh đâu có hiểu cái tiếng của Quang Ngãi nó vậy chứ lái gió gì đâu.

469. Lâm tặc

Cũng lạ, trong *TDTV*, đạo tặc – trộm cướp thì có, mà lâm tặc, tin tặc thì không. Có lẽ do cuốn tự điển ra đời khi chưa có nạn lâm tặc cũng như tin tặc. Vậy xin được bổ khuyết.

Lâm tặc là cách gọi để chỉ những người khai thác rừng trái phép, họ chặt rừng mục đích để kinh doanh. Những hành động của họ thường gây tác hại cho cân bằng sinh thái, môi trường rất lớn. Rừng ngày càng lùi sâu vào trong các biên giới xa. Đáng nói hơn là nạn phá rừng ở ta khá phổ biến và

đám lâm tặc thì hung hăng, thậm chí dùng cả dao, súng chống lại người thi hành công vụ, trong khi kiểm lâm thì lại tay không.

Chính vì thế lâm tặc thì giàu và phồn phor ngoài vòng pháp luật, mà kiểm lâm thì thu và ôm đầu máu.

Rừng đã bị phá tan nát, tới mức dân tình kêu là chúng ta đã cơ bản phá xong rừng. Cũng còn hy vọng, theo *VN Express* 27/1/2014, Thủ tướng đã đồng ý chủ trương kiện toàn tổ chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động Kiểm lâm và thành lập Cảnh sát Lâm nghiệp, do Bộ Công an, cùng các bộ liên quan xây dựng đề án.

Tin tức: Hacker là người có thể viết hay chỉnh sửa phần mềm, phần cứng máy tính bao gồm lập trình, quản trị và bảo mật. Những người này hiểu rõ hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính và dùng kiến thức của bản thân để làm thay đổi, chỉnh sửa nó với nhiều mục đích tốt xấu khác nhau.

Hack, trong tiếng Anh, là hành động thâm nhập vào phần cứng máy tính, phần mềm máy tính hay mạng máy tính để thay đổi hệ thống đó.

Hacker mũ trắng là từ dùng chỉ những hacker tốt.



Hacker mũ đen là từ dùng chỉ những người mà hành động thâm nhập có mục đích phá hoại, hoặc vi phạm pháp luật.

Ở Việt Nam, hacker mũ đen cũng có xu hướng phát triển. 10/01/2014, *Vietnamnet.vn* đưa tin: Hàng trăm hacker rải khắp các tỉnh, thành để trộm cắp, mua bán thông tin thẻ tín dụng, hàng chục tỉ đồng trong tài khoản ngân hàng của người nước ngoài đã bị trộm cắp. Hàng trăm hacker rải khắp các tỉnh, thành để trộm cắp, mua

bán thông tin thẻ tín dụng, hàng chục tỉ đồng trong tài khoản ngân hàng của người nước ngoài đã bị trộm cắp. Cầm đầu đường dây là Huỳnh Phuốc Mẫn (lưu trú tại khách sạn PT, Phú Nhuận), là người sáng lập, điều hành, tổ chức diễn đàn Vietexpert.info.

470. Lấy dân làm gốc



Tháng 6 năm 1300, Hưng Đạo Vương ốm. Vua ngự tới nhà thăm, hỏi rằng: “Nếu có điều chẳng may, mà giặc phương Bắc lại sang xâm lược thì kế sách như thế nào?

Hưng Đạo Vương trả lời: “...khoan thu sức dân để làm kế sâu rẽ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước vây”.

Tư tưởng Hồ Chí Minh trong dựng nước và giữ nước cũng

vậy: “*Nước lấy dân làm gốc. Gốc có vững, cây mới bền*”. Phải thực hiện dân chủ với dân, phát huy tinh thần làm chủ của dân là cốt lõi của vấn đề “*Lấy dân làm gốc*”. “Dân biết - Dân bàn – Dân làm – Dân kiểm tra” được nêu lên là một trong “Những việc cần làm ngay” do Cố TBT Nguyễn Văn Linh đề ra chính là một bước cụ thể hóa việc “Lấy dân làm gốc”. Nhưng vẫn còn quá nhiều bất cập. Vẫn còn quá nhiều việc dân không biết, không được bàn, mà... vẫn phải thông, đặc biệt là các vụ giải tỏa, đền... không đủ bù. Chính vì thế cũng vào đúng cái cao trào “Những việc cần làm ngay”, trên báo chí, trong dân gian thường nói “Thật như đùa”: “*Lấy dân làm gốc*”... . Lấy gốc làm thớt”. Đúng là gốc me, gốc mít làm thớt thì tốt vô địch. Có một sự liên hệ ngẫu nhiên là trong thời gian này, ở TP.HCM người ta cho cưa rất nhiều cây me, nói là hư gốc. Và họ làm thớt bày bán ngay lề đường (Võ Văn Tân).

471. Lề phải, lề trái

Nếu nói tới luật giao thông, đi đường, thì ở một số nước lấy bên trái làm chuẩn. Nghĩa là xe chạy bên trái đường, như ở các nước khối Liên hiệp Anh. Còn đa phần, trong đó có Việt Nam, thì xe chạy bên phải đường. (232CXCN) Nói cách khác, đi bên phải là đúng, đi bên trái là sai, là phạm luật. Suy rộng ra về mặt ngôn từ thì *trái là sai, phải là đúng*. Ngay cả trong văn hóa thông tin cũng vậy, và từ năm 2009, khái niệm *lề phải, lề trái* đã được đưa ra và trở thành như một ngôn từ chính thống chỉ sự đúng sai, được, không được của báo giới, đặc biệt là anh báo mạng. Nếu nói rằng báo mạng quá nhiều chuyện tào lao bí đao, thậm chí phản động không phải không có lý. Nhưng đó là xa lộ thông tin mà, chuyện đúng sai, tốt xấu thế nào chẳng có. Và trong rất nhiều lợi ích thiết thực, hữu ích của nó, cái sự nhanh nhạy, có thể tính theo giây; rộng khắp, có thể mở ra thế giới, vào

từng nhà, thì rõ ràng anh báo giấy có nằm mơ cũng... chỉ có thể tìm cách... mở thêm cho mình một mạng trên internet mà thôi. Đặc biệt, nhờ tai mắt ở hàng triệu blog mà có những chuyện sai trái muôn ém nhẹm cũng bị phanh phui, giúp nhà nước, các ngành các cấp đỡ bao công sức.

Nhưng thôi, chuyện ấy để đèn trời soi xét, không lạc đề, có khi lề phải không đi lại nhầm lề trái thì oan gia.

Trở lại vấn đề chữ nghĩa, phải nói dân mình thật nhanh nhạy, gần như ngay sau khi một quan chức đưa ra vấn đề *lề phải, lề trái* của báo chí, thì ngôn từ này đã bị “quốc hũu hóa”, trở thành ngôn từ chỉ sự sai đúng trên mọi bình diện xã hội. Chẳng hạn...

472. Lên bờ xuống ruộng

Xuống ruộng là đi cày, còn lên bờ chưa chắc đã là xong việc. Thậm chí cày bừa chưa thông, điều khiển trâu chưa thuần, có khi đang cày, trâu cứ kéo tuốt

lên bờ thì vừa cực vừa phát điên lên chứ không chơi. Nhưng lên bờ xuống ruộng đối với nhà nông là chuyện bình thường, chẳng ai than gì. Chỉ mấy ông cày đường nhựa (*xem mục 150*) bị các sếp hành hoặc công việc ôm đodom mới than vậy.

Khốn khổ, khốn nạn, mình cứ bị đầy ải *lên bờ xuống ruộng* mãi.

473. *Lên chân kính*

Trong hệ thống máy móc đồng hồ có rất nhiều trực truyền chuyển động. Để chống mòn những đầu trực, giảm sai số cho đồng hồ, ở mỗi đầu trực các loại đồng hồ tốt đều có gắn những chân kính bằng đá quý, kim cương. Vì thế đồng hồ càng nhiều chân kính càng đắt tiền.

“*Lên chân kính*” là số lượng chân kính tăng lên. Nói cách khác khi người ta nói cuộc đời anh “*Lên chân kính*”, thì cũng có nghĩa là nói cuộc đời anh có giá lên, thế là sướng rồi, lên hương rồi. Từ ngữ này xuất hiện đầu tiên ở Hà Nội từ những năm 1960.

“*Lên chân kính*” cũng có nghĩa nhu “*lên đời*” vậy.

474. *Lên đời*

“*Lên đời*” là đời sống đi lên. Vì một lý do nào đó cuộc sống của bạn có đổi thay theo chiều hướng đi lên đột biến. Lên chức, lấy được cô vợ con nhà tỷ phú, hay trúng số độc đắc... chẳng hạn. Lúc đó mọi sinh hoạt, ăn uống, đi lại cũng buộc phải đổi theo cho phù hợp. Và như thế, người ta gọi là “*lên đời*” – đời lên hương đấy.

475. *Liên hiệp thịt chó*



Thịt chó với dân Việt từ lâu đã được coi là “quốc tuý, quốc hồn” rồi. Và người ta ca ngợi thịt chó tới mức: “*Sống trên đời ăn miếng đời chó/ Chết xuống*

âm phủ không có mà ăn". Từ những năm 1980, hình như dân mình lại ăn thịt chó nhiều hơn. Trên những cung đường, người ta có thể bắt gặp những xe tải lớn, ngăn làm 3 - 4 tầng, lủ khủ toàn chó là chó. Rồi từ Bắc vô Nam, ở đâu cũng có hàng thịt chó. Đặc biệt, chốn kinh kỳ, có một nơi xưa đến nay cũng vậy, chỉ nổi tiếng với nghề trồng hoa – làng đào Nhật Tân – nay lại mọc lên hẳn một "*Liên hiệp thịt chó*" vào loại lớn nhất nước. Dọc theo đê sông Hồng dễ có cả km, những hàng thịt chó san sát nhau. Nào là Trần Mục, A Tráng, rồi Anh Tú Béo, Anh Tú Xịn, Anh Tú chính gốc... Những ngày mát trời, người ta thấy xe con, xe máy lũ lượt đến "*Liên hiệp thịt chó*" như trẩy hội. Nhưng gần đây "*Liên hiệp thịt chó*" tự nhiên cứ thu hẹp lại dần, đến ngay cả những Tú béo, Tú gầy, Trần Mục cũng chẳng hiểu biến đi từ hồi nào. Nay đi ngang qua nơi xưa chỉ còn loe ngoe vài quán như những quán Võ Tòng.

476. Lính Lê Dương



Lê dương (tiếng Pháp: *Légion étrangère*) là đơn vị đặc biệt của quân đội Pháp với các binh sĩ là những người nước ngoài tình nguyện; được thành lập năm 1831. Nhiệm vụ ban đầu của Lê dương Pháp là bảo vệ và mở rộng các thuộc địa của Pháp, nhưng sau đó đội quân này đã trở thành một lực lượng quan trọng của quân đội Pháp tham chiến trong cả hai cuộc chiến tranh thế giới cũng như nhiều cuộc xung đột khác.

Ngày 18 tháng 11 năm 1883, lần đầu tiên 600 lính Lê dương Pháp đổ bộ vào Bắc Kỳ, Việt Nam, bổ sung cho quân đội viễn chinh Pháp do đô đốc Amédée Courbet chỉ huy. Từ năm 1946 đến năm 1954, có khoảng

72.833 tên lính Lê dương tham chiến tại chiến trường Đông Dương, trong số này hơn 10.283 người đã chết bao gồm 309 sĩ quan, 1.082 hạ sĩ quan và 9.092 lính. Phần lớn thiệt hại của lực lượng Lê dương là tại trận Điện Biên Phủ với 1.500 lính thiệt mạng và 4.000 binh sĩ bị thương (Wikipedia).

Khoảng những năm 1960, ở Hà Nội, cụm từ ngữ “*lính Lê dương*” được dân gian dùng chỉ người làm những công việc sai đậu đánh đáy. Chẳng hạn: Tại sao ông lại làm như vậy? – Ôi dào, mình là *lính lê dương* mà!

477. Líp ba ga

Xài líp ba ga, chắc do từ tiếng Pháp “libre”, tiếng Việt đọc trại thành líp (cái líp xe), có nghĩa là tự do, thoả mái, còn độc thân (phóng túng như anh chàng độc thân). Còn ba ga (portebagages, yên sau xe đạp) ghép lại thành “xài líp ba ga” tức xài thoả mái như một anh chàng độc thân phóng túng, không cần phải tiết kiệm dành dụm gì cả!

Từ đó, trong việc cầu khấn, dân Sài Gòn cũng đùa là “*cầu xài líp ba ga*”, thay vì “*Cầu dùa (vừa) đú xài*”.

Có một chữ líp (lift) trong thể thao như chơi quần vợt, bóng bàn là chỉ một cú đánh xoáy, vớt từ dưới lên.

478. Loài tuyệt chủng

Các loài không còn trên trái đất này, xưa thật xưa có khủng long, voi ma mút... Còn gần đây báo động có nguy cơ tuyệt chủng là những loài được ghi trong sách đỏ (tiếng Anh là *IUCN Red List of Threatened Species, IUCN Red List hay Red Data List*) là danh sách về tình trạng bảo tồn và đa dạng của các loài động vật và thực vật trên thế giới).

Sách đỏ 2004, công bố đã đánh giá tất cả 38.047 loài, cùng với 2.140 phân loài, giống, chi và quần thể. Trong đó, 15.503 loài nằm trong tình trạng nguy cơ tuyệt chủng gồm 7.180 loài động vật, 8.321 loài thực vật, và 2 loài nấm, và 784 loài loài tuyệt chủng được ghi nhận từ năm 1500.

Dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá tình trạng các loài của IUCN, chính phủ Việt Nam cũng công bố Sách đỏ Việt Nam (*theo Wikipedia*). Trong đó có: Bò tót (còn gọi là con min), hổ, Sao la, hươu vàng, voọc mũi hέch, voọc đầu trắng, voi, cò quăm cánh xanh, và loài rùa lớn nhất thế giới, rùa da, còn gọi là rùa luýt.

Còn một loài, là “một chi” của loài người, có tác động quan trọng tới xã hội Việt Nam, không thấy ghi trong sách đỏ, mà dân tình thì nói là đã tiệt chủng rồi. Đó là những người thảng thắn, thật thà... (*xem mục 712*).

Họ bảo ở thời buổi này bon chen, phải ma lanh chút, khôn ngoan chút, chứ cứ thật thà, có mà... ngu.

479. Loạn cào cào



Châu chấu là côn trùng ăn lá, tên khoa học là *Caelifera* thuộc bộ Cánh thẳng (*Orthoptera*). Sức gặm nhấm mỗi ngày của một đàn châu chấu trung bình có thể tương đương lượng tiêu thụ thức ăn của 2.500 người. Với một đàn lớn, hàng chục triệu con châu chấu sa mạc được cho là có thể tác động đến cuộc sống của 1/10 dân số trên hành tinh.

Châu chấu sinh trưởng rất nhanh. Sau ngày thứ nhất bé như con lăng quăng, ngày thứ hai biết nhảy, ngày thứ ba nhảy được 30cm, ngày thứ tư nhảy qua 1m và ngày thứ năm thì đú



cánh bay. Những con biết bay này lại giao phối với nhau sinh ra lóp châu chấu mới.

(*Tamnhin.net*) - Trung tâm báo chí của Bộ Nông nghiệp Nga cho biết, năm 2011 đã có 317.000 ha diện tích canh tác bị “giặc” châu chấu và bướm tấn công dữ dội.

TT(Nghệ An, 08/9/2003) - Ở Nam Đàn, chỉ sau hơn mười ngày mà cả 32 xã của huyện đã bị châu chấu di cư xâm hại với diện tích trên 1.000ha.

“Kiện tướng diệt châu chấu” ở đây, sau 15 ngày đã bắt được hơn 2 tấn châu chấu.

(*VNE ngày 8.3.2013*): vào tối 5/3, chúng nghỉ ngoi trên sa mạc Negev gần biên giới Ai Cập. Chúng đậu kín một khu vực có diện tích khoảng 800 hecta.

Châu chấu từng “xâm lược” miền nam Israel vào năm 2004.

Và trên thế giới từ xưa rồi, người ta đều gọi loại côn trùng này là châu chấu.

Loại này có hai giống khác nhau, một giống đầu bằng, một giống đầu nhọn. Ở Việt Nam,

một số vùng gọi loài đầu bằng là *châu chấu* và loài đầu nhọn là *cào cào*, ở một số vùng khác thì ngược lại. Chính vì thế đã có những cuộc tranh cãi có nguy cơ dẫn đến ẩu đả giữa làng nọ làng kia chỉ vì châu chấu, cào cào.



Tuy nhiên, cũng chẳng hiểu tại sao, khi nói tới cái lộn xộn, khó kiểm soát, người ta lại thống nhất nói là *loạn cào cào*. Không thấy đâu nói là *loạn châu chấu* cả.

Còn trong lịch sử ghi về cuộc nổi dậy Cao Bá Quát (1808-1855) lại gọi là *Giặc Châu Chấu*.

Tại sao vậy? Vị nào biết xin chỉ giáo giùm, cảm ơn.

480. Lobby hành lang

Lobby hay còn gọi là vận động hành lang, ở Việt Nam được hiểu theo nghĩa tiêu cực là chuyện đi

đêm, bôi trơn, là phi pháp... Và là hiện tượng rất phổ biến. Làm gì cũng lobby, cũng phải biết “*thủ tục đầu tiên*”.

Nhung *lobby* đúng nghĩa là nghệ thuật trong kinh doanh hoặc vĩ mô hơn, đó là sách lược quốc gia.

Theo bà Tôn Nữ Thị Ninh, nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội: “Mặc dù trong *lobby* có liên quan đến quyền lợi vật chất nhưng nói *lobby* là mua chuộc ai đó là cách nói thô thiển về hoạt động này. Thực chất *lobby* là sự trao đổi lợi ích, là sự trao đổi quyền lợi khả thi và hiệu quả. Đó không chỉ là hoạt động của doanh nghiệp mà còn là công việc của quốc gia. Chính phủ các nước đều xem trọng hoạt động này. Chỉ nói riêng ở khu vực Đông Nam Á, chính phủ những nước từ Campuchia hoặc Myanmar đến những nước phát triển hơn đều có hoạt động *lobby* và thuê *lobby* quốc tế, ngoại trừ Việt Nam và Lào. (Nguồn: Tuantin.vn)

481. Lọt sàng xuống...

Sàng và nia là những dụng cụ dùng để làm sạch gạo. Sàng có những lỗ lớn nên khi sàng, gạo có thể lọt xuống nia. Xưa “lọt sàng” còn có thể “xuống nia”, cha mẹ không được hưởng mà con cái, họ hàng được hưởng thì cũng tốt. Nay có nhiều cái công thành công cốc, nên câu trên được biến thể: “*Lọt sàng... xuống đất!*”

482. Lô-can

Từ tiếng Anh, tiếng Pháp cũng vậy, *local* có nghĩa là của địa phương, thuộc về địa phương, phiên âm tiếng Việt là *lô – can*. Với hàng hóa, một cái quạt máy, nguyên mẫu là của Anh chẳng hạn, nhưng lại bị đánh giá là *lô – can*, thì có nghĩa là bắt chước kiểu dáng mẫu mã, là loại *hang nhái* (xem mục 389).

483. Lô cốt

“*Lô cốt*”, tiếng Pháp là blockhaus, cũng gọi là bongke là một công trình quân sự chủ yếu để phòng ngự, dùng trong thời chiến tranh. Riêng ở Việt Nam, đặc



biệt là TP.HCM, ngay trong thời bình, “*lô cốt*” cũng mọc lên khắp cùng, án ngữ khắp nơi và gây nên nạn tắc đường trầm trọng.

Ấy là việc đào đường, lấp đường để làm các công trình dưới lòng đất. Và mỗi khi ở đâu có đào đường là người ta chấn chấn này, bít chấn kia, rồi xây thành những “*lô cốt*”, lấn chiếm ít nhất cũng nửa con đường, khiến con đường vốn đã không lớn, nay lại càng bé nhỏ hơn. Và dòng xe cộ qua đây cứ rồng rắn lên mây, nhích nhích từng bước chậm như đi

bộ. Tai nạn và thiệt hại cũng tăng vì “*lô cốt*”.

Năm 2009, đã có thời điểm ở TP.HCM có tới gần 300 “*lô cốt*” tồn tại trên 85 tuyến đường.

484. Lộn file, sai hệ

Khi bùng nổ vi tính và người Việt Nam sử dụng ngày một nhiều, thì nhiều từ ngữ chuyên ngành vi tính được xã hội hóa, làm cho từ ngữ Việt Nam cũng thêm phần phong phú. *Lộn file* – mở nhầm trang khác, văn bản khác, lẽ đương nhiên hỏng rồi. Computer hiện có 2 hai chủng hệ điều hành: hệ điều hành họ Unix và hệ điều hành họ Microsoft Windows, có cách sử dụng khác nhau, nên “*sai hệ*” cũng thua luon.

“*Lộn file, sai hệ*” là chỉ những việc làm không ăn khớp, không đồng bộ.

485. Lộn té (Vui)

Chú Khách đến hàng một cô bán gạo, đảo mắt qua một hồi, nói bâng quơ: *Lộn té*. Cô bán gạo nhanh nhẩu: Nếp rặt của

người ta đó, ông xem đi. Chú khách lại khẳng định: *Lộn tể*. Cô hàng to tiếng: Ông này quá đáng, nếp người ta như vậy...

Không có lộn tể. Mới sáng sớm gặp ông thật xui xéo. Thôi ông đi chỗ khác cho người ta nhò. Ông khách cũng sẵng giọng, chỉ chỉ xuống dưới: Ngỗ nói là *lộn tể*, *lộn tể kia!*

Cô hàng điên tiết: Lộn, lộn cái... Nhưng cô bỗng im bặt khi nhìn xuống dưới, và mặt từ từ đỏ lên. Té ra cái đũng quần của cô chẳng hiểu sao từ bao giờ té một đường, thành ra cái “*tỉnh tình tinh*” của cô, cũng không biết từ bao giờ đã ló ra ngoài hóng gió.

486. Lông sản phụ (vui)

Thời chúa Pháp, lương thực nuôi quân rất khó khăn, vì vậy, các đơn vị dân quân chính đáng đều phải cố gắng tự túc lương thực. Ở khu 9, lãnh đạo một đơn vị là người Bắc mà lại nói ngọng. Trong cuộc họp có bàn tới kế hoạch tăng gia sản xuất, đồng chí lãnh đạo cao giọng: Tôi giao

nhiệm vụ, mỗi một cá nhân của đơn vị chúng ta, phải cố gắng hàng tháng đạt được 10 kg *lông sản phụ*.

Mọi người ngạc nhiên ra không hiểu. Trời ơi, 1 kí đã khó tìm đâu ra 10 kí... Lãnh đạo lại nhấn mạnh: Tôi xin nhắc lại, mỗi người chúng ta, phải bảo đảm nhiệm vụ 10 kg *lông sản phụ*, mỗi tháng.

Đến đây thì mọi người vỡ lẽ và cười òa vui vẻ: Chuyện nhỏ, 10 chứ 20 kí chúng tôi cũng lo đủ. Chỉ lo cho các chị em thôi. Chị em cũng đã hiểu, ai nấy đều đỏ mặt tía tai.

487. Lộng kiếng

Nếu hiểu theo nghĩa thông thường, thì đó là hành động trân trọng. Chẳng hạn như được cái bằng khen, giấy khen gì đó, bảo rằng: đem về lộng vô kiếng, treo tường đi. Nhưng có những cái chẳng giá trị gì cũng tha vè và xem ra có vẻ quý mến, trân trọng lắm, thì cũng được khuyên, hãy *lộng kiếng* đi. Nói lái là hãy *liêng* (xuống) *cống* đi.

488. Lu bu

Phuong ngữ có rất nhiều cái hay, cái độc đáo. Chẳng hạn, người Nam bộ có hai câu để tránh né, phải nói là trên cả tuyệt vời. Đó là từ *Lu bu* và từ *công chuyện*. Hễ ai kêu làm việc gì, đi đâu mà không muốn, thì trả lời: Xin lỗi, mình lu bu quá. Muốn nặng đô hơn, thì dùng lu xơ bu (ngoài Bắc nói: lu bu mù tí). Cũng có thể nói: Minh bận (kẹt) *công chuyện* quá! Thông cảm nhé. Rõ ràng, nếu nói bận quá, người ta cũng có thể bảo: Thôi, bỏ đó đi, lúc khác làm, việc này quan trọng lắm. Nhưng nghe nói lu bu, thì thấy hình như nó đang rối mù cả lên, chẳng biết xen vào đâu nữa. Còn *công chuyện*, chẳng phải là tư tác, mà cũng không rõ có phải công tác không? Chuyện riêng tư thì gác được, và việc cơ quan thì... bây giờ nhiều lúc người ta cũng chẳng coi là cái định gì. Nhưng nghe nói: Tôi đang bận *công chuyện* lắm! Thì thua luôn, không biết đường nào mà đỡ.

489. Lủ khủ lù khù

vác lu mà chạy

Chỉ những người trông bồ ngoài (có khi đóng kịch) ngây ngô, thật thà, nhưng khi thấy lợi thì nhanh nhẹn, khỏe mạnh, tháo vát bất ngờ. Cái lu lớn, nặng và tròn ung ứng, khó mà bung cho đặng, vậy mà cũng vác chạy được thì quả là đáng nể. Cũng có thể ví như “*giả chết bắt qua*” vậy.

490. Lúa

Lúa, trước hết là thóc, là lương thực quan trọng hàng đầu của nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

Và chẳng hiểu vì lý do gì mà hết lúa, là đói luôn, toi luôn. Chính vì thế dân gian dùng chữ *lúa* để biểu cảm cái việc hỏng – mất ăn, thua không còn đường nào gõ. *Thế là lúa rồi, tui bay oi!*

Giá trị của công việc, kể cả đi chơi hay làm tư tác gì đó cũng được *quy ra thóc*(xem mục 642) thay cho tiền. Vì thế, mỗi khi nghe nói: *lúa rồi!* thì cũng có thể hiểu là người đó hết tiền rồi.

Lúa cũng là đơn vị tiền tệ thứ hai được sử dụng tại một số game của nhà game Zing Play.

Lúa (hai lúa) là chỉ những người nhà quê, tấp tểnh ra thành phố, nhiều cái bõngõ, nên trông có vẻ ngô ngô.

Cái từ *lúa* là do dân Nam bộ sáng tác ra, mà đầu tiên phát xuất ở Sài Gòn. Và sớm nhất là từ *hai lúa*, tới *lúa* chỉ việc hỏng ăn, rồi *lúa* là hết tiền. Cuối cùng, khi công nghệ thông tin phát triển mạnh ở ta, các trò chơi game thịnh hành cũng có từ *lúa* là đơn vị tiền tệ trong game Zing Play.

491. Luật 10/59

Là một đạo luật do chính quyền Việt Nam Cộng hòa ban hành ngày 6 tháng 5 năm 1959, quy định việc tổ chức các Tòa án quân sự đặc biệt... Chính quyền Ngô Đình Diệm, lê máy chém đi khủng bố các chiến sĩ cách mạng, cán bộ, cơ sở của ta ở Miền Nam.

(www.yeutoquoc.org) Trong cuốn “HoChiMinh – A life” của William Duiker có viết, hơn 2.000 người bị hành quyết bằng máy

chém từ 1957 – 1959. Hồ sơ Lầu Năm Góc (Pentagon Papers) Volume 1, Chapter 5, “Origins of the Insurgency in South Vietnam, 1954-1960” cho thấy, chính sách tổ cộng, diệt cộng cùng Luật 10/59 của chính quyền Diệm là một trong những nguyên nhân nổi loạn ở miền Nam và người Mỹ đã tỏ dấu hiệu hết sức quan ngại từ rất sớm.

Ở Miền Nam hiện có 3 nơi trung bày máy chém: Bảo tàng chứng tích chiến tranh TP.HCM, Bảo tàng Cần Thơ và Khám Chí Hòa. Máy chém ở khám Chí Hòa được chuyển về từ Khám Lớn Sài Gòn năm 1953.

492. Luộc bài

Cũng như xào bài, thuổng bài, là những hình thức kop nhật thông tin từ nhiều nguồn, rồi trộn lộn lên như rau, đem xào, đem luộc lên... thành món của mình. Nhưng xét kỹ thì cũng có những cấp độ khác nhau. Xào bài còn có công sưu tầm, biên soạn. Luộc bài, cũng vậy, những quên dẫn nguồn. Còn

thuống là ăn cắp, là đạo văn (xem mục 273).

493. Luôn luôn lắng nghe...

Hãng Bảo hiểm Nhân thọ Prudential, khai trương văn phòng đại diện thứ nhất tại Hà Nội năm 1995; Khai trương văn phòng đại diện thứ hai tại thành phố Hồ Chí Minh, năm 1997.

Ngay khi hãng này xuất hiện ở Việt Nam, cùng với câu slogan, khá ấn tượng, có vần điệu dễ nhớ: *Luôn luôn lắng nghe, luôn luôn thấu hiểu*, thì đã gần như ngay lập tức bị những người thích đùa Việt Nam chế biến thành: *Luôn luôn lắng nghe, lâu lâu mới hiểu*.

Thực ra câu này chẳng nhầm gì vào Prudential, mà để chỉ những người nghênh ngãng “sáng tai họ, điếc tai dày”. Bảo làm việc thì lâu lâu mới hiểu, còn bảo nghỉ thì rõ liền. Và cũng nhầm vô các ông sếp, lúc nào cũng tỏ ra lắng nghe quần chúng, nhưng bao nhiêu đê đạt, kiến nghị cứ nằm trên bàn mà dân tình chờ mỏi mòn cũng không thấy hồi âm.

494. Lương khô

Có lẽ lương khô và mủ cối (xem mục 540) là được dân tình nhớ nhất sau thời đạn bom.

Nếu nói lương khô là một loại thực phẩm chế biến làm khô để dùng được lâu ngày, thì Việt Nam đã có từ rất lâu rồi. Các loại bánh đa (bánh tráng), bánh in, bánh khảo, mỳ gói, chè lam,... Chính là dạng lương khô đấy. Chè lam xứ Thanh, ngon nổi tiếng, nhưng cũng cứng nổi tiếng, phải lấy dao phay, búa mà đục ra từng miếng nhỏ mới ăn được. Và cô đặc thì nhất xú. Một phong chè lam Thanh Hóa nửa kg, chí ít cũng bằng 2 kg gạo rang khô. Chỉ cần ăn một miếng bằng ba bốn lòng tay, rồi uống ly nước, nó cũng nở trương đầy bụng rồi.

Chắc chắn từ cái sự lợi hại đó mà nhiều nước trên thế giới đều sản xuất lương khô. Đặc biệt là phục vụ cho quân đội. Chỉ có điều, lương khô bây giờ, không phải rang rang, giã giã, nấu nấu như xưa, mà làm theo công nghiệp, nên độ cô đặc rất cao,

đóng thành bánh gòn nhẹ, mà lượng calo gấp hàng chục lần.

Chẳng hạn, lương khô phục vụ quân đội của Mỹ, tính theo lượng thức ăn ba bữa mỗi ngày, bình thường nặng 3,5kg, có thể giảm xuống còn khoảng 0,4 kg.

Còn lương khô của Việt Nam, thời chống Mỹ là do Liên Xô, Trung Quốc viện trợ

Có hai loại, loại 320 ngon hơn, bổ dưỡng hơn dành cho lãnh đạo, 321 cho cán bộ công nhân viên, cho lính.

1966, Cục KNKTPCHHDL Bộ Nội thương, Việt Nam nghiên cứu và làm ra một số loại lương khô từ rau củ như rau ngót, rau cải khô...

Lương khô tiện lợi, cũng khá ngon và có hương vị đặc biệt, nên chiến tranh qua đi đã lâu, nhưng không ít người vẫn nhớ nhớ tới nó.

495. Lương tâm tùy mạng mỡ

Lương tâm, là lòng tốt của con người do hoàn cảnh xã hội un đúc nêu, làm cho người ta phân biệt được tốt xấu, hay dở. Còn

mạng mỡ, theo giải phẫu học, là phần ở hai bên bụng, ngang với thắt lưng. Lương tâm có thể thay đổi theo hoàn cảnh, đối tượng. Mạng mỡ mà bị đánh trúng sẽ cảm thấy như nghẹt thở. Mặt khác, bên trong ổ bụng chứa các cơ quan nội tạng quan trọng của con người.

Nếu đau đột ngột, dữ dội vùng hạ sườn phải có thể viêm túi mật, viêm gan, áp xe gan. Đau bụng ở vùng hạ sườn bên trái và bên phải, lúc no cũng đau mà lúc đói cũng bị đau, lúc đau quặn lên thành từng cơn, lúc âm ỉ, rất khó chịu thì có thể viêm đại tràng. Đau dưới sườn trái, có thể là viêm ruột thừa, cần đi phẫu thuật sớm...

Như thế, nói “*luong tâm (nhân tâm) tùy mạng mỡ*”, có nghĩa là tùy tấm lòng của anh (đau bệnh, khỏe mạnh ra sao) với ai, với công việc gì đó. *Tôi không ý kiến gì, luong tâm tùy mạng mỡ anh thôi!*

496. Lương tâm và chân lý...

Những năm sau giải phóng miền Nam, cuộc sống còn rất nhiều



khó khăn. Những nhu yếu phẩm thiết yếu hàng ngày rất đắt đỏ và khó kiếm, vì thành phố không sản xuất những mặt hàng đó mà mọi con đường đều tắc do nạn “ngăn sông cấm chợ”.

Nạn tranh mua, tranh bán, làm giá, kìm hàng... góp phần làm cho mọi giá trị cuộc sống bị đảo lộn. Xuất hiện câu ví von:

*Lương tâm giá rẻ
hơn lương thực
Chân lý chân giò
một giá thôi!*

497. Lương y nhu...

Không phải “Lương y nhu tút mău”, chuyện đó xưa rồi. Mà lương y bây giờ cũng... khó nói lắm, nhiều hạng lắm.

Thời “bão giá”, mọi mặt hàng cứ leo thang hàng ngày, những người ăn lương (lớp dưới), người

nghèo, sinh viên khổ lắm. Nhưng được cái sinh viên thì trẻ, nên vẫn tếu táo, và phát hiện ra một quy luật, không mới, nhưng được điều chỉnh luôn chật – Lương thì mãi không thấy tăng, mà giá cứ leo thang hàng ngày. Vì vậy đi đến kết luận: “*Lương y nhu... tháng trước*”.

498. Lý – Sáng – Chỉ

Viết tắt là một sáng kiến độc đáo, được áp dụng trên toàn thế giới. Nó giúp viết giản đơn hơn, đọc nhanh hơn. Nhưng có một số quy tắc bất thành văn mà người viết phải hiểu là, chữ viết tắt phải là chữ phổ biến và được dùng thường xuyên trong các văn bản. Chẳng hạn như “Xã hội chủ nghĩa”, có thể viết là XHCN. Hoặc “Hợp tác xã”, có thể viết là HTX.

Lại nữa, khi viết tắt không nên ghép nhiều vấn đề vào một vừa khó hiểu vừa có thể gây nhầm lẫn. Ví dụ: Đã có hồi người ta viết tắt “công ty, hợp tác xã và xí nghiệp là “Công – Hợp – Xí”, nghe vừa trúc trắc, trực trắc lại vừa chẳng hiểu “mô tê” gì.

Còn “*Lý – Sáng – Chỉ*” là gì, liệu có ai biết không? Tuy nhiên, đây không phải là viết tắt, mà là nói tắt, hay đúng hơn là cách nói đùa cợt, chỉ 3 khoa trong ngành âm nhạc, là các ngành: Lý luận, Sáng tác và Chỉ huy (dàn nhạc). Câu này xuất hiện đầu tiên ở Học viện âm nhạc Quốc gia Việt Nam

từ những năm 1970. Nay giờ ngành Lý – Sáng – Chỉ được đổi là: Sáng tác – Chỉ huy – Âm nhạc học. Lý do, lý luận chỉ là phương pháp nghiên cứu, là một trong hơn 20 ban ngành của âm nhạc học, thế giới gọi là musicology. Học viện Âm nhạc Quốc gia và Nhạc viện TP.HCM nay đều đổi vậy.

M

499. Mama tổng quản



(Nguồn: tienphong online)

Phim *Dae Jang Geum*, 54 tập, do đài MBC sản xuất, đạo diễn Lee Buyngh Hoon, được phát sóng tại Hàn Quốc từ tháng 9 năm 2003 tới tháng 3 năm 2004. Năm 2005,

Dae Jang Geum đã được mua bản quyền phát sóng trên VTV, với tên *Nàng Dae Chang Kum*. Bộ phim đã gây ra cơn sốt cho khán giả khắp cả nước và trở thành một trong những phim truyền hình nước ngoài ăn khách nhất được phát sóng trên kênh truyền hình quốc gia. Trong phim có Mama Tổng quản gian bếp chính là *Mama Chue* và Phó tổng quản là *Mama Han*, những người toàn quyền quyết định việc ẩm thực trong cung. Đây là một vị trí quan trọng, thậm chí không chỉ là sức khỏe, mà còn là an nguy của vua, tiềm ẩn cả âm mưu tranh đoạt ngai vàng cũng từ đây mà ra.

Cũng từ đó cụm từ *mama tổng quản* đi vào cuộc sống Việt Nam, chỉ từ những người được giao

quản lý chung một công việc gì đó, cho tới các sếp nhỏ, sếp lớn. Và cả những bà vợ đáng kính, với lý do, chẳng có gì mà vợ không quản, từ chuyện cơm áo gạo tiền, cho đến đi chơi, ngủ, nghỉ...

25/11/2007, tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia, diễn viên Yo Un Gye, người đóng vai Mama tổng quản trong phim *Nàng Dae Chang Kum* đã có mặt tại Hà Nội để cùng làm món kim chi và giao lưu với khán giả Việt Nam.

500. Má văn công...

Câu đầy đủ: “*Má văn công, mông bộ đội*” – “*Má văn công*” thì ai cũng hồn được, Thực ra không dễ như vậy, ấy là nói khi đóng kịch mà thôi. Nhưng vì vẫn còn giữ quan niệm phong kiến, “Nam nữ thụ thụ bất thân”, nên từ thời chống Pháp, đến thời kỳ bao cấp ở miền Bắc, nam nữ chỉ cầm tay nhau là có chuyện. Còn hôn nhau thì coi như đã yêu nhau, hứa hẹn nhau rồi. Nói cách khác, nụ hôn lúc đó không dễ trao nhau...

Còn bộ đội thì thường xuyên phải hành quân, chiến đấu, có

khi cơm còn không kịp ăn, người thì luôn luôn hoạt động quá tải, nên hễ được nghỉ là lập tức “hạ trại” liền. Vì thế “*mông bộ đội*”, kê đầu mà chẳng ngồi được.

Nhưng công bằng mà nói, chính nhờ có những ca sĩ như NSND Quốc Hương, NSND Thanh Hoa (Đài PTTNVN), NSUT Tô Lan Phương (Đoàn Văn công Quân Giải phóng), NSND Tường Vy (Đoàn Văn công Tổng cục Chính trị)... mà “tiếng hát át tiếng bom” góp phần không nhỏ cho quân dân ta chiến thắng trong hai cuộc kháng chiến thần thánh bảo vệ tổ quốc.

501. Mả táng Hàm Rồng

Núi Hàm Rồng - núi Long Harem, tên cũ là Đông Sơn, là tên một ngọn núi có mạch núi từ làng Dương Xá - Thiệu Dương huyện Thiệu Hoá men theo hưu ngạn sông Mã về đến chân cầu Hàm Rồng, dài khoảng trên 2 km.

Động Long Quang trên núi Rồng là danh thắng, nơi Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông và nhiều văn sĩ khác đã có thơ lưu lại.



Cũng còn có hai dãy núi khác nằm tại tỉnh Gia Lai và thị trấn Sapa, tỉnh Lào Cai mang tên Hàm Rồng. Nhưng ở đây nói về Hàm Rồng Thanh Hóa, nơi có cây cầu nổi tiếng thời đạn bom chống Mỹ.

Cầu Hàm Rồng cũ do Pháp xây dựng năm 1904, bị Việt Minh phá hủy năm 1946. Năm 1962 cầu Hàm Rồng mới được khởi công xây dựng và khánh thành ngày 19 tháng 5 năm 1964. Đây là cây cầu đặc biệt quan trọng, là cầu đường sắt duy nhất đi qua sông Mã nối liền Bắc Nam. Chính vì thế không lực Hoa Kỳ liên tục đánh phá với cường độ rất cao, còn ta thì quyết bảo vệ cầu. Hiển hách nhất là chỉ trong 2 ngày 3 - 4/4/1965, khi Mỹ mở những cuộc tấn công bằng không quân đầu tiên vào cầu,

đã bị lướt lửa phòng không của quân dân Thanh Hóa thiêu rụi 47 chiếc.

Tính chung trong suốt hơn 8 năm chiến đấu chống trả trước hơn 1.000 trận tập kích bằng không quân, chịu 70.600 tấn bom, hàng nghìn quả tên lửa, rốc két và đạn pháo từ tàu chiến Mỹ..., cầu Hàm Rồng vẫn trụ vững. Và quân dân Thanh Hóa đã bắn rơi 117, bắt sống nhiều phi công Mỹ

Phải đến năm 1972, nghĩa là chỉ một năm trước ngày ký kết Hiệp định Pari, khi Mỹ dùng tới bom thông minh (bom điều khiển bằng laser) cầu Hàm Rồng mới bị gãy đổ.

Năm 1973 cầu được khôi phục lại, trụ giữa vẫn dùng lại làm móng cột ống, tháo dỡ đầm thép cũ, thay bằng 2 nhịp 80 m đơn giản.

Số lần tập kích và bom đạn dội xuống Hàm Rồng, phải nói là kinh khủng, và chịu đựng được thì cũng thật là ghê gớm. Chính vì thế người chết mà chôn ở đây thì làm sao yên, chẳng khác gì

ngày nào cũng bị đào xới, quật lên. Mà theo dân gian động mồ, động mả, thì gia đình, con cái không yên được.

Câu *mả táng hàm Rồng* là một câu rủa cay độc. Bây giờ cũng chẳng nghe mấy ai nói.

502. Mát trời Ông Địa



Theo nhà nghiên cứu Huỳnh Ngọc Trảng, hình tượng Ông Địa thấy ở ba dạng: Ông Địa dâng liền trong lễ cúng đình, Ông Địa múa cùng lân và Ông Địa trong tranh thờ, tượng thờ... Nói chung, trong danh mục các thần có lẽ chẳng có vị thần nào có khuôn mặt cười vui vẻ, rất... hề và gần gũi như Ông Địa. Tín ngưỡng thờ thần Đất được định danh chính thức qua ghi chép bằng văn tự vào đầu thế kỷ thứ 14 trong sách “Việt điện

u linh”: Ông Địa xuất hiện ở xứ Giao Châu thế kỷ thứ 7 qua câu chuyện tranh tài của thần Đá – Thạch Khanh với Thổ Lệnh trưởng – một phúc thần của quan Đô Đốc nhà Đường vào những năm 650 - 655. Tài liệu thư tịch cổ cũng cho biết việc Lư Ngữ lập đền thờ Thổ Địa ở quán Già La (713-739), Cao Biền lập một đền thờ Thổ Địa ở tả cung đô hộ Giao Châu (860-873)... Và Thổ Địa đã thâm nhập vào hệ thống thần linh nước Việt trước thời Lê Long Đĩnh làm vua (1005-1009). Khi chưa lên ngôi, ông vua Ngọa triều này đã cầu xin thần Thổ Địa sông Đàng Chau phù hộ cho mình... giành được ngai vàng!

Có lẽ, thành ngữ “Mát trời ông địa” bắt nguồn từ hai sự kiện sau:

1. Ở lễ cầu mưa, đảo Vũ tại Nam bộ, Thổ Địa chỉ có trách nhiệm thay mặt cho dân đi xin Rồng làm mưa. Theo đó, khi gặp hạn hán, dân làng làm một hình Rồng bằng rơm rút từ ruộng ra sông, đi đầu có Ông Địa và

Rồng, kẽ đó độ chừng 15 - 20 trai tráng diễn trò bơi cạn theo nhịp canh, trống và hát: “*Cộc! Cộc! Hồ bơi! Trời cho mưa xuống! Cho dân làm ruộng! Lúa đổ đầy kho! Dân ăn cho no! Dân chèo cho mạnh*”. (Cuối mỗi câu toàn thể hô lớn: *Hồ bơi! Hồ bơi!*) Ra đến sông, họ chở Rồng và Địa ra giữa sông và đẩy cả hai xuống nước. Địa hì hụp trời đầu lên, liền bị hỏi: “Bao giờ mưa?” Địa bông lon: “Tháng sau mưa”!, tức thì bị đè đầu xuống nước. Hết bận này đến bận khác, cho đến khi Địa bảo: “Mai... mai mưa”! thì mới được vớt lên ghe mà hể hả ra về.

2. Thậm chí, sau một vài hôm cúng kiêng tử tế mà buôn bán cứ ế ẩm thì “tín đồ của Địa” múc một thau nước và lấy tượng Địa “trấn nước” một hồi để cho Địa... biết điều mà tích cực siêng năng hơn trong việc phù hộ cho gia chủ!

Thành ngữ “*Mát trời ông địa*” bắt nguồn từ tín ngưỡng và tập tục này, và để chỉ cảm xúc của ai đó về một việc rất hài lòng, quá đà, trên cả tuyệt vời... Ôi! Hôm nay đi chơi “*mát trời ông địa*”.

503. Mát xa

“*Mát xa*”, tiếng Anh là massage, hình thức xoa bóp trị liệu làm giảm mệt mỏi hoặc trị một số bệnh như đau lưng, cảm mạo, mất ngủ... Nhưng từ những năm 1980, khi nạn mại dâm trá hình phát triển rầm rộ, thì nhiều nơi “*mát xa*” cũng trở thành những động chúa. Những kẻ tham ô, thụt két, những tay chơi... thường ghé những động này để giải khuây và đôi khi bàn chuyện phi vụ làm ăn.

“*Đi mát xa*” từ đó đã trở thành tiếng lóng chỉ sự đi tìm “vui vẻ”.

504. Máu

Trong cơ thể, máu giữ một vị trí quan trọng, đem dinh dưỡng đi nuôi toàn bộ cơ thể. Người mất máu nhiều có thể chết. Máu cũng được dân tình xem như thóc lúa (*xem mục 720*), như tiền (*xem mục 728*). Vì thế khi nghe hỏi có *máu* không, thì cũng đồng nghĩa với hỏi có tiền không.

Từ *máu* đầu tiên là do dân phe Hà Nội, đưa ra trong giao

dịch làm ăn, vừa có nghĩa là có tiền (đủ) không, và cũng là để hỏi dám chơi không, dám liều không (?)

505. Máy bay bà già - phi công trẻ



Có một truyện cười, thời máy bay Mỹ ném bom bắn phá miền Bắc. Hôm đó, lúc nghe còi báo động, một thanh niên nhanh nhẹn nhảy xuống một hố cá nhân, dăm phút sau, máy bay Mỹ rít trên đầu, cùng lúc có bà già cũng tụt xuống hố cá nhân đó, ngồi ngay lên đầu anh thanh niên. Anh ta la hoảng: Bà già này! Bà già vừa ngược mắt lên trời vừa la lớn: Không phải máy bay bà già! F 105 đấy!

Chẳng hiểu lớp 8 – 9x bây giờ có biết gì một thời đạn bom không, nhưng cụm từ “máy bay

bà già” lại được dùng để chỉ các bà sồn sòn... mà còn sung, khoái mấy anh tre trẻ. Còn mấy anh trẻ, được gọi là “*phi công trẻ*” lại khoái túi tiền mấy bà già, nên có câu: “*Phi công trẻ lái máy bay bà già*”!

506. Mặc áo mưa



Trong tình dục, muốn an toàn, không sinh con ngoài ý muốn, tránh bị bệnh thế kỷ - AIDS / HIV, thì phải dùng dụng cụ, nam thì capot, dân gian gọi là *áo mưa* – *Đi chơi gái bán hoa thì phải mặc áo mưa*. Năm 1963, khi người nhậm chức Đại sứ Mỹ ở Sài Gòn, có cái tên hao hao giống... cái áo mưa, cái mũ trùm – Henri Cabot Lodge, thì dân chơi lại gọi cái dụng cụ đó là “*ngài đại sứ*”!

507. Mắt bồ câu...

Dân Hà Nội rất tiếu lâm, nhưng nhiều lúc chỉ để cười vui với nhau thôi, không ác ý.

Có bài hát của Ý rất hay về mắt bồ câu, lời: *Nhớ đôi mắt dịu hiền/ Đôi mắt đầm thắm như mắt bồ câu/ Nhìn ai như muốn thu lấy tâm hồn/ Dưa đến một chốn chúa chan tình thương...* Bài này phổ biến Hà Nội những năm 60 thế kỷ trước.

Mắt bồ câu lúc nào cũng hiền từ và trong sáng. Nhưng bồ câu thường có cặp, mắt cũng vậy. Thế nên bạn bè mắt mà chênh thì bị đùa là *mắt bồ câu con bay, con đậu. Hoặc mắt ba tò lé mắt bé mắt to/ mắt lò so mắt to mắt bé...*

Dân chợ búa, nói: *Mắt nọ đ mẹ mắt kia. Cũng đùa thôi đừng vội giận.*

508. Mắt thứ hai, tai thứ bảy

Trước 30/4/1992 (ngày Thủ tướng Phan Văn Khải ký quyết định làm việc 40 giờ/ 5 ngày/tuần) – từ những năm 1950, tức khi các cơ quan Trung ương còn ở trong rừng Việt Bắc, trong giới

chức đã có câu: “*Mắt thứ hai, tai thứ bảy*”.

Thứ hai là ngày làm việc đầu tiên trong tuần, sau một ngày vui chơi, bù khú có khi thâu đêm, vì vậy vào cơ quan là hai mắt cứ díp lại. Còn thứ bảy là ngày cuối của một tuần làm việc bù đắp. Vì vậy ai cũng chò kẽng cơ quan hay còi tầm (Hà Nội và Hải Phòng) là cắp ô về.

“*Mắt thứ hai, tai thứ bảy*”, có nghĩa là dại, là lờ đờ như “*mắt thứ hai*”, và thính như “*tai thứ bảy*”. Phải hiểu chữ “*thính*” ở đây như chữ “*sáng*”, ở trong “*sáng tai họ, điếc tai cày*”.

509. Mắt ti hí...

Hồi xưa dân ca có câu: “*Những người ti hí mắt luron/ Trai thì trộm cưới gái buồn chồng người*”. Hoặc nói gọn: *Mắt ti hí không đĩ thì gian*. Nhưng mấy anh Hàn Quốc, Nhật Bản ai chẳng mắt ti hí (trừ những người đã đi thẩm mỹ). Hơn nữa có người còn bảo thời buổi bây giờ không gian không sống được. Thành ra cách chọn đấng phu quân của

các cô có khác, mắt ti hí được “ura chuộng”. Tuy nhiên phải có đầy đủ các yếu tố đi kèm: *Mắt ti hí/ Ví đầy tiền/ Bố mẹ hiền/ Đi xe xịn.*

510. **Mặt cứ nhăn nhăn nhở nhở... (vui)**

Có ông lão ở quê đưa con lên thành phố khám bệnh. Tới bệnh viện ông cứ loay hoay mãi mà không biết đưa con vào khám ở đâu. Một bác sĩ đi ngang hỏi: Cụ đi khám gì? – Tôi đưa con gái đi khám cái l. Bác sĩ cười: Ấy chết, ai lại nói là khám l... Cụ phải nói là khám *phụ khoa*. Mấy thanh niên hóng chuyện nãy giờ cười khít khít.

Ông lão đưa con gái khám xong về ngang qua chỗ mấy thanh niên lúc nãy, nhìn thấy cô gái xinh tươi, rồi lại ngo ông già lầm lũi bước, các cậu không nín được phá lên cười. Ông lão day lại, nổi quạu nạt ngay vào mặt: “Cười! Cười cái gì? Mặt cứ nhăn nhăn nhở nhở như cái *phụ khoa* ấy”!

511. **Mặt hình sự**

Hình sự là sự việc thuộc bên hình, căn cứ theo hình luật thi hành. Hình luật là hệ thống những quy phạm ấn định những hành vi nguy hiểm cho xã hội, coi là hành vi phạm tội và phải áp dụng những hình phạt thích đáng. Dưới một góc độ khác, nói tới hình sự là có vẻ căng thẳng, nguy cấp rồi. Và khi ai đó có bộ mặt cau có, khó chịu, dân tình thường đùa đó là cái *mặt hình sự*. *Làm cái gì mà mặt hình sự vậy?*

512. **Mặt ô van**

Gương mặt hơi thon lại từ phần xương hàm và có cằm hơi nhọn, được giới make up (trang điểm) gọi là “*mặt oval*”. Hình dáng gương mặt này không quá kén chọn kiểu tóc, thậm chí, điều tuyệt vời là gương “*mặt oval*” lại có thể phù hợp với hầu hết các kiểu tóc.

Tuy nhiên, khi nói theo nghĩa bóng, “*mặt oval*” cũng được hiểu là mặt... méo, mặt vênh. Có nghĩa là không bình thường.

Người có khuôn mặt bình thường, nhưng khi nghêch mặt, vênh mặt lên thì khuôn mặt cũng trở nên oval.

“Mặt oval” là ám chỉ những người hay vênh váo, tự cao tự đại, chẳng coi ai ra gì. Hay đang nghênh mặt lên để gây sự.

513. Mất điện

Cái ông điện lực nhà mình đã nhiều lúc hành hạ dân, làm thiệt hại cho sản xuất không nhỏ, khiến có lúc dân lở dại miệng mắng là *điên nặng* (*xem mục 308*).

Cái điên của ông điện lực là có lúc, có nơi muôn cúp là cúp, muốn cho thì cho, rồi chập chờn chập chờn như ma troi.

Mà rõ ràng mất điện là khỏi ủi đồ, khỏi tivi, khỏi vi tính dù là chơi hay đang làm việc. Nói tóm lại mất điện là mọi chuyện ngưng luôn. Chính vì cái tính chất nghỉ chơi luôn đó, mà bà con ta gọi các ông không trả bài được (*xem mục 747*), hay trên bảo dưới không nghe (*xem mục 754*) là mất điện, hay đứt cầu chì (cũng mất điện vậy).

Mất điện hay đứt cầu chì, đều sẽ có lại, nên đừng nhầm với đứt bóng (*xem mục 343*), không cách nào sửa, coi như chết luôn.

514. Mất hút con mẹ hàng lươn

Dân gian có câu: *Lẩn như lươn nhu chạch*, để chỉ những người khéo luồn lách, tránh né trước những việc, những người mình ngại ngần, không muốn gặp sợ phiền phức, sinh chuyện (với ý không tốt).

Về hình dáng thì chạch ngắn, lươn dài, nhưng cả hai đều chui rúc dưới bùn, rất khó phát hiện, Đã vậy thân chúng có nhót, rất tròn, bắt được, chúng chỉ cần quẫy một cái là vuột khỏi tay.

Nhưng câu *mất hút con mẹ hàng lươn* là sao?

Theo PGS.TS Phạm Văn Tình, (*Báo Lao Động*, 30/04/2011):

Lươn có hang làm dưới bùn. Dân bắt lươn chạch gọi đó là cái hút (như ta hay nói *hút bom*, *hút nước*, *hút đèo*... như trong *đèo heo hút gió* - heo: gió may, hút: luồng gió xoáy theo chiều khá dài). Cái hút của lươn không

to, rất nồng, lại nằm trong lớp bùn nhão. Vì vậy, nếu ai mới bắt lươn chưa có kinh nghiệm vội vã lột lung tung mà không quan sát, rất dễ làm nước vẫn đục, xóa đi dấu vết của cái hút, và không biết lươn ở đâu mà lẩn. “Mất hút” là cái gốc của vấn đề. Còn “con mẹ hàng” chỉ là câu nói kèm theo lối khẩu ngữ cho thuận miệng.

Thành ngữ “mất hút con mẹ hàng lươn” hàm chỉ một hành vi lừa đảo, hay cố ý trốn chạy, hay vô tình để đối tượng biến mất.

Nghe có vẻ có lý, nhưng vẫn thấy trúc trắc, trực trặc sao ấy. Chẳng hạn, nói “con mẹ hàng” là thêm vào cho thuận miệng, chẳng lẽ nói “mất hút con lươn” không thuận miệng và rõ nghĩa hơn sao? Trong TDTV, NXBKHXH, 1994, trang 518: *Mất hút*, có nghĩa, là không nhìn thấy đâu nữa. Và như thế, liệu có thể giải nghĩa: Không thấy con (mẹ hàng) lươn đâu nữa?

Có một giải nghĩa khác, mời tham khảo: Thời bao cấp, Hà Nội, có những *chợ chạy, chợ*

chồm hốm (xem mục 192). Người ta đang mua lươn, tiền thì đã trả, lươn thì trơn tuồn tuột, bắt mãi không được. Vừa lúc còi công an réc, réc, khiến dân tình nháo nhác, xách thúng mừng, quang gánh mà chạy. *Con mẹ bán lươn* cũng nhanh chân *mất hút*, để người mua ngơ ngác bên đường.

515. Mất khả năng chi trả

Đầu tiên do vay nợ, rồi vì nhiều lý do mà đáo hạn không thanh toán được. Nợ chồng nợ, lãi mẹ đẻ lãi con, rồi vỡ nợ luôn, giải thể công ty, xí nghiệp luôn. Ấy gọi là *mất khả năng chi trả*.

Những năm gần đây nhiều đơn vị làm ăn thua lỗ, không có khả năng tự gượng dậy, khiến Nhà nước phải đẻ ra tổ chức mua nợ xấu. Theo TT 11/11/2013 - Ông Nguyễn Quốc Hùng - phó chủ tịch hội đồng thành viên Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng VN (VAMC), cho biết tính đến ngày 10/11/2013, VAMC đã mua 12.430 tỉ đồng nợ xấu của 15 ngân hàng thương

mại với giá trị sổ sách là 15.700 tỉ đồng. Hơn 70% nợ xấu đã mua thuộc bất động sản.

Tổng số ngân hàng đã đề nghị bán nợ cho VAMC đến thời điểm này là 23 ngân hàng với tổng nợ xấu đề nghị mua lên đến 38.000 tỉ đồng. Hiện VAMC đang trong quá trình thẩm định trước khi phê duyệt. Mục tiêu đến cuối năm 2013, VAMC sẽ mua 30.000 – 35.000 tỉ đồng nợ xấu.

Mất khả năng chi trả trong làm ăn, sản xuất kinh doanh là vậy. Nhưng cuộc đời, còn nhiều chuyện cũng thuộc loại muốn trả cũng không đủ sức trả. Chẳng hạn chuyện các ông, không rõ vì lý do gì mà không “trả lời” được khi các bà “hỏi”. Rồi chuyện nhiều lúc “trên bảo dưới không nghe”(xem mục 754)... thì dân tình cũng gọi là “mất khả năng chi trả”.

516. Mất sổ gạo

Thời bao cấp, hàng hóa được nhà nước phân phối theo chế độ tem phiếu, hàng hóa không được mua bán tự do trên thị



trường, không được phép vận chuyển tự do từ địa phương này sang địa phương khác. Hàng hóa được phân phối, hạn chế trao đổi bằng tiền mặt. Trong giai đoạn này, lương thực, thực phẩm cũng phân phối theo đầu người, theo sổ hộ khẩu – Một sổ hộ khẩu sẽ được cấp một sổ gạo tương ứng với đầu người, theo tuổi tác và công việc. Ví dụ: CBCNV được 15 kg/ người/ tháng, dân thường 13kg, trẻ em dưới 7 tuổi là 5kg... Và chỉ có sổ gạo mới mua được gạo. Không thì vô phương! Cũng như phải có tên trong hộ khẩu thì mới có tiêu chuẩn gạo hàng tháng.

Vì vậy, có gạo mà ăn là tốt lắm rồi: “Mua được gạo về mở ra mà không mốc, là lâng lâng sung sướng suốt cả ngày” (G.S Dân tộc học Ngô Đức Thịnh, Giảng Võ, Hà Nội – Trong triển lãm “Thời bao cấp”). Còn để mất sổ gạo đồng nghĩa với việc “khóa miệng” của cả gia đình, ít nhất là một tháng. Mà người ta ba ngày nhịn ăn là đã có thể nói lời vĩnh biệt thế gian này.

Có lẽ thời ấy, ít có nỗi buồn nào như nỗi buồn mất sổ gạo. Vì thế, hễ có ai có chuyện buồn bã rầu rĩ, thì thường được ví von: “Buồn như mất sổ gạo”.

Cũng may, cùng với công cuộc đổi mới, xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp mà năm 1987, nước ta đã thoát cảnh thiếu đói, trở thành nước xuất khẩu gạo đứng thứ ba thế giới. Và đến năm 1989, nỗi buồn và ám ảnh của chế độ sổ gạo cũng được xoá bỏ vĩnh viễn.

517. Mẻ miệng

Trong cuộc sống hàng ngày chẳng mấy khi nghe ai nói người

mà lại mẻ miệng. Chỉ thấy nó bát mẻ, chén mẻ mà thôi. Hay chỉ những người bị cam tẩu mã (viêm miệng hoại thư), sút môi chằng? Cũng không phải.

Mẻ miệng, hay *miệng mẻ* để chỉ những người ăn uống vô ý, vô tứ hay để vãi cùm, vãi đồ ăn. Nhưng không ám chỉ người già hay trẻ con, là những người đã và còn run tay run chân, động tác thường không chính xác cũng dễ đổ đồ ăn, thức uống ra ngoài.

Câu này chỉ như một lời góp ý nhẹ nhàng, ít khi mang tính cay nghiệt. Ví như: *Ôi, con ăn uống kiểu gì thế! Mẻ miệng à!*

“*Mẻ miệng*” cũng đưa đến tình trạng “ăn không nên đọi, nói không nên lời”. Vì vậy câu này cũng ám chỉ những người, ăn nói bừa bãi, thiếu suy nghĩ, nhiều khi làm ảnh hưởng không tốt tới chuyện đang trao đổi giữa các bên.

518. Mi-nhon

Mi nhon (tiếng Pháp: mignon), là dáng người nhỏ nhắn dễ thương. Từ này dành để khen

mấy bạn nữ mình dây. Nhớ có nghe thấy thì tươi cười, dùng nổi quạo nhé.

519. Mì ăn liền

“Mì ăn liền” là loại mì sợi, sấy khô, tẩm gia vị, có ở miền Nam trước 30/4/1975, với nhiều thương hiệu như “Mì hai tôm”, “Mì ba tôm”... Muốn ăn chỉ cần ngâm mì trong nước sôi chừng 5 phút là được; giá lại rẻ mà cũng dễ ăn nên khá phổ biến ở Việt Nam. Và bây giờ thì không chỉ có mì mà còn có phở, miến, bún... cháo ăn liền.

Cái tính năng “ăn liền”, nhanh, rẻ của các món ăn, được dân gian “chuyển tải” vào công việc. Cứ làm cái gì cần nhanh, mà dễ thực hiện thì đều được gọi là “Mì ăn liền”.

520. Mì chính cánh

Bột ngọt hoặc mì chính, là muối natri của axit glutamic, một trong những axit amin phong phú nhất trong tự nhiên.

Bột ngọt được làm lần đầu tiên theo phương pháp thủy

phân protein thực vật với axit hydrochloric để phá vỡ các liên kết peptit từ 1909...

Bột ngọt giúp tăng cường cho các vị khác, làm cho món ăn đậm đà hơn.

Cơ quan Tiêu chuẩn Thực phẩm Úc - New Zealand (FSANZ), tuyên bố bột ngọt “an toàn để sử dụng rộng rãi”. Tuy nhiên, tổ chức này cũng đề cập có dưới 1% dân số, các đối tượng nhạy cảm có thể bị các tác dụng phụ “thoáng qua” như “đau đầu, bị tê/ngứa, đỏ mặt, mỏi cơ và bị mệt” nếu dùng nhiều bột ngọt một lúc.

Cơ quan Quản lý Thuốc và Thực phẩm Hoa Kỳ đã công nhận bột ngọt nhìn chung là An toàn. (GRAS) và Liên minh Châu Âu phân loại bột ngọt là phụ gia thực phẩm.

Từ năm 1960, JW. Olney công bố bột ngọt gây ra những tổn thương não.

Tháng 7 năm 1986, “tổ chức hành động chống bột ngọt” gồm có 5 nước: Indonesia, Nam Triều Tiên, Thái Lan và Malaysia,

được thành lập ở Bangkok và đưa ra “Tuyên ngôn Bangkok” kêu gọi mọi người giảm sản xuất sử dụng bột ngọt trong thực phẩm, cấm dùng bột ngọt trong thức ăn cho trẻ nhỏ, thiếu niên và phụ nữ có thai.

Tuy nhiên cái điều ta muốn nói ở đây là về chữ - nghĩa. Khoảng từ năm 1960, miền Bắc bắt đầu sử dụng *mì chính* (bột ngọt) trong chế biến thức ăn. Lúc đó, mì chính rất hiếm thuộc loại phân phổi, mỗi nhà mỗi tháng chỉ được vài chục gram. Các bà nội trợ rất quý món này, coi như bảo bối, vì chỉ cần một ít mì chính cho vào nước rau, cũng đã thấy... đậm đà bản sắc dân tộc.

Và khi ăn quen mùi mà thiếu, có người còn sáng kiến lên y tế, xin thuốc an thần, loại nhẹ, là glutytamic, thay thế.

Mì chính có hai loại, bột và hạt (gọi là *cánh*). *Mì chính cánh* được tinh luyện hơn và có hàm lượng glutytamic cao hơn. Đại khái chỉ cần cho một lượng mì chính cánh bằng phần năm, phần mười loại

mì chính bột, thì nồi nước dùng cũng đã ngon hơn.

Vì thế cái gì quý hiếm có thể coi như *mì chính cánh*. Nhưng thực tế, thì thường chỉ nhung anh trai ở môi trường đa số là chị em. Chẳng hạn một anh lái xe, hay bộ đội, có dịp gặp các em gái TNXP, thì sẽ được chiều chuộng vô cùng. Được coi như *mì chính cánh* đấy.

521. Miền Nam nhận họ, miền Bắc nhận hàng

Sau 30/4/1975, những gia đình bị chia cắt 30 năm nay lại đoàn tụ, tìm lại nhau mừng mừng tủi tủi, nhận họ nhận hàng. Có một thực tế là sau bao năm bao cấp và gồng mình vì miền Nam, kinh tế miền Bắc đã trở nên rất khó khăn. Vì vậy, giai đoạn này miền Nam đã chi viện ngược cho miền Bắc, trong mỗi gia đình cũng vậy: “*Miền Nam nhận họ, miền Bắc nhận hàng*”.

522. Mình cũng cần sống (vui)

Có một ông, một hôm buồn buồn ngồi mở từ điển bệnh tật

ra, lật lật tùng trang và chiêm nghiệm. Đau gan da vàng, mắt vàng, soi gương, khẳng định mình bị bệnh gan rồi. Thỉnh thoảng hồi hộp, thế là tim cũng bị; È ẩm vùng thượng vị, bị bao tử... Ông mở lướt lướt, không thể tin được, bệnh gì mình cũng mắc. Phải đi bác sĩ thôi.

Tìm một bác sĩ xịn cho an tâm. Khám xong, tính tiền, ông hơi choáng vì giá trên trời. Nhưng trấn an: Người ta, chỉ bác sĩ, cần sống mà. Cầm toa thuốc vào một hiệu thuốc của một dược sĩ tên tuổi, tính tiền lại choáng, và lại tự an ủi, người ta, chỉ dược sĩ bán thuốc, cũng cần sống mà.

Trên đường về, đi ngang qua một cái hồ, hình như là Hồ Gurom, tự nhiên ông thảng thốt: Ô, mình cũng cần sống chứ. Và thế là ông vứt tòm gói thuốc xuống hồ, sải những bước dài vui vẻ về nhà.

523. Móc đít bảy ngày...

Câu này thật sâu cay, mà nghe buồn tới nẫu ruột. Ai đó mà “móc

đít bảy ngày không thấy thối”, có nghĩa là không phải bảy ngày, mà còn trước đó nhiều ngày nữa không có gì vào bụng để đồng hóa, nên cũng chẳng còn gì để mà dị hóa. Và còn hơn cả thế nữa. Không những đã ngưng dị hóa từ lâu, mà ngay cả tới một chút “chilan chi vị” cũng không còn.

Câu này cũng có vẻ đã xét tới cả khía cạnh khoa học. Ba ngày nhịn uống có thể chết, nhưng bảy ngày nhịn đói chưa hẳn chết, còn thoi thóp thở.

Áy là diễn nôm nghĩa đen của từ ngữ. Nghĩa bóng chỉ những người đã nghèo còn gắp cái eo. Hoặc là một câu than trách cái thân phận mình: *Ôi giờ oi, móc đít bảy ngày không thấy thối lấy đâu ra tiền mà hỏi vay với nợ!*

Có một câu cũng tả oán cái nghèo, thấy vui, chép ra chơi:

*Ngồi buồn móc đít ra chơi
Móc nhảm con lài
buồn oi là buồn!*

524. Móm

Người móm thường là người già, rụng nhiều, hoặc hết răng,

khiến hai gó má tóp lại. Trẻ con chưa có răng không gọi là móm, vì hai má vẫn đầy đặn, phúng phính dễ thương.

Móm không ăn được những đồ cứng, thậm chí ăn gì cũng phải bập bập bằng nướu, chắc không còn thấy ngon lành gì mấy.

Tiếng lóng, móm cũng tương tự như hết tiền, như hỏng ăn một việc gì đó.

Thôi thế là móm rồi!

525. Mong rằng đó không phải là rượu (vui)

Một bợm nhậu về khuya, tay còn cầm chai rượu, cứ đi càm, vừa đi vừa vung vẩy, lắc lư con đầu say.

Bỗng làm cái rầm, một chiếc xe gắn máy, không đèn tông vào anh ta, anh ta bật ngửa bất tỉnh, tay vẫn giữ chặt chai rượu. Mọi người bu lại xem sự tình. Người thì hỏi gốc rễ anh ta, người thì nói xem sao để đưa anh ta đi bệnh viện. Bỗng anh ta tỉnh dậy, tay rờ rờ chung quanh, miệng lẩm bẩm, khi đụng vào chất gì đó ướn ướt: Ước gì đây là máu, chứ đừng phải là rượu!

Chẳng hiểu chuyện sau đó ra sao, nhưng chợt nhớ một câu tuyên ngôn của mấy đệ tử lưu linh: *Cắt cổ không bằng đổ rượu*.

526. Mở cửa

“Mở cửa” ở đây là mở cửa giao thương với nước ngoài. Trong thời kỳ bao cấp, nước ta chỉ bó trong quan hệ với các nước trong khối XHCN. Đến đầu những năm 1990, Liên Xô tan rã và hệ thống XHCN ở Đông Âu sụp đổ, thì nước ta không còn khoản vay hoặc viện trợ nào từ bên ngoài. Về đại thể, thì “mở cửa” có thể tính từ năm 1986, bắt đầu thời kỳ đổi mới

Có một số mốc quan trọng:

Ngày 2 tháng 7 năm 1993: Hoa Kỳ tuyên bố không ngăn cản các nước khác cho Việt Nam vay trả nợ tổ chức tài chính quốc tế.

Ngày 3 tháng 2 năm 1994: Tổng thống Bill Clinton tuyên bố hoàn toàn cấm vận Việt Nam và lập cơ quan liên lạc giữa hai nước.

Ngày 11 tháng 7 năm 1995: Tổng thống Bill Clinton tuyên

bố bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

Đầu tư nước ngoài đến tháng 6/ 2000, cả nước có khoảng 3.000 dự án của 700 doanh nghiệp thuộc 62 quốc gia và vùng lãnh thổ với tổng vốn đăng ký gần 37 tỷ USD, vốn thực hiện đã đạt 17,82 tỷ USD. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã tạo việc làm cho 34 vạn lao động trực tiếp và hơn 1 triệu lao động gián tiếp. Nguồn vốn ODA đã giải ngân 7,2 tỷ USD là một trong những nguồn vốn của nền kinh tế, bảo đảm tăng trưởng sản xuất ổn định của các ngành sản xuất và dịch vụ.

527. Mỡ nó rán nó

Làm thịt một con heo, thì có thể lấy chính mỡ của nó để chiên xào nó vậy. “Mỡ nó rán nó” có nghĩa là chẳng phải bỏ ra (thêm cái gì cả) cũng có thể xong việc, thu lại được lợi ích. Chẳng hạn như làm quảng cáo, thì lấy chính tiền của khách hàng quảng cáo mà thiết kế mẫu mã, in ấn, treo dán... Tổ chức một chương trình

(sự kiện: event), một live show thì, lấy tiền tài trợ, quảng cáo của chính chương trình mà làm. Cung cấp ý tưởng cũng vậy...

Tuy nhiên, chuyện đó xưa rồi. Bây giờ “ông mất con gà” chưa chắc “bà thò chai rượu” đâu. Ai cũng muốn “nắm đằng chuôi” cả, mà người có tiền sê nắm quyền chủ động hơn. Vì vậy làm quảng cáo, làm chương trình, bây giờ chua lầm, cứ phải úng tiền ra trước, vẽ vẽ, làm làm, còn khách thì tha hồ vận vẹo, bắt bẻ... Có khi mất tiền, mất công không. Buồn và đau nhất là cung cấp ý tưởng. Trình bày ý tưởng nào đó thì phải thuyết phục được người ta, phải làm cho người ta “nghe lọt tai” và muốn làm. Có nghĩa là tất cả những gì hay ho, tốt đẹp đều phải đưa ra. Và khi đối tác đã nắm được hết ngọn ngành rồi thì... bao nhiêu chất xám cũng chẳng được một xu, thậm chí cả lời cảm ơn cũng không có.

528. Mộ Đức

Gặp nhà thơ Thanh Thảo ở Quảng Ngãi, nhân lúc trà dư tửu

hậu, anh kể cho nghe những chuyện vui quê mình. Không phải những gian lao cực khổ và thành tích thời chống Pháp, chống Mỹ. Cũng không phải Lý Sơn tiền tiêu tổ quốc có tối ngon số một Việt Nam, hay đừa Tam Quan, biển Mỹ Khê như nàng tiên... bị bỏ quên. Hay núi Ấn, sông Trà...

Anh kể về dòng Tôn thất ở quê mình (*xem mục* 259), rồi tới những cái tên huyện thị của Quảng Ngãi có nhiều cái lạ, vui là chính. Ví dụ: Mộ Đức nói lái là mức độ, chỉ có mức độ thôi. Đức Phổ là đổ phúc (phứt), đem mà đổ bỏ ngay đi. Sơn Tịnh thì thật đáng sợ, vì hóa ra là sinh tợn. Còn Bình Định vốn cùng Quảng Ngãi thuộc tỉnh Nghĩa Bình (Tháng 12 năm 1975, Quốc hội khoá V thông qua Nghị quyết thành lập các tỉnh hợp nhất, trong đó có tỉnh Nghĩa Bình gồm 2 tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định), nên cũng có trong danh mục, mà nghe thật tội nghiệp: *Dùng bịnh.*

Chuyện này khiến người ta nghĩ tới chuyện tên các tỉnh khi

có chủ trương sáp nhập, khiến người ta dở khóc dở cười như hồi có đạo Hà Đông, Sơn Tây và Hòa Bình nhập thành Hà Sơn Bình, nhưng lại bị bà con gọi là Hà Sơn Buồn....

529. Mộc tần

Nhắc đến thịt chó, không phải người ta chỉ khen ngợi, chỉ gọi là quốc túy, quốc hồn, mà người ta còn nghĩ ra cả mớ chữ nghĩa để thịt chó hấp dẫn hơn. Ở Sài Gòn trước và sau 30/4 một thời gian, đi đường, người ta có thể thấy những tấm bảng kẻ chữ lớn: *A! Đây rồi!*. Khiến người ta cứ như nghe thấy một âm thanh quyến rũ, có cảm giác như sắp bắt được... miếng thịt chó thơm ngậy. Lạ lẫm hơn nữa là có những bảng hiệu ghi: *Hà cờ tây*, hoặc *Ở đây có hà cờ tây* – nghe cũng lý thú – tưởng như sắp được ngồi với nàng Kiều của cụ Nguyễn Du để: *Khi chén rượu, khi cuộc cờ/ Khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên*. Và, thử nói lái xem, đấy chính là *hà cầy to*, hà cái con chó non ấy mà.

Nhưng có vẻ thâm thúy, có vẻ *Nho nhe* một chút, thì dân chơi nói... cái con chó là *mộc tồn*. Và giải thích rằng: *Mộc là cây, tồn là còn. Cây còn là con cầy.*

Theo một trang mạng, mỗi ngày, dân Hà thành xoi hàng tấn thịt chó “made in” Cao Xá Hạ (xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây). Chẳng hiểu có đúng không, nhưng quả là có thời, Hà Nội có hẳn một liên hiệp thịt chó (*xem mục 475*) chạy dài hàng kilômét dọc đê sông Hồng.

530. Môi cuốn lô

Lúc đầu chỉ những cô gái hay cong cón, nhưng nay môi cong, thậm chí môi dày – “*Mỏng môi hay hót/ Dày môi hay hòn*”, miệng rộng – “*Đàn ông rộng miệng thì sang/ Đàn bà rộng miệng tan hoang cửa nhà*” – lại là model, nên “*môi cuốn lô*” – cong lên như tóc sau khi cuốn lô (ống cuốn tóc) thế mà xinh.

531. Mỗi người làm việc bằng năm

Thời kỳ xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, những năm sau

cải cách ruộng đất 1960 – 1975, đã xuất hiện nhiều ông bà chủ nhiệm hợp tác xã, nhiều cán bộ có chức quyền ở nông thôn, trục lợi làm giàu. Lúc đó, Đảng và Nhà nước đã tố ra lo ngại, và chính Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã lên tiếng cảnh báo, rằng hiện nay ở nông thôn đã xuất hiện các “*địa chủ đở*”! Điều đó cũng như một hồi chuông cảnh tỉnh về sự mất chất của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Nếu ở nông thôn đã có “*địa chủ đở*”, thì ở thành thị cũng có thể có “*tư bản đở*”. Lúc đó dân gian đã có những câu thơ truyền miệng tố cáo rất rõ bản chất vấn đề:

*Mỗi người làm việc bằng hai
Để cho cán bộ*

mua đài mua xe

*Mỗi người làm việc bằng ba
Để cho cán bộ xây nhà,
xây sân...*

Thật đáng buồn, đáng suy ngẫm, điều đó cho đến nay... vẫn còn đúng. Nay, trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, các công trình, quy mô sản xuất lớn hơn trước rất nhiều,

GDP cũng lớn hơn rất nhiều... thì tốc độ “ăn” của cán bộ cũng tăng tỷ lệ thuận rất nhiều. Chỉ lấy vài ba vụ như “Hành lang Đông Tây”, vụ Vinashin... là đủ ú tai, chóng mặt rồi. Thế là bài về trên có thêm một vế:

*Mỗi người làm việc bằng năm
Để cho cán bộ vừa nầm vừa ăn*

532. Mông má

Ngày xưa khi chỉnh sửa sắc đẹp, người ta chưa biết cắt mi, nâng mũi, rồi điều chỉnh vòng một vòng hai,... mà chỉ biết bôi son đánh phấn cho môi thêm đỏ, cho má thêm hồng. Và nếu thật cần thiết, thì độn mấy miếng bông gòn để nâng cái mông cho thêm tròn một chút. Vì thế mới có từ “mông má” lại, trang điểm lại cho đẹp thêm đôi chút.

Nhưng “cụm từ “mông má” không dùng để chỉ người, mà để chỉ việc tân trang, làm mới lại một vật nào đó, như xe máy chẳng hạn. Ví dụ: Chiếc xe này đã “mông má” – chỉnh sửa lại rồi.

533. Một băng

“Băng” ở đây không có nghĩa là băng nhóm, băng bó, băng khẩu hiệu (bandrole)..., mà là “băng đạn”. Các loại súng bắn liên thanh – hàng loạt, có các băng đạn, mỗi băng có nhiều viên đạn. “Đạn” là tiếng lóng của dân anh chị, sau dùng rộng rãi trong cánh làm ăn, buôn bán, có nghĩa là “tiền”. Tiền nhiều là “băng” – “một băng”. Ví dụ: Ông có “đạn” không? Yên tâm, tôi có thể lia (bắn) cho nó “một băng”.

534. Một chai, một xì

Để che giấu hành vi cờ bạc của mình, dân cá độ bóng đá thường “quy đổi” tiền VNĐ như sau: “Một xì” là một trăm nghìn, “Một chai” hoặc “Một lít” là một triệu đồng. Đô la thì 1 tờ Obama là 100 USD...

535. Một chọi một ra cột đồng hồ

Hà Nội thời Pháp chỉ có vài ba cái đồng hồ. Một ở trước Hàng Godard (nay là Hanoi Plaza), một trước Hàng Anpo chuyên bán đồng hồ ở ngã năm Cửa

Nam, một gấn ở mặt tiền Nhà Thờ Lớn...Và một cái trên con đường chạy dọc Sông Hồng. Ngay kề bên cái cột đồng hồ này, về phía phố Hàng Tre bây giờ, chính là trụ sở của Hàng Giang Hải Bạch Thái Công ty của “ông vua đường sông Bắc Kỳ” Bạch Thái Bưởi. Phía dưới sông khi đó là những bến tàu thuyền khá sầm uất. Quanh khu vực cột đồng hồ có các bến xe ôtô, các loại phương tiện thô sơ do người kéo.

Đê sông Hồng hình thành sau vụ lụt năm 1925-1926, khiến nơi Cột Đồng Hồ dần trở nên hoang vắng, và thành điểm hẹn



Cột Đồng hồ xưa



Vị trí của cột đồng hồ xưa và nay
ở Cầu Chương Dương

của giới giang hồ, nơi diễn ra những vụ thanh toán lẫn nhau.

Câu nói: “*Một chơi một, ra Cột Đồng Hồ*” xuất hiện từ đó. Và nó tồn tại cho đến những năm 1970. Nhưng thực ra lúc đó cột đồng hồ không còn là đấu trường của đám anh chị, mà chỉ còn trong ngôn từ của những kẻ tự coi là quân tử khi lên giọng thách đấu: “*Một chơi một ra cột đồng hồ*”. Những năm sau này khái niệm “*một chơi một*” được thay bằng “*tay bo – đấu* (đánh) *tay bo*”.

Năm 1981-1982, khu vực này được rào kín lại để xây cầu Chương Dương (khởi công vào ngày 10 Tháng 10 năm 1983, khánh thành và đưa vào sử dụng ngày 30/6/1985). “*Cột đồng hồ*” xưa, có thể coi là một di tích của Hà Nội (nó được làm hoàn toàn ở Pháp, chuyển sang lắp vào năm 1905). Nay “*cột đồng hồ*” được đặt ngay chân cầu Chương Dương, đúng vị trí xưa để lưu dấu một thời.

536. Một cửa một dấu

“*Một cửa một dấu*” là một nội dung cơ bản trong chương trình

cải cách thủ tục hành chính (*xem mục 142*) của Nhà nước được triển khai trên toàn quốc vào năm 1998.

Về nguyên tắc “*một cửa, một dấu*” là quy trình giải quyết công việc hành chính - từ khâu tiếp nhận hồ sơ đến khâu trả kết quả - thông qua một bộ phận làm việc duy nhất tại trụ sở cơ quan hành chính. Mọi khâu liên quan khác do các đơn vị chức năng của cơ quan hành chính thực hiện theo quy trình khép kín trong cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Tuy nhiên sau 10 năm triển khai, UBND TP.HCM đã có kiến nghị Chính phủ cho phép chấm dứt cơ chế “một dấu” tại UBND các quận huyện, phục hồi con dấu cho các phòng ban chuyên môn trực thuộc địa phương. Cơ chế thủ tục hành chính “một cửa” vẫn giữ.

Còn ở các địa phương khác thì sao?

QĐND - Thủ Ba, 05/06/2007, phản ánh việc một người đi làm sổ hồng, ở Hà Nội, 3 năm

mới xong. Lý do, “*một cửa, một dấu*”, nhưng lại qua quá nhiều người từ cô nhân viên hay anh hợp đồng nào đó, rồi nhiều người khác, và nhiều cuộc hội họp... khi đến lúc ký, đóng dấu... là cả một thời gian rất dài.

VnExpress.net, 02 Tháng tư 2005: Theo ông Nguyễn Trung Thông, Phó trưởng ban chỉ đạo cải cách hành chính TP.HCM, hiện 317 quận, huyện, phường xã thuộc thành phố đều đã triển khai cơ chế “một dấu, một cửa”. Tuy nhiên, nhiều nơi không áp dụng thống nhất cơ chế này. Sự phối hợp giữa các cấp chưa chặt chẽ, chưa liên kết được với nhau một cách hiệu quả. Một số thủ tục hành chính còn rườm rà, công chức vẫn còn nhũng nhiễu người dân.

Quốc hội thảo luận về cải cách thủ tục hành chính sáng 9/11/2010, (theo Dân trí): Sự chậm trễ, cửa quyền, sách nhiễu, tiêu cực, tham nhũng trong giải quyết thủ tục hành chính vẫn là những tồn tại. Nói theo đại biểu Phạm Thị Hải

(Đồng Nai), sự phục vụ tận tụy từ “đầy tú” của nhân dân còn là vấn đề... rất xa. Đại biểu Lý Kiều Vân (Quảng Trị) cho rằng, một cửa nhung nhiều khóa, nhiều ngách, giảm thủ tục này, lại để thêm thủ tục kia rồi sách nhiễu, tham nhũng...

537. Một người đập ga, ba người đập thăng



Trong công việc, những người ngại khó vô trách nhiệm, hay bùn lui, mà số này vốn không ít. Giống như chạy xe ôtô, “Một người đập ga” để xe tăng tốc, mà có tới “Ba người đập thăng (phanh)” muốn hãm xe lại, thì hỏi làm sao cho được!?

“Một người đập ga, ba người đập thăng” là một hiện tượng phổ biến và đáng quan tâm tới mức được Đài PTTNND

TP.HCM, dùng làm một trong những lời rao của chương trình phát thanh buổi sáng.

538. Một quăng dao, một khăn vắt vai

Các dân tộc thiểu số Việt Nam, thường sống ở các vùng núi cao. Đi làm nương, làm rẫy họ thường xem mặt trời để xác định thời gian. Ví dụ, mặt trời lên tới đầu con sào, hay đầu ngọn tre, là trời đã sáng rõ rồi. Mặt trời xuống núi là tối rồi... Và quãng đường của họ đi không tính bằng cây số mà tính bằng đơn vị đo lường riêng.

Hồi chúng tôi ở Yên Thế, người dân ở đây khi đi rừng thường mang theo con dao quắm (dao rựa, có móc ở đầu để tiện phát cây bụi chấn lối). Dao được bỏ trong một vỏ làm bằng tre, đeo lức lắc bên hông. Dao nặng đeo xé xuống, đi một hồi họ sẽ hất (quăng) con dao sang hông bên kia cho đỡ mỏi, mỗi lần như vậy là tính một *quăng dao*. Chúng tôi thường đi rừng cùng họ. Có hôm đi được 3 – 4

quăng dao, nhưng chẳng hiểu sao có hôm đi chưa được một quăng. Hóa ra có người khỏe đi vài ba cây số mới quăng dao một lần, còn người yếu sẽ sớm quăng dao hơn.

Cũng có vùng lại tính đơn vị đo đường bằng *khăn vắt vai*. Nghĩa là trước khi đi nhúng ướt cái khăn, rồi vắt lên vai, đi tới khi nào khăn khô là được *một khăn vắt vai*. Tương tự quăng dao, nhưng không phụ thuộc người mà là trời, nóng lạnh, nắng nhiều, ít, khăn sẽ khô nhanh hoặc chậm.

Yên Thế thuộc vùng đồi núi trung du Đông Bắc (Việt Nam), thuộc tỉnh Bắc Giang, nơi diễn ra cuộc khởi nghĩa chống lại thực dân Pháp (1884- 1913) của Hoàng Hoa Thám. Hiện Yên Thế còn lưu được nhiều di tích quý báu của khởi nghĩa Yên Thế, như đồn Phòn Xương, trung tâm của cuộc khởi nghĩa, đồn Hố Chuối, đồn Hom, chùa Lèo, đình Dĩnh Thép, chùa Thông...

Yên Thế có giống *cam sành Bố Hạ* nổi tiếng cả nước xưa nay.

539. Một trăm lời nói không bằng làn khói Honda

Những năm 1976-1985, kinh tế xã hội khủng hoảng nghiêm trọng, đời sống nhân dân vô cùng khó khăn; phương tiện di chuyển của người dân ở TP.HCM, chủ yếu là xe đạp. Có cái xe Honda, xe máy lúc đó là thuộc loại “xịn” rồi. Một, có thể là con xế lớn. Hai, lèng tèng thì cũng có tí chức, tí quyền. Ba là có thể giàu lắm. Giàu không lúc đó cũng không đủ, vì có xe chưa chắc đã có xăng mà đi. Vì thế chỉ cần nhìn người đi xe hơi, xe máy là đủ biết thứ hạng rồi. Mà giàu có, có chức, hay con ông nọ bà kia thì cũng đều là những tiêu chuẩn chọn “bồ” để cặp của các nàng.

Và cũng chính vì thế mà: “*Một trăm lời nói, không bằng làn khói Honda*”. Lúc đó ở TP.HCM, xe máy chủ yếu là loại Honda, và nói Honda là người ta hiểu là xe máy. Ngược lại nói xe máy người ta cũng nghĩ là Honda.

540. Mũ cối

Nói tới mũ, cũng là một loại thời trang theo từng thời kỳ.

Thời Pháp thuộc, muốm sang phải là mũ phớt, (*tiếng Pháp*: feutre/chapeau à feutre) tiếng Anh là felt hat. Hà Nội, thời bình trước 1975, là mũ kê pi, mũ nồi Nga. Trong Nam thì các loại nón vải thay đổi kiểu mẫu xoành xoạch. Nhưng có lẽ mũ (nón) cối là được dùng phổ biến nhất, lâu nhất và nhớ nhất cho tới tận bây giờ. Còn cái mũ bảo hiểm thì cũng chớ quên nhé.

Mũ cối là mũ dùng cho quân đội VNDCCH; LLMTGPMN là mũ tai bèo.

Tên mũ cối không biết do ai đặt, nhưng ngay sau khi ra đời những chiếc mũ bộ đội, do Trung Quốc viện trợ, đã nghe dân Hà Nội gọi là mũ cối. Có lẽ chữ cối ở đây là vì nó bền chắc như nồi đồng cối đá vậy (xem mục 599). Điều đáng nói hơn cả là ngoài việc dùng đội đầu, nó còn thêm 3 tính năng nữa, là có thể làm gáo múc nước uống hoặc tắm. Một nghỉ có thể làm ghế ngồi lên, và khi nằm thì làm gối. Yên tâm, không hề hấn gì.

Bây giờ mũ cối không chỉ có trong bảo tàng, mà dân tình vẫn sử dụng, tuy ít đi,

541. Mua mǎo

Trong mua bán có nhiều cách thức, và mỗi cách thức lại có những lợi hại khác nhau, cho người mua, người bán. Truyền thống thì có bán lẻ và bán sỉ. Bán lẻ là ai mua cái nào, bàn cái đó, loại này giá có cao nhưng thuận tiện cho cả người mua và người bán, vì thuận mua vừa bán. Còn bán sỉ, nghĩa là bán buôn, số lượng lớn, giá cả nói hơn, nhưng người bán tiêu thụ được số lượng nhiều. Còn người mua có thể kiểm ăn qua lô hàng đó mà không phải đầu tư sản xuất... Tất nhiên đó là lý thuyết.

Cuộc sống càng phát triển, sản xuất, và tiêu thụ càng tăng, thì mua bán cũng có thêm những phương thức mới. Chẳng hạn dạng mua lúa non; mua theo đơn đặt hàng, như kiểu mua một chiếc xe hơi Rolls-Royce, hay máy bay Boeing...

Mua mǎo cũng có phần giống mua lúa non, nhắm chừng lô hàng mà trả giá. Nhưng có điểm khác là hàng ở đây đã hoàn chỉnh, tuy chất lượng có thể không đồng đều. Ví như mua một mói trái cây, một lô quần áo đồ *son* (xem mục 459)... Mua kiểu này, người bán thường có chủ đích từ trước nên dễ tiến thoái trong giá cả hơn, nhưng không khéo vẫn bị ép giá như thường. Vì những hàng đã chấp nhận bán mǎo, rất kén người mua. Còn người mua phải giỏi, nếu không có khi ôm sô.

Mua mǎo xuất hiện ở Nam bộ, từ xa xưa, khi cái cân còn chưa thật phổ biến. Và bây giờ hình thức này vẫn tồn tại, chủ yếu ở miền Nam.

Mǎo, tiếng Nam bộ có nghĩa là *cá mó*, *nguyên khối*, *nguyên con*.

542. Mua như cướp, bán như cho

Thời bao cấp, việc mua bán nông sản phẩm cũng như hàng tiêu dùng, không tự do, thuận mua vừa bán theo cơ chế thị trường.

Tất tần tật do Nhà nước quản lý, thu mua với giá do chính Nhà nước “áp giá”; bán thì phải theo, mua thì phải chấp nhận. Thậm chí còn có chuyện ép, muốn mua một cái bánh xốp (bánh ngọt nướng làm bằng bột mì) thì phải mua kèm thêm một ly cà phê, uống hay không cũng phải mua. Có bà ở quê ra, vì muốn mua cái bánh cho con, cà phê “đáng quá” không uống được, phải bỏ lại, nhưng vẫn phải mua, phải trả tiền.

Mua là vậy, còn bán thì sao? Không phải dễ, đã có những định chuẩn “*Giá nghĩa vụ*”, “*giá khuyến khích*”. Thành thử càng làm nhiều càng lỗ. Đáng thương nhất là bà con nông dân, trúng mùa mà có khi khóc vì lỗ. Mà làm ra rồi không bán còn lỗ hơn.

Thành ngữ “*mua như cướp, bán như cho*” xuất hiện từ thời bao cấp (xem mục 79).

543. Múa

Theo từ điển tiếng Việt, thì múa là một môn nghệ thuật hình thể, dùng những động tác để biểu

cảm nội dung, tình cảm muốn thể hiện. Tiếng lóng của mấy dân trộm cắp, *múa* là chỉ hành động chôm của người khác một món đồ gì đó. Thường là chỉ việc móc túi. Các động tác đó đều có những ngón nghề riêng và được “đào tạo” đàng hoàng.

Chẳng hạn, kẻ móc túi, phải có một móng tay dài được tỉa tót, thường là ngón út hoặc ngón trỏ để có thể khều nhẹ những bút máy đắt tiền ở túi áo trên các ông. Khi làm phải có người cản địa (che chắn) hoặc trong hoàn cảnh, ôn ào náo nhiệt như hoan hô, cổ động trong thế thao. Ví dụ: *Hoan hô, vào rồi!* *Vào rồi!* sẽ là lúc một cái bút hoặc cái bóp được đổi chủ.

Móc túi, ăn cắp cũng phải dẻo, khéo léo và có nhịp điệu như múa vậy, mà nói ra lại dễ nghe, dễ đánh lừa người chung quanh. Mỗi khi rủ nhau đi ăn cắp, chỉ cần nói: *Di múa đi!* Thế là hiểu.

544. Mùa quýt

Trái quýt, quả quýt, chắc hẳn các vị biết cả rồi, nhưng để rộng

đường dư luận, xin mở ngoặc nói thêm chút xíu.

Ở trong Nam ta thì có quýt Hồng, Lai Vung, Đồng Tháp là ngon nhất hạng, vụ cho trái hàng năm vào tháng 11 – 12 âm lịch, nhằm thời tiết có gió mùa Đông Bắc, se lạnh. Còn ở ngoài Bắc có quýt Hương của xã Văn Lý, Lý Nhân, Hà Nam, xưa là đặc sản tiến Vua, mùa thu hoạch vào tháng 9 – 10 âm lịch, nhằm mùa rươi. Những năm 1960 – 1970, quýt Văn Lý đã xuất sang Liên Xô. Thời hoàng kim, ở đây có những cây quýt cho tới cả chục gánh quả, mỗi gánh ước 40 – 50kg. Đáng buồn, nay đang đi đến chỗ tuyệt chủng dù có dự án bảo tồn gien tham gia hỗ trợ.

Xét về mặt ẩm thực và bổ dưỡng, quýt thơm ngon, mà mềm dịu, ngọt thanh hơn cam, là trái cây có nhiều đường, các chất khoáng, đặc biệt là vitamin C. Trong 100g thịt quýt, có tới 60 – 70g vitamin C. Chính vì thế nó được chuộng hơn, nhất là với các cụ già. Vỏ quýt, hay trần bì, chữa ho rất tốt mà lành. Hồi

những năm trước 1964, ở Hà Nội, các tiệm thuốc Bắc vẫn cho người đi thu mua vỏ quýt, không nhớ giá cả ra sao, nhưng bà cứ bảo để dành vỏ, xâu tùng xâu, rồi khi có người rao: Lông gà, lông vịt, tóc rối, mũ li-e hồng, vỏ quýt... đổi kẹo đây! Thì ra đổi được vài cây kẹo mạch nha, mấy anh em chia nhau mà mút...

Ngon ngọt, bổ dưỡng như vậy, nhưng mỗi năm chỉ có một vụ, khiến người ta, nhất là các cụ cứ mong, cứ đợi, chờ tới dài cổ ra. Vì vậy mới có thành ngữ “chờ tới mùa quýt” để chỉ những ước mong, chờ đợi mỏi mòn. Và cũng để nói tới những chuyện xa xôi, vô vọng. *Ù, ông cứ đợi đi, đến “mùa quýt” thì nó trả ông đấy!*

545. Mùng thất

“Ngày xưa, dưới hạ giới có chàng Ngưu Lang (chàng chăn bò) trẻ tuổi, tình cờ nhìn thấy bảy nàng tiên xinh đẹp... tắm dưới hồ, được cổ vũ bởi người bạn đồng hành tinh quái, chàng đã lấy trộm váy áo của họ. Các nàng tiên cử cô em út xinh đẹp nhất

có tên gọi là Chức Nữ (nghĩa là: cô gái dệt vái) đi lấy lại váy áo. Chức Nữ gặp Ngưu Lang rồi thì lại... không muốn quay về trời nữa...

Ngưu Lang và Chức Nữ sống bên nhau rất hạnh phúc, họ có hai đứa con khau khỉnh. Chức Nữ quên mất việc dệt các đám mây ngũ sắc trên bầu trời. Hậu quả là Thiên Hậu giận dữ đã rút cái kẹp tóc của bà vạch ra một con sông rộng trên bầu trời (sông Ngân) để chia cắt đôi vợ chồng mãi mãi. Những con quạ cảm thương đã kết thành cầu Ô Thước (cầu quạ) bắc qua sông Ngân để cho họ gặp nhau, một năm một lần. Đó là ngày mùng 7 tháng 7 âm lịch. Nước mắt họ khóc khi gặp nhau rơi xuống trần thành mưa ngâu. Và ngày mùng 7 tháng 7 hàng năm được gọi là lễ Thất tịch (đêm mùng bảy – mùng thất).” Và cũng gọi là Ngày lễ dành cho những cặp yêu xa –, những người yêu nhau nhưng chưa thể đến bên nhau.

Chờ cho tới một năm để gặp có một ngày, đúng là thật lâu

lắc, diệu vợi, khó khăn, mà ngắn ngủi. *Mùng thất* sau có nghĩa vậy.

Và từ lâu rồi, gấp việc gì khó khăn, trở ngại dân gian thường nói: *Chờ, cứ chờ đi, chờ cho tới mùng thất ấy*. Nhưng nêu bị ai đó, hạch sách, đòi hỏi khó dễ một chuyện gì, mà phán úng thì lại nói: *Có mà mùng thất*. Hay: *chờ cho tới mùng thất đi*.

546. Muốn nghèo nuôi gái...

Dân gian xưa thường nói:

Muốn giàu nuôi cá

Muốn khá nuôi heo

Muốn nghèo nuôi vịt.

Nhưng vào thời buổi hội nhập kinh tế thị trường, thì mọi chuyện hình như đảo lộn hết. Có những lúc con cá basa của Đồng bằng Sông Cửu Long lỗ sặc gạch, nay lại đang lên hương. Heo cũng vậy, vào cái năm có dịch lở mồm long móng, rồi dịch tai xanh, thì thịt heo bày bán chẳng mấy ai buôn mua. Còn “ông vịt”, ngon cò lá chuối vốn te tua lại càng rách nát vì hết dịch này sang dịch nọ, nặng nhất gần đây là cúm gia cầm

H5N1(Dịch bệnh cúm gia cầm đã giết chết 331 người trên toàn cầu kể từ đợt dịch lần đầu nổ ra năm 2003).

Dù có lúc lên, lúc xuống nhưng hiện thì nuôi cá, heo, vịt đều vẫn còn sống được. Và trật tự thứ hạng cũng không mấy đổi. Duy hạng chót cho nuôi vịt, nay đã bị... gái tiếm quyền. Nói cách khác là dân gian nay đã sửa lại dân gian xưa:

Muốn giàu nuôi cá

Muốn khá nuôi heo

Muốn nghèo nuôi... gái!

547. Mút chỉ cà tha

(*Mạng Bách khoa tri thức*): Hai tiếng *cà-tha* đã được Lê Ngọc Trụ giảng là “xâu chuỗi hột to, dài, mang ở cổ, có tác dụng là bùa trừ ốm tà ma quỉ-quái”. Tác giả cho thí dụ: “Thầy pháp đeo dây *cà-tha*” (*Tâm-nguyên tự-diển Việt-Nam*, TPHCM, 1993, tr.497). Tuy nhiên dân gian vẫn còn có lối hiểu bình thường là cái bùa (chứ không nhất thiết là xâu chuỗi). Chẳng hạn, khi nghe nói “vô cà tha rồi đó” thì

có thể hiểu là “đã có yểm bùa rồi”. Dân Nam bộ đã mượn từ *cà-tha* ở tiếng Khmer *katha* mà *Dictionnaire cambodgien-français* của J.B. Bernard (Hong Hong, 1902) giảng là “amulette” (bùa). Vậy *cà tha* là bùa.

Nhưng “mút chi” là sao? *TDVN –NXBKHXH*, 1988, trang 677: *Mút* là xa đến tận cuối tầm mắt, *xa mút mắt*. Còn *Mút Cà Tha* là một địa danh có thật, là cù lao *Mút Cà Tha*, nơi tận cùng của miền cực Nam đất nước.

Như vậy phải chăng *mút chi cà tha* nghĩa là xa, xa lăm, xa tối tận cùng đất nước kia.

548. Mút mùa gió chướng

Ở Nam bộ, mùa khô, thông thường bắt đầu từ tháng 11 năm trước cho đến tháng 4 âm lịch năm sau, cũng là thời gian ánh hưởng của gió mùa Đông Bắc.

Gió mùa Đông Bắc thường gây ra nhiều bất lợi cho việc sản xuất. Đối với vùng biển và ngoài khơi có gió to, sóng lớn, ánh hưởng đến các hoạt động trên biển. Mặt khác, trong thời

kỳ này, trên thượng lưu sông Mê Kong mực nước đang ở vào thời kỳ kiệt nhất, nguồn nước ngọt chảy về hạ lưu rất ít, đồng thời sự xâm nhập mặn có khả năng vào sâu hơn trong các sông. Cũng chính vì những lẽ đó mà nhân dân Nam bộ gọi gió mùa Đông Bắc là gió chướng.

Mút mùa cũng như *mút chi* nghĩa là xa, xa lăm. *Mút mùa gió chướng*, cũng giống như *còn khuya* (tiếng miền Nam), *còn xoi* (tiếng miền Bắc), hay còn lâu (Bắc – Nam đều dùng).

Phim truyện đầu tay của Đạo diễn Hồng Sến, cũng có tên *Mùa gió chướng*, kịch bản Nguyễn Quang Sáng, do Xưởng phim tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh sản xuất.

Trong Liên hoan phim Việt Nam lần thứ V (1980) tổ chức tại Hà Nội, *Mùa gió chướng* đã được trao giải Bông sen Bạc. Ngoài ra, phim còn nhận được bằng khen của Tổ chức Giải Phóng Palestin (PLO) tại Liên hoan phim Ả Rập và Châu Á tổ chức ở Damas (Syrie) năm 1979.

549. Mút mùa Lê Thủy



(Nguồn: diendancailuongso.com)

Lê Thủy nổi tiếng là ca sĩ cải lương có hoi rất dài, ca một câu tới mấy phút, không đứt mà vẫn ngọt và trong veo, nên khi nói *Mút mùa* Lê Thủy cũng có nghĩa là dài lảm, xa lảm, lâu lảm. Sau 1975, Sài Gòn còn có câu *Mút mùa Thanh Kim Huệ*, cũng là một nghệ sĩ cải lương nổi tiếng và dài hơi.

Lê Thủy tên thật là Dương Thị Lê Thủy, sau đổi thành Trần Thị Lê Thủy, sinh ngày 20 tháng 5 năm 1948. 10 tuổi, theo học ca cổ với thầy Năm Truyền, rồi học

bài bản cải lương 3 Nam, 6 Bắc với nhạc sĩ Tám Đen; bắt đầu nổi lên, trở thành cô đào chính sáng giá lúc vừa tròn 15 tuổi...

Đoạt Giải Thanh Tâm (năm 1964), Lê Thủy cũng là nữ nghệ sĩ trẻ nhất đoạt giải này sau 10 lần tổ chức; Giải Kim Khánh (1974), Giải A1 Hội diễn sân khấu chuyên nghiệp toàn quốc (1980), được phong tặng Danh hiệu *Nghệ sĩ ưu tú* năm 1993 và Danh hiệu *Nghệ sĩ nhân dân* năm 2012.

Cũng có giải thích *mút mùa* Lê Thủy là chỉ vùng đất ở nam tỉnh Quảng Bình, xưa là hai huyện Phong Phú và Phong Lộc, nơi nổi tiếng về trồng lúa với câu thành ngữ: *Nhất Đồng Nai/ Nhì hai huyện...*

550. Mưa lâm râm làm thủng...

Lúc còn mặc quần thủng đít, có những bài đồng dao toàn nói chuyện ngược đời, khiến cứ thắc mắc, tự tìm hiểu và nhớ rất lâu. Ví như: *Một chục quả hồng
nuốt lão 80/ Năm xôi nuốt trẻ lên
muời/ Con gà mâm rượu nuốt*

*người lao đao... Lại còn: Lợn
công cop chạy rông/ Chồn bị gà
con ruột...*

Nhưng tôi có một bài cũng lạ,
chẳng hiểu có ai còn nhớ không,
cứ viết ra, không thích thì bỏ
qua nhé:

*Mưa làm thâm làm thủng
mái tôn/ Gió hiu hiu thổi đổ cột
đèn/ Một chàng trai trẻ ráu dài
tới rốn/ Cưỡi một con ngựa bạch
đen từ đầu đến cuối/ Đì trên một
con đường gồ ghề mà thẳng tắp/
Đến gốc cây cổ thụ mói mọc/ Gặp
bà già mói lên hai tuổi/ Chàng
thẳng thắn vòng vo tình tứ/
Nguyễn chung tình suốt kiếp đến
ngày mai...*

551. Mười yêu

Thời bao cấp, những năm 1960, phổ biến một bài thơ nói về tiêu chuẩn yêu đương, kén chồng của các cô gái Hà Nội như sau:

*Một yêu anh có Sây kô
(đồng hồ Nhật)*

*Hai yêu anh có Pogiô cá vàng
(Xe gắn máy Pháp)*

*Ba yêu nhà cửa đàng hoàng
Bốn yêu hộ khẩu*

*rõ ràng thủ đô
Năm yêu không có bà bô
(mẹ đã chết)
Sáu yêu Văn Điển ông bô
sấp vè (bố sấp chết)
Bảy yêu anh vững tay nghề
Tám yêu sóm tối đi về có nhau
Chín yêu gạo trắng phau phau
Mười yêu nhiều thịt
ít rau hàng ngày.*

Còn một phiên bản khác, vào giai đoạn hai của thời bao cấp (1964 – 1975), giai đoạn cực kỳ khó khăn của miền Bắc. Vừa học tập, làm việc, vừa chi viện cho miền Nam, lại vừa chống trả máy bay Mỹ leo thang bắn phá. Lúc này, thiếu thốn vô cùng. Ngay cả có tem phiếu, cũng chưa chắc có hàng mà mua. Chính vì vậy tiêu chuẩn để yêu của các nàng cũng đành phải “cân đối” lại cho phù hợp:

*Một yêu anh có may ô /hai yêu
anh có cá khô ăn dần
Ba yêu rửa mặt bằng khăn
Bốn yêu đi tắm có
quần đùi hoa (bông)...*

N

552. Nam mô a di...



Cáp treo suối Yến
(Nguồn: vietsensetravel.com)

Chùa Hương là một quần thể hàng chục ngôi chùa thờ Phật, đền thờ thần và các ngôi đình thờ tín ngưỡng nông nghiệp. Trung tâm chùa Hương nằm ở xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, Hà Nội, nằm ven sông Đáy. Trung tâm của cụm đền chùa là chùa Hương nằm trong động Hương Tích hay còn gọi là chùa Trong, một công trình thiên nhiên, được Tĩnh Đô Vương Trịnh Sâm (1767-1782) đề phong “*Nam thiên đệ nhất động*”, (khắc năm 1770).

Từ trước Hà Nội được tiếp quản, hành trình Chùa Hương lý thú, nhưng không dễ như bây giờ, nhất là đi vào sau Hội chùa, tháng ba âm lịch, khi rét nàng Bân đổ về cùng mưa phùn lắc rắc bay. Lúc đó đi chùa phải đi

đất để những ngón chân có thể bấm vào những bậc đá trơn trượt. Đã vậy, ai cũng phải có một gậy trúc cho vững bước. Lúc đó tôi có nghe, những người đi Chùa Hương thường vừa đi vừa niệm “*Nam mô a di... vừa đi vừa gật*”. Tôi hỏi, bà tôi cười, bảo: Leo mệt quá mà.

Ở Chùa Hương còn có một dịp mà ít người được chiêm nghiệm. Nếu đi vào đầu tháng ba Âm lịch, gặp *mưa rửa đèn*... thì thật lạ, thật lý thú. Con mưa ầm ào có thể kéo hàng tiếng đồng hồ, nước chảy xuống các bậc đá như thác, cuốn trôi tất cả rác rến, khiến khi trời tạnh, mọi ngóc ngách chùa sạch như lau như ly, và không khí thật thoáng đãng trong lành. Dân gian có câu, *tháng ba (âm lịch) hoa đất*, mưa rất tốt cho cây trồng. Đó là thời điểm hoa màu, nhất là lúa đang thi con gái, đang rất cần nước.

553. Năm môn phối hợp của Việt Nam đưa vào Olimpic (vui)

Việc tìm kiếm huy chương thể thao của Việt Nam trên đấu

trường quốc tế, nếu có thì cũng quanh cái “vũng Đông Nam Á”. Theo dân tình thì một trong những nguyên do là ngành TTVN không biết phát huy thế mạnh của dân mình là sáng tạo, lanh lẹ, khéo léo và đặc biệt là thông minh. Và họ đề xuất chọn 5 môn phối hợp của Việt Nam đưa vào dự các cuộc thi Olimpic thế giới. Có thể nói chỉ cần đọc tên các môn đó thì không chỉ dân tình, mà chính ngành TTVN cũng phải thừa nhận là ta chắc thắng tới 100%.

Đó là các môn: *Đá cá lăn dua, đâm sau lưng chiến sĩ, ăn tục nói phét, ném đá giấu tay, và thọc gậy bánh xe*.

554. Năm xưa ủn ỉn đầy chuông

Những năm 1960, ở miền Bắc, phong trào chăn nuôi nở rộ, về các vùng quê, đâu đâu cũng thấy nuôi lợn. Nhưng rồi ít năm sau, không hiểu do kém hiệu quả, vì thiếu kinh nghiệm và lại chăn nuôi theo kiểu cái gì thừa thì đổ cho heo, hay do không được bơm nén phong trào lại xẹp

xuống. Thế nhưng xep chõ này lại phòng chõ khác, một phong trào mới ra đời, phong trào nuôi vịt. Lại đi đâu cũng thấy vịt là vịt. Tức cảnh lại sinh tình, một câu ca dao mới ra đời:

Năm xưa ủi ỉn đầy chuồng
Năm nay cạc cạc
đầy đường hành quân.

Câu này cũng từ Hà Nội mà ra.

555. Năng làm thì đói...

Câu đầy đủ:Năng làm thì đói, biết nói thì no, biết bò thì sướng (nói vui: khỏe re như...), càng bướng càng khổ! Nghe thật vô lý, nhưng càng nghĩ càng thấm. Cứ hùng hục mà làm, không chịu suy nghĩ... nhất là không tinh vi, thì bất lầm cũng chỉ như con trâu đi cày, được nấm cỏ là tốt rồi. Thủ xem những người lao động chân tay đi, có phải ai cũng hùng hục làm suốt ngày, có khi cả đêm mà mỗi tháng cũng chỉ vài ba triệu. Trong khi nhiều anh chỉ ngồi phè, thỉnh thoảng lại lại gọi điện thoại tám, hoặc lên mạng chát chit, mà tháng vài chục triệu như chơi.

Không thì biết nói, mồm miệng cũng đỡ chân tay vậy. Cái này mới độc chiêu nữa, bò – biết bò, biết quỳ là có thể tiến thân. Nhớ lại chuyện dân gian rùa và thỏ đi. Nhanh như thỏ mà vẫn thua rùa đầy. Câu chuyện này đã được cải biên đôi chút:....

Cuối cùng, càng bướng, càng cãi lý, dù cho là đúng, cũng chỉ càng làm cho các đồng chí lãnh đạo bức mình mà thôi. Chuyện này không khác gì *đấu tranh*, thì tránh đâu!

Dân đã đúc kết từ thực tế thì chỉ có mà từ đúng trở lên.

556. Nấu cháo điện thoại

Điện thoại di động vào Việt Nam năm 1993 (ngày 16/4/1993, MobiFone- mạng di động đầu tiên của Việt Nam chính thức đi vào hoạt động), nhưng theo ước tính của Tổng cục Thống kê, số thuê bao điện thoại cả nước tính đến cuối tháng 3/ 2011 đã đạt khoảng 174,1 triệu, tăng 28,2% so với cùng kỳ năm trước. VNPT cho biết, Việt Nam đang nằm trong top 10 quốc gia có số lượng

thuê bao di động nhiều nhất thế giới. Cụ thể, Việt Nam đang đứng thứ 7, trước cả Nhật Bản và Đức.

Cái sự tiện lợi của ĐTDĐ, nằm, ngồi, đi, đứng và bất cứ nơi đâu, bất cứ lúc nào cũng có thể móc ra mà nghe, mà nói, chẳng mấy chốc đã được các ông bà “tám” phát huy. Ở xa hàng chục, hàng trăm km cũng “tám”, mà ở nhà kế bên cũng móc ra. Có những vị “tám” đến hàng tiếng đồng hồ. Còn vài chục phút là thường tình.

Dân gian gọi ấy là “*Nẫu cháo điện thoại*”.

557. Nẫu:

Có một bài ca của dân Trung bộ nghe man mác buồn, rất ấn tượng về cách nhấn nhá, đặc biệt là các âm tiết nghe rất lạ lẫm, có từ nghe chẳng hiểu chi mô. Đó là bài “Trách thân”, mà có khi người ta nói gọn là bài ca xứ *Nẫu*. Tôi chỉ được nghe bài này một lần do nhà báo Cung Văn (SGGP) ca năm 1983, vậy mà 30 năm rồi mỗi khi nghĩ tới vẫn cứ thấy nao nao trong lòng,

chẳng hiểu là vui buồn, nhớ nhung điều gì. (Xin lỗi gần đây có mở MP3 trên mạng, nghe Hoài Linh ca bản này không mùi bắng anh Cung Văn).

“Nẫu” ở đây là sao? *Xứ Nẫu* là xứ nào và *tiếng Nẫu* có gì lạ?

Trong *Từ điển tiếng Việt* NXBKHXH 1988, chỉ có “nẫu” và “nẫu nà” với ý nghĩa chín nẫu (trái cây) và “nẫu ruột nẫu gan”, giống như buồn thối ruột, thối gan vậy. Trong *Từ điển từ đối chiếu địa phương*, NXBGD, 2001, trang 364), có một chữ *nẫu*, hay *nẫu, nâu* do cách phát âm khác vùng miền mà ra: Nó, hắn, bọn họ.

Bây giờ xin chép lại bài “Trách thân” để nhớ về xứ Nẫu nhé.

Thân nè, trách thân nè. Thân sao chó lân đận nè, mình nè, trách mình nè, số phận chó sao hẩm hiu.

Chó bởi thân tui, tui cực khổ, tui eo nghèo nên vợ tui nó mai (mói) không ở nưa mà nó theo chú Nẫu râu (rồi)

Em oi chó bi (bây) giờ mà em ở kìa nài (noi) đau? Chó để cho Qua (anh) nè Qua (Anh) trông

*đứng nứa trông ngầu (ngồi) râu
(rồi) canh phia (khuya).*

*Chó hâu (hồi) nào qua Phú Lő
(Phú Lẽ) eng (ăn) ẩu (ối) chua,
chó xuống Đại Lãnh, uống nước
ngót (ngót), chó qua Hòn Dùa
(Hòn Dùa), eng (ăn) mục neng
(nang). Chó bây giờ em không
ngó nứa em không ngàng đến
chồng nghèo nó cực khổ mà gian
nan nó cơ hàn...*

*Hầu (hồi) nào chó em thất
nghiệp, em đi làng (lang) thang
chó anh thấy em nứa tậu (tội)
nghiệp anh di mang anh nuôi rày.*

*Chó hâu (hồi) nào em bán nước
đá râu (rồi) anh đi may hai đứa
mình nè, chung sống chút không
biết ngày râu (rồi) mai sau.*

*Chó hâu (hồi) nào em bắt ốc
râu (rồi) anh hái rau. ư bây giờ,
em đở (để) lại mấu (mối) sầu này
cho Qua...*

*Hầu (hồi) nào trái chuối chín...
cũng kăng (cắn) làm ba, chó trái
cam tươi cũng kăng (cắn)... Làm
bốn, nứa trái cà cũng kăng (cắn)
làm năm*

*Chó bây giờ em lấy Nẫu chó
em ăn (ăn) nầm, em bỏ Qua chó*

*Qua hiu quạnh, vái (vói) năm
canh Qua một mình...*

*Anh bây giờ, khoé mắt sâu cứ
rùng (rung) rinh có giọt lợ (lệ)
sâu, giọt lợ (lệ) tham (thảm) như
nước trong bình nó tuôn ra*

*Anh bây giờ, như con Cuốc nó
kêu tù qua chó nó lẻ đâu (đôi),
nó lẻ bạn, i quó chú cha oi.... là
buồn!*

558. Ném đá

Luật Sharia Hồi giáo có 12 điều
cho phụ nữ phải thực thi, trong
đó điều 12 quy định: “Nếu bị
bắt gặp ngoại tình sẽ bị *ném đá*
cho đến chết (mà không cần xét
xử)”. Hiện nay vẫn còn một số
nước Hồi giáo thi hành đạo luật
này, như Iran và Arập Saudi, Ấn
Độ, Pakistan.

Đấy là nghĩa đen. Còn nghĩa
bóng, *ném đá* là nói tới một
người, một sự kiện nào đó, bị
người ta chỉ trích, phê phán nặng
nề không khác gì lấy đá mà ném,
có khi “bị ném” cho tới “chết” sự
nghiệp, chết danh tiếng...

Chẳng hiểu có nơi đâu trên
thế giới sử dụng từ ngữ này như

vậy không, nhưng ở Việt Nam thì xuất hiện vào khoảng những năm 2000. Và có lẽ đầu tiên từ những trang mạng.

Có ý kiến cho rằng... cách sử dụng ngôn từ như vậy là chưa ổn. Thứ nhất, “ném đá” không thể thay thế cho một từ có nghĩa phê phán hay phản đối (dù ở mức độ nào). Nó phản ánh một thái độ phản ứng thường là quá khích, thiếu tinh thần xây dựng. Ngay cả trước một hành vi phản cảm, thậm chí rất xấu, bị đa số cộng đồng lên án mạnh mẽ thì ta cũng không thể quy về hiện tượng “ném đá, đánh hội đồng” được. Tính giáo dục trong văn hóa ứng xử không cho phép ta làm điều đó.

559. Ngả bàn đèn

Wikipedia bảo đó là chỉ cú ngả người móc bóng (hay gọi là ngả người sút bóng, lật bàn đèn, ngả bàn đèn, xe đạp chống ngược) là cú sút mà một cầu thủ thực hiện bằng cách tung người trên không và dùng một chân sút bóng qua đầu để ghi bàn, (chân kia kéo theo hướng ngược lại).

Cú đá này được thực hiện lần đầu bởi Ramon Unzaga Asla năm 1914, sau này nhiều cầu thủ nổi tiếng đã thực hiện thành công như Leonidas (Tuyển Braxin, vua phá lưới Mondial 1938, Pelé (vua bóng đá, 3 lần vô địch thế giới; ghi được 1.244 bàn trong sự nghiệp thi đấu), Marco van Basten (Tuyển Hà Lan), Papin (Tuyển Pháp), Hugo Sanchez (Tuyển Mexico), Rivaldo, Ronaldinho (Tuyển Braxin).



(Nguồn: bongdaplus.vn)

(Nguồn: hoangkimviet.blogspot.com)

Các cầu thủ Chile thường hay sử dụng cú đá này, nên nó

còn có tên Mỹ la tinh là *Chilena* hoặc *Chalaca*.

Cú ngả bàn đèn này cũng được gọi là papinade, nhằm tôn vinh Jean Pierre Papin, một trong những cầu thủ sử dụng nhuần nhuyễn và thường ghi bàn bằng kĩ thuật này.

Trong lịch sử World Cup, cú đá này được nổi danh nhờ pha làm bàn của huyền thoại Leonidas (Brasil) năm 1938, giúp Brasil thắng Ba Lan 6 – 5.

Tuy nhiên, theo cách nghĩ của người ngoại đạo (bóng đá), nếu chỉ xét ở Việt Nam thì cái từ này đã được các cụ cố, cụ tổ nhà ta sáng tạo ra, chí ít cũng từ khoảng giữa thế kỷ 17, khi mà các cụ thực hiện *ngả bàn đèn*... thuốc phiện. Cứ lục tìm tư liệu mà xem, có phải ngả (nằm) bàn đèn (gồm đèn, điếu và thuốc phiện) không. Còn các anh bóng đá, theo sách đã dẫn thì chỉ thực hiện động tác (giống) như vậy từ 1914, mà thôi. Trước đó trong các sách hướng dẫn bóng đá không có động tác này và lẽ dĩ nhiên là cả từ này.

560. Ngành ta Nho cỗi...

Ngành giáo dục Việt Nam những năm 1970 – 1975, được chia làm 2 bộ: Bộ Giáo dục, quản lý các cấp học phổ thông. Bộ Đại học – Trung học chuyên nghiệp, quản lý các trường đại học, trung học và dạy nghề. Bộ Giáo Dục lúc đó do GS. Nguyễn Văn Huyên làm bộ trưởng, các ông Võ Thuần Nho (em Đại tướng Võ Nguyên Giáp), Hồ Trúc và Lê Liêm làm Thứ trưởng. Các vị này lúc đó đều trọng tuổi, nhưng chưa có người thay. Vì thế trong giáo chức có 2 câu lục bát để cảm khái, không rõ ai sáng tác:

*Ngành ta Nho cỗi, Huyên già
Phất phơ cành Trúc,
la đà cành Lê.*

561. Ngày xưa giám thi cũng đi thi

Theo *TDTV*, NXBKHXH, 1998: Giám thi là những người chuyên coi sóc trật tự, kỷ luật trong nhà trường, nhà máy, nhà lao, cũng có nghĩa là người luôn nhìn ngó để giám sát, như giám thị phòng thi chẳng hạn.

Những câu thơ sau được chính những sinh viên sáng tác và truyền rộng trong sinh viên, học sinh vào khoảng những năm 1965 -1970. Và nó sống cho đến nay.

*Ngày xưa giám thị cũng đi thi
Cũng quay cũng chép
cũng copy*

*Mà sao giám thị nay khó quá
Chẳng để em xem một tí gì!
Giám thị nhìn em
giám thi cười.*

*Em nhìn giám thi lệ tuôn roi.
Cổng trường Đại học
cao vời voi.
Đồng ruộng mênh mông
đón em về...*

Có thể nói là ngày xưa, thời bao cấp ở miền Bắc, việc thi cử rất khó khăn, ngặt nghèo. Đã vào phòng thi thì không được mang theo bất cứ một thứ gì vào, ngoài bút, thước kẻ, những đồ dùng để làm bài. Trong giờ thi thí sinh nào quay ngang, quay dọc sẽ bị giám thi nhắc nhở; copy, nhắc bài đều bị lập biên bản... Và tỷ lệ chọi rất cao. Vì vậy đúng là “*Cổng trường đại học cao vời*

vợi”, và “*Muời thằng thi cử chín thằng roi*”.

Mấy câu thơ thì vẫn được truyền đi, tuy nhiên, văn cảnh, ngữ cảnh thì không còn đúng nữa. Thực tế thi cử bây giờ dễ hơn nhiều. Một là, do bệnh thành tích. Hai, do công nghệ phát triển, điện thoại di động trở thành một ông thầy đa năng. Ba là, nền tảng đạo đức xuống cấp, tan rã. Chuyện chép bài của nhau, ném “*phao*”(xem mục 612) – bài làm sẵn vào trường thi là phổ biến trên toàn quốc... Bốn là, có tới ba bốn nguyện vọng để lựa chọn như quyền trợ giúp. Và không vào trường công thì vào trường dân lập, không đại học thì cao đẳng... Nói chung cổng trường đại học đã rộng mở hơn nhiều. Thế nên “*đồng ruộng*” vẫn “*mênh mông*”, nhưng không chắc các em đã về...

562. Ngăn sông cấm chợ

“*Ngăn sông cấm chợ*” được xác định từ sau 30/4/1975, cho đến trước thời kỳ đổi mới 1986. “*Ngăn*” ở đây là ngăn cấm,

ngăn cản không cho buôn bán, chuyên chở hàng hóa từ nơi này qua nơi khác, khi không được phép của Nhà nước. Khắp nơi đều có những trạm kiểm soát hàng hóa, nhất là ở vùng giáp ranh các tỉnh thành, để bảo đảm “nội bất xuất, ngoại bất nhập”. Khiến cho nơi sản xuất ra không bán được hàng, có khi để hư hỏng, thối cả. Trong khi đó nơi thiếu hàng thì không được mua. Đáng nói nhất là ngay cả gạo, lương thực chính yếu cũng chịu chung số phận..

Chính vì “*ngăn sông cấm chợ*”, mà nước ta là một nước nông nghiệp, hơn 80% dân sống bằng nghề nông, lại thiếu đói trầm trọng. TP.HCM ngay cạnh vựa lúa Đồng bằng Sông Cửu Long, mà phải ăn bobo.

Rất may là chủ trương đổi mới đã kịp thời chặn con tàu kinh tế đất nước đang tụt dốc với tốc độ phi mã. Cơ chế quan liêu bao cấp được xoá bỏ và được thay thế bằng “cơ chế kinh tế thị trường có định hướng XHCN”. Ngày 1/3/1987: giải thể các trạm

kiểm soát hàng hóa trên các tuyến đường nhằm thúc đẩy lưu thông hàng hóa.

563. Ngân hàng...

Ngoài những ngân hàng về tài chính, hiện Việt Nam có thêm hai loại ngân hàng liên quan tới cuộc sống con người: Trước đây đã có ngân hàng máu, nay thêm *ngân hàng tinh trùng* và *ngân hàng tế bào gốc*.

Tại Việt Nam, theo ước tính có gần 1 triệu cặp vợ chồng hiếm muộn mà một trong những nguyên nhân là do người chồng khiếm khuyết về tinh trùng. Trung tâm Nam học và Hiếm muộn Hà Nội ở số 7/387 Hoàng Quốc Việt- Cầu Giấy- Hà Nội, là nơi có *Ngân hàng tinh trùng* (NHTT) lớn nhất Việt Nam. Ngoài ra cũng còn một số tại các bệnh viện phụ sản như Bệnh viện Từ Dũ, Bệnh viện Hùng Vương TP.HCM.

Có những quy định rất ngặt với những người hiến tặng tinh trùng: đều phải có trình độ đại học trở lên, được kiểm tra bệnh

lý theo một quy trình nghiêm ngặt như, tuổi từ 20 đến dưới 40, đã có con, gia đình 3 đời không mắc bệnh di truyền, chiều cao trên 1m65, cân nặng đủ tiêu chuẩn, không nhiễm HIV, viêm gan, giang mai... Và tinh trùng phải có trên 50 triệu tinh trùng/ml với khả năng di động là 20%. Như vậy mới đem lại hiệu quả cao để có thể duy trì nòi giống cho những cặp vợ chồng vô sinh và hiếm muộn. Thậm chí giúp người đã chết vẫn truyền được giống.

Trên thế giới, Cryos (đóng tại Đan Mạch) là ngân hàng tinh trùng lớn nhất thế giới, xuất khẩu đi hơn 70 quốc gia. Đã có khoảng 20.000 đứa trẻ được sinh ra từ những "con giống" ở đây. Hiện tại ở châu Âu, mỗi ngày có 4 đứa trẻ ra đời nhờ vào Cryos. Giá của những hộp tinh trùng trên dao động từ 30 đến 300 bảng Anh

MekoStem là ngân hàng tế bào gốc (TBG) đầu tiên và là đơn vị duy nhất được cấp phép hoạt động tại Việt Nam; Địa chỉ: 297/5 đường Lý Thường

Kiệt, phường 15, Quận 11, Tp Hồ Chí Minh; khai trương ngày 15/02/2009,

TBG được nghiên cứu ứng dụng trong nhiều lĩnh vực y sinh học như: điều trị nhiều bệnh lý nan y trong nhiều chuyên khoa khác nhau như: tim mạch (nhồi máu cơ tim cấp, tắc mạch chi); thần kinh (bại não trẻ em, liệt tủy, xuất huyết não cấp, Parkinson, Alzheimer); đái tháo đường type I, II; Xương khớp... (<http://infonet.vn/te-bao-goc>).

Năm 1994, Ariff Bongso, Nhà khoa học người Sri Lanka, là người đầu tiên trên thế giới tách thành công tế bào gốc từ phôi người. Năm 2004, tại trường ĐH Quốc gia Singapore, P. Giáo sư - Tiến sĩ - Bác sĩ Phan Toàn Thắng là người đầu tiên trên thế giới tách được tế bào gốc từ màng cuống dây rốn, một phát minh được sự quan tâm đặc biệt của giới khoa học thế giới.

Đây là tầm nguyên để bổ sung cho từ điển từ ngữ tiếng Việt, vì hiện tra cứu không có những từ này.

564. Ngǎn tò te... anh lính kèn

Thời Pháp thuộc, quân đội Pháp thường hay dùng kèn làm hiệu lệnh. Kèn gọi lính tập trung, tiếng Pháp là sonner l'appel. Kèn báo thức, tiếng Pháp là réveil. Và kèn la mác (la marche) là kèn diễu hành. Dù không hiểu tiếng Pháp, nhưng nghe kèn hiệu lệnh māi hóa quen và biết. Và mỗi khi nghe tò te! Tò te! Là biết ngay có chuyện gì. Ví dụ, thấy mấy anh lính không theo đúng kèn lệnh là biết đó là lính mới, và khoác cho anh ta cái tên lính mới tò te (nhại tiếng kèn).

Kèn đồng không dễ thổi, mới tập có khi chỉ thổi... ra nước miếng mà thôi. Và khi thổi, người thổi thường tập trung cao. Vì vậy, mặt có khi nghẹt ra, trông ngô ngố. *Ngǎn tò te anh lính kèn* là vậy.

565. Nghệ An cho tới tỉnh Thanh

Những năm Mỹ ném bom bắn phá, ở miền Bắc, đi đến đâu cũng thấy những hố cá nhân, hầm chũ L, hầm chũ A. Và ở đâu cũng có còi, có kèng báo động. Dân tình

dù đang làm gì, hẽ nghe tiếng còi, tiếng kèng là vội vã xuống hầm tránh bom. Làm hầm lúc đó cũng là thi đua. Vì vậy có mấy câu thơ, không rõ của ai, nhưng lúc đó rất phổ biến:

Nghệ An cho tới

tỉnh Thanh (Thanh Hóa)

Đào hầm, đào hố

phải nhanh và nhiều

Ních xon có tính hay liều

Bom bi nó thả

là điều tất nhiên.

566. Ngoài vùng phủ sóng...

Cái điện thoại di động nó hay lăm, chỉ nằm gọn trong lòng bàn tay, bỏ trong túi quần, nhưng có thể giúp ta nối với cả thế giới. Đặc biệt còn có thể giúp người ta hoạt động bí mật được. Hẽ không muốn nghe cuộc gọi nào đó hoặc “giấu mình” trong khoảng thời gian nào đó, chỉ cần cài chế độ tự động, thì khi ai đó gọi, sẽ nghe được một lời từ chối êm ái: Cuộc gọi không thực hiện được vì... ngoài vùng phủ sóng. Theo dân gian thì đó là: “*Ngoài vùng phủ sóng, mà... trong vùng phủ vây*”.

567. Ngoại giao bóng bàn



Cách nói dân gian là ngoại giao không theo lối truyền thống, Một cách mượn có “vui vẻ” để bàn tính chuyện khác. Giả như muốn “cái ghế”, thì lại thường đi đánh bóng bàn, hoặc tenis, cầu lông... với sếp, và hay... bị thua. Hoặc như mượn có thượng thọ cha mẹ sếp, sinh nhật của sếp, rồi sinh nhật con cái sếp để “phong bì, phong bao”.

Từ ngữ “*ngoại giao bóng bàn*” bắt nguồn từ cái “bắt tay” của Trung Quốc với Mỹ, cách đây 40 năm. Tháng 4/ 1971, vào lúc cao điểm của Chiến tranh Lạnh, cả thế giới kinh ngạc khi đội tuyển bóng bàn Mỹ được đối thủ không đội trời chung Trung Quốc mời tới thi đấu ở Bắc Kinh.

Đội bóng bàn của Mỹ đã “mở đường” cho chuyến thăm của

tổng thống Mỹ Richard Nixon 10 tháng sau đó. Trong lịch sử, chưa bao giờ thể thao được sử dụng làm công cụ thúc đẩy ngoại giao một cách hiệu quả đến thế.

40 năm sau,... Mỹ và Trung lại “*ngoại giao bóng rổ*”. Tuy nhiên, một vụ việc không lường tới đã xảy ra tối 18.8.2011, tại nhà thi đấu Bắc Kinh, trong trận đấu giữa đội trường đại học Georgetown (Mỹ) và đội Bayi Rockets (Trung Quốc), nhân chuyến thăm chính thức của Phó Tổng thống Mỹ Joe Biden tới quốc gia đông dân nhất thế giới. Cầu thủ hai đội lao vào ẩu đả, bất chấp đây là một sự kiện nhằm mục đích tăng cường quan hệ ngoại giao hai nước.

568. Ngoắc cắn câu

Cái cắn câu, dù là bằng tre, bằng trúc hay câu máy hiện đại, cũng đều cong cong, nhất là khi cá cắn câu. Trong *Từ điển tiếng Việt*, chữ ngoắc, có nghĩa là móc vào. Còn ngoắc ngoài, hay ngắc ngoài, có nghĩa là thoi thóp, lặc lịa chỉ chò chết thôi.

Ngoắc cần câu là ngôn từ của dân nhậu, chỉ dân nhậu, là bạn mình, cũng có khi là chính mình khi quá say xỉn, chẳng còn biết trời trăng mây nước gì. Thôi, nó (tao) đã “*ngoắc cần câu*” rồi, nghỉ đi. Nhiều khi dân nhậu thay “*ngoắc cần câu*” bằng “chết”. Nó “chết” rồi, không dậy mồm ra đỗ vào được đâu.

569. Ngộ lái

Thực ra đây chỉ là một câu ngộ ngọng của mấy ông “Chết”, nhưng vừa vui tai vừa “dễ dùng” vào thực tế. Chuyện là xe đang chạy ngon tròn thì có người nói: Cho ngộ lái. “Ngộ” là tôi, “lái” là lái xe, vì đang ở trên xe nên mọi người dễ suy diễn như vậy. Nhưng thực tế là ông Chết đã phát âm không chuẩn chữ “đ” thành chữ “l” trong chữ lái.

Bây giờ, đang đi xe, muốn đi tiêu, đi tiểu, người ta thường nói: Cho “*ngộ lái*” là bác tài hiểu liền. Thấy ở Malayxia, mấy hướng dẫn viên du lịch lại dùng từ “karaoke” – Có ai đi karaoke không – để thay thế, nghe cũng

vui vui, ngộ ngộ, mà tự ên cũng hiểu à.

570. Ngồi nhầm mâm

Tục ngữ Việt Nam có câu: “*Một miếng giữa làng bằng một sàng giữa chợ*”. Lại có câu: “*Đῦa mốc mà chòi mâm son*”. Xem ra thế, chưa biết ăn thịt ăn cá, hay ăn rau ăn dưa, nhưng ngồi ở đâu, với ai là người ta đều đã có sắp xếp, có chủ ý cả rồi, không phải cứ “*a thắn phù*” muốn ngồi đâu thì ngồi.

Cũng có kẻ ngồi nhầm chỗ hoặc giả cố tình nhầm, thì phải hiểu không dễ đâu, rằng có thể, nếu còn may mắn, sẽ được điều chuyển về cho đúng chỗ. Còn kém may hơn là mất ăn luôn.

Đừng “*ngồi nhầm mâm*”, đấy là lời khuyên đối với mọi người, ở mọi lĩnh vực và ở mọi chỗ, mọi nơi. Mà thiết nghĩ, ngồi đúng mâm, đúng hạng, đúng bạn mới vui, mới có chuyện mà nói. Còn không, chả lẽ cứ cúi đầu mà ăn sao? Miếng ăn như thế có khi trở thành miếng nhục đấy!

571. Ngu dốt cộng với nhiệt tình cách mạng

Lênin, tên khai sinh là Vladimir Ilyich Lenin (tiếng Nga: Владимир Ильич Ленин), sinh ngày 22 tháng 4 năm 1870, mất ngày 21 tháng 1 năm 1924; là một lãnh tụ của phong trào cách mạng vô sản Nga, là người phát triển học thuyết của Karl Marx (1818 - 1883) và Friedrich Engels.

Lenin có một câu nói nổi tiếng, mà nhiều người Việt Nam trải qua thời kỳ xây dựng CNXH ở miền Bắc đến giờ vẫn không quên. Nó như một hồi chuông cảnh tỉnh cho mọi người, nhất là các cấp lãnh đạo: "*Ngu dốt cộng với nhiệt tình cách mạng thì thành kẻ phá hoại*". Làm cái gì cũng cần biết rõ việc mình làm, hiểu cách thức làm. Tỷ như người ta bảo chạy đằng đông mà cứ thực mạng về đằng tây, thì rõ ràng càng chạy càng xa đích.

Đáng tiếc là nay chuyện đó vẫn còn khá phổ biến ở ta.

572. Ngu si hưởng thái bình

Ngu si ở đây phải hiểu theo cả nghĩa đen và nghĩa bóng, nghĩa là ngu si đần độn và “giả chết bắt quạ”. Còn *thái bình* ở đây là an lành, không lo chuyện gì xảy ra.

Theo kinh nghiệm dân gian, *năng làm thì đổi, biết nói thì no, biết bò thì sướng* (xem mục 555). Biết việc, siêng năng thì chỉ có mà khổ, cứ việc gì người ta cũng ném mình ra, nên chẳng phải đâu cũng phải tai. Cái thằng ngu, chẳng biết việc gì, ai điên mà sai khiến. Đã không sai, thì nó khỏi làm, không những thế chẳng mất lòng ai, nên đến kỳ bình bầu chắc chắn là tiên tiến. Và cũng vì thế, đến hẹn lại lên lương. Và rồi như con rùa trong chuyện ngũ ngôん *rùa và thỏ xưa*, xin phép nói ngược ý, thằng kém nhưng khôn (gian) sẽ về đến đích trước. Sẽ thăng quan tiến chức. Đời là vậy, và thử nhìn trong cơ quan bạn xem có đúng không?! Chứ ở cơ quan tôi xưa, có nhiều cô cậu không viết được cái gì cho nên hồn, nay lên sếp cả rồi. Báo hại cho mấy thằng em tôi, lo cầy mà

không biết gặt, thành thử chỉ...
hay chửi đồng mà thôi!

Chuyện là vậy, nhưng cũng phải nói thêm ít dòng là dân cũng khôn, đúng ra là gian hơn một chút, nên mới xúi nhau giả ngu, giả dại để không ăn được gì thì cũng đỡ phải gồng gánh. Nhưng cuối cùng té ra vē đường cho hươu chạy, kể cả những kẻ ngu thật với ngu giả trộn vào với nhau, không còn ai biết đâu mà lẩn. Và hai trong một này, lại cùng mục tiêu giả điên kiếm tiền (*xem mục 369*), nên cuối cùng kẻ cơ hội lại nhân đôi. Cho tới một ngày, họ sẽ leo lên đầu ta là cái chắc.

Vậy *ngu si hướng thái bình* là đúng rồi. Câu này có từ thời bao cấp thứ hai (*xem mục 79*). Thế mới hay cái sự chậm tiến của ta là có thể hiểu.

573. Ngực tấn công, mông phòng thủ

Chỉ những cô gái ngực bụ, mông to, đúng hon là các cô gái cố tình khoe vốn tự có của mình.

Khoảng cuối những năm 1980, khi mà cả nước đua nhau



tổ chức thi hoa hậu, còn khách sạn, nhà hàng thì tuyển tiếp viên nữ có “ngoại hình dễ coi”. Trong chấm điểm ngoại hình, lúc đó được coi trọng hơn mọi tiêu chuẩn, thì chỉ số “ba vòng” (ngực, mông và bụng) là quyết định. Và câu thành ngữ “Ngực tấn công, mông phòng thủ” xuất hiện thời kỳ này. “*Ngực tấn công*” là ngực bụ, nhô ra – tấn công ra phía trước. “*Mông phòng thủ*” là mông bụ – to, ở phía sau – phòng thủ. Thật chẳng khác gì đang mô tả chiến thuật bóng đá vậy.

574. Người đẹp Bình Dương

(Theo Wikipedia) Thẩm Thúy Hằng là cô đào đẹp nổi tiếng của đất Sài Gòn trước 1975. Vai diễn đầu tiên của Thẩm là vai



Tam Nuong trong phim *Nguời đẹp Bình Dương* của đạo diễn Năm Châu, năm 1958. *Nguời đẹp Bình Dương* nổi nhu cồn. Từ đó, và thi thoảng đâu đó cho tới tận bây giờ, những người con gái đẹp, dễ thương cũng được ví là *Nguời đẹp Bình Dương*. Thẩm Thúy Hằng lập kỷ lục là diễn viên đóng nhiều phim nhất của thập niên 1950, 1960.

Thẩm Thúy Hằng tên thật là Nguyễn Kim Phụng, sinh năm 1941 tại Hải Phòng, cùng gia đình vào miền Nam và lớn lên ở An Giang. Năm 16 tuổi, Kim

Phụng tham gia và vượt qua 2.000 thí sinh khác, đoạt giải nhất cuộc thi diễn viên điện ảnh của hâng phim Mỹ Vân. Thẩm Thúy Hằng là nghệ danh mà Ông bà chủ hâng phim Mỹ Vân đã đặt cho Kim Phụng.

Trước 1975, bà là một trong “ngũ đại mỹ nhân” của nghệ sĩ Sài Gòn (4 người khác là: Kỳ nữ Kim Cương, Kiều Chinh, Thanh Nga và Mộng Tuyền); người có cát xê thuộc loại cao nhất lúc bấy giờ. Năm 1974, xuất hiện một số phân đoạn trong một bộ phim hài chiếu Tết, mà bà đã nhận được hơn 1 triệu đồng thời đó (khoảng 1 ký lô vàng 9999).

Sau 1975, Thẩm Thúy Hằng tiếp tục tham gia đóng nhiều phim như: *Nhu thế là tội ác*, *Ngọn lửa Krông Zung*, *Hồ sơ một đám cưới*, *Đám cưới chạy tang*, *Cho cả ngày mai*, *Noi gấp gỡ của tình yêu*... Ở lĩnh vực sân khấu, Thẩm Thúy Hằng có những vai diễn đáng chú ý trong *Cho tình yêu mai sau*, *Đôi bông tai*, *Hoa sim gai trắng*, *Biệt thự hoang tàn*... Vai diễn cuối cùng của Thẩm

Thúy Hằng là vai Phồn Y trong vở *Lôi Vũ* của đoàn kịch Kim Cương. Bà đã được nhà nước phong danh hiệu Nghệ sĩ ưu tú.

Chồng bà là Nguyễn Xuân Oánh, từng làm Phó thủ tướng kiêm Thống đốc Ngân hàng Việt Nam Cộng hòa, sau 1975 làm cố vấn kinh tế cho Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh, và Thủ tướng Võ Văn Kiệt.



575. Người đẹp làng Vũ Đại

Làng Vũ Đại là cái làng trong chuyện *Chí Phèo* của Nam Cao. Trong làng đó có Bá Kiến, Bình Chức, Chí Phèo (xem mục 183)... và Thị Nở, người tình và cũng là

người giúp cho dòng họ Chí còn tới bây giờ. Thị Nở là một người đẹp nổi tiếng với cặp môi như hai con đĩa vắt ngang... Và đẹp, trên cả những người đẹp là với nhan sắc sẵn có, cùng với tấm chân tình và nỗi cháo hành, Thị đã cảm hóa được anh Chí, để anh Chí có thể gào lên một câu đầy nhân tính: Tao muốn làm người tốt. Ai cho tao làm người tốt!?

Tác phẩm *Chí Phèo* của Nam Cao, ra đời năm 1941, thì khoảng 50 năm sau, nhân vật thứ hai trong chuyện của ông, Thị Nở, bước vào cuộc sống xã hội Việt Nam với cái tên mới: *Người đẹp làng Vũ Đại*; sinh sau anh Chí chừng chục năm.

Tuy nhiên *người đẹp làng Vũ Đại* thời nay lại là những cô nàng xấu mà còn làm duyên, hoặc xấu mà còn đóng vai ác; xấu mà không biết phấn đấu... dưới con mắt thanh niên, sinh viên thời nay.

576. Người giàu... người nghèo

Ngày xưa giàu, có khi bị quy là tư sản thì phiền. Nhưng nay giàu,

dù là giỏi giang hay ăn cắp, ăn trộm, tham ô, tham nhũng... thì cũng sang hơn người, tội gì mà không khoe. Và chỉ cần nhìn cái vỏ xênh xang bên ngoài cũng có thể biết được người giàu, kẻ nghèo. Nói thế chứ cũng còn khố ông giở hơi, ông cán bộ không ăn được gì nhưng vẫn sĩ, “giấy rách giữ lè”, ra đường lo sửa dáng cho giống người ta, vì vậy cũng dễ gây ngộ nhận.

Mấy anh ít tiền, chiều buồn, giải khuây tí tinh ở lề đường thế mà sáng mắt, hay thơ, ra hai câu rõ hết Tây – Ta, mà khỏi bình bụng gì:

*Người giàu đi xe hơi
uống bia ôm
Người nghèo đi xe ôm,
uống bia hơi.*

577. Nhà giàu phải gai

Những người có tiền nhiều, do ăn cắp hoặc tham ô, tham nhũng, thì hay dùng tiền để giải quyết mọi vấn đề, họ có câu nói làm kim chỉ nam, mà trùm băng đảng xã hội đen Năm Cam, trước khi sang thế giới bên kia

trối lại: Không có gì không có thể giải quyết bằng tiền. Nếu giải quyết bằng tiền không được, thì bằng nhiêu tiền hơn nữa. Muốn có bằng cấp, mua. Muốn thăng quan tiến chức, mua... Nhưng có những cái không dễ mua. Đó là tình cảm, là sự hiểu biết, là lương tâm của những con người sống có lý tưởng và trách nhiệm. Và một thứ nữa, đấy chính là khi họ... có vấn đề về trực trặc cơ thể họ...

578. Nhà mày có khỉ...



(Facebook, August 27, 2009) Hồ Chủ tịch thường hay quan tâm tới

chữ nghĩa, và Bác nhắc nhở các cán bộ phải lưu ý khi viết, khi nói bảo đảm sự trong sáng tiếng Việt.

Sau giải phóng Thủ đô một thời gian, trong một lần ghé thăm Nhà máy cơ khí Gia Lâm, nhìn tấm bảng treo ngoài cổng, Bác đọc cho mọi người cùng nghe: “Nhà máy có khỉ già lâm”. Và nhắc nhở phải bỏ dấu khi viết, tránh người ta hiểu sai nghĩa.

Vào thăm nông trường Sông Hiếu, cùng đi với đồng chí giám đốc vào trung tâm nông trường, Bác chỉ câu khẩu hiệu viết không dấu, Bác hỏi:... “Lam tra noi song” là gì? Đồng chí giám đốc nông trường, thưa đó là câu khẩu hiệu Hướng ứng chiến dịch “Lam Trà nổi sóng”. Bác bảo: Thế thì chú phải cho một người đứng đây để đọc dịch câu khẩu hiệu đó chứ. Khi Bác thăm xong nông trường thì câu khẩu hiệu cũng được sửa xong...

579. Nhà nước và nhân dân cùng làm

Đây là một chủ trương đúng đắn, không những huy động được nội

lực, sức người, của trong dân, mà còn khơi dậy trách nhiệm công dân, tình làng nghĩa xóm.

Theo trang TTĐT huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An 13/4/2011: Từ năm 2005 đến giữa năm 2007, đã có 59 nghị quyết về chủ trương huy động sức dân vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng, trong đó có 36 nghị quyết về xây dựng giao thông nông thôn do Hội đồng nhân dân xã, thị trấn ban hành. Trong 6 năm đó, đã làm được 177 km đường nhựa tuyến huyện, 366 km đường nhựa và bê tông tuyến xã, tổng cộng 543 km/ 485 km, chỉ tiêu, đạt 111,9%, bình quân xây mới gần 100km/ năm. Tổng giá trị thực hiện là 1.010 tỷ đồng. Trong đó, nhân dân đóng góp cho các công trình do xã làm chủ đầu tư là 87 tỷ đồng.

Tuy nhiên, cái gì cũng “nè” dân ra thì dù có nhiệt tình, sốt sắng mấy dân cũng không kham nổi. Không phải thuế thân, nhưng một công dân có khi buộc phải gánh đến cả chục thứ tiền mà không đóng không xong,

như: phụ thu học phí cho con, đóng góp cứu trợ ở cơ quan và cả ở phường. Rồi tiền dân phòng, tiền thông cống, tiền chiếu sáng đường hẻm... Đặc biệt là ngay cả việc trách nhiệm Nhà nước (có ngân sách) như làm đường, làm cống, giải phóng mặt bằng... cũng kêu dân thì thật lạ, dễ nảy sinh tiêu cực. Riết rồi dân tình than: Việc gì cũng “nhân dân và... quần chúng cùng làm”.

Chủ trương đúng, nhưng lạm dụng và thiếu kiểm soát, không những giảm hiệu quả mà đôi khi “lợi bất cập hại”.

580. Nhạt như đĩ điếc

Ý là gái mại dâm mà còn điếc. Chỉ trích những người nhạt nhẽo, vô duyên.

581. Nhân nghĩa bà Tú Đẽ

Bà Tú Đẽ, gọi theo cách xưa, thì bà là vợ một ông tú tài tên Đẽ, nhưng cụ thể ông ấy là ai, sống ở đâu, năm nào, thì tra cứu nhiều tài liệu không thấy có. Hay bà là vợ ông tú nào đó thật, nhưng Đẽ, chỉ là cái danh xưng mà dân

gian đặt cho bà vì bà là người sống có nhân nghĩa, hiếu lễ, có lòng thương người và đối xử tốt với bạn bè, với người xung quanh mình, hiếu với cha mẹ và sống với anh chị em trong nhà hòa thuận, có trên có dưới.

Nhưng như vậy lại trực trặc vì không hợp với ngữ cảnh, khi câu thành ngữ này nhằm chỉ người thiếu nhân, thiếu nghĩa. Nói sát thực, cụ thể hơn là bà chỉ nhân nghĩa giả tạo. Có một chuyện không xác thực, nhưng phù hợp, nên dẫn ra như một minh họa.

Tương truyền bà Tú Đẽ đi xúc tép, mỗi lần vót tép bỏ giò bà nói với tép một câu “nhân nghĩa”: Bà xúc mày lên cho bọn cò nó khỏi mổ mày nhé. Cũng có nghĩa là bà ăn mày để mày không bị cò ăn đầy.

Bà tôi, nếu còn, nay cũng gần 130 tuổi, thì bảo: Bà Tú Đẽ là người chẳng bao giờ bỏ ra cái gì cho ai, chỉ lấy của người này đưa người khác mà thôi.

Nước mắt cá sấu, của người phúc ta, muộn hoa cúng Phật... cũng mang ý nghĩa như vậy.

582. Nhất cự ly, nhì tốc độ

Các cụ xưa dạy, trong quan hệ nam nữ: “*Lửa gần rom lâu ngày cúng bén*”. Và “*Lấy vợ thì lấy liền tay/ Chờ để lâu ngày lầm kẻ dèm pha*”. Thời nay, chính xác hơn là từ những năm 1960 – 1965, thanh niên (Hà Nội) đã điều chỉnh lại cho hợp thời: “*Nhất cự ly nhì tốc độ*” – Ở gần lợi thế hon cả, nhưng chưa hoàn toàn quyết định. Yếu tố “*tốc độ*” được xếp thứ nhì, cũng có khi quyết định. Vì ở gần mà không tiếp cận đối tượng sóm, có khi cũng trở thành kẻ đến sau.

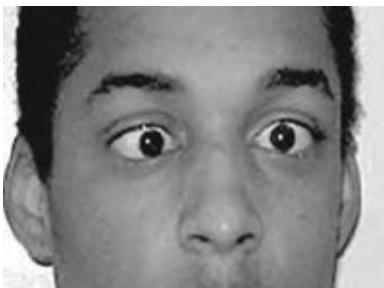
583. Nhất gạo nhì rau...

Câu ca của một thời bao cấp, giai đoạn 2, từ 1964 đến trước 30/4/1975, cũng có thể ứng với cả giai đoạn 3, từ 1975 đến trước thời kỳ đổi mới 1986. Có lẽ cũng không cần phải bình luận, giải thích gì, vì đã quá rõ:

*Nhất gạo nhì rau
Tam đậu tứ muối
Thịt thì đuổi đuổi
Cá biển mất mùa
Đậu phụ (tàu hũ) chua chua*

*Nước chấm nhạt thêch
Mì chính (bột ngọt) có đêch
Vải sợi chua vè
Săm lốp (vỏ ruột xe đạp)
thiếu ghê
Cái gì cũng thiếu.*

584. Nhất lé...



Không rõ nguyên do, nhưng có lẽ bằng vào kinh nghiệm kiểm chứng lâu đời, các cụ xưa chỉ ra tứ quái gian ngoan (gian nhưng khéo che giấu): “*Nhất lé, nhì lùn, tam hô (răng vẩu), tứ rõ*”. Và còn nói rõ hơn: “*Đừng chơi với thằng lé/ Đừng ghé nhà thằng lùn*”.

Có không ít người cho rằng: *lé, hô, rõ* thì không rõ, chứ đa số làm lớn... thường *lùn*!?

585. Nhất liều...

Có một cách xếp hạng khác trong cuộc đua tình trường. Đó là: “*Nhất liều, nhì dai, tam tài, tú đức*”. Thanh niên thời nay mà không dám bày tỏ, cứ rụt rụt, rè rè, ai biết mình muốn gì, nhất là với phái đẹp. Không lẽ để người ta hỏi trước?! Như thế người tấn công trước sẽ chiếm ưu thế. Nhưng sự đeo bám kiên trì – dai dẳng cũng là một yếu tố “nước chảy đá mòn”. Các cậu tú, cậu cử, cậu thạc, thậm chí cậu tiến... bây giờ như lợn con, trước mắt các nàng, mấy cái mảnh bàng (có khi nhò mua mà có) không có giá trị “hồi môn”. Vì vậy cái gọi là tài bị xếp xuống hàng thứ ba.

Còn “đức” thì sao? Không mài ra mà uống được. Ngày xưa bảo: “*Có đức mặc súc mà ăn*”, nhưng, nay có vị bảo: “*Tôi muốn có nhiều tiền hơn, để sinh lê nghia nhiều hơn*”. Có thể hiểu, nay tiền sinh ra đức, vì vậy các nàng khi đi tìm một nửa của mình, thì xếp “đức” ở cuối cùng.

586. Nhất mục

Lại chuyện con chó, chuyện thịt cầy. Nhưng càng nhắc lui, nhắc tới càng thấy các cụ ta xưa, làm cái gì cũng nghiên cứu, xem xét kỹ lưỡng lắm. Từ cách làm món ăn với những cách thức chế biến, cho tới gia vị... nhất nhất đều có “công thức” cả. Cú thử xem, thu chó nhất định phải dùng rom, lửa luôn cháy to đều mà không quá nóng. Còn cái dồi... *chết xuồng âm phủ không có mà ăn*, thì dứt khoát phải cuốn mỡ chài, nướng lá ổi cho nó vàng ươm và thơm ngây...

Và cũng không quên một điều là cái đầu vào, cái con chó sống ấy, như thế nào thì anh bếp mới có thể yên tâm trổ tài nấu nướng.

Bằng kinh nghiệm ăn mòn răng, các cụ phán: *Nhất mục, nhì vàng, tam khoang, tú đốm*. Thịt chó mục – chó đen là ngon nhất, cũng có người nói là cho trắng (*nhất bạch*)...

Nhưng có phải dân làm chó bây giờ cao tay hơn xưa nhiều không, mà các bợm nhà ta chẳng

ai không vỗ ngực là sành ăn, ấy thế mà xoi cá chó xà mâu, chó ốm bệnh được chôn dưới đất cả tuần cho nó nở ra, căng ra, tròn như chó các đại gia,.. vẫn gật gù vỗ đùi “Tiên sư anh Tào Tháo”.

587. Nhất phao câu...

Trong con gà, con vịt thì phần nào là ngon nhất. Tất nhiên mỗi người, mỗi lứa tuổi có thể khác nhau. Trẻ con thì thường nhăm hai cái đùi, thanh niên, trung niên, cái úc, cái lườn...

Các cụ thì bảo các cụ thích... *Nhất phao câu, nhì bầu cánh*, (có người bảo là đầu và cánh). Đấy là phần ngon nhất của con gà, con vịt.

Cái phao câu thì béo ngậy tới cổ. Còn đầu, cổ, cánh toàn xương ngon cái nỗi gỉ?!

Hồi bé, bà tôi thương tôi lắm và tôi cũng rất thương bà, thường bám đít bà nên có khi biết những chuyện mọi người không biết về bà. Bà hay ăn cháy cơm, nói là thích, nhưng miệng chỉ còn mấy cái răng, cứ móm mềm mai không hết miếng

cháy bằng ba ngón tay. Một lần không ai, tôi hỏi bà: Bà ăn cháy, có nhai được đâu mà cứ bảo ngon? Bà cười móm mềm. Ai cũng thích ăn cơm cá, bà không ăn ai ăn? Bỏ đi thì phí của giời, roi của Phật, tội chết. Như vậy, liệu có phải cái gì các cụ bảo thích là thích thật không?

Bây giờ các cụ đã đi xa cả rồi biết hỏi ai!? Nhưng mình cũng đã lên cụ rồi con gì, cứ hỏi mình đi.

Đúng là cái phao câu béo ngậy, nhưng thời buổi xưa có được miếng thịt ăn là quý, lại còn được miếng vừa mềm vừa thơm, không có răng, cắn miếng phao câu như cắn miếng giò lụa; lại chỉ vừa đúng một miếng, thì không quý sao được.

Thế còn đầu, cánh, hay bầu cánh thì sao? Cái đầu, cái cánh nếu biết luộc vừa chín thì ăn giòn, không dai, không ngấy. Đặc biệt thịt chõ này tuy ít, nhưng mỡ, nạc xen lẫn nên ăn rất ngon. Còn cái đầu cũng vậy, luôn lách trong các hốc xương, là những sớ thịt nhỏ nhưng rất ngọt thịt, lại còn tủy, não, mắt,

lưỡi, mỗi thứ tí tí nhung bất cứ phần thịt nào cũng không có được, mà ngon thì khỏi bàn.

588. Nhất thân... ngũ ché

Trong các mối quan hệ xã hội, xưa được sắp xếp theo trật tự: *Nhất thân* (những người có quan hệ họ hàng, gần gũi), *nhiết thể* (cương vị thuận lợi), *tam quyền* (quyền hạn của một người trong bộ máy nhà nước), *tứ ché* (chế độ được đai ngộ theo quy định).

Bây giờ theo dân gian, trật tự đó có thay đổi: *Nhất thế, nhì quyền, tam thân, tứ ché*. Cũng có nhiều ý kiến cho rằng, với cả hai trường hợp trên, “*nhiết tiền*” có vẻ đúng hơn. Vì rõ ràng, tiền bây giờ có một sức mạnh ghê gớm!

Và câu có lý nhất là: “*Nhiết tiền, nhì thế, tam quyền, tứ thân, ngũ ché*”.

589. Nhất thủ, nhì vĩ

Thủ là đầu, vĩ là đuôi, có người cho rằng đây là nói tới những miếng ngon ở con gà, con vịt. Cũng có người cho rằng, đấy là nói về cá mú. Vì gà vịt, thì đã

có câu “*nhiết phao câu, nhì bầu (hay đầu) cánh*” (xem mục 587) rồi. Không lẽ các cụ phán rồi nay lại phán lại sao? Và hơn nữa các cụ còn chỉ rõ “*Đầu chép, mép trôi, môi mè, ghe trắm*”(xem mục 280), là nhung phần trên các loại cá được xếp hạng ngon đó sao? Bỏ nhỏ chút, phao câu thì nằm ở phần đít con gà, con vịt thật, nhưng không ai gọi là đuôi. Đuôi gà, vịt toàn lông thôi, không xoi được.

Thường trong con cá, khúc giữa toàn nạc, nhưng vị ngọt. Còn khúc đầu và đuôi, thì... cứ xem lại mục 280... sẽ rõ.

590. Nhất trụ...

Sau 30/4/1975, trong giai đoạn đầu tiếp quản miền Nam, đặc biệt là Sài Gòn – TP.HCM, vấn đề hàng đầu là bảo đảm mọi hoạt động bình thường cho thành phố. Mọi công việc đều phải lo, từ an ninh trật tự, đến điện nước, rồi cơm áo, gạo tiền. Đặc biệt là hoạt động của các công sở với những bộ máy hầu hết thiếu đầu não vì đã di tán hoặc đi học tập...

Chính vì vậy, tổ chức cán bộ có nhiều mối quan tâm, phải bổ sung từ nhiều nguồn.

Không hiểu có chỉ đạo gì không, nhưng có 4 nguồn bổ sung cán bộ và được ưu tiên sắp xếp theo thứ tự: Một là những người trụ lại – hoạt động thành, nắm rõ tình hình (địch – ta) hoạt động và nhân sự cũ ở các công sở. Hai là, những người ở trong chiến khu, trong cứ ra. Ba là, những người cách mạng được giải thoát từ các nhà tù chế độ cũ. Và cuối cùng là cán bộ tập kết về.

Dân gian từ đó có câu: “*Nhất trụ, nhì khu, tam tù, tứ kết*”.

591. Nhất y nhì được...

Ngành giáo dục hiện nay quá nhiều bất cập và lúc nào cũng có thể hụ còi báo động. Nhưng công bằng cũng có những bước tiến đáng kể. Chỉ tính số lượng ngành nghề đào tạo bây giờ cũng có thể thấy tăng gấp nhiều lần so trước đây. Và những sĩ tử của ta có tới 3 quyền chọn lựa để mà dùi mài kinh sử.

Nhớ lại thời kỳ trước 1975, giáo dục miền Bắc, dù được bao cấp – lúc đó toàn trường công và đi học gần như được miễn phí, chỉ đóng ít đồng cho có lệ – nhưng chọn lựa thì thật là ít, quanh đi quẩn lại chỉ có mấy trường. Vì vậy, các sĩ tử bình và than rằng:

*Nhất y nhì được
Tam được bách khoa
Tổng hợp bỏ qua
Chuột chạy cùng sào
mới vào sư phạm.*

Sư phạm thế là đã bị xếp hạng chót từ xưa rồi, hèn chi cái sự học của ta bây giờ vẫn cà ạch cà lui hoài.

592. Nhiều nhanh tốt rẻ

Lẽ thường buôn bán ai chẳng muốn tăng thu, giảm chi. Nhưng trong sản xuất, có 3 phạm trù luôn đối lập nhau. Đã nhiều thì không thể nhanh, mà nếu nhiều lại còn nhanh thì chất lượng không thể tốt. Mà đã tốt (máy móc thiết bị hiện đại, công nghệ cao) thì không thể rẻ. Thế nhưng “*Nhiều, nhanh, tốt, rẻ*” vẫn là

một khẩu hiệu, một phong trào được phổ biến rộng hàng chục năm xây dựng CNXH ở miền Bắc và vẫn còn giá trị tuyên truyền nhiều năm sau ngày đất nước thống nhất.

Thành ngữ trên đã thâm vào máu người làm ăn Việt phần nào. Trong sản xuất, chúng ta vẫn luôn phấn đấu làm nhanh làm kịp và vượt tiến độ. Rẻ nữa, đấu thầu công trình thường được chú trọng giá bỏ thầu hơn là công nghệ, kỹ thuật cao và độ tin cậy... Chúng ta vẫn luôn được chứng kiến các công trình lý phải có độ bền hàng chục, thậm chí hàng trăm năm mà hỏng, sụp đổ ngay cả khi chưa bàn giao. Nặng thì như cầu Cần Thơ (8 giờ sáng 26/9/2007, sập 2 nhịp dẫn, làm 37 người thiệt mạng), nhẹ thì lún, sụt như đường cao tốc TP.HCM – Trung Lương ngay sau thông xe khai thác tạm thời từ ngày 3/2/2010, đã xuất hiện nhiều ổ voi, rãnh nứt... Trưa 26/12/2011, trong lúc các đơn vị thi công đổ bê tông xây cầu nối từ trung tâm xã

Bình Dương vượt sông Trà Bồng qua thôn Đồng Min (Bình Sơn, Quảng Ngãi), bất ngờ đâm cầu đổ sập hất văng hai công nhân đang làm việc xuống sông khiến họ tử vong. Nạn nhân là Nguyễn Minh Quang, 33 tuổi, ở TP Quy Nhơn (Bình Định) và Trương Văn Hội, 33 tuổi, ở huyện Núi Thành (Quảng Nam).

593. Nhũn não

Sự hình thành huyết khối ở não làm tắc động mạch não khiến cho tổ chức não thiếu máu nuôi dưỡng gây ra bệnh nhũn não.

Biến chứng của nhũn não, do xuất huyết não sẽ gây liệt nửa người hoặc chết đột ngột. Thường gặp nơi người trung niên và có tuổi... Khốn khổ nhất là chết lâm sàng – sống đời sống thực vật. Sống đầy, nhưng chỉ như cái cây, ngon cỏ có nghĩa là vẫn cần tiếp thức ăn, oxy, nhưng không còn hiểu biết gì, chủ động được gì trong sinh hoạt, giao tiếp.

Nói ai đó là đồ *nhũn não*, thì đó là câu rủa độc địa. Nhưng cũng có lúc chỉ là câu chọc quê

bạn bè: *Ôi, cái đồ nhũn não, chuyện nhỏ như con thỏ vậy mà không biết à?!*

594. **No lưng ấm cật...**

Từ điển Thành ngữ Việt Nam, NXB Văn hóa, 1993: *No lưng ấm cật*, là no đủ. Từ điển tiếng Việt, NXBKHXH, 1988: Rứng (dừng) mõ: Có cử chỉ đùa bỡn quá trớn, tựa như dư sức mà không biết làm gì. Và *dậm dật* hay *rậm rật* cũng vậy, là có một nhu cầu nào đó từ bên trong, khiến cơ thể không thể yên được.

Như vậy có thể hiểu, “*no lưng ấm cật, đậm dật mọi nơi*”, nghĩa là ăn no, không có việc gì làm, dư thừa năng lượng, đi tìm những thú vui chỗ này, chỗ khác.

Nhưng dân gian cũng có câu, *nhàn cư vi bất thiện*. Như thế “dư hơi” đi quậy, thì khó tránh khỏi làm những chuyện không tốt lành gì.

595. **Nói tiếng Đan Mạch**

Có một đạo, người Việt mình cư xử tể nhị, lịch sự và có văn hóa lắm, túc điên lên rồi vẫn ăn nói

nhã nhặn. Trong cách ăn nói đó có một câu, cũng ghi dấu một thời, và theo cá nhân thì nó cũng giống như hiện tượng trước và sau đổi mới vậy.

Đây là chỉ dùng tiếng Đan Mạch để cho đối tượng biết khó chịu đã lên tới cao trào, sấp bùng phát. Này tôi nói cho cậu biết, tôi sấp (muốn) nói tiếng Đan Mạch rồi đấy. Tiếng Đan Mạch ở đây không có nghĩa là nói theo ngôn ngữ nước Đan Mạch, mà viết tắt (D.M) của tiếng “á... đù” đấy.

Với những người hễ mở mồm là *đu*, thì người ta cũng nhẹ nhàng phản ánh: Nó lại nói tiếng Đan Mạch đấy.

Còn sau đổi mới, nhất là khoảng một chục năm trở lại đây, người ta lập luận: Chửi là để tỏ thái độ rõ ràng, dứt khoát không đồng tình mà không cần chứng minh gì thêm. Chửi là để xả xú náp, khi bức tức cà hông mà chẳng nói được gì, đúng ra là chẳng được nói gì. Và như thế rõ ràng chửi cũng là một hình thức giáo dục cho những ai cần phải chửi thẳng vào mặt.

Nghe rất có lý, đúng không. Và thế là bây giờ không phải chỉ mình anh Chí (Phèo) chửi cả làng, mà bây giờ cả làng đều chửi lung tung. Nam phụ lão ấu, ai cũng sẵn sang đù, ngay cả khi vui cũng đù cho nó rôm rả. Đến cả người Hà Thành được tiếng là thanh lịch, mà nay chấp nhận ăn cả bún mắng cháo chửi (*xem mục 118*).

Vậy là bây giờ người ta đã chấp nhận lấy những lời lẽ, cách làm vô giáo dục để mong giáo dục người khác sao? Thế thì loạn đấy.

596. Nồi đồng cối đá

Không phải nói về đồ cổ thời đồ đá, đồ đồng... mà muốn nói tới cái đặc tính bền chắc của “*nồi đồng, cối đá*”.

Nồi đồng, cối đá cũng là hai vật dụng thường ngày trong các gia đình xưa.

Ai đã từng dùng thau đồng, nồi đồng (làm bằng đồng thau, đồng đúc) thì rõ, bền vô địch. Nếu có bị thủng lỗ, chỉ cần một miếng đồng, miếng nhôm, vừa bằng chõi thủng, là có thể tự vá

được. Còn cối đá thì khỏi bàn, cho đậm củng chẳng dễ gì.

Vì thế, khi nói tới cái gì bền chắc, khó hư người ta thường ví chắc như “*nồi đồng, cối đá*”.

597. Nông dân đã nói...

Sau cách mạng tháng 8/1945, có đến 90 % dân số Việt Nam là nông dân. *Và hiện nay* vẫn là lực lượng lao động xã hội đông đảo, chiếm hơn 70% dân số và trên 50% lực lượng lao động xã hội. Chính vì thế, Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong phát biểu tại Đại hội Công đoàn tỉnh Thanh Hóa lần thứ 6 ngày 19/7/1960, đã xác định: “*Nước ta là một nước nông nghiệp..., muốn phát triển công nghiệp, phát triển kinh tế nói chung phải lấy nông nghiệp làm gốc. Nếu không phát triển nông nghiệp thì không có cơ sở phát triển công nghiệp vì nông nghiệp cung cấp nguyên liệu, lương thực cho công nghiệp và tiêu thụ hàng hóa của công nghiệp làm ra*”. Sau đó, ngày 20/1/1969 trong bài “*Con đường phía trước*” với bút danh C.K đăng trên Báo

Nhân dân, Bác chỉ rõ: “*Nước ta vốn là nước nông nghiệp lạc hậu, đó là chỗ bắt đầu đi của chúng ta... Đời sống nhân dân chỉ có thể dồi dào khi chúng ta dùng máy móc để sản xuất một cách rộng rãi: dùng máy móc cả trong công nghiệp và nông nghiệp.., đó là con đường phải đi của chúng ta*”.

Và cũng lâu rồi, không rõ nguồn, nhưng ANTD 29/06/2008, nói đó là từ sách giáo khoa phổ thông, cách đây 50 – 60 năm có một bài thơ về nông dân:

*Nông dân đã nói là làm
Đã đi là đến,
đã bàn phải thông
Đã quyết là quyết một lòng
Đã tranh là đấu
đã vùng là lên..."*

Bài thơ nôm na, nhưng nói lên được sức mạnh dời non lấp biển của người nông dân Việt Nam. Và cũng là tử huyệt của ta. Đảng ta cũng nêu rõ vấn đề này trong Đại hội Đảng VI (12/1986), Nghị quyết 10 Bộ Chính trị (5/4/1988), rồi Nghị quyết 26 của Ban chấp hành Trung ương khóa 10, 5/8/2008...

Và người nông dân Việt cũng thể hiện rõ sức mạnh của mình, khi từ một nước thiếu đói lương thực vươn lên xuất khẩu lúa gạo (2013, đứng thứ hai thế giới sau Ấn Độ), cà phê (2012, vượt qua Brazin, trở thành nước đứng đầu..), tôm (2013: đứng thứ ba)...

Tuy nhiên đáng buồn là hiện nay, nông dân và cả công nhân vẫn là những người khổ nhất, thiểu thốn nhất.

Xây dựng nông thôn mới, là một chuyển động tích cực, và sẽ thành công nếu giám sát tốt, chống được nạn bòn rút của công – của người dân. Theo Tuổi Trẻ - 25/01/2014:

Những ngày qua, nhiều người dân ngụ xã An Phú Tân (huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh) phản ánh nhiều tuyến đường đan trên địa bàn xã xuống cấp do bị rút ruột trong quá trình xây dựng.

598. Nợ công

Khái niệm này, cách đây chừng dăm bảy năm, dân Việt chúng ta chẳng hiểu gì, cứ ù ù các cụ như vịt nghe sấm. Và muốn tra

cứu cũng chẳng tìm thấy sách nào ghi. Nay giờ mới tá hỏa tam tinh.

Giải thích ngắn gọn: *nợ công* hoặc *nợ quốc gia*, là tổng giá trị các khoản tiền mà chính phủ thuộc mọi cấp từ trung ương đến địa phương đi vay. Và để dễ hình dung quy mô của *nợ chính phủ*, người ta thường đo xem khoản nợ này bằng bao nhiêu phần trăm so với Tổng sản phẩm quốc nội (GDP)..

Câu chuyện “nợ nần” ở những nền kinh tế phát triển, từ “ông lớn” Mỹ cho đến một số nước khu vực sử dụng đồng tiền Euro đang trở thành chủ đề nóng bỏng trên toàn cầu.

Tại Việt Nam, có thể nói, từ những tháng cuối năm 2010, *nợ công* đã được bàn tới rất nhiều (*Kiểm toán nhà nước – Bàn về vấn đề nợ công ở Việt Nam*).

(Theo *Saigontiepthi*) Uớc tính đến hết năm 2012, tổng nợ công của Việt Nam khoảng 55,4% GDP. Tuy nhiên nếu tính cả khoản nợ nước ngoài của khu vực doanh nghiệp (chủ yếu

là doanh nghiệp nhà nước – DNNN) không được Chính phủ bảo lãnh, nợ bằng trái phiếu trong nước không được Chính phủ bảo lãnh khác của DNNN thì nợ công của Việt Nam có thể lên đến khoảng 95% GDP, vượt xa ngưỡng an toàn (60% GDP).

Những thông tin trên được công bố trong nội dung bản báo cáo do nhóm tư vấn chính sách vĩ mô thuộc Ủy ban kinh tế của Quốc hội phát hành ngày 22/11/2012, mang tên: “*Thách thức còn ở phía trước*”.

Tất nhiên với chúng ta, chúng ta không sợ... vì chúng ta đã cao tuổi rồi, không biết ông bà gọi đi lúc nào. Và đến khi đó... con cháu chúng ta sẽ là người có trách nhiệm trả nợ.

599. Nuôi bệnh

Chăm sóc bệnh nhân, khi cần thiết phải nuôi dưỡng là điều tất yếu, và cũng là lợi ích cho ngành y tế. Vì vừa có điều kiện để tìm hiểu, theo dõi bệnh nhân kỹ càng hơn, vừa phát triển thêm được các dịch vụ như phòng ốc,

ăn uống, thuốc men... tăng thu nhập cho cơ sở y tế.

Và từ khi cơ chế thị trường vào Việt Nam, thì khám chữa bệnh không còn là tính ưu việt của CNXH nữa. Ngoài một số người được ưu tiên một, ưu tiên hai, cùng với một số bệnh viện dành riêng, thì mọi người dân đều bình đẳng... đóng tiền theo giá cả thị trường. Và cũng từ đó khám chữa bệnh dịch vụ trả thanh... tay mặt, nuôi tay trái của ngành y tế. Dịch vụ luôn tốt hơn, mà giá thì chỉ... theo giá thị trường... do bệnh viện quyết định thôi.

Và cũng từ đây việc nuôi bệnh được coi trọng, chỉ một chút xíu gì đó, người bệnh cũng được tư vấn và chăm sóc liền – xưa như thế bác sĩ sẽ hướng dẫn bệnh nhân về nhà tự lo, nay bệnh viện chăm sóc luôn. Bệnh nhân có mỗi việc nghe lời và chuẩn bị tiền cho đầy đủ là ok.

Mà muốn nuôi bệnh, có những trường hợp phải giữ được bệnh nhân ở lại phòng dịch vụ, hoặc tư vấn cho bệnh

nhân đừng lơ là tái khám và mua thuốc. Vì lẽ đó có những người được gọi là lương y đã có nhiều chiêu thức để kéo dài thời gian điều trị của bệnh nhân ra. Dân gian gọi đó là “nuôi bệnh” – nuôi cho bệnh... lâu khỏi để được tiếp tục tận tình phục vụ bệnh nhân.

Đây là một vấn đề hết sức tê nhị, chỉ có chính ngành y tế mới có thuốc trị.

600. Nữ nhi ngoại tệ

Thời phong kiến, phụ nữ bị coi là “ngoại tộc”, và “Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô” – một trai cũng là có, mười nữ cũng là không. Thời bao cấp, bình đẳng giới luôn được đặt ra. Nhưng đến thời mở cửa thì Hồng Kông, Đài Loan, Hàn Quốc... đều thích gái Việt. Thế là các kiều nữ Việt Nam lên giá. Và do tiền Việt mất giá, nên mọi giao dịch phải tính bằng USD, bằng Euro... Nữ nhi bây giờ không phải là “người tộc” nữa mà “Nữ nhi ngoại tệ”.

Theo Hội nghị toàn quốc về hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài - diễn ra ngày

22/4/2011 tại Cần Thơ: Từ năm 1998 tới nay, cả nước có khoảng 272.000 phụ nữ Việt Nam kết hôn với công dân của trên 50 quốc gia, vùng lãnh thổ; trong đó tỉ lệ cao là Đài Loan (30%), Mỹ (13,87%), Hàn Quốc (12%), Trung Quốc (10,86%).

601. Nước mắm đại dương

Cũng giống như “*canh đại dương*”, một chảo nước lớn... mênh mông, nêm một ít mắm muối, tốt hơn là chút bột ngọt, thêm một vài cọng rau xanh, trôi nổi trên mặt. Những năm khoảng 1964 – 1975, nước mắm, nước tương cho sinh viên học sinh ăn là nước muối pha loãng, cho tí nước chè (trà) vào cho nó gióng giống thật, đánh lừa thị giác.

Dúng là nước mắm đại dương thật, vì nó mặn chát và cũng nhiều như nước biển vậy. Muốn bao nhiêu cũng được. *Vô tư đi*.

602. Nước sôi

Câu này vốn xuất xứ trong Nam, chủ yếu là ở Sài Gòn. Và có lẽ bây giờ cũng chỉ dùng trong

Nam thôi. Nhưng phải nói là nó ấn tượng và tác dụng vô cùng.

Thứ vào một cửa hàng người Hoa, tấp nập người ra vô. Đang ngồi yên vị, có khi đang cầm cúi ăn, chợt nghe: *Nước sôi! Nước sôi đây!* Là mọi người đưa mắt tìm xem âm thanh đó phát ra từ đâu, và rồi đều ngồi thẳng người, thu gọn lại để “*nước sôi*” đi qua. Thực ra không hẳn là nước sôi mà có thể là một món ăn nào đó mới được bung lên cho thực khách, cần được ưu tiên đi nhanh, an toàn.

Nước sôi! Nước sôi! Cũng giống như tiếng còi ô tô, xe máy xin đường vậy. Mong chú ý giùm.

603. N.V.L.



Cuối tháng 5 năm 1987, trên trang nhất Báo *Nhân Dân* xuất hiện một bút danh mới *N.V.L* với mục *Nói và Làm*. Theo lời kể của nhà báo Hữu Thọ: “*Tối 24-5-1987 là phiên tôi trực ban biên tập. Vào khoảng 17 giờ 30, khi mọi người đã về, tòa soạn chỉ còn tôi và ban thu ký trực hôm đó thì đồng chí thường trực ở cổng 71 Hàng Trống đưa vào một phong thư nói là của một người đứng tuổi đi xe ôtô *Lada* màu sữa gửi ban biên tập. Tuy không đóng dấu hỏa tốc nhưng do phong bì của Văn phòng Trung ương nên tôi mở ngay. Trong phong bì có thư và một bài báo viết tay. Bức thư ký tên Nguyễn Văn Linh, nói rõ là gửi bài báo, nếu ban biên tập thấy được thì đăng. Còn bài báo có đầu đề “Những việc cần làm ngay”, ký tên NVL.*

Sau đó “*Những việc cần làm ngay*” liên tiếp xuất hiện trên Báo *Nhân Dân* với cùng một tác giả NVL. Những bài báo ấy không những có những tác động rất mạnh trong công chúng, trong cán bộ, đảng viên mà còn là ngọn gió mới khích lệ, động viên báo giới vào cuộc chống tham nhũng, khiến báo chí thực sự trở thành một công cụ sắc bén, khoét sâu vào những ổ tham nhũng nặng cǎn.

NVL, hay “*Nói và làm*” chính là Nguyễn Văn Linh, Tổng Bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng, kiêm Bí thư Đảng ủy Quân sự Trung ương (1987). Ông được xem là người mở đường và có công lớn trong công cuộc đổi mới nền kinh tế Việt Nam.

O

604. OK, Salem



Nếu xét về mặt từ ngữ, có một thủ đô của tiểu bang Oregon, cũng mang tên *Salem* và là quận lỵ của quận Marion. Cho đến 1 tháng 7 năm 2006, *Salem* có 149.305, với dân số vùng đại đô thị là gần 400.000, là thành phố và vùng đại đô thị lớn thứ hai tại Oregon (sau Portland).

Salem được lấy từ tiếng Hebrew là *Shalom*, và tiếng Á Rập là *Salam* cả hai đều có nghĩa là “hòa bình”. Trong lịch

sử, *Salem* có biệt danh là “thành phố cherry”, vì sự quan trọng của công nghiệp trồng cây cherry.

Salem được thành lập như một thành phố năm 1857 và trở thành thủ phủ Oregon hai năm sau đó khi Oregon trở thành một tiểu bang của Hoa Kỳ (*nguồn: Thuynaga online*).

Thế nhưng còn một *Salem* nữa, và đó là điều mà chúng ta muốn nói tới.

Trong khoảng thời gian sau 1964, lúc mà quân Mỹ ồ ạt tràn vào Miền Nam Việt Nam, từ Sài Gòn xuất hiện một cụm từ mới, từ bọn trẻ bán thuốc lá, đánh giày... khi gặp lính Mỹ chúng hay xin thuốc lá và nói: “OK Salem”! Riết rồi từ ngữ này trở thành như: tốt rồi! hoặc: “đồng ý”. SALEM còn được thanh niên thời đó

diễn giải thành: “*Sao Anh Làm Em Mệt*”, và đọc ngược lại là: “*Mà Em Làm Anh Sướng*”. (TT)

605. 0 mèo (gái - được coi là mèo)

O là cô gái, cũng là nàng niu, chiêu chuộng, không chừng, là o ép, bức bách vào thế bí. Đều đúng cả. Nhưng cái con mèo ở đây lại là mấy cô nàng đáng yêu, cần được nâng niu, chiêu chuộng. Thế nên, nói ngay ra thì “o mèo” là việc tán tỉnh các cô gái của mấy anh con trai. Và đây là ngôn từ của dân Nam bộ.

vật Oshin đã được yêu mến không chỉ những người Nhật Bản mà còn ở nhiều nước trên khắp thế giới.



606. Oshin

Là tên một bộ phim truyền hình nhiều tập của Nhật Bản kể về cuộc đời của Oshin sinh vào cuối thời kỳ Meiji (Minh Tri) cho đến đầu thập niên 1980.

Oshin là một biểu tượng của sự kiên nhẫn và không chịu khuất phục của một người phụ nữ kể cả trong những tình huống khó khăn nhất. Trong phim Oshin là một cô gái đi làm thuê - ở đợt. Phim Oshin và nhân

Phim dài 297 tập, đã được chiếu ở 59 quốc gia. Năm 1994, phim được chiếu tại Việt Nam và đã tạo nên một cơn sốt. Và từ đó, “oshin” trở thành từ tiếng Việt có nghĩa “người giúp việc trong gia đình”.

607. Ô kê con gà đen

Theo âm Hán – Việt, ô là đen. *Khóp con ngựa, ngựa ô...* là con ngựa đen đó. Còn kê là con gà. Trong bài *khách đến chơi* của

Nguyễn Khuyến, có câu: *Nhà có con kê/ Nó vừa nhảy ổ/Bắt ra mà mổ/kể cũng thương tình...,* con kê nhảy ổ là con gà mái ghẹ. Như thế ô kê nghĩa là con gà đen, rõ rồi sao còn lặp lại nữa. Một lối chơi chữ thô, đơn giản là Đồng ý rồi, cứ yên tâm. Giống như *ok salem* ấy mà.

608. Ô ten đờ la hiên

“Ô ten” (Hotel, tiếng Anh – Pháp) là khách sạn. “Hiên” là mái che ngoài căn nhà. “đờ la”, chẳng có nghĩa lý gì, chỉ “đế” vô cho có vẻ tiếng Tây thôi.

“Ô tel đờ la hiên”, nôm na là khách sạn ngoài hiên nhà. Những kẻ bụi đời, không nhà và có khi là cả những cô cậu con nhà giàu, muốn đi “bụi” tìm cảm giác lạ, thường hay nghỉ ở “Ô ten đờ la hiên” noi mình muốn qua đêm.

609. Ông Ba mươi

Thời Gia Long có lệnh cấm giết hổ. Nếu kẻ nào lỡ tay giết chết hổ thì bị phạt ba mươi trượng. Còn nếu bắt sống thì được thưởng ba

mươi quan tiền. Có lẽ cũng vì lệ này mà hổ còn được gọi là “Ông Ba Mươi”.



Còn có một “ông ba muoi” khác... cũng đáng sợ không kém. Đây là một số cán bộ mới, sau 30/4/1975, trong đó có không ít người không được học hành nhiều, làm việc thì thiếu năng lực, thiếu nguyên tắc, nhưng lại cậy thần, cậy thế, hách dịch trich thượng, khiến dân tình, nhất là những người tại chỗ, ngán ngại, sợ sệt, nhưng cũng bức xúc và chỉ trích ngầm những người đó là “ông ba muoi”... Nói thẳng lúc đó có khi mang họa.

610. Ông lục vạn

Lục vạn cùnh như Bát sách là tên hai con bài trong bộ bài tôm. Khoảng cuối những năm 50, đầu những năm 60 của thế kỷ trước, trên nhật báo *Thời mới* của Hà Nội có một truyện in nhiều kỳ, mang tên “Ông lục vạn, bà bát sách”, Nguyên tác của Sugako Hashida (Kiều Điền Thọ Gia Tử), để chế diễu, ám chỉ những tu sảm Hà Nội.

Trong Tổ tôm diễn ca, hai nhân vật này được miêu tả:

Người ta làm lụng liên miên

Còn ông chống cuốc

ngưỡng thiên tháng ngày

(Quân lục vạn)

Lèo ngay một mụ xồn xồn

Tính gàn Bát sách

vển mồm hỏi chi

(Quân bát sách)

Câu chuyện lúc đó được rất nhiều người quan tâm, và nhân vật Lục Vạn được người ta gán ghép cho những ai lười biếng, muốn ngồi mát ăn bát vàng. Nhưng nó như một phong trào bùng lên rồi vụt tắt. Ông Lục Vạn cũng chết yểu theo. Năm 1961 – 1962, không còn thấy bóng dáng ông ta đâu nữa, còn bà *Bát Sách* vẫn sống dưới thân xác những người đàn bà giàn dở, và nay cũng chỉ còn trong dĩ vãng.

P

611. Phá rào

Đúng với nghĩa đen là phá, dỡ bỏ đi những vật (hàng rào) che chắn, cản ngại, cụ thể hơn ở đây là “phá rào” trong công việc và cuộc sống xã hội, của “Đêm trước đổi mới”.

TT 10/12/2009: “Vào đêm trước đổi mới, ở VN có gần 100 cuộc phá rào trong kinh tế. Qua việc tập trung nghiên cứu 20 cuộc phá rào tiêu biểu cho thấy đây là con đường khá đặc thù của VN trong so sánh quốc tế” - nhà nghiên cứu Đặng Phong phát biểu như trên tại cuộc tọa đàm “Một phần tư thế kỷ thăng trầm kinh tế VN”, do Nhà xuất bản Tri Thức cùng Trung tâm Nghiên cứu kinh tế & chính sách tổ chức ngày 9-12-2009.

Thực tế nhiều người thực hiện “phá rào” không những không bị kỷ luật mà còn được đề bạt, hay nói cách khác lẽ ra bị “thổi còi” nhưng sau đó lại được “cầm còi” như: ông Đoàn Duy Thành, với khoán ở Hải Phòng, từ Bí thư Thành ủy Hải Phòng lên trung ương làm Bộ trưởng Bộ Ngoại thương và sau đó là Phó Thủ tướng; ông Nguyễn Văn Chính, với việc bỏ tem phiếu và chuyển sang cơ chế một giá, từ Bí thư Tỉnh ủy Long An lên làm Bộ trưởng Bộ Lương thực và sau đó là Phó Thủ tướng; ông Võ Văn Kiệt, người ủng hộ nhiều cuộc “phá rào” ở miền Nam, từ Bí thư Thành ủy TP.HCM ra Hà Nội làm Phó Thủ tướng, chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và sau đó là Thủ tướng...

Kết quả “phá rào” được thực tế chứng minh là tích cực, Trung ương nhận thức và chấp nhận, chuyển thành chính sách chung của cả nước. Đây cũng chính là một con đường khá đặc thù của VN.

612. Phao

Theo *TĐTVN – XBKHXH*, 1989, từ “Phao” có nhiều nghĩa: Phao dầu, phao tin, phao (hao) phí, phao câu (của gà, vịt). Còn một loại phao là vật thả nổi trên mặt nước để làm mục tiêu, như phao số 0 ngoài biển, xác định hải phận quốc tế; hoặc để đỡ cho vật khác cùng nổi, như phao của cần câu, phao bơi.

“Phao” mà dân gian nói là những đáp án làm sẵn, némt vào trườn thi để cứu vớt những thí sinh *sắp chìm*, vì trong đầu thiếu chữ.

Ngoài những hành vi gian lận như thi hộ, mua điểm, copy... những năm gần đây, mỗi khi vào mùa thi, “phao” được sử dụng trên diện rộng cả nước, đến độ báo chí tá “phao” bay nhu bướm

bướm, và tráng trื่n sau những ngày thi.

Thi là để tuyển lựa những người đủ học thức, đủ năng lực để tiếp tục đào tạo hoặc cất nhắc, mà như vậy chá trách bầy giờ có ông hai ba bằng tiến sĩ, ngồi cao mà kiến thức thì “lùn”.

613. Phạt 15 phút

Có một ông thích nói lái, chẳng hạn đi ăn thịt chó, thì ông bảo đi đánh cờ tây, vợ đi trang điểm ông bảo là đi són phân... Ông là giảng viên một trường đại học – xin đừng hiểu là học... đại.

Một hôm có một học sinh nữ khá xinh đẹp, nhưng không thuộc bài, muốn răn đe trên mức bình thường, ông nói nhẹ nhàng nhưng gần từng chữ: Tôi sê, tôi sê *phut em mười lăm phát*.

Cô gái đỏ mặt tía tai, còn cả lớp ô lên vừa kinh ngạc vừa khó hiểu.

Đâu có gì lạ, ông ấy nói lái mà.

614. Phân gì (vui)

Những năm sáu mươi của thế kỷ trước, có đợt cải cách giáo dục. Người ta bảo, hiện chúng ta dạy

khiến học sinh thụ động quá, không tốt. Nay cần phải làm sao phát huy tính chủ động trong học sinh. Và phong trao *phát kiến* (không phải là phát huy sáng kiến, mà là ý kiến) trong học sinh được hình thành.

Trong một lớp tiểu học, cô giáo mở bài: Các em biết những loại phân gì kể cho cô nghe? Học sinh nhao nhao gio tay, cô giáo thầm nghĩ đúng là cải tiến có khác, học sinh say mê liền. Cô chỉ một em trả lời: Thưa cô phân phốt phát ạ. Lại nhao nhao gio tay. Thưa cô phân lân ạ. Rồi các ý kiến tiếp theo: Phân chuồng, phân bắc, phân xanh... Cô vui lắm: Các em rất giỏi, nhưng còn một loại phân nữa mà các em không biết. Hôm nay cô sẽ dạy cho các em. Đó là *phân... số*.

615. Phim cấp 3

Mỗi một quốc gia có những cách phân loại phim khác nhau. Ở Mỹ, từ năm 1990, phim được phân loại theo hệ thống sau: G: General Audiences – dành cho mọi đối tượng, PG: Parental

Guidance Suggested – Có một số cảnh không phù hợp với trẻ em; PG-13: Parents Strongly Cautioned – Có một số cảnh đặc biệt không phù hợp với trẻ em dưới 13 tuổi; R: Restricted – Người dưới 17 tuổi xem phim này cần có sự giám sát của bố mẹ. Và NC-17: No One 17 and Under Admitted – Cấm người dưới 17 tuổi xem do có các cảnh về bạo lực hoặc tình dục. Hệ thống phân loại phim ở Hong Kong bao gồm các cấp sau: Cấp I, dành cho mọi lứa tuổi – tương đương với G và PG. Cấp II: Chia làm hai cấp: IIA: Khuyến cáo phải có bố mẹ xem cùng – tương đương với PG-13, Cấp IIB: Không phù hợp với trẻ em và trẻ vị thành niên – tương đương R. Cấp III: Dành cho người trên 18 tuổi – tương đương NC-17. Phim Hong Kong tràn vào Việt Nam thập niên 90 thế kỷ trước, dựa vào phân loại phim của họ, ta có thể hiểu phim cấp III, hay còn gọi là CAT3 Film (loại 3), phim con heo, phim XXX... là phim khiêu dâm.

616. Phim nông nghiệp

Phim sex nhập vào Việt Nam, lúc đầu ai xem phải vung trộm, vì vậy người ta mới đổi gọi là phim “*con heo*” – không mặc gì như con heo và làm những chuyện như con heo. Rồi “cũng bị lộ”, nên mấy bác đạo đức giả của ta lại chế biến ra “*phim nông nghiệp*” cho nó có cái vỏ là xem để nghiên cứu hỗ trợ bà con nông dân.

Bây giờ thì vẫn nghe chỗ này chỗ nọ cấm có vẻ nghiêm minh lắm. Thậm chí ca sĩ, diễn viên ăn mặc hở một chút là soi kính lúp liền. Nhưng cứ thử coi trên các kênh truyền hình của mình xem, từ các chương trình ca nhạc, thời trang tới phim truyện, chỗ nào mà không thấy sexy, không thấy uốn éo, thậm chí còn hướng dẫn “*làm sương cho sáo*” đàng hoàng. Còn trên internet thì có hẳn những mạng riêng, xem, chat chit... tìm gái thoải mái.

Các nhà quản lý, rồi “*phụ mẫu chi dân*” làm gì chẳng biết. Vậy là sao hý?!

617. Phim nước Nga...



Cuối thập niên 1980, điện ảnh Việt Nam rơi vào thời kỳ khủng hoảng. Ngân sách bị cắt giảm và chuyển sang chế độ hạch toán kinh tế, các máy móc thiết bị làm phim thì đã cũ kỹ. Trong khi đó thể loại phim video mới xuất hiện chủ yếu ở miền Nam, rất nhiều bộ phim thương mại được sản xuất ồ ạt, nội dung đơn giản, thường được gọi là dòng “phim mỳ ăn liền”. Điện ảnh giai đoạn này chỉ hoạt động cầm chừng. Số lượng phim sản xuất giảm. Số lượng rạp chiếu phim cũng giảm bớt. Nhiều rạp chiếu phim

bị phá bỏ, hoặc chuyển sang kinh doanh lĩnh vực khác, biến thành vũ trường, như các rạp “Tháng 8”, rạp Thanh Vân trên đường Cách mạng Tháng 8, rạp Nguyễn Văn Hảo (Công Nhân), đường Trần Hưng Đạo, rạp Lê Lợi đường Lê Thánh Tôn... Vào thời điểm đó, ca khúc “Tình đất đỏ miền Đông” của Trần Long Ân được cải biên:

Phim nước Anh toàn là ca với nhảy/ Phim nước Mỹ toàn là cởi áo quần/ Còn phim nước Nga toàn là tranh với đấu/ Phim Nhật phim Tàu đánh võ tùng lum.

Còn phim nước ta/ Như ông già leo núi/ Vừa được báo Nhân Dân/ Khen quan điểm lập trường/ Là vội cất võ ruong/ Dem võ gửi Chùa Hương.

618. Phó thường dân

Về đẳng cấp con người trong xã hội, người ta có nhiều góc đánh giá, nhìn nhận khác nhau. Việt Nam xưa, thời phong kiến, ánh hưởng Nho giáo nặng nề, dưới vua là các quan lại, rồi tới các bậc đại phu, quận công, quân tử...

Tiểu nhân, là loại người thấp bé nhất xã hội lúc đó. Và tùy theo nam – nữ, công việc mà gọi là dân nữ, thảo dân, ngư dân, diêm dân (người làm muối)... sau này gọi chung là thường dân, chữ tiểu nhân dần được coi là những kẻ lòng dạ hẹp hòi và có các hành động ti tiện, nhởn nhơ.

Như thế, với thường dân, nói vui, là “ngứng lên thì chẳng bằng ai. Ngó xuống thì cũng chẳng ai... thua mình”.

Nhưng thời nay, không thiếu gì người, chẳng hiểu do tự kỷ, hay đã quá mệt mỏi với những nấc thang xã hội, mà tự xưng mình là “phó thường dân”, có nghĩa là còn ở dưới mức dân thường nữa. Những người này thường là những người về hưu.

Mà bình tâm suy nghĩ, thấy họ nhận cũng không sai. Thủ hỏi khi về hưu rồi, còn làm gì nữa. Chức thì không còn, Lương lại không đủ sống, mất hết cả oai phong, nhuệ khí, chỉ còn mỗi nước về “đuổi gà” cho vợ, có nghĩa là “cấp bậc” dưới vợ. Vậy chẳng phải “phó thường dân” thì là gì?!

619. Phong long

Trong dân gian thường có những câu từ: “Nói phong long”, “phong long tử”, “đốt phong long”. Theo Google.com.vn: “Phong long” hay “Cung long” là quan niệm của người xưa về cái vía xấu của một người nào đó. Chẳng hạn tiệm bán ế, công việc làm không thành lợi..., do có người nặng vía vào nhà. Thường khi gặp như vậy thì người ta hay đốt phong long để đuổi tà ma, đuổi cái vía xấu đó đi. Người đó vừa ra khỏi nhà là chủ nhà lấy giấy đốt và bước qua lại 3 lần để xua đuổi tà khí. Còn một người phụ nữ mới sinh mà cho rằng có vía xấu làm ảnh hưởng đến đứa bé và gia đình, thì sau khi sinh chừng 100 ngày (trước lễ đầy cữ của bé), bà mẹ bế đứa trẻ đi mua một thứ gì đó bằng tiền mặt gọi là “đi đổ phong long” để người mẹ thì sạch sẽ và đứa trẻ thì ngoan nết, hay ăn chóng lớn, mọi việc trong gia đình được thuận lợi.

Nói phong long, thì cũng giống như nói bàng quơ, không đích thị vô đâu cả.

Còn một *phong long* nữa, theo Wikipedia là Tâm Phong Long, vùng đất được vua Chân Lạp là Nặc Tôn giao cho Việt Nam vào năm 1757, để đền ơn chúa Nguyễn đã trợ giúp lấy lại ngôi vua. Vùng đất này, năm Minh Mạng thứ 13 (1832) cùng với huyện Vĩnh An, tỉnh Vĩnh Long đặt làm phủ Tuy Biên và phủ Tân Thành. Lý sở của tỉnh đặt tại Châu Đốc.

620. Phong nhĩ,

Truyện dân gian, Trạng Quỳnh có ghi ở trên chai nước tương hai chữ: Đại phong. Vua lạ lẫm hỏi quần thần, không ai hiểu gì. Hỏi trạng, trạng nói là đã ghi rõ ràng đây rồi. Gặng hỏi, trả lời: Đại phong là gió to, gió to thì đổ chùa, đổ chùa thì tượng lo. Tượng lo là lợ tương.

Học theo người xưa, dân gian thời Việt Nam xã hội chủ nghĩa chế: Phong nhĩ là gió thổi qua tai, nói gọn là *gió tai*. Vậy thôi, không có gì đặc biệt cả.

621. Phòng không Không quân

Cụm từ ngữ “*Phòng không Không quân*” vốn là để chỉ một

binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Theo tiến trình lịch sử, 1.4.1953, Đoàn Pháo cao xạ đầu tiên của QĐNDVN: Đoàn 367, được thành lập và ngày đó trở thành ngày truyền thống của lực lượng phòng không Việt Nam. Và ngày 3.3.1955 là ngày thành lập Không quân Việt Nam. Ngày 22.10.1963, Quân chủng Phòng không Không quân được thành lập trên cơ sở sáp nhập Bộ Tư lệnh Phòng không với Cục Không quân. Rồi 16.5.1977 lại tách ra như trước. Và 3.3.1999, sáp nhập lại đến nay.

Nhưng theo cách nói dân gian “*Phòng không*” là phòng trống không, không có gì.

“*Không quân*”, tương tự là không có quân, có lính nào. “*Phòng không không quân*” là chỉ những người sống độc thân, chưa vợ, chưa chồng.

622. Phòng Nhì

Phòng Nhì Bộ Tổng tham mưu (thường gọi tắt là *Phòng Nhì*, tiếng Pháp: *Deuxième Bureau de l'État-major général*, *Deuxième*

Bureau) là cơ quan tình báo quốc phòng hải ngoại của Pháp, tồn tại từ năm 1871 đến năm 1940. Nó bị quân đội Đức Quốc xã giải tán cùng với Đệ tam Cộng hòa Pháp.

Tình báo quốc phòng của Pháp bao gồm 2 cơ quan là *Phòng Nhất* và *Phòng Nhì*. *Phòng Nhất* có chức năng cung cấp cho chỉ huy cấp cao của Bộ Tổng tham mưu Quân đội Pháp các thông tin về trong nước và đồng minh. Còn *Phòng Nhì* chuyên lấy tin về đối phương.

Tiếng lóng trong tiếng Việt “*Phòng nhì*” chỉ vợ bé, gái bao của người đàn ông đang có vợ. Nhưng là những người có chức có quyền, mới có phòng nọ phòng kia, chứ không dành cho những anh “trên rặng dưới cát tút” mà còn bày đặt gái gú.

623. Phố phi công

Lê Trọng Tấn (1914–1986) là một Đại tướng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên Viện trưởng Học viện Quân sự Cao cấp, Tổng tham mưu trưởng Quân đội

nhân dân Việt Nam, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Phó tư lệnh Quân giải phóng miền Nam. Ông tên thật là Lê Trọng Tố, hậu duệ của dòng chúa Trịnh Căn. Năm 1998, tên ông được đặt một con đường thuộc phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Con đường này bắt đầu từ đường Trường Chinh rẽ vào qua ngã ba giáp với đường Nguyễn Viết Xuân rồi đi ven theo sân bay Bạch Mai đến bờ sông Lừ.

Phố Lê Trọng Tấn, có điểm rất đặc biệt, là rất nhiều nhiều tượng lính, sĩ quan không quân sinh sống ở đây. Trong đó có Thượng tá Vũ Đình Rạng, người đầu tiên trên thế giới băng roi pháo đài bay B52. Vì thế dân tình cũng gọi phố này là phố phi công.

624. Phố sĩ quan

Tương tự như phố Lê Trọng Tấn, Phố Lý Nam Đé, thuộc phường Hàng Mã, Hà Nội, thời thuộc Pháp là phố Rue Maréchal Joffre, sau tiếp quản Hà Nội một thời gian, khoảng từ năm 1960, ngoài tên Nhà nước đặt, còn có tên dân

gian, là Phố sĩ quan. Đầu tiên gọi là phố lính, nhưng sau đổi lại vậy vì thấy có nhiều tướng tá ở đấy.

625. Phố “Tây ba lô”



Phố “Tây balô” là một khu vực gồm đường Phạm Ngũ Lão, Đề Thám, Bùi Viện và các khu phố lân cận trung tâm Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là khu vực tập trung các cơ sở dịch vụ du lịch (khách sạn, nhà khách, nhà hàng, cửa hàng bán đồ lưu niệm, băng đĩa...) giá rẻ với chất lượng tương ứng phục vụ đối tượng chủ yếu là “Tây balô”. Khu vực này được tạp chí hướng dẫn du lịch nổi tiếng và được du khách ưa thích *Lonely Planet* đưa vào danh sách hướng dẫn cho du khách khi đến Thành phố Hồ Chí Minh. Hầu như phần lớn cư dân khu vực này đều tham gia

cung cấp dịch vụ du lịch và biết nói nhiều thứ tiếng “bồi”.

(*Theo Wikipedia*).

626. Phở không người lái

Có thể nói phở là món ăn thuộc loại đặc sản của Việt Nam, được cả dân châu Á, cũng như châu Âu. Cách nấu nước dùng ngày nay đã có những sự khác biệt tùy địa phương, như miền Bắc thường dùng nhiều mì chính (nhất là trong thời bao cấp, có cả phở “không người lái” không thịt), còn miền Nam nhiều nơi nấu nước dùng bằng xương gà và thêm con khô mực.

627. Phở to... (vui)

Một bác miền Nam ra Hà Nội. Cũng thuộc loại sành điệu nên bác tìm đến phở Tư lùn 50 năm danh tiếng đất Hà Thành. Lâu không ra, nên cũng muốn sáng thong dong bách bộ tìm lại hương xưa. Từ Nhà hát lớn, bác lên Lý Thường Kiệt, còn xa mới tới Phở Tư lùn, ngay bên CTCP Văn phòng phẩm Hồng Hà, thì có một bảng hiệu to đùng đập

vào mắt bác. Ô, phở, hồi nắm bác ra chỗ này đâu có hàng phở gì? Mà thật lạ phở gì thế nhỉ? Bác bỏ đôi mục kính, dụi mắt rồi lại đeo vào và chăm chú: Phở – to – có – bi! Chưa phải là người ăn phở mòn răng, nhưng bác tự hào là phở gì cũng đã từng ăn. Bò, gà chí tái nạm, gân, gầu..., rồi ngay cả phở nghêu mới ra lò ở Sài Gòn, bác cũng xoi tuốt. Vậy mà tai sao cái phở kỳ quái này sao bác lại không biết? Chắc đây là loại mới của Hà Thành đây, vậy ngon dở gì mình cũng phải ăn, về kể cho mấy anh bạn già lác mắt choi.

Bác bước mạnh dạn vô quán. Không thấy bàn, chỉ thấy mấy cai ghế và một cái sập lên nước bóng láng. Chắc theo kiểu com Bà Cả Đọi trong mình đây. Bác cởi giày leo lên sập ngồi chỉnh chê: Cho tôi một tô đặc biệt đây.

628. Piston mạnh



Piston là một bộ phận quan trọng quyết định mã lực – sức mạnh của các loại động cơ đốt trong. Piston và dung tích xi lanh càng lớn thì máy càng mạnh.

Nói “*Piston mạnh*”, là chỉ người hay nhóm người có “chỗng lung” vững chắc. Chẳng hạn dạng các con ông cháu cha (*xem mục 202*), hay con các cụ cả; hoặc thân quen những người có thế lực. Hay có tiền, có gái, nói chung là có thứ để làm vật ngang giá trao đổi.

629. Quá cõi thợ mộc

Đã là thợ mộc thì cứ đục đục, đẽo đẽo suốt ngày, chẳng còn biết gì khác. Hãy thử vào làng chuyên làm đồ gỗ như Đồng Kỵ, Hà Bắc thì biết. Từ sáng sớm tinh mơ đã nghe tiếng đục đục, gõ gõ, cốc, cốc liên tu bất tận, từ đầu làng, tới cuối xóm cứ nhu tiếng gõ mõ tung kinh vạy. Vào thử một nhà, ngoài bàn, ghế, tủ đang làm, không còn chỗ len chân, người ta còn thấy lủ khủ búa đẽo, dùi đục, bạt, bào... Có cái to như lưỡi tầm sét của ông Thiên Lôi,

có cái lại nhỏ như cái ngoáy tai, cộng lại cũng khoảng 30 món. Đây, như thế, chỉ lo nghề không, cũng đủ ù ù, cạc cạc rồi, còn nói chuyện gì khác nữa.

Bây giờ lại vẽ chân dung bác phó mộc xem. Quần áo thì lúc nào cũng xộc xệch, đầy bụi vỏ bào, mùn cưa. Trên tai thì dắt cái bút chì. Cặp kính trên mặt lúc nào cũng xệ xuống như sắp rơi. Áy, sơ nét như vậy là đã thấy con người... không bình thường rồi.

Vậy mà dân gian còn phán (cho ai đó) một câu xanh rờn, là “*quá cõi thợ mộc*”, thì rõ ràng người đó thuộc dạng thô thiển, cục mịch, “dùi đục chấm mắm cáy”, làm ăn lộn xộn, bừa bộn không thể nào chịu nổi rồi.

Nhưng nói của đáng tội, đồ nội thất mà không có tay bác ấy thì lại không xong đâu.

630. Quán cóc

Con cóc trong hang/ Con cóc nhảy ra/ Con cóc ngồi đáy/ Con cóc nhảy đi. Nghe thơ con cóc, rồi lại nhìn con cóc xù xì, xấu xí, nhảy từng bước, từng bước mệt,

là đủ thấy khổ cho cái thân con cóc rồi, nói gì tới quán cóc.

Lại nghe Bài hát “Hà Nội mùa này” của Trương Quý Hải phổ thơ Bùi Thanh Tuấn: *Hà Nội mùa này chiều không buông nắng. Phố vắng nghiêng nghiêng cành cây khô. Quán cóc liêu xiêu một câu thơ. Hồ Tây, Hồ Tây tím mờ. Buồn chua, nẫu ruột chưa?*!

Quán cóc là cái quán lẹp xẹp bên đường, bên hè phố và thường bán những thứ bình dân, rẻ tiền, như ngoài Bắc thì chè chén (trà bán theo chén – cái tách nhỏ), mấy cái kẹo dồi, kẹo lạc. Ngồi xuống hàng giờ, đứng lên cũng chỉ vài hào, nay là vài ngàn. Còn trong Nam thì trà đá, cà phê cóc, tủ thuốc lá... cũng lè đường, nhưng có khi còn kèm “cây xăng cục gạch” (xem mục 160).

631. Quảng Bình quê ta

Những năm Mỹ ném bom bắn phá miền Bắc, sinh viên các trường đều phải đi sơ tán về các vùng nông thôn, miền núi xa thành thị. Cuộc sống ở nơi sơ

tán khó khăn, thiếu thốn nhiều thứ. Ở thì thiếu vệ sinh mà có khi xà bông (xà phòng) lại không có. Vì vậy “trên đầu chảy rận nhu sung”, đêm nầm thì “sót soạt luôn tay tựa gáy đàn”, là chuyện thường ngày với mọi người.

Trường Đại học TDTT Từ Sơn lúc đó đi sơ tán ở xã Thượng Lan, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Một ngày của năm 1967, sau một ngày luyện tập mệt mỏi, các sinh viên ngồi tán dóc, chọc phá nhau. Và thế là bài hát “Trên biển quê hương” của nhạc sĩ Đức Minh được cải biên. Và dần lan rộng trong sinh viên các trường:

Quảng Bình quê ta/ Nhiều anh không tắm đâm ra hắc lào/ Ai có vào đây/ Nhớ mua cho lợ cồn iốt/ Anh ngứa anh bôi/ Khi nào anh gãi anh bôi/ Anh để đầu giường/ Khi nào ngứa anh lại bôi.... Và cao trào: *Hồ o hò o khoan/ Tay anh gãi như boi mái chèo...*

Nói cho ngay, lúc đó anh nào mà chẳng ghẻ, cứ gì Quảng Bình. Và thực ra nó cũng ghi dấu của một thời sơ tán, một thời đạn bom.

632. Quảng Nam hay cãi

Câu đầu đây là:

Quảng Nam hay cãi

Quảng Ngãi hay co

Bình Định hay lo

Trị Thiên hưởng hết

Ba câu trên chỉ tính cách vùng miền. Một anh hay cãi, một anh hay co, đôi co. Còn một anh hay lo, lo xa và lo lót. Cá ba anh như vậy, có chuyện gì xảy ra là phải kéo nhau lên quan, kiện tụng. Chẳng hiểu ai sẽ thắng kiện, nhưng đã tới (vào) nhà quan là của quan. Thời phong kiến, kinh đô ở Huế (Trị Thiên). Vì thế, Trị Thiên chỉ cần chờ mà hưởng lợi.

Câu này có từ thời Bảo Đại cởi truồng (*xem mục 82*), nhưng trong các Tự vị tiếng Việt không thấy... Có lẽ, cho rằng nói xấu địa phương này nọ chẳng. Thì cứ cho là vậy đi, nhưng theo đặc tính vùng miền có đúng vậy không? Và nếu ta không chép lại thì một câu hay như vậy, con cháu ta sau này sao mà biết. Các vị thấy đúng không a?

633. Quân khu



Thời chống Mỹ, trong quân trang của người lính, thì bộ quần áo xanh rêu và cái nón (mũ) là hình ảnh rõ nét hơn cả. Sau ngày hòa bình, mấn tay áp – phe đường dài và cả các thanh niên choai choai Hà Nội, lại thích khoác lên mình bộ đồ lính, đặc biệt là cái mũ cối (gọi là mũ cối có lẽ nó bền nhu nồi đồng cối đá), với 4 tính năng: Đội, làm ghế, gối đầu khi nằm nghỉ và múc nước uống. Nhưng khi gặp những “anh nón cối” này thì tốt nhất là “kính nhi viễn chi”. Vì hễ đụng vào sinh chuyện thì chỉ “30 giây” (*xem mục 57*) sẽ có không biết bao nhiêu là “nón cối” xuất hiện...

Dân Hà Nội gọi mấn anh nón cối này là “quân khu”. Bằng một quân khu đấy, không đứa đâu!

634. Quân sư máy lạnh

Ngày xưa quân sự chỉ chở được gọi là “quân sự quạt mo”. Từ thời các thiết bị điện phổ biến, thì quân sự quạt mo nhuường chở cho “quân sự quạt máy”. Và cao cấp hơn nữa là “Quân sự máy lạnh”, ngồi trong phòng máy lạnh mà phán. Nói vậy chứ đừng coi thường bọn họ. *Cáo mượn oai hùm* cũng đáng ngại lắm đấy!

635. Quân tử nhất ngôn...

Theo Nho giáo, tất nhiên Việt Nam ảnh hưởng không nhỏ, đàn ông, con trai – người quân tử phải là người không ăn nói hai lời, luôn giữ chữ tín trong mọi hoàn cảnh: “*Nhất ngôn ký xuất, tú mã nan truy*” – Một lời nói ra bốn ngựa theo không kịp. Người quân tử là người có đầy đủ các đức tính trong *ngũ thường*: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín, mà Nhân là quan trọng nhất.

Thế nhưng ngày nay có quá nhiều người vì cái lợi mà nuốt lời, nuốt cả hợp đồng đã ký, và lấy làm đắc chí khi lừa được

người. Câu “*Quân tử nhất ngôn*” được dân gian “hiệu đính” lại:

*Quân tử nhất ngôn
là quân tử đại
Tiểu nhân lái nhái
(nói đi nói lại)
là tiểu nhân khôn*

Có một bài về các loại “quân tử” để khẳng định làm quân tử thời này, chỉ có mà... điên. Xin trích một đoạn trên Google:

*Quân tử nhất ngôn
là quân tử đại
Quân tử nói đi nói lại
là quân tử khờ
Quân tử ngặt ngò
là quân tử nghiện
Quân tử nhiều chuyên
là quân tử ngu
Quân tử đi tu là quân tử mái
Quân tử mê gái
là quân tử dâm...
Có mà hâm hâm
mói đi làm quân tử*

636. Quân tử phòng thân...

Câu đầy đủ xưa:

*“Quân tử phòng thân
Tiểu nhân phòng bị gậy”.*

Nhưng các cụ xưa quen rằng đã gọi là tiểu nhân thì có từ hành động gì, dù là đều giả, gian trá để thủ lợi. Thực tế cả xưa lẫn nay, những người quân tử, thẳng thắn, thật thà luôn bị tiểu nhân hâm hại, bị thua thiệt. Lớp trẻ nay thấy rõ:

*“Quân tử phòng thân
Cũng thua tiểu nhân đâm lén”.*

637. Quân tử Tâu

Quân tử (chỉ áp dụng với đàn ông con trai) là hình mẫu con người lý tưởng theo Nho giáo. Nguyên nghĩa của quân tử là “kẻ cai trị” và người quân tử thường được coi là người hành động ngay thẳng, công khai theo lẽ phải và không khuất tuất vụ lợi cá nhân. Người quân tử là người có đầy đủ các đức tính trong *ngữ thường*: Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín, mà trung tâm là Nhân, đối lập với kẻ bất nhân chỉ hành động vì lợi, và những kẻ tiểu nhân hèn hạ, ti tiện.

Tuy nhiên, từ ngữ *quân tử Tâu*, sau này lại được dân gian chỉ những kẻ ra cái vẻ quân tử,

nghĩa hiệp, nhưng thực tế có khi còn là ngụy quân tử. *Thôi, ông đừng làm bộ quân tử Tâu nữa*.

638. Quần đùi, áo số

Dễ thấy là ám chỉ ông thể thao rồi. Nhưng trong làng thê thao có nhiều ông quần đùi áo số. Chẳng hạn như bóng chuyền, bóng rổ, bóng ném... Ai vậy?

Cũng chẳng hiểu tại sao thành ngữ “*quần đùi áo số*” lại để chỉ những cầu thủ bóng đá, phải chăng vì môn bóng đá là môn thể thao vua được nhiều người yêu mến mà luôn quan tâm tới số áo của họ. Và chính các cầu thủ cũng luôn coi trọng và muốn giữ số áo, cùng vị trí quen thuộc trên sân của mình.

Có một thực tế nữa là khi cầu thủ ra sân thì bất luận lớn bé, già trẻ đều được dân tình chỉ trỏ, gọi bằng thằng, bây giờ thì chỉ gọi tên cộc lốc, chẳng hạn: Văn Quyến, Tài Em. Lên đến Huấn luyện viên mới được gọi bằng ông, như ông Lê Huỳnh Đức.

Và cuộc đời cầu thủ cũng có khi thăng trầm vô định, lên voi

xuống chó chảng mấy hồi. Lúc sung súc, đá hay được bốc lên đến giờ, nhưng có khi chỉ hỏng một đường banh cũng bị xem là bán độ, chửi bới là làm mất thể diện quốc gia, làm hại đội nhà...

Khi giải nghệ, bao nhiêu huy chương, bao nhiêu hào quang chảng mài ra mà uống được. Nhầm nhà giọt cột xiêu, tự mà chống súra.

Bây giờ, bao “*quần đùi áo số*” vang bóng một thời, nay chỉ còn áo số quần đùi để kỷ niệm thôi. Nghe đâu tới cái căn nhà mới dự định xây cả chục năm nay, Hội cựu cầu thủ Việt Nam, để các cầu thủ về vườn, tự chăm sóc, động viên mình, cũng chưa được xem xét, vì LĐBĐVN giờ vẫn rối như nồi canh hẹ.

639. Quê

Nói tới *quê* là người ta nghĩ ngay tới người dân nhà quê, cục mịch, chân lấm tay bùn, lên thành phố thì lơ ngơ lơ ngo, thấy cái gì cũng lạ cũng ngó. Vì thế dân thành thị có ý khinh khi, gọi họ là *quê mùa*, hoặc *nha quê*, lâu rồi chỉ nói gọn

lỗn là *quê*. Quá nữa, thì bảo là *quê một cục*. Là cục đất đấy. Rồi sau lại có thêm từ *Hai Lúa* để chỉ các anh Hai, anh Ba dưới đó lên.

Sau nữa, chặng hiểu từ khi nào, hẽ ai bị người ta xem thường về đầu óc, cho tới ăn mặc, thì cũng đều bị gọi là *quê*. *Ôi, cái đồ quê. Quê quá đỗi!*

Nhưng bây giờ hãy thử về quê đi, về vùng sâu, vùng xa ấy. Đừng ghé vùng ven đô thị, ô nhiễm cả môi trường và con người hết rồi. Người quê bây giờ sống vẫn rất chân tình, rất dễ thương. Dù có nghèo, có khổ họ vẫn hiếu khách và hào sảng. Đặc biệt, quanh năm lam lũ nhưng những gì quý báu của tổ tiên, ông bà họ vẫn trân trọng giữ gìn. Nè nếp gia phong, tôn ti trật tự vẫn đâu vào đấy. Con cái luôn kính cha, kính mẹ, anh chị em thương yêu nhau. Thủ hỏi, ở cái nơi luôn gọi người khác là *quê*, có mấy người con làm được có vài ba triệu/ tháng mà vẫn nhịn ăn mặc, ki cóp gửi về nuôi cha, nuôi mẹ. Thủ hỏi, không phải họ, chứ ai đã gìn giữ dân ca quan họ, làn điệu chèo,

rồi cồng chiêng, đàn ca tài tử... để hôm nay nước Việt còn bao vốn quý dân tộc được công nhận là di sản văn hóa thế giới?!

Thiết nghĩ, bây giờ cứ rủ nhau về quê, không phải để mua đất, kiếm ăn, mà để học cách sống của dân quê, thì cũng có thể giúp đạo đức, lối sống của ta đỡ xuống cấp nhiều. Các vị có thừa nhận không?

640. Quốc lủi

Theo Wikipedia, từ khi Pháp sang Việt Nam và lập ra Công ty rượu Đông Dương (Société fran aises des Distilleries de l'Indochine), độc quyền sản xuất kinh doanh rượu trên toàn cõi Đông Dương thì ngăn cấm các làng nghề, người dân tự nấu rượu.

Nhưng vì nhu cầu, người dân vẫn lén lút nấu rượu. Khi bị truy lùng, thì đem giấu dưới đồng cỏ hoang, nhiều bụi cây để: một loại lau sậy có tên khoa học *Saccharum spontaneum* mọc thành bụi. Tên gọi *ruou đế* trong Nam xuất xứ từ đó. Loại rượu này cũng còn được gọi là *ruou*

lậu do quy trình nấu rượu và tiêu thụ rượu hầu hết đều là làm lậu và trốn thuế. Còn ở miền Bắc, người dân đặt tên cho loại rượu mình nấu là *ruou ngang* vì rượu nấu và tiêu thụ theo kiểu đi ngang về tắt, cũng gọi là *ruou cuốc lủi* vì vừa bán vừa lủi như con chim cuốc. Cũng có người cho rằng ở đây là chữ “quốc” trong “quốc gia” để so sánh với rượu “quốc gia” – quốc doanh.

Thống kê của Bộ Y tế Việt Nam, mỗi năm cả nước tiêu thụ khoảng 350 triệu lít rượu, dân số Việt Nam khoảng 85 triệu, vị chi trung bình già trẻ, lớn bé, phụ nữ, đàn ông mỗi người xài 4,11 lít.

641. Quy hoạch treo



Làm gì thì cũng phải tính toán, quy hoạch cho rõ ràng, đâu ra

đó. Tuy nhiên, tình trạng vẽ dự án rồi để đó phổ biến khắp nơi, khiến dân tình khốn đốn vì cứ ngồi chờ, không làm được gì. Ruộng thì bỏ hoang, nhà hư muộn sửa cũng không dám, không được... Báo chí và dân tình gọi các dự án này là “*Quy hoạch treo*”. Nguyên Bộ trưởng Bộ Tài nguyên Môi trường Mai Ái Trực, cũng từng thừa nhận, “*quy hoạch treo*” đang gây khổ sở cho người dân, làm chậm tiến độ dự án, gây lãng phí trong việc sử dụng đất. Và Bộ trưởng Tài nguyên Môi trường đã ký Quyết định 1013/ QĐ-BTNMT về kiểm tra tình hình sử dụng đất của các quy hoạch và dự án đầu tư trên phạm vi cả nước.

Nhưng đến 2012, thì quy hoạch treo cũng còn... treo lủng lẳng khắp nơi trong cả nước.

giá trên được “*quy theo giá thóc*” (lúc bấy giờ được xác định bình quân là 25 đồng/ kg, dựa trên tính toán thực tế của các chuyên gia). Các địa phương khác nhau thì mức giá thóc quy đổi này có thể cao hoặc thấp hơn. Nhà nước khi ban hành mức giá mới của một số vật tư, như xăng, dầu, xi măng, sắt, cũng bằng vào giá thóc, theo đó giá sắt phi 6 tăng 11,5 lần so với mức giá cũ, giá xi măng tăng 12,5 lần...

Từ đó, dân ta hễ đụng đến vấn đề gì liên quan tới tiền bạc, công sức... mà còn chưa thông, thì đều yêu cầu “*quy ra thóc*” – tính đúng, tính đủ đi. Đáng lưu tâm là nay thì có khi chức tước, quyền hạn, và cả... tình yêu... cũng “*quy ra thóc*” và hạch toán đúng và đủ. Không biết nên vui hay buồn đây!

642. Quy ra thóc

1985, cải cách kinh tế, nhằm xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu – bao cấp, cải cách Giá – Lương – Tiền. Về giá, phải tính đúng, tính đủ vào sản phẩm hàng hóa và

R

643. Ra đường sợ nhất công nông

“Ra đường sợ nhất công nông

Về nhà sợ nhất

vợ không nói gì”.



Từ ngày làm thông tầm, thường thì vợ chồng cả ngày mới gặp nhau một lần vào xế chiều. Lý ra

phải mừng, phải vui và có nhiều chuyện để hàn huyên tâm sự. Thế mà chẳng hiểu sao vợ cứ im như thóc. Buồn gì chẳng? Mệt mỏi trong người chẳng? Hay nghi ngờ chồng điều gì chẳng? Hàng chục câu hỏi không có câu trả lời trong đầu chồng. Vì thế có thể nói, đi cả ngày không sao, mà về tối nhà là “*sợ nhất vợ không nói gì*”.

Còn “Công nông” thì sao? Là cái gì mà khi ra đường người ta cũng lại sợ thế? Công nông là loại xe hoạt động từ cuối những năm 1990. Công Nông có hai loại. Một là xe vận chuyển nhỏ có kết cấu tương tự như xe ôtô được sản xuất lắp ráp tận dụng từ các bộ phận của ôtô cũ lắp động cơ diesel 1 xi lanh mà một số địa phương gọi là công nông

đầu ngang hoặc xe độ, xe cải tiến, xe bục bích. Hai là Công nông do Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp (VEAM) sản xuất theo kế hoạch.

Phải thừa nhận xe Công nông thật là đa dụng, tiện ích, vì vừa chở phân, giống, nông cụ ra ruộng, lại có thể kéo cày, bừa và khi cần chở người luôn. Lại nữa, giá bình quân một chiếc công nông chỉ trên dưới 20 triệu đồng, quả là rất tốt cho nhà nông. Vì vậy ở đâu có nhà nông thì ở đó có Công nông. Chỉ tính riêng tỉnh Đăk Lăk *nơi được xem là có lượng xe công nông nhiều nhất nước đã có tới 37.000 chiếc*.

Tuy nhiên, do thiếu những quy định cụ thể về quy cách kỹ thuật và phạm vi hoạt động (tham gia giao thông), mà “công nông” chạy cùng đường, “tấn công” cả vào thành phố và gây ra không ít tai nạn, khiến dân tình chỉ nhìn thấy “công nông” là đã hoảng, phải tránh xa. Chính phủ đã phải ra Quyết định ngày 1.1.2008, đình chỉ lưu hành xe công nông trên phạm vi toàn quốc.

Theo *24h.com.vn*, ngày 26/11/2011: 20g25 ngày 29-10, trên đoạn đường liên thôn của xã Minh Phú, huyện Sóc Sơn, Hà Nội đã xảy ra tai nạn giao thông làm cả gia đình anh Cường 6 người tử vong tại chỗ.

Về hai câu thơ ở đầu bài này có người nói nguyên gốc là:

*Ra đường sợ nhất công nông
Về nhà sợ nhất
vợ không mặc quần.*

Và cho rằng đó là thơ của ông Bảo Sinh (*xem mục 84*)!

644. Rành sáu câu

“Sáu câu” ở đây là sáu câu vọng cổ. “Rành sáu câu” ý nói, chuyện đó ông (bà, anh, chị) quá biết rồi còn nói (hỏi) gì nữa. Hoặc như, tôi biết rồi, khỏi nói. Ở góc độ nào đó cũng giống như “không phải dạy đĩ vén váy” (sống). Khoái “vẽ đường cho hươu chạy”.

645. Rau muống quấn chân

Nhiều người cứ nghĩ, rau muống nào chẳng là rau muống. Nhưng thực ra rau muống cũng có nhiều loại. Có loại giòn, chỉ để

chè ăn sống. Có loại nhỏ cọng, nhỏ lá chỉ để xào, dễ cuốn dầu mỡ. Còn loại có vị ngọt hơi chan chát chỉ để luộc. Cái loại rau muống tía, cọng và lá to, dai, thì... chỉ trồng cho heo ăn mà thôi. Đáng nói hơn nữa còn những vùng rau ngon nổi tiếng xứ Bắc, trong đó có loại được xếp vào đặc sản tiến vua xưa.

Ở Bắc Giang, làng Tân Phượng, xã Tân Mỹ nổi tiếng với hai sản vật tiến vua là “Rau muống Trũng Xuồng/Cua đùòng Đồng Cấn”.

Rau ở làng Vân Hiền, Tiên Du, Bắc Ninh có cuộn dài như dải áo, lá ít và nhỏ, trắng xanh, bán có giá cao gấp 3 - 5 lần so với rau muống thông thường. Nhưng bây giờ con cháu noi đây cũng chẳng biết nó mùi vị thơm ngon ra sao.



Rau muống thôn linh chiểu, Xã Sen Chiểu, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội, được trồng trên những cánh đồng có mạch nước phun tự nhiên từ dưới lòng đất nên có hương vị đặc biệt.

Hiện Trung tâm khuyến nông Hà Nội, cùng UBND xã Sen Chiểu và một công ty thực phẩm đang xây dựng đề án khôi phục rau muống tiến vua. Chỉ tiếc một điều rau này không trồng ở làng Linh Chiểu nữa, tho nhuogn, nước tưới đều khác đi, thì liệu nó có còn tiến được cho ai nữa không. Nhưng chắc cũng chưa thành vấn đề gì, vì các vua bây giờ ai ăn rau muống mà lo.

Tôi có nghe một câu chuyện còn hấp dẫn hơn nhiều. Thời vua... , ở Tây Hồ có một nàng trồng rau muống xinh đẹp, một hôm vua đi qua tình cờ thấy mê mẩn lòng, bèn cưới nàng về làm thiếp. Cũng yêu tài mến... chúc của vua, mong thường được gần gũi vua, nên nàng đã nghĩ ra một cách trồng rau muống độc nhất vô nhị. Nàng cho tìm những con ốc dìa lớn có xà cừ

đẹp, xong về chọn những cọng rau mập mạp, tốt tươi nhất mới nhú lên ở ruộng của mình, rồi úp con ốc lên, chăm sóc kỹ càng. Tới ngày, tới tháng, nàng cho cắt những ngọn rau đó, rửa sạch bóng những con ốc, đem đi hấp cách thủy rồi tiến lên vua. Vua vô cùng ngạc nhiên, khi nhắc những vỏ ốc muôn màu, lóng lánh lên, lắc nhẹ, một cong rau muống trắng nõn nà cuộn tròn trên đĩa ngọc. Khi ăn, nó thơm ngon lạ thường và cứ như tan ra trong miệng.

Thành ngữ *rau muống cuốn chán* có từ khoảng những năm 60 của thế kỷ trước, khi nhiều cán bộ, chiến sĩ miền Nam tập kết ra Bắc, lấy vợ Bắc và... ăn rau muống thường xuyên.

646. Rau tập tàng, rau láo nháo

Nhưng người sống lâu ở rừng, có thể biết từng gốc cây, ngọn cỏ, và có thể hái đủ thứ lá để nấu một nồi canh tập tàng ngon tuyệt vời. Nhà văn Nguyên Ngọc, trong lần sinh nhật thứ 80 của mình có viết một tạp văn

ca ngợi và lo lắng cho ngày mai sẽ không còn rau tập tàng. Xin trích một vài đoạn hầu bạn đọc.

“Đặc sản tuyệt diệu của rừng. “*Tập tàng*”, ta biết rồi, là gồm nhiều loại rau rừng khác nhau trộn lại, là đủ các mùi vị của rừng chung cất, là toàn bộ cái hay cái ngon cái độc đáo, cái chỉ có, tuyệt đối chỉ có của rừng hồn họa và lén men.

Hôm nay hai cậu bé bốn tuổi và ba tuổi con trai của Bok To, người còn trụ lại giữa rừng xanh, muốn đem chiêu đãi chúng tôi. Chúng chỉ cho chúng tôi từng loại lá ăn được, cái vị ngon riêng biệt của từng thứ, từng món, cái nghệ thuật tạo nên bởi việc trộn lẫn tài tình loại lá này với loại lá nọ chứ không phải một loại lá nào khác, cả cái nào trước cái nào sau nữa, một thứ tự tài hoa mà rừng vô tận hiền minh đã dạy cho con người...

Quả thật, đi rừng, không được ăn một nồi canh rau tập tàng của rừng thì cũng coi như chưa đi.

... cõm lam chấm với lá é giã
ót, cay xé lưỡi mà nuốt rồi, thêm
một húp canh rau tập tàng thì
thẩm mãi ở cuống họng một vị
ngọt đắng cay khó tả và không
thể quên. Thực đơn kỳ diệu
của rừng...

Bok Tơ bảo: Hôm nay tôi cùng
đi với các anh ra chõ Bok Deh.
- Để làm gì thế? chúng tôi hỏi.
Bok Tơ đeo gùi lên vai: Mình đi
sớm đi, bưa nay nắng, leo dốc
mệt đáy. Mình ra gặp Bok Deh
để nghe phổ biến việc dời luôn
hết ra làng mới. Dự án cao su đã
bắt đầu rồi. Dồn hết về làng mới
để làm cao su mà...

Bỏ rừng già sao? Tôi buột miệng.
Rừng già và rau tập tàng, Bok
Tơ bảo.

Đi hết cả mấy nhà này à?
Chắc mình phải đi trước. Còn
Bok Kloh chưa chịu. Bok ấy bảo
chết ở đây thôi. Chết với rau tập
tàng mà. Khi cao su vào đến đây
nữa thì còn gì rau tập tàng. Lần
sau anh lên biết có cõn không...
Mà không còn thì anh lên làm gì
nữa. Chỉ có cao su thôi. Hết tập
tàng..." 12/2010

647. Rậm râu sâu mắt

Người xưa quan niệm đã là đàn
ông, phải có lông mày và râu – tu
mi nam tử....

Theo mấy ông thầy tướng số,
thì con gái: *Những người thắt
đáy lung ong/ Vừa khéo chiều
chồng lại khéo nuôi con*. Còn
cánh đàn ông, thì: *Rậm râu sâu
mắt đất tiền cũng mua*. Vì cho
rằng đó là những trang quân tử,
hảo hán, là chõ dựa cho "yếu
diệu thực nữ".

Có một số mẫu người rậm
râu, như Từ Hải trong *Truyện
Kiều* của Nguyễn Du, "*Râu hùm,
hàm én, mày ngài/ Vai năm tấc
rộng thân muỗi thuốc cao...
Đuòng đuòng một đắng anh
hào/ Guom đàn nửa gánh, non
sông một chèo*"; Trương Phi (xem
mục 766), trong tiểu thuyết *Tam
Quốc diễn nghĩa* của La Quán
Trung, được mô tả "*cao tám
thuốc, đầu bão, mắt tròn, râu
hùm, hàm én*", là người khảng
khái, bộc trực và rất nóng nảy...

Tuy nhiên, thời buổi bây giờ
hình như đổi khác rồi, những
người thảng thắn thật thà

thường thua thiệt và bị coi là loài tuyệt chủng (*xem mục 712*). Vì thế bây giờ chả mấy ai đi “mua” râu hùm hàm én” về làm gì cho rách việc, mà hễ cứ *Túi ánh kim/ Chim ánh thép* là nhào vô. Và dù cho: *Những người ti hí mắt luôn/ Trai thì trộm cướp gái buôn chồng người*, nhưng nếu: “*Mắt ti hí, mà ví đầy tiền/ bố mẹ hiền/ Đi xe xin*” (*xem mục 509*) là lấy liền...

648. Rối loạn triều đình

Câu này lẽ dĩ nhiên có từ thời phong kiến và còn kéo sang tối sau giải phóng một thời gian. Nhưng xưa là chỉ những kẻ làm nghịch, gây rối triều đình. Hoặc những chuyện làm loạn kỵ cương phép nước. Nay thì mang ý nghĩa có khi là nhắc nhở, có khi là chỉ trích ai đó về một việc không nên làm, vì có thể làm cho sự việc căng thẳng, khó xử hơn. Cũng có khi chỉ là đùa vui: Ông làm “*rối loạn triều đình*” lên hết rồi đấy.

Thời gian gần đây đám trẻ lại nói chêch đi là “*rối loạn tiền đình*”.

Nghĩ cũng hay, bây giờ làm gì còn triều đình nữa, chỉ có Đảng và chính phủ thôi. Lại nữa, nếu phân tích kỹ thì không phải giữa hai mệnh đề đó chỉ đổi mỗi chữ “triều” thành chữ “tiền”, mà cái hay là nó không mấy làm thay đổi ngữ nghĩa của thành ngữ, vẫn là “rối loạn” ở trung ương.

Phân tích thử nhé. Triều đình là cơ quan cao nhất của chế độ phong kiến. Còn tiền đình nằm ở tai trong của con người với nhiệm vụ giữ thăng bằng cho mọi hoạt động của con người. Khi bị rối loạn tiền đình thì con người có thể nôn thốc nôn tháo, chóng mặt đi đứng lao đao, chênh choạng, mọi vật như đảo lộn, quay cuồng... không còn làm được việc gì nữa, có khi chỉ nằm mà nhìn trời thôi. Đáng lưu tâm hơn nữa là rối loạn tiền đình thường từ các tổn thương về hệ thần kinh, tim, mắt, tai, tâm thần...

Như vậy khác gì “*rối loạn triều đình*”.

649. Rối não

Não người có khoảng 100 tỷ noron (tế bào) thần kinh. Noron không có khả năng sinh sản và từ 70 tuổi trở lên, mỗi năm có thể có 1,4% số noron bị chết đi. Tuy nhiên, theo các nhà khoa học, con người chưa bao giờ dùng hết số noron trong cuộc đời. Thậm chí, nhà bác học Pasteur, khi não bị liệt, chỉ còn 1/3 hoạt động, cũng đã nghiên cứu ra vắc xin phòng chó dại. Vắc xin ngừa bệnh dại đầu tiên sử dụng vào ngày 6 tháng 7 năm 1885, ở một bé trai tên là Joseph Meister, người bị chó dại cắn trước đó. Đây là một thành công vang dội của Pasteur cũng như của nền y khoa thế giới.

Vỏ não có 52 vùng chức năng khác nhau, trong đó có những vùng chỉ con người mới có: vùng hiểu chữ viết, vùng hiểu tiếng nói. Bán cầu não phải có quan hệ mật thiết với xúc cảm và những ảnh hưởng của âm nhạc, trong khi bán cầu não trái thiên về phân tích hơn, có quan hệ với tư duy và khả năng logic. Để mô

phỏng hoạt động của não người, các chuyên gia cho rằng phải có một diện tích nhiều ha, trên đó có hàng tỷ các chip điện tử nhấp nháy suốt ngày đêm... Có lẽ nghe như vậy cũng đủ thấy *rối não*. Não rối cũng giống như cái vi tính bị nhiễu, không điều khiển được hoạt động chính xác. Nói A lại làm B...

Nhiều lúc do công việc dồn dập hoặc đang bức xúc chuyện gì đó, chúng ta thấy bấn loạn không biết giải quyết ra sao. Hiện tượng đó dân gian gọi là “*rối não*”.

Cụm từ “*rối não*” mới xuất hiện gần đây khi công nghệ tin học bùng nổ ở Việt Nam. Và có lẽ nó ra đời cùng với các loại từ ngữ, như *lộn phai, sai hệ...* (xem mục 484).

650. Rờ tút

Nguyên mẫu tiếng Pháp là retoucher, nghĩa là sửa chữa, tu chỉnh lại.

Các bà các cô đi đâu thì cũng phải rờ - tút lại dung nhan cho tươi tắn lại chút xíu. Nhiều thứ

đồ dùng còn tốt nhưng trầy xước chỗ này, móp méo chỗ kia, chỉ cần tân trang – *rờ tút* lại là ổn.

Sang Việt Nam retoucher – *rờ tút* được xài búa xua, cứ hẽ cái gì cần chỉnh sửa, thì cũng kêu là rờ – tút, thậm chí vì cái tính cái gì cũng muốn ngắn gọn, giản đơn đi nên lâu rồi, “rờ” roi đâu mất, chỉ còn “tút” thôi. Nay, các bà các cô “són phân” (xem mục 671), cũng nói: *Chờ mình tút lại chút nhé.*

651. Rút dù

Đơn giản và dễ hiểu, là có ô dù che mưa che nắng, thì đến khi hết mưa nắng, hay không cần dùng nữa... dù cũng sẽ được xếp lại.

Đó là chuyện con người với thiên nhiên. Còn chuyện con người với con người thì sao?

Con người trong cuộc sống, cũng cần những ô dù để che chở, nhiều lúc chống đỡ với sóng gió cuộc đời. Nhưng quan hệ thường phải có qua có lại, mà gặp khi com không lành canh không ngọt, quan hệ rạn nứt, thì...

Rút dù là hiện tượng dứt bỏ một mối quan hệ có tính chất hỗ trợ, nâng đỡ, có khi là bao che, dung túng. Ví dụ: *Thằng đó nó có ô dù đấy, đừng dụng vào. Thôi ông oi, lạc hậu quá. Nó bị rút dù từ lâu rồi.*

652. Rút ruột công trình

Ruột (non), là nơi chính để hấp thụ thức ăn nuôi sống con người, với động vật cũng vậy. Có lẽ chính vì thế, dân gian xưa đã có câu: *máu chảy ruột mềm*, hay *ruột đau như cắt...* Và những cái gì nằm bên trong, có chức năng quan trọng, người ta thường cũng kêu là ruột, như ruột xe máy, xe ô tô. Cái túi (bao) đựng tiền xưa, người ta gọi là ruột tượng...

Và, công trình cũng có... ruột. Ruột công trình chứa gồm hết các nguyên vật liệu và tiền nong để bảo đảm cho công trình thi công đúng tiến độ và chất lượng. Nhưng rồi vì lợi ích riêng tư, lợi ích nhóm, người ta đã tìm cách “*rút ruột công trình*”. Xi măng, đá, nhựa đường bị rút, khiến

đường mới làm xong đã lún và chờ lún (*xem mục 340*). Còn tiền thì nợ chồng nợ, khiến nợ công nay lên tới 60% GDP.

Chỉ cần lên Google, đánh “rút ruột công trình” sẽ thấy ngay 3.580.000 kết quả. Và từ rút ruột đường cao tốc TP.HCM - Long Thành - Dầu Giây (www.thanhnien.com.vn), đến rút ruột đường “nông thôn mới” (tuoitre.vn), rút ruột công trình trọng điểm (VnExpress.net)... Giảm gì cái gì cái gì cũng có.

653. Rửa

Tiếng Việt có nhiều chữ rửa, như rửa cho sạch, rồi rửa hình, rửa cưa cho sắc, rửa tội, làm phép cho một người theo Thiên Chúa giáo. Có một từ cũng khá mới mẻ, rửa tiền, tìm cách làm sạch những đồng tiền bất chính, như buôn bán ma túy, buôn bán người qua biên giới...

Còn *rửa* mang tính khao đái, thì dân gian thêm mắm, đậm muối vào, không có trong từ điển. Kể ra cũng có lý, thường ai mua, hay làm cái gì mới đều sâm soi,

chùi rửa và ra mặt vui vẻ. Có cái mới, có niềm vui, chia sẻ là phải rồi. Và thế là phải “rửa”, phải cung ly.

Từ ngữ “rửa” mang nghĩa khao, đái, có từ khá lâu, và lúc đầu chủ yếu trong dân nhậu, giống như tìm một cái cớ để tụ hội. Nhưng khoảng từ 15 – 20 năm trở lại đây nó trở nên phổ biến trong dân chúng, như một đề nghị, một lời mời, và cũng có khi chỉ là một lời chòng ghẹo vui. Chẳng hạn: *Này, vừa lên luồng (mua xe) phải “rửa” nhé.*

654. Rửa tai

Theo tích xưa, bên Tầu, Đời thượng cổ có ông Hứa Do là một ẩn sĩ ở trong đầm Thái Trạch. Vua Nghiêng nghe tiếng là người tài giỏi, mời ra xin nhường cả thiên hạ. Hứa Do từ chối, lui về ẩn tại núi Trung Nhạc, phía Nam sông Dĩnh Thúy.

Sau, vua Nghiêng lại tìm đến, cố mời Hứa Do làm tổng quản cả chín châu. Hứa Do không muốn nghe chuyện nữa, bỏ ra bờ sông Dĩnh Thúy rửa tai. Lúc

bấy giờ Sào Phủ đang dắt trâu xuống bờ sông gặp Hứa Do đang rửa tai, hỏi:

- Vì việc gì mà anh phải rửa tai?
- Vua Nghiêu mời ra cầm quyền thiên hạ, ta không muốn bẩn tai ta.

Sào Phủ nghe nói, liền dắt trâu lên quang sông trên cho trâu uống.

Hứa Do hỏi. Sào Phủ nói:

- Ta sợ trâu ta uống phải nước bẩn của tai anh!

Nhưng dân Việt Nam, khi bực mình ai chuyện gì, nói mãi không thông, thì lại bảo: Ông hãy rửa tai nghe cho kỹ đây này!

Thế mới thấy dân Việt mình không tự kỷ. Khi không mà ra sông rửa tai, hay rửa ở đâu cũng vậy, chúng không cho là điên, thì cũng nghĩ là thối tai cái chắc.

655. Rượu ông uống...

Cũng lâu rồi dân Bắc vào Nam, hay nghe bạn nhậu hỏi: Ông có biết rượu ông uống bà khen ngon không? Và được giải thích, đó là các loại rượu bổ dương, sinh tinh. Nào là tắc kè, cá

ngựa, rượu rắn. Đặc biệt, rượu Minh Mạng được quảng bá là “Nhất dạ ngũ (lục) giao sinh ngũ tử” – “một đêm năm (sáu) lần... sinh năm con” - 141 người con (78 trai).

Nhưng thực tế, có nhiều ông lớn tuổi, sức đã đuối, than: *Bây giờ nhu cài muối dưa/Mười thang Minh Mạng vẫn chưa ngóc đầu.*

Vì thế các anh miền Nam lại chế ra loại rượu mới cho các bác miền Bắc dùng.

Năm 1988, mấy phóng viên SGGP ra miền Bắc, có buổi làm việc với Báo Hà Tây. Sau đó cung ly với nhau. Lại nói về rượu, anh Hữu, Tổng biên tập Báo Hà Tây lúc đó hỏi: Thế các bác có mang rượu ông uống bà khen ra không? Một anh trong đoàn mau miệng: Không, không, rượu đó xưa rồi. Bây giờ, trong kia có loại rượu mới đã hơn nhiều. Rượu ông uống bà hàng xóm khen. Ông có đem theo không. Anh Hữu tình thật. Tay phóng viên trả lời: Có. Và rút trong cặp táp ra chai rượu để Gò Đen. Ôi!

Cái này là đế Gò mà? Hữu thắc mắc. Thì đúng rồi. Tôi hỏi ông nhé: Ông uống rượu này, chứ ông có uống nước lã, bà hàng xóm vẫn khen. Im lặng ba mươi giây, tất cả phá lén cười.

Có lẽ cũng từ đó Rượu ông uống bà hàng xóm khen, chính thức ra mắt quốc dân đồng bào cả nước.

Mò thử lên mạng, có anh còn tâm đắc làm thơ: *Nắng vun “đất la” thì tươi “củ hành”*. Không biết có đúng vậy không, nhưng ở Củ Chi đã có ông hai lần bị cắt của quý rồi đấy.

Cánh đàn ông phải cẩn thận và suy nghĩ kỹ khi uống rượu, nhất là... uống nước lã...

S

656. Sách đỏ

Trong các *Từ điển tiếng Việt* (TĐTV NXBKHXH 1994), không thấy nói tới từ *Sách đỏ*, chỉ có *Sách tráng*.

Sách đỏ (tiếng Anh là *IUCN Red List of Threatened Species*, *IUCN Red List* hay *Red Data List*) là danh sách về tình trạng bảo tồn và đa dạng của các loài động vật và thực vật trên thế giới).

Chính phủ Việt Nam cũng công bố Sách đỏ Việt Nam lần đầu tiên năm 1992. Đây là công trình do Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam phối hợp với Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN) thực hiện với sự tài trợ của Quỹ SIDA (Thụy Điển). Các tiêu chuẩn sử dụng trong Sách đỏ Việt Nam được xây dựng trên nền các tiêu chuẩn của Sách đỏ IUCN.

657. Sai sửa, chửa đẻ

“Không chồng mà chửa
mới ngoan
Có chồng mà chửa
thế gian thiếu gì”.

Ca dao là vậy, nhưng từ xưa chuyện nỗi oan Thị Kính, cũng cho thấy, không chồng mà có con thì bị hành, bị bắt vạ tới “lên bờ, xuống ruộng”.

Thời bao cấp và trước đó, sai một ly là đi một dặm, mà chửa – đẻ không dễ, nhất là lại không chồng. Thêm vào đó, chẳng hiểu lý do gì mà có những nhà máy, những nông trường chỉ toàn nữ là nữ, bói mãi may ra có vài gã đàn ông... lãnh đạo. Thành thử đã có chuyện thật như đùa: Một ông giám đốc nông trường, cẩn vặt một cô gái... tự nhiên có bầu, rằng: “nó là của ai”. Bị truy

riết, cô gái sinh liều: “Nếu cứ buộc tôi mãi, tôi sẽ nói “nó” là của ông đấy. Thế là câu chuyện cái bầu “vô chủ” bị ngưng ở đây.

Không phải khuyến khích hay tán dương chuyện “không chống mà chữa”, nhưng con người phải có cái nhân, và cũng phải hiểu “sai sửa, chữa đẽ” là chuyện đòi hỏi vậy. Có lẽ còn hơn nhiều những chuyện sai lầm mà không chịu sửa.

658. Sáng tạo... tối phá

Có nhiều công việc làm thì chẳng ra sao, nhưng lại được khoác lên những bộ cánh đẹp y như những phát minh, những sáng kiến có giá trị. Nhưng thực tế thì sao?

Baocongthuong.com.vn, 14/11/2013 : Chỉ tính ở lĩnh vực nghiên cứu khoa học nông nghiệp, hàng năm nước ta chi khoảng 1.000 tỷ đồng cho lĩnh vực này với đội ngũ tới 5.000 - 6.000 nhà nghiên cứu ở hơn 10 viện nghiên cứu. Nhưng theo nguyên Cục trưởng Cục Trồng trọt Nguyễn Trí Ngọc, các đơn vị nghiên cứu xong, lại nộp hội đồng đó đánh giá và... bỏ ngẩn kéo.

Chính vì lẽ đó dân gian mới ché chừ ra... Và cũng có thể nói, đây là một sáng tạo tuyệt vời, đúng nghĩa đen của nó, vừa giúp chỉ ra cái sai chết người cần chỉnh sửa, vừa làm tiếng Việt ta thêm giàu, thêm phong phú. Này nhé “sáng” đổi với “tối”, “tạo” ra đổi với “phá” đi, chẳng phải đổi chan chát sao? Lại nữa, “sáng tạo” ra, “tối phá” đi chẳng phải thành... phá hoại sao?

Được biết, theo Luật KHCN (sửa đổi) và Nghị quyết Trung ương 6, có 2 trong 3 vấn đề mà Bộ trưởng Bộ CNMT Nguyễn Quân đặt ra, có khả năng làm chuyển đổi việc sáng tạo... tối phá của ta. Đó là *Thú nhất*, phương thức xây dựng nhiệm vụ KHCN là theo cơ chế đặt hàng. *Thú hai*, về đầu tư phải thay đổi cân cân đầu tư giữa Nhà nước và xã hội. Doanh nghiệp đầu tư để đặt hàng giới nghiên cứu phục vụ cho mục đích cụ thể của họ, nên sẽ không có chuyện bỏ đê tài vào “ngắn kéo”.

Xin hoan hô và chờ kết quả.

659. Sát ván

Vật dân tộc là một môn võ cổ truyền Việt Nam có từ cả nghìn năm trước. Hiện ở nhiều nơi như làng Sinh, xã Phú Mậu, huyện Phú Vang, tỉnh TT-Huế, đã trở thành truyền thống hơn 500 năm nay, cứ vào ngày mồng 10 tháng giêng hàng năm, lại tổ chức hội vật, thu hút đông đảo người tham dự.

Làng Núc, làng Bùng, Thạch Thất, Hà Tây cũng là những địa danh nổi tiếng với hội vật truyền thống. Ở đây, có nhiều đô vật đã đạt giải cao tại các giải quốc gia và quốc tế. Huyện Thạch Thất còn là nơi đã được chọn đăng cai Giải vật cổ truyền toàn quốc.

Còn ở làng Đinh Bảng, Bắc Ninh lại tổ chức đấu vật kết hợp đón làng quan họ Cẩm Giàng (Hải Dương), vào ngày 15-16/2 âm lịch hàng năm...

Môn vật dân tộc, là môn thi đấu giữa 2 đối thủ, ai buộc đối thủ *l้าm lung, trääng bụng* hoặc bốc người lên khỏi mặt đất là thắng cuộc.

Còn trong môn Judo của Nhật, Để thắng trận, võ sĩ phải ghi được điểm Ippon (tương đương với 10 điểm). Điểm Ippon được tính, khi sử dụng thành công kĩ thuật osaekomi, quật đối thủ *ngã ngửa* và giữ đối thủ trên sàn trong vòng 25 giây.

Tiếng lóng, *thua sát ván*, có nghĩa là thua trắng, không gỡ được. Làm ăn thất bại mất cả vốn, làm sai bài phát hiện làm sai bài sau khi đã nộp quyền, đi biển gặp bão đánh tan hoang... đều có thể coi là *thua sát ván*.

660. Sáu mươi năm cuộc đời

“Sáu mươi năm cuộc đời” vốn là tên một bài hát của nhạc sĩ Y Vân. Trong đó có những câu: “*Anh oi! Sáu mươi năm cuộc đời.* *Hai mươi năm đầu sung sướng* *không bao lâu. 20 năm sau sâu* *vương cao vời vợi. 20 năm cuối* *là bao!*”

60 năm cũng đúng bằng số năm quy định tuổi về hưu theo Bộ luật Lao động của Việt Nam. Chính vì thế bài hát này cứ như vận vào... người lao động, nhất

là với những người sắp về vườn và đã về vườn.

Thứ phân tích 60 năm đó xem sao. 3 tháng biết lẫy, 7 tháng biết bò, 9 tháng lò dò biết đi. Rồi oe oe đi nhà trẻ, mẫu giáo... Nếu *tuần tự nhi tiến* thì 18 tuổi xong lớp 12, 24 – 25 tuổi tốt nghiệp đại học. Và theo kinh nghiệm dân gian thì “Tam thập nhi lập”, “Ngũ thập tri thiên mệnh”. Nghĩa là từ 30 tuổi con người có thể tự lập và 50 tuổi có thể tri thiên mệnh – biết được mệnh trời – tích luỹ được nhiều kinh nghiệm thực tế trong cuộc sống đáng quý, đáng trân trọng. 10 năm sau thì người lao động về hưu. Dưới góc độ khác, theo điều tra xã hội học thì tuổi thọ trung bình của người Việt Nam hiện nay là 75 – 80 tuổi, như vậy có nghĩa là ít ra người lao động đem về nhà xài (kiểu gì, vào đâu không rõ) 10 tới 15 năm “tri thiên mệnh” của mình.

Như vậy rõ ràng có phải chúng ta đã rất lãng phí, khi chỉ sử dụng cao nhất là 50% khoảng thời gian chất lọc tinh tuý nhất ở

mỗi con người không (tính từ 50 đến 70 tuổi)?

Và tên bài hát “*Sáu mươi năm cuộc đời*” trở thành như một thành ngữ nói lên thời gian sống và làm việc ngắn ngủi của người lao động Việt Nam.

661. Sáu nghịch lý...

Có một thực tế là dân Việt Nam chống ngoại xâm anh hùng thật, trong học tập sản xuất, thông minh thật, nhưng ngoài những tật xấu như hay nhòm ngó, kèn cựa, ném đá giấu tay (*xem mục 558*)... thì còn một cái tật rất nặng, làm ảnh hưởng không nhỏ tới quyền lợi, cũng như sự thành bại không chỉ của cá nhân, mà còn của tập thể và rộng ra còn là sự hung thịnh, an nguy của đất nước. Đó là không dám nói lên chính kiến, hay ăn theo nói leo, thường đóng vai nghị gật. Hiểu cả, biết cả, nhưng thấy người ta muôn năm cũng muôn năm, đá đảo cũng đá đảo, vỗ tay cũng vỗ tay...

Nhưng cuối cùng tự kiểm cũng thật hay, mà sửa thì không sửa. Xin đưa lại bản kiểm điểm

do chính chúng ta viết để các vị
tự đổi chiếu nhé.

*Ai cũng có việc làm
nhưng không ai làm việc
Không ai làm việc
nhưng ai cũng có lương
Ai cũng có lương,
nhưng không ai đủ sống
Ai cũng sống
nhưng không ai hài lòng
Ai cũng không hài lòng
nhưng ai cũng
giơ tay đồng ý.*

Có đúng vậy không, thưa cả
nhà ta?

662. Sáu tháng...

Hàng hóa Việt Nam thời bao
cấp, thường được thông báo:
"Hàng mẫu cấm sò vào", hoặc
"Mua rồi miễn trả lại".

Từ những năm 1980, hình như
ý thức về vai trò người mua hàng
(đem tiền đến cho mình) đã có
ít nhiều chuyển biến. Khách hàng
được tăng lên *"Thượng đế"*. Có nơi, có loại hàng đã vì
"Thượng đế" mà được chăm sóc
hơn, được dán tem bảo hành, và
thường ghi: *"Bảo hành 6 tháng"*.

Nhung thực tế chất lượng hàng
hóa vẫn chưa mấy cải thiện. Có
khi hàng mới mua về đã trực
trặc. Có trường hợp hư luôn. Vì
vậy dân tình nói lái: *"sáu tháng"*
là *"sáng thảo"*.

663. Săn đầu người

(blognhansu.net) – Headhunting
và headhunter – "Headhunter"
là cụm từ chỉ những người làm
trong nhóm ngành Nhân Sự
(HR – Human Resource) chuyên
đi săn chất xám, nhân tài theo
các đơn đặt hàng từ các công
ty khách hàng hoặc cho chính
công ty mình. Nghề này gọi
ngắn gọn là *"săn đầu người"*.

Người lao động là nguồn vốn
hữu hình trong mọi hoạt động,
ngày càng trở nên bức thiết và
đòi hỏi rất cụ thể, chính xác.
Phải đúng người đúng việc và
đúng giá. *(laodong.com.vn)* – Ở
Việt Nam hiện có những công
ty *"săn đầu người"* lớn hiện nay
là VIP database Corp. (www.vipdatabase.com), Nhân Việt,
First Alliances, Navigos (www.vietnamwork.com), Jobviet...

8/10/2013, Mạng cộng đồng các nhà quản lý Anphabe.com đã ký hợp tác chiến lược với 10 công ty *Sân đầu người* hàng đầu Việt Nam, cùng nhau ra mắt Cổng thông tin *Sân đầu người* đầu tiên tại Việt Nam tại địa chỉ www.Anphabe.com/Top-Headhunt. Tại đây quy tụ các công ty tuyển dụng nổi tiếng Việt Nam, như Talent Net, L&A, Infinity HR tới các tên tuổi quốc tế uy tín như Manpower, Harvey Nash, RGF, Bole, Faro, Adecco, Robert Walters,... Mạng sẽ liên tục cập nhật các cơ hội việc làm hàng đầu cùng danh sách các headhunter theo từng ngành nghề phụ trách tư vấn và tìm kiếm ứng viên cho các cơ hội. Giới nhân sự cấp cao có thể kết nối, gửi hồ sơ trực tiếp để nhờ các headhunter tìm việc giúp hoặc tự ứng tuyển vào các vị trí phù hợp.

664. Sập tiệm

Sập là đổ sụp xuống một cách đột ngột, trên một diện rộng. Tiệm (cửa hàng) là nơi buôn bán làm ăn. Sập tiệm, nghĩa đen

là vì một lý do gì đó mà bất ngờ nơi ta làm ăn bị sập xuống, hư hỏng nặng. Nghĩa bóng là hỏng việc rồi, không còn làm ăn được gì nữa rồi.

Thôi thế là ăn mày rồi! Sập tiệm rồi!

Để đe dọa người khác cũng có thể nói: *Đừng có lộn xộn. Tao đánh cho sập tiệm bây giờ.*

665. Sâu bọ lén...

Trong tiếng Việt, khi nói gì tới con sâu, thì thường chẳng lấy gì làm tốt đẹp. Nhẹ thì cũng là “*con sâu làm rầu nồi canh*”. Nặng thì rủa: *Đồ sâu bọ*.

Sâu bọ lén làm người là ám chỉ những người không ra gì, chỉ toàn mang những điều không tốt đẹp đến nay lại can dự vào những chuyện của con người. Hơn thế, lại còn ông nọ bà kia.

Ôi, loại sâu bọ lén làm người ấy mà, nói làm gì!

666. Secan-hand

Tiếng Việt nghĩa là những thứ đồ dùng rồi. Nhưng cũng giống như nhiều từ vay mượn nước

ngoài khác, người Việt Nam, đặc biệt là dân Sài Gòn ưa gọi đồ cũ là *secan-hand* hơn.

Trước giải phóng, Sài Gòn có một khu chợ rất lớn chuyên bán đồ *secan-hand*. Đó là chợ Dân Sinh, rộng hơn 5.000m², nằm ngay Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, bao quanh là các đường Yersin, Nguyễn Thái Bình, Nguyễn Công Trứ và Ký Con.

Vốn là khu ăn chơi cờ bạc Kim Chung, cuối năm 1954, đổi tên thành chợ Dân Sinh, chuyên bán đồ quân trang, quân dụng cũ và mới của quân đội Mỹ.

Từ năm 1978 đến năm 1989 là giai đoạn cực thịnh của chợ với đủ các loại hàng từ quần áo, vật dụng đồ nghề cũ như phụ tùng xe hơi, xe gắn máy,...

Nay TP.HCM còn nhiều khu bán đồ cũ như khu Nhật Tảo (quận 10), khu đường Nguyễn Kiệm, quận Phú Nhuận... Hẻm cạnh cầu Bằng Kỵ (đường Nơ Trang Long, quận Bình Thạnh, TP.HCM) cũng là một vựa “ve chai” lớn. Ở đây trưng bày đủ thứ từ đồng hồ, mắt kính cổ, giỏ

xách, zippo, rồi đến cả mô-tô, xe hơi...

Dân Hà Nội thì tìm đến các khu ở đường Phạm Ngọc Thạch, Đào Duy Anh, Kim Liên, Tôn Đức Thắng, Thụy Nhuận hay chợ Hàng Da. Đặc biệt là Kim Liên, hàng đủ loại, từ quần áo bò cho tới những chiếc áo phông hay những chiếc váy, đầm...

Bây giờ khi nói tới hàng (đồ) cũ, đám trẻ, ít gọi là *secan-hand* hơn là hàng nghĩa địa,

667. Sến... Mari Sén



Maria Schell - ảnh tư liệu

Có nhiều ý kiến về xuất xứ của ngôn từ này. Ví dụ: Giáo sư

Cao Xuân Hạo cho rằng từ *sến* xuất xứ ở từ “con sen – con ỏ” – phiên âm từ tiếng Pháp *jeune servante*: người hầu trẻ, người giúp việc. Thường người Pháp không dùng người giúp việc già, (Báo *Thanh Niên* 19.8.2005)...

Còn theo bài viết của ông Hoàng Phủ Ngọc Phan cũng đăng trên báo *Thanh Niên* (Việt báo đăng lại 22/8/2005) lại khác, nên chúng tôi xin trích để bạn đọc tham khảo:

“Khoảng thập niên 1960, các rạp ciné ở Sài Gòn, Huế và các thành thị miền Nam thay nhau chiếu một bộ phim rất ăn khách: *Anh em nhà Karamazóp*, chuyển thể từ tiểu thuyết cùng tên của Doxtôiepxki. Trong phim có cảnh một vũ nữ hộp đêm vừa múa vừa hát bài *Mambo Italiano* - y phục nghèo nàn, thân hình bốc lửa, tóc tai xõa xupro, gào thét và rên rỉ, quằn quại và khiêu khích... nói chung là quậy tép bến. Diễn viên đóng vai vũ nữ ấy là Maria Schell, trước đó chưa hề nổi tiếng, nhưng nhờ màn múa đầy ấn tượng này, tên cô

được quảng cáo ngang hàng với nam diễn viên Yul Brynner, tài tử thượng thặng của Hollywood. Phim chiếu loanh quanh các rạp, cả tháng chưa hết người xem. Lúc này bắt đầu xuất hiện những fan của Maria Schell.

Trẻ em đường phố tập tành nhún nhảy bài *Mambo Italiano*. Các cô gái đọt sóng mới lăng-xê kiểu tóc xõa xupro, mắt xanh Bel, phô trương thân hình... Trên sân khấu phòng trà mọc lên những ngôi sao ca nhạc gào thét, quằn quại như con thanh xà, bạch xà. Từ “*Mari Sén*” thoát tiên được dùng như một biến âm của Maria Schell để chỉ dạng biến thái này trong sinh hoạt của giới trẻ.

Chỉ một thời gian ngắn, từ “*Mari Sén*”, hoặc ngắn gọn là “*sén*” trở nên thông dụng để nói về người (cả nam lẫn nữ) về âm nhạc, phim ảnh, hội họa, thời trang... và cả ngôn ngữ văn học, cung cách ứng xử trong giao tiếp hằng ngày.

Ông Hoàng Phủ Ngọc Phan cho rằng: Đây không phải là

chuyện nhỏ. “Sến” thuộc phạm trù thẩm mỹ, một trong 5 nội dung lớn (đức, trí, lao, thể, mỹ).

“Sến” không hẳn là quê. Cái quê trong thơ “Chân quê” của Nguyễn Bính hay trong tranh dân gian làng Hồ thì đâu có *sến*. Nhưng khi Lê Trung vẽ gái quê mà mông má, màu mè ngó dữ dằn hơn gái thành thị, trách chi chẳng bị họa sĩ Trịnh Cung chê “sến”. Ông Phan kết luận: Theo tôi, “sến” là biểu hiện những dạng thị hiếu thẩm mỹ dưới trung bình. Tiếng Pháp không có từ “sến” nhưng có từ tương đương: sous - culture (dưới văn hóa).

668. Sếp luôn đúng

Theo lẽ thường thì sếp là người ra lệnh, và theo lý thì sếp là người giỏi hơn, tổ倜 mọi việc hơn. Và trên hết, sếp là người có quyền, bảo tiến là phải tiến, mà kêu lui thì phải lui. “Quân lệnh như sơn” mà. Nhưng vì nhiều lẽ mà ngày nay có không ít sếp, trình độ đã yếu kém lại luôn bắt nhân viên “cứ y lệnh” mà làm. Kháng lệnh là... toi! Và

không khéo thì toi thật. Vì vậy, dân gian có câu khi nói về sếp, có 2 điều. Điều 1: Sếp luôn luôn đúng. Điều 2: Nếu Sếp không đúng, xem lại điều 1. Nói kiểu gì thì nói, Sếp lúc nào cũng đúng.

669. Sinh Bắc tử Nam

Tính từ 1954 đến 30/4/1975, giai đoạn đầu (trước 1968), khi quân Mỹ đánh phá ác liệt vào hệ thống quân y viện chưa phổ biến, cứ 10 lính Quân đội nhân dân Việt Nam vào Nam chiến đấu thì chỉ 5-6 người tới đích, còn lại nhiều người bị ốm hoặc tử vong dọc đường do sốt rét, rắn cắn, kiệt sức hoặc tai nạn.

Hiện Nghĩa trang Liệt sĩ Trường Sơn là nghĩa trang liệt sĩ lớn nhất Việt Nam với hơn 7 vạn mộ, cũng chỉ chiếm một phần số bộ đội hi sinh khi hành quân trên tuyến đường này. Trong 1,1 triệu quân nhân thiệt mạng, có khoảng 300 ngàn mất tích. Công tác tìm kiếm hài cốt liệt sĩ được tiến hành liên tục, nên đã giảm con số mất tích xuống còn khoảng 216 ngàn (năm 2012).

Có thể nói tất cả các tỉnh thành miền Bắc đều có con em đi bộ đội chiến đấu trong Nam. Và ở đâu cũng có những người con hy sinh.

Khoét sâu vào nỗi đau, mong làm nhụt ý chí chiến đấu của quân dân ta, lúc đó đài Guom thiêng ái quốc của ngụy có mục “*Sinh Bắc tử Nam*” tối ngày ra rả, tin tức những cán bộ chiến sĩ ta hy sinh, kể cả những người bị chúng bắt hoặc nấm được thông tin, với một giọng như của người từ cõi âm: *Sinh Bắc tử Nam, hồn vov vẫn Trường Sơn, đổi lăm...*

Chiến tranh đã qua lâu rồi, mọi chuyện chỉ còn là quá khứ. Có quá khứ vui, có quá khứ buồn, xin đừng quên gì cả

670. SKZ

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, ta còn khó khăn thiếu thốn mọi bề. Đặc biệt vũ khí ngoài một số cướp được từ tay quân Pháp, còn lại toàn súng kíp, giáo mác gậy gộc. Chính vì thế, việc nghiên cứu chế tạo ra vũ khí cực kỳ quan trọng.

Năm 1947, Nha nghiên cứu kỹ thuật quân giới (sau đó là Viện nghiên cứu quân giới), dưới sự chỉ đạo của các kỹ sư vũ khí tài năng như: Trần Đại Nghĩa, Nguyễn Trinh Tiếp, Ngô Gia Khảm... đã nghiên cứu thiết kế và chế tạo ra: súng Badoca, súng SKZ, đại bác DKZ, đạn bay... góp phần vào các chiến dịch chống Pháp thắng lợi của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Súng SKZ 60 không theo một mẫu sẵn có nào, chỉ nặng 26kg, có thể tháo rời, dễ mang vác. Đạn SKZ 60 là đạn lõm, nặng 6kg, có khả năng xuyên thủng bê tông dày 60cm (gấp 3 lần ba-dô-ca 60). Cuối năm 1949, trong chiến dịch Lê Hồng Phong, lần đầu tiên ra trận, SKZ60 đã lập công, tiêu diệt nhanh chóng cá lô cốt dày 60cm của địch.

Sau đó trong kháng chiến chống Mỹ, nó đã được Quân giải phóng miền Nam Việt Nam và Quân đội nhân dân Việt Nam sử dụng chống tăng-thiết giáp, tiêu diệt bộ binh, phá bã mìn vật cản, tiêu diệt công sự rất hiệu quả, nhiều xe tăng M-41, M-48

và xe bọc thép M-113 của Mỹ và Quân lực Việt Nam Cộng hòa đã bị tiêu diệt bằng nhiều loại súng DKZ trong đó có B-40.

SKZ là viết tắt của *súng không giật*; *DKZ* là *đạn không giật*.

Thiếu tướng, Giáo sư, Viện sĩ Trần Đại Nghĩa (1913–1997) là một kỹ sư quân sự, một nhà khoa học lớn, cũng như một nhà quản lý khoa học kỹ thuật cấp cao, cha đẻ của ngành công nghiệp quốc phòng Việt Nam. Ông đã được trao tặng Huân chương Hồ Chí Minh và danh hiệu Anh hùng lao động (tại đại hội Anh hùng, chiến sĩ thi đua toàn quốc đầu tiên năm 1952), Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt 1 (năm 1996) về Cụm công trình nghiên cứu và chỉ đạo kỹ thuật chế tạo vũ khí (Bazooka, súng không giật, đạn bay). Năm 1966, ông được bầu làm Viện sĩ nước ngoài của Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô.

671. Són phân

Nghe dẽ có cảm giác ai đó bĩnh ra quần, và phản xạ bịt mũi... Nhưng đó lại là một nhu cầu rất

chính đáng và văn minh của chị em, trước khi ra đường.

Són phân nói lái là *phấn son*, là trang điểm. Đơn giản vậy thôi.

Có lẽ cũng cần thêm ít dòng cho đủ lệ bô. Ngày xưa, cách đây chừng 60 – 70 năm, tự nhiên mà các bà các môi son má phấn là thế nào cũng bị dị nghị. Thậm chí ở nhà quê, chỉ cần cầm lấy cây son là có vấn đề; cứ phải giấu giấu giếm giếm như ăn vụng.

Bây giờ thì ngược lại, người phụ nữ nào không biết tu chỉnh cho mình trước khi ra đường bị coi là thiếu tự trọng.

672. Số má

Trước 1975, ở ngoài Bắc, xe đạp có đóng số khung (sườn) để kiểm soát, chống ăn cắp. Cũng dễ hiểu, vì lúc đó đấy là cả một gia tài. Sau 1975, rồi đến nay, xe máy từ khoảng hơn một triệu chiếc lên đến 37 triệu chiếc đã đăng ký / 90 triệu dân. Và với 3,1 triệu xe bán ra trong năm 2013, Việt Nam là thị trường xe máy lớn thứ 4 thế giới về doanh số - sau Trung Quốc, Ấn Độ và Indonesia.

Bây giờ chỉ có xe máy và ô tô có đăng ký số sùờn, số máy. Chắc cả máy bay nữa.

Nói cách khác cái gì có đánh số nọ số kia là có giá đấy, có hạng đấy.

Nhưng ngoài các phương tiện, dụng cụ phục vụ con người, còn một lọai nữa cũng có số má đồng hoàng. Đó là con người. Hai loại, một là mấy tay tội phạm bị tù, tạm thời mất quyền công dân, nên người ta không gọi tên, mà đánh số để điểm danh khi cần. Và những người này cũng không được kêu tên người khác, hoặc xưng hô theo vai vế, tuổi tác, mà phải gọi bằng ông, bằng cán bộ... Loại kế lại chia làm hai. Một giống loại tù nhưng chưa vào tù. Loại hai, dạng có máu mặt, có chức quyền, hoặc quen biết lớn.

Tay anh chị, trùm xã hội đen, cũng như cây con ông cháu cha, và những kẻ có chức quyền biến chất, đều được dân làm ăn gọi là dân có số má. Đe dọa thì bảo: *Này nó có số má đồng hoàng đấy, đừng đụng*

vào. Mà nhờ cậy thì bảo: *Đừng coi thường, ông ta là người có số má đấy.*

673. Sồn sòn nhu lông...

Lá “han” (bọ nẹt) có chất làm ngứa rất kịch liệt, hễ đụng phải là ngứa, gãi tới tót da cũng không hết, dùng thuốc gì chữa cũng không khỏi. Đi tắm suối, rủi đụng lá cây han mọc ven bờ, hoặc thậm chí tắm ở vùng lá cây han sà xuống nước sẽ ngứa ngáy khắp người. Nên phương ngôn ta đã có câu: “Ngứa như phái lá han”. Vậy nhưng dùng lá han đun thật sôi, lấy nước để nguội, tắm vài lần khỏi hẳn. Nhớ tuyệt đối đừng pha một chút nước lᾶ nào vào. Nếu pha nước lᾶ thì ngứa lại hoàn ngứa. (*Trịnh Văn Hải* trích *Tử Siêu Y Thoại*).

Cây lá han mọc nhiều ở nông thôn miền Bắc nước ta. Người ta trồng nó làm bờ đậu, để những kẻ ưa tẩy má, biết mà đứng xa.

Để nói xiên nói xéo những người đàn bà hẽ đụng chuyện gì cũng nhảy dựng lên, dân gian còn có câu: *Sồn sòn nhu lông l...*

gặp lá han. Chẳng hiểu thực tế
có đúng vậy không!?

674. Sông Hương nước chảy lững lờ

Sông Hương hay Hương Giang là con sông chảy qua thành phố Huế và các huyện, thị xã: Hương Trà, Hương Thủy, Phú Vang đều thuộc tỉnh Thừa Thiên-Huế, miền Trung Việt Nam.

Theo các sách cổ, trước khi mang tên sông Hương, con sông này tuỳ theo thời gian có những tên khác nhau.

Sách “Dư địa chí” của Nguyễn Trãi (1435), viết là sông Linh.

Sách “Ô châu cận lục” do Dương Văn An nhuận sắc vào năm 1555, viết sông cái Kim Trà (Kim Trà đại giang).

Sách “Phủ biên tạp lục” của Lê Quý Đôn gọi là sông Hương Trà (Hương Trà nguyên).

Nhiều tài liệu khác cho biết sông Hương đã từng mang tên sông Lô Dung, sông Dinh, sông Yên Lục.

Từ năm 1469 dưới thời Lê Thánh Tông, Kim Trà là tên

của một huyện ở phủ Triệu Phong thuộc Thừa tuyên Thuận Hoá. Đến khi Đoan Quốc công Nguyễn Hoàng vào trấn phủ Thuận Hoá (1558), huyện Kim Trà được đổi tên là Hương Trà.

Trong bài thơ “Cô gái sông Hương” của Tố Hữu, nói về thân phận một cô gái trên dòng Hương Giang, có đoạn:

*Trăng lên trăng đứng
trăng tàn
Đời em ôm chiếc thuyền nan
xuôi dòng...
Em đi với chiếc thuyền không
Khi mô vô bến
rời dòng dâm ô...*

Thời Mỹ ngụy, tôi có một bậc đàn anh dạy học ở Huế, anh kể, hồi đó ở Huế cóm hến là com nhà nghèo, nay thành đặc sản. Lại bảo bún bò Huế cay chứ ớt Huế không cay. Và anh đọc câu thơ: *Sơn bất cao/Thủy bất thâm/ Trai đa trá/Gái đa dâm.* Tôi bảo anh: Sao tôi thấy con gái Huế dễ thương từ dáng vẻ lẵn lời nói. Còn trai Huế thì đa tài như Trịnh Công Sơn chẳng hạn. Anh cười: Thì minh nói chuyện xưa

mà. Từ cái thời ông Minh Mạng ấy. Anh bảo lúc anh dạy ở Huế, còn có câu thơ cũng có tính giai đoạn, thời cuộc, nhầm vào mấy anh giáo:

*Sông Hương nước chảy lo thơ
Xuống sông chấm đỉ lên bờ
chấm thi*



675. Sóng chung với lũ



baomoim.com

Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long, tính từ thời Thống suất Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh mở đất phương Nam đến nay là hơn 315 năm (1698 – 2013), thì chí ít cũng có tới khoảng 290 năm dân tình ở vùng này luôn “*sống chung với lũ*”. Chắc chắn không phải ông cha ta ngày xưa không biết trị thủy. Những công trình như Kênh Tàu (tào) Hü ở vùng Chợ Lớn (Sài Gòn) xưa, Kênh Vĩnh Tế nối liền Hà Tiên với Châu Đốc (An Giang)... đủ chứng minh cho điều đó.

“*Sóng chung với lũ*” chính là vì trong cái hại có cái lợi từ lũ. Mà ngẫm xem, chắc chắn cái lợi nhiều hơn cái hại, thì ông cha ta mới chọn và theo giải pháp đó hàng trăm năm. Chuyện cũng rất dễ hiểu, vùng DBSCL là hạ nguồn, sát cửa biển, nên dòng chảy càng bó hẹp thì tốc độ nước càng tăng và sức công phá của nó càng lớn. Ngược lại, dòng chảy mở càng rộng thì tốc độ nước lưu chuyển càng chậm và dâng lên từ từ. Chỉ tính cách đây lối chừng 100 năm, chỉ có

mỗi “năm Thìn bão lũ” (1952) là ĐBSCL phải chống chọi với lũ.

Còn cái lợi từ lũ thì sao? Báo Hà Nội Mới 14/10/2011: Theo tính toán của ngành nông nghiệp tỉnh An Giang, trung bình mỗi năm tỉnh có giá trị tăng lên khoảng 2.000 tỷ đồng nhờ khai thác lợi thế do mùa nước nổi đem lại. Các làng nghề làm lưỡi câu ở Đồng Tháp thu nhập cũng tăng 40% – 45 % so với những năm không lũ. Mùa nước nổi bà con vùng ĐBSCL còn thu lợi không nhỏ từ đánh bắt thủy sản...

Lũ còn giúp thau chua, rửa mặn, diệt sâu rầy cho ruộng đồng hiệu quả hơn mọi công sức và thuốc trừ sâu đặc hiệu.

“*Sống chung với lũ*”, là chung sống hòa bình với lũ, tìm cách khai thác những lợi ích từ lũ và “né” những thiệt hại do lũ đem lại. Không duy ý chí, chống lũ sai quy luật tự nhiên. Và càng không nên làm khoa học theo kiểu... mô phỏng chính trị.

Áy thế nhưng chẳng hiểu do đâu, mà chúng ta cứ cương

quyết chống lũ, “*vượt lũ*”, cứ đắp bờ bao để cứu những khoảnh lúa riêng lẻ, mà làm cho ngập úng, xói mòn của các vùng khác trở nên nghiêm trọng hơn. Đặc biệt, sẽ luôn làm cho cả một vùng 13 tỉnh mất ăn lớn từ lũ, thiệt hại lớn từ lũ và... năm nào cũng phải chuẩn bị “đốt năm trăm để tìm một đồng”.

Vì vậy, khái niệm “*sống chung với lũ*” chỉ được nghe nói và được thực thi phần nào từ cuối những năm 90 của thế kỷ 20, sau khi chúng ta đã tự mình gây không ít thiệt hại cho ĐBSCL.

676. Sơ tán



Lán sơ tán tại Xuân Phú năm 1966
(Nguồn: Nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân).

Theo *TDTV* – NXBKHXH 1989: Sơ tán là tạm tản ra khỏi những nơi đông dân để tránh tai nạn chiến tranh – nay từ sơ tán chỉ

tất cả việc tạm di dời chỗ ở, chỗ làm việc tránh mọi tai nạn, thường là do thiên tai, hỏa hoạn.

Trong thời kỳ Mỹ ném bom bắn phá miền Bắc, nhiều cơ quan, trường học, nhà máy, xí nghiệp phải sơ tán khỏi các thành phố Hà Nội, Hải Phòng, Thái Nguyên... về những vùng quê xa xôi hẻo lánh để tránh thiệt hại và tiếp tục làm việc, học tập.

677. Sở Khanh

Một nhân vật trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, là một gã ăn chơi dâm loạn, chuyên đi lừa gái lầu xanh. Kiều đã tin lòng Sở Khanh và bị “vùi hoa dập liễutoi bời”, cuối cùng phải buộc lòng nghe theo Tú bà: “*Thân lươn bao quản lầm đầu/ Chút lòng trinh bạch từ nay xin chùa*”.

Truyện Kiều được Nguyễn Du viết khoảng (1804-1809), như vậy chí ít Sở Khanh đã trở thành cái tên cho những kẻ chuyên lừa tình trên dưới 100 năm nay rồi.

Trong dân gian Việt Nam, ngoài cái tên Sở Khanh, nói ra ai cũng biết, cũng khinh bỉ, thì

những kẻ lừa tình còn có một cái tên Tây khá sang, là *Đông Gioăng* (*xem mục 323*).

Trên màn ảnh năm 2013, có một bộ phim khá ăn khách có tên Don Juan (Đông Gioăng), do Mỹ sản xuất, đạo diễn Joseph Gordon, khi sang Việt Nam được giới thiệu cho hợp cảnh hợp tình, là “*Sở Khanh thời hiện đại*”. Thế mới thấy nhân vật này, tuy người này quả là nổi đình đám và... sống dai thật.

678. Sụm bà chè

Sụm, TĐTV - NXBKHXH, 1994, là sụt xổng, TĐĐối chiếu Từ địa phương, là sụp đổ, ngã quy xuống. Còn *bà chè*, là tiếng Nam bộ, theo www.bachkhoatrithuc.vn, nghĩa là *bánh chè*.

Trong chuyển động đi lại của con người, ngoài chuyện thần khinh điều khiển, thì về gân, cơ, xương, khớp có gân Asin nếu bị cắt đi là liệt luôn (*xem mục Banh talon*). Còn bánh chè, nằm trong một bao hoạt dịch, cùng hệ thống gân cơ bám vào, giúp chân co duỗi dễ dàng. Khi

xương bánh chè có vấn đề như viêm gân, cơ liên quan, mẻ hoặc vỡ xương..., thì ngay lập tức làm hạn chế cử động của khớp gối.

Và như thế, khi nói ai đó “*sụm bà chè*”, thì cũng đồng nghĩa với việc, nó mệt rồi, hỏng rồi, thua rồi.

679. Suzuki là sành điệu

Đó là một slogan cho Suzuki Viva của hãng Suzuki, nhưng phải nói câu đó rất tân thời và dòng xe đó được thanh niên ưa chuộng. Trước đó Suzuki xếp sau Honda và cả Yamaha, nhưng Suzuki đã bứt phá ngoạn mục và tạo cơn sốt “*sành điệu*”. Một nhân viên PR giải thích: Tính năng, tác dụng, chất lượng các dòng xe đều đã tới đỉnh và tương đương nhau, chỉ còn mỗi kiểu dáng là có thể cách tân. Suzuki chỉ thay đổi chút xíu, làm cái sườn sau vuốt lên, cái yên nhông lên. Và thế là ba đường cong của cô gái ngồi sau được tôn lên. Và cô gái sẽ... tự nhiên chạm ngực vào lưng người... yêu rất tình. Thế là “*sành điệu*”.

Cái từ “*sành điệu*” có ăn tới mức, một cái quán café mang tên “*Sành điệu*” mọc lên ở ngã ba góc đường Tú Xương với Cách Mạng tháng 8, quận 3, TP.HCM. Có một tạp chí cũng mang tên “*Sành điệu*”.

680. Sương sương, chưa tới bến

Cụm từ này chỉ dân nhậu và cũng chỉ nói trong cuộc nhậu. *Sương sương* có nghĩa là chút chút, hay tạm tạm thôi. Chắc vì một lý do nào đó mà mấy bợm mới nói vậy. Chẳng hạn bợm phải đi đón con, có công chuyện ít lâu sau đó... Chứ không súc mấy mà chịu. Không biết ở quốc gia nào, chứ ở Việt Nam, nhậu là nhậu tới bến, không say không về! (xem mục 416).

681. Sư phụ

(*Từ điển từ và ngữ Hán Việt*, Nguyễn Lan, NXB TP.HCM, 1989, trang 593): Từ người học trò trong chế độ phong kiến tôn xưng thầy mình như bố.

Bây giờ cũng vẫn vậy, khi tôn vinh một ai mà mình cho rằng

đáng mặt là thầy, thì người ta
vẫn kêu người ấy là sư phụ.

Và những anh chàng có máu
dê, gồm cả những con dê đực
người ta cũng kêu bằng sư phụ.
Sư phụ trong lĩnh vực đó.

Từ ngữ này có khi là khen
người đàn ông đó mạnh mẽ.
Nhưng thường là phê phán, chê
bôi nhọ những tay *dê cụ - dê lộ*.

*Ôi, cái thằng cha đó hả? Sư
phụ đây!*

T

682. Tà lợt

Theo *TDTV*, chữ tà, có tà ma, tà đạo – trái đạo đức. Lợt là lợt xuống (lợt sàng xuống nia), cũng có nghĩa là chui vào (*đêm thu gió lợt song đào* – Kiều). Nhưng không hề tìm thấy chữ ghép tà lợt.

Đây là từ ngữ gốc Khmer, thông dụng ở miền Nam Việt Nam, nhất là vùng các tỉnh biên giới Việt Nam – Campuchia.

Vùng biên giới Tây Ninh có một xã mang tên Tà lợt.

Trong tiếng Khmer (Campuchia), Tà lợt có nghĩa là cái vỏ dừa khô

Người Khmer có câu: “*Tà lợt đòn*” có nghĩa là cái vỏ dừa khô, rẻ tiền, không dùng làm gì, người ta ăn xong cơm dừa rồi vứt cái tà lợt đi....”

Người Khmer và Khmer Nam bộ Việt dùng chữ *tà lợt* chỉ những người nghèo, chuyên đi theo đám ăn tàn, nhân cách rẻ tiền chỉ làm mỗi cái chuyện cho người ta sai vặt, chỉ có cơ bắp,

683. Tả pí lù

An Chi (RCMCN, *Người Đô Thị*, 10-6-2010), trích *Chuyện cũ Hà Nội* của Tô Hòa, Hà Nội, 1986, trang 92-193: “Những cái còn thừa sau bữa ăn ở các trại lính, người ta vun lại, quét lại, tống vào thùng, vào bao tải. Rồi quấy, rồi cho lên xe bò, kéo ra (...) Những đĩa xào đã được trút vào cái xô nhôm thành nồi xào tạp bí lù bạc nhạc, xương sườn xương sụn thịt nhả bã với cà chua, lốn nhốn hành tây, cần tây, lá xà lách....”.

Sau khi trích dẫn Tô Hoài như trên, tác giả An Chi nhận xét:

“*Tạp pín lù* (“tả pín lù”) là món ăn cầu kì, đắt tiền. Thức ăn toàn là đồ tươi chín không phải đồ ăn còn thừa như *lâm vố*.

“Thường thức “*tả pín lù*”, công phu lẩm. Muốn cho thực đủ vị, phải có cá, tôm, mực, gà, lợn, bào ngư, hầm sì, bong bóng... mỗi thứ gấp một miếng nhúng vào nước dùng, rồi gia thêm cải bẹ xanh, cải soong, hành hoa để cả cuộng, ruồi nước dùng vào bát mà ăn, chính lúc các món ăn đương nóng.”

Thực ra *tả pín lù* khác xa *lâm vố* hoặc *xào bần* (xem mục 826). Đây là một món ăn vốn gốc từ thảo nguyên Mông Cổ, được đưa vào Trung Quốc rồi từ Trung Quốc, sau này người Quảng Đông mới đem sang nước ta. *Tả pín lù* là âm Quảng Đông, mà âm Hán Việt là *đả biên lô*.

Pín lù là một thứ lò trên đó có đặt một loại nồi để ăn nóng tại chỗ một loại thức ăn có nước. Nó là cái *lẩu*, mà vài chục năm

trước đây, trong Nam còn gọi là cái *cù lao*.

Cụ Vương Hồng Sển, khi giải nghĩa tên sách của mình Sài Gòn *Tạp Pín Lù*, Nhà xuất bản Tổng hợp TP.HCM: “Tả, tạp là “đả”, đánh; Pín - có hai nghĩa: “pín” là đuôi sam thằng Chệc đời Mân Thanh, nhưng đây pín có nghĩa là “biên” (Hán tự) và “bên, gần bên” (Nôm). Lù là lò, lò lửa. Tạp pín lù, là “đả biên lô”, tức là món ăn nấu chín gần bên lò lửa; cũng như “ăn sán lẩu” là ăn thịt sống nhúng vào nước sôi bắc trên lò lửa nóng. Sán - sanh (thức ăn còn sống, chưa chín), “lẩu”: lò (lô), ăn Sanh lô, nhưng nếu nói: “sanh lô” ba Tàu không hiểu, phải nói theo họ “ăn sán lẩu”, hoặc ăn “cù lao” vân vân.

Sài Gòn tạp pín lù, nôm na là Sài Gòn thập cẩm, Sài Gòn tào lao, Sài Gòn ba lăng nhăng, ai muốn hiểu sao thì hiểu. Sài Gòn sán lẩu cũng được, nhưng tạm dùng danh từ tạp pín lù. Nếu nói theo Bắc thì “Sài Gòn thập cẩm; nếu nói theo Trung thì “Sài Gòn tào lao”, nhưng tác giả sanh

tại Sóc Trăng (Nam Kỳ) nên: tập này danh gọi Sài Gòn tạp pín lù là vì vậy”.

684. Tạch tạch sè

Trí thức là người chuyên làm việc trí óc, có tri thức chuyên môn cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp của mình. Họ là tầng lớp bao gồm những nhà khoa học, những người dậy học, bác sĩ, nghệ sĩ, kỹ sư... không phải là một giai cấp xã hội, vì trong mọi hình thái kinh tế-xã hội, trí thức xuất thân từ những giai cấp khác nhau và không có vai trò độc lập trong sản xuất. Và ở Việt Nam được gọi là thành phần tiểu tư sản.

Chính vì có tri thức, hiểu biết và luôn suy xét về hướng đi của dân tộc, của mình, nên lại “bị xem là có lập trường bấp bênh, dễ bị dao động, ít được tin tưởng, cần được theo dõi”.

Và không rõ từ đâu, đã có thời họ bị xếp chung và đầu tiên vào một loại : Trí – Phú – Địa – hào/ Đào tận gốc, trốc tận rễ.

Ở Hà Nội sau tiếp quản, con cán bộ khi khai lý lịch, lúc đầu

ghi thành phần là TTS, thời gian sau lại thấy ghi là TTS công chức, hoặc viên chức; sau nữa ghi là con CB.

Tiểu tư sản viết tắt là TTS, và được diễn nghĩa là Tạch – tạch – sè (có noi nói là xè). Trong TDVN, sè sè nấm đất... mà chữ “sè” vẫn s cũng khớp với chữ *sản* trong tiểu tư sản?

Tạch tạch sè là ai? Chẳng phải là những người như Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, Kỹ sư Trần Đại Nghĩa, Đặng Phục Thông, GS.Tôn Thất Tùng, GS.Trịnh Xuân Thuận, GS.Ngô Bảo Châu, Nghệ sĩ piano Đặng Thái Sơn..., là những người đã làm rạng danh đất nướcđó sao?

685. Tai lá mít, đít lồng bàn

Ca dao xưa có câu:

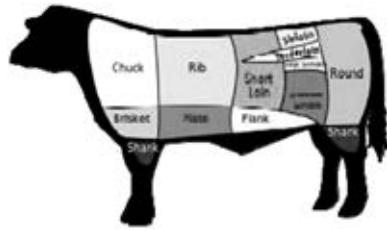
*“Trông mặt mà bắt hình dong
Con lợn có béo
thì lồng mói ngon.”*

Và khi xem lợn, thì “*tai lá mít, đít lồng bàn*”, là tai to như cái lá mít, đít bụt như lồng bàn, là con lợn tốt giống, hay ăn chóng lớn. Ấy là nói về con lợn,

con heo. Nhưng học trò đứng thứ ba sau ma, nên học bài về chăn nuôi chưa thuộc, nhưng đã thuộc mấy cụm từ nghe lạ tai và áp dụng ngay vào cuộc sống. Những bạn gái nào béo mập đều bị trêu chọc là “*tai lá mít, đít lồng bàn*”. Hoặc được tả “*khum khum hình vại/ thoai thoái hình chum*”.

Trong Nam, đùa thì gọi người béo là *bà xã xệ, ông phì lủ*.

686. Tái nạm (tái gầu, tái chín...) - xơi tái luôn



Phở lúc đầu chỉ thuần là phở bò với hai loại tái và chín. Sau này, có thể do sáng kiến của mấy người nấu phở, cũng có thể do thiếu thịt bò, hoặc do nhu cầu của thực khách, mà có thêm phở gà. Nhưng phở gà chỉ có một loại chín và muốn

ăn cái gì trên con gà như cánh, đùi, hay lườn, rồi trứng non... thì gọi.

Còn phở bò cũng trở nên thi vị hơn, đa dạng hơn. Và tái hay chín bây giờ phân ra khá nhiều loại, chẳng hạn gầu, chín, nạm, gân. Đặc biệt, trong Nam, có lẽ chỉ ở Sài Gòn có thêm chín nạm (vú bò).

Thời kỳ Mỹ ném bom bắn phá miền Bắc, Hà Nội có thêm “phở không người lái” (xem mục 626).

Bây giờ thì loạn cào cào, người ta chế ra đủ loại phở. Nào là phở ngan (vịt xiêm), phở bò viên, phở nghêu...

Nạm, tiếng Anh là brisket, là miếng thịt phía trên, phần giáp giữa đùi với thân con bò, đây được xem là phần ngon nhất của con bò. Nên tái nạm, chín nạm cũng hay được thực khách kêu.

Nhưng với một công chuyện gì đó, hay với ai mà ta có việc liên quan cần giải quyết, thì *tái nạm* đồng nghĩa với làm luộn, xong ngay, choi ngay...

“*Xơi tái luôn*”, cũng đồng nghĩa vậy.

687. Tám giờ vàng ngọc

Từ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đến Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cán bộ công chức Việt Nam vẫn làm việc theo chế độ 8 giờ/ ngày. Để phấn đấu cho mục tiêu “Tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên CNXH”, “Tất cả vì miền Nam ruột thịt”..., khẩu hiệu “*Tám giờ vàng ngọc*” ra đời vào những năm 1960, ở miền Bắc. Phải thừa nhận câu này “trên cả tuyệt vời”. Thời giờ mà quý như vàng ngọc thì đúng là một phút, một giây cũng không thể bỏ phí.

Nhưng thực tế thì như thế nào? Cũng trong khoảng những năm 1960, nghe đâu đã có một khảo sát của chuyên gia nước ngoài cho thấy: Nếu trừ đi các giờ đan len của chị em và hút thuốc lào, thuốc lá của cảnh đàn ông, cùng những giờ tán dóc, thì thực chất chỉ còn 4 – 5 tiếng hữu ích. Ở đây cũng có điều phải bàn thêm, rằng không hẳn do dân tình lười biếng, mà một phần do các quan trên không “đêm nằm nghĩ việc ra cho mà

làm”. Và nhiều khi nghĩ mà cũng không ra. Vì vậy, “dưới” bão đầm có mặt tám giờ là nghiêm chỉnh lấm rồi, tốt lấm rồi.

688. Tạm ứng

Từ tạm ứng, là ứng trước, trả sau, thường chỉ dùng trong việc tiền nong. Ví dụ: Tạm ứng tiền đi công tác, sẽ thanh toán sau. Nhưng với dân gian, còn có một loại tạm ứng mà không chắc đã có trả.

Trong cuộc sống, việc tình cảm trai gái lỡ dại, lỡ khôn nhiều lúc không tính trước được. Và chuyện không chồng mà chưa cũng có thể xảy ra. Tất nhiên, khi mang bầu, thiên hạ đã nhìn thấy, thì cũng có thể hiểu chuyện gì đã xảy ra trước đó, có một tác nhân thứ hai nào đó của cái bầu. Đây có thể là một ông bố tương lai, nhưng có thể cũng không.

Việc tạo ra cái bầu, trước khi có thể hoặc sẽ thành vợ thành chồng của ai đó được dân gian, đúng hơn là từ cán bộ công nhân viên mà ra, gọi là “tạm ứng”.

Từ ngữ “*tạm ứng*” có từ khoảng những năm 1960, sau khi cán bộ, bộ đội sống một thời gian dài trong rừng núi và chỉ lo tới công việc, chiến đấu,... đồng thời phải bế quan tỏa cảng, tự nguyện *ba khoan*(xem mục 55).

Và ngôn từ “*tạm ứng*” chỉ dùng cho nam giới. Vì thực chất anh chưa được sự đồng ý (có tính nguyên tắc), thì đã chi... lăng quăng ra rồi.

Với nữ có bầu trong trường hợp tương tự, người ta nói là “*ăn cơm trước kẻng*” (xem mục 30).

689. Tan tành xí quách

Xí quách, hay xíu quách là những xương xẩu được nấu lên để làm nước dùng. Sau người ta có thể vớt ra ăn những mẩu thịt còn sót dính trên xương. Nói cách khác xí quách là cạn kiệt rồi, chẳng còn gì mấy.

Tan tành, là tan nát hoàn toàn, không còn gì nguyên vẹn.

Nhu thế xét về ngữ nghĩa thì *tan tành và xí quách* cũng có tương đồng. Vậy khi hai từ này ghép lại, người ta có thể hình

dung ra ngay là việc đó, vật đó hỏng nặng nề, thậm tệ rồi, không còn cách nào cứu vãn nổi.

690. Tân như bở củi

“*Tân*”, trong “*tán chuyện*” và “*tán dóc*” là nói với nhau những chuyện linh tinh, không đâu vào đâu, cốt cho vui (*TĐTV – NXBKHXH, 1989*). “*Tân gái*” là nói chuyện với bạn gái mà mình yêu thích, tìm cách làm cho người đó mến phục mình. Nhưng thực tế không phải anh nào cũng có khoa nói. Có anh khi gặp bạn gái cứ gãi đầu gãi tai, bút lá, mà không thốt được câu nào, cứ “*im thin thít nhu thít nấu đồng*” vậy. Lại có anh nói năng thì chẳng đâu vào đâu, thậm chí vô duyên, nhưng cứ nói văng miệng, nói lấy được, thì bị coi là “*tân như bở củi*” – cứ hùng hục dùng sức mà làm.

“*Tân như bở củi*” xuất hiện đầu tiên trong sinh viên ĐHTDTT Từ Sơn vào khoảng năm 1964, khi mà các khóa sinh viên bắt đầu phải sơ tán về vùng nông thôn hẻo lánh xa Hà Nội.

Ngoài việc học tập sinh viên còn phải làm đủ mọi chuyện không trong chương trình đào tạo. Và việc thường xuyên là phải bốc củi phụ nhà bếp.

691. Táo dai

Không có một quả táo, loại táo nào ở đây cả. Đây chỉ là một cách nói lái để chòng ghẹo hay mắng nhiếc một ai đó.

Có mà ăn táo dai ấy. Câu này xưa nay chỉ phổ biến trong học sinh phổ thông.



Tào Tháo (155 – 220); tự là Mạnh Đức, là nhà chính trị, quân sự kiệt xuất cuối thời Đông Hán, Trung Quốc.

Là một nhà thơ xuất sắc. Tháo và hai con trai Tào Phi, Tào Thực được đời sau gọi là Tam Tào, cùng với nhóm Kiến An thất tử và nữ sĩ Thái Diêm hình thành nên trào lưu mới trong văn học thời Hán mạt, gọi chung là Kiến An phong cốt.

Tào là một người rất đa nghi và có câu nói nổi tiếng đáng sợ: *Thà ta phụ người còn hơn để người phụ ta.* Hết nghi ngờ ai phản bội là có thể trảm ngay. Trong tiếng Việt chữ “tháo” có nghĩa là thoát, mở, chạy... như tháo khóa, tháo dạ, tháo cống. Vì vậy cũng từ lâu dân gian ta có câu: “Đa nghi như Tào Tháo” để chỉ những người có tính hay nghi ngờ. Và “bị Tào Tháo đuổi” (ruột) để nói tới việc... tiêu chảy, chạy tới vãi cứt, vãi đái như bị Tào Tháo truy đuổi.

693. Tay bo

Bo đây không có nghĩa là tiền bo, tiền thường (tiếng Pháp là pourboire) như trong tiếng Anh là tiền *tip*. Bo ở đây nghĩa như

một mình, thường dùng trong đánh lộn, *đánh tay bo*, là một chơi mệt (*xem mục 536*). Khi có chuyện gì đó giữa hai người với nhau mà thương lượng không xong, gây bức xúc cho một hoặc cả hai người, thì có khi dẫn đến thách đấu. Và thường là đánh (choi) *tay bo*, có tính chất được thua sòng phẳng, tỏ rõ tính quân tử, nghĩa hiệp.

Nhưng ngày nay mấy khi thấy *tay bo*, có chuyện thì tạt a-xít, đánh “*hỏi đồng*” (*xem mục 411*), hay đâm lén (*xem mục 277*)... Chuyện cũng đáng vất chân lên trán mà ngãm lấm.

694. Tay không bắt giặc

“*Tay không bắt giặc*”, nghĩa đen là chỉ hành động dũng cảm mưu trí trong chiến đấu. Nhưng nghĩa bóng là chỉ chuyện làm một việc gì đó mà không phải tốn kém về tài chính, công sức.

695. Tay lái lụa

Lái xe ô tô, chạy nhanh, lạng lách giỏi, được dân tình phong cho là *tay lái lụa*, mềm dẻo, uyển

chuyển, đẹp như lụa. Thực ra đây là mỹ từ mà chính cánh lái xe tự tô điểm cho mình. *Bác cứ yên tâm đi, em là tay lái lụa mà.*

Thực tế cho thấy, lụa là đâu chẳng biết, chứ tai nạn giao thông, đụng chết người và rước luôn cả những tay lái trú danh về bên kia thế giới mở đội xe âm phủ là không ít.

Chỉ kể một số vụ trong năm 2013, năm Việt Nam đã phải tổ chức tưởng niệm các nạn nhân tử vong vì tai nạn giao thông (17/11), người ta cũng đủ rùng mình:

(*Kenh14.vn, 16/11/2013*), dưới chân đèo Bảo Lộc, Lâm Đồng

Chiều 16/2, trên quốc lộ 20, đoạn chân đèo Bảo Lộc (địa phận huyện Đạ Huoai, Lâm Đồng) Xe tải BKS 60P đã vượt một ô tô khác và tông liên tiếp 3 xe máy, làm 6 người (trong đó có 3 trẻ em) chết tại chỗ.

Sáng 8/3, trên QL 1A đoạn qua P.Cam Nghĩa (Cam Ranh, Khánh Hòa), xe khách 30 chỗ BKS 76M chạy theo hướng Bắc - Nam đấu đầu trực diện vào xe

khách 77B, 11 người thiệt mạng, hơn 50 người khác phải đưa đi cấp cứu tại bệnh viện



2 xe khách đối đầu,
khiến 11 người tử vong.

11/5, trên Quốc lộ 1A thuộc địa phận xã Sông Phan, huyện Hàm Tân, Bình Thuận, xe khách BKS 86H chạy hướng Phan Thiết - TP.HCM đã bị xe container BKS 51C tông trực diện. Hậu quả, 7 hành khách đã tử vong, hơn 10 người khác bị thương nặng.

Năm 1966, trong đợt tiếp nhận xe Giải Phóng do Trung Quốc viện trợ, ở Thái Nguyên, trong một buổi học lý thuyết giảng viên có một câu nói được cảnh lái xe (lúc đó) tâm đắc: Chiếc xe để yên như một đống sắt, Nhưng khi có người ngồi sau vô – lăng, thì nó có thể là con cọp.

696. Tắc kè, kỳ nhông



Tắc kè (hay cắc kè, cắc ké), là một loài thằn lằn cổ nhất trong nhóm thằn lằn hiện đại. Chúng sống ở các vùng khí hậu ấm trên khắp thế giới. Kỳ nhông hay cự đà là một chi gồm các loài thằn lằn sống ở các khu vực nhiệt đới Trung và Nam Mỹ và khu vực Caribbe. Đây là những loại nhỏ nhất trong các loài bò sát, chưa bằng cái móng chân của các loại khủng long.

Theo *Tự vị tiếng Việt miền Nam* của cụ Vương Hồng Sển, trong các loài nhỏ bé như kỳ nhông, thì cắc kè, cắc ké là nhỏ nhất, nghĩa bóng của cắc ké là loại du côn hạng bét, bộ hạ thấp nhất của hạng anh chị ở một vùng nào đó.

Ngày nay, những kẻ tà lọt (*xem mục 682*), thậm chí ngay

cả những người thấp cổ bé họng cũng bị liệt vào loại các kè, cắc ké.

Ghi thêm một câu đồng giao vào cho vui chút:

Kỳ nhông là ông kỳ đà

Kỳ đà là cha cắc ké

Cắc ké là mẹ kỳ nhông

Kỳ nhông...

Trong ẩm thực Kỳ nhông là món khoái khẩu của dân nhậu, có tác dụng bổ thận, tráng dương tăng cường chức năng sinh lý.

697. Tắm tiên

Chẳng hiểu tiên có truồng à không, mà khi ta tắm không mặc gì để lộ ra tự nhiên, ai ngầm nghĩa gì cũng kệ, thì lại gọi là tắm tiên.

Tắm tiên là một tục lệ ở nhiều nơi trên thế giới, chẳng hạn (Wikipedia): Bãi tắm ở tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc mở cửa năm 2002, bị cấm nay cho mở cửa trở lại. Ở Pháp có một bãi biển nghỉ mát được coi là nơi đầu tiên trên thế giới dành cho những người theo chủ nghĩa tự nhiên, sinh hoạt và tắm không cần

mặc gì, thuộc thị trấn Vendays-Montalivet. Và hầu hết pháp luật các nước không có đạo luật cấm người ta khỏa thân ngoài trời mà chỉ cấm hoặc phạt những người khỏa thân nơi công cộng có nhiều người qua lại, có nhiều hoạt động xã hội khác.

Còn ở Việt Nam, luật cũng không thấy đề cập, nhưng là một điều tối kị. Tuy nhiên ở nhiều vùng vẫn có tục tắm tiên.

Kết thúc những năm học phổ thông, Trường Trung học Lý Thường Kiệt, Hà Nội, tổ chức đi thực tế ở Nông trường Sông Bôi, Hòa Bình. Ở đây có một con suối đẹp vô cùng, có chỗ rộng tới gần cả trăm mét. Đây là nơi sau những buổi đi phát rùng về, chúng tôi thường tụ tập tắm rửa. Có một hôm chúng tôi phát hiện, ở một lùm cây lừa thưa gần đó có mấy cô gái nõn nà đang tắm. Một anh bạn đùa: Các em ơi, cho bọn anh tắm cùng với. Tưởng các cô sẽ giật mình che ngực, che... Ai dè, các cô cứ nhồng nhồng, túa ra tươi cười và nói lớn: Các anh qua đây tắm

cho vui. Ấy là năm 1966. Bây giờ thì sao?

Ngoài những nơi giữ tục lệ trong sáng, hiện đã có nhiều nơi tổ chức dịch vụ tắm tiên để kinh doanh.

(*vietnamnet.vn/vn/doi-song, 17/7/2012*): có 5 nơi nổi tiếng dịch vụ tắm tiên: 1. Phú Quốc Bãi tắm nổi tiếng nhất nằm trên quần đảo An Thới, 2. Bán đảo Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng là 3. Ngũ Hồ Bạch Mã, 4. Thác Gia Long – Đắc Lắc và 5. Bãi giữa sông Hồng – Hà Nội: Từ mấy năm nay, những ngày nóng bức, nhiều người Hà Nội, chiều chiều thường rủ nhau ra bãi sông Hồng đoạn dưới chân cầu Long Biên để giải nhiệt. Và ở đây mọi người đều bình đẳng, không ai có mảnh vải che thân

Ông bà ta xưa có câu: Làm cho lấm tắm cũng ở truồng. Âu đó cũng là lẽ tự nhiên.

698. Tặng xin, giảm mua, tích cực cầm nhầm.

Sinh viên thời bão giá thích câu trên và “tưởng” nó là của mình. Nhưng thực ra nó đã có từ thời

bao cấp, khoảng nửa thế kỷ rồi, khi mà mọi thứ lúc đó đều đắt đỏ và khó kiếm kể cả khi có tiền. Tuy nhiên, câu trên không để cỗ suý mà cũng không hẳn là kê kích, phê phán những người hay “đóng cửa đi ăn mày” và cú hay tưởng của người là của mình. Nó phản ánh một thực trạng cần được cảm thông trong hoàn cảnh khó khăn, đói kém.

699. Tắt bếp

Xưa, mấy bà nội trợ dùng bếp đun bằng củi, diêm quẹt lại chưa có, thì việc giữ lửa là quan trọng, không cứ gì mùa đông hay mùa hè. Những năm 1950, và ngay cả tới giờ, nhiều nơi vùng cao phía Bắc, người ta vẫn làm một cái bếp lớn giữa nhà, và giữ cho lửa cháy suốt ngày này, tháng nọ, năm này sang năm khác, không bao giờ để tắt. Để vì một lý do nào mà bếp tắt lửa là không tốt; xui xẻo.

Vậy mà bây giờ có một người nào đó mà tới chửi rửa ta tới mức làm cho tắt bếp, thì thật là đại họa.

Chửi tắt bếp là chửi tối tấp, té tát, chửi mà bối móc chuyện nọ chuyện kia làm xấu mặt. Có khi lôi cả ông bà, cha mẹ ra mà réo. Câu đe dọa của mấy bà đanh đá cá cầy: *Mày có im đi (có trả bà – cái gì đó) không, bà thì chửi cho tắt bếp bây giờ.*

Đã lâu rồi dân ta, hầu khắp tỉnh thành đều phổ biến dùng bếp ga, chẳng hiểu có phải vì vậy, mà câu thành ngữ trên không còn mấy ai sử dụng.

700. Tàu há mồm



Tàu há mồm chở người di cư vào Nam năm 1954 (nguồn Wikipedia)

Đây là một tàu lớn, chuyên dụng để chở lính đổ bộ, có thể chở cả xe tăng, đại bác với hàng ngàn người. Vì nơi thân tàu có cửa lớn, trông như cái mồm ngoác ra, để tiếp nhận cũng như xuông người và hàng mau chóng, nên dân gian gọi là tàu há mồm. Với Việt Nam, có lẽ nhìn thấy Tàu há mồm đầu tiên là vào năm 1954, khi Pháp cho một tàu như vậy ra đón người di cư vào Nam.

Cái tàu có cái mồm lớn như thế, cứ há ra chờ đợi ngoạm tất cả những gì tiến về phía nó, khiến những cái đầu ưa tiểu lâm liên tưởng ngay tới những cái miệng của những đứa trẻ, chưa làm được gì, nhưng cứ há ra chờ ăn, chờ mặc. Và cả những người lớn vì lý do nào đó mà không làm việc, nhưng vẫn cần nhu yếu phẩm, cũng bị coi là *tàu há mồm...*

Cụm từ này phổ biến từ những năm 60 của thế kỷ trước, như một lời than nhẹ, nhưng lại là một cảnh báo chưa được mấy ai quan tâm. Đó là lương bổng,

thu nhập của CBCNV không đủ
nuôi sống gia đình.

*Đây bác thấy không, ở nhà tôi
còn mấy cái tàu há mồm đấy!*

701. Tàu xúp lê một...

Sau trận Điện Biên Phủ, Hiệp định Genève được ký kết giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Pháp, tạm thời chia đôi Việt Nam thành hai vùng tại vĩ tuyến 17, chờ ngày tổng tuyển cử tự do dự kiến sẽ xảy ra vào ngày 20/7/1956.

Trong Hiệp định, Điều 14 phần (d) cho phép người dân ở mỗi phía di cư đến phía kia và yêu cầu phía quản lý tạo điều kiện cho họ di cư trong vòng 300 ngày sau thoả hiệp đình chiến (Điều 2), tức chấm dứt vào ngày 19/5/1955.

Để giám sát thực thi hiệp định, Uỷ hội Quốc tế Kiểm soát Đình chiến được thành lập theo điều 34 của hiệp định với đại diện của ba nước Ấn Độ, Ba Lan, và Canada. Theo tài liệu được ghi nhận có 140.000 người di cư ra Bắc bằng phương tiện riêng, băng

rừng Trường Sơn, hoặc đi trên các tàu của Ba Lan, Pháp và Liên Xô.

Cuộc chia li Nam – Bắc, nhiều bịen rộn, nhiều nước mắt dù có hẹn ngày trở lại. Lúc đó, có bài thơ nhiều người biết, và sau này nó còn trở thành bài ru con, buồn oi là buồn...

*Tàu súp lê một,
còn trông còn đợi,*

*Tàu súp lê hai,
còn đợi còn chờ,*

*Tàu súp lê ba,
tàu ra biển Bắc...*

*Tay tôi vịn song sắt, nước
mắt chảy đầy sông*

Miệng kêu bóé chú tài công...

*Khoan khoan, chậm chậm
Vợ chồng tôi thôi đành
ngân dặm cách phán...*

Cũng có ý cho rằng, bài thơ trên có từ xưa nữa. Và cho đây là hình ảnh của một anh chàng nông dân nghèo khổ, có con, có vợ mà bị bắt đi lính cho Tây trong Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất. (*Theo <http://dogsinvietnam.com/>*)

Dẫu sao thì đây vẫn là một bài thơ ghi dấu một thời đáng nhớ.

702. Tây ba lô



ngoisao.net

“*Tây Ba-lô*”: Chỉ tất cả những người nước ngoài vào Việt Nam du lịch mà hành lý của họ chỉ là một cái balô. Balô của họ rất to, có nhiều tầng, khi ít đồ có thể xếp gọn, ngắn lại, nhưng khi cần có thể kéo dài ra cả mét như cái túi ba gang. Một vật bất ly thân khác của họ là cuốn guidebook về Việt Nam, thường là do người nước ngoài viết. Đi đến đâu họ tự tra cứu xem đi thế nào, ăn gì, ở đâu, giá cả ra sao... Cách họ đi như vậy được gọi là “Du lịch Tây balô” hay “Du lịch bụi” (xem mục 261).

703. Tây giả cầy

“*Tây*” là theo kiểu phuong Tây, hoặc có nguồn gốc từ phương Tây; đối lập với “ta”. Ví dụ: Thuốc

Tây, giường Tây, quần Tây... “*Giả cầy*” là một món ăn làm bằng thịt heo, nhưng chế biến theo kiểu như món xáo hoặc dựa mận thịt chó. “*Tây giả cầy*” nói nôm na là “ông ta” sinh Tây, nhưng lại không ra Tây, thiếu lịch sự, thích phô trương, ngay một chữ tiếng Tây cũng không biết, mà lại hay xổ tiếng Tây... bồi.

Dân gian cũng hay gọi những người này là “*tây... đui*”, nói lái của chữ “tui (tôi) đây”. Và “*đui*” cũng có nghĩa là *mù*.

704. Teo

Teo là rút bé lại, *tóp* là quắt đi và mất nước ở bên trong; gầy, ốm đi nhiều lấm. Nhưng theo dân gian *teo* còn thêm một nghĩa. Đó là co lại, rúm lại vì sợ sệt, hoặc phản ứng trước một kích thích nào đó. Chẳng hạn như con giun khi bị ta lấy cây khều khều, đang bò sẽ co – chùng lại. Với con cuồn chiểu, thì cuộn tròn như bánh xe...

Và khi dùng từ teo, dân gian lại ám chỉ vào con người. *Mày chỉ cần hù vạy là nó đú teo rồi*.

705. Tế sống

Tế, là cúng dâng lễ vật theo nghi thức trọng thể, thường có bài văn và chiêng trống đi kèm. Tùy theo gia cảnh, mà cúng có đồ lễ trầu, rượu, hoa quả, vàng mã, hương (nhang), cỗ chay, cỗ mặn... hoặc chỉ có hương và nước lạnh... Đồ cúng lễ đặt lên bàn thờ, xong thì mời thi tổ tiên ông bà về hưởng. Bởi vậy trong buổi cúng, con cháu phải khấn, cầu khấn với các chi tiết liên quan ngày tháng năm, noi chốn, mục đích buổi cúng lễ, cúng ai, tên những người trong gia đình, lời cầu xin, và lời hứa. Ấy là lẽ thông thường theo lệ xưa dành cho người đã về thế giới bên kia.

Nhưng ở đời, có những người quái ác tới mức làm cho người ta “lên bờ xuống ruộng” (xem mục 472) mói hài lòng... cũng dễ bị người ta... coi (mong) như người chết, mà tế sống luôn. Giới truyền thông Trung Quốc ngày 25/2/2014 đưa tin, hôm 24/2 một nhóm 8 thân nhân của những thuyền viên bị nạn sau nhiều lần kêu cứu hơn 20 cơ

quan mà không được giải quyết đã ra một ngôi miếu ven biển lập bàn thờ, bài vị Bí thư, Chủ tịch thành phố Tân Hoàng Đảo tỉnh Hà Bắc tế sống, kêu gào thảm thiết. Còn vietbao.vn đưa tin và ảnh nhóm sinh viên đùa nghịch, trong lúc bạn ngủ, đã lập ban với chuối xanh, bát nhanh, di ảnh... rồi khấn khấn vái vái, xong chụp tung lên mạng. Nhiều nhóm còn “chơi ác” hơn khi đeo cả khăn trắng, diễn cảnh khóc lóc như thật. Cư dân mạng phản đối kịch liệt, cho rằng “học đòi, ngu có đào tạo”.

Tuy nhiên cũng có người làm “Thơ tế sống vợ” (Tú Xương), vì thương quá, tội nghiệp quá, thấy sống mà khổ quá, mới than:

Chết quách yên mồ,

Sống càng nặng nợ...

Và cầu mong, hứa hẹn:

Mình đi tu cho thành

tiên thành Phật, để rong

choi Lãng Uyển,

Bồng Hồ,

Tớ nuôi con cho có rể có dâu,

để trọn vẹn đạo chồng

nghĩa vợ.

706. Tết Công Gô

Có một câu hỏi dành cho mọi người: Công – Gô có Tết không?

Tại sao lại có câu: “Chờ tới Tết Công – Gô”?

Cộng hòa Công-gô (tiếng Pháp: *République du Congo*) là một quốc gia ở Trung Châu Phi, còn được gọi là Congo-Brazzaville vì thủ đô là Brazzaville. Có người bảo câu nói đó bắt nguồn từ việc Công Gô không có Tết. Tuy nhiên, có một thực tế là từ năm 1956, Công Gô luôn trong tình trạng nội chiến, không có được ngày yên hàn. Phải tới ngày 30/7/2006, nghĩa là sau 40 năm lần đầu tiên Công – Gô mới có cuộc tổng tuyển cử bầu ra Tổng thống và Quốc hội. Sau vòng 2, ông Joseph Kabila đã giành thắng lợi với 58,05% số phiếu.

Chiến tranh liên miên, còn tâm trạng đâu mà Tết với nhất. Có lẽ vì thế mà những năm trước 1975, ở Sài Gòn có câu “chờ đến Tết Công Gô (cũng nói Ma rốc)” để ám chỉ việc gì đó, điều mong muốn gì đó khó có hy vọng.

Tết Công – Gô cũng giống như “còn khuya”, hoặc “mùa quýt” (xem mục 544) vậy.

707. Thả ga, thả cửa

Theo *TDTV*, NXB KHXH, 1988, thả cửa, là (hành động) hết sức tự do, hoàn toàn theo ý muốn, không ai ngăn cản, mà cũng không tự kiềm chế, như *tiêu xài thả cửa, chơi bời thả cửa, tán chuyện thả cửa*.

Thả ga cũng có nghĩa tương tự vậy, nhưng có sau, vì mãi tới những năm 70 thế kỷ trước, ở Việt Nam mới có (biết) dùng ga trong nấu bếp.

708. Thái Bình có ổi cầu Bo

Sông Trà Lý là một phân lưu của sông Hồng chảy qua tỉnh Thái Bình, dài khoảng 67 km, có tên là sông Bo gắn liền với giống ổi Bo nổi tiếng của làng Bo, xã Hoàng Diệu, thành phố Thái Bình. Ổi Bo Thái Bình mỗi năm chỉ cho một vụ vào tháng 7. Ở Thái Bình có “nhà máy cháo” – nay là Khách sạn Sông Trà bên bờ sông Trà Lý – nguyên là cửa

hàng ăn của Nhà nước thời bao cấp, có bán đủ các loại cháo:

Thái Bình có ổi cầu Bo.

Có nhà máy cháo,

có lò làm muối.

Thái Bình vốn là đất lúa của đồng bằng Bắc bộ, là nơi đầu tiên đạt sản lượng 5 tấn lúa/ha, những năm xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền bắc. Hiện nay cùng với Nam Định, Hưng Yên, Hải Dương, Thái Bình tạo thành vựa lúa lớn nhất miền Bắc.

Tuy vậy, những năm 1944-1945 phát xít Nhật xâm lược bắt dân nhổ lúa trồng đay. Trong nạn đói 1945, Thái Bình là nơi chịu nặng nề nhất. Người Thái Bình “tay gậy, tay bị” tha hương. Từ đó trong dân gian lưu truyền câu:

Thái Bình là đất ăn chơi.

Tay gậy, tay bị khấp noi

tung hoành.

709. Than thổ phi

Thổ phi (TĐVN, NXBKHXH 1988) – *Giặc phi*: Vốn là dân địa phương, chuyên quấy phá địa phương mình (giết người, cướp

bóc) với những thủ đoạn rất tàn khốc, dã man. Nhưng thực tế ngày nay từ “thổ phi” lại để chỉ các tệ nạn khai thác trộm tài nguyên đất nước như than, vàng, gỗ...



chaobuoisang.net

Theo *VietNamNet.vn*, thời điểm cuối năm 2007, nạn khai thác than “thổ phi” đã khá “nóng” ở Quảng Ninh. Ngay TP. Hạ Long có 8/ 14 phường, xã tồn tại nạn than “thổ phi”. Tại rìa phòng hộ hồ Yên Lập thuộc địa bàn các xã Đại Hưng và Việt Hưng, có gần 100 cửa lò khai thác với quy mô lớn, hoạt động suốt ngày đêm.

... Cho đến ngày 23/4/2008, Công an tỉnh Quảng Ninh đã ra quyết định khởi tố 15 vụ, đồng thời quyết định tịch thu 44 tàu

chở than lậu có trọng tải từ 800 – 1.200 tấn đang bị tạm giữ tại Cảng Vạn Gia. Trước đó, Biên phòng tỉnh đã chuyển hồ sơ 94 tàu chở gần 80.000 tấn than cho cơ quan công an điều tra, xử lý. Và xác định có hơn 1.000 sà lan tự hành đang hoạt động ở các cảng than dọc bờ biển Quảng Ninh.

710. Thanh Hóa ca

Năm 2004, trong chuyến đi công tác từ thiện, đem tiền của bạn đọc cho những nạn nhân chất độc da cam ở Thanh Hóa, tôi có gặp ông TBT Báo *Thanh Hóa* hỏi về những câu về Thanh hóa đã nghe từ những năm 1960, nhưng không rõ xuất xứ. Anh bảo, không biết ai sáng tác, nhưng khẳng định đây là Thanh Hóa tự trào. Rồi anh đưa chúng tôi đi xem Cầu Bố, “rừng thông”, Núi Chẹt, núi Voi... đều đúng như trong “Thanh Hóa ca”. Tôi nay cũng chẳng tra cứu được gì hơn, nên không có lời bình, chú giải gì, chỉ xin đăng bài về đó để chia sẻ cùng bạn đọc.

*Dô ta dô tá
Khu Bốn đẩy ra,
Khu Ba đẩy vào
Chạy tuốt sang Lào,
Nước Lào không nhận
Đùng đùng nổi giận,
Lập quốc gia riêng
Thủ đô thiêng liêng
Là thành Nông Cống
Quốc ca chính thống:
Dô tá dô tà
Sản phẩm làm ra
Toàn chum với vai
Công nghiệp hiện đại
Là phá đường tàu
Nông nghiệp hàng đầu
Là cây rau má...
Cái cầu con con
Thì kêu cầu Bố
Mấy cây lố nhố
Thì gọi rùng thông
Núi to bỏ ông
Gọi là núi Chẹt
Núi bằng cái mệt
Lại gọi núi Voi
Ai đến mà coi
Quốc gia Thanh Hóa.
Dô tá dô tà!*

711. Thanh tra

Nguyên Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An lúc tại vị có một câu ví von cũng ngồ ngộ: “Cán bộ thanh tra tâm phải sáng như Bao Thanh Thiên, mắt phải xanh như Tôn Ngộ Không và không có ai tham ăn như Trư Bát Giới”! Thế nhưng dân gian thì cứ thắc mắc: Thanh tra gì mà chưa tới, cơ sở đã biết hết các thông tin (do chính đoàn cung cấp) để “điều chỉnh trước cho phù hợp”: Đoàn xuống làm gì? Lúc nào? Có những ai? Và “muốn gì”? Và quá nhiều vụ thanh tra để tồn đọng, quá nhiều vụ “chìm xuồng”... Một câu về truyền miệng xuất hiện từ những năm 1980:

Thanh cha (tra), thanh mẹ,

thanh gì?!

Hết có phong bì thì sẽ

thanh kiu (thank you)!

Ý là khó khăn mẩy, vướng mắc mẩy: Hết có phong bì “Trên mức tình cảm” là xong.

Tuy nhiên đã có những tín hiệu khả quan hơn. Báo cáo tổng kết công tác năm 2013

(mạng Thanh tra Chính phủ)

cho thấy, toàn ngành đã triển khai 8.921 cuộc thanh tra hành chính và 197.690 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành; phát hiện vi phạm 326.552 tỷ đồng, 4.520 ha đất, trong đó kiến nghị thu hồi về ngân sách nhà nước 25.225 tỷ đồng, 3.653 ha đất; xuất toán, loại khỏi giá trị quyết toán và đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý 301.327 tỷ đồng, 428 ha đất; xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 3.095 tỷ đồng... Thanh tra Chính phủ đã xử lý 16.553 trong tổng số 16.903 đơn thư tiếp nhận, tính đến ngày 15/8/2013, cả nước đã rà soát 528/528 vụ việc (đạt 100%), đã kiểm tra, có phương án giải quyết 466/528 vụ việc, đạt tỷ lệ 88,26%. Về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trong năm 2014, Thanh tra Chính phủ tập trung Thanh tra trách nhiệm của Bộ trưởng, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước, chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực quản lý đất đai, đầu tư xây dựng, tài nguyên khoáng sản,

quản lý vốn đầu tư, tạm nhập, tái xuất; công tác bảo đảm an toàn đối với hệ thống tín dụng...

712. **Thắng thắn, thật thà...**

Ở nhà hay ở trường khi răn dạy thì đều nói với con em, rằng trung thực là một đức tính tốt của con người. Phải sống cho trung thực, tử tế, không nên gian xảo, lọc lừa.

Nhưng cũng giống như người tốt, chân thật thì lại thường luôn bị thua anh kém chị và bị... yếu mènh! Còn những kẻ gian xảo, độc ác dù luôn bị nguyên rủa, nhưng vẫn cứ thủ lợi và sống khỏe. Dân gian đã đúc kết bằng hai câu song thất, khá văn nghệ (chán mà vẫn tếu), câu một toàn vẫn T, câu hai toàn vẫn L, vừa chua chát, vừa sát thực:

Thắng thắn, thật thà

thường thua thiệt

Lưon lẹo, lọc lừa lại lên lương
Tại sao vậy? Thật khó hiểu?!

713. **Thần đèn**

Aladdin và cây đèn thần là một trong những truyện đặc sắc nhất



trong bộ truyện *Nghìn lẻ một đêm* của xứ Ba Tư. Aladdin là một cậu bé nghèo, nhờ cây đèn thần (thần đèn) mà làm được nhiều việc tốt, giúp được nhiều người và sau cưới được công chúa.

Ở Việt Nam, những năm đầu thế kỷ 21, có hai người được xưng tụng là “*Thần đèn*”:

1. Ông Nguyễn Cẩm Lũy, sinh năm Mậu Tý – 1948, ở xã Long Khánh A, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Cổng tam quan chùa Vĩnh Nghiêm là công trình thứ 201 mà ông Nguyễn Cẩm Lũy di dời thành công. Ông cũng là tác giả các công trình: lùi 30m, nâng cao 70cm miếu bà Chúa Xứ ở Tân Châu (An Giang) nặng 200



Ngày 13/5/2006 chiếc cổng tam quan của chùa Vĩnh Nghiêm nặng gần 120 tấn được di dời khỏi vị trí đã đứng suốt gần 50 năm qua (Báo *Thanh Niên*).

tấn; dời hai cây đa cổ thụ trước sân; chống nghiêng ngôi nhà 500m² cao 5 tầng ở Bình Chánh (TP.HCM). Ngày 24/4/2007, ông đã di dời thành công khối nhà hàng nặng 1.500 tấn tại Khu du lịch Việt - Pháp (thuộc xã Tân Thành, Hòn Thuận Nam, Bình Thuận). (*Wikipedia*)

2. Ông Đỗ Quốc Khanh, ở Đại Mỗ, Từ Liêm, Hà Nội. Tốt nghiệp Đại học, là thủ khoa, năm 1973, học ở Tiệp Khắc chuyên ngành động cơ đốt trong. Nhưng sau 3 năm lại chuyển học ngành tự động điều khiển. Là người Đông Nam Á đầu tiên được ngồi ở phòng tự động điều khiển để điều khiển hệ thống điện Hòa Bình; trở thành kỹ sư có bằng

đó quản lý các hệ thống tự động đầu tiên Khoa tự động hóa điều khiển của Tiệp Khắc (nay là Slovakia).



Công trình di dời tòa nhà Khu Công nghệ cao Phú Cát tại thôn Hạ Bằng huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây, nhà 2 tầng có 88 cột, diện tích nhà 1.885m². Diện tích xây dựng: 3.770m², trọng lượng cần di dời sau khi cắt bỏ móng cũ là 3.000 tấn.

Đây là công trình di dời lớn nhất trong lịch sử xây dựng ở Đông Nam Á. Công nghệ áp dụng là công nghệ mới, lần đầu tiên xuất hiện ở Việt Nam - Công

nghệ kích đẩy thủy lực và không dùng đến hố thế. Thời gian, tốc độ và độ chính xác của việc di dời, theo các nhà khoa học, có thể so sánh với trình độ quốc tế hiện nay.



Khu nhà 3.000 tấn đã được di dời lùi sâu
50m Ảnh: Tư liệu

9g ngày 2/1/2008, công trình trên được khởi động. Ngày 6/1/2008, “thần đèn” Đỗ Quốc Khánh đã dời thành công ngôi nhà 3.000 tấn đến vị trí mới cách

chỗ cũ 50m. Ông đã nhận được giải thưởng “Công trình di dời có trọng lượng nặng nhất” của Hiệp hội Quốc tế về di dời công trình (IASM, Mỹ) năm 2008. (*Công An Nhân Dân*).

714. Thầy cò

Không nói chuyện về những loài cò, giống cò, cũng không nói tới những loại trung gian như cò nhà, cò đất... Chỉ nói tới chữ nghĩa thầy cò, thì cũng đủ mệt rồi. Bởi cùng là thầy cò nhưng mỗi người lại đảm nhận những công việc khác nhau.

Nếu tra *Từ điển từ ngữ Việt Nam*, thì chỉ thấy một thầy cò, người chuyên làm thuê đơn tú, lo việc kiện cáo cho người khác, trong xã hội cũ. *Thầy cò xui guyên dục bị* (TDTV, NXBKHXH, 1988, trang 960). Nhưng trong nghề làm báo, người ta còn thấy một ông *thầy cò* chuyên sửa lõi morasse (chính tả) cho báo. Nay người ta gọi là các biên tập viên. Chữ thầy cò ở đây do chữ corecteur, trong tiếng Pháp mà ra.

Còn một ông cò nữa khá nổi tiếng dưới nét khắc họa của nhà thơ Tú Xương (Trần Tế Xương, tự Mặc Trai, hiệu Mộng Tích, Tử Thịnh... sinh 5/9/1870, Vị Xuyên, Mý Lộc, Hà Nam; mất 29/1/1907). Đây là ông cò (Hà Nam), cảnh sát thời phong kiến, oai phong lâm lâm, mà “ai ai trong thấy chẳng dám ho”. Nhung ông này có đặc điểm nổi trội là...

*Ngó ngắn đi xia may vớ được
Phen này ắt hắn kiếm ăn to
Nếu còn thầy cò nào chưa được
kê cứu, mong được chỉ giáo.*

715. Thầy sinh vật vật cô sinh vật...

Đây là một vế đối, mà các thầy cô giáo, trong lúc rảnh rỗi, vui đùa thách nhau đối. Câu đối này có vào khoảng những năm 1970; hoàn chỉnh là:

*Thầy sinh vật vật cô sinh vật
Vật rồi lại sinh,
sinh rồi lại vật.*

43 năm qua rồi, cũng có khá nhiều vế đối, tục có, thanh có,

nhưng gần đây chọn lựa trên mạng, thấy câu sau tạm ổn, xin trích lục:

*Anh cứu thương
thương chị cứu thương,
Thương rồi lại cứu,
cứu rồi lại thương...*
(phanquoctuanq...)

Ở Trường cấp 3 Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội, những năm 1965 – 1975, cũng có một vế đối nói về “tình cảnh” giáo viên vào những giờ dạy cuối buổi:

*Bụng đói chân chồn
ông mệt lử
Đa sầu ngo ngẩn
mụ buồn tênh*

Liệu có ai muốn đối câu này không nhỉ?

716. Thi đua

Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, ở miền Bắc, có rất nhiều phong trào thi đua xây dựng CNXH và giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, như “Sóng Duyên Hải” trong công nghiệp, “Gió Đại Phong” trong nông nghiệp, “Cờ ba nhất” trong lực lượng vũ trang, “Hai tốt” trong trường học, “Thầy

thuốc nhu me hiền” trong ngành y”, “Ba cải tiến” trong các cơ quan, “Ba đám đang” trong phụ nữ, “Ba sẵn sàng” trong thanh niên...



Nguồn: google.com.vn

Các phong trào ấy đã tạo nên một khí thế sôi nổi, hào hứng và đạt được một hiệu quả rất cao trong công tác ở mọi lĩnh vực.

Tuy nhiên, quá nhiều khẩu hiệu, quá nhiều yêu cầu đòi hỏi có khi vào cả một người, nên khiến rất khó xử, bỏ đâu làm đâu cho đặng. Nhà thơ Bút Tre (*xem mục 123*) lúc đó đang là Trưởng ty Văn hóa Vĩnh Phú đã làm một bài thơ:

*Thi đua ta quyết thi đua
Thi đua là phải tiến
lên hàng đầu
Hàng đầu rồi biết đi đâu
Di đâu không biết
hàng đầu cứ đi*

Và bài thơ này nhanh chóng lan rộng trong dân tình như một lời nhắc nhở, nhất là với các sếp, rằng thi đua tích cực “tiến lên hàng đầu” là tốt, nhưng trước hết phải biết rõ mục đích của thi đua để làm gì, nếu không khéo lại thành “thua đi”.

717. Thị Hến

Vở tuồng cổ dân gian Quảng Nam, *Nghêu Sò Ốc Hến*, được nhà nghiên cứu sân khấu dân gian Hoàng Châu Ký dàn dựng và đưa lên sân khấu Nhà hát tuồng Trung ương, lần đầu tiên vào năm 1959, ngay lập tức đã thu hút khán giả khó tính Hà Nội và làm sôi nổi dư luận trong giới sân khấu, vì sự sâu sắc, tinh tế và hấp dẫn của nó. Sau 1975, *Nghêu Sò Ốc Hến* nổi tiếng trên toàn quốc.

Các nhân vật chính trong vở tuồng đều “mỗi người mỗi vẻ mươi phân vẹn mười”, đều trở thành những điển tích, điển cố sân khấu và cũng được gán cho những mẫu người trong dân gian, như Thị Hến, thầy bói mù Nghêu, Trùm Sò, trộm Ốc.

Hến là một cô nàng xinh đẹp, lảng lơi, một gái góa buôn bán, giao du rộng khắp cả vùng...

Từ những năm 1960, ở Hà Nội, những nàng xinh xắn, mắt hay lúng liếng đưa tình, thường được dân tình gọi là *Thị Hến*. Rồi sau một thời gian, *Thị Hến* trở thành tên chung của những cô gái dễ thương. Chẳng hiểu có phải do càng ngày lảng lơi càng ít, đoan trang càng nhiều không. Hay dù có lảng lơi hay không, nhưng cứ đẹp là các anh chết mê, chết mệt rồi, còn tinh táo gì đâu mà phân biệt.

Sau 1975, từ này còn thấy dùng, nay không nghe nói tới nữa. Những hot girl, chân dài đã thay thế rồi.

718. Thị Nở

Trong truyện *Chí Phèo* của nhà văn Nam Cao (xem mục 183), có một nhân vật tuy tốn giấy, mực ít hơn, nhưng cũng nổi danh chẳng kém anh Chí. Đó là Thị Nở.

Hồi ấy, ở làng Đại Hoàng có cô Trần Thị Nở, con ông Phó Kính - ông này làm nghề đóng cối xay

nên gọi là phó. Thị Nở xấu xí, tính dở hơi, rất hay cười nên ông mới đặt tên là Trần Thị Nở.



Đêm trăng làng Vũ Đại. Tranh: Mai Long

Câu chuyện về nguyên mẫu nhân vật Thị Nở được ông Trần Khang Hộ, người làng Đại Hoàng, xã Hòa Hậu, Lý Nhân, Hà Nam, bạn học thuở nhỏ của nhà văn Nam Cao, con cụ Ký Lân – thầy dạy của nhà văn Nam Cao và một số cụ cao niên khác kể lại.

Không rõ thực hư ra sao, nhưng theo mô tả của nhà văn Nam Cao, thì Thị xấu còn trên cả mức ma chê quỷ hờn.

719. Thỏa mãn bần cố nông

Trong cải cách ruộng đất, thì khẩu hiệu “Ruộng đất về tay dân cày”, có lẽ là điều mà người nông dân mong đợi. Và với những

người chuyên cày thuê, cấy muôn, thì trước đó là điều mơ cũng không thấy. Có thể nói một cách ngắn gọn, súc tích, như thế là “*thỏa mãn bần cố nồng*”.

Hàng chục năm sau câu này vẫn còn được sử dụng, nhưng không phải dành cho bần cố nồng, mà để chỉ một việc gì đó mà ta hài lòng. *Thôi, thế là thỏa mãn bần cố nồng rồi.*

720. Thóc không thiếu một cân

Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, ở miền Bắc, có phong trào thi đua sản xuất và chiến đấu bảo vệ miền Bắc, chi viện miền Nam “*Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người*” lan rộng khắp các tỉnh thành, tạo được hiệu quả vô cùng lớn lao. Chỉ tính riêng tỉnh Thái Bình từ 1965 đến 1974, đã huy động cho Nhà nước hơn một triệu tấn lương thực, hàng chục vạn tấn thịt lợn, cá, muối... Từ 1955 đến 1975, đã chi viện 22 vạn con em cho chiến trường miền Nam, là tỉnh có tỷ lệ dân số đi bộ đội cao nhất toàn quốc.

Tính chung toàn miền Bắc đưa vào chiến trường miền Nam 50 vạn bộ đội, 25% số lương thực phục vụ chiến đấu.

721. Thông tấn xã via hè

Hàng thông tấn hay hằng tin, theo từ ngữ Hán Việt là thông tấn xã, là một tổ chức báo chí, có thể đại diện cho một chính phủ, một đất nước.

Thông tấn xã Việt Nam (TTXVN), lúc đầu có tên là VNTTX, chính thức ra mắt 15 tháng 9 năm 1945, ngày thông tấn phát đi bản Tuyên ngôn độc lập và danh sách thành viên Chính phủ Lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa bằng 3 thứ tiếng Việt, Anh và Pháp, qua Đài phát sóng vô tuyến Bạch Mai (Hà Nội) ra toàn quốc và toàn thế giới.

Hiện TTXVN là thành viên Tổ chức Thông tấn xã các nước Không liên kết (NANAP), thành viên Tổ chức các thông tấn xã châu Á, Thái Bình Dương (OANA) và là Ủy viên Ban Chấp hành OANA, thành viên Tổ chức các hãng thông tấn thế giới...

Trụ sở chính của TTXVN ở số 1-3-5 và 75-79 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. và các Cơ quan đại diện tại TP. Hồ Chí Minh, TP. Đà Nẵng, cùng mạng lưới các phân xã ở 63/63 tỉnh thành trong nước và 27 phân xã ở nước ngoài

Ở Việt Nam, còn một tổ chức cũng giống như một hãng thông tấn, thu thập thông tin và phát đi rộng khắp. Nhưng tổ chức này... không có tổ chức, không trụ sở và bất vụ lợi về tài chính. Ấy là *Hãng thông tấn xã via hè* (TTXVH).

TTXVH thu thập thông tin mọi nơi, quan tâm mọi vấn đề, và phát bát cứ ở đâu, lúc nào miễn là nơi đó có phóng viên bắn báo và có độc giả, dù... là một người. Đặc biệt hơn nữa là hãng phát đi cả những tin vặt, nghe hơi nồi chõ. Nhưng nhiều khi, chẳng hiểu sao, chắc là chó ngáp phải ruồi, có những tin đại sự quốc gia như bầu bán trong chính phủ, quốc hội, mà hãng nói trước luôn... vẫn đúng.

TTXVH không có ngày hoạt động chính thức, nhưng được

truyền tin từ khoảng 1960 – 1965, từ Hà Nội, Thủ đô nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trên các loa phóng thanh của các thông tín viên là những “ông tám, bà tám”, những người ưa buôn chuyện, ở mọi giới, mọi ngành nghề (xem mục 69).

722. Thông tin thiếu văn hóa...

Hồi mới giải phóng Sài Gòn cho tới những năm 1980, Thành phố còn quá nhiều công việc bê bonen. Nào là lo giữ gìn trật tự, lo chõ ờ ăn, cho tới việc hoạt động của các cơ quan, công sở. Bên cạnh đó còn phải phòng và truy quét các thế lực chống đối. Trăm thứ “bà rằn” vừa mới, vừa bê bonen, khiến nhiều nơi cứ rối cả lên.

Dân gian đã phác họa một số nét của thời kỳ đó:

Thông tin thiếu văn hóa

Y tế mất vệ sinh

An ninh mất trật tự

Quân sự chúa lè mề.

723. Thủ tục “đầu tiên”

Người xưa nói: “*Vạn sự khởi đầu nan*”, “*Đầu xuôi đuôi lọt*” – Mọi

sự khi bắt đầu đều khó, nhưng qua được thì mọi chuyện đều sẽ ổn thoả. Thế nên cái “đầu tiên” là cực kỳ quan trọng, Tuy nhiên, cái thủ tục đầu tiên ở nước ta quả là không dễ dàng gì, dù là ở đâu, lĩnh vực nào, ngành nào. Và không ít những trường hợp để “đầu xuôi”, thì buộc phải lo “cái thủ tục đầu tiên” cho xong bằng mọi cách.

Cái “thủ tục đầu tiên” đấy là cái gì? Xin trích một đoạn trên Báo *Tuổi Trẻ*, ngày 06/08/2004: “Tôi quan sát và thấy rất rõ, sau khi đã nhận bộ hồ sơ, các công chức Hải quan lật từng tờ chứng từ để kiểm tra (hết sức qua loa) cho đến khi có khoản “đầu tiên” là họ dừng và quay sang kiểm tra bộ hồ sơ khác và cũng y như vậy. Thì ra họ kiểm tra có kẹp tiền vào hay không...”. Báo còn cho biết “chuyện trên xảy ra ngay sau khi có quyết định 517 TCHQ / QĐ/ TCCB ngày 17-6-2004, một quyết định hết sức đúng đắn dù hơi bị muộn”.

“Thủ tục đầu tiên” theo cách nói lái của dân gian chính là

câu cặt vấn của người có quyền, có chức: “*Tiền đâu*”? Có tiền không? Có thì xong. Không có thì cứ chờ đấy! Vấn nạn này nay đã trở thành quốc nạn tham nhũng nặng nề.

724. Thuốc...

Ngoài các loại thuốc uống trị bệnh, con người còn chế ra những loại thuốc để diệt cỏ, trừ sâu bọ, côn trùng gây hại... Và tinh vi hơn nữa, còn có những loại thuốc không bào chế từ được liệu, cây thuốc gì, mà chỉ bằng chữ nghĩa, ngôn từ mà thôi.

Các cụ xưa đã dạy, bút sa gà chết, rồi mật ngọt (lời nói nhurrót vào tai) chết ruồi rồi mà. Nhưng chẳng hiểu sao nhiều người vẫn cứ bị gạt mất tiền bạc, nhà cửa. Vì thế, thiên hạ mới bảo là họ bị thuốc. *Nó bị thuốc rồi.*

725. Thuốc lá ho lao...

Thuốc lá là một loài thực vật thuộc chi Thuốc lá (*Nicotiana*), có hàm lượng nicotine khoảng 9%, cao hơn nhiều so với thuốc lá thông thường (khoảng 1 - 3%).

Theo Đào Duy Anh, cây thuốc lào có lẽ từ Lào du nhập vào Việt Nam nên mới có tên gọi như thế. Sách *Vân Dài loại ngũ* của Lê Quý Đôn và *Đồng Khánh dư địa chí* gọi cây thuốc lào là *tương tư thảo* (cỏ nhớ thương), vì người nghiện thuốc lào mà 2 – 3 ngày không được hút thì trong người luôn cảm thấy bứt rứt khó chịu, luôn luôn nghĩ đến 1 hơi thuốc, giống như nhớ người yêu vậy.

*Nhớ gì như nhớ thuốc lào
Đã chôn điếu xuống,
lại đào điếu lên.*

Những vùng thuốc lào ngon nổi tiếng, là An Lão, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, Kiến An (Hải Phòng); Quảng Xương, Thanh Hóa. Và thuốc lào của làng An Tử Hạ nay là làng Nam Tử thuộc Tiên Lãng có tiếng là thuốc ngon và đậm khói nhất. Sách *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi, ghi thuốc lào của làng An Tử Hạ được dùng để tiến vua.

Trong các loại điếu hút thuốc lào thì điếu cầy là loại phổ thông nhất, vì có lẽ nó cứ dắt ở đít ông thợ cầy nên có tên vậy.

Những người hút thuốc lào thường ngụy biện: “*thuốc lá ho lao, thuốc lào bổ phổi*”. Và chứng minh: đến rổ rá còn phải để trên gác bếp xông khói nữa là. Lại bảo thuốc lào có tác dụng “thom mồm, bổ phổi, diệt trùng lao!”, và rất tự tin, là “Hút thuốc lào nâng cao sĩ diện”...

Nhiều người, trong đó có cả các bác miền Nam tập kết ra Bắc, hoặc ở trong Nam mà bị thuốc lào mê hoặc còn nâng việc hút thuốc lên hàng nghệ thuật. Từ việc làm nõ điếu, làm ống điếu, tới đổ nước sao cho khi rít (hút) phát ra tiếng kêu tạch, tạch, tạch... thật giòn. Ống điếu thì được chạm trổ tinh vi và làm bằng những vật liệu độc đáo, xưa chỉ là ống tre, thời chống Mỹ trong các đơn vị quân đội lại làm bằng ống pháo súng, vừa lạ mắt, vừa coi như một chiến lợi phẩm. Để rít kêu to, dài phải cần hơi cho khỏe, nhiều anh còn làm ống điếu dài, phải đứng hoặc ngồi trên giường cao, chống điếu xuống đất mới có thể kè miệng vào ống điếu,

nhung cõng sē khõng hút đúoc
nếu hụt hơi.

Hút cõng đúoc gọi là bắn, bắn
vài viên thuôc lão. Hoặc bắn
bazooka cõng vậy.

Có mấy câu thơ chảng hiểu ai
chẽ ra, nhung phái nói ca ngoi
thuôc lão thế là quá cõ thợ mộc rồi:

Thuôc lão chòng hút vợ say

Thằng cu châm điếu

lăn quay ra nhà

Có cô hàng xóm đi qua

Hít phái hoi thuôc say

ba bốn ngày

...

Ngọc hoàng thấy vậy hay hay

Vén mây nhìn xuống

cũng say thuôc lão.

Nữ sĩ Hồ Xuân Hương, nhìn ở
một góc độ khác, nhung cõng
nói lên cái khoái cảm khi hút
thuôc lão:



Mông tròn vành vạnh,
đít bảnh bao,
Mân mân, mó mó
đút ngay vào
Thủy hỏa tương giao
sôi sùng sục
Âm dương nhị khí
sướng làm sao!

726. Tiên sư phạm, quỷ Bách khoa, ma Tổng hợp

Liệu có thiện cảm, có ác ý gì
không mà thanh niên Hà Nội,
những năm 1960 – 1975, lại
phán rằng: “*Tiên sư phạm, quỷ
Bách khoa, ma Tổng hợp*”?

Có một thực tế là thời đó sinh
viên gái ở các trường Đại học Sư
phạm, Bách khoa và Tổng hợp,
hình như ít nhiều có độ chênh
về sắc vóc. Bách khoa, Tổng hợp
là hai trường thiên về đào tạo
các ngành khoa học, kỹ thuật
“cứng ngắc” hon, hợp với nam
giới hon. Có lẽ vì vậy nữ sinh
vào các trường này cũng “dương
tính” hon. Còn nữ sinh Sư phạm
học để làm cô làm thầy, nên nhẹ
nhàng hon, thuỳ mị, dễ thương
hơn chặng?

727. Tiến sĩ một đêm

Vào năm 1994-1995, có một quyết định nâng Phó Tiến sĩ thành Tiến... bằng Licentiate không tương được với bằng Phó Tiến sĩ (nay là Tiến sĩ). Và việc thống nhất gọi Phó Tiến sĩ là Tiến Sĩ là chuyện bình thường về cách dùng từ ngữ sao cho việc phiên dịch sang tiếng Anh được thuận lợi, chứ không phải “Phó Tiến sĩ ngủ đêm sáng dậy thành Tiến sĩ”. Và điều quan trọng hơn cả đối với bằng Tiến sĩ là giá trị khoa học của chủ nhân theo chuẩn mực quốc tế, chứ không phải chỉ “hơn nhau” ở cách xung danh hay học vị.

728. Tiền là tiên là Phật



Các cụ xưa phán rằng “Có tiền mua tiên cũng được”. Ý là dù có đẹp như tiên, và dù có ở trên

trời, hễ có tiền thì cũng có thể mua được, lấy (cưới) được, cứ gì mấy nàng ở dưới trần gian. Lại bảo “nén bạc đâm toạc tờ giấy”, “đa kim ngân phá luật lệ”. Cái thời phong kiến ấy, cụ Nguyễn Du cũng đã phai thốt lên: “Trong tay săn có đồng tiền/ Mặc lòng đổi trắng thay đen khó gi”.

Chuyện xưa rồi, nhưng xem ra thời buổi này sức mạnh của đồng tiền vẫn được “tôn vinh”, nhất là thời buổi kinh tế thị trường, thì mọi thứ đều có thể “quy ra thóc”, tiền có tác dụng đa năng hơn: mua quan bán chức, lấy vợ hoa hậu, chán dài; mua bằng cấp, sai lè nhưng vẫn thắng kiện... Còn không tiền, bệnh nặng, đi cấp cứu cũng không chắc đã được cứu.

Khoảng vào giai đoạn 2 của thời kỳ bao cấp, từ 1964 đến trước 30/4/1975, lúc cuộc sống ở miền Bắc cực kỳ khó khăn, các thứ nhu yếu phẩm như gạo, thịt, mắm muối cho tới vải vóc, thậm chí máy móc, xe đạp, xe máy... đều hình như chui hết vào những con hẻm bé nhỏ, hoặc biến đi đâu hết cả. Thế nhưng hễ có tiền thì

hở ngay một bà hàng xén với cái mệt bày bên đường cũng có thể mua được đúi thú. Lúc đó trong dân gian truyền đi một bài ca dao mới, bình về giá trị của đồng tiền, mà ai nghe cũng tìm thấy sự cần thiết của mình trong đó:

Tiền là tiên là phật

Là sức bật của tuổi trẻ

Là sức khỏe của tuổi già

Là cái đà danh vọng

Là cái lòng che thân

Là cán cân công lý

Tiền là hết ý.

Gần đây lại có câu bổ sung: *Tiền là quý – Quỳ là tiến.*

729. Tiền vô như nước...

Ai buôn bán, làm ăn mà chẳng mong “mua may, bán đắt”, mong lời nhiều, nói cách khác là bỏ ra thì ít, thu vô thì nhiều. Từ khi có Thủy điện Sông Đà, dân gian thường chúc (vui) nhau, nhân dịp năm hết Tết đến:

Tiền vô như nước Sông Đà

Tiền ra nhả giọt

như cà phê phin.

Vô thì như nước, mà ra thì như cà phê phin. Đành rằng đây là lối

so sánh phóng đại, nhưng cũng tỏ ra... hơi... tham.

730. Tiếng kêu khác... (vui)

Có hai anh chị đang ở thời kỳ tìm hiểu, rủ nhau vào ngồi ghé đá công viên. Ngồi lâu mà cũng chưa nói với nhau được câu gì. Anh chàng thì cứ ngồi đắn mặt ra, còn chị nàng thì hai bàn tay cứ đan vào nhau, vặn qua vặn lại. Chị ước gì nãy giờ đứng cạnh một cái cây con thì còn có lá mà vặt cho nó đỡ què. Bỗng có một tiếng kêu như tiếng kèn lá, tuy nhỏ nhưng vì không gian quá yên ắng nên cả hai cùng nghe rõ.

Rồi tất cả lại chìm vào im lặng dỗi sợ. Bỗng lại nghe tiếng kêu. Và lần này thì kẻ giấu mặt bị đưa ra ánh sáng. Hai người đều nhận ra, đó là tiếng hai chiếc guốc của nàng đang cọ vào nhau nghe ken két. Nhưng chàng thanh niên không những tinh mui mà còn thính tai. Chàng nói: Không phải, tiếng ban nãy kêu khác cơ.

Rồi cả hai lại im lặng, im lặng đáng sợ. Nhưng chàng trai thì mặt tươi tắn như vừa làm được một

việc ý nghĩa với nàng. Còn nàng, hai má đỏ ửng lên trên cả e lệ.

Tất cả câu chuyện thám tử nghe lóm được chỉ có vậy. Thế là hết câu chuyện.

731. Tiêu dên

Tiêu, như tiêu tùng (*xem mục 733*). Dên (biên), tiếng Pháp bielie, là cây chuyền. Trong xe máy, xe hơi, để giúp động cơ xe hoạt động, có một bộ phận gọi là bielie nối piston (*xem mục 628*) với trục khủy để chuyền động. Trong trường hợp cây dên cháy bạc, piston, rồi máy sẽ ngừng hoạt động. Những người sửa xe gọi như thế là tiêu dên.

Xe không chạy dẫn tới nhiều hệ lụy, như người, hàng không chuyền được, mất doanh thu, đà vây còn phải bỏ tiền ra sửa... Như thế tiêu dên cũng chẳng khác mấy so với tiêu tùng xí quách.

732. Tiêu tán đường

Từ điển tiếng Việt, NXBKHXH, 1988, trang 1023: Tiêu tán (tan) là tan biến, mất đi hoàn toàn không còn tí gì.

Còn *đường*, tiếng Hán – Việt, nghĩa là nhà (phòng) lớn, như trong tiếng “từ đường” chỉ nơi thờ tự của các chi, phái, dòng họ. Hoặc đi theo tên các nhà thuộc Bắc (Các nhà thuộc Tàu ở Chợ Lớn chẳng hạn), như “Tế Nhân Đường”; “Nhân Sinh Đường”, Nhân Nghĩa Đường... Các lò vòi như Hằng Anh Đường, Xuân Nghĩa Đường....

Tiêu tán đường có thể hiểu là tiêu tan hết không còn gì, như một cái nhà sập đổ hoàn toàn, không có cách gì cứu gỡ. Ví dụ: *Việc đầu tư vào địa ốc thế là “tiêu tán đường” rồi*.

“*Tiêu tán đường*” theo cách gọi của dân anh chị Sài Gòn trước 1975, là “*Tiêu Tân Thoòng*”, nhưng lại cũng có nghĩa là chết, là toi đời, hay đi đời nhà ma rồi...

733. Tiêu tùng xí quách

Xí quách là mẩy khúc xương nấu nước dùng cho phở, hủ tíu..., xong còn dính ít thịt, ít gân, món mà mẩy tay nhậu khoái khẩu. Khoái thì khoái, nhưng cũng là vét cái cặn mà thôi. Còn tiêu

tùng, tiếng miền Nam, là tiêu tan, mất hết, mất sạch (*TĐDC Từ địa phương*, NXBGD, 2001). Như vậy, tiêu tùng xí quách là không còn gì nữa, hỏng hết rồi, mất ăn rồi...

734. Tiêu thuyết 3 xu

Trước 1975, ở miền Nam, những truyện tình cảm lăng nhăng, ấm ó thường được dân tình gọi là *tiêu thuyết ba xu*, loại rẻ tiền chỉ đáng ba xu thôi. Nhưng tại sao lại là ba xu, mà không phải là 1 xu, 2xu... Thật tình cũng không rõ, nhưng người miền Nam và nói chung là dân Việt Nam, từ xưa tới nay vẫn hay dùng số ba trong nhiều trường hợp không phải số đếm cụ thể.

Ví dụ: Ba xí ba tú, ông ba bì, ba hoa xích đế... Thậm chí ăn ít cơm cũng nói là “ăn ba hột cơm”, hay làm vài ba chén cơm...

735. Tiêu Yêu

Yêu là yêu tinh, yêu ma (*xem mục 853*). Tiêu là nhỏ bé. Tiêu yêu là những yêu ma nhỏ bé, loại chạy lảng xăng để sái bả, không

được quyết, mà cũng không làm được việc gì to tát. Nhưng gian giảo, luồn lọt, chạy chọt lo lót, bợ đỡ người trên, ngầm hại người dưới... dân tình gọi là tiêu yêu, bọn tiêu yêu. Cũng giống như “tà lọt” (*xem mục 682*) vậy.

736. Tin kho tiêu

Kho là một loại đồ mặn để ăn cho đỡ hao, ăn dần. Dân miền Nam, kho cá, kho thịt thường bỏ thêm tiêu (hồ tiêu) cho cay, cho thơm và đun cho queo lại. Nhất là món cá bống kho tiêu, ăn cơm gạo mới thì hết chê.

Nhưng tin mà đem kho tiêu, thì có thể hiểu là tin cũ để lâu rồi, nay lấy ra dùng đỡ để độn vào những chỗ bị lủng của tờ báo.

Tin kho tiêu có từ trước 1975, trong giới báo chí miền Nam.

737. Tin xe cán chó

Trong báo giới Sài Gòn xưa, khi phóng viên bí quá làm đại một cái tin nộp chiếu lệ, hay tòa báo bí quá mà đăng những tin như vậy, thì bị coi là tin “xe cán chó”, hay “chó cán xe”.

Người đi xe nhiều, nhất là về vùng quê, chuyện chó chạy qua đường, nằm trên đường là thường tình. Và chuyện các bác tài cán nhầm chó cũng là chuyện “*thường ngày ở huyện*” (xem mục 200). Vì vậy chuyện xe cán chó không có gì phải bàn, phải viết. Thì cũng như chuyện tắc đường bây giờ (không có sự cố khác kèm theo như chết người, tông xe...), liệu báo nào đăng.

Nhưng phải thừa nhận HOV và VOV là một sáng kiến có giá trị nhiều mặt. Và đáng nói là biến cái không ăn được của người khác thành đặc sản của mình.

Rõ ràng thịt chó cũng ngon mà.

738. “Tính cách” 3 miền

Do tính chất khí hậu và thủy, thổ của từng vùng mà dân tình mỗi nơi đều có những lối sống và tính cách khác biệt. Dựa vào đặc điểm này mà thực dân Pháp, sau một thời gian cai trị nước ta đã chia Việt Nam thành ba kỳ để dễ bề chia rẽ và cai trị. Dù muốn hay không cũng phải

thừa nhận rằng người Pháp quả là tinh vi.

Còn người Việt ta tự trào về mình ra sao?

Khoảng những năm 90 của thế kỷ 20, trong dân gian đã truyền khẩu những câu thơ có tính chất tiêu lâm về tính cách ba miền Bắc – Trung – Nam:

Bắc Kỳ có lầm thằng khôn.

Trong túi có tiền

nó bảo rằng không.

Tối ngày nó cứ lóng nhóng.

Nói thì như thánh

làm không ra gì.

Chỉ được đúc tính kiên trì.

Cái nghị quyết gì nó học

cũng học xong.

Trung Kỳ có lầm thằng khôn.

Nó chui cửa trước

nó luồn cửa sau.

Quyết tâm quyết chí làm giàu.

Nó chỉ đúng chỗ

nó câu đúng người.

Nghị quyết thì thuộc mười muoi.

Nhưng chỉ sử dụng

nhiều khi nó cần

Nam Kỳ có lầm thằng ham

Nó chơi như phá,

nó làm như điên

*Trong túi nó có lầm tiền
Tính xong vợ cả lấy liền vợ hai
Suốt ngày nó cứ lai rai (nhậu)
Một câu nghị quyết học hoài
không xong.*

739. Tình ca các cụ

Tình nghĩa thủy chung vợ chồng
luôn được dân ta đề cao và được
tôn vinh với những đám cưới
kim cương (chung sống với
nhau 60 năm), đám cưới vàng
(chung sống với nhau 50 năm),
đám cưới bạc (chung sống với
nhau 40 năm). Như thế cũng
có nghĩa là càng được tôn vinh,
thì càng già, càng m López và... xấu
xí đi. Nhưng già thì già, xấu thì
xấu, yêu vẫn yêu. Bài hát ca ngợi
tình yêu “Cuộc đời vẫn đẹp sao”,
thơ Bùi Minh Quốc, nhạc Phan
Huỳnh Điểu, được cải biên:

*Cụ bà vẫn đẹp sao
Cụ ông vẫn đẹp sao
Dù hàm răng
không còn chiếc nào
Dù da dẻ nhăn nheo
như là da cóc
Thì ta vẫn còn cùng chung
một tấm chăn hồng*

*Một tiếng hắt hơi
Cụ bà tắt thở
Một chuyến xe tang
đưa cụ bà đi trước
Thấy cụ ông xao xuyến
ở bên đường
Tay vẫn cầm lá thơ tình yêu...*

740. Tình xưa nghĩa cũ

Xa cách nhau lâu ngày mà vẫn
giữ được tình nghĩa trước sau
như một, là đáng trân trọng, là
tốt rồi. Nhưng nghĩa bóng của
câu nói trên, nói lái, thì lại trái
ngược hoàn toàn. Cái tình đó
chỉ là “Tình cu”, nghĩa chỉ là
“nghĩa súc”, chỉ là truyện trai gái
mà thôi.

741. Tình yêu toán - lý - hóa

Một bài thơ tố tình của học
sinh, sinh viên mà toàn từ ngữ
của các môn học thì thật lạ
lùng, lý thú. Đáng nói hơn đây
không phải là một sự vay mượn,
lắp ghép cơ học, mà là một sự
thể hiện có tính logic, chặt chẽ,
khiến người ta phải suy nghĩ,
chắc người sáng tác ra bài thơ
này phải là người “yêu” toán -

lý – hóa không thua gì bạn tình.
Và ngược lại cũng trân trọng
tình yêu với những so sánh rất
đắt giá.

Bài thơ này được truyền
miệng rộng rãi trong học sinh,
sinh viên Hà Nội từ những năm
1960, và sống mãi cho tới nay.

Anh yêu em từ thuở
epsilon nào đó
Tình đôi ta lấp ló góc anpha
Những ngày đầu
anh nhẹ bước lamda
Đến tìm em ở nhà đại số
Vì yêu em khó khăn
anh cũng cố
Đi tìm em ở góc phố beta
Anh đã hiểu đầu là sin với cos
Khi gặp em anh
sung suóng đột ngột
Cộng hướng vào
nên tần số rất cao.
Anh yêu em bằng bất cứ
giá trị nào
Dù phải tốn bao nhiêu
năng lượng
Dù lệch hướng hay
sai cộng hướng
Khi gặp em anh
sung suóng vô cùng

Anh hàm số với em
cùng giá trị
Mối tình đầu quý tựa Heli.

742. *Tịt ngòi*

Ngày xưa, cũng gần đây thôi, cái
thời còn được đốt pháo ấy. Máy
đứa trẻ con muốn làm pháo nổ
chậm, thì gỡ bót thuốc cháy ở dây
ngòi ra, thế là yên tâm châm lửa,
cầm ở tay một lúc lâu, đem dọa lũ
con gái hay ném vào đám đông,
mà không sợ bị nổ cấp kỳ ngay
trên tay. Cái ngòi mà hư không
thể mồi cho pháo nổ được.

‘*Tịt ngòi*’ theo cách nói dân
gian là chỉ mấy anh ‘*bugi không*
nẹt lửa’ (xem mục 115).

743. *TMK*

Là những chữ viết tắt, nhưng
không phải vì bí mật, mà cũng
hơi nhạy cảm... với chị em. Không
tục, không bậy dâu, yên tâm.

Chị em ta, ai cũng vậy, hễ
tuổi trên trung niên một chút là
không phải chỉ có một số thay
đổi trong sinh hoạt, mà ngay
cả tâm lý, tính tình cũng khang
khác. Có khi chuyện nhỏ thôi,

nhưng cũng bức xúc. Lúc đang vui lại chợt buồn vu vơ. Nói tóm lại là không mấy bình thường. Nhiều chị tung tung luôn.

TMK nghĩa là *tiền mân kinh*, thời kỳ trước khi tắt lửa lòng. Nhưng xin lỗi từ này không có ý nói xấu gì chị em, mà nhầm vào mấy anh đầu óc có vấn đề, đáng nói là hay làm cho người ta mất vui. *Thôi không chấp, thằng đó là TMK đấy*.

744. Tóc ánh kim, chim ánh thép

Tiêu chuẩn chọn bạn tình, hay bồ bịch của nhiều cô gái bây giờ căn cứ vào “*khả năng chi trả*” của các đấng mày râu. Mà theo các nường, thì đối tượng “*tóc ánh kim*” – tóc hoa râm, lốm đốm bạc, và “*chim ánh thép*”, là tốt nhất. Lý do, những người... già rồi mà vẫn gân, ngoài việc súc khỏe tốt còn hẵn là dinh dưỡng cũng được tốt, có nghĩa là tài chính mạnh. Như thế thì khả năng chi trả “tình”, “tiền” đều có thể *duyệt*.

745. Tôn Đản là chợ...

Không ít người cứ nhầm tưởng rằng thời kỳ bao cấp thì mọi thứ đều cao bằng. Thực tế không hẳn như vậy. Chỉ nói tới miếng ăn cũng đã có những cái chợ riêng biệt với những quyền lợi và bổng lộc riêng biệt. Cán bộ cao cấp có cửa hàng phục vụ tại phố Tôn Đản, cán bộ trung cấp - tại phố Nhà Thờ, Vân Hồ, Đặng Dung và Kim Liên. Còn cán bộ, công nhân, viên chức bình thường và nhân dân mua ở các cửa hàng rải rác trong thành phố hoặc các khu chợ tự do. Nhà nghiên cứu Trần Bạch Đằng có một thời gian sống và làm việc ở Hà Nội, kể lại rằng đã có không biết bao nhiêu “ca dao” chung quanh chuyện này (Việt báo, 17/6/2006).

Ca dao rằng:

*Tôn Đản là chợ vua quan
Nhà Thờ là cửa trung gian,
nịnh thần
Đồng Xuân là cửa
thương nhân
Vỉa hè là cửa
nhân dân anh hung.*

Bây giờ, những chợ này đã biến hết rồi. Nơi bán hàng cung cấp gần Nhà thờ lớn Hà Nội, khoảng năm 2003 đã mọc lên HDBank. Còn chỗ Tôn Đản nay cũng trở thành một siêu thị phục vụ mọi đối tượng...

746. TPTC (vui)

Có một kẻ khi sống trên đồi hay chạy chọt, chết xuống âm phủ, anh ta cũng khéo lo lót mọi cửa nên lại được lên thiên đàng. Đến cửa thiên đàng, sau khi trình VISA xong, anh các cớ hỏi Nam Tào xem ở Thiên đàng có ai. Nam Tào kể một số tên: Enstein, Göt, Tolstoi, Nguyễn Du, Picatso... Anh ta sướng ron và tự hào “*kinh tởm*”, vì chỉ cần tiền là anh mua được thứ mà muôn muôn năm anh không thể có được.

Nhưng rồi bỗng nhiên anh lại hỏi xem trên Thiên Đinh có ai tên là TPTC không? Nam Tào bực mình: Lạ hoắc, không biết! Anh ta cười ý nhị và khéo léo kẹp mấy tờ Đô Âm phủ vào một tờ giấy: Thì ông xem giúp hộ cái đơn này với. Nam Tào sáng

dạ hiểu liền, lấy “đơn” bỏ túi và tra sổ, bỗng thảng thốt: Có! Anh chàng lo lót bỗng nhảy dựng người: Có hả? Có hả? Thế thì cho tôi xuống lại âm phủ đi.

Lần này tới Nam Tào ngạc nhiên: Tại sao anh đã tốn bao tiền để lên được đây, được sống cùng với toàn người nổi tiếng mà sao không chịu? Thế cái ông TPTC là gì mà anh...?!

Chàng lo lót hậm hực: Nó là *Trưởng phòng tổ chức* của tôi trước. Ở trên đồi, tôi đã khổn khổn nạn với nó, nay lên đây cũng lại gặp nó, thì thà tôi xuống địa ngục còn hơn.

747. Trả bài

Không biết anh đi đâu, làm gì về, nhưng nếu nàng có nhu cầu chuyện ái ân mà không đáp ứng được, cứ nằm chờ ra thì coi như không “*trả bài*” được. Trường hợp “trên bảo dưới không nghe” cũng bị quy kết chung như vậy.

748. Trai “khôn” lấy vợ...

Ngày xưa, khi cha mẹ chọn vợ, chọn chồng cho con cái thì

thường: “*Kén vợ chọn tông*” - Con cái nhà ai, gia đình có đàng hoàng tử tế không? Còn “*Kén chồng chọn giống*” - nòi giống nhà nó có tốt không... Dân gian khuyên nhủ: “*Trai khôn chọn vợ
chợ đồng*” (Ở đó mới thấy rõ cái đám đang, khéo léo của người đàn bà). Còn “*Gái khôn chọn chồng giữa chốn ba quân*”. (Mới thấy cái tài, cái dũng của đấng nam nhi).

Nhưng bây giờ... có khác. Nạn bùng nổ dân số, thiếu lương thực, thực phẩm; cạn kiệt nguồn tài nguyên... khiến các nước, không riêng gì Việt Nam, bắt đầu lo xa và ngồi cân đo, đong đếm lại. Bộ nông nghiệp Mỹ ước tính cho việc sinh một đứa trẻ vào năm 2007, một gia đình sẽ chi trung bình khoảng 11.000USD tới 23.000 USD mỗi năm trong 17 năm đầu tiên của đứa trẻ. Tổng ước tính đã bù trừ lạm phát: \$196.000 tới \$393.000, tuỳ thuộc vào thu nhập mỗi hộ.

Nhiều quốc gia đã xây dựng chương trình “Kế hoạch hóa

gia đình”, lập kế hoạch kiểm soát sinh sản và các kỹ thuật khác để thực hiện các kế hoạch đó. Chẳng hạn như giáo dục giới tính, tư vấn trước và quản lý mang thai, hướng dẫn tránh thai...

Ở Việt Nam, việc tổ chức sinh đẻ có kế hoạch, hạn chế phát triển dân số cơ học bắt đầu vào 26/12/1961, như vậy tính đến nay đã được 50 năm.

Tất nhiên chủ trương trên là đúng đắn và thu được những kết quả tích cực.

Còn mấy câu thơ xưa được cải biên, chẳng hiểu có phải để cổ suy cho phong trào sinh đẻ có kế hoạch không, hay chỉ đùa tí cho vui, nhưng đã phổ biến rộng trong dân gian và trở thành câu ca ghi dấu một thời:

*Trai khôn lấy vợ đặt vòng
Gái khôn chọn chồng
thắt ống dẫn tinh.*

749. Trái cẩm

Trái cẩm là trái cây đầu tiên mà con người ăn dù đã bị Thượng Đế cấm.



Bích họa về việc Eva nếm trái cấm

Trái này là trái “hiểu thiện biết ác”. Ở Bắc Âu, Trái cấm được biết đến như một loại táo, do trong tiếng Latin thì tính từ “malum” mang nghĩa là ác quỷ nhưng danh từ lại mang nghĩa là quả táo. Một số văn bản tiếng Slavơ cho rằng Trái cấm là quả nho. Đạo Cơ-đốc phuong Đông thì cho là quả sung, hay quả vả. Cũng có ý kiến rằng đây là quả cà chua bởi vì loại quả này trong ngôn ngữ Slavơ gọi là “rajčica” hay “paradajz”, đều gần với thiên đàng. Còn theo Hồi giáo, Trái Cấm là hạt lúa mì.

Hậu quả của việc vi phạm điều cấm kị là Adam và Eva đã bị đuổi ra khỏi vườn địa đàng. Và Adam còn chịu hình phạt là nuốt không trôi hạt trái cấm, để lại di căn cho con cháu đến tận giờ. Đó là cái sụn giáp trên ống thanh quản nhô lên ở đòn ông.

Thêm một tai hại nữa là, con nhà tong không giống long cũng giống cánh, các con cháu của họ, ở đâu không rõ, chứ ở Việt Nam, chúng cũng rất giống họ, chúng tìm ăn trái cấm rất sớm. 13 – 14 tuổi đã ăn, nhiều trường hợp không tiêu, khiến có đứa làm mẹ mà chưa biết gì về việc làm mẹ. Hoặc phải đi nạo. Đáng buồn, đáng lo hơn cả là tình trạng trẻ bị bỏ rơi.(24h.com.vn, ngày 29/03/2013) Liên tục trong 7 năm (2004-2012), số trẻ bị bỏ rơi ở Việt Nam gia tăng đáng kể. Hiện cả nước có khoảng 176.000 trẻ bị bỏ rơi, mồ côi không nơi nương tựa.

Ăn Trái cấm, chỉ quan hệ nam nữ trên mức tình cảm, chủ yếu của những trẻ chưa tới tuổi vị thành niên.

750. Tráng sĩ một đi không trở lại

Câu này có từ đầu thời máu lửa,
kháng chiến chống thực dân Pháp.

Giống như lời bản hùng ca
Chiến sĩ Việt Minh của nhạc sĩ
Văn Cao sáng tác năm 1945, lúc
quân đội Việt Nam còn gọi là Việt
Minh, cũng nói lên cái chí khí xả
thân vì nước của người chiến sĩ:

*Bao chiến sĩ anh hùng
Lạnh lùng vung gươm
ra sa trường...
Là trang nam nhi
Quyết chiến sa trường
Sống thác coi thường
Mong xác trong da ngựa
bọc thân chí trai.*

(Bài hát này cùng bài *Tiến quân ca* cũng của nhạc sĩ Văn Cao và bài *Diệt phát xít* của Nguyễn Đình Thi đều được trình lên Chủ tịch Hồ Chí Minh duyệt quốc ca).

... Nhưng xuất xứ của câu
Tráng sĩ một đi không trở lại, có
lẽ từ một điển tích Trung Quốc.
Trong *Thích khách liệt truyện*,
Sử ký Tư Mã Thiên, nói về Kinh
Kha, môn khách của Thái tử
Đan nước Yên, người đã ám sát

Tần Thuỷ Hoàng nhưng không
thành, có đoạn:

Khi Kinh Kha ra đi, đến sông
Dịch Thủy, sau khi làm lễ tiến
hành, Cao Tiệm Ly gảy đàn,
Kinh Kha theo nhịp mà hát:

*Gió hiu hắt
chùi Dịch Thủy lạnh ghê!
Tráng sĩ ra đi chùi,
không bao giờ về!*

Còn một bản dịch khác :

*Gió đìu hiu sông Dịch
lạnh lùng ghê*

Tráng sĩ một đi không trở về
Kinh Kha tráng sĩ lên màn ảnh
qua bộ phim Trung Quốc *Hoàng
đế và Thích khách* (1999). Một
bộ phim khác về Kinh Kha
là Highlander: Endgame, do
diễn viên Chân Tử Đan thủ
vai. Trong đó, Kinh Kha là một
chiến binh bất tử.

751. Trăm năm trong cõi...



Google là một công ty Internet, được thành lập vào năm 1998, sản phẩm chính là công cụ tìm kiếm Google, trụ sở tại Mountain View, California, Giám đốc là Tiến sĩ Eric Schmidt, trước đây là giám đốc công ty Novell. Tên “Google” là một lối chơi chữ của từ *googol*, bằng 10100, Googleplex, tên của trụ sở Google, có nghĩa là 10*googol*.

Google là công trình nghiên cứu của Larry Page và Sergey Brin, Trường Đại học Stanford (1996). Đầu tiên nó được gọi là *BackRub* (Gãi lưng) tại vì hệ thống này dùng các liên kết đến để ước tính tầm quan trọng của trang. Tên miền www.google.com được đăng ký ngày 15 tháng 9 năm 1997. Google nhận được bằng sáng chế cho kỹ thuật sắp xếp trang web PageRank ngày 4/9/2001, cho Đại học Stanford và Larry Page là người sáng chế.

Thời kỳ đỉnh cao, Google đã xử lý trên 80% số lượng tìm kiếm trên Internet qua website của họ và các website của khách hàng như Yahoo!, AOL, và CNN. Giao

diện của Google gồm trên 100 ngôn ngữ. (Wikipedia).

Câu thơ mở đầu Truyện Kiều của Đại thi hào Nguyễn Du nói về cái “cõi người” lại được ghép với một câu thơ mới để nói về sức mạnh của một công cụ ngành công nghệ, mới nghe ra có vẻ trái khoáy, nhưng xét về mặt công nghệ tra cứu lại rất có lý:

*Trăm năm trong cõi người ta
Cái gì không biết
thì tra google.*

752. Trâu nhai đi...

Các động vật: trâu bò, cừu, dê, lạc đà, hươu, linh dương... đều thuộc loài nhai lại.

Dạ dày của động vật nhai lại chia làm bốn bộ phận, có chức năng khác nhau: cục bướu, tổ ong, lá sách và bộ phận có nếp gấp. Sau khi ăn những loài này thường tìm một chỗ yên tĩnh nằm xuống hoặc nghỉ ngoi một lát, rồi ợ thức ăn ra... nhai lại.

Nhai đi, rồi lại nhai lại, cách thức ấy khiến người ta liên tưởng tới những chuyện nhùng nhằng, dai như giẻ rách... Và

thế là thành ngữ “trâu nhai đi bò nhai lại” hình thành, để chỉ những việc, những câu chuyện kéo dài, dai như đỉa đói mà không có hồi kết.

Có người thắc mắc, tại sao lại là trâu bò, chứ không phải hươu, nai, linh dương... Để hiểu thôi, mấy con đó dân tình mấy khi nhìn thấy. Còn trâu, bò là vật nuôi đã được con người thuần hóa trên 500.000 năm rồi. Và nó gắn bó, thân thiết, là đầu cơ nghiệp của nhà nông Việt từ bao đời nay.

753. Trèo me trèo sầu

Cây me thì có ở nhiều nơi trên đất Việt, nhưng còn cây sầu, trước 1945, chỉ có ở Hà Nội.

Thời thuộc Pháp, Hà Nội có các người thầu, với những đội quân chuyên hái me, hái sầu khi mùa trái chín. Sau Thủ đô được tiếp quản một thời gian, cây xanh thành phố do Công ty Công viên, cây xanh quản lý, các ông thầu cùng đội quân của mình chấm dứt vai trò lịch sử.

Những người trèo me, trèo sầu đa số là những người nghèo, có

cả những trẻ lang thang, bụi đời, trong đó không ít người cũng thuộc thành phần bất hảo, trèo leo, chuyền cành thoăn thoắt, có khi cũng tót vào cửa sổ một căn nhà nào đó, thó một vài món đồ giá trị.

Chính vì thế họ bị xã hội cũ khinh bỉ gọi là *bọn (đồ) trèo me, trèo sầu*.

Câu này vẫn còn tồn tại ở Hà Nội tới khoảng trước 1960. Và những người rách nát, đi lang thang lúc đó có khi cũng bị quy vào dạng *Trèo me, trèo sầu*.

Nói thêm một chút để chia sẻ với mọi người, cũng như rau muống, có rau muống tiến vua (*xem mục*), sầu là một trong những đặc sản riêng có của Thủ đô, gắn với những kỷ niệm của bao lớp người. Nhà thơ Tố Hữu trong bài thơ *Có thể nào yên?*, trong 54 câu thương nhớ, gửi gắm miền Nam, chỉ với một dòng, một dòng duy nhất, cũng đủ làm cho ta không nguôi ngoai nhớ về sầu, về Hà Nội:

... *Có thể nào yên?*

Miền Nam oi, máu chảy

*... Hôm nay, buổi mai hè,
tháng sáu
Phượng đỗ bờ đê,
ve kêu hàng sáu
Hà Nội dập dùi,
rộn rã đường vui
Nghe tin ra,
dạ lại bùi ngùi!...*

Đặc biệt, sáu luộc mà đậm với nước rau muống, thì ít có thứ nước giải khát nào sánh kịp. Vị hơi chan chát, ngòn ngọt của rau muống, cộng với vị chua chua, rất thanh của sấu, thật là độc nhất vô nhị. Vậy mà chẳng hiểu sao mấy bác miền Nam tập kết bị *rau muống quấn chân* (xem mục 645) lại không phổi biến cho bà con thân thích hay. Tới mùa sấu, cứ nhờ người Hà Nội mua cho một vài ký, rửa sạch, bỏ bịch nilon để ngăn đá, khi ăn lấy ra vài quả, có thể dùng cả năm. Rất tuyệt.

754. Trên bảo dưới không nghe

“Trên” – “dưới” cũng có thể hiểu theo nghĩa đen là “trên cao” – “dưới thấp”.

Nhìn dưới góc độ xã hội, thì “trên” là lãnh đạo, “dưới” là bị lãnh đạo, là cấp dưới. Con người thì cái đầu là trên hết, rồi tới các bộ phận của cơ thể, trong đó có “thằng bé”. “Trên bảo dưới không nghe” có thể hiểu chung cho cả phạm trù con người và phạm trù xã hội. Nhưng ở đây muốn nói về cái sự “*mất khả năng chi trả*” của đấng mày râu. Cái đầu muốn một đằng mà thằng cu xùi một nẻo.

755. Trên tùng cây số



*Stefan Danailov người thủ vai
thiếu tá Đê-a-nôp*

Trên tùng cây số là một bộ phim truyền hình Bulgaria, kể về cuộc

chiến của nhân dân Bulgari trong Đệ Nhị Thế Chiến, công cuộc tái thiết và chống lại các lực lượng phá hoại. Bộ phim gồm 26 tập chia làm hai phần, quay trong những năm 60 của thế kỷ 20 và bắt đầu trình chiếu từ năm 1969.

Cuối thập niên 1970, *Trên Tùng Cây Số* được công chiếu trên VTV, mỗi tuần 2 buổi vào tối thứ Tư và thứ Bảy. Phim có Thiếu tá Đê-a-nốp đẹp trai, tài giỏi, và chàng Bôm-bốp vui tính hài hước.

Bộ phim ăn khách đến mức, sau đó tên phim trở thành một thành ngữ trong những bài văn, bài báo, những truyện ngắn và cả đời sống xã hội Việt Nam.

Những chiến sĩ công an săn bắt cướp, những người thường đi từ thiện, những bác sĩ trực cấp cứu..., thậm chí những tay chích hút, cờ bạc, buôn lậu có hạng cũng đều được dân tình tặng cho danh hiệu, có mặt *trên tùng cây số*.

Ví dụ: Tai nạn giao thông ở Việt Nam luôn có mặt *trên tùng cây số*.

Tóm lại, ai, cái gì, chuyện gì luôn xảy ra có tính chất lặp lại thường xuyên, ở nhiều nơi đều có thể được coi là *trên tùng cây số*.

756. Trên mức tình cảm



Cái chuyện quà cáp, hiếu hỉ đã có từ xa xưa và xem ra cũng là thường tình. Nhưng theo năm tháng thời gian, nó cứ càng ngày càng biến tướng vì toan tính của cả người cho và người nhận. Từ nghiên cứu mục đích, hành vi và những món quà mà người ta tặng nhau, Marcel Mauss đã viết nguyên một cuốn sách "*Luận về biếu tặng*", trong

đó nhấn mạnh rằng những món quà không bao giờ “miễn phí”. Lịch sử của con người là lịch sử của những lần trao đổi quà tặng qua lại, nó vượt qua mọi ranh giới giữa vật chất và tinh thần. Món quà, ngoài giá trị của chính nó, còn bao hàm nhiều giá trị khác như danh dự, địa vị, thậm chí còn giống như một sự thách thức đối với người nhận quà (bom thư).

Còn ở Việt Nam cái có ơn nghĩa, tình cảm để trực lợi, móc ngoặc, đút lót... dần đã đi đến mức tinh vi, và làm băng hoại đạo đức hàng ngũ cán bộ nhỏ, cán bộ to, khiến phải kéo kèo còi báo động và tìm giải pháp.

Để định tính, định lượng một món quà nào đó, người ta đã tìm được cụm từ: “*trên mức tình cảm*” như một cái cân. Đúng là “*trên cả tuyệt vời*”, không chỉ Marcel Mauss mà cả các tổ chức phòng chống tội phạm tham nhũng cũng không mò ra. Tuy nhiên hiềm một nỗi khi dùng “cái cân” này, người ta không biết thế nào là “*trên mức tình*

cảm” và thế nào là “*bằng*” hay “*dưới*”?! Chính vì thế sau một hồi lúng túng không biết làm ăn ra răng, người ta lại đưa, lại nhận mỗi lúc một công khai hơn, “minh bạch” hơn.

Và bây giờ thì chuyện quà cáp phải... “*trên mức tình cảm*” mới được duyệt. Đã vậy, người nhận còn thêm nhiều chiêu thức để người cho có dịp “*thể hiện tình cảm*”. Mừng thọ gia già, kỷ niệm ngày cưới... và sinh nhật chó cưng.

VietNamNet 26/07/2011:
Giữa tháng 7/ 2011, Giám đốc CTTNHH K.H tổ chức sinh nhật 1 tuổi cho con chó Levi của mình. Levi mặc trang phục sắc sỡ, đeo dây chuyền, vòng chân. Ngoài cửa có lăng hoa. Thủ tục có giới thiệu chó cưng và thổi nến đánh trên chiếc bánh kem có dòng chữ “Happy Birthday Levi 1 year”... Khách dự 60 người, tất thảy đều có phong bì (quà cáp có tính chất tình cảm). Anh Thắng một cán bộ của CT tiết lộ, phong bì của anh có 200USD...

757. Triệt buộc

Trong *TĐTV* có nhiều chữ “triệt”, như triệt để, triệt hạ, triệt thoái, triệt tiêu... nhưng không thấy có “*triệt buộc*”.

Thực ra *triệt buộc* là một thế trong chơi bài domino. Khi ván bài kết thúc mà mọi người vẫn còn quân trên tay, thì ván bài được cho là *bị triệt*. Và bị coi là *triệt buộc* nếu không ai có tình ép để ván bài kết thúc như vậy. Trong những ván không phải là triệt buộc, người ép ván bài được gọi là *người triệt*. Chú ý rằng người triệt không nhất thiết là người đánh quân bài cuối.

Nếu ván bài *bị triệt*, người trên tay của *người triệt* được gọi là *gài triệt* nếu người đó có quân khác có thể đánh thay quân của mình vừa ra.

Khi một *người triệt* một ván bài và thắng ván đó, người đó thắng gấp đôi so với ván thường. Nếu thua, người đó sẽ thua một số điểm bằng với số điểm đang còn trên tay của tất cả những nhà khác.

Triệt buộc, ngoài cuộc chơi domino, được dân tình xem như

một lời tâm sự giãi bày, hay một cái lắc đầu kèm theo lời xin lỗi, khi chuyện mình không muốn làm vậy, nhưng đã bị roi vô hoàn cảnh, *thế thời, thời thế, đành phải thế*.

758. Trọc đầu

Dân gian có câu “*Nấm thằng có tóc/ Ai nấm thằng trọc đầu*”, nhưng ở đây “thằng trọc đầu” không có nghĩa là kẻ không có vai vế, địa vị gì trong xã hội, chẳng can dự được gì vào công chuyện của mình. “*Thằng trọc đầu*” ở đây chính là thằng đầu trọc theo nghĩa đen của từ đó.

Ở miền Bắc, những năm 1960 – 1975, những người tù thường phải cắt trọc. Hễ cứ thấy ai trọc đầu trên đường phố, người ta có thể nghi là tù trốn trại.

Nhưng khoảng những năm 1990, không biết có phải học theo đám phát xít mới trên thế giới để đầu trọc không, mà nhiều thanh niên Việt Nam, đa số là đám quậy phá, thường cắt đầu trọc.

Bây giờ thì cắt trọc lại đang là cái mốt của giới trẻ. Hình như

để vậy cho nó “cá tính” hơn, ngầu hơn, khác người hơn.

“triệt buộc” khi khẳng định sẽ đoán “trong vòng một nốt nhạc”.

759. Trong vòng “một nốt nhạc”

Chương trình game show *Nốt nhạc vui* do HTV tổ chức thực hiện, bắt đầu ghi hình từ 11 – 2003 và phát sóng lần đầu tiên trên HTV7 vào ngày 14 – 1 – 2004, là một chương trình khá ăn khách vì tính vui tươi và gần gũi của nó với khán thính giả xem dài. *Nốt nhạc vui* mỗi lần thi gồm 3 thí sinh với 4 vòng thi trực tiếp. Qua 2 vòng thi kiến thức (chọn nhạc theo chủ đề để đoán đúng tên bài hát), hai người cao điểm nhất thi tiếp vòng “Đoán nhạc trong 7 nốt” để chọn ra người duy nhất vào vòng đặc biệt “Liên khúc vàng”, phải đoán tựa 7 ca khúc trong vòng 30 giây!

Trong cuộc thi, các thí sinh đọ sức với nhau, bằng cách ai ra điều kiện đoán trong số nốt nhạc thấp hơn thì người đó được quyền ưu tiên. Để giựt quyền đổi phuong, không ít thí sinh đã



“Một nốt nhạc” nhanh chóng đi vào đời sống xã hội như một thành ngữ nói lên sự nhanh chóng đáp ứng một yêu cầu nào đó. Chẳng hạn: Tôi có thể làm việc đó trong vòng “một (cũng có thể là hai, ba...) nốt nhạc”.

Có hai cô gái quán quân *Nốt nhạc vui* từng thắng giải năm lần thi (mức tham dự tối đa cho phép của một thí sinh): Mai Thanh (21 tuổi, vừa tốt nghiệp khoa thiết kế truyền thông Trường ĐH quốc tế RMIT tại VN): Mê nhạc suốt thời đi học, từng làm website cho các ca sĩ Lam Trường, Thanh Thảo, Cẩm Ly nên cô nắm vững kiến thức về nhiều ca khúc VN. Thanh còn là thí sinh duy nhất ba lần đáp đúng 100% vòng thi “xương” nhất (Liên khúc vàng). Lần đáp trọn vẹn gần nhất là buổi thi ngày 10-11-2011, chính là trận “chung kết” giữa ba thí sinh có thành tích cao nhất gồm Mai Thanh, Uyên Phương và Sơn Quyền (*tuoitre online*).

760. Trông xa cứ tưởng là tiên

Câu đầy đủ:

*“Trông xa cứ tưởng là tiên
Đến gần hóa khỉ Thái Nguyên
mới vè”.*

Thái Nguyên ở đây là ý nói từ trên rừng, trên núi về. Cũng có thể có mối liên hệ với một câu

ca xưa: “*Lử khù lù khù/ Chẳng ở Đại Tù/ cũng ở Võ Nhai*”, thuộc Thái Nguyên, xưa nổi tiếng “lam chướng nghìn trùng”, ai ở trên đó về không bị báng bụng, thì cũng bị sốt rét rùng hành cho, nhiều lúc người cứ “*lử khù lù khù như ông từ vào đèn*”.

Tất nhiên Thái Nguyên bây giờ khác xưa lắm rồi, chẳng thế mà người Thái Nguyên tự ca về mình:

*Dẹp gái xinh trai chẳng Võ
Nhai cũng Đại Tù*

761. Trống Bắc Lý

Trong những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước, cùng với các điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua yêu nước trên các lĩnh vực, “Trống Bắc Lý” đã vang xa khắp mọi miền Tổ quốc....

Lý Nhân là đất chiêm trũng, nghèo đói quanh năm, nhưng lại là đất hiếu học, các già đình săn sàng đóng góp công sức vô điều kiện, miễn là con em mình được học hành tử tế.

Phương pháp dạy và học gắn với thực tế sản xuất không

những giúp thầy, trò củng cố kiến thức một cách vững chắc mà còn góp phần phát triển kinh tế tại địa phương.

Là vùng thuần nông thôn, học sinh ngoài giờ đến trường còn phải lo giúp đỡ gia đình, điều đó khiến nhiều em không có thời gian học bài hoặc bị làm việc quá sức nên chẳng còn tâm trí gì đến sách vở. Để xây dựng nền nếp học tập cho các em, nhà trường đã ký kết với HTX, giao cho các đội sản xuất cùng gia đình bố trí chỗ học, lên thời gian biểu học tập vào buổi tối cho con em. Cụ thể học sinh lớp 1-2 học 19 đến 20 giờ; lớp 3-6 học 19-21 giờ; lớp 7 trở lên 19-21 giờ. Đến giờ học, đội trưởng sản xuất sẽ đánh trống, sau đó giáo viên cùng cán bộ xã sẽ đi kiểm tra đột xuất. Những gia đình có góc học tập đúng quy định, con học đúng giờ, kết quả học tập tốt sẽ được hợp tác xã cộng đồng điểm, có thưởng, ngược lại sẽ bị trừ thi đua và bị phạt.

Với những nỗ lực không ngừng, năm 1962, Trường Bắc

Lý được Bộ Giáo dục công nhận là Đơn vị Lá cờ đầu và năm 1985 được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động.
(Theo HNM)

762. Trời cho...

Có những việc chẳng rõ tại sao mình lại được, thì người ta hay bảo đấy là trời cho. Có thể ăn ở hiền lành trời thương, cũng có khi thành tâm khấn vái thường xuyên mà động lòng trời phạt phù hộ, độ trì. Nhưng dân gian thì thực tế hơn, đã gọi là trời cho, có nghĩa chỉ là trò chơi thôi, không phải do công sức mình làm ra thì có lúc được, cũng có lúc mất không chắc chắn gì.

Đơn giản, *Trời cho* nói lái là *trò chơi*.

763. Trời mưa bong bóng

Lời ru xưa như vừa than thân trách phận, vừa như muốn níu kéo một cái sê-mát, nghe thật buồn:

*Trời mưa bong bóng
pháp phồng*

Mẹ đi lấy chồng con ở với ai?

Nhưng bây giờ cuộc sống có

quá nhiều đổi thay. Từ vốn tự có (*xem mục 806*) giúp các em có thể trở thành “nữ nhi bạc triệu” (*xem mục 600*), cho đến việc có thể từ con vịt đẹt lột xác thành con thiên nga, thành những hot girl, những... Và chuyện nam nữ bây giờ, cũng có thể “muốn thì chiều, à!” Chính vì thế khi cò mẹ đẩy cò con ra khỏi tổ, cò con không rời xuống đất chết, mà sải cánh bay tít nơi xa.

Và lời ru buồn xưa, câu hai, nay bị lớp thanh niên chỉnh lại cho hợp cảnh, hợp tình:

Mẹ đi lấy chồng con ở với... trai.

764. Trùm (đội) bao bố

Trại giam Tù binh Chiến tranh Phú Quốc, hay Trại giam Tù binh Cộng sản Phú Quốc (6/1967 – 3/1973) là một trại giam nằm tại thị trấn An Thới ở cực nam đảo Phú Quốc. Trong Chiến tranh Đông Dương, trại giam này có tên là Nhà lao Cây Dừa. Ở đây có nhiều hình thức tra tấn dã man như đóng đinh vào tay, chân, đầu; đốt dây kẽm cháy đỏ đâm vào da thịt, đục răng, trùm

bao bối ché nước sôi hoặc đổ lửa than, ném vào chảo nước sôi, thiêu sống, chôn sống... thực chất là tiêu diệt người tù. *Trùm bao bối* là lấy bao bối trùm lên người tù rồi ném vào chảo nước sôi. Ba người tù ở phân khu C6 đã bị luộc chết.

Còn một loại *trùm bao bối* khác, có từ thời Pháp tới thời Mỹ ở Sài Gòn. Đó là lấy bao bối trùm đầu những người bị chúng bắt, để đi chỉ điểm Việt Minh – Việt Cộng. Ở vùng Thủ Thiêm nhiều người bị chỉ điểm đã bị địch cho “tắm” sông ở cầu Ông Cậy. Các xác chết được dân địa phương vớt lên, đem chôn rồi lập miếu thờ. Vì vậy, vùng đất dọc bờ sông này có rất nhiều miếu thờ vong linh người chết.

765. Trứng ngỗng

Có một kỷ niệm buồn và hay bị bạn bè giêu cợt của thời học sinh, Bắc – Nam đều vậy. Đó là vì mải chơi, vì lười nhác, hay vì một lý do nào đó mà hôm sau lên lớp, trong đầu rỗng tuếch không một chữ nào. Và bài kiểm tra được

cô (thầy) giáo, khoanh cho một khoanh tròn có gạch đít...

Đấy là điểm không, trông nó giống như cái trứng ngỗng, nên bạn bè thường đùa là: *Hôm nay nó xoi trứng ngỗng đây*.

Nhớ lại cái thời mặc quần thủng đít một tí cho vui, nhưng nghĩ tới lại buồn. Thầy cô bây giờ ngại nghĩ tới chuyện cho học trò điểm xấu, vì thương nó, vì sợ nó, vì sợ thành tích, vì sợ tuyển sinh giảm... đủ thứ sợ. Còn trò thì hầu như chẳng sợ gì, vì được thi lui thi tới mấy lần. Nhiều khi chúng chỉ sợ mất việc đang làm thêm mà bỏ cả học. Ấy là sinh viên đại học đấy.

766. Trương Phi



Trương Phi tự là Ích Đức, thường gọi là Dực Đức, người Trác Quận, tỉnh Hà Bắc, sinh trong một gia đình nghèo, làm nghề bán rượu, thân hình to lớn, dung mạo oai phong, được học hành cả võ nghệ lắn sáu vở. Trương Phi viết chữ rất đẹp và là một họa sĩ, ông có sở trường vẽ tranh mỹ nhân.

Trong tiểu thuyết *Tam Quốc diễn nghĩa* của La Quán Trung, Trương Phi được mô tả “cao tám thước, đầu béo, mắt tròn, râu hùm, hàm én”, là người khảng khái, bộc trực và rất nóng nảy.

Nổi tiếng nhất trong trận đánh cầu Trường Bản, Trương Phi lúc đó chỉ có vài mươi kỵ binh, mà dám đứng giữa cầu quát to mấy tiếng đã khiến Tào Tháo có hàng trăm vạn hùng binh phải hoảng sợ lui quân. Và Hạ Hầu Kiệt theo hầu Tào Tháo đã vỡ mặt mà chết. Nhưng cũng chính vì tính nóng nảy mà ông đã chuốc họa sát thân. Do nôn nóng báo thù cho anh là Quan Vũ bị quân Đông Ngô hại nên ông thường đánh đập quân sĩ...

Và đã bị chính lính của mình giết chết trong lúc say rượu ngủ.

Những người có tính nóng nảy, nhiều lúc quên cả đúng sai, an nguy, thường được dân gian ví với Trương Phi. Cái thằng ấy nó nóng như Trương Phi ấy.

767. Tu chùa Một cột

Chùa Một cột thì có sự sài gì ở đó mà tu. Thực ra thì đây là một câu chỉ trích, chê bai, cũng có khi như một lời khuyên nhẹ nhàng người lòng không tịnh mà nói gì chuyện tu. Có câu nghĩa tương tự: *Có mà tu hú ấy.*

Cũng còn một nghĩa khác có ý tục tíu. Tự hiểu nhé.

768. Tu trên núi Tà Lon

Núi Tà Lon (người Khmer gọi là núi Bokor) nay là công viên quốc gia Bokor, thuộc tỉnh Kampot, vốn là nơi hành hương, tham quan và vui chơi của Vương quốc Campuchia.

Đây là một dãy núi, mà đỉnh cao nhất có chiều cao là 1.080 m

Bắt đầu từ năm 1917, người Pháp đã xây dựng ở đây các

công trình, như nhà thờ, chùa chiền, nhà nghỉ, sòng bạc;... mà ngày nay phần lớn đã trở thành hoang phế. Trong thập niên 1990, người ta đã ví Tà Lon như là “một nơi kỳ lạ nhất trên thế giới” và là “thành phố ma” vì vẻ hoang tàn và kỲ bí của nó.

Ở thế kỷ 19-20, một số người Việt đã chọn Tà Lon làm nơi tu luyện. Trong đó có những tên tuổi như Huỳnh Phú Sổ (Giáo chủ đạo Hòa Hảo), Ngô Văn Chiêu (khai sáng đạo Cao Đài)...

Có lẽ cũng chính vì vậy mà từ những năm trước 1975, đã có thành ngữ “tu trên núi Tà Lon”, để chỉ những người được xem là có công phu tu luyện. Nhưng riết sau này nó lại trở thành câu chỉ trích hoặc chọc phá ai đó, khi làm một việc ngoài sức, hoặc không nên. *Bộ ông tu* (học võ) *trên núi Tà Lon hả?*

769. Tuần... đậm mật

Đối với đôi tân hôn, sau ngày cưới thường quần quýt bên nhau, đi thăm hỏi chỗ này, đi nghỉ chỗ kia tràn trề hạnh phúc.

Nhưng không phải ai cũng được vậy. Có thể vẫn là hai trái tim vàng, không hẳn là một túp lều tranh mà là nợ nần phải thanh toán. Trả nợ vòng vàng, nhẫn cưới, thanh toán tiệc tùng hai họ... trăm thứ bà ràn khoác lên đầu lén cỗ.

Vì thế, theo thông lệ, sau khi cưới đôi uyên ương có một tuần dành riêng cho nhau, gọi là tuần trăng mật, thì nay với những cặp yêu nhau vì tình mà thiếu tiền cái tuần lễ đó được gọi là *tuần... dập mật*. Lo chạy hoàn nợ tối dập mật.

Tuy rằng từ cổ chí kim không thiếu gì những cặp vợ chồng gặp tình cảnh như vậy. Nhưng, “*tuần dập mật*” cũng chỉ mới xuất hiện khoảng những năm 90 của thế kỷ 20.

770. Tuần lễ vàng

Tuần Lễ Vàng (năm 1945) là sự kiện bắt đầu từ ngày 04 tháng 09 năm 1945 khuyến khích người dân đóng góp ngân sách quốc gia, nhằm tháo gỡ sự khó khăn tài chính của đất nước. Trong

sự kiện Tuần Lễ Vàng, nhân dân đã quyên góp tổng cộng 20 triệu đồng và 370 kilogram vàng. Đặc biệt, gia đình ông bà Trịnh Văn Bô đã đóng góp 117 cây vàng và vận động ủng hộ thêm trên 1.000 cây vàng nữa. Và tổng cộng qua nhiều giai đoạn, gia đình ông bà Bô đã góp 5.147 lượng vàng, tương đương với 2.000.000 đồng Đông Dương

Ông Trịnh Văn Bô (1914-1988) là một doanh nhân, một nhà tư sản theo chủ nghĩa dân tộc. Hiệu buôn tơ lụa Phúc Lợi của ông, tại số 48 phố Hàng Ngang quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, trước Cách mạng tháng Tám, là nơi ra đời bản Tuyên ngôn Độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

771. Tú khoái

Các cụ xưa quan niệm, ở đời có 4 cái khoái – *tú khoái*. Ăn được xếp hàng đầu, rồi tới ngủ. Và nói “Ăn được, ngủ được là tiên/ không ăn không ngủ mất tiền thêm lo”. Xếp thứ 3 là “Đu nặng” – quan hệ nam nữ. Và thứ tư là “ia hỏi”.

Cái này cứ tưởng chỉ là thứ yếu, nhưng thử nghĩ xem, đồng hóa mà không di hóa chừng vài ba bửa, bụng cứ nặng nặng, ấy là chưa nói các thoi sắt có thể làm tέ “cửa hậu” nữa.

Câu hoàn chỉnh và được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên của tú khoái là: “Ăn – Ngủ – Đụ – Īa”. Trật tự các cụ xưa xếp là vậy, xem ra rất hợp lý, nhưng hành xử thực tế thì con cháu ngày nay có vẻ chẳng mấy quan tâm. Chẳng hạn Ăn – ẩm thực Việt Nam được xem là có thứ hạng thế giới, nhưng vệ sinh an toàn thực phẩm thì... xếp hạng bét. Nào là chất phụ gia có độc, nào là chế biến đồ ăn từ thực phẩm thiу, thối. Đau nhất là mua thịt súc vật, gia cầm chết từ ngoài vào để chế biến, đầu độc chính cho dân mình!

772. Từ Thủ đô... sang Lào

Những năm xây dựng CNXH ở miền Bắc (1960 – 1975), thuốc lá là mặt hàng phân phối “chiến lược”. Loại ngoại sang nhất là *Trung Hoa Bài, Thiên An*

Môn của Trung Quốc. Nội địa có *Thăng Long, Thủ Đô, Điện Biên...* đều nhẹ và thơm. Gu phổ biến – vừa phải là *Tam Đảo*. Còn loại nặng là *Bông lúa* và *Trường Sơn*. Tới “phi” thuốc *lào* thì thuộc loại ngoại hạng rồi, chỉ cần “tạch, tạch, tạch...” rít một hơi, rồi ngả người phà khói lên trần nhà là đã đòi rồi; hai mắt đã có thể lim dim và hai tay quơ quơ bắt chuồn chuồn.

Tất nhiên thơm ngon, nặng nhẹ luôn đi cùng với đắt rẻ. Và với lính thì ít tiền, đỡ ghiền vẫn hơn. Vì vậy, thường thì chuẩn bị nhập ngũ hay hút thuốc thơm, bạn bè gia đình cho. Khi nhập ngũ ít lâu, tiền hao mòn dần thì hút loại trung bình. Nhưng đến khi vào chiến trường, “hậu phương” không còn chi viện được nữa đành hút thuốc rê hoặc vác bazooka (điếc thuốc lào) ra mà bắn.

Thành thủ trong lính có câu tả đoạn trường hút thuốc, cứ y như một chặng hành quân vậy:

Từ Thủ đô, lên Điện Biên, vượt Trường Sơn sang Lào.

773. Tự cứu trước khi trời cứu

Những năm 1980 – 1986, đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng phi mã và thiếu đói trầm trọng. Ngay như TP.HCM, kế bên vựa lúa Đồng bằng Sông Cửu Long mà cũng phải ăn bobo thay cơm.

Trước tình hình đó, một mặt cương quyết tấn công không khoan nhượng vào tệ nạn cửa quyền, tham ô, với “những việc cần làm ngay”; Mặt khác tìm cách tháo gỡ cơ chế quan liêu bao cấp. TBT Nguyễn Văn Linh kêu gọi cán bộ, nhân dân: “*Hãy tự cứu mình trước khi trời cứu*”.

Đại ý nội dung: Mọi người hãy tìm thêm việc làm để có thêm thu nhập chính đáng, để tự cải thiện đời sống, cũng là cách hỗ trợ Nhà nước trong lúc khó khăn này.

774. Tự nhiên như ruồi Nhổn

Có một thời, những năm 60 – 70 của thế kỷ trước, người Hà Nội khổn khổ vì ruồi. Hết đang ăn cơm mà không có quạt máy, thì tay cứ phải cầm cái quạt giấy, quạt nan mà xua xua lia lịa để

ruồi khỏi sà vào ăn tranh. Nhưng ruồi ở làng Nhổn, Từ Liêm, Hà Nội là nổi tiếng hơn cả. Không mời cũng đến, muốn hạ cánh xuống đâu là hạ, chẳng cần xin xỏ. Lấy quạt, quạt không bay. Có khi lấy ngón tay dí dính cả xuống com, vẫn vậy. Vì thế mới có câu: *Tự nhiên như ruồi Nhổn*.

Nhưng chẳng hiểu là do con người hay do con ruồi ở cùng với người đó, mà dân gian lại có vẻ thứ hai: *Tự nhiên như người Hà Nội!*

Hai câu trên có từ những năm 70, thế kỷ 20.

775. Tường đè

Thực sự chẳng mấy ai bị tường đè mà “an toàn trên xa lộ”. Tuy nhiên, trong trường hợp này, chỉ thấy... mất vệ sinh và khai thối mà thôi. Vì thực ra *tường đè* nói lái là *tè đường*, tè ở ngoài đường ấy. Những người hay bị “tường đè”, dân tình còn nghi là bị bệnh tiểu đường đấy (xem mục 99). Nên đi thử máu và điều chỉnh lại chế độ... tè trước khi ra đường nhé. Chúc bạn thành công.

U

776. Uống mật gấu



Con gấu có một khả năng kỳ lạ. Leo cây ăn mật xong nó có thể không cần tụt, mà cứ thế thả mình rơi tự do xuống đất, dù cho ở dưới, đất có cứng, có gạch đá cũng kệ. Chỉ cần nằm im một lúc là gấu lại đi lại, chạy nhảy bình thường. Dân gian cho rằng đó là một phần nhờ khi gấu rơi xuống đất, thì mật gấu tản ra khắp cơ

thể giúp nó chống chấn thương. Và cũng vì thế mà mật gấu được dùng trong các bài thuốc Đông y chữa các bệnh đau nhức xương, gân, cơ và tăng cường sinh lực.

Với nghĩa bóng, “*Uống mật gấu*” có nghĩa là không còn biết sợ, biết ngán gì nữa. Là liều mạng. Ví dụ: Thằng ấy nó “*uống mật gấu*” hả? Không biết sợ chết hả?!

777. Uống nước cǎ cặn

Trong làm ăn, có luật bất thành văn, từ rất xưa, là “ông mất con gà, bà thò chai rượu”, hoặc “anh ăn cơm cũng phải cho em ăn cháo”. Đây là lẽ thường tình, hợp đạo lý cả với kinh doanh, buôn bán chuẩn mực, lẩn giój buôn gian, bán lận, các tay giang hồ, anh chị bất hảo.

Vậy mà bây giờ, có ăn lại ăn
trọn một mình thì chơi với ai?
Chơi vậy dần già anh em chạy
mặt hết. Không những thế có
khi còn bị phản thùng thì hậu
quá khôn lường.

Dân gian gọi những kẻ đó là
“uống nước cẩ cặn”, hay *“uống
không chừa cặn”*.

V

778. Vạc dâu (vui)

Có nhiều người sau khi chết, bị bắt xuống Diêm Vương để bỏ vạc dâu. Vạc dâu luôn sôi sùng sục, nóng như điên, nên hễ ai bị bỏ xuống thì đều tìm cách bò lên, khiến quỷ sứ và lũ đầu trâu mặt ngựa nhiều lúc không biết xử trí ra sao. Diêm vương nghe bẩm báo cũng thua luôn. Quân sự máy lạnh (*xem mục 634*) dưới âm phủ mới ghé tai Diêm Vương: Dân Nhật với tinh thần võ sĩ đạo, không cần bắt, cũng có thể tự động nhảy vào vạc. Dân Trung Quốc coi vậy chử nó đoàn kết lắm, phải tách ra từng đúra, ném dần vào vạc mới được. Quỷ sứ, đầu trâu, mặt ngựa y lệnh, mọi chuyện diễn ra như... sách đã dẫn. Đến nhóm đông dân Việt Nam, Diêm vương lại lung túng

hở quân sự, được trả lời: Dân này thì không phải lo, họ hay ganh ghét, đố kị nên hễ có kẻ nào ngoi lên là sẽ có kẻ khác nấm chân kéo xuống. Vì thế cứ việc bỏ tất cả vào một lượt là xong. Diêm Vương bán tín, bán nghi, nhưng quỷ sứ đã đổ tất cả vào một mẻ. Và, thật bất ngờ là... Quân sự máy lạnh dưới âm phủ mà làm sao lại biết chuyện trần gian?

779. Vai u thịt bắp mồ hôi dâu

Giống *ăn no vác nặng mồ hôi dâu* (*xem mục 34*)

780. Vãi linh hồn

Theo triết học duy tâm, con người ta có phần hồn và phần xác. Thể xác chỉ tồn tại trong một khoảng thời gian, nhưng linh hồn sẽ tồn tại vĩnh cửu.

Khi người ta chết đi rồi, linh hồn sẽ đi đầu thai sang kiếp khác. Còn Phật giáo thì cho rằng, theo luật nhân quả, người ta gieo nhân nào thì gặt quả ấy, nghĩa là khi chết đi tùy theo thiện ác lúc sống mà con người có thể rơi vào địa ngục, ngã quỷ, hay thành súc vật, trở lại kiếp người...



Những điều đó có đúng không, nhưng về chữ nghĩa, tạm hiểu, con người ta khi đang sống sờ sờ ra, chẳng hiểu vì lý do gì mà khiến sợ hãi tới “vái linh hồn” ra thì quả là một chuyện... thật đáng sợ.

Sợ tới “vái linh hồn” biểu thị cảm xúc người ta khi gặp những chuyện ngoài sức tưởng tượng.

Ví như: *Ôi, tại sao vậy, mày làm tao vái cả linh hồn rồi đây này!*

781. Vào ba, ra bảy

Dân nhậu miền Nam, thường có một quy định bất thành văn với các bạn nhậu: “Vào ba, ra bảy”. Nghĩa là khi có ai đó vào muộn, thì phải chào bàn bằng cách uống liên tục ba ly. Còn ai bỏ về sớm thì cũng phải làm thủ tục tương tự, nhưng là nạp bảy ly liền liền.

Rượu uống phải từ từ, nhâm nhi mới thấy ngon, thấy ngọt. Còn nạp liên tu, thì chỉ thấy đắng, thấy cay. Không biết có phải vì vậy, mà có cái lệ trên không? Hay là do bản tính mến khách, mến bạn vốn có của người Nam bộ? Anh đến muộn, nay giờ chúng tôi đã uống ba bốn ly rồi, nay tới anh đấy! Và: Anh về hả, có công chuyện hả, uống ít ly đi, mình chia tay.

782. Vào cầu

Cũng giống như trúng quả, trúng mánh, nhưng từ này do dân lái xe phối hợp với con phe mà ra. *Cầu* là trực truyền

chuyển động, để kéo bánh xe quay. Tất cả các xe bình thường chỉ có một cầu, phát lực quay từ bánh sau. Để chống pa tinhé khi gặp sinh lây và tăng sức mạnh của xe, những loại xe đi địa hình khó khăn như rừng núi sau này được lắp 2 cầu, trước và sau như xe Pazero, xe Ben... Đặc biệt còn có những loại xe 3 cầu phục vụ những công việc đặc biệt có trọng tải nặng, lại phải vượt qua những cung đường khó khăn. Chẳng hạn trong chiến tranh chống Mỹ, bộ đội ta được Liên Xô viện trợ những chiếc Zin ba cầu (xem mục 854), đã góp phần không nhỏ cho chiến trường.

Cánh lái xe thường dong ruổi trên khắp các nẻo đường đất nước, vì thế họ có khả năng tiếp cận với rất nhiều nguồn hàng, mà thính mũi, nhạy bén như dân phe cũng phải móc nối mới xong. Và thế là mối liên kết xe - phe hình thành. Và nhiều phi vụ thành công trên cả tuyệt vời. Và để hợp với ngữ cảnh, văn cảnh hơn, các từ ngữ *trúng mánh*,

vô mánh vốn của dân phe, nay được hoán đổi là *vào (vô) cầu*.

Câu này có khoảng từ những năm 1960, khi hình thành nhiều đội xe phục vụ tiền phuong và đặc biệt là xuyên Trường Sơn.

783. Vào Cu Ba ra Vạn Kiếp

Bệnh viện Việt Nam - Cu Ba ở phố Trần Hưng Đạo, hai bên là hai ngõ lớn. Một bên vốn là ngõ Lao Động, nay người ta quen gọi là ngõ 90, nhưng dù là ngõ Lao Động hay ngõ 90, nó đều không có biển đề. Nhà văn Nguyễn Tuân từng sống ở đây, trong căn phòng nhỏ trên gác hai. Còn một bên là ngõ Vạn Kiếp.

“Vào Cu Ba” là vào khám chữa bệnh ở Bệnh viện Việt Nam – Cu Ba. “Ra Vạn Kiếp”, là nếu từ biệt cõi đời ở đây thì đón ra bằng lối cửa ngõ Vạn Kiếp.

Từ lâu người Hà Nội đã dùng câu: “Vào Cu Ba ra Vạn Kiếp” để chỉ một người nào đó vào bệnh viện, và mặc dù được các bác sĩ tận tình cứu chữa, nhưng... không qua nổi và đã viên tịch.

784. Vay như bắt được, trả như bị hoan



Sự đời là vậy, cái gì dễ dãi thì xem thường. Còn khó khăn thì sợ và tránh né. Tiền vay cũng là từ mồ hôi, nước mắt của người ta, có khi của dân của nước, không phải trên trời rơi xuống. Và có vay có trả là lẽ tự nhiên không thể giả ngơ ngó lo.

Nhưng từ cuộc sống, ta lại thấy một thực tế khác khá lạ, là nhiều người đi vay thì năn nỉ ỉ ôi, rằng tôi khó khăn quá, rằng tôi thiếu vốn làm ăn, rằng con tôi (tôi) vào đại học... Thế nhưng khi vừa cầm được tiền mượn trong tay là tiêu xài vô đối, se sua mua sắm, đi nhà hàng... Thậm chí bài bạc, quên luôn cả mục

đích ban đầu. Mượn tiền đóng học phí cho con, nhưng giựt lại xài đỡ chuyện khác. Hoặc chính những sinh viên được cha mẹ gồng gánh cho ăn học lại lấy tiền được ngân hàng ưu tiên cho mượn chi xài việc khác, kể cả tham gia vào các phi vụ làm ăn... Đấy là những nhúc nhối nan giải hiện nay.

Và đặc biệt hơn là quên ngay đó là tiền vay, tiền nợ, đến đáo hạn cứ lẩn lùa né tránh. Có người còn ngang nhiên nói lại: Nợ thì rồi cũng trả. Từ từ chứ, có gì mà hối!

Có lẽ chúng ta đã quá nhân từ hay không có những biện pháp chế tài thích đáng, mà hiện nay con nợ thì làm lơ, còn chủ nợ thì sợ con nợ... không trả. Và tình hình từ nợ công (*xem mục 597*), túi trốn thuế của doanh nghiệp, nợ qua nợ lại giữa các doanh nghiệp diễn ra tùm lum... Và xem ra càng ngày càng nặng nề, khó gỡ.

Xin dẫn vài số liệu:

1. Nợ công tính tới hết 2012:

(*Theo Saigontiepthi*) Uớc tính khoảng 55,4% GDP. Tuy nhiên

nếu tính cả khoản nợ nước ngoài của khu vực doanh nghiệp (chủ yếu là doanh nghiệp nhà nước – DNNN) không được Chính phủ bao lãnh, nợ bằng trái phiếu trong nước không được Chính phủ bao lãnh khác của DNNN thì nợ công của Việt Nam có thể lên đến khoảng 95% GDP, vượt xa ngưỡng an toàn (60% GDP).

2. Doanh nghiệp trốn (nợ) thuế:

(*dantri.com.vn*, 29/10/2013)

Kết quả tổng kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật thuế năm 2013 của Bộ Tài chính cho biết, số thuế sẽ phải thu hồi về ngân sách là 9.628 tỷ đồng.

3. Trốn nợ lại có tiền:

(*nld.com.vn*, 25/06/2013)

Bằng những bộ hồ sơ giả và có “tay trong”, một số đối tượng đang mắc nợ ngân hàng đã chiếm đoạt hơn 1.000 tỉ đồng của các ngân hàng Phát triển Việt Nam Chi nhánh Đăk Lăk - Đăk Nông, TMCP Phương Đông và Nam Á...

Thế nên dân tình mới có câu: *Vay nhu bắt được, trả nhu bị hoạn*. Bắt được nên không cần lo

– Thực ra bắt được mà không trả, lấy xài cũng bị xem là ăn cắp vậy. Còn hoạn – thiến, thì dù chưa qua một lần, nhưng chắc ai cũng cảm giác rùng mình, sợ sệt.

785. Văn hóa phong bì

Phong bì (bao thư) vốn sinh ra chỉ có một chức năng rất cao quý là để thư từ, chuyên chở tình cảm nối kết giữa những con người với nhau. Thế nhưng theo thời gian, những kẻ cơ hội, luồn lót, quen đi cửa sau đã sử dụng phong bì thay thế cho những quà cáp cồng kềnh nhưng giá trị “quy ra thóc” (*xem mục 642*) lại không đủ “ép – phê”. Phong bì đã tỏ ra hữu hiệu, khi nó vừa tiện lợi cho người gửi lẫn người nhận, gọn nhẹ dễ che đậy, tránh được “tai vách, mạch dùng”.

Từ những năm trước “đổi mới”, “phong bì” đã trở thành “gạch nối” gắn bó giữa những kẻ hối lộ với những kẻ ăn hối lộ, và ngày càng phát triển trở thành một vấn nạn trong xã hội, khiến người ta phải đặt ra vấn đề “văn hóa phong bì”.

Rồi có một khái niệm để đặt lên bàn cân xem quà cáp – “*phong bì*” có trên mức tình cảm không (*xem mục 756*). Nhưng tiếc thay chẳng có một định chuẩn gì, nên cho đến nay cũng không xử được... “*phong bì*”, dù cũng có trường hợp đã “*bắt tận tay, day tận trán*” mà vẫn “*bèo dạt mây trời*”...

786. Văn hóa từ chức

Nói thì có vẻ dễ, nhưng leo lên đã khó nay lại bảo tự xin tụt xuống, thì cũng tiêng tiếc và nó sao sao ấy. Lại nữa, năm 2007, trong phiên họp QH ngày 19/11, qua phát biểu của đại biểu Lê Văn Cuông khi chất vấn Bộ trưởng Bộ Nội vụ Trần Văn Tuấn, thì chuyện mua quan bán chức ở ta rõ ra là có thật. Vậy những vị lên bằng tiên huyền, bây giờ đang gỡ lại vốn, xuống thì lô à?!

Thực ra ở ta cũng đã có ít nhất là một tiền lệ. Đó là chuyện ông Hà Đăng Án, tự nguyện từ chức Tổng cục trưởng Tổng cục Đường sắt năm 1977, vì những bê bối của ngành đường sắt.

Lúc đó ông 63 tuổi, theo chuẩn còn 2 năm ông mới tới tuổi hưu. Nhưng có lẽ đấy không phải là tấm gương... có lợi gì mà theo. Tuy nhiên, điều đáng nói ở đây là từ bé tới lớn cũng không thấy đả động gì.

Ở các nước, thì dù anh có không muốn, mà làm không được việc, đặc biệt là có những sai phạm đáng kể, người ta vẫn mời anh xuống. Ở ta lên tới một nấc nào đó thì có khi chỉ là thuyền chuyển. Thậm chí có trường hợp còn “đá... lên”.

Nếu tham khảo thêm trả lời phỏng vấn báo chí của TS Nguyễn Sĩ Dũng, Phó chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội lý giải phản ứng của dư luận trước những vụ việc sai phạm xảy ra trong ngành y tế sẽ càng thấy rõ cái gọi là “văn hóa từ chức”, nói rõ hơn là biết tự rút lui khi mình không đủ năng lực, trách nhiệm với công vụ đảm trách, là chuyện còn chờ tới “mút mùa Lệ Thủy” (*xem mục 549*).

Thành ngữ “văn hóa từ chức”, chính vì thế cũng chỉ mới được

báo chí và dân tình gãi gãi chừng
muối năm nay.

787. Văn minh như thể nước Nga...

Nước Việt Nam ta, vốn xuất phát điểm từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, cùng những lẽ giáo phong kiến nặng nề. Chính vì thế trước 1975, cái chuyện nam nữ thụ thụ bất thân, được xem như là một tất – yếu – khách – quan, khỏi bàn. Và nếu có xảy ra chuyện gì giữa nam và nữ, chẳng hạn như ăn cơm trước kẻng (*xem mục 30*), hoặc tạm ứng (*xem mục*) gì đó, thì đều được tổ chức quan tâm và đưa ra soi xét, nhiều khi không để ý tới hoàn cảnh khách quan, cũng không xét gì tới tình cảm của đôi nam nữ...

Tình yêu nam nữ vốn được xem là tình cảm đẹp nhất của con người, từ cái thời Adam – Eva tới nay, cũng không gì ngăn cản nổi. Vì vậy, sau giải phóng một thời gian, có lẽ thời tiết cũng tốt hơn, dân gian đã cho ra đời một bài thơ, nói lên tính quy luật và khát vọng yêu của mình. Tuy có

vẻ dung tục chút, nhưng lại dễ nhớ, dễ thấm vào lòng người:

*Văn minh nhu thể nước Nga
Người ta cũng vẫn
cho ra cho vào
Lạc hậu nhu thể nước Lào
(chú ý có thể nhấn kèn
qua mặt ta đấy)
Người ta cũng vẫn
cho vào cho ra
Anh hùng nhu thể nước ta
Tại sao lại cấm
cho ra cho vào*

Cũng có chỗ đổi *cho ra cho vào* là *thở ra thuat vào*. Và, sơ vu vơ gì đó, thì tỏ ra là tận hưởng không khí trong lành, đổi là *thở ra hít vào*. Tuy có khác nhau đôi chút, nhưng ý tứ vẫn không thay đổi, vẫn hy vọng chuyện tình cảm, yêu đương của con người đừng khó khăn quá.

788. Vắt chanh bỏ vỏ

Theo nghĩa đen của ngôn từ, chanh vắt hết nước rồi chẳng bỏ vỏ thì để làm gì... Nhưng cuộc sống lại chỉ ra rằng, giữa con người với con người như vậy là hành động “quên đó bỏ đang”,

“hết xôi, rồi thịt”, là hành động thiếu tình nghĩa. Người ta đã sống gắn bó với mình, không có công cũng có sức, nay lại phải tay thì té thật.

Nghĩa của thành ngữ “*vắt chanh bỏ vỏ*” là vậy. Và cái vỏ chanh ấy bao gồm cả người về hưu... lương không đủ sống, mà cũng chẳng ai thuê để kiếm thêm chút tiền còm. Ngày xưa, trong gia đình thì được trọng vọng, ở cơ quan có khi hé ra lửa. Vậy mà, nay cứ như con mèo uột...

Nói cho ngay từ ngày mở cơ chế thị trường, thì cái *vỏ chanh* còn làm được khối việc nên com nên cháo. Nhưng thôi, chuyện đâu bở đó, chẳng nói thêm làm gì.

789. Về đuổi gà

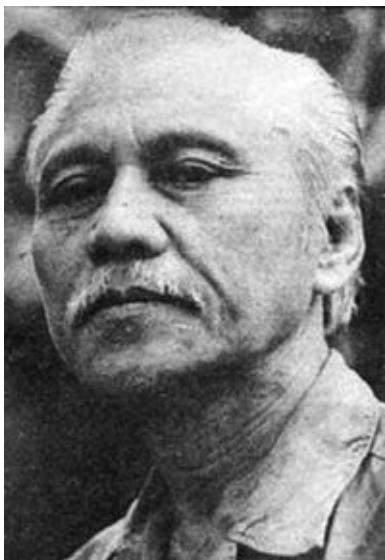
Chỉ những người đang làm việc, nay vì lý do gì đó nghỉ. Đặc biệt trong đó là những người hưu già (đến tuổi nghỉ) và hưu non (giảm biên chế do sức khỏe, trình độ).

790. Về vườn

Giống như “*về đuổi gà*” vậy, nhưng có lẽ sang hơn một chút,

còn có vườn để mà chăm sóc cây kiểng, để mà nghỉ dưỡng. Thực ra chưa chắc có vườn, cũng chẳng có gà, chỉ là “hết xôi rồi thịt thôi”.

791. Vệ trọc



Quang Dũng (tên thật là Bùi Đình Diệm; 1921–1988), tác giả của một số bài thơ nổi tiếng như *Tây tiến*, *Đôi mắt người Sơn Tây*, *Đôi bờ...*

Cách mạng tháng Tám thành công, ông gia nhập Quân đội nhân dân Việt Nam, trở thành phóng viên tiền phương của báo *Chiến đấu*.



Bài thơ *Tây tiến* được sáng tác năm 1947, được chọn đưa vào giáo trình trung học phổ thông, được Phạm Duy phổ nhạc.

Quang Dũng mất ngày 13 tháng 10 năm 1988 sau một thời gian dài đau ốm tại bệnh viện Thanh Nhàn, Hà Nội. Năm 2001, ông được truy tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật.

Nói về sự gian khổ, đồng thời là đặc điểm của người lính, trong bài thơ *Tây tiến*

có câu thơ được nhiều người nhắc đến nhưng lại hiểu khác nhau. Đó là “*Tây tiến đoàn quân không mọc tóc*”, có người bảo đó là lính ta cạo trọc đầu, còn theo

Báo *QĐND*, thì chính nhà thơ, tác giả cho biết do sốt rét, lính bị rụng hết tóc.

... *Tây Tiến đoàn binh*
không mọc tóc
Quân xanh màu lá dứa oai hùm
Mắt trùng gửi mộng
qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội
dáng kiều thơm
Rải rác biên cương mồ viễn xúi
Chiến trường đi
chẳng tiếc đòi xanh
Áo bào thay chiếu anh về đất
Sông Mã gầm lên
khúc độc hành...

Năm 1953 – 1954, ở ATK Việt Bắc, tôi nghe và thuộc đến giờ một bài hát, không rõ ai sáng tác, rất ấn tượng, nhớ tới tận bây giờ sau 40 năm:

Đoàn vệ binh đang cần lính
đánh Tây/Tớ vội vàng bỏ nhà ra
đi ngay/Bao công việc ấm ó phó
thác cho bu mày/Thẳng đường
vào Trung tập nghề bắn súng/
Nghiêm đi đều đằng trước thẳng
đường sau quay/Rồi một hôm
tới dọc triền đồi núi/Không gì
văn minh lâm vắng bóng người/

Toàn vẹt trọc tôi thôi từ bình minh đến tối/Xây trần gian phật núi cuốc đồi đẵn tre/ (Trở lại) Rồi một hôm tôi...

Vậy là hồi đó chắc vừa sốt rét rùng, vừa cạo tóc cho đỡ cháy rận, cho gọn dễ sinh hoạt, mà các anh vệ quốc ngày xưa không mọc tóc, là *vẹt trọc*!?

792. Vitamin A, E và T

Vitamin, hay sinh tố, là những phân tử vi lượng cần thiết cho hoạt động chuyển hóa bình thường của cơ thể con người. Có nhiều loại vitamin với những tác dụng khác nhau. Chẳng hạn Vitamin D, tham gia vào quá trình hấp thụ canxi và photpho ở ruột non, có tác dụng củng cố xương; làm cho răng rắn chắc. Vitamin B1, tham gia vào quá trình chuyển hóa đường và quá trình phát triển của cơ thể. Vitamin B2, tham gia sự chuyển hóa glucid, lipid và protein bằng các enzyme; có ảnh hưởng tới khả năng cảm thụ ánh sáng của mắt. Vitamin C là một chất chống oxy hóa

tốt, tham gia vào nhiều hoạt động sống quan trọng của cơ thể; kết hợp với vitamin E tạo thành nhân tố quan trọng làm chậm quá trình phát bệnh của một số bệnh ung thư...

Căn cứ vào những đặc tính của vitamin, dân gian “tìm ra” một số loại vitamin mới, tuy không có tác dụng trực tiếp lên các chức năng hoạt động, nhưng có tác dụng trợ lực tích cực cho con người trong cuộc sống. Đó là vitamin A (anh), là bạn trai cho các cô gái đang yêu, hoặc tới tuổi yêu. Vitamin E (em) có tác dụng giống như vitamin A, nhưng đối tượng là những anh chàng đang hám gái. Còn một loại vitamin được chỉ định dùng rộng rãi và có tác dụng luôn tích cực với mọi con bệnh. Đó là vitamin T – tiền, một loại vitamin càng nhiều thì càng ít đối với lòng tham của con người.

793. Ví dầu tình bậu muối thôi

Lời ru thủa ấu thơ luôn là một dấu hồn sâu trong ký ức mỗi

người. Là một sự ngọt ngào, đầy thương mến và chở che, cả những băn khoăn lo nghĩ của bà mẹ cho con mình trên đường đời mai sau. Có khi còn chưa đựng tâm sự của người mẹ:

Âu o, ví dâu câu ván đóng đinh

Cầu tre lắc lẻo

gặp ghènh khó đi

Khó đi mẹ dắt con đi

Con đi trường học

mẹ đi trường đời.

Tâm sự của người con(?!):

Má oi đừng đánh con đau

Để con câu cá hái rau má nhò.

Cũng có những lời ru chỉ địa danh:

Đồng đăng có phố Kỳ Lừa

Có nàng Tô Thị

có chùa Tam Thanh

Ai lên phố Lạng cùng anh...

Và còn rất nhiều lời ru ghi dấu ấn một thời, có thể là những tư liệu quý cho các nhà nghiên cứu tiếng Việt, nghiên cứu lịch sử, địa lý...

Có một bài ru, xưa kia tôi còn nhỏ vẫn nghe má đẩy đùa vông, ca, mà bây giờ đã xa ngái, nhiều từ ngữ nay không dùng, cả những địa danh cũng mờ

mịt, khiết trong lòng cứ buồn mang mác, muốn truy tìm: *Âu o, ví dâu tình bậu muối thôi/Bậu gieo tiếng dữ cho rồi bậu ra/Bậu ra bậu lấy quan ba /Bậu ngồi xe kéo chạy qua Bến Thành/Bến Thành núc tiếng tăm vang/*

Chợ Cầu Ông Lãnh...

Tới đây thì quên mất. Bà Bảy Nghị, Củ Chi, nay đã 90 tuổi, chỉnh và bổ sung:... *Bậu ngồi xe kiếng chạy qua Bến Thành/Bến Thành, chợ Thủ, bán hũ bán ve/Bán bộ đồ trà bán cối xay tiêu/Bán siêu nấu nước, bán thuốc đo vải/Bán cải làm dưa, bán cua thợ mộc/Bán cọc thợ rèn/bán kèn hát bội/...*

Còn dì bǎn:... *Bậu gieo tiếng dữ cho rồi bậu ra/Bậu ra bậu lấy ông câu/Bậu câu cá bống chặt đầu kho tiêu /Kho tiêu kho ót kho hành /Kho ba lượng thịt để dành má ăn.*

Theo *TDTV* - NXBKHXH, 1988, trang 68: *Bậu* là ngôi thứ hai dùng cho anh chị nói với em, chồng nói với vợ một cách thân mật. Bây giờ từ đó chỉ còn trong từ điển.

Còn chợ Thủ, theo nhà văn Sơn Nam thì Thủ là gọi tắt của *Thủ Chiến Sai*, nằm ở phía tây sông Trà Thôn. Chiến Sai, vốn tên *Kiến Sai* (tiếng Khmer là *Kiên Svai*, có nghĩa là chòm cây xoài) nói trại ra. Thủ là đồn để canh giữ, bảo vệ việc đi lại trên sông rạch. Có một chợ Thủ nữa là chợ Thủ Dầu Một, Bình Dương

Xưa gọi là chợ Phú Cường. Theo lịch sử địa phương, địa danh Phú Cường xuất hiện vào khoảng năm 1838 (Đời Vua Minh Mệnh thứ XVIII). Đến năm 1889, tỉnh Thủ Dầu Một được thành lập, chợ Phú Cường trở thành chợ tỉnh Thủ Dầu Một:

"Chiều chiều muộn ngựa ông Đô/Muộn ba chú lính đưa cô tôi về/Dưa về chợ Thủ bán hũ bán ve/Bán bộ đồ chè bán cối đâm tiêu..."

Như vậy, chắc câu sau của bà Bảy Nghị có căn cứ. Và như vậy Chợ Thủ trong bài ru trên là Chợ Thủ ở Bình Dương.

794. Vì tương lai con em chúng ta...
Khẩu hiệu tỏ ra rất có trách nhiệm vì thế hệ trẻ, vì tương lai

đất nước từ những năm 1960: “*Tất cả vì tương lai con em chúng ta*” đã bị “hiểu” theo cách thực dụng, dần trở thành một thực tế có thêm cái đuôi rất đáng lèn án: “... *Kê cha con em chúng nó!*”

795. Viêm cánh

Đôi tay con người là sản phẩm đặc sắc của tạo hóa, là sự tiến hóa từ vượn lên người và xa hơn nữa chính là từ những đôi cánh của các loài chim muông. Ấy là theo thuyết tiến hóa của Đác Uyn, (Charles Robert Darwin (1809 – 1882), người Anh) mọi loài đều tiến hóa theo thời gian từ những tổ tiên chung qua quá trình chọn lọc tự nhiên. Và vì thế, nhưng cũng có phần do tế nhị, mà dân tình gọi những người hôi nách là “viêm cánh”.

Viêm cánh – hôi nách là một bệnh, tuy nhiên nó hơi nhạy cảm cho cả người bệnh và người “tình cờ” bị cái bệnh đó ánh hưởng. Nói rõ ra là cái mùi hôi từ “đôi cánh viêm” tỏa ra rất khó ngửi, có khi nó xộc lên như mùi chuột chù, gần ai, người đó khó thở nổi.

Tuy nhiên, thời hiện đại có đủ các loại cây lăn nách, có thể giúp nhưng người “viêm cánh” tỏa ra những mùi thơm quyến rũ. Hãy mua lấy một cây, đừng để cho người bên cạnh và chính mình thêm bệnh viêm mũi dị ứng.

796. Viêm màng túi

Viêm nhiễm là một dạng bệnh lý, nhẹ cũng gây đau nhức khó chịu, nặng thì ảnh hưởng tới sức khỏe, thậm chí tử vong. Nhưng tra trong các tài liệu về y học không thấy có bệnh nào là bệnh “viêm màng túi”, chỉ thấy viêm màng nhĩ (ở tai), viêm màng não...

“Viêm màng túi” ở đây là để chỉ cái túi quần, túi áo, nơi thường để tiền hay bị viêm, bị bệnh; luôn bị thiêu hụt, đau như bị hoạn mà không biết làm sao.

Bệnh, hay nói đúng hơn là cụm từ “viêm màng túi” xuất hiện vào những năm 1980 và đặc biệt nặng từ 2008 đến nay, khi mà giá cả luôn leo thang khiến tiền lương leo theo không kịp, cứ bị teo tóp lại.

Bệnh “viêm màng túi” mà không được chữa, để lâu ngày có thể sinh ra suy dinh dưỡng, hiệu quả lao động giảm sút, suy rộng là ảnh hưởng tới GDP đấy các đồng chí ạ!

797. Việt kiều hồi hộp

Thì giống như “Ở đâu cũng có anh hùng/ Ở đâu cũng có thằng khùng, thằng điên” vậy. Việt kiều cũng năm bảy đàng. Có Việt kiều phóng khoáng, cũng có người bẩn xỉn. Có người đàng hoàng, đáng tin thì cũng có kẻ lừa đảo, gian dối. Từ đó mới có thành ngữ “Việt kiều hồi hộp” để chỉ những Việt kiều dựa vào cái vỏ bên ngoài, hứa nhăng hứa cuội để gạt những người cả tin, có khi là cả người thân, gia đình để kiếm chác. Có người còn chua thêm, đấy là chỉ nhóm Việt kiều khi ở Mỹ không biết nói tiếng Anh, khi về Việt Nam nói tiếng Việt ngô ngô, ngọng ngọng (cũng có khi là giả vây cho nó... sang). Nhưng tinh vi tinh tướng thì không ai bằng.

798. Việt Nam có tính cần cù

Trước nay dân ta thường đỗ thửa “Ăn bẩn sống lâu/ Người Tàu bảo thế”. Nhưng rồi cũng phải khéo léo thửa nhận:

“Việt Nam có tính cần cù
Thịt roi xuống đất
thổi phù lại ăn”.

Thực ra không phải người Việt thời nào cũng vậy, chỉ vì khó khăn quá mà thôi. Câu này xuất hiện từ thời kỳ thứ hai của thời kỳ bao cấp (1964 -1975), ở miền Bắc.

799. Vịt trời

Là giống vịt hoang dã, đi ăn theo bầy ở các vùng đầm lầy, ao hồ, là loài chim di cư theo mùa, chúng có thể bay hàng ngàn km để tìm về miền ấm áp. Vịt trời con được gọi là chim sâm cầm. Ở Hồ Tây Hà Nội, xưa có giống sâm cầm nổi tiếng, tiến vua. Gần đây vịt trời cũng là những loài sinh vật mang mầm bệnh lây truyền sang người, như bệnh cúm H5N1. Nhiều loài vịt và ngỗng đã tuyệt chủng và nhiều loài hiện nay được coi là đang

nguy cấp do các hoạt động của con người.

Vịt trời đến rồi lại đi theo mùa, có vẻ giống như những người con gái, cha mẹ sinh ra, nhưng lớn lên, gả chồng lại theo vè nhà chồng. Vì thế, cha mẹ, nhất là mấy ông bố thủ cựu, muôn có người nối dõi tông đường, thường gọi các cô con gái của mình là “vịt trời”.

Thực ra cũng có những ông bố nói vui vậy thôi chứ vẫn một mục thương con dù trai hay gái. Lại nữa, bây giờ có con gái không lo như có bom nổ chậm trong nhà, nữ nhi cũng không bị coi là ngoại tộc nữa, mà nhiều khi là... bạc triệu đấy (xem mục 600).

800. Vòng vo Tam quốc

Khi nói tới *Tam quốc diễn nghĩa*, ngoài sự hấp dẫn của cốt truyện, với những nhân vật và sự kiện lịch sử, hấp dẫn như Quan Công qua 5 ải, chém sáu tướng; Chu Du đấu trí Gia Cát Lượng, 3 lần túc khí hộc máu, trước khi chết còn than: “Trời đã sinh Du còn sinh Lượng”. Rồi Tào Tháo gian hùng

với câu nói nổi tiếng: “Thà ta phụ người, còn hơn để người phụ ta”; Hạ Hầu Đôn khi bị một mũi tên trúng mắt, không hề hoảng loạn, cầm mũi tên giật con mắt ra cầm mà nói: “Tinh cha, huyết mẹ không thể bỏ được”, rồi nuốt chửng... Người xem còn nhớ cả cả những tiểu tiết, như “Xem hồi sau sẽ rõ”, trước khi vào một chương (hồi) mới... Cũng dễ hiểu, có lẽ vì người ta nóng lòng biết phần tiếp như chờ xem một màn kịch của vở kịch hay.

Tam quốc diễn nghĩa có tới 24 cuốn, với 240 hồi, chắc là bộ sách nhiều tập, nhiều hồi nhất ở Việt Nam thời điểm đó.

Và có lẽ cứ hết hồi này sang hồi khác, hết chuyện này đến chuyện kia, mãi mà không dứt, nên sau này dân gian ta mới có câu: *Vòng vo Tam quốc*.

Thành ngữ *Vòng vo Tam Quốc* để chỉ những câu chuyện mà người kể cứ cà ké dê ngỗng, lan man mãi mà không ra được vấn đề. Và khi bực mình ai đó cứ dài dòng văn tự, thì người ta nói: *Thôi, đừng có vòng vo Tam quốc nữa!*

Câu này xuất xứ ở Nam bộ. Từ vòng vo, tiếng Nam là loanh quanh, dài dòng.

801. Võ quýt dày...

Câu thành ngữ xưa: *Võ quýt dày có móng tay nhọn*, cũng giống như câu “*cao nhân tất hữu cao nhân trị*”, chỉ những kẻ cao kiến, mưu sâu lại gặp kẻ đa mưu túc trí hơn, già dặn hơn, trị lại. Nhưng chuyện gái gú với cảnh đàn ông thì có khác: *Yếu điệu thục nữ / quân tử hảo cầu*. Nhìn thấy các nàng xinh đẹp, thì mắt tít lại quên cả tổ quốc. Nhiều lúc cứ mơ mơ, mộng mộng, các nàng bảo sao cũng ừ.

Chuyện xưa, tích Tầu, nhưng cũng có thể theo đấy mà soi xét. Tây Thi, một người con gái rất đẹp, đứng đầu trong Tứ đại mỹ nhân Trung Quốc thời Xuân Thu, người con gái đó đã có công lớn trong việc giúp Phạm Lai, Văn Chửng và Việt Vương Câu Tiễn diệt vua Ngô Phù Sai. Vẻ đẹp của nàng khiến những con chim ưng bay trên trời khi nhìn thấy, quên cả vỗ cánh bị rơi

xuống đất. Những con cá đói sông quên bơi mà chìm xuống đáy. Nên người đời sau nói Tây Thi đẹp “chim sa cá lặn”.

Phù Sai, vua nước Ngô từ khi được Tây Thi, mê mẩn, bỏ bê chính sự mà mất nước.

Chuyện quốc gia đại sự để quan trên, đèn giờ soi xét, dân tình thì trở về chuyện thường ngày ở huyện (xem mục 200).



1. Tây Thi, 2. Vương Chiêu
Quân, năm 33 trước CN

3. Diêu Thuyền, đời Hán
Hiếu Đế (190-220 sau CN), 4.

Dương Ngọc Hoàn, đời Đường,
745 sau CN

Từ sau giải phóng, nhiều cán bộ, chiến sĩ vốn không hy sinh vì súng đạn trên trận tiền, nhưng đã bị gái ở Sài Thành đánh gục. Và cũng từ thời điểm, nhiều chàng mới lần đầu tiên biết móng tay các em sơn xanh, sơn đỏ dẽ thương.

Cái sự “hy sinh” của các chàng lúc đó, được dân tình ví von: *Vỏ quýt dày có... móng tay đẹp*. Sự thay đổi ngôn từ ở đây cũng giống như cái *nết đánh chết cái đẹp*, nay được sinh viên cải biên: *Cái đẹp đánh bẹp cái nết, ấy mà* (xem mục 138).

802. Võ mồm

Trong tất cả các môn phái võ thuật trên thế giới, kể cả những loại lạ như võ khỉ, võ rắn... cũng chẳng thấy môn nào đánh bằng mồm hoặc mang tên “võ mồm”, đa phần đánh bằng tay, bằng chân. Nhưng trong cuộc sống con người thì luôn có những trận đấu võ mồm – đấu khẩu. Và thứ võ này cũng tỏ rõ công năng

đáng nể của nó khiến dân gian phải thừa nhận: “*Lời nói đợi mâu*”. Lại nữa, môn võ này cũng có bài bản llop lang đàng hoàng và được ghi chép bằng văn tự. Ví dụ như bài “*Chửi ăn cắp gà*” (xem mục 201).

Võ mồm hiện nay rất phát triển, vì “*mồm miệng*” có thể “*đỡ chân tay*”, vì “*cả vú*” có thể “*lấp miệng em*”... Và vì những kẻ ưa nịnh rất thích nhung người hay nịnh. Mà nịnh thì chỉ có thể dùng mồm mà thôi.

803. Vô lê

Vô lê bắt nguồn từ *vole* trong tiếng Pháp, có nghĩa là sự bay, tầm bay. Nhưng trong bóng đá lại để nói về một kỹ thuật sút bóng. Và đây được xem là một trong những kỹ thuật đẹp mắt nhất trong bóng đá. Một cú đá được gọi là “*vô lê*” khi quả bóng được sút ngay lúc nó còn ở trên không trung. Có một kỹ thuật khác mà người ta thường nhầm với “*vô lê*” là *Ngả bàn đèn* hay *Xe đạp chống ngược* (xem mục 559).

Thực tế, đây là một kỹ thuật biến thể của “*vô lê*”, được thực hiện khi cầu thủ tung người lên khỏi mặt đất và ở tư thế xoay lưng lại so với cầu môn.

Cũng còn một cú liên quan tới *vô lê*, là *đò mi vô lê*, cú này kỹ thuật không khác gì kỹ thuật *vô lê*, nhưng đá bóng vừa nẩy từ đất lên. *Demi*, tiếng Pháp là một nửa.

804. Vốn ODA

ODA, viết tắt của cụm từ *Official Development Assistance*, là *Hỗ trợ phát triển chính thức* một hình thức đầu tư nước ngoài.

“ODA không phải là cho không! Vay hôm nay thì mai sau con cháu phải trả.” Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Bùi Quang Vinh đã phát biểu như vậy trong cuộc họp báo về “Diễn đàn Đối tác phát triển Việt Nam 2013 (VDPF)”. Trước đó, Bộ trưởng đã cho biết trong gần 20 năm từ năm 1993 đến 2010, tổng vốn ODA các nhà tài trợ cam kết cho Việt Nam là 78,2 tỷ USD, trong đó ký kết đạt 56,1 tỷ USD bao gồm 51,6 tỷ

USD vốn vay ưu đãi, còn lại là viện trợ không hoàn lại.

Theo số liệu được công bố, nợ công hiện chiếm 54,6% GDP của Việt Nam (nợ nước ngoài chiếm 41,5% GDP, tương đương 50 tỉ USD) và cho đến năm 2015, con số này sẽ lên đến 60 - 65% GDP, “Đến cuối năm 2011, nợ công Việt Nam ở mức 54,6% GDP, trong khi nợ công của Thái Lan là 44%, Indonesia là 39,7%, Philippines là 47,3%.

Một số liệu do Bộ Tài chính công bố cho thấy rằng trên 70% nguồn vốn ODA được sử dụng cho đầu tư công và cung ứng vốn thực hiện các dự án sản xuất kinh doanh của các tập đoàn kinh tế nhà nước. Điều đáng tiếc là khu vực kinh tế nhà nước làm ăn thường không hiệu quả. Các số liệu thống kê chính thức cho biết rằng khu vực kinh tế nhà nước chiếm 70% tổng vốn đầu tư quốc gia nhưng chỉ đóng góp khoảng 30% vào tổng sản lượng quốc gia.

Chỉ số ICOR ghi nhận trong khu vực kinh tế nhà nước là 8, có nghĩa là khu vực này phải bỏ ra

8 đồng đầu tư (cũng có nghĩa là 8 đồng nợ) mới có được 1 đồng sản phẩm, cao gấp đôi khu vực kinh tế tư doanh. (*Chuyên gia kinh tế Huỳnh Bíru Son*).

805. Vốn tự có

Muốn làm ăn thì phải có vốn. Và vốn ở đây là tiền, là cơ sở vật chất, là năng lực chuyên môn.

Từ thời kỳ 3 của bao cấp (1975 – 1986) và cho tới nay, có một loại vốn mới mà dân gian gọi là “*vốn tự có*”. Đáng ra phải nói là vốn cha mẹ cho, trời cho. Đây là cái hồng nhan. Nhiều cô gái bây giờ không cần học hành, cũng không muốn phấn đấu, mà chỉ sử dụng “*vốn tự có*” để kiếm tiền và tiến thân. Và cũng phải nói là khá hiệu quả, vì các quan và các đại gia thì đều tỷ tỷ tiền, nhưng cái “tinh huyền” thì luôn thiêng.

806. Vợ là cơm nguội của ta

“Đau đớn thay phận đàn bà”, bao năm đầu gối tay ấp, đáng ra càng lâu càng tình càng nghĩa, càng đượm càng nồng, thì... lại hóa ra “*com nguội*”. Nhưng sự đời, không

biết quý, mất mót thấy tiếc. Lại nữa “cũ người mới ta” luôn đúng. Thế nên để mắt mà coi:

*Vợ là com nguội của ta
Nhưng là đặc sản
thằng cha láng giềng.*

Theo *quechoa.com* thì hai câu thơ trên là của ông Bảo Sinh (*xem mục 84*).

807. Vợ là ta, bồ là địch

Định tính và tâm sự của các ông chồng có bồ nhí:

*Vợ là ta, bồ là địch
Chiến tranh xảy ra
ta về với địch
Nằm trong lòng địch
ta lại nhớ về ta*

808. Vợ lẻ

Đàn ông hám gái nhưng lại hay quanh co, chống chế, và tìm cách ém nhẹm. Thậm chí ăn vụng không chùi mép được, nhân chứng, vật chứng đầy đủ vẫn chầy cối. Khi... lỡ có vợ bé thì bảo: Tôi có lấy lẻ đâu, chẵn mà. Tiếng miền Nam, lẽ đọc ra “lẻ”.

Thực ra chữ “vợ lẻ” chỉ là tếu táo cho vui thôi, không hẳn tự

bào chữa, mà cũng không chỉ trích ai, không giống như phỏng nhì (*xem mục 622*) của các xép.

809. Vợ thằng Đậu

“Vợ thằng Đậu” là tiểu phẩm hài rất ăn khách của đạo diễn Thế Ngữ, phát trên HTV cách đây mười mấy năm rồi.

Thế Ngữ lấy luôn tên tựa đặt cho quán ăn của mình ở Đồng Nai, rồi đến Lê Vũ Cầu cũng mở quán “Vợ thằng Đậu” ở Thủ Đức. Mới đây Thế Ngữ lại khai trương một quán “Vợ thằng Đậu” tại nhà riêng ở đường Võ Văn Tần TP. HCM, do chính ông làm đầu bếp. Nhưng đố ai mà biết thằng Đậu, vợ thằng Đậu gốc gác ra sao? Ở đâu? Và tại sao khi chê trách các bà, thì lại bảo: Làm gì mà như vợ thằng Đậu vậy?!

Ông Thế Ngữ thì bảo mình nghĩ ra vậy!

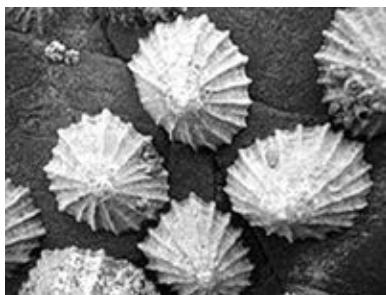
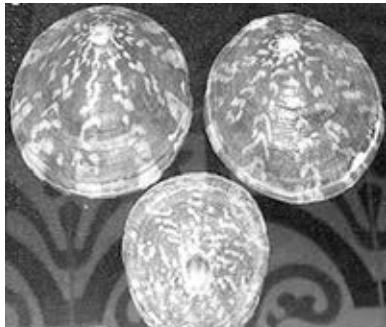
810. Vú nòng đã lớn hay chưa

Ở dọc bờ biển miền Trung như Cù lao Chàm, Hội An, Quảng Nam; Đại Lãnh, Khánh Hòa, Cù lao Ré (Quảng Ngãi), đảo Lao Câu

và đảo Phú Quý (Bình Thuận), Côn Đảo... có một loại ốc rất ngon, tên cũng ngộ ngộ: Ốc Vú Nàng hay còn gọi là ốc Tý Nàng. Nhưng muốn ăn cũng phải chịu khó chút, vì ốc vú nàng bám chặt vào đá tới mức, muốn gỡ ra phải dùng dao sắc nhọn để tách. Cũng có người bảo phải xoa vuốt một hồi mới được. Ốc vú nàng có quanh năm nhưng chỉ xuất hiện nhiều vào những ngày trăng tròn.

Ốc Vú Nàng có hình chóp lệch, trên đỉnh có một cái núm nhỏ, trông giống như *vú nàng*; vỏ ngoài màu đen xám, mặt trong lấp lánh xà cù. Thường chỉ to bằng ba ngón tay người lớn, nhưng Côn Đảo có những con to gần bằng bàn tay. Ốc Vú nàng càng lớn, vỏ có màu hồng càng đậm. Nếu dùng cát xát vào vỏ ốc thì con ốc ánh lên một màu hồng sáng và lấp lánh ánh nhũ.

Ốc vú nàng có thể chế biến nhiều món; ngon nhất vẫn là nướng trên than đun, nhưng luộc ăn với muối tiêu chanh là phở biển hơn cả vì dễ làm và còn giữ nguyên hương vị đặc



trưng. Nếu ra Côn Đảo vào vụ ốc vú nàng bội thu - từ tháng 6 đến tháng 9, vào những đêm trăng tròn - du khách còn có thể được ngư dân dai món ốc vú nàng xào ăn với cơm trong bữa ăn cùng gia đình. Côn Đảo còn có món gỏi ốc Vú nàng: ốc được luộc chín, thái mỏng theo chiều dọc rồi trộn đều với thịt ba chỉ thái nhỏ, rau răm, rau húng, đậu phộng rang, chanh tươi, và nước mắm chanh, ớt; ăn với bánh đa nướng, chấm

nước mắm gừng. “Vú nàng” đã ngon, mà ngôn từ lại “dễ cảm”. Vì vậy mấy anh hướng dẫn viên du lịch hay giới thiệu với khách. Và để cho lời nói của mình hấp dẫn hơn, có làn điệu và âm hưởng hơn, mới có thơ trao duyên gợi phật cho khách... ăn hàng, rằng:

“Ai qua Đất Th้าm, Bãi Bàn

Hỏi thăm Ông Đụng:

Vú nàng lớn chưa?

Chàng hỏi thì thiếp xin thưa:

Vú nàng đã lớn

nhưng chưa ai... sò”.

Cảnh báo, vì sự săn bắt quá nhiều nên ốc vú nàng đang có nguy cơ tuyệt chủng. Theo Tiến sĩ Võ Sĩ Tuấn, Phó Viện trưởng Viện Hải Dương học Nha Trang, ốc vú nàng cũng như nhiều loài hải sản đặc hữu của vịnh Nha Trang đã bị biến mất trong suốt 10 năm qua. (*Wikipedia*).

811. Vũ như cẩn

Thời kỳ thứ ba của bao cấp (1975 – 1986), và những ngày đầu của Thời kỳ đổi mới, có rất nhiều việc “dân biết, dân bàn”, nhưng

dân không được làm, không được kiểm tra. Và cũng lại có không ít việc dân không biết, không được bàn nhưng vẫn cứ phải làm mà không được kiểm tra. Vì vậy, có những chuyện nói lui, nói tới, báo đài cũng lên tiếng, nhưng trước sau vẫn vậy. Có nghĩa là vẫn như cũ, nói lái là “vũ như cẩn”.

812. Vua cờ bạc

Trước 1975, ở Chợ Lớn có một ổ cờ bạc, mà đã có lần tinh trưởng Gia Định phải điều trực thăng đổ lính ngay nơi gầy sòng mà cũng không vồ được. Không tìm được bất cứ nhân chứng, vật chứng nào. Cuộc chơi đã được dọn dẹp, phi tang sạch sẽ.

Từ một phu xe ngựa Bảy Diệm (tên thật là Lê Văn Diệm) đã lập ra một “tập đoàn cờ bạc” nổi tiếng Sài Gòn một thời, Tập đoàn Cây Da Sà, Chợ Lớn.

Dánh xổ số thì khó trúng, do vậy, người Hoa bày ra cách chơi đánh đề.

Theo đó, người chơi chỉ cần tùy ý đánh số từ biên độ 00 đến

99 đánh giải đầu hoặc hai số cuối giải độc đắc. Đặt 1 ăn 70.

Ngoài ra, còn có cách đánh ba con số cuối hàng trăm, hàng chục, hàng đơn vị dựa theo kết quả Xổ số kiến thiết.

Bảy Diệm bèn sáng lập tổ chức xổ đề 40 con ở Cây Da Sà (ngã tư Bà Hom - An Dương Vương thuộc quận Bình Tân ngày nay).

Bảy Diệm đặt ra luật chơi rõ ràng, sòng phẳng. Do đó số đề Cây Da Sà nên càng ngày càng có nhiều người chơi, nhiều con bạc từ các nơi đổ về khu vực Chợ Lớn. Từ đây hình thành nên “tập đoàn” Cây Da Sà nổi tiếng. Và Bảy Diệm “lên” vua cờ bạc Sài Gòn trước 1975.

813. Vua của các vua

(trieuxuan.info)

Là người Phúc Kiến Trung Quốc, thời mới sang Việt Nam, làm nghề mua bán ve chai, tích cóp đến năm 1956, thì bắt đầu buôn bán hàng phế liệu lớn, như các loại sắt, thép của quân đội không còn sử dụng. Rồi mua

luôn cả tàu thủy, đầu máy, toa xe lửa, súng ống, xe nồi đồng... thanh lý độc quyền thu mua hầu như tất cả đầu máy, đường ray, tà vẹt, toa xe... thanh lý theo mặt hàng phế liệu.

Trước năm 1975, tại miền Nam chỉ có một ngân hàng duy nhất thuộc quyền chế độ Sài Gòn. Còn lại, tất cả những ngân hàng khác, đều do tư nhân đầu tư. Nhưng dân làm ăn lúc đó chưa quen với việc vay vốn ngân hàng, ngại giấy tờ thủ tục rườm rà, nên cứ tìm chỗ quen biết mà vay dù lãi cao. Phố biến nhất là mือ tay người Chà Vă, chuyên cho vay với lãi suất “xanh xít - đít đú” (5 thành 6, 10 thành 12). Biết là thế, nhưng đa số dân chúng vẫn tìm đến họ. Từ khi Lâm Huê Hồ nhập cuộc thì tình hình khác hẳn... Lãi suất mà Lâm Huê Hồ đưa ra, cao nhất là 3% mỗi tháng, đối với những khoản tiền lớn. Còn những khoản tiền nhỏ, của những người kinh doanh cò con, Lâm Huê Hồ chỉ thu từ 1 - 2%. Nhiều “đại xì thầu” tiếng tăm lừng lẫy, như Lý Long Thành,

Trần Thành, La Thành Nghệ, Mã Háy, Trương Văn Khôi... từng là con nợ của ông ta. Nhưng chỉ riêng hai nhân vật Lý Long Thân và Trần Thành, thì số tiền họ vay có lớn đến mấy, Lâm Huê Hồ chỉ tính lãi từ 1 - 1,5%. Đôi khi thời gian vay không lâu, ông ta... cống hỷ luôn.

Chính vì thế mà Lâm Huê Hồ trở thành một tì phú lừng danh khắp Sài Gòn - Chợ Lớn trước ngày giải phóng, một vua ngân hàng, vua của các vua, trùm chủ nợ của các tì phú khét tiếng khác. Độc đáo hơn, được tôn xưng là “vua ngân hàng” dù Lâm chưa bao giờ nắm trong tay một ngân hàng nào cả.

814. Vua guitar Sài Gòn trước 1975

Lâm Hào gần như không biết chơi đàn, nhưng thích chế tạo nhạc cụ được xem như vua làm đàn guitar của Sài Gòn trước 1975.

Cây đàn Fender Stratocaster hoàn chỉnh thiết kế và chào hàng năm 1954 tại Mỹ, đến Sài Gòn vào khoảng 1957-1958, là mẫu

mẫu ảnh hưởng đến chế tác của Lâm Hào nhiều nhất. Tuy nhiên, cây đàn Lâm Hào bắt nguồn cảm hứng từ cây Fender Telecaster, ra đời khoảng 1950 tại Mỹ, theo chân các ban nhạc người Philippines và nghệ sĩ người Pháp đến Sài Gòn trước năm 1954.

Lâm Hào là một thợ điện tử học về điện tử, ông đã bỏ tiền ra mua Fender Telecaster (với giá tương đương một năm lương viên chức) về “mổ xẻ” ra nghiên cứu nguyên lý và cấu tạo từng chi tiết. Một năm sau ông đã chế tạo thành công cây guitar điện đầu tiên, mà nền tảng kỹ thuật và âm thanh của nó là cây Fender Telecaster; tất cả thân và cần đàn của Lâm Hào đều do nghệ nhân mộc tên Tiếp (quận 4) đóng. Tiếng đàn của Lâm Hào một chín một mười với cây Fender, ăn đứt đàn Nhật và một vài nước khác.

Có một giai thoại kể rằng, ngay sau khi sang Mỹ định cư, Lâm Hào đã tìm đến Hàng đàn Fender để xin việc, họ để ông làm thử một cây đàn tại chỗ

xem sao. Sau khi ông làm xong tại xưởng, với niềm khâm phục, họ đã nhận ông vào làm việc ở bộ phận sản xuất đàn bằng tay và sản xuất theo yêu cầu của khách hàng, ông gắn bó suốt phần đời còn lại với hàng này, gần như không có chế độ nghỉ hưu. (*Thethaovanhoa.vn*)

815. Vua kẽm gai

Hoàng Kim Quy tốt nghiệp Cao đẳng Thương mại của Pháp. Sau Hiệp định Genève 1954, từ Hà Nội vào Sài Gòn, mở văn phòng tại đường Hàm Nghi. Suốt thời gian từ 1954-1963 ông chỉ làm ăn cầm cự qua ngày, sau làm Thượng nghị sĩ, thân cận với Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu. Ông là người được độc quyền cung cấp dây kẽm gai cho quân đội Việt Nam Cộng hòa và Đồng minh, nên được gọi là “Vua Kẽm Gai”. (*Web hosting by Somee.com*)

816. Vui lòng khách đến, vừa lòng khách đi

Nguyên Phó Thủ tướng Đoàn Duy Thành, thời gian 1960 –

1961, khi đang làm Chủ nhiệm Công ty Bông vải sợi may mặc, đã có một câu nói vừa có tính chỉ đạo, định hướng, vừa có tính tiên phong không chỉ cho ngành bông vải sợi, may mặc mà cho tất cả các ngành dịch vụ, về cung cách phục vụ khách hàng: “*Vui lòng khách đến, vừa lòng khách đi*”. Câu nói này đã trở thành khẩu hiệu treo ở hầu khắp các mậu dịch, cửa hàng của Nhà nước thời đó.

Tuy nhiên, bán hàng mà muốn bán thì bán, rồi không bán được cũng không sao. Thậm chí, còn hoạnh hoẹ, quát mắng, mà khách hàng vẫn lẩn vào mua, ấy là đặc trưng của thời bao cấp, thời hàng hóa được phân phối theo tem phiếu. Khan hiếm hàng hóa chính là nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên. Thời đó “*Thượng đế*” là các mậu dịch viên chứ không phải khách hàng.

Không biết có phải do đặc tính của người Việt mình nó vậy không, mà đến nay tình trạng trên vẫn khá phổ biến. Đặc biệt

là ở chính thủ đô Hà Nội vẫn còn “*bún mảng, cháo ch小编一起写*”.

817. Vung xích chó, Vung tỵ mệt, Vung tàn tát

Vung: vung vẩy; động tác giơ lên nhanh mạnh, như vung tay, vung tiền. Cũng có nghĩa biểu thị hành động, hoạt động lung tung không định hướng. *Tàn*: đồ dùng che cho vua chúa xưa; *Tàn tát*: đồ nghi trượng dùng để che như *tát*. Như thế *vung tí mệt*, hay *vung tàn tát* có thể hiểu là làm việc gì đó rất mạnh mẽ, quyết liệt, nhưng lại không hiểu kết quả ra sao.

Nhưng tại sao lại có *xích chó* ở đây? Có người giải thích nghe cũng hay hay, có lý. Rằng con chó khi bị xích chặt, nhiều lúc muốn thoát ra, cố gắng kéo đủ mọi cách, khiến cái xích cứ vung lên túng, nhưng vô hiệu. Thủ quan sát xem có đúng vậy không?

818. Vừa đá bóng vừa thổi còi

Thành ngữ *Vừa đá bóng vừa thổi còi*, xuất hiện đầu tiên trong bóng đá, chuyện về liên đoàn với các

ban bệ của nó. Nhưng lần hồi, nó được sử dụng để chỉ sự bất cập gần như ở khắp các lĩnh vực. Xem ra, vì ở đâu cũng có hiện tượng tương tự. Về ngữ nghĩa có lẽ nói thế là đủ, nhưng theo suy nghĩ cá nhân, cái câu này cũng thật quái đản. Đã đá bóng còn cầm còi tự quyết đá thế nào là đúng sai, thì không thể chấp nhận được. Nhưng mặt khác đã đá bóng mà vẫn còn được cầm còi, thì còn ai thưa kiện được gì. Còn làm gì được nhau. Vậy báo chí cứ nói chỗ này *vừa đá bóng vừa thổi còi*, chỗ kia *vừa thổi còi vừa đá bóng*, thì có khác gì con kiến mà kiện củ khoai! Vô bổ! Đặc biệt là cái cơ chế này vẫn tồn tại tới nay mà những vị có chức, có quyền vẫn chưa xử lý được, thì dân tình mần rãng??!

(*ViệtNamthamdinhhgiahanoi.com.vn*): TS. Nguyễn Ngọc Tuấn, Chủ tịch Hội Thẩm định giá Việt Nam, nói : Một điều khá bất cập là hiện nay, nhà nước vừa là người mua, đồng thời cũng là người bán lớn nhất trong xã hội, và mặc dù chúng ta không quyết

định giá nhưng nếu buông lỏng, không có thẩm định chính xác giá thì rất dễ sinh tiêu cực. Sẽ có hiện tượng đẩy giá mua lên, hoặc hạ giá bán tài sản của Nhà nước xuống để kiếm lời.

Cơ chế “vừa đá bóng vừa thổi còi” không chỉ xảy ra trong lĩnh vực tài sản thế chấp mà ngay cả lĩnh vực mua bán bảo hiểm cũng có. Tự công ty bảo hiểm đẻ ra thẩm định giá của mình, đánh giá tài sản của người đi mua bảo hiểm. Cái đó thể hiện sự độc quyền, gây thiệt thòi cho khách hàng.

Báo *Dai doan ket*, 13/09/2013, trong bài: Không thể “vừa đá bóng vừa thổi còi” mãi: *Du luân khong the khong dat câu hỏi liệu có còn Vinashin, Vinalines nữa không khi “vừa đá bóng vừa thổi còi” tiếp tục tạo sơ hở để cán bộ có chức quyền tham nhũng, mà sau này ta gọi là “suy thoái về tư tưởng và đạo đức lối sống”?*

... *Đổi mới đã 27 năm, hồi mới đổi mới báo chí tố ra lạc quan tin chắc đổi mới nền kinh tế sẽ cất cánh nhưng cho đến hiện nay 2013 nền kinh tế vẫn chưa cất*

cánh, các bộ, ngành quản lý nhà nước đã quá súc, vẫn không chịu bỏ quản lý sản xuất, kinh doanh vì các doanh nghiệp nhà nước dưới quyền được coi là “sân sau trù phú”, thường xuyên mang lại lợi ích cá nhân và cục bộ.

819. Vừa hồng vừa chuyên

“Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt... Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người vừa hồng, vừa chuyên thà kế xây dựng chủ nghĩa xã hội” (HCM toàn tập, NXBCTQG, 2002).

“*Hồng*” là đạo đức phải tốt, “*chuyên*” là chuyên môn phải giỏi – “*Hồng thắm chuyên sâu*”. Có đức mà không tài thì chẳng làm được việc gì khá. Nhưng có tài mà thiếu đức thì vụ lợi mà không dám hy sinh. Đó là lời dạy của Hồ Chủ tịch ngay từ những năm đầu của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Bác còn nói: Trong mọi công tác thì công tác cán bộ là quan trọng nhất. Có phải hàng chục năm qua chúng ta vẫn coi đây là kim

chỉ nam cho công tác giáo dục, đào tạo và tổ chức cán bộ?

Vậy mà bây giờ, ngay vào cái lúc chúng ta đang tổ chức học tập và làm theo gương Bác, thì hình như chẳng thấy ai, ở đâu nhắc tới câu này. Nhất là “*Hồng*”, ngay trong các trường học cũng không mấy chú trọng, đặc biệt là các trường tư thục – người ta chỉ cần kẻ cho đẹp cái bảng: “*Tiên học lễ, hậu học văn*” là coi như đã đủ lảm rồi! Còn “*Chuyên*” thì... có tiền là mua được tuốt.

820. Vượt biển



Trong *Từ điển tiếng Việt* tối nay vẫn chưa có từ này; chỉ có *vượt ngục, vượt can, vượt quyền, vượt mức, vượt rào (chạy)*. Nhưng có chữ *vượt* và chữ *biên*

“*Vượt*” là, di chuyển qua những nơi khó khăn, trớ ngại để đến một nơi khác, “*Biên*” là biên giới.

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, có rất nhiều người Việt Nam đã tìm cách vượt biên bằng thuyền sang các nước khác. Cuộc cải tạo công thương nghiệp, chính sách hợp tác hóa nông nghiệp, thực hiện đổi tiền, tổ chức “học tập cải tạo” dài hạn, sự phân biệt đối xử đối với những người này cùng thân nhân họ, cộng với những khó khăn về kinh tế của xã hội là những nguyên nhân khiến nhiều người vượt biển. Và những cuộc vượt biển này là những cuộc vượt biển dài ngày nhất, đi xa (tổ quốc) nhất, với số lượng người tham gia đông nhất, gồm đủ thành phần, lứa tuổi.

Theo số liệu của Cao ủy Liên Hiệp Quốc về người tị nạn, trong khoảng thời gian 1975-

1995 đã có 849.228 người vượt biên bằng đường biển và đường bộ. Theo số liệu của Indonesia, trong khoảng thời gian 1975-1996 đã có 250.000 người Việt Nam và Campuchia tị túc trên đảo Galang.

Đây có thể xem là một trong những giai đoạn đau buồn của lịch sử Việt Nam.

(Theo Wikipedia)

X

821. Xa nhau tình cảm đạt đào...

Thời chiến tranh chống Mỹ, ở miền Bắc, việc thư từ tình cảm thường rất khó khăn trắc trở vì đạn bom. Một lá thư đi từ tỉnh này sang tỉnh khác có khi hàng tháng trời. Vì vậy những đôi trai gái yêu nhau, khi gửi thư đi hay viết thêm ít dòng ngoài phong bì để mong người đưa thư lưu tâm:

*Xa nhau tình cảm đạt đào
Nhờ ông bưu điện
chuyển vào tận tay.*

Nhưng sinh viên, học sinh chỉ xếp hàng thứ ba... sau quỷ, vì vậy khi vớ được lá thư như thế, thường “bút phê”:

*Thu này ông đέch chuyển ngay
Thủ xem tình cảm
chúng mày ra sao.*

822. Xả bầu tâm sự

Thường con người ta khi có tâm sự mà không nói được với ai, nó bứt rứt khó chịu sao ấy. Nhưng không phải bạ ai cũng có thể tâm sự được. Vì thế khi gặp người tri kỷ, tâm giao thì thật mừng và tranh thủ nói hết, nói cho bõ buồn, bõ giận, cho thỏa nỗi lòng.

Ngồi một chặng đường dài, kìm nén mãi, tức bầu, chờ mãi đến một nơi vườn không, trống nhà, hoặc đến cây xăng gần nhất là vội nói bát tai: Cho tôi đi xả (*giải*) bầu tâm sự chút.

Xả bầu tâm sự cũng như cho *ngổ lái* một chút, mà nói rõ ra là đi toilet, đi tè.

823. Xanh cỏ đỏ ngực

Năm 1964, Mỹ leo thang bắn phá miền Bắc, thì cũng là năm

miền Bắc đẩy mạnh chi viện cho miền Nam. Những chàng trai đang ngồi trên ghế nhà trường cũng tình nguyện lên đường nhập ngũ vào Nam. Họ ra đi với một lời nguyền: “*Chết xanh cổ, sống đỏ ngực*”. Chết cũng có thể làm cho quê hương xanh tốt, mà sống thì lập nhiều chiến công.

824. Xanh xít - đít đui

Trước năm 1975, tình trạng cho vay tiền góp, mua bán hàng hóa bằng hình thức trả góp chưa thịnh hành như bây giờ. Khi cần tiền, người có nhu cầu phải vay với lãi suất cắt cổ. Phổ biến nhất là mấy tay người Chà Và Ấn Độ, thống lĩnh các con đường Gia Long (Lý Tự Trọng ngày nay), Nguyễn Phi, Trương Định và các khu vực vây quanh chợ Bến Thành, chợ Cũ, chợ Cầu Ông Lãnh..., chuyên cho vay với lãi suất “*xanh xít, đít đui*” (5 thành 6, 10 thành 12). Biết là thế, nhưng đa số dân chúng vẫn tìm đến họ, vì chưa quen với việc vay vốn ngân hàng, sợ giấy tờ, thủ tục rườm rà. (*trieuxuan.info*)

825. Xào bần

Xào bần hay xà bần, tiếng Tiều đọc là chập bằng. Hán Việt là thập cẩm, gồm nhiều thứ trộn lộn với nhau, nghĩa là đủ thứ loạn xà ngầu. Chỉ những món ăn được nấu bởi những món dư có thể từ hôm trước, hoặc những vụn vặt còn lại trong bếp, gom hết vào một nồi nấu lên.

Bây giờ chẳng còn thấy đâu bán món này, chỉ thi thoảng sau những bữa cỗ, đám ma, đám cưới, còn nhiều đồ dư thừa, gia đình gom lại nấu món này. Coi vậy chứ đây cũng là một món thập cẩm rất ngon, đủ hương vị và màu sắc. Chỉ có điều phải vệ sinh, đừng lấy cái đồ người ta ăn thừa, mà là đồ con dư.

Cái từ *xà bần* nay lại để chỉ gạch ngói nát vụn.

826. Xâm (xăm) mình

Xăm (xâm) mình xuất hiện từ thời Đồ Đá mới. Rất nhiều những xác ướp được tìm thấy từ thiên niên kỷ thứ 2 trước Công Nguyên ở Ai Cập hay Siberia. Một số những xác ướp nổi

tiếng có hình xăm nhu Ötzi the Iceman, xác ướp của Amunet,... nghệ thuật Tatau - vẽ trên cơ thể - của thổ dân các quần đảo nam Thái Bình Dương. Từ Tatau đó là xuất xứ của từ tattoo (tiếng Anh) và tatouage (tiếng Pháp) có nghĩa là xăm mình.

Những hình xăm cũng là dấu hiệu của địa vị và đẳng cấp, là biểu tượng của niềm tin tâm linh, sùng bái tôn giáo, lòng mộ đạo, là sự trang hoàng cho lòng dũng cảm, những hấp dẫn giới tính, là bùa hộ mệnh, cũng có khi là dấu hiệu của tù nhân và nô lệ

Ở nước ta từ thời Hồng Bàng, những ngư dân đã có tục xăm hình thủy quái lên mình

Thời Trần, những người bảo vệ xa giá được xăm lên trán ba chữ Thiên Tử Quân (Quân đội Thiên Tử). Và trong thời kỳ kháng chiến chống Nguyên Mông, tướng sĩ nhà Trần đã xăm trên cánh tay hai chữ Sát Thát (Giết giặc Tarta).

Năm 1891, nghệ thuật xăm đã sang trang mới khi Samuel O'Reilly ở thành phố New York sáng chế

ra chiếc "máy khắc da chạy bằng điện" đầu tiên. Đây chính là cha đẻ của chiếc máy xăm vẫn sử dụng cho đến ngày nay.

Nghệ thuật xăm mình nay lan rộng khắp thế giới, khắp năm châu. Đáng nói là bây giờ có cả nữ xăm mình. Và đa phần mục đích là muốn làm đẹp.



1. Một tộc trưởng của bộ lạc Maori với hình xăm trên mặt



Tuy nhiên chữ xăm mình, muốn nói ở đây lại mang một ý nghĩa hoàn toàn khác. Những người xăm mình ngày xưa, dù nhầm mục đích gì cũng là những người khỏe mạnh, dũng cảm. Và thời Việt Nam 1000 năm đô hộ của giặc Tàu, 100 năm đô hộ của giặc Tây, ngoài những cảm tử quân, thì chỉ còn những tay anh chị, dao búa bất cần đòn là xâm mình. Nói cách khác thuộc loại xâm mình, thì không còn ngán ngại sợ sệt gì, bất cứ ai.

Trước một công việc khó khăn, hay đụng một con người đáng sợ, có thể là dao búa hay có chức có quyền, mà ai đó vẫn ủi vô, người ta thường hỏi: *Không ngán hả? Bộ xâm mình hả?* Hay: *Thằng đó có máu liều. Nó xâm mình đấy!*

827. Xăm sờ

Xăm là một loại hình dân ca của miền Bắc Việt Nam, phổ biến ở đồng bằng và trung du Bắc Bộ. Những người hát xăm - thường là người khiếm thị đi hát rong kiếm sống và do đó hát xăm là một nghề.



Những người hát xăm ở Hải Phòng thời thuộc Pháp

Kiểu hành nghề này đã có từ trước thời thuộc Pháp. Sau ta tiếp quản Hà Nội và cho mãi tới những năm 1970, những người hát xăm vẫn quanh Bờ Hồ và trên xe điện. Họ thường có vợ hoặc con dắt đi, cũng có khi họ đi cả gia đình, vợ con hát phụ vào hoặc cầm nón đi vòng: *"Thưa các ông, các bà, các anh các chị. hãy thương kẻ mù loà mà cho năm ba xu, một vài hào sống cho qua ngày đoạn tháng".*

Khi nghe tiếng vài đồng xu bỏ vào nón, ông xăm (ở Hà Nội gần 20 năm, từ ngày tiếp quản Thủ đô, tôi chưa một lần thấy bà xăm nào) đưa bàn tay vào trong nón, mấy ngón rờ rờ mò mẫm lấy mấy đồng xu bỏ túi.

Như xăm sờ, nghĩa là như người mù sờ sẫm, mò mẫm. Nói vậy chứ

trời bù lại cho người mù có sự nhạy cảm tất cả các giác quan còn lại, nhất là thính giác và xúc giác. Các ông hát xẩm, ít nhất là ông xẩm thường hát trên xe điện Hà Nội đi Cầu Giấy, nghe phân biệt được tiếng roi, rò biết được đấy là đồng mây xu, mây hào...

Như vậy cũng có thể hiểu là xẩm đã sờ đâu thì... trúng đấy.

Theo truyền thuyết, hát xẩm có từ đời nhà Trần, và Trần Quốc Đĩnh con vua Trần Thánh Tông được suy tôn là ông tổ nghề hát xẩm và hát xuồng dân gian Việt Nam. Ngày 22 tháng 2 và 22 tháng 8 âm lịch làm ngày giỗ của ông. Trung tâm Phát triển Nghệ thuật Âm nhạc Việt Nam thuộc Hội Nhạc sĩ Việt Nam đã lập ra một giải thưởng mang tên Trần Quốc Đĩnh nhằm tôn vinh, hỗ trợ các nghệ nhân, nghệ sĩ, nhà sưu tầm, nghiên cứu, nhà báo có công lao, đóng góp cho lĩnh vực âm nhạc truyền thống và trao giải lần đầu tiên năm 2008. Tuy nhiên, theo chính sử thì vua Trần Thánh Tông không có hoàng tử tên Đĩnh hay Toán.



Cụ Hà Thị Cầu, 80 tuổi, thôn Phổ Mỹ, xã Quảng Phúc, nghệ nhân cuối cùng của phường hát xẩm.

(Wikipedia – CietNamNet).

Miền Trung và miền Nam cũng có thể loại hát xẩm tuy khác ngoài Bắc. Xẩm miền Trung lấy bài bản từ ca Huế trong khi miền Nam gọi là “nói thơ”, chẳng hạn như “nói thơ Lục Vân Tiên”.

Ca dao xưa có câu:

*Tham giàu lấy chú biện tuần
Tuy rằng bóng bẩy nợ nần
chan chan
Thà rằng lấy chú xẩm xoan
Công nợ không có hát tràn
cung mây.*

*Tối trời bắt xẩm trông sao
Xẩm thê có thấy ông nào,
xẩm đui.*

828. Xập xí xập ngầu

Theo An Chi, tiếng Triệu Châu, Trung Quốc, xập xí là mười bốn, xập ngầu là mười lăm. Cũng có tác giả cho đó là âm Quảng Đông, như trong *Kể chuyện thành ngữ, tục ngữ*, NXBKHXH, 1999.

Nghĩa của thành ngữ này là : mười bốn hay mười lăm, không rõ ràng. Còn có thể coi là lập lò đánh lận con đen, mười bốn nói mười lăm, mười lăm nói mười bốn.

Việt Nam cũng có thành ngữ “Mười răm (mười lăm) cũng ừ, mười tư cũng gật”. Có nghĩa là không rõ nhung cứ ừ đại.

Những người hay có tính gian lận, hay qua loa đại khái, dân gian xếp vào loại “*xập xí, xập ngầu*”. *Ôi giờ, làm gì cho mệt, cứ xập xí xập ngầu cho xong đi.*

829. Xăng xu, mậu lúi

Sans, TD Pháp – Việt, 1961, Đào Văn Vỹ, nghĩa là không, là hết. Xu là đơn vị tiền tệ nhỏ nhất

của Việt Nam. Theo kiểu Tây bồi hoặc nói vui, *Xăng xu* là hết tiền, đến đồng xu cuối cùng, là sạch túi rồi. Tương tự tiếng Quảng Đông, Chợ Lớn, là *mậu lúi*.

Đám trẻ bây giờ thì nói là *Hết máu rồi! Hết lúa rồi!*

830. Xe cảng hải

Nói cho nó sang, cho có vẻ Tây, Tàu, chứ chẳng có xe nào cả. Đì bộ đấy. *Xe cảng hải* nói lái là *hai cảng*, đi bằng hai chân.

831. Xe dân biểu

“*Dân biểu*” là “*dân bảo*” chứ không phải chỉ mấy ông nghị sĩ đáng kính mà ít ai “dám biểu”. Loại xe mà dân có thể “biểu” – bảo mà nghe, chỉ có thể là xe xích lô, xe buýt.

832. Xe dù

Dù ở đây không có nghĩa là ô dù, hay loại dù giúp cho người ta nhảy từ trên máy bay xuống được an toàn. Và *xe dù*, là xe nhảy dù, nhưng không phải trên trời xuống mà là xe không đăng ký, hoặc trốn bến ra để vừa đỡ đóng thuế bến, vừa ăn hót khách của những xe

trong bến. Loại xe này luôn nổi tiếng phóng nhanh, chạy ẩu, nhồi nhét khách như nêm như cối, và cũng sẵn sàng chặt chém khách.

Loại xe này, đặc biệt ở phía Nam, có từ trước 1975, sau giải phóng còn phát triển hơn và cũng nổi tiếng hơn với những tệ nạn. Vậy mà, cũng giống như chuyện gái mãi dâm, bây giờ vẫn liên tục phát triển.

Thật khó hiểu!?

Thiết nghĩ nếu quản lý tốt các bến xe, giá cả thuế khóa hợp lý, chắc chắn xe dù sẽ dần biến mất. Không tin thì tham khảo cách làm của tư nhân như Phương Trang, Thành Bưởi, Mai Linh sẽ rõ. Không những họ luôn đúng giờ, khách ngồi đúng chỗ... Và họ còn có các trạm dừng chân thật đáng đồng tiền, bát gạo. Nhà nước, tiền “đông như quân Nguyên”(xem mục 325) mà thua tư nhân? Tôi không tin. Tôi chỉ khẳng định, những người của Nhà nước, thua những người của tư nhân trong lĩnh vực này. Vậy chỉ cần thay người có năng lực và trách nhiệm là xong.

833. Xe điếc

Khởi thủy nó có tên là xe đạp, nhưng đến thời xe máy chạy đầy đường, nổ ầm ào, lại có kèn bấm te te, thì nó bị gọi là xe điếc.

Từ ngữ này chỉ sử dụng ở trong Nam, cũng giới hạn ở Sài Gòn, từ đầu những năm 1970, khi lần lượt các loại xe gắn máy Honda (xem mục 407), rồi Suzuki, Yamaha... nhập vào Sài Gòn.

Từ này không còn dùng lâu rồi và bây giờ xe đạp lại là xe đạp, nhưng đa phần nó được gắn máy điện. Theo đồ đoán của tôi, chừng năm mươi năm nữa, xe đạp thường sẽ lại lên hương. Dễ hiểu thôi, ô nhiễm nặng quá rồi, xăng thì liên tục tăng giá, đường càng ngày càng tắc ở khắp mọi nơi... Vậy chỉ có đi xe điếc là hợp lý mọi天堂: Chống ô nhiễm, không phải lo và không tốn tiền xăng; dễ luôn lách thoát hiểm, bí quá có thể vác lên vai mà vượt lên cả ô tô, xe máy. Cuối cùng còn lợi cho sức khỏe, là phương tiện luyện tập thân thể rất tốt.

Hoan hô xe đạp! Xe đạp muôn năm!

834. Xe lôi - xe kéo



(Wikipedia) – Có lẽ trong cuộc sống hàng ngày, khi sử dụng ngôn từ, chẳng mấy ai suy nghĩ *lôi* và *kéo* khác nhau ra sao? *Lôi* nó đi hay *kéo* nó đi, lôi bao gạo hay kéo bao gạo, thì cũng vậy mà thôi. Nhưng theo *TDTV*, NXBKHXH-1988 thì *Lôi*, *kéo* và *lôi* *kéo* đều có điểm khác nhau cả. Nếu cần có thể tra cứu *TDTV*, NXBKHXH-1988, trang 606. Ở đây chỉ nói chút về chuyện xe *lôi*, xe *kéo* để nhớ về một thời đã qua, và biết về những phương tiện nên có trong bảo tàng Việt Nam.

Trên thế giới, những chiếc xe kéo đã được dùng trên đường phố Paris vào thế kỷ 17 và 18. (Fresnault-Deruelle, 2005), xuất hiện lần đầu ở Nhật Bản vào khoảng năm 1868, và đầu

thời Cải cách Minh Trị, Mỹ, năm 1848...



Phu xe kéo ở Hà Nội thời Pháp thuộc.
Xe kéo ở Sài Gòn thời Pháp thuộc



Xe lôi đạp xe lôi máy

Đến năm 1872, có khoảng 40.000 xe kéo hoạt động tại Tokyo. Khoảng năm 1880, xe kéo xuất hiện tại Ấn Độ,

Ở Việt Nam, năm 1883, chiếc xe kéo được xuất hiện lần tại Hà Nội do Thống sứ Jean Thomas Raoul Bonnal cho đem từ bên Nhật qua. Gần 15 năm sau, Sài Gòn mới biết tới loại xe kéo này.

Năm 1884, một nhà thầu Pháp cho sản xuất khoảng 50 chiếc xe cung cấp cho cả miền Bắc.

Sau năm 1945, không còn thấy bóng dáng xe kéo ở Hà Nội và miền Bắc Việt Nam..

Xô, có loại xe tăng T-54 tham chiến ở chiến trường miền Nam. Loại xe này nặng 39,7 tấn. Trước đó, thời chống Pháp, Pháp có sử dụng loại xe tăng M24 để chiến đấu với Việt Minh. Loại xe này nặng 18,4 tấn.

Thành ngữ “xe tăng 18 tấn” có từ thời Pháp và còn được dân Hà Nội dùng cho tới những năm 60 của thế kỷ trước. Như thế, có thể nói xe tăng 18 tấn, nghĩa đen là chỉ loại xe tăng M24. Và đây là hình mẫu của các bà, các nàng “*khum khum hìn vại, thoai thoái hìn chum*”, lại không được mấy ai ưa.

835. Xe tăng 18 tấn

Xe tăng là một phương tiện chiến đấu hạng nặng. Nó như một chiếc xe lu, có thể úi sập, san bằng mọi chướng ngại, lại còn súng ống có thể nhả đạn giết người. Dân tình nhân đó mà gọi mấy bà “ăn gì to lớn đấy đà” là xe tăng 18 tấn. Xe tăng thì rõ rồi, nhưng tại sao lại 18 tấn?

Trong thập kỷ 1970, phía VNDCCH, từ viện trợ của Liên

836. XHCN

Ai cũng biết đó là viết tắt của xã hội chủ nghĩa và cũng có nghĩa là “*Xếp hàng cả ngày*”. Câu nói chỉ trích này có từ những năm 1965 – 1970, nhưng phổ biến rộng rãi nhất vào những năm 1976 – 1986, “đêm trước của thời kỳ đổi mới”.

Đúng là một phần do hàng hóa khan hiếm mà nhiều lúc, nhiều nơi người ta phải xếp

hàng... cả ngày để mua hàng. Mà có khi chỉ là vài con cá, mấy trăm gram thịt, thậm chí chỉ là mấy bó rau. Nhưng đó là điều đơn giản và cần thiết, là văn minh, là lịch sự là giải pháp tình huống đúng đắn và hữu hiệu. Ở các nước tiên tiến Mỹ, Pháp, Nhật, Úc... người ta vẫn xếp hàng.

Bây giờ thì nhiều người mới thấm: Nếu biết xếp hàng, biết nhường nhịn, không chen lấn, thì cảnh tắc đường đâu đến nỗi như hiện nay, đạo đức con người đâu xuống cấp như vậy, trò đâu có tranh chỗ với thầy, thanh niên đâu có ý khỏe lấn ông bà già.

837. Xi nhan

Tiếng Pháp Signal (*xi nhan*) là đèn hiệu, đèn báo. Trong xe máy, xe hơi có đèn signal ở hai bên hông xe để báo hiệu cho người và các phương tiện tham gia giao thông biết mình chuẩn bị rẽ trái hay phải, khi đèn trái hoặc phải sáng lên.

Trong sinh hoạt hàng ngày, nói: *Nó xi nhan rồi đấy*, thì phải

hiểu là người ta đã báo cho mình biết rồi, liệu đường mà ứng xử.

838. Xì tin

Xì-tin (tiếng Anh: style) nghĩa là phong cách. Nhưng phong cách “Xì-tin”, tuổi... “Xì-tin”, là cái gì thì...

Theo *Tuổi trẻ cười đưa ra*, tiêu chuẩn “Xì-tin”, của lớp trẻ bây giờ là:

1. *Tầm tầm là phải có A-còng, Dì-lan hay Ét-xèo, Át-ti-là... vi vu mới đúng điệu! Còn đúng đẳng cấp thì phải ôm xế hộp!*

2. *Ngoại hình phải đúng hệ phong trào: tóc nhuộm, môi Hàn, răng ca sĩ, xăm nghệ thuật, quần áo mô-đen quần quại...*

3. *Có văn hóa theo kiểu “Xì-tin”, là sành chat chít, giỏi kết “boi-ren” hay “go-ren” trên nét... Dương nihil phải là thần dân ruột trong một FC của “sao” nào đó!*

4. *Yêu phô diễn, yêu hiến dâng” trọn gói trong quán cà phê đèn mờ, đèn tắt... Rồi sau đó “giải quyết” trọn bộ trong Từ Dũ!*

5. *Tạo ấn tượng “Xì-tin”, phải là hổng giống ai: Choi nổi, giựt*

le, Choi dần mặt từ cái mạc hàng hiệu của... phụ tùng, cho tới cái "a-lồ" đòi mới nhất!

6. Người “Xi-tin”, thì ngôn ngữ cũng phải “Xi-tin”, nói năng bạt mạng, xài tiếng lóng... cẩn, chửi thề vô tư...

7. “Lịch” kiểu “Xi-tin”, là cóp-pi theo dân “Xi-tin”, hip hop Thái, Hồng Kông... choi bời băng nhóm; kết xà nẹo ở bar, vũ trường; giật dọc kiếm tiền ăn choi hút xách, phá cách làm hai-phai, choi thuốc lá, hàng trăng tập thể...

8. Mơ ước theo phong cách “Xi-tin”, vô cùng cháy bỏng: người mẫu thời trang, diễn viên điện ảnh, ca sĩ siêu sao... và săn sàng trả bằng mọi “giá” để đạt được!

839. Xin đều

Dân gian có câu ca dao rất nhân bản và đồng cảm với những số phận không may nghèo đói:

Ăn mày là ai? Ăn mày là ta

Đói com rách áo

hóa ra ăn mày

Cũng vì thế mà những người ăn mày – ăn xin luôn nhận được

sự sẻ chia từ xã hội. Nhưng tìm hiểu kỹ thì mới rõ, ăn xin cũng có năm bảy đường. Gia cảnh quá khó khăn, thắt ngặt, thì thật đáng thương. “Đóng cửa đi ăn mày” thì thật đáng chê. Lười biếng sinh nghèo túng thì thật đáng trách.

Ở TP.HCM, một thời còn có hẳn các “tổ chức ăn mày”. Sáng ra, bôi mặt, trét bùn đất, chậm thuốc đỏ, máu heo, máu chó... cho giống cùi, giống lở, trông dơ dáy rách nát đáng thương. Rồi cất đặt, phân công túa đi các nơi, tối về lại họp lại “kiểm điểm công việc”, chia tiền, rửa ráy, lên đồ... đi ăn nhậu. Có tổ chức còn bắt cóc trẻ em, bẻ lợi tay chân rồi bắt đi ăn xin. Thật nhẫn tâm, vô nhân đạo.

Trăng trọn, xác lão và quái đản nhất là tệ “xin đều”. Đã đi xin mà còn đều. Đầu tiên là xin nhưng lại chỉ trích, nói xấu người mình đang ngửa tay xin và ra lệnh, rằng: Giàu sang, vòng vàng đeo đầy tay, đầy cổ vây. Cho ít đồng đi! Xin không được thì rủa là keo kiệt, bẩn xỉn... Rồi tệ đóng giả thương bình, xin không được

thì chửi bới, đe dọa. Bẩn thỉu, kinh tởm và đáng xấu hổ nhất cho con người là hành động nhổ nước miếng vào tó của người ta đang ăn để người ta buộc phải bỏ đi, thì ngồi xuống thán nhiên ăn. Còn đáng sợ nhất là cầm ống chích doạ không cho sê chích vi trùng HIV/ AIDS.

Tệ “xin đều” phổ biến trong khoảng thời gian từ 1980 đến 1990.

Còn một dạng “xin đều” khác là đánh vào tâm lý cảm thông và cẩn tin của nhiều người.

Kiểu này ngày càng trở nên tinh vi hơn, hiệu quả hơn và hiện khá phổ biến. Đấy là giả dạng thầy chùa, giả người bị mất cắp, giả người sơ xuất thiếu tiền mua xăng... chỉ xin vài chục ngàn. Theo VietNamNet, 1/12/2011, với những mánh này bọn “xin đều” nếu chịu diễn, một ngày cũng có thể kiếm vài trăm ngàn, hơn lương của những công nhân làm hùng hục cả ngày.

840. Xỏ nhầm giày...

Ngày xưa lính Pháp sang Việt Nam thường đi giày xăng – đá

(soldat – lính), da cứng, đế có đinh nặng trịch và cứng như sắt. Bên thì vô địch. Lội sình, lội ruộng, leo núi, đạp đá vô tư. Nhưng hễ ai là người Việt mà đi đôi giày đó là biết theo Pháp rồi. Và bị dân tình đánh giá là: “Xỏ nhầm giày giúp Tây đánh ta”

841. Xỏ... giảm (vui)

Có một ông quan không bé, cũng không hẳn lớn, tính tình hay bông phèng, nhất là ưa nói lái, nói ngược. Thỉnh thoảng trong các cuộc họp, quan lại nói nhieu, nhưng cũng chẳng có gì nghiêm trọng lắm, chỉ làm cho anh em được mỉ cười vỡ bụng.

Có lần quan nhận trọng trách đi phát chấn cho dân nghèo ở một huyện ngoại thành. Từ sáng sớm mọi người đã tề tựu chờ quan. Cũng không muộn lắm, chỉ đầu thời gian và sức nóng của ông mặt trời làm bà con vãi mồ hôi con, mồ hôi mẹ, thì quan tới cùng một xe quà theo sau. Quan bước ra khỏi xe và khoan thai đi lên bục đà kê

săn từ hồi đêm, trong tiếng vỗ tay, reo hò của bà con.

Quan giơ hai tay lên chào, nhưng cũng có ý là được rồi, trật tự đi. Tiếng vỗ tay thưa dần rồi im bặt. Quan rút trong túi quần ra một tờ giấy và dông dạc: Thưa bà con cô bác. Hôm nay tôi thay mặt... tới thăm hỏi và có chút quà tặng bà con nhân dịp... gì đó... Gọi là nghĩa tình “là lành đùm lá rách”. Quan hứng khởi: Đây cũng là một phần trong chương trình xóa đ..., giảm nghèo, bỗng quan giật mình lẩm bẩm: Chết mẹ lại nói lái rồi. Và ông từ từ chậm rãi, nhấn từng câu: xóa – đ... – giảm – nghèo... Tuy nhiên lúc này quan đã trấn tĩnh, ôi, có gì đâu, vấn đề là nghĩa cử cao đẹp mà. Và lại hung hồn đọc xong bài diễn văn khá dài trong tiếng thở phào nhẹ nhõm của đám quần thần.

Kết quả thật tốt đẹp, chỉ có một số người cứ lật lui lật tới cái chữ nghĩa, mà thắc mắc, tự nhiên sao quan lại nói tiếng Đan Mạch vậy?! (*xem mục*).

842. Xóm liều

“Xóm liều” Thanh Nhàn quận Hai Bà Trưng, Hà Nội hình thành vào những năm 1970. Gọi là Xóm liều vì mọi nhà dân ở đây chẳng cần một thứ phép tắc gì, mà cứ chiếm đất trống quanh công viên Thanh Nhàn cất nhà lên. Hàng chục năm sau đó những tệ nạn cờ bạc, đĩ điếm, ma túy cũng mọc lên từ đây. Theo vietbao.vn, 26/9/2011, trong số 1.509 nhân khẩu sinh sống tại “xóm liều” này đã có tới hàng trăm con nghiện và hàng chục người tham gia buôn bán ma tuý.

Năm 1998, theo chỉ đạo chính quyền thành phố Hà Nội, Đoàn và Hội thanh niên thành phố Hà Nội đã ra quân phát quang bụi rậm, dọn sạch môi trường, xây dựng một công viên mang tên Công viên tuổi trẻ, góp thêm cho người dân Hà Nội một sân chơi và cũng góp phần dẹp bỏ tệ nạn xã hội từ lâu nhức nhối tại khu vực này.

Từ đây “xóm liều” Thanh Nhàn cũng bị xóa sổ.

843. Xô xích le

Không phải tiếng Tây tiếng u gì, chỉ đơn thuần là nói lái của từ xe xích lô, mà dân miền Nam hay nói choi vây.

Cụm từ này có từ trước 1975.

844. Xù

Từ điển tiếng Việt, NXBKHXH, 1988, *xù*: dựng lông lên, như con gà, con nhím; to lớn quá cỡ – *con chó to xù*... Trong *Từ điển tiếng Việt đối chiếu*, NXBGD, 2001, *xù* là quyt, xóa hết nợ; thả, buông xuống – *xù rèm*.

Chữ *xù* trong dân gian thường dùng ngoài nghĩa là quyt, còn có nghĩa là bở, dứt, như *xù độ*, *xù tình*. Và *xù... co*.

845. Xuân Diệu Xuân Sanh

Trước hết xin trộm vía bốn bác Xuân Diệu, Xuân Sanh, Tú Xương và Tú Mỡ, rằng dân gian chỉ đùa tí cho vui thôi, vẫn kính các bác. Chỉ vì cùng Xuân, cùng Tú mà:

Xuân Diệu, Xuân Sanh,
Xuân tóc đỏ
Tú Xương, Tú Mỡ, Tú lơ khơ

846. Xuyên tâm liên

Sau miền Nam được giải phóng một thời gian, có một loại thuốc mà hễ người ta bệnh gì cũng được bác sĩ kê toa cho. Đó là *xuyên tâm liên* được coi như thuốc trị bá bệnh, giống như daginang (*xem mục 247*) thời chống Pháp, khiến dân Sài Gòn ám ảnh tới tận bây giờ.

Của đáng tội, *xuyên tâm liên* cũng có một số công dụng: lá và rễ được dùng để trị một số bệnh viêm nhiễm. Tuy nhiên, có lẽ trong giai đoạn còn muôn vàn khó khăn, thì *xuyên tâm liên*, còn có tác dụng như một liệu pháp tinh thần, giúp trấn an người bệnh khi chưa tìm được thuốc... chính hiệu.

Xuyên tâm liên, hay còn gọi là lam khái liên, cây lá đắng, khô đảm thảo, nhất kiến kỷ, tên khoa học là *Andrographis paniculata* (*Justicia paniculata*), loài cây thảo thuộc họ Ô rô (*Acanthaceae*), có nguồn gốc từ Ấn Độ và Sri Lanka, được di thực sang Nam Á, Đông Nam Á, miền nam Trung Quốc, rồi khu

vực Caribe, Trung Mỹ, Australia và châu Phi. Vào miền Bắc Việt Nam, trồng ở Quảng Bá, Hà Nội, từ những năm 1960.

847. Xứ dừa

Cây dừa có một sức sống mạnh mẽ và có giá trị sử dụng rất cao, gần như toàn bộ cây dừa đều hữu ích.

Theo Đông y, nước dừa ngọt đậm, không độc, giúp tăng cường khí lực, tươi nhuận nhan sắc, giải nhiệt, cầm máu nên rất tốt khi điều trị cảm nắng, thổ huyết, máu cam. Cùi dừa ép lấy dầu, thân cây làm cầu, làm bọng dẫn nước hàng chục năm không hư mục, lá dừa dùng lợp nhà vừa mát, vừa bền hơn rom rạ rất nhiều... Đặc biệt, nước dừa còn dùng thay dịch truyền trong Chiến tranh Việt Nam, thời chống Pháp.

Vì thế dừa trong tiếng Phạn là *kalpa vriksha*, có nghĩa là “cây đem lại mọi thứ cần thiết cho cuộc sống”. Còn tiếng Mā Lai là *pokok seribu guna* tức là “cây có cả ngàn công dụng”.

Tại Philippines, dừa được gọi là “Cây của sự sống”.

Ở Việt Nam, miền Bắc cũng có dừa, nhiều như Thanh Hóa... nhưng cũng chẳng là bao so với miền Nam... Trước 1975, ít uống dừa tươi, thường để dừa già lấy cùi cắt kho thịt, làm mứt, nấu chè... Mấy học sinh, cán bộ... miền Nam sống trên đất Bắc đều được bà con miền Bắc gọi thân mật là dân xứ dừa. Những học sinh, sinh viên và cũng có khi là cán bộ miền Nam hễ mở miệng ra là “đù”, thì bị gọi là “dân miền đù”.

Tuy nhiên, dù ở miền Nam đâu cũng có dừa, nhưng chỉ có Bến Tre, *Tam Quan* và Bình Định được coi là những *xứ dừa* (lớn nhất nhì) Việt Nam. Bến Tre là tỉnh có diện tích dừa lớn nhất nước với trên 53.000ha, sản lượng trên 400 triệu trái/năm.

848. Xưa

Từ điển tiếng Việt, NXB KHXH, 1984: *Xưa* là thời gian đã qua từ lâu; *xưa kia*, là thời gian trước. Ca dao có câu:

*Xưa kia ai biết ai đâu.
Bởi chung điếu thuốc
miếng trầu nên quen.*

Còn xưa nay, là từ trước tới nay.

Như thế xét dưới góc độ nào đó, thì xưa cũng có nghĩa là cũ.

Cũng trong *TDTV* còn có từ “say xưa”, chỉ những người có thói hay uống rượu tới say.

Chữ “xưa” và “sua” phát âm chuẩn thì có khác nhau, nhưng tiếng Nam còn phân biệt, chứ Bắc thì nói nghe cũng vậy. Chính vì thế khi nghe nói tới chữ xưa (sua), thì phải theo văn cảnh, ngữ cảnh mới hiểu đúng được.

Ví dụ; Khi nói tới xưa cũ: Cái này xưa lắm rồi. Hay, chuyện đó xưa rồi, xưa như trái đất vậy. Ở trong Nam có một câu khá phổ biến, gắn với một nhân vật khá nổi tiếng, Trịnh Công Sơn: *Xưa rồi Diễm ơi!* (xem mục 848). Còn khi nói Sua (xua) là say, dân gian lại chỉ nói gọn là “sua”. Nó sua rồi, là nó say rồi.

849. “Xưa rồi Diễm ơi!”

“Diễm xưa” là một bài hát nổi tiếng của cố nhạc sĩ Trịnh



Công Sơn viết năm 1960, được phát hành trong băng nhạc Sơn Ca 7, dịch ra tiếng Nhật và được Khánh Ly trình bày ở hội chợ Osaka năm 1970 – Bản *Utsukushii mukashi* đã trở nên một trong 10 tình ca hay nhất mọi thời đại của Nhật Bản, được xếp hạng 11 trong 20 ca khúc hay nhất trên kênh TV cáp của Nhật Bản năm 2004, khi ca sĩ Yoshimi Tendo trình bày; được đưa vào chương trình giáo dục về môn văn hóa Việt tại một trường đại học ở Nhật Bản. Đại học Kansai Gakuin cũng có một cuốn sách viết về bài “Diễm xưa” có kèm theo DVD để tiện cho việc nghiên cứu của sinh viên. Bài hát còn được đài truyền hình NHK chọn làm bản nhạc chính cho

một bộ phim về cuộc hôn nhân giữa một người đàn ông Nhật lấy người vợ Việt Nam.

Nguyên mẫu của bài hát là người con gái tên Ngô Thị Bích Diễm.

Theo nhà Huế học Nguyễn Đắc Xuân, Ngô Thị Bích Diễm là con gái thầy Ngô Đốc Kh.-người Hà Nội, dạy Pháp văn tại trường Đồng Khánh và trường Quốc Học Huế. Bích Diễm giống bối, người dong dỏng cao, nét mặt thanh tú, bước đi thong thả nhẹ nhàng. Con người của Diễm rất hợp với cái tên Diễm và cũng thích hợp với tâm hồn bén nhạy của Trịnh Công Sơn.

Nhà văn hóa Huế, Giáo sư Bửu Ý, đã kể về chuyện tình về Sơn và Diễm: Ngày xưa, cây cầu Phủ Cam tuy ngắn nhưng đầy duyên nợ. Trịnh Công Sơn ở căn gác tầng 2, số nhà 11/03 đường Nguyễn Trường Tộ. Hàng ngày, chàng cứ đứng lấp ló sau cây cột, lén nhìn một người đẹp. Nàng đi bộ từ bên kia sông, qua cầu Phủ Cam, dạo gót hồng dưới hàng long não,

ngang qua chỗ Sơn ở là chàng cứ sướng ran cả người. Một tình yêu “hương hoa” kéo dài cho đến cuối đời chàng. Sau này, mỗi một mối tình tiếp theo của Sơn đều có hình ảnh cô gái đó. Tên cô là Diễm, người đã tạo cảm xúc cho Sơn sáng tác vô số bản tình ca bất hủ.

Chuyện là vậy, tuy nhiên nay “Diễm xưa” lại được dân gian dùng để chỉ chuyên xưa cũ rồi, và câu cửa miệng thường là: “Xưa rồi Diễm ơi”! (Wikipedia).

850. Xực phàn

Xực phàn, hay thực phan là ăn cơm. Phàn hay phan là cơm. *Dương châu xáo phàn*, là cơm chiên Dương châu.

Hồi trước 1954, ở miền núi phía Bắc, người Thổ khi mời cơm cũng nói *xực phàn*, các cán bộ ở ATK cũng học mời cơm như vậy, thành quen, về Hà Nội một thời gian không còn ai dùng nữa.

Y

851. Yamaha

Tên một loại xe gắn máy của Nhật, nhưng lại là tiếng lóng lúc đầu chỉ những người lớn tuổi, nhưng vẫn sống vui tươi lành mạnh và vẫn tích cực tham gia các hoạt động xã hội. Yamaha nói trại theo tiếng Việt là *Gia ma ha*, hiểu là *già mà ham*. Năm 1979 – 1980, ở Công viên Tao Đàn có câu lạc bộ dưỡng sinh mang tên Yamaha. Trong phong trào ca hát quần chúng cũng có một đội ca múa cùng tên, với toàn các bà các cô từ 50 tuổi tới 70, hoạt động khá sôi nổi...

Nhưng rồi Yamaha dần mở rộng khái niệm chỉ chung hết những ai *già – mà – (còn) ham*. Ham hoạt động, hay ham ăn, ham nhậu, ham gái... đều bị gọi là *Gia ma ha*.

852. Yêu bướm bướm, yêu nhền nhện(yêu tinh), từ Tây du ký?



7 con yêu nhền nhện

Theo dân gian, *Tù điển tiếng Việt* cũng vậy, thì yêu ma là những vong hồn của người chết, hay những nhân vật huyền bí theo mê tín dị đoan, có thể hiện lên hâm hại người ta. Có thể đó là cái cây sống lâu năm thành tinh, có thể là con chim, con cá, con chồn tu luyện mà nén. *Yêu buom buồm, yêu nhền nhện* cũng vậy.

Nhưng với dân Việt, hai loại yêu tình này là yêu tình... cái.

853. Yêu râu xanh

Râu Xanh, trong tiếng Anh là Bluebeard, là nhân vật trong một truyện cổ tích nổi tiếng cùng tên được xuất bản lần đầu năm 1697 của tác giả người Pháp Charles Perrault, tác giả của các câu truyện cổ tích nổi tiếng như *Cô bé Lọ Lem*, *Người đẹp ngủ trong rừng...*

Râu Xanh là một nhà quý tộc giàu có nhưng lại bị người khác e ngại bởi ông ta có một bộ râu xanh xấu xí khủng khiếp. *Râu Xanh* đã cưới vợ ba lần nhưng rồi họ cứ lần lượt... mất tích... *Râu xanh* bị phát hiện chính là thủ phạm đã giết những người vợ của mình...

Ngày nay, trong tiếng Anh từ “bluebeard” được dùng để chỉ những kẻ sát hại từ 2 phụ nữ trở lên, còn “yêu râu xanh” trong tiếng Việt thì... để chỉ những kẻ... hiếp dâm hay có những hành vi xâm phạm tình dục phụ nữ, nhất là đối với các bé gái.

Chẳng hiểu vì lý do gì mà gần đây ở nước ta “yêu râu xanh” chui ở đâu ra mà nhiều quá

Theo tienphong.vn, 23-02-2013, năm 2012, chỉ tại TP.HCM đã xảy ra 48 vụ hiếp dâm; 51 vụ giao cấu với trẻ em.

Điều đáng nói là các “yêu râu xanh”, đủ loại, từ già 60 – 70, đến những thanh thiếu niên. Và ngoài những hành vi dâm đang còn bạo lực và thú tính, không từ hành động nào kể cả giết người diệt khẩu. Và với chúng bé chẳng tha, già chẳng thương...

Z

854. Zil Ba Cầu



Từ những năm 2000, *Zil 3 cầu* là tiếng lóng của lớp trẻ chỉ việc tống 3 – 4 người trên một chiếc xe máy. Cụm từ này vốn để chỉ một loại xe của Liên Xô viện trợ và bán cho Việt Nam từ những năm 1960, (tiếng Nga viết: зин) – Zil 130, mà Việt Nam hay gọi là “Zil Kho”, vì đó là vào thời Kho – rôt – Sớp(Nikita Sergeyevich Khrushov) làm Tổng bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô (1953 – 1964).

Loại xe này có 3 cầu truyền chuyển động, một cầu trước, 2 cầu sau, nên rất ít khi bị patinage, mà nếu bị sa lầy, cũng chỉ cần móc cáp vào gốc cây đằng trước cho tời cuốn, xe sẽ được kéo lên không cần dùng xêng cuốc, khuân đá, gỗ để chống lầy, nên nó được gọi là xe Zil đầu tời. Xe này góp phần không nhỏ chở hàng vượt Trường Sơn chi viện miền Nam trong những năm tháng chống Mỹ của Việt Nam.

Zil 3 cầu tưởng đã đi vào quá khứ, nhưng theo *SGGP online*,

ngày 08/06/2010, người ta đã phát hiện ở Thị trấn Bến Quan (Vĩnh Linh, Quảng Trị) hiện có cả 100 chiếc zin ba cầu được độ lại, dùng vận chuyển và khai thác gỗ lậu; tất cả những người lái xe này đều không có giấy phép.

Lời cảm ơn

Để thực hiện cuốn “Miệng thế gian” tôi tham khảo và sử dụng một số tư liệu, hình ảnh để bổ túc. Xin chân thành cảm ơn:

Từ điển tiếng Việt – NXBKHXH, 1989

Từ điển từ và ngữ Hán – Việt – NXB TPHCM, 1989

Tầm nguyên từ điển – NS. Khai Trí, 1968

Từ điển thành ngữ Việt Nam

Từ điển thành ngữ Hán – Việt

Từ điển tiếng lóng Việt Nam – NXBKHXH, 2001

Kể chuyện thành ngữ, tục ngữ - NXBKHXH, 1999

Mạng điện tử Wikipedia

Tuổi Trẻ online

Thanh Niên online

Tiền phong online

Sài Gòn giải phóng online

Hà Nội Mới online

Quân đội nhân dân

Dân Trí online

Các trang web trên Google

Nhà báo Nguyễn Ngọc Hải, có những góp ý quý báu.

Mục lục

A

1. A – Z (A đến Z)	7	21. Ăn bánh trả tiền	15
2. Adam và Eva	7	22. Ăn Bắc mặc Nam.....	15
3. Ai lấy tôi lấy ngay...	8	23. Ăn búa.....	15
4. Ai vô xứ Nghệ.....	8	24. Ăn cá bỏ đầu.....	16
5. Ami xinh tươi.....	8	25. Ăn cái quần què...	16
6. An toàn trên xa lộ	9	26. Ăn cơm Tàu...	17
7. Anh bộ đội cho em xin.....	9	27. Ăn chảm chậm...	18
8. Anh bộ đội vào xoi nước.....	10	28. Ăn cơm trước kềng	19
9. Anh chị = pd	10	29. Ăn chùa.....	20
10. Anh đi công tác.....	10	30. Ăn chuối cả nải.....	21
11. Anh hùng	10	31. Ăn đút	21
12. Anh hùng núp	11	32. Ăn khoai cả vỏ...	22
13. Anh hùng xa lộ - Quái xé...	12	33. Ăn miếng to...	22
14. Anh Vaxili của em (vui).....	12	34. Ăn nhanh đi chậm.....	23
15. Ao	13	35. Ăn như hạm	23
16. Áp dụng lời dạy của thầy (vui).....	13	36. Ăn như sư, ở như phạm	24
17. Áp phe	13	37. Ăn như tu/ ở như tù.....	24
18. AQ.....	13	38. Ăn như vũ... lắm tiền như quản lý.....	24
19. ATK.....	14	39. Ăn như xáng cạp.....	25
20. Ăn bánh bơ đội mũ phớt ..	15	40. Ăn no vác nặng.....	26
		41. Ăn quận 5.....	27

42. Ăn theo dấu (vui).....	27	69. Bà tám.....	47
43. Ăn theo, nói leo	28	70. Bạch công tử.....	47
44. Ăn trông nồi, ngồi trông... phong bì	28	71. Bạch vệ.....	48
45. Ăn tươi	29	72. Ban ngày cả nhà lo việc nước...	49
46. Âm lịch	29	73. Bán cháo phổi	50
47. Ấm.....	30	74. Bán độ.....	50
48. Áp chiến lược.....	31	75. Bán lúa non	50

B

49. B quay	33
50. Ba cát?!	33
51. Ba con vẹt (vui):.....	34
52. Ba cùng	35
53. Ba đắm đang.....	36
54. Ba giỏi	36
55. Ba khoan.....	37
56. Ba không (vui)	38
57. Ba muoi giây.....	38
58. Ba muoi lăm	39
59. Ba năm dụ dỗ	39
60. Ba năm phấn đấu không bằng cơ cấu 1 giờ	40
61. Ba năm vô Tầu.....	40
62. Ba nhất.....	41
63. Ba săn sàng.....	41
64. Ba số 5 vừa nằm vừa ký.....	42
65. Ba vạn chín nghìn	42
66. Ba xây ba chống	43
67. Ba xị đế.....	44
68. Bà chàng (chằn)	45
78. Banh talon	53
79. Bao cấp	53
80. Bao giờ cho đến tháng 10 ..	54
81. Bảo Đại cởi truồng	55
82. Bao la	56
83. Bảo Sinh	56
84. Bát giới (Tru)	56
85. Băng bó (Vui).....	57
86. Bắc – phà	57
87. Bắn... chim.....	59
88. Bắn pháo hoa	59
89. Bằng cấp không bằng bằng lòng,	60
90. Bắp non mà nướng lửa lò...	61
91. Bắt cởi trần...	61
92. Bấn xúc xích	62
93. Bật đèn xanh.....	62
94. Bầy nhầy, bạc nhạc	63
95. Bể bạc (sec-man)	64
96. Bể nồi cơm	64

C

97. Bể ống khói.....	64
98. Bên A là chùm khế ngọt....	64
99. Bệnh tiểu đường.....	65
100. Bếp Hoàng Cầm	66
101. Bia nào cũng là bia.....	68
102. Bia ôm.....	68
103. Bình tĩnh mà run.....	69
104. Bó tay.com.....	69
105. Bò đội nón	69
106. Bóc (gõ) lịch.....	70
107. Bóc vỏ trái đất	70
108. Bom tấn	71
109. Bố già	71
110. Bộ đội.....	72
111. Bộ đội về làng như...	72
112. Bốc má	73
113. Bôi trơn	73
114. Bốn sợ:	74
115. Bốn Đ ba N	75
116. Bugi không nẹt lửa	75
117. Bù giá vào lương.....	75
118. “Bún mắng, cháo chửi” ..	76
119. Bụng đánh lô tô.....	77
120. Buôn dưa lê	77
121. Buôn không vốn.....	78
122. Buôn vua.....	79
123. Bút Tre	81
124. Bựa...	83
125. Bước chân vào cổng Bách khoa.....	83
126. Bút cỏ.....	83
127. Ca dao tân biên thời @ ...	85
128. Ca sáu câu.....	86
129. Cá không ăn muối cá ươn...	87
130. Cá... Mú.....	87
131. Cá vàng – Cá xanh – Cá ươn	87
132. Cà chớn.....	88
133. Cà phê đèn mờ	89
134. Cà phê không đường.....	89
135. Cà phê ôm	90
136. Cà phê vông.....	90
137. Cai Lậy (vui).....	90
138. Cái đẹp đánh bẹp cái nết	92
139. Cái định gì?	92
140. Cái răm là cái trời cho....	93
141. Cài số de.....	93
142. Cải cách thủ tục hành chính	94
143. Cải thiện	95
144. Cán bộ cao ăn cung cấp...	95
145. Cán bộ đi trước.....	96
146. Cán bộ đường lối.....	96
147. Càng nhiều càng ít	97
148. Cao-Xà-Lá.....	97
149. Cạp đất mà ăn	97
150. Cày đường nhựa.....	98
151. Cát chỉ.....	99

152. Cắt cờm, bơm xe...	99	180. Chè (trà) thái đức	114
153. Cắt hộ khẩu	100	181. Chế độ tem phiếu.....	115
154. Câu lạc bộ 1.000 tỷ	100	182. Chết chờ chôn	115
155. Cấm không được đái (vui)		183. Chí Phèo	115
.....	101	184. Chiếu tướng.....	116
156. Cấp – Vũng Tầu	101	185. Chim rỉ là dì sáo sậu.....	117
157. Cầu dùra.....	102	186. Chim, thu, nụ đé	117
158. Cầu tôm = cầu cá tra	103	187. Chín phẩy năm.....	118
159. Cây - vàng, thôi	104	188. Chịu chơi – chơi chịu	119
160. Cây xăng – cục gạch	104	189. Chín – sáu – ba – không	119
161. CCCC.....	105	190. Chịu đèn, nhá đèn, ăn đèn	
162. CCCP	105	120
163. Chà đồ nhôm.....	106	191. Cho chó ăn chè.....	120
164. Chán như chó chán cứt	106	192. Chống lưng	120
165. Cháo Thị Nở	107	193. Chợ chạy – chợ chồm hổm	
166. Chào thua	107	121
167. Chát xít.....	107	194. Chợ heo.....	122
168. Cháy túi.....	108	195. Choi tới bến, chấu.....	122
169. Chạy án, Chạy thuốc, chạy		196. Choi đồ cổ.....	122
thầy, Chạy thợ	109	197. Chủ xị	123
170. Chạy mánh	110	198. Chuồng cọp	123
171. Chạy mặt.....	110	199. Chuột đầu đen.....	125
172. Chạy mất dép	110	200. Chuyện thường ngày	
173. Chạy ngoài công tơ	111	ở huyện.....	126
174. Chạy qua hàng thịt.....	111	201. Chủi mất gà	126
175. Chậm tiêu	112	202. COCC	128
176. Chân chống	112	203. Có sừng có mỏ (có nanh)	
177. Chân chữ A miêng chữ O		128
.....	113	204. Cóc mùa xuân	129
178. Chân dài.....	113	205. Con cò.....	130
179. Châu Quỳ - Chợ Quán...113		206. Cò đất.....	131

207. Con... kẹt... (vui)	132
208. Con nai vàng ngơ ngác .	132
209. Con người càng lúc càng đông	133
210. Con nhà lành	133
211. Con nhà lính.....	134
212. Con nhà nghèo	134
213. Con thày...	134
214. Con vẫn nhìn thầy, nhưng... (vui)	135
215. Cọp và thành phố (vui).	135
216. Cô hàng xôi ơi!	136
217. Cô ta	137
218. Cỗ ồm ờ, ngực hững hờ, tay lủng lợ, lây ống hởm bò.....	138
219. Cốc...	138
220. Công ngủ	139
221. Cô gái H'mông hơ mông...	139
222. Công tử Bạc Liêu	139
223. Công văn túi áo, báo cáo túi quần.....	140
224. Cơ chế tập trung quan liêu bao cấp.....	141
225. Cờ đèn kèn trống.....	141
226. Cờ lá chuối.....	142
227. Cơm Bắc giặc Nam.....	142
228. Cơm bình dân.....	142
229. Cơm bụi	143
230. Cơm tù	143
231. Cơm ngó phở ngủi	143
232. Cơm niêu...	144
233. Cơm đường cháo chợ vợ nông trường	145
234. Cơm và Phở	145
235. Cù là chính hiệu	145
236. Củ Chi... là củ gì?	146
237. Củ chuối – bã đậu	147
238. Cuội.....	147
239. Cuốn cờ.....	148
240. Cùn.....	149
241. Cười với mẹ ông Đại Thánh	149
242. Cưa kéo...	150
243. Cười như nghé.....	151
244. Cười sắc gạch.....	151
245. Cứt thằng nào vừa mũi thằng ấy	152
246. Cửu Vạn	152
D	
247. Dagingan	155
248. Dạy toán, học văn, ăn thể dục	155
249. Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra.....	156
250. Dân chơi cầu Ba Cẳng..	157
251. Dân quyết	157
252. Dấu củ khoai	158
253. Dép râu	159
254. Dê, dê cụ	160

255. Dê tráng dê đen (vui)	160	285. Đầy tớ nhân dân.....	174
256. Di tản	160	286. Đέ không đau (vui)	176
257. Dinh tê	162	287. Đẹp trai...	176
258. Dính chấu.....	162	288. Đẹp trai không bằng chai mặt	176
259. Dòng Tôn thất	162	289. Đẹp trai 12 hàng thót....	177
260. Dốt chuyên tu, ngu tại chức	163	290. Đẹp trai và... mặt rõ	177
261. Du lịch bụi	163	291. Đêm trước đổi mới.....	177
262. Dũng cảm (vui).....	163	292. Đến hẹn lại lên	178
263. Dựa cột	165	293. Đi bán muối.....	178
264. Dzách lầu, số dzách,	165	294. Đi bão.....	179
265. Đá bỗng	165	295. Đi chạy sô (show)	180
266. Đá cuội.....	165	296. Đi Chí Hòa	180
267. Đá lèn.....	165	297. Đi chui	181
268. Đá nguội	166	298. Đi không dấu, nấu không khói...	181
269. Đại học.....	166	299. Đi lén từ tiêu điều – cà phê tiêu điều	182
270. Đạm bạc.....	166	300. Đi mò tôm.....	183
271. Đánh quả	167	301. Đi mua đường	183
272. Đánh võng	167	302. Đi ngủ với giun	184
273. Đạo văn.....	167	303. Đi ở (hang)	184
274. Đào vừa ra hoa...	168	304. Đi tàu bay giấy	184
275. Đặc sản tươi sống.....	169	305. Đi tàu ngầm.....	185
276. Đắp chiếu (trùm mèn)	170	306. Đi tàu suốt	185
277. Đâm sau lưng chiến sĩ	170	307. Đi Văn Điển	185
278. Đấu tranh	171	308. Điện nặng	186
279. Đầu đất... sét.....	171	309. Điện Biên Phủ trên không	187
280. Đầu chép...	172	310. Địt (vui)	187
281. Đầu đội nồi áp suất.....	172	311. Đói (Vui +biếm họa)	188
282. Đầu đường Thiếu tá....	173		
283. Đầu nậu	173		
284. Đầu óc ngu si.....	174		

312. Đóng thuế ngu	188	336. Đừng chọc cút ra mà ngửi	204
313. Đôi mắt mang hình viên đạn.....	189	337. Đừng hôn, đừng hôn em	204
314. Đổi mới	190	338. Đừng nghe cave tâm sự...	205
315. Đổi tên địa phương (vui)	190	339. Được voi đòi...	
316. Đổi xứng	191	Hai Bà Trưng	206
317. Đồi 2 triệu USD	191	340. Đường chờ lún.....	206
318. Đồi không tên.....	192	341. Đường ta ta cứ đi.....	207
319. Đồi Thịt Băm	193	342. Đường tương chao,	
320. Đổi xứng	194	đậu hũ dưa leo.....	208
321. Đội là trời.....	195	343. Đứt bóng.....	208
322. Đông Gioăng	196	344. Đứt dây thần kinh xấu hổ	209
323. Đông-ki-sốt	197		
324. Đông như quân Nguyên	198		
325. Đồng bạc con cò	199	E	
326. Đồng chó ngáp	200	345. Eng không eng.....	211
327. Đồng hồ quả lắc hai chuông	201	346. Ép-phê	211
328. Động vật quý hiếm, tiệt chủng.....	201	347. Èm ru...	212
329. Đời chỉ có thể mà thôi (vui)	202	F	
330. Đùa (giõn mặt) nhà cầm đồ.	202	348. Fair Play	213
331. Đụng la – phông.....	203	G	
332. Đuối gà.....	203	349. Ga-lăng... nhăng.....	215
333. Đuối ruồi – ngáp ruồi....	204	350. Gà chết (đá)	215
334. Đức cống.....	204	351. Gà đi bô.....	215
335. Đứng đường.....	204	352. Gà móng đỏ	216
		353. Gà nuốt dây thun	216
		354. Gà thiến	217

355. Gác-dan	218	383. Hải Phòng trông thế mà...	
356. Gạc-đờ-co.....	218		234
357. Gái bán bar	218	384. Hàng.....	236
358. Gái dải khoai.....	218	385. Hàng cung cấp	236
359. Gái nông trường.....	219	386. Hàng độc	237
360. Gàn bát sách.....	219	387. Hàng hiệu	237
361. GANEFO	220	388. Hàng nghĩa địa	237
362. Gạo bà Ba Thi	221	389. Hàng nhái	238
363. Gạo tơ.....	222	390. Hàng rào điện tử	
364. Gáy	223	MacNamara.....	239
365. Gấu Mẹ vĩ đại	223	391. Hàng Sida	239
366. Ghé ít đít nhiều	224	392. Hành chính.....	240
367. Giave	224	393. Hạt mít lùi tro.....	241
368. Già như kẽng hợp tác....	225	394. Hàng rết	241
369. Giả điên kiếm tiền.....	225	395. Hắc xì dầu (ám, xì xăng).....	241
370. Giải toả đèn bù.....	225	396. Hậu sinh...	242
371. Giang sơn dễ đổi...	226	397. Hết xí quách	242
372. Giặc lái	227	398. Hiện đại	243
373. Giặc nhà trời (thần sấm, con ma, F105, F111...)	228	399. Hiệu bụt	243
374. Gò Vấp...	228	400. Hilton Hanoi.....	244
375. Gơ răng đê	229	401. Hò Huế.....	245
		402. Hoà thượng thích đỗ thứ	
			246
H		403. “Hoan hô đồng chí Hà Đăng...”	246
376. Hà Bá bắt	231	404. Hoàn cảnh	247
377. Hà nhì	232	405. Hoành tráng	247
378. Hà Nội mùa này...	232	406. Học giả	248
379. Hà Nội to và nhỏ	233	407. Honda = xe máy	248
380. “Hạ cánh an toàn”	233	408. Honda ôm.....	249
381. Hạ cờ tây.....	234	409. Hốc bà tó, Tết Công gô .249	
382. Hai xoa một đậm.....	234		

410. Hốc Môn	250	434. Không chết cũng bị thương	265
411. Hội đồng	250	435. Không có cửa,.....	265
412. Hồi hộp... hồi kèn.....	250	436. Không có gì mà àm ĩ	265
413. Hôm nay 8 / 3.....	251	437. Không có kí lô gì.....	266
414. Hồng Kông bên hông Chợ Lớn	251	438. Không đi không biết... ..	267
415. Hộp quẹt cuộc đời.....	252	439. Không đi không biết Quảng Ninh	268
416. Hốt ố	252	440. Không đúng hàng.....	269
417. Hớ van giun	253	441. Không nghĩa địa gì	269
418. Hung thần đường phố ..	253	442. Không răng mô (Vui)	270
419. Huyền thoại... rượu	254	443. Không say không về	270
420. Hư bột, hư đường.....	255	444. Không xi – nhê gì.....	271
421. Hy sinh đời bố.....	255	445. Khởi đầu đứng tít trên cao.....	271
I		446. Khởi – Tấm	271
422. ĩa cho đúng lõ.....	257	447. Khu đô thị mới	271
423. Ivan	257	448. Khu trù mật	272
K		449. Khu phố văn hóa	273
424. KAMA:	259	450. Khủng.....	274
425. Kéo kéo	260	451. Kiếm chút cháo	274
426. Kẹt bà tò.....	260	452. Kiến thức lùn, văn hóa lùn	275
427. Kênh (kên) xi-po	260	453. Kinh tế mới	275
428. Khoán 10.....	261	454. Kính thưa các đồng chí...	276
429. Khóc đám ma	262	455. Kôp	277
430. Khóc to mắt (vui)	263	456. KT3 (hộ khẩu)	278
431. Khôle re như bò kéo xe ..	263	457. Ký giả ăn mày	279
432. Khotabit – Cụ Khốt.....	263		
433. Không biết dựa cột mà nghe.....	264		

L

458. Lá rách đùm 281
459. Lạc xoong và lạc son 281
460. Làm cơm tế ruồi 282
461. Làm (ăn) gỏi 283
462. Làm kinh tế thì nhiều
 thành phần 283
463. Làm luật 284
464. Làm ngày không đủ... ... 284
465. Làm sao bây giờ 285
466. Lãnh đạo phân công 286
467. Lao động (vui) 287
468. Láp Xe đạp (vui) 287
469. Lâm tặc 287
470. Lấy dân làm gốc 289
471. Lề phải, lề trái 290
472. Lên bờ xuống ruộng 290
473. Lên chân kính 291
474. Lên đời 291
475. Liên hiệp thịt chó 291
476. Lính Lê Dương 292
477. Líp ba ga 293
478. Loài tuyệt chủng 293
479. Loạn cào cào 294
480. Lobby hành lang 295
481. Lọt sàng xuống 296
482. Lô-can 296
483. Lô cốt 296
484. Lộn file, sai hệ 297
485. Lộn té (Vui) 297

486. Lông săn phụ (vui) 298
487. Lặng kiêng 298
488. Lu bu 299
489. Lủ khủ lù khù
 vác lu mà chạy 299
490. Lúa 299
491. Luật 10/59 300
492. Luộc bài 300
493. Luôn luôn lắng nghe 301
494. Lương khô 301
495. Lương tâm tùy mạng mõ
 302
496. Lương tâm và chân lý... 302
497. Lương y như 303
498. Lý – Sáng – Chỉ 303

M

499. Mama tổng quản 305
500. Má văn công 306
501. Mả táng Hàm Rồng 306
502. Mát trời Ông Địa 308
503. Mát xa 309
504. Máu 309
505. Máy bay bà già
 – phi công trẻ 310
506. Mặc áo mưa 310
507. Mắt bồ câu 311
508. Mắt thứ hai, tai thứ bảy 311
509. Mắt ti hí 311
510. Mặt cứ nhăn nhăn
 nhở nhở... (vui) 312

511. Mặt hình sự	312	536. Một cửa một dấu.....	325
512. Mặt ô van	312	537. Một người đẹp ga, ba người đẹp thắng	327
513. Mất điện.....	313	538. Một quăng dao, một khăn vắt vai.....	327
514. Mất hút con mẹ hàng lươn	313	539. Một trăm lời nói không bằng làn khói	
515. Mất khả năng chi trả	314	Honda	328
516. Mất sổ gạo	315	540. Mũ cối	328
517. Mẻ miệng.....	316	541. Mua mảo.....	329
518. Mi-nhon.....	316	542. Mua như cướp, bán như cho	330
519. Mì ăn liền.....	317	543. Múa	330
520. Mì chính cánh	317	544. Mùa quýt.....	331
521. Miền Nam nhận họ, miền Bắc nhận hàng.....	318	545. Mùng thất	332
522. Mình cũng cần sống (vui)	318	546. Muốn nghèo nuôi gái....	333
523. Móc đít bảy ngày.....	319	547. Mút chỉ cà tha.....	333
524. Móm.....	319	548. Mút mùa gió chướng	334
525. Mong rằng đó không phải là rượu (vui)	320	549. Mút mùa Lê Thủy.....	335
526. Mở cửa	320	550. Mưa lâm râm làm thủng...	
527. Mỡ nó rán nó	321	335
528. Mộ Đức	321	551. Mười yêu.....	336
529. Mộc tôn.....	322		
530. Môi cuốn lô	323		
531. Mỗi người làm việc bằng năm.....	323	552. Nam mô a di...	337
532. Mông má.....	324	553. Năm môn phối hợp của	
533. Một băng	324	Việt Nam đưa vào Olimpic	
534. Một chai, một xị	324	(vui)	338
535. Một chơi một ra cột đồng hồ	324	554. Năm xưa ủn ỉn đầy chuông	
		338
		555. Nặng làm thì đói.....	339

N

556. Nấu cháo điện thoại.....	339	580. Nhật như đĩ điếc.....	356
557. Nấu:.....	340	581. Nhân nghĩa bà Tú Đê....	356
558. Ném đá	341	582. Nhất cự ly, nhì tốc độ....	357
559. Ngả bàn đèn	342	583. Nhất gạo nhì rau...	357
560. Ngành ta Nho cỗi....	343	584. Nhất lé...	357
561. Ngày xưa giám thi cũng đi thi	343	585. Nhất liều...	358
562. Ngăn sông cấm chợ.....	344	586. Nhất mục	358
563. Ngân hàng...	345	587. Nhất phao câu.....	359
564. Ngẩn tò te... anh lính kèn	347	588. Nhất thân... ngũ chế	360
565. Nghệ An cho tới tỉnh Thanh	347	589. Nhất thủ, nhì vĩ	360
566. Ngoài vùng phủ sóng....	347	590. Nhất trụ.....	360
567. Ngoại giao bóng bàn.....	348	591. Nhất y nhì được.....	361
568. Ngoắc cần câu	348	592. Nhiều nhanh tốt rẻ.....	361
569. Ngộ lái.....	349	593. Nhũn não	362
570. Ngồi nhầm mâm	349	594. No lưng ấm cật...	363
571. Ngu dốt cộng với nhiệt tình cách mạng	350	595. Nói tiếng Đan Mach.....	363
572. Ngu si hưởng thái bình..	350	596. Nồi đồng cối đá	364
573. Ngực tấn công, mông phòng thủ	351	597. Nông dân đã nói.....	364
574. Người đẹp Bình Dương.	351	598. Nợ công.....	365
575. Người đẹp làng Vũ Đại..	353	599. Nuôi bệnh.....	366
576. Người giàu... người nghèo	353	600. Nữ nhi ngoại tệ.....	367
577. Nhà giàu phải gai	354	601. Nước mắm đại dương ...	368
578. Nhà mày có khỉ...	354	602. Nước sôi.....	368
579. Nhà nước và nhân dân cùng làm	355	603. N.V.L.	368
		O	
		604. OK, Salem	371
		605. O mèo (gái - được coi là mèo) ..	372
		606. Oshin	372
		607. Ô kê con gà đen.....	372

608. Ô ten đờ la hiên	373	636. Quân tử phòng thân.....	387
609. Ông Ba mươi	373	637. Quân tử Tầu.....	388
610. Ông lục vạn.....	374	638. Quần đùi, áo số	388
P		639. Quê.....	389
611. Phá rào	375	640. Quốc lủi	390
612. Phao	376	641. Quy hoạch treo	390
613. Phật 15 phút	376	642. Quy ra thóc	391
614. Phân gì (vui)	376	R	
615. Phim cấp 3.....	377	643. Ra đường sơ nhất	
616. Phim nông nghiệp	378	công nông.....	393
617. Phim nước Nga.....	378	644. Rành sáu câu	394
618. Phó thường dân.....	379	645. Rau muống quấn chân .394	
619. Phong long.....	380	646. Rau tập tàng, rau láo nháo	
620. Phong nhĩ,	380	396
621. Phòng không Không quân		647. Rậm râu sâu mắt	397
.....	380	648. Rối loạn triều đình	398
622. Phòng Nhì.....	381	649. Rối não	399
623. Phố phi công	381	650. Rò tút	399
624. Phố sĩ quan.....	382	651. Rút dù	400
625. Phố “Tây ba lô”	382	652. Rút ruột công trình	400
626. Phở không người lái	383	653. Rửa	401
627. Phở to... (vui)	383	654. Rửa tai	401
628. Piston mạnh	383	655. Rượu ông uống.....	402
629. Quá cõi thọ mộc	384	S	
630. Quán cóc.....	384	656. Sách đỏ	405
631. Quảng Bình quê ta	385	657. Sai sửa, chữa đẻ	405
632. Quảng Nam hay cãi.....	386	658. Sáng tạo... tối phá.....	406
633. Quân khu	386	659. Sát ván	407
634. Quân sự máy lạnh	387	660. Sáu mươi năm cuộc đời	407
635. Quân tử nhất ngôn.....	387		

661. Sáu nghịch lý.....	408	687. Tám giờ vàng ngọc	427
662. Sáu tháng.....	409	688. Tạm ứng.....	427
663. Săn đầu người.....	409	689. Tan tành xí quách	428
664. Sập tiệm.....	410	690. Tân như bồ cát	428
665. Sâu bọ lén.....	410	691. Táo dai	429
666. Secan-hand	410	692. Tào Tháo đuổi	429
667. Sến... Mari Sến.....	411	693. Tay bo	429
668. Sếp luôn đúng	413	694. Tay không bắt giặc	430
669. Sinh Bắc từ Nam	413	695. Tay lái lụa.....	430
670. SKZ	414	696. Tắc kè, kỳ nhông	431
671. Són phân.....	415	697. Tấm tiên.....	432
672. Số má	415	698. Tăng xin, giảm mua, tích cực cầm nhầm	433
673. Sồn sồn như lông....	416	699. Tất bếp	433
674. Sông Hương nước chảy lững lờ.....	417	700. Tầu há mồm	434
675. Sóng chung với lũ.....	418	701. Tầu xúp lê một...	435
676. Sơ tán	419	702. Tây ba lô	436
677. Sở Khanh	420	703. Tây giả cầy	436
678. Sụm bà chè	420	704. Teo	436
679. Suzuki là sành điệu	421	705. Tế sống.....	437
680. Sương sương, chưa tối bến	421	706. Tết Công Gô.....	438
681. Sư phụ.....	421	707. Thả ga, thả cửa	438

T

682. Tà lợt	423	708. Thái Bình có ổi cầu Bo..	438
683. Tả pí lù	423	709. Than thổ phi.....	439
684. Tạch tạch sè.....	425	710. Thanh Hóa ca	440
685. Tai lá mít, đít lồng bàn..	425	711. Thanh tra	441
686. Tái nạm (tái gầu, tái chín...) - xoi tái luôn.	426	712. Thắng thắn, thật thà...	442
		713. Thần đèn.....	442
		714. Thầy cò	444
		715. Thầy sinh vật.....	445

716. Thi đua.....	445	743. TMK	459
717. Thị Hến	446	744. Tóc ánh kim, chim ánh thép	460
718. Thị Nở.....	447	745. Tôn Đản là chợ.....	460
719. Thoả mãn bần cố nồng.....	447	746. TPTC (vui).....	461
720. Thóc không thiếu một cân	448	747. Trả bài.....	461
721. Thông tấn xã vỉa hè.....	448	748. Trai “khôn” lấy vợ.....	461
722. Thông tin thiếu văn hóa...	449	749. Trái cấm.....	462
723. Thủ tục “đầu tiên”	449	750. Tráng sĩ một đi không trở lại	464
724. Thuốc.....	450	751. Trăm năm trong cõi.....	464
725. Thuốc lá ho lao.....	450	752. Trâu nhai đi.....	465
726. Tiên sư phạm, quỷ Bách khoa, ma Tổng hợp	452	753. Trèo me trèo sấu	466
727. Tiến sĩ một đêm	453	754. Trên bảo dưới không nghe	467
728. Tiền là tiên là Phật	453	755. Trên tùng cây số.....	467
729. Tiền vô như nước...	454	756. Trên mức tình cảm	468
730. Tiếng kêu khác... (vui)... 454		757. Triệt buộc	470
731. Tiêu dê.....	455	758. Trọc đầu.....	470
732. Tiêu tán đường.....	455	759. Trong vòng “một nốt nhạc”	471
733. Tiêu tung xí quách	455	760. Trông xa cứ tưởng là tiên	472
734. Tiểu thuyết 3 xu.....	456	761. Trống Bắc Lý.....	472
735. Tiểu Yêu	456	762. Tròi cho.....	473
736. Tin kho tiêu	456	763. Tròi múa bong bóng	473
737. Tin xe cán chó	456	764. Trùm (đội) bao bố.....	474
738. “Tính cách” 3 miền	457	765. Trứng ngỗng.....	474
739. Tình ca các cụ.....	458	766. Trường Phi.....	475
740. Tình xưa nghĩa cũ	458	767. Tu chùa Một cột	476
741. Tình yêu toán – lý – hóa	458	768. Tu trên núi Tà Lơn	476
742. Tịt ngòi.....	459		

769. Tuần... dập mật	476	791. Vệ trọc	490
770. Tuần lẽ vàng	477	792. Vitamin A, E và T	492
771. Tú khoái.....	477	793. Ví dầu tình b内幕 muối thôi	492
772. Từ Thủ đô... sang Lào ...	478	794. Vì tương lai	
773. Tự cứu trước khi trời cứu	479	con em chúng ta.....	494
774. Tự nhiên như ruồi Nhổn	479	795. Viêm cánh.....	494
775. Tường đè.....	479	796. Viêm màng túi.....	495

U

776. Uống mật gấu.....	481
777. Uống nước cǎ cặn	481

V

778. Vạc dầu (vui).....	483
779. Vai u thịt bắp mồ hôi dầu	483
780. Vái linh hồn	483
781. Vào ba, ra bảy	484
782. Vào cầu	484
783. Vào Cu Ba ra Vạn Kiếp ..	485
784. Vay nhu bắt được, trả nhu bị hoạn.....	486
785. Văn hóa phong bì.....	487
786. Văn hóa từ chức	488
787. Văn minh như thể nước Nga...	489
788. Vắt chanh bỏ vỏ.....	489
789. Về đuổi gà	490
790. Về vườn	490

791. Vệ trọc	490
792. Vitamin A, E và T	492
793. Ví dầu tình b内幕 muối thôi	492
794. Vì tương lai	
con em chúng ta.....	494
795. Viêm cánh.....	494
796. Viêm màng túi.....	495
797. Việt kiều hồi hộp	495
798. Việt Nam có tính cần cù	496

799. Vịt trời	496
800. Vòng vo Tam quốc	496
801. Vỏ quýt dày.....	497
802. Võ mồm	498
803. Vô lê	499
804. Vốn ODA.....	499
805. Vốn tự có.....	500
806. Vợ là com nguội của ta .	500
807. Vợ là ta, bồ là địch.....	501
808. Vợ lé	501
809. Vợ thằng Đậu.....	501
810. Vũ nàng đĩa lớn hay chưa	501
811. Vũ nhu cẩn	503
812. Vua cờ bạc	503
813. Vua của các vua.....	504
814. Vua guitar Sài Gòn trước 1975	505
815. Vua kẽm gai	506

816. Vui lòng khách đến, vừa lòng khách đi.....	506	836. XHCN	519
817. Vung xích chó, Vung tí mệt, Vung tàn tán	507	837. Xi nhan.....	520
818. Vừa đá bóng vừa thổi còi	507	838. Xì tin.....	520
819. Vừa hồng vừa chuyên ...	508	839. Xin đều.....	521
820. Vượt biên	509	840. Xỏ nhầm giày.....	522
X		841. Xóa... giảm (vui)	522
821. Xa nhau tình cảm đạt dào.....	511	842. Xóm liều.....	523
822. Xã bầu tâm sự.....	511	843. Xô xích le.....	524
823. Xanh cỏ đỏ ngực.....	511	844. Xù	524
824. Xanh xít - đít đui.....	512	845. Xuân Diệu Xuân Sanh...	524
825. Xào bần	512	846. Xuyên tâm liên	524
826. Xâm (xăm) mình	512	847. Xứ dừa	525
827. Xẩm sờ	514	848. Xưa	525
828. Xập xí xập ngầu	516	849. “Xưa rồi Diễm oi!”	526
829. Xăng xu, mậu lúi.....	516	850. Xực phàn.....	527
830. Xe cảng hải	516	Y	
831. Xe dân biểu.....	516	851. Yamaha	529
832. Xe dù	516	852. Yêu buồm bướm, yêu nhèn nhẹn(yêu tinh), từ Tây du ký?	529
833. Xe điếc.....	517	853. Yêu râu xanh.....	530
834. Xe lôi - xe kéo.....	518	Z	
835. Xe tăng 18 tấn	519	854. Zil Ba Cầu	530

MIỆNG THẾ GIAN

Nghiêm Minh

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng biên tập NGUYỄN MINH NHỰT

Biên tập và sửa bản in: PHẠM SỸ SÁU

Bìa: DUY NGUYÊN

Minh họa: Họa sĩ NHỚP

Trình bày: ĐỖ VĂN HẠNH

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

161B Lý Chính Thắng - Quận 3 - Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: 39316289 - 39316211 - 38465595 - 38465596 - 39350973

Fax: 84.8.8437450 - E-mail: hopthubandoc@nxbtre.com.vn

Website: <http://www.nxbtre.com.vn>

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Số 21, dãy A11, khu Đầm Trầu, p. Bạch Đằng,

q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT: (04)37734544 - Fax: (04)35123395

E-mail: chinhanh@nxbtre.com.vn

CÔNG TY TNHH SÁCH ĐIỆN TỬ TRẺ (YBOOK)

161B Lý Chính Thắng, P.7, Q.3, Tp. HCM

ĐT: 08 35261001 – Fax: 08 38437450

Email: info@ybook.vn

Website: www.ybook.vn



Tên thật là Trịnh Thắng, sinh năm 1949 ở ATK Việt Bắc

Làm đủ thứ nghề, từ xúc phân, in bản gỗ, đi dạy học, đến cắp cắp tát cho giám đốc, rồi huấn luyện bóng đá. Cuối cùng trụ lại ở Báo SGGP 28 năm cho tới khi về vườn. Nay làm việc ở Đại học Dân lập Văn Lang, Tp.HCM.

Sách đã xuất bản:

- Chủ biên: *Sài Gòn 100 quán ngon* - NXB Trẻ
- Chủ biên: *Thành phố Hồ Chí Minh tự giới thiệu*, NXB Thông Tin, 1992
- Chủ biên: *Niên giám Thành phố Hồ Chí Minh 2010*, NXB Tổng hợp Tp.HCM
- Chủ biên: *Du lịch miệt vườn sông nước Cửu Long*, Sở VHTT Cần Thơ, 2003
- *Tư điển báo chí thế giới*, NXB Tổng hợp Tp.HCM, 1996
- *Almanach bóng đá quốc tế*, NXB TDTT, 1990
- *300 năm Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, 1998
- *Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh: 300 năm - 300 câu hỏi*, NXB Tổng hợp Tp.HCM, 1998
- *Đảo chim nổi*, NXB Trẻ, 2015

